



NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
Tập 4

BỔ TÁT DI LẶC THUYẾT

**DU GIÀ
SỬ ĐỊA
LUẬN**

TẬP 4

(Từ quyển 61- 80)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRẠNG

Người dịch: Sa-môn THÍCH GIÁC PHỔ

Cư sĩ TRẦN PHÁ NHẠC

Hiệu đính: Sa-môn THÍCH LÊ QUANG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Quyển 61

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, như Phật Thế Tôn vì vua Xuất Ái mà thuyết kinh. Một thời vua Xuất Ái đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến chỗ tôi, bởi do lỗi lầm chân thật hiện tiền nên khuyên can tôi. Lúc bấy giờ, tâm tôi chẳng sanh sầu não, buồn bã, ăn năn. Vì cố sao? Vì ở nơi tự thân tôi đều chẳng thấy đây là lỗi lầm vậy.

Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến tôi, bởi do công đức không chân thật hiện tiền, mà lại khen ngợi khích lệ tôi. Lúc bấy giờ tâm tôi cũng chẳng sanh hoan hỷ vui mừng. Vì cố sao? Vì ở nơi tự thân tôi đều chẳng thấy đây là công đức vậy.

Các Sa-môn, Bà-la-môn kia đã trở về, tôi một mình ở nơi tịnh thất không nhàn, khởi tâm trầm

tư như vậy: “Làm sao tôi có thể hiểu biết các lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua? Làm sao tôi biết được các việc sai lầm phải xả bỏ và các công đức phải tu tập? Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào rõ biết các lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua, mà năng vì tôi rộng khai thị chăng?”. Đã suy nghĩ rồi liền khởi nghĩ đây: “Duy chỉ có Đức Thế Tôn thấy tất cả, biết tất cả, quyết định sẽ biết được lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua. Nay ta sẽ đi đến chỗ Phật Thế Tôn thỉnh hỏi quyết nghị nghĩa đây, duy nguyện Như Lai vì ta khai thị”.

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là lỗi lầm chân thật của vua? Sao gọi là công đức chân thật của vua?

Nghe lời tác thỉnh này rồi, bấy giờ Thế Tôn bảo vua Xuất Ái rằng: “Đại vương! Đại vương! Nay ông phải rõ biết lỗi lầm của vua, công đức của vua, môn suy tổn của vua, môn phương tiện của vua, pháp khả ái của vua và năng dẫn phát pháp khả ái của vua.

Sao gọi là **lỗi lầm của vua**? Đại vương nên biết lược có 10 chủng lỗi lầm của vua. Nếu vua rơi

vào lỗi lầm như thế, dù có đại ngân khố, có đại quan phò tá, có đại quân chủng, nhưng chẳng được quy ngưỡng. Những gì là mười? 1. Chủng tánh không tôn quý; 2. Không được tự tại; 3. Chất chứa tánh bạo ác; 4. Nổi giận mạnh mẽ; 5. Ban ân huệ kém ít; 6. Nghe lời tà nịnh; 7. Làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc; 8. Không đoái nghĩ thiện pháp; 9. Không biết phân biệt, quên thi ân; 10. Hành chuyển theo một hướng phóng dật.

Sao gọi là *chủng tánh vua không tôn quý*? Như có quốc vương hoặc tùy sanh trong nhà hạ tiện, chẳng phải sanh nơi tôn quý; hoặc tuy sanh ở vương gia mà là con của người nữ hạ cấp, không phải là con nối dòng; hoặc con của đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... Như vậy gọi là vua thuộc dòng họ không tôn quý.

Sao gọi là *vua không được tự tại*? Như có quốc vương bị các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần điều khiển, bức chế. Không tự do làm những việc muốn làm, cũng không được tùy sở thích mà ban thưởng cho quần thần. Đối với năm diệu dục cũng chẳng như ý vui chơi. Như vậy gọi là vua không được tự tại.

Sao gọi là *vua chất chứa tánh bạo ác*? Như có quốc vương chỉ cần các bậc quần thần và người khác hiện hành một việc nhỏ không như ý, liền đối diện đui bỏ, phát sanh giận dữ, phát lời thô ác, gào thét sân khuể; nhảy dựng lên. Giả sử không đối mặt mà xoay lưng hướng khác, cũng hành động chê bai sỉ nhục như trước. Giả sử không đối mặt, cũng không xoay lưng hướng khác, mà truất bỏ mắng chửi... hành động như trước đã nói. Trong ý tích chứa sân khuể, ôm tâm bực bội não hại, ôm tâm oán hận, nhưng không trường thời giữ tâm sân khuể tương tục chẳng xả. Hoặc trong ý tích chứa sân khuể, ôm tâm bực bội não hại, ôm tâm oán hận, cũng trường thời ôm lòng tương tục chẳng xả. Do tướng đối diện bạo ác, xoay lưng bạo ác, phiền giận bạo ác, bạo ác thời gian ngắn, bạo ác dài lâu, cho nên gọi là *vua chất chứa tánh bạo ác*. Đại vương nên biết, bạo ác dài lâu thì thành đại tội, còn lại thì chẳng phải.

Sao gọi là *vua nổi giận mạnh mẽ*? Như có quốc vương đối với các quần thần... phạm ít tội lỗi sai sót, phạm ít lỗi trái vượt tức liền tức bỏ chức tước, lương bổng, tịch thu thê thiếp, hay dùng hình

phạt nặng. Như vậy gọi là vua nổi giận mạnh mẽ.

Sao gọi là *vua ban ân huệ kém ít*? Như có quốc vương đối với các quần thần... phụng châu, hầu hạ, bảo vệ, tuy lòng thật sự khen ngợi mà chỉ ban ít lời khích lệ sơ sài, ban ân huệ chức tước đáp đền thành tích chỉ bình thường, không sung mãn, không xứng thuận với phép tắc thường. Hoặc tuyên dương rồi, hoặc tra cứu rồi, hoặc ghi chép rồi, nhưng mãi về sau mới ban thưởng. Như vậy gọi là vua ban ân huệ kém ít.

Sao gọi là *vua nghe lời tà nịnh*? Như có quốc vương sử dụng các quần thần... không thông hiểu sâu xa, hoặc nếu có thông hiểu sâu xa thì ngạo mạn, tham lam, kết bè đảng gây hỗn loạn, không làm những việc chánh thiện, ôm lòng mưu tính phát động phản loạn, không pháp lệnh nào có thể ngăn cấm. Nhà vua tin dùng nghe theo lời can gián, bàn luận của bọn người như vậy, do nhân duyên đây từ tài bảo cho đến việc nước, quân cơ đều bị suy tổn. Như vậy gọi là vua nghe lời tà nịnh.

Sao gọi là *vua làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc*? Như có quốc vương không thể nghiên cứu quán sát, không thể nghiên cứu

quán sát sâu xa; không thể tư trạch, không thể tư trạch sâu xa. Đối với những việc cơ mật, bọn quần thần chẳng thể gánh vác mà lại ủy nhiệm, người có thể gánh vác mà chẳng ủy nhiệm; người đáng giao việc quân cơ mà chẳng giao, người không đáng giao lại giao; người đáng ban thưởng lại dùng hình phạt, người đáng dùng hình phạt mà lại ban thưởng. Lại không khéo ra giáo lệnh sắp xếp quần thần thuận theo lễ nghi phép tắc trước vua. Do đây khi vua thiết triều hội họp quần thần, luận nói chưa xong mà bọn chúng phát lời cắt ngang, không kính nể, không kiêng sợ, lại hưng thịnh đấu tranh ly gián, không phụng hành như điều chỉ giáo, không chánh an trụ giáo lệnh vua ban. Như vậy gọi là vua làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là *vua không đoái nghĩ thiện pháp*? Như có quốc vương không tin có đời khác, cũng chẳng thông hiểu việc đây. Do không tin, không thông hiểu đời khác, nên đối với nghiệp thiện, bất thiện, quả ái, phi ái ở đời vị lai cũng chẳng thể tin hiểu. Do không tin hiểu nên không biết tầm quý, ba nghiệp thân khẩu ý mặc tình theo đuổi ác hạnh,

không thể thời thời bố thí, thọ học trai giới, tu phước tuệ. Như vậy gọi là vua không đoái nghĩ thiện pháp.

Sao gọi là *vua không biết phân biệt, quên thi ân*? Như có quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... mà tâm diên đảo không khéo phân biệt rõ biết đâu là trung tín, tài năng, trí huệ. Do không biết nên đối với người sở hành không trung tín mà tưởng trung tín, đối với người trung tín tưởng chẳng phải trung tín; đối với người không có tài năng mà khởi tưởng cho là tài năng, người có tài năng tưởng không tài năng; đối với người ác huệ mà khởi tưởng cho là thiện huệ, người thiện huệ khởi tưởng cho là ác huệ. Do vua kia tâm diên đảo như vậy nên kính trọng ái dưỡng các quần thần ác huệ, không trung tín, không có tài năng; sanh lòng khinh tiện quay mặt với các quần thần trung tín, tài năng, thiện huệ. Lại đối với các bậc quần thần kỳ lão đã suy yếu, đê mê đã từng phụng hầu bên vua, vua biết những vị kia không còn thể, không còn sức, không đủ mạnh, nên quay lưng không kính quý, cũng chẳng thi ân đền đáp. Giả sử các vị ấy bị xúc phạm khinh miệt, vua liền

bỏ qua chẳng thăm hỏi. Như vậy gọi là vua không biết phân biệt, làm việc vong ân.

Sao gọi là *vua hành chuyển theo một hướng phóng dật*? Như có quốc vương đối với năm diệu dục chỉ một hướng say mê chìm đắm du hí, thọ hành ái lạc, không thể thời thời phương tiện khuyến khích các quần thần làm việc lợi ích. Như vậy gọi là vua hành chuyển theo một hướng phóng dật.

Nếu có quốc vương hội tụ đầy đủ 10 chủng lỗi lầm như vậy, tuy có đại ngân khố, có đại quan phò tá, có đại quân chủng, mà chẳng được quy ngưỡng. Đại vương nên biết, 10 chủng lỗi lầm đây, 1 chủng ban đầu là lỗi lầm chủng tánh của vua, 9 chủng còn lại là lỗi lầm tự tánh của vua.

Sao gọi là **công đức của vua**? Đại vương nên biết, công đức của vua lược có 10 chủng. Nếu vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có đại ngân khố, không có đại quan phò tá, không có đại quân chủng, mà được quy ngưỡng. Những gì là mười? 1. Chủng họ tôn quý; 2. Được đại tự tại; 3. Tánh không bạo ác; 4. Phát sanh giận dữ nhẹ; 5. Ban ân huệ đúng mực; 6. Nghe lời chánh trực; 7. Làm việc

tư duy cân nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc; 8. Nhớ nghĩ thiện pháp; 9. Khéo biết phân biệt, biết thi ân; 10. Không mặc tình phóng túng, không hành phóng dật.

Sao gọi là *vua thuộc chủng họ tôn quý*? Như có quốc vương sanh ở vương gia, đời trước tôn quý, là con nối dòng. Như vậy gọi là vua thuộc dòng họ tôn quý.

Sao gọi là *vua được tự tại*? Như có quốc vương tự do làm những việc chánh đáng, khuyến phát quần thần. Đối với năm diệu dục được tự tại vui chơi. Đối với các quan, đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần phàm có giáo lệnh thì tuyên bố không e sợ. Như vậy gọi là vua được đại tự tại.

Sao gọi là *vua tánh không bạo ác*? Như có quốc vương đối với các quần thần... làm những việc chẳng như ý tăng thượng, thì tánh năng khoan dung nhẫn nại, không hiện tướng đui bỏ, không phát lời thô ác, cho đến cũng không phát khởi dùng dùng nổi giận, cũng không xoay lưng mà hành động như trước đã thuyết. Trong ý cũng chẳng chất chứa giận dữ yểm tàng, cũng không đem dài tâm oán hận tương tục chẳng xả. Không hiện tướng

bạo ác, không xoay lưng bạo ác, không ẩn chứa bạo ác, không bạo ác lâu dài. Như vậy gọi là vua tánh chẳng bạo ác.

Sao gọi là *vua phát sanh giận dữ nhẹ*? Như có quốc vương biết được các quần thần có tội lỗi lớn, có trái vượt lớn, mà không ra lệnh tức đoạt bổng lộc, tịch thu thê thiếp, cũng không dùng xử phạt nặng. Nếu tội quá nặng mới dùng hình phạt phế truất. Như vậy gọi là vua phát sanh giận dữ nhẹ.

Sao gọi là *vua ban ân huệ đúng mực*? Như có quốc vương đối với đại thần... chánh trực, hiện tiền phụng hầu phò vua với tâm thanh tịnh, tâm điều thuận, thì đều dùng lời nói khích lệ, mềm mỏng hoan hỷ, chánh trực đầy đủ, tùy theo công trạng lớn nhỏ mà tán thán ban thưởng đầy đủ bổng lộc chức tước, chẳng trì hoãn khiến họ mệt mỏi oán trách. Tánh vua dễ phụng sự hầu hạ, không khó thừa sự. Như vậy gọi là vua ban ân huệ đúng mực.

Sao gọi là *vua nghe lời chánh trực*? Như có quốc vương nghe thọ tin dùng, cho đến cùng bàn luận việc cơ mật đối với các quần thần có hiểu biết chân chánh sâu xa, tuy thông huệ mà không kiêu mạn, không phe đảng, không thiên hướng hưởng

nhân, không trái phẫn, vui làm thiện pháp, có tâm chất trực. Do nhân duyên đây, ngân khố, việc nước, quân cơ, danh xưng thiện pháp thấy đều tăng trưởng. Như vậy gọi là vua nghe lời chánh trực.

Sao gọi là *vua làm việc tư duy cân nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc*? Như có quốc vương tánh năng nghiên cứu quán sát, năng nghiên cứu quán sát sâu xa; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu xa. Đối với công việc cơ mật, các quần thần không thể gánh vác thì không ủy nhiệm, người năng gánh vác thì ủy nhiệm; người không thể gánh vác công việc thì chẳng bắt buộc giao phó, người năng kham nhiệm thì giao phó; người đáng ban thưởng thì ban thưởng đúng lúc, người đáng dùng hình phạt thì dùng hình phạt đúng lúc. Phàm có làm việc gì thì tư duy chọn lựa cân nhắc rồi mới làm, không nóng vội. Lại năng khéo an đặt quần thần đúng theo lễ nghi phép tắc trước vua. Do đây, quần thần tuy có tụ tập yến hội cũng trợn không dám phát lời chia rẽ, luận bàn việc khác; cần thiết mới phát lời, hành động cung kính tôn trọng mà khuyên can; khéo phụng hành, chân chánh an trụ giáo lệnh vua ban. Như vậy gọi là vua làm việc tư duy cân

nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là *vua nhớ nghĩ thiện pháp*? Như có quốc vương do tin hiểu có đời khác nên năng khéo tin hiểu nghiệp tịnh, bất tịnh cùng quả ái, phi ái ở đời đương lai. Do khéo tin hiểu nên đầy đủ tâm quý, thân ngữ ý không mặc tình hành theo ba chủng ác hạnh, thời thời tư trạch tu phước, bố thí, thọ trai, học giới. Như vậy gọi là vua nhớ nghĩ thiện pháp.

Sao gọi là *vua khéo biết phân biệt, khéo biết thi ân*? Như có quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... tâm không điên đảo, năng khéo rõ biết đâu là người trung tín, tài năng, trí huệ; như thật biết khắp quần thần hoặc có hoặc không trung tín, tài năng, trí huệ. Đối với người không có tài năng, thì không khinh mà xa lánh. Đối với người có tài năng thì kính quý, chân chánh nhiếp thọ. Đối với các đại thần kỳ lão suy yếu, đem dài đã từng phụng hầu bên vua, vua tuy biết các vị ấy không còn thế, không còn lực, không đủ mạnh, nhưng nhớ ân xưa nên kính quý, không thay lòng khinh tiện, ban thưởng chức tước bổng lộc tùy theo công trạng lớn nhỏ. Như vậy gọi là vua

khéo biết phân biệt, biết thi ân.

Sao gọi là *vua không mặc tình phóng túng, chẳng hành phóng dật*? Như có quốc vương đối với năm diệu dục không chuyển theo thọ dụng, không say mê chìm đắm du hý, thọ hành ái lạc. Mọi lúc đều dùng phương tiện khuyến phát quần thân. Như vậy gọi là vua không mặc tình phóng túng hành theo phóng dật.

Nếu vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có đại ngân khố, không có đại quan phò tá, không có đại quân chủng mà được quy ngưỡng. Đại vương nên biết, 10 chủng công đức của vua như vậy, 1 chủng đầu gọi là công đức chủng tánh, 9 chủng còn lại gọi là công đức tự tánh.

Sao gọi là **môn suy tổn của vua**? Đại vương nên biết lược có 5 chủng môn suy tổn của vua: 1. Không khéo quán sát thấu nhiếp quần thân; 2. Tuy khéo quán sát thấu nhiếp quần thân mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời; 3. Chuyên hành phóng dật không nghĩ đến việc nước; 4. Chuyên hành phóng dật không thủ hộ ngân khố; 5. Chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh. Năm chủng

như vậy đều gọi là môn suy tổn của vua.

Sao gọi là *vua không khéo quán sát thâm nhiếp quần thần*? Như có quốc vương đối với quần thần... không thể nghiên cứu quán sát, không thể nghiên cứu quán sát sâu; không thể tư trạch, không thể tư trạch sâu loại người đó là trung tín, tài năng hay trí huệ... mà lại thâm nhiếp làm người hầu cận, thêm sủng ái ban chức tước bổng lộc hậu hỷ; đối với việc tối cơ mật mà ủy nhiệm trông coi, dùng lời nhu nhuyễn khích lệ. Loại quần thần đây khi được giao nhiều tài bảo, tức liền lãng phí khiến bị hao tổn. Nếu gặp oán địch, giặc ác, quân trận, kẻ kia trước tán loạn khiếp sợ thối lui, chỉ chờ dịp tẩu thoát, không ngần ngại né tránh, giả dối tạo phản, khiến vua thất trận, kẻ địch giành phần thắng. Như vậy gọi là vua không khéo quán sát thâm nhiếp quần thần.

Sao gọi là *vua tuy khéo quán sát thâm nhiếp quần thần mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời*? Như có quốc vương tuy đối với quần thần... tánh năng quán sát, năng quán sát sâu; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu loại người đó là trung tín, tài năng hay trí huệ, sau mới thâm nhiếp làm

người hầu cận. Nhưng vua không biết sủng ái, không biết trọng thưởng bổng lộc. Đối với việc cơ mật cũng không ủy nhiệm, không dùng lời nhu nhuyễn hiện tướng khích lệ. Khi vua gặp nạn oán địch, bạo ác, quân trận, cho đến việc kinh hãi khó bảo toàn mạng sống, bấy giờ vua mới hành sủng ái... nói rộng cho đến dùng lời nhu nhuyễn khích lệ đối với quần thần. Lúc ấy quần thần cùng các tướng bảo rằng: “Hiện nay do nhân duyên vua bị nguy bách nên mới tạm hành diệu hạnh đối với chúng ta, chẳng phải tâm lâu dài”. Biết việc đây rồi, tuy quần thần kia thuộc loại trung tín, tài năng, trí huệ mà không ra mặt. Như vậy gọi là vua tuy khéo quán sát để nhiếp quần thần mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật, không nghĩ đến việc nước?* Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn... mà lại không một mình ở chốn vắng lặng hay cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện hòa hảo phù hợp. Như vậy đối với việc nước không nên bang giao để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên huệ thí để thành tựu

nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên thiết lập quân trận để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên tập trung sức mạnh của các nước láng giềng để thành tựu nghĩa lợi lớn... mà lại không một mình ở chốn vắng lặng hoặc cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện bang giao, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước bạn. Đây gọi là vua chuyên hành phóng dật, không nghĩ đến việc lớn.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật, không thủ hộ ngân khố*? Như có quốc vương ít cai quản sự nghiệp, hoặc cai quản sự nghiệp vụng về, không quan sát sự nghiệp, không thấu nhiếp sự nghiệp, không canh giữ cửa vua, không canh giữ cửa cung, không giữ gìn ngân khố. Đối với trò vui chơi giải trí, hát xướng, diễn tuồng, kỹ nhạc, cờ bạc... hoặc vượt quá bình thường, hoặc chìm đắm say mê không biết lượng khiến tài bảo bị hao tổn. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật, không thủ hộ ngân khố.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh*? Như có quốc vương rõ biết chỉ có các bậc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sở hữu tánh nhu hòa,

thuần chất, thông tuệ, biện tài, thông tường lý giải thoát, lạc vô hại, pháp vô hại. Nhưng vua không thường đến lễ kính thỉnh hỏi việc làm này là thiện hay là bất thiện, việc làm kia gì là có tội, gì là không tội, làm những nghiệp gì năng dẫn đến an vui tốt lành, xa lìa các ác. Giả sử vua được nghe rồi cũng không nỗ lực như điều đã nghe mà tu hành, không thể thời thời huệ thí, thọ trai, học giới, tu phước. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh.

Nếu có quốc vương rơi vào 5 môn suy tổn như vậy, đại vương nên biết vua đây thối mất nghĩa lợi hiện pháp, hậu pháp. Bốn môn trước khiến mất lợi ở hiện pháp, môn sau cùng khiến mất lợi ở hậu pháp.

Sao gọi là **môn phương tiện của vua**? Đại vương nên biết lược có 5 chủng môn phương tiện của vua. Những gì là năm? 1. Khéo quán sát nhiếp thọ quần thần; 2. Khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời; 3. Chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật; 4. Khéo thủ hộ ngân khố không phóng dật; 5. Chuyên tu pháp hạnh không phóng dật.

Sao gọi là *vua năng khéo quán sát nhiếp thọ quần thần*? Như có quốc vương đối với quần thần... tánh năng nghiên cứu quán sát, năng nghiên cứu quán sát sâu; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu loại người đây là trung tín, tài năng, trí huệ, sau mới nhiếp làm người hầu cận. Như vậy gọi là vua năng khéo quán sát nhiếp thọ quần thần.

Sao gọi là *vua khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời*? Như có quốc vương đối với các quần thần... đã khéo quán sát rồi thâu nhiếp làm người hầu cận, lại thêm sủng ái, tùy theo công trạng lớn nhỏ mà ban thưởng chức tước bổng lộc, ủy nhiệm công việc tối cơ mật, luôn dùng lời nhu nhuyễn hiện tướng khích lệ. Khi vua gặp nạn oán địch, bạo ác, quân trận, gặp việc gây kinh sợ khó bảo toàn mạng sống, quần thần liền tận kiệt tài năng và trí huệ mà biểu hiện lòng trung tín. Như vậy gọi là vua năng khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời.

Sao gọi là *vua chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật*? Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn... thường một mình ở chốn vắng lặng, hay cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường

phương tiện hòa hảo phù hợp. Như vậy đối với việc nước không nên bang giao để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên huệ thí để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên thiết lập quân trận để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên tập trung sức mạnh của các nước láng giềng để thành tựu nghĩa lợi lớn... thường một mình ở chốn vắng lặng, cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện bang giao, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước bạn. Như vậy gọi là vua chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật.

Sao gọi là *vua khéo thủ hộ ngân khố không phóng dật*? Như có quốc vương rộng cai quản sự nghiệp, cai quản sự nghiệp nhay bén, khéo thâm nhiếp sự nghiệp, khéo quán xuyên sự nghiệp, khéo canh giữ cửa vua, khéo canh giữ cửa cung, khéo giữ gìn ngân khố. Lại đối với cờ bạc, kỹ nhạc, diễn tuồng, những trò vui chơi giải trí, không dùng quá lượng khiến hao tổn lãng phí tài bảo, cũng không quá chìm đắm vui thích... Như vậy gọi là vua khéo giữ gìn ngân khố không phóng dật.

Sao gọi là *vua chuyên tu pháp hạnh không*

phóng dật? Như có quốc vương rõ biết chỉ có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn sở hữu tánh nhu hòa, thuần chất, thông huệ, biện tài, thông tường lý giải thoát, lạc vô hại, pháp vô hại. Vua năng đến lễ kính thỉnh hỏi việc làm này là thiện hay là bất thiện, việc làm kia gì là có tội, gì là không tội, thường làm những nghiệp gì dẫn đến an vui tốt lành, xa lìa các ác. Được nghe dạy rồi, vua khéo tác ý tinh cần như lời dạy mà tu hành, mọi thời đều năng tu phước, huệ thí, thọ trai, học giới. Như vậy gọi là vua chuyên tu pháp hạnh không phóng dật.

Nếu có quốc vương thành tựu 5 môn phương tiện như vậy, nên biết vua đây không mất nghĩa lợi hiện pháp, hậu pháp. Bốn môn trước khiến không mất nghĩa lợi hiện pháp, môn sau cùng khiến không mất nghĩa lợi hậu pháp.

Sao gọi là **pháp khả ái của vua**? Đại vương nên biết, lược có 5 pháp khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý của vua. Những gì là năm? 1. Được người đời kính quý; 2. Tự tại tăng thượng; 3. Năng hàng phục oán địch; 4. Khéo nhiếp dưỡng thân; 5. Năng đến các đường thiện. Năm chủng như vậy là pháp

khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý của vua.

Sao gọi là **năng dẫn phát pháp khả ái của vua**? Đại vương nên biết, lược có 5 chủng năng dẫn phát pháp khả ái của vua. Những gì là năm? 1. Ân dưỡng thế gian; 2. Đầy đủ anh dũng; 3. Khéo dùng quyền phương tiện; 4. Chân chánh thọ dụng cảnh giới; 5. Siêng tu tập pháp hạnh.

Sao gọi là *vua ân dưỡng thế gian*? Như có quốc vương bản tánh tri túc, cẩn trọng đối với tài bảo không khinh suất, không tà tham trước, đúng lý mà tích tập tài bảo, không mưu tính rộng cầu. Lại có quốc vương tánh không tham lam keo lẩn, thành tựu pháp bạch thanh tịnh không tham, đem tài sản kho báu của mình, tùy lược, tùy khả năng cấp thí cho tất cả người bần cùng, cô quả, lỡ đường. Lại có quốc vương nhu hòa nhẫn nhục, dùng lời nói nhu nhuyễn, ban chiếu lệnh dạy dẫn dân trong nước, tùy công trạng lớn nhỏ mà ban thưởng chức tước bổng lộc. Trọn không sai khiến quần thần gây tạo nghiệp ác, nghiệp nặng. Nếu quần thần phạm tội, có thể tha thứ tức liền rộng lượng tha thứ. Nếu phạm tội nặng thật chẳng thể tha thứ,

thì đúng lượng đúng lúc như lý trị phạt. Như vậy gọi là vua dùng chánh pháp giáo hóa ân dưỡng thế gian. Do vua thọ hành pháp ân dưỡng thế gian như vậy, nên cảm được sự quý kính của thế gian.

Sao gọi là *vua đầy đủ anh dũng*? Như có quốc vương võ lược viên mãn, kế sách không chậm chạp, kẻ chưa hàng phục thì hàng phục, kẻ đã hàng phục thì nhiếp hộ, rộng cai quản sự nghiệp cho đến chẳng đăm mê cờ bạc như trước đã nói. Lại khéo quán sát những việc nên làm, không nên làm. Người đáng dùng hình phạt thì trị phạt, người nên nhiếp dưỡng thì nhiếp dưỡng. Như vậy gọi là vua đầy đủ anh dũng. Do vua thọ hành đầy đủ pháp anh dũng như vậy, nên cảm được tự tại tăng thượng.

Sao gọi là *vua khéo dùng quyền phương tiện*? Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn, thì năng chánh rõ biết phương tiện hòa hảo, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước một cách thích hợp. Như vậy gọi là vua khéo dùng quyền phương tiện. Do vua thọ hành pháp khéo dùng quyền phương tiện như vậy, nên năng hàng phục các oán địch.

Sao gọi là *vua chân chánh thọ dụng cảnh giới*?

Như có quốc vương khéo năng thọ dụng tăng giảm ngân khố đúng lượng, sử dụng cân bằng, không phung phí, không keo lẩn; thọ dụng tịnh sạch chân chánh, thọ dụng các thứ tạp vật khác, thọ dụng thặng diệu, thọ dụng đúng thời hợp lẽ, thọ dụng cùng các quần thần, quyến thuộc; ở nơi tốt đẹp mà thọ dụng, tấu các kỹ nhạc mà thọ dụng, không mắc sai lầm mà thọ dụng. Không có sai lầm tức là lúc bệnh quá nhiều cần ăn thức ăn thích hợp, không ăn thức ăn không hợp. Khi đã hồi phục, đủ sức tiêu hóa mới ăn. Hoặc ăn chưa tiêu, hoặc ăn vì lợi dưỡng đều chẳng nên ăn. Nên cùng ăn với người đang có mặt lúc ấy, không được riêng ăn thượng vị tịnh diệu, dối đूर्đi người đi chỗ khác. Như vậy gọi là vua chân chánh thọ dụng cảnh giới. Do vua thọ hành pháp chân chánh thọ dụng cảnh giới như vậy, nên năng khéo léo nhiếp dưỡng tự thân.

Sao gọi là *vua siêng tu tập pháp hạnh*? Như có quốc vương đầy đủ tịnh tín, tịnh giới, tịnh văn, tịnh xả, tịnh huệ.

Vua đầy đủ tịnh tín: như tin hiểu có đời khác, tin hiểu nghiệp tịnh, bất tịnh và quả ái, phi ái dị thực ở đương lai. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh tín.

Vua đầy đủ tịnh giới: như xa lìa sát sanh, chẳng cho mà lấy, tà hạnh dâm dục, vọng ngữ, uống rượu... những việc phóng dật. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh giới.

Vua đầy đủ tịnh văn: như đối với nghĩa hiện pháp, đối với nghĩa hậu pháp, đối với nghĩa hiện pháp hậu pháp và nhiều pháp môn vi diệu, khéo lắng nghe, khéo thọ học, tập tụng thông lợi, ý chuyên nghiên cứu, khéo thấy khéo thông đạt. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh văn.

Vua đầy đủ tịnh xả: như tuy ở nơi có nhiều người keo kiệt, cấu uế trói buộc, mà tâm thường thanh tịnh xa lìa cấu keo tham; ở tư gia thường hành hạnh xả ly, duỗi tay vui thí rộng khắp; lập đàn trai giới, phước, huệ xả viên mãn, thường vui bố thí bình đẳng. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh xả.

Vua đầy đủ tịnh huệ: như thật rõ biết pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội, nên tu tập, không nên tu tập, hắc, bạch, thắng diệu, thấp hèn. Phân biệt rộng pháp duyên sanh, cũng như thật biết nếu mặc tình thất niệm, mặc tình phóng dật sẽ sanh các ác tham dục, sân khuể, phẫn hận, phú não, khan, tật, huyễn, cuồng, siểm, khúc, không

tâm, không quý, ác dục, ác kiến. Giả sử các ác kia phát khởi, tâm liền nhận biết, không giữ kiên cố. Đây gọi là vua đầy đủ tịnh huệ.

Như vậy gọi là vua siêng tu pháp hạnh. Do vua thọ hành pháp hạnh đây nên năng đến các nẻo thiện.

Năm chủng như vậy năng dẫn phát pháp khả ái của vua, năng dẫn phát lợi ích cho vua ở hiện pháp và ở hậu pháp. Bốn chủng đầu năng dẫn lợi ích cho vua ở hiện pháp, một chủng sau năng dẫn lợi ích cho vua ở hậu pháp.

Đại vương nên biết, Ta đã lược nói lỗi lầm của vua, công đức của vua, môn suy tổn của vua, môn phương tiện của vua, pháp khả ái của vua và năng dẫn phát pháp khả ái của vua, đại vương cần phải tu học. Đối với lỗi lầm của vua, cần phải xa lìa. Đối với công đức của vua, phải nên tu tập. Đối với môn suy tổn của vua, phải nên xa lìa. Đối với môn phương tiện của vua, phải nên tu học. Đối với pháp khả ái của vua, phải nên nghĩ tưởng vui thích. Đối với năng dẫn phát pháp khả ái của vua, phải nên thọ hành. Đại vương! Nếu năng tu học như vậy sẽ thành tựu tất cả lợi ích an lạc.

Lại nữa, nay thuyết **sanh khổ** cho đến lược thuyết **năm thủ uẩn khổ**.

Sao gọi là *sanh khổ*? Nên biết khổ đây do 5 chủng tướng: 1. Do các thứ khổ tùy đuổi theo; 2. Do thô trọng tùy đuổi theo; 3. Do các thứ khổ nương gá; 4. Do phiền não nương gá; 5. Do pháp ly biệt, không thuận theo ý muốn.

Do các thứ khổ đuổi theo nên khổ: hoặc sanh ở địa ngục và trong đường ngạ quỷ một hướng khổ; hoặc lúc sanh ra từ thai sanh, noãn sanh bị sự đuổi theo của chủng chủng ưu khổ, cho nên gọi là các thứ khổ đuổi theo nên khổ.

Do thô trọng đuổi theo nên khổ: các hành của ba cõi bị sự đuổi theo của phiền não phẩm thô trọng, tánh không điều nhu, không tự tại chuyển, do đây sanh khởi các hành hữu tình triển chuyển trong ba cõi. Cho nên gọi là do thô trọng đuổi theo nên khổ.

Do các khổ nương gá nên khổ: vì sự nương gá của các thứ khổ sai biệt như suy lão... cho nên gọi là do các khổ nương gá nên khổ.

Do phiền não nương gá nên khổ: lúc đã thọ sanh, ở nơi cảnh ái phát khởi ái, nơi cảnh sân

phát khởi sân, nơi cảnh si phát khởi si. Do nhân duyên đây, không an trụ tịch tĩnh, thân tâm hôn muội, chẳng được an ổn. Cho nên gọi là do phiền não nương gá nên khổ.

Do pháp ly biệt không thuận theo ý muốn nên khổ: các hữu tình sanh ra rồi sẽ chết, có sanh ắt có tử. Sở hữu thọ mạng, tử là bờ mé, tử là cuối cùng. Hết thấy việc như vậy là điều chẳng đáng ưa thích. Do nhân duyên đây chỉ thọ các thứ khổ, nên lấy pháp ly biệt không thuận theo ý muốn thuyết sanh là khổ.

Sao gọi là *lão khổ*? Nên biết cũng có 5 tướng, tức là năm xứ bị suy thoái nên khổ: 1. Sắc đẹp, sức khỏe bị suy thoái; 2. Khí lực bị suy thoái; 3. Các căn bị suy thoái; 4. Cảnh giới thọ dụng bị suy thoái; 5. Thọ mạng bị suy thoái.

Sao gọi là *bệnh khổ*? Bệnh khổ cũng do 5 tướng: 1. Thân tướng biến hoại; 2. Trụ nhiều ưu khổ, tăng thêm ưu khổ; 3. Đối với cảnh vừa ý, không được vui thọ dụng; 4. Đối với cảnh không vừa ý, chẳng phải việc ưa thích mà lại thọ dụng mạnh mẽ; 5. Năng khiến mạng căn chóng hoại.

Sao gọi là *tử khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1.

Vì tài bảo hưng thịnh thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 2. Vì bạn bè thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 3. Vì quyến thuộc thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 4. Vì thân mình thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 5. Vì lúc mạng chung phải thọ chủng chủng ưu khổ rất nặng.

Sao gọi là *ghét mà gặp nhau khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì cùng kia gặp nhau sanh ưu khổ; 2. Vì sợ bị trị phạt; 3. Vì sợ tiếng ác; 4. Vì sợ hãi mạng chung nên khổ; 5. Vì trái vượt chánh pháp khiếp sợ đường ác.

Sao gọi là *thương nhau xa lìa khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì kia không gặp nhau nên sanh sầu não; 2. Vì nhân duyên đây sanh oán thán; 3. Vì nhân duyên đây thân ưu não; 4. Vì nghĩ đến hình dáng của kia, nhớ nghĩ ưa thích là nhân duyên khiến ý nhiệt não; 5. Vì sự thọ dụng bị thiếu thốn.

Như ái biệt ly khổ, thì *cầu không được khổ* nên biết cũng vậy.

Sao gọi là *năm thủ uẩn khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì khí sanh khổ; 2. Vì khí nương sanh khổ; 3. Vì khí khổ khổ; 4. Vì khí hoại khổ; 5. Vì tánh hành khổ.

Lại nữa, nương hành sai biệt mà kiến lập ba loại người bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Không hành tự lợi, không hành lợi tha, gọi là bậc hạ. Hành tự lợi, không hành lợi tha; hành lợi tha, không hành tự lợi, gọi là bậc trung. Hành tự lợi cũng hành lợi tha, gọi là bậc thượng.

Lại có bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Có hành ác, chẳng phải vui ác; 2. Có vui ác, chẳng phải hành ác; 3. Có hành ác, cũng lại vui ác; 4. Chẳng hành ác, cũng chẳng vui ác.

Hoặc có người tin hiểu làm ác năng cảm quả báo phi ái ở đương lai, nhưng do thất niệm, hoặc do phóng dật, hoặc do gần bạn ác, nên tạo tác ác hạnh. Đây gọi là hành ác, chẳng phải vui ác, thuộc bậc hạ.

Hoặc có người đời trước đã thường xuyên tập quen làm ác, cảm thấy vui thích đối với việc ác, bị vui muốn ác dẫn dắt. Do kia được gần gũi thiện tri thức, nghe chánh pháp, như lý tác ý làm chỗ nương, biết các ác hạnh năng cảm quả báo phi ái ở đương lai, nên tự khuyến phát tinh cần xa lìa các ác. Đây gọi là vui ác, chẳng phải hành ác. Hoặc có người tánh vui với việc ác, không tự xa lìa, gọi là hành ác

cũng lại vui ác. Đây thuộc bậc trung.

Hoặc có người tánh không vui với việc ác, cũng nãng xa lìa, gọi là chẳng hành ác cũng chẳng vui ác. Đây thuộc bậc thượng.

Lại có ba loại người: 1. Trọng ái dục gọi là bậc hạ; 2. Trọng công việc gọi là bậc trung; 3. Trọng chánh pháp gọi là bậc thượng.

Lại có ba chủng bổ-đặc-già-la: 1. Lấy việc xấu làm việc mình gọi là bậc hạ; 2. Lấy việc mình làm việc mình gọi là bậc trung; 3. Lấy việc người làm việc mình gọi là bậc thượng. Hoặc hành ác hạnh để sinh sống gọi là lấy việc xấu làm việc mình. Hoặc sợ ác hạnh, tu hành thiện hạnh, gọi là lấy việc mình làm việc mình. Hoặc chư Bồ-tát gọi là lấy việc người làm việc mình.

Lại các quốc vương có 3 viên mãn: 1. Quả báo viên mãn; 2. Sĩ dụng viên mãn; 3. Công đức viên mãn.

Hoặc các quốc vương sanh nơi vương gia phú quý, trường thọ, ít bệnh, có dòng tộc lớn, thành tựu tuệ thông lợi. Đây gọi là vua có quả báo viên mãn.

Hoặc các quốc vương dụng phương tiện thâu

nhiep giữ gìn, khéo dùng uy lực làm phương tiện, thành tựu anh dũng viên mãn. Đây gọi là vua có sĩ dụng viên mãn.

Hoặc các quốc vương hộ trì giữ gìn chánh pháp gọi là pháp vương, an trụ chánh pháp gọi là đại vương. Hoặc trong cung có những vị vương tử, quần thần anh kiệt hào quý, trong nước có muôn dân cùng tu huệ thí, tu phước, thọ trai, kiên trì cấm giới. Đây gọi là vua có công đức viên mãn.

Quả báo viên mãn là thọ dụng quả báo tịnh nghiệp đời trước. Sĩ dụng viên mãn là thọ dụng quả khả ái ở hiện pháp. Công đức viên mãn là thọ dụng quả báo tịnh nghiệp viên mãn ở đương lai.

Hoặc có quốc vương đều không đầy đủ ba chủng viên mãn, gọi là bậc hạ. Hoặc có quốc vương thành tựu hoặc quả báo viên mãn, hoặc sĩ dụng viên mãn, hoặc hai chủng viên mãn, gọi là bậc trung. Hoặc có quốc vương thành tựu đầy đủ cả ba viên mãn, không viên mãn nào mà không đầy đủ, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại thần: 1. Có trung tín, không kỹ năng, không trí huệ gọi là bậc hạ; 2. Có trung tín, có kỹ năng, không trí huệ gọi là bậc trung; 3. Có đầy đủ trung tín, kỹ năng, trí huệ gọi là bậc thượng.

Nếu không trung tín, không tài năng, cũng không trí huệ, thì loại thần này thuộc hạ của bậc hạ.

Lại có bốn loại lời: 1. Phi ái mà tợ như ái; 2. Ái mà tợ như phi ái; 3. Phi ái tợ như phi ái; 4. Ái tợ như ái. Hoặc có lời nói câu từ lành thiện thuần khéo nhưng chẳng hợp lẽ, gọi là lời thứ nhất. Hoặc có lời nói câu từ mạnh mẽ đối nghịch nhưng hợp lẽ, gọi là lời thứ hai. Hoặc có lời nói câu từ đối nghịch mạnh mẽ nhưng chẳng hợp lẽ, gọi là lời thứ ba. Hoặc có lời nói câu từ lành thiện thuần khéo cũng hợp lẽ, gọi là lời thứ tư.

Nếu có người tuyên nói lời phi ái tợ như phi ái, phi ái mà tợ như ái, gọi là bậc hạ. Nếu có người tuyên nói lời ái mà tợ như phi ái gọi là bậc trung. Nếu có người tuyên nói lời ái tợ như ái gọi là bậc thượng.

Lại có ba loại người thọ các dục: 1. Hoặc có người thọ dục phi pháp thô thiển, tích góp tài bảo, không thể an lạc chánh dưỡng thân mạng cùng với vợ con, nói rộng cho đến không theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc hạ; 2. Hoặc có người thọ dục như pháp, hoặc phi pháp thô thiển, hoặc không tích góp tài bảo,

năng khiến an lạc chánh dưỡng thân mình, vợ con, quyến thuộc cùng với bạn hữu, không theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc trung; 3. Hoặc có người thọ dục một hương như pháp và không thô thiển, tích tập tài bảo, năng đem an lạc chánh dưỡng thân mình, cho đến năng theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc thượng.

Lại có ba loại người: 1. Người tham nhiễm mà ăn, ái trước tham lam cho đến chìm đắm say mê mà ăn, không thấy lỗi lầm tai họa, không biết ra khỏi xa lìa, gọi là bậc hạ; 2. Có người cân nhắc mà ăn, không nhiễm, không trước cũng không tham lam, không ngốn nuốt mê muội, không trụ say đắm bền chắc mà ăn, thấy sâu lỗi lầm tai họa, khéo biết ra khỏi xa lìa, nhưng đối với ăn đây chưa biết chưa đoạn, gọi là bậc trung; 3. Có người cân nhắc mà ăn, không sanh tham nhiễm, nói rộng cho đến thấy sâu lỗi lầm tai họa, khéo biết ra khỏi xa lìa, lại đối với ăn đây đã biết đã đoạn, gọi là bậc thượng.

Lại nương vật thí mà nói có ba loại người: 1. Có người thí vật chỉ đủ diệu hương, không đủ diệu

mỹ vị và xúc, gọi là bậc hạ; 2. Có người thí vật đủ diệu hương vị mà không diệu xúc, gọi là bậc trung; 3. Có người thí vật đầy đủ diệu hương mỹ vị và xúc, gọi là bậc thượng.

Lại nương ruộng thí mà nói có ba loại người: 1. Loại người đối với chỗ yêu quý, chỗ có ân mà hành huệ thí gọi là bậc hạ; 2. Có người vì ruộng phước nghèo khổ mà hành huệ thí, gọi là bậc trung; 3. Có người vì ruộng phước đủ công đức tối thắng mà hành huệ thí, gọi là bậc thượng.

Lại có thí sai khác: 1. Thí vì yêu thương gọi là bậc hạ; 2. Thí vì có ân gọi là bậc trung; 3. Thí vì nghèo khổ, ruộng phước đủ đức thù thắng gọi là bậc thượng.

Lại nương tâm thí có ba loại người: 1. Có người sắp muốn huệ thí tâm hoan hỷ, khi đang huệ thí tâm không thanh tịnh, huệ thí rồi sau suy nghĩ hối hận, đây gọi là bậc hạ; 2. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi hối hận, đây gọi là bậc trung. 3. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi không hối hận, đây gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi sự nghiệp phước, thọ trì giới mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người chỉ lìa một phần,

chẳng phải ở tất cả thời thường năng xa lìa, chỉ tự mình xa lìa, không khuyến khích người xa lìa cũng không khen ngợi tán thán, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ. Đây gọi là bậc hạ; 2. Có người tất cả phần, tất cả thời đều xa lìa, chỉ tự mình xa lìa, không khuyến khích người xa lìa cũng không khen ngợi tán thán, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ. Đây gọi là bậc trung; 3. Có người hoàn thiện tất cả những điều trên gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi sự vui thích thọ trì cấm giới, mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người trụ pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà thọ trì cấm giới, gọi là bậc hạ; 2. Có người trụ pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thọ trì cấm giới nhưng có khuyết lậu, gọi là bậc trung; 3. Có người trụ nơi thiện thuyết Tỳ-nại-da, thọ trì cấm giới không khuyết lậu, gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi tâm thọ trì cấm giới mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người vì mạng sống nên thọ trì cấm giới gọi là bậc hạ; 2. Có người vì sanh thiên nên thọ trì cấm giới gọi là bậc trung; 3. Có người vì Niết-bàn nên thọ trì cấm giới gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi thọ trì Biệt giải thoát luật nghi mà nói có 3 loại người: 1. Có người chỉ năng thọ trì

luật nghi Cận trụ gọi là bậc hạ; 2. Có người cũng năng thọ trì luật nghi Cận sự gọi là bậc trung; 3. Có người cũng năng thọ trì luật nghi Bí-sô gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi thọ trì luật nghi Bí-sô mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người chỉ năng thành tựu thọ chi cụ túc, không thọ các chi học xứ tùy pháp, cũng không thọ chi tùy hộ tâm người khác, cũng không thọ chi tùy hộ các học xứ đã thọ, gọi là bậc hạ; 2. Có người thành tựu ba chi trước, không thọ chi sau cùng, gọi là bậc trung; 3. Có người thành tựu đầy đủ bốn chi, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người chỉ thành tựu Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc hạ; 2. Có người thành tựu tinh lự Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc trung; 3. Có người thành tựu ba chủng tinh lự vô lậu Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người ở nơi luật nghi cấm giới chỉ năng thâm nhiếp lãnh thọ chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi, gọi là bậc hạ; 2. Có người năng nhiếp thọ, thành tựu luật nghi cấm giới tương ưng Thanh văn... gọi là bậc trung; 3. Có người năng nhiếp thọ, thành tựu luật nghi cấm

giới tương ứng Bồ-đề-tát-đỏa, gọi là bậc thượng.

Lại nương tu tập phương tiện tư duy mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người do được sức khích lệ mà nhậm vận tư duy gọi là bậc hạ; 2. Có người nhậm vận có gián đoạn, giả sử có gián đoạn thì phải dụng công mới năng chuyển vận, gọi là bậc trung; 3. Có người đã thành tựu nhậm vận tư duy gọi là bậc thượng.

Lại nương tu tập “đắc” sai biệt mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người nội tâm định Xa-ma-tha, chưa đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, gọi là bậc hạ; 2. Có người đã đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, chưa đắc nội tâm định Xa-ma-tha, gọi là bậc trung; 3. Có người đều đắc cả hai chủng, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người đã đắc Có tâm có tứ tam-ma-địa gọi là bậc hạ; 2. Có người đã đắc Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa gọi là bậc trung; 3. Có người đã đắc Không tâm không tứ tam-ma-địa gọi là bậc thượng.

Lại nương tu sai biệt trụ mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người trụ tĩnh lực nhiễm ô gọi là bậc hạ; 2. Có người trụ tĩnh lực thanh tịnh thế gian gọi

là bậc trung; 3. Có người trụ tĩnh lự vô lậu gọi là bậc thượng.

Lại nữa, có 10 chủng chúng hữu tình ở nơi 10 chủng pháp mà ái lạc, hỷ duyệt. Những gì là 10 pháp? 1. Thọ; 2. Sắc; 3. Tài; 4. Bạn; 5. Giới; 6. Văn; 7. Phạm hạnh; 8. Tuệ; 9. Pháp; 10. Sanh thiên.

Những gì gọi là 10 chúng hữu tình? 1. Bàng sanh; 2. Thiếu nữ; 3. Người thọ dụng dục; 4. Người cầu việc làm; 5. Người xuất gia; 6. Người lấy đa văn làm mạng; 7. Người chứng nhập; 8. Người tâm tư; 9. Người cần khổ; 10. Người bỏ thân.

Lại nữa, người lắng nghe chánh pháp lược có 6 chủng lỗi lầm do phiền não: 1. Lỗi lầm do kiêu mạn; 2. Lỗi lầm do không vui muốn; 3. Lỗi lầm do bất tín; 4. Lỗi lầm do thân tâm tổn não; 5. Lỗi lầm do tán loạn; 6. Lỗi lầm do mê hoặc. Do hết thấy lỗi lầm đây nên không thể cung kính ân trọng nghe pháp, như kinh đã nói rộng. Lỗi lầm do phiền não tán loạn lại có 2 chủng: 1. Khi thuyết tán loạn; 2. Thuyết xong rồi mới tán loạn. Mê hoặc tức là điên đảo.

Lại nữa, có 3 chủng phát nghiệp phiền não: 1. Tương ưng phát; 2. Thân cận sanh phát; 3. Tăng

thượng phát, vì dẫn phiền não khác khiến phát khởi.

Lại nữa, lược có 6 chủng pháp phi ái: 1. Oán địch; 2. Bệnh tật; 3. Cảnh không khả ái; 4. Các khổ như sanh...; 5. Khổ cay đắng vất vả; 6. Không thường xuyên tu tập thiện. Ở nơi 4 chủng trước cần phải xa lìa, ở nơi 2 chủng sau cần phải tu tập.

Lại nữa, lược có 5 chủng thọ dụng các dục: 1. Lãnh nạp thọ dụng; 2. Nhiếp hỷ thọ dụng; 3. Tầm tư thọ dụng; 4. Tham thọ dụng kia; 5. Tự nhiếp thọ dụng.

Lại nữa, lược có 8 tướng lỗi lầm của dục: 1. Tướng ít mùi vị, nhiều khổ não, nhiều họa hoạn; 2. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do bị người khác bức bách; 3. Tướng nhân duyên vượt trội khiến tập nhiễm thọ dụng; 4. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do đọa các đường ác; 5. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do tầm tư nhiều loạn; 6. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do thọ dụng bị hoại diệt; 7. Tướng nhân duyên vượt trội khiến phát sanh khổ do thân tan hoại; 8. Tướng nhân duyên vượt trội năng chướng thiện pháp.

Lại nữa, nhân duyên của các dục lược có 6

chủng biến hoại: 1. Do người bức bách khiến biến hoại; 2. Do các giới chống trái nhau khiến biến hoại; 3. Do những điều hữu tình yêu thích biến hoại; 4. Do thân biến hoại; 5. Do tâm biến hoại; 6. Do vô thường biến hoại.

Lại nữa, các dục do 5 chủng pháp tương tợ nên được gọi là rừng rậm: 1. Do pháp tương tợ nhiều nhóm; 2. Do pháp tương tợ tạp uế; 3. Do pháp tương tợ nuôi dưỡng chúng sanh; 4. Do pháp tương tợ ẩn giấu; 5. Do pháp tương tợ hiểm nạn.

Ta đã lược thuyết quyết trạch Có tâm có tứ địa, Không tâm chỉ có tứ địa, Không tâm không tứ địa. Văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.



Quyển 62

Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Phần 1

Như vậy, Ta đã thuyết quyết trạch Có tâm có tứ... ba địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Tam-ma-hí-da địa**. Đó là bổ-đặc-già-la nhiều tùy phiền não nhiễm ô tương tục, không thể chân chánh chứng tâm tánh nhất cảnh.

Sao gọi là nhiều tùy phiền não? Đó là có siểm, cống, kiêu, trá, không tàm, không quý, bất tín, giải đãi, vọng niệm, bất định, ác huệ, trì trệ, tạp loạn, hành thú hướng làm tiền dẫn, xả ách viễn ly, không kham cung kính điều đã học, không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn, chỉ vì cầu kế sống, không vì cầu Niết-bàn mà xuất gia.

Siểm: tự mình phạm lỗi trái vượt mà không thể đối trước Đại sư, người trí đồng phạm hạnh như thật phát lồ.

Cống: không chân thật hiển bản chất mình,

kẻ kia thật không có đức mà muốn khiến người khác, người trí đồng phạm hạnh... biết mình có đức.

Kiểu: ở nơi tăng thượng giới, hủy phạm giới luật; hoặc ở nơi quỳ phạm, hủy phạm quỳ phạm. Do người thấy, nghe, nghi và cử tội, kia liền dùng sự việc khác, giả dối nương gá sự việc khác, hoặc dùng lời khác để dẫn dụ, như kinh đã rộng thuyết. Đây do lực siểm cống tăng thượng vậy.

Trá: vì sợ người, hoặc vì đối với người có sự mong cầu, tuy đã hủy phạm nặng mà không phát lồ, cũng không hiện hạnh phát lồ, ý vui không thật. Đối trá hiện hành hai nghiệp thân ngữ khéo diệu, nhu nhuyễn, cung kính, thân ái đối với người có trí đồng phạm hạnh.

Không tâm không quý: vì quán mình, hoặc quán người không biết hổ thẹn, nên suy nghĩ việc hủy phạm. Phạm rồi không thể như pháp ra khỏi xa lìa, ham thích vô số đấu tranh kiện tụng.

Bất tín: đối với Phật Pháp Tăng, tâm không thanh tịnh; đối với khổ tập diệt đạo, không sanh khởi thuận theo.

Giải đãi: chấp ngủ nghỉ, nằm yên làm vui, để

ngày đêm trôi qua uổng phí, xả bỏ các phẩm thiện.

Vọng niệm: ở nơi việc làm, lời nói đã lâu, không thể tùy nhớ nghĩ, không thể khiến nhớ lại, không giữ gìn căn môn, không an trụ chánh biết.

Bất định: đối với định của địa dưới, đến tác ý cũng chẳng thể đắc.

Ác huệ: trụ kiến thủ của mình, chấp bất bình đẳng, khó xả nói năng luận bàn.

Trì trệ: không miễn tiếp thông lợi, cũng không sáng suốt, cũng chẳng tự chủ hành vi, chẳng thể đem thân để hầu cận các bậc có trí đồng phạm hạnh.

Tạp loạn: vui sống hỗn tạp cùng chúng tại gia và xuất gia, lại vui tâm tư các ác bất thiện, tâm tư các dục... cho đến nhiều tâm tư, nhiều tùy tâm tứ, tùy quán sát tương ưng với thế tục.

Hành thú hướng làm tiền dẫn: sở hữu lợi dưỡng như y phục... hoặc thọ của đại chúng Tăng, hoặc thọ riêng của người, hoặc thỉnh cầu Tăng và thọ nhận riêng của người đều gọi là thú hướng. Nếu các Bì-sô phát khởi hiện hành những việc như vậy trước tiên, gọi là hành thú hướng làm tiền dẫn.

Xả ách viên ly: không sanh vui muốn nơi hạnh

xa lìa giới hạn ngoại cụ, xa lìa chúng ác, xa lìa người chỉ sống tương tự nơi thất tịch tịnh, xa lìa xả bỏ.

Không kham cung kính các học xứ: khi gặp nguy nạn liền xả bỏ học xứ, chẳng bỏ thân mạng, chí cầu vui thân và thọ mạng, không thể tùy hộ sở hữu các học xứ.

Không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn: vì thói chuyển nên xả bỏ các học xứ thiện, hoặc hủy phạm các giới luật, hoặc hành các pháp ác; bên trong thói rửa, cho đến thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh, hà hưởng mong cầu tám Thánh đạo chi, chứng quả Sa-môn.

Chỉ vì kế sống, không vì cầu Niết-bàn mà xuất gia: hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị người có sức mạnh hơn bức bách, hoặc bị khủng bố bức bách, hoặc vì thiếu thốn tiền của, e ngại sinh nhai khó mà cầu xuất gia; không vì tự điều phục, tự tĩnh lặng, tự Bát-niết-bàn mà cầu xuất gia.

Nên biết trong đây nương đồng phạm hạnh cùng sống chung mà có trái phạm, thì phát khởi bốn tùy phiền não đầu tiên. Nương tăng thượng giới mà có trái phạm, thì phát khởi không tám

không quý. Nương tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ mà có trái phạm, thì phát khởi các tùy phiền não từ bất tín cho đến ác huệ. Trong đây bất tín, giải đãi nương phạm đủ cả ba tăng thượng mà khởi. Vọng niệm, tán loạn nương phạm tăng thượng tâm mà khởi. Ác huệ nương phạm tăng thượng tuệ mà khởi. Lực bất tín và giải đãi tăng thượng thì phát khởi trì trệ, tạp loạn, hành thú hướng làm tiền dẫn và xả ách viễn ly. Lực thất niệm, loạn tâm và ác huệ tăng thượng, thì phát khởi không kham cung kính các học xứ, không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn, chỉ mong cầu kế sống, không vì Niết-bàn mà xuất gia.

Lại nữa, có 3 chủng bổ-đặc-già-la nương ba điều khiến dẫn phát các tùy phiền não.

Sao gọi là ba chủng bổ-đặc-già-la? 1. Kẻ nương chánh pháp mà xuất gia; 2. Kẻ tại gia thọ dụng dục; 3. Kẻ ngoài chánh pháp mà xuất gia.

Sao gọi là ba điều khiến dẫn phát tùy phiền não? 1. Bổ-đặc-già-la thứ nhất nương phóng dật khiến dẫn phát tùy phiền não. Đây lại có 2 chủng: hoặc vì nương y phục, lợi dưỡng, cung kính... mà bên trong hư vọng hiển mình có đức, tự nói đức

mình vượt hơn pháp người; hoặc lại nương người, bậc có trí đồng phạm hạnh... dùng thân ngữ ý bức bách gia hại, tổn não hủy nhục; 2. Bồ-đặc-già-la thứ hai nương đấm trước dục khiến dẫn phát tùy phiền não. Kẻ kia do nhân duyên thọ dụng các dục, đấm trước các dục, nương thân ngữ ý hành ba ác hạnh; 3. Bồ-đặc-già-la thứ ba nương tà hạnh khiến dẫn phát tùy phiền não, đây lược có 3 chủng: a. Đuối theo xa lìa; b. Đuối theo ồn náo; c. Đuối theo học xứ mà phát khởi tùy phiền não.

Đuối theo xa lìa mà phát khởi tùy phiền não: các ngoại đạo vì sở hữu vật chất mà đuối theo xa lìa, bị năm cái che đậy nơi tâm; hoặc vì trụ nơi khổ, thân tâm lãnh thọ các khổ não; hoặc vì xa lìa đối trị phiền não, do lìa năm căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Do kẻ kia trụ nhiễm ô như vậy, trụ khổ não như vậy, không đối trị năng trừ nhiễm ô như vậy, gọi là đuối theo các tùy phiền não xa lìa.

Đuối theo ồn náo mà phát khởi tùy phiền não: mỗi mỗi tự kế chấp dị kiến dị dục, nói bàn chống đối lẫn nhau, kiến lập phẩm mình phẩm người sai khác, rộng khởi phần hận cho đến siểm cống. Đây gọi là đuối theo các tùy phiền não ồn náo.

Đuổi theo học xứ mà phát khởi tùy phiền não: quán mình, người hiện hành các tội mà không biết hổ thẹn, hủy phạm giới luật, trái vượt giới luật; đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng giới học. Nếu nương theo đẳng chí thế gian, ở nơi thấp kém mà kế chấp cho mình là hơn, hoặc ngang bằng mà kế chấp cho mình là hơn, nên tâm sanh cao ngạo; đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng tâm học. Nếu ít lắng nghe, không thể quán sát sở hữu thiện pháp, đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng tuệ học. Tất cả như vậy gọi chung là hành phi pháp, hành không bình đẳng. Do nghĩa chẳng thiện gọi là hành phi pháp, nghĩa quả chẳng đáng yêu thích gọi là hành không bình đẳng.

Lại nữa, người quán hành tu tập mười biến xứ năng làm năm việc. Những gì là năm? 1. Do tu tập địa biến xứ cho đến bạch biến xứ, năng dẫn phát sự hóa hiện, sự biến hiện của các thánh thần thông; 2. Do tu tập Không vô biên xứ nhất thiết xứ, năng dẫn phát đến di vô ngại của các thánh thần thông; 3. Do tu tập Thức vô biên xứ nhất thiết xứ, năng dẫn phát các công đức thù thắng vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải...; 4. Do Thức vô biên xứ biến xứ

thành tựu viên mãn, năng thành tựu trọn vẹn Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tướng Phi phi tướng xứ giải thoát; 5. Do nhân thành tựu viên mãn đây, năng chứng nhập Tướng thọ diệt giải thoát, nhiếp thuộc trụ thù thắng hơn cả.

Lại do Thức vô biên xứ vô biên vô lượng hành chuyển biến hiện hoàn mãn, cho nên quá đây không lập biến xứ, thắng xứ biến xứ là các giải thoát năng thanh tịnh đạo. Lại các giải thoát là do chỗ hiển sở tri chướng giải thoát, do đây Thanh văn và Độc giác... ở nơi sở tri chướng, tâm được giải thoát.

Lại nữa, người tu đẳng chí có 3 tướng ái vị đẳng chí: 1. Hoặc đã chứng đắc đẳng chí, từ định xuất rồi kế chấp cho là đã thanh tịnh, nên khả hân khả lạc khả ái khả ý, tùy niệm ái vị; 2. Hoặc chưa chứng đắc, hoặc đã chứng đắc, vì vị lai lực ái vị tăng thượng, nên sanh khởi ái vị truy cầu hân lạc; 3. Hoặc đã chứng đắc mà kế chấp cho là thanh tịnh, nên khả hân khả lạc, nói rộng cho đến hiện hành ái vị. Hoặc từ định xuất năng sanh ái vị, hoặc đang tại định không có ái vị. Nói ái vị, tức ở trong đây sanh tham trước đây khắp.

Lại nữa, các pháp địa dưới nếu sanh địa cao

hơn thì không được hiện tiền. Nếu người ly dục sanh ở địa dưới, thì các pháp địa trên vẫn hiện tiền. Nếu người tâm bất định chưa ly dục sanh địa dưới mà khởi ái vị đối với địa trên, thì nói ái đây hệ buộc Dục giới. Nên biết ái đây hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô.

Sao gọi là nhiễm ô? Hoặc sanh tâm: “Ta nay làm sao sẽ chứng đẳng chí hỷ lạc rộng lớn như thế, nếu chứng đắc rồi, ta sẽ ái vị như thế như thế...”. Hoặc: “Ta làm sao sẽ được sanh địa trên thường hằng bất biến?”. Nên biết đây là ái nhiễm ô.

Sao gọi là không nhiễm ô? Nếu có người khởi tâm chuyên cầu ly dục và vui thích tịch tĩnh chứng nhập địa trên, nên biết ái đây là không nhiễm ô.

Lại có ba chủng đoạn diệt các pháp: 1. Đoạn diệt đối trị; 2. Đoạn diệt hiện hành; 3. Đoạn diệt xả bỏ. Chỗ hiển hiện của các sự phiền não là đoạn diệt thứ nhất. Chỗ hiển hiện của các hành sanh diệt là đoạn diệt thứ hai. Hoặc sanh ở địa trên, hoặc nhập Vô dư y Niết-bàn giới, chỗ hiển xả bỏ các hành địa dưới và tất cả hành là đoạn diệt thứ ba.

Lại thoái có 3 chủng: 1. Chưa đắc pháp thoái; 2. Đã đắc pháp thoái; 3. Đang tập hành pháp thoái.

Lại nương các phần cận định thế gian, nếu là đạo phương tiện, nếu là đạo không gián đoạn, nếu là đạo giải thoát, hoặc vì đoạn diệt, hoặc vì chúng đắc mà tu tập, kia ở nơi sở duyên hoặc quán quá thất, hoặc quán tịch tĩnh, tức là quán quá thất của địa dưới, quán tịch tĩnh của địa trên. Nếu là đạo thắng tiến, nên biết kia ở nơi sở duyên biến mãn, hoặc kia là duyên vô lậu.

Lại nữa, các phần cận nhiếp 6 chủng tác ý là tác ý liễu tướng cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh. Trong đây, tác ý thắng giải và tác ý liễu tướng nhiếp thuộc đạo phương tiện; tác ý xa lìa và tác ý gia hạnh cứu cánh nhiếp thuộc đạo không gián đoạn; tác ý nhiếp lạc nhiếp thuộc bốn chủng đạo; tác ý quán sát nhiếp thuộc đạo thắng tiến.

Hỏi: Duyên cơ nào thuyết: “Người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự không thể nghĩ bàn?”.

Đáp: Người tu tĩnh lự đã khéo tu tập sửa trị gọt giũa tâm nên thành tựu tướng như vậy. Uy đức thế lực tùy chỗ muốn đều năng thành tựu trọn vẹn, không phải không như ý, vì pháp tánh lẽ vậy. Cho nên nói: “Đạo tâm tư của vị kia không thể nghĩ bàn”.

Lại có hai dạng người tu tĩnh lực, ở nơi một việc cùng hiển phát biến hiện thắng giải thần thông đều được tự tại. Nhưng hai thần thông đây bị chướng ngại lẫn nhau. Hai thần thông đây không sai lệch nhiều, không che khuất nhau. Một người ở nơi việc đây thần thông được vô ngại, như ý muốn đều năng biến chuyển, hiển phát thần thông về sau không bị gián đoạn. Thần thông của người còn lại bị chướng ngại. Trong đây nên biết nhân duyên thế nào? Do uy đức thế lực của hai người kia thấy đều như nhau, đồng thời phát khởi biến hiện thần thông, nhưng sở tác không giống nhau, tức là sở dụng tạo tác thần thông làm nên sự việc của họ không giống nhau nên có sự sai khác. Lúc hai thần thông đây cùng bị chướng ngại, bấy giờ một người tác ý tư duy: “Nhân duyên nào thần thông đây hiện đang bị chướng ngại, ta sắp thôi thất định vô ngã ư?”. Một trong hai người đang định ở nơi sự việc đây chuyển khởi tâm khác. Người đang định còn lại ở nơi sự việc đây khởi tâm lớp lớp chuyên chú không tán loạn, nên sở phát thần thông không bị chướng ngại, tùy lực thần thông chuyển biến như ý. Nếu hai thần thông uy đức không như nhau, tùy theo người có uy đức vượt

hơn sẽ thành tựu. Nếu hai thần thông uy đức như nhau, thì người giữ vững tác ý ban đầu thành tựu, chẳng phải người còn lại.

Lại người tu tĩnh lực có 4 chủng: 1. Người nương phần cận định mà tu tĩnh lực; 2. Người nương định nhiệm ô mà tu tĩnh lực; 3. Người nương định thế gian mà tu tĩnh lực; 4. Người nương định xuất thế gian mà tu tĩnh lực.

Lúc vận chuyển tu định, ở nơi sáu tác ý (từ tác ý liễu tướng cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh) nên biết người tu tĩnh lực thứ nhất có ái thượng tĩnh lực, nói rộng cho đến người tu tĩnh lực thứ hai có nghi thượng tĩnh lực. Nếu người tu tĩnh lực thứ ba trụ thiện tĩnh lực thế gian khác, đó là năng dẫn phát hiện pháp lạc trú, tác ý vô lượng công đức thế gian, lại năng dẫn phát du hý thần thông. Nếu người tu tĩnh lực thứ tư, chỗ hiển phát tĩnh lực thuận phần quyết trạch nhiếp thọ Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn.

Lại nữa, Vô tướng đẳng chí phải nói chỉ là hữu lậu. Diệt tận đẳng chí phải nói là vô lậu, vì không tương ưng cùng phiền não, vì chẳng phải tương ưng với phiền não, vì không sở duyên cùng

phiền não, vì chẳng phải chỗ sanh khởi của các phiền não; là xuất thế gian, vì chẳng phải sở hành của tất cả dị sanh, chỉ trừ Bồ-tát đã nhập Viên ly địa. Bồ-tát tuy năng phát khởi pháp xuất thế khiến hiện tại tiền, nhưng do lực phương tiện thiện xảo nên không xả phiền não. Lại đấng chí đây phải nói nhiếp thuộc phi học phi vô học, vì chẳng phải chỗ hành, vì tợ như Niết-bàn.

Lại nữa, nay giải thích *Kinh Tùy Thân Niệm*. Đó là Bí-sô hành tâm thanh tịnh có 4 chủng tùy phiền não: 1. Hủy phạm giới cấm; 2. Tán loạn tâm tư; 3. Giữ gìn dãm trước nội thân; 4. Giữ gìn dãm trước ngoại cảnh.

Hủy phạm giới cấm do môn ưu sầu hối hận năng chướng ngại đối với tam-ma-địa.

Tán loạn tâm tư do ba chủng môn: 1. Do môn tùy nhớ nghĩ cảnh quá khứ khiến tán loạn; 2. Do môn nương trọ cử lưu tán, thấy ác, nghe ác, nói ác, hành ác, chỉ thích nghe nghĩ khiến tán loạn; 3. Do môn thường xuyên tập, giữ gìn thế lực đây khiến tán loạn.

Giữ gìn dãm trước nội thân do môn ở nơi sanh

tử không thấy nhàm chán họa hoạn.

Giữ gìn đấm trước ngoại cảnh do môn ở nơi cảnh vị lai thấy hân lạc.

Trong đây vì muốn đối trị tùy phiền não đầu tiên, phải tu một tác ý là tác ý chánh biết. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ hai, phải tu ba tác ý: 1. Tác ý sở duyên tương ưng kia; 2. Tác ý phân biệt rõ ràng tương kia năng đối trị tâm tư kia; 3. Tác ý điều luyện tâm nương gá kia. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ ba, phải tác ý tu tập gom nhóm tụ rành mạch. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ tư, phải tác ý tu tập bất tịnh.

Lại vì tu tập, nhiều tu tập tác ý đầu tiên, năng đoạn trừ vọng niệm. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ hai, năng đoạn trừ hai chủng tham dục là giữ gìn đấm trước nội thân và giữ gìn đấm trước ngoại cảnh. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ ba, năng đoạn trừ sở hữu tán loạn do ác kiến... Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ tư, năng đoạn sở hữu tán loạn do thế lực thường xuyên giữ gìn các việc trước kia. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ năm, năng đoạn tướng hữu tình thân tịnh. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ sáu, năng đoạn bốn tham là tham

sắc, tham xúc, tham hình dáng và tham hầu hạ. Như vậy lấy tu tập tác ý làm chỗ nương sẽ đoạn trừ tùy phiền não, tâm đạt đến chánh định, chúng đắc phần cận sát căn bản định thù thắng. Lại năng chúng đắc có hỷ, ly hỷ, an lạc thanh tịnh.

Lại tâm nương chánh định như vậy, nên như thật rõ biết hữu tình địa trên tánh vô thường và các hành tánh vô thường.

Sao gọi là rõ biết hữu tình tánh vô thường? Vì đắc thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn người nên thấy các hữu tình, cho đến nói rộng.

Sao gọi là rõ biết các hành tánh vô thường? Vì năng tác ý tùy nhập quá khứ, vị lai, hiện tại duyên sanh trí.

Lại tùy thân niệm đây nương ba xứ: 1. Nương tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà tu tập sửa trị nghiệp địa; 2. Nương tăng thượng tâm học và nương tăng thượng tuệ học, vì muốn đoạn trừ dư tàn của các kiết; 3. Ý chỉ tu tập sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần, đó là bốn niệm trụ..

Lại do ba nhân duyên nên không cùng chung với tất cả ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn: 1. Vì ở nơi tu trị nghiệp địa, tư lương viên mãn; 2. Vì ở tụ

Xa-ma-tha không có ái vị; 3. Vì đối với Bát-niết-bàn, là chỗ mà lửa phiền não không thể sanh khởi được, tâm theo đuổi vui thích.

Vì nhân duyên thứ nhất làm chỗ nương, nên cảm 4 quả thanh tịnh: 1. Ở nơi thôn xóm thế tục là chỗ phiền não phát sanh mà không nhiễm; 2. Ở nơi a-lan-nhã, chốn không nhà, chỗ phát sanh phiền não mà không nhiễm; 3. Ở nơi a-lan-nhã, thôn xóm, chỗ phát sanh phiền não mà không nhiễm; 4. Ở hai nơi ấy là nơi không thể kham nhẫn, khổ phiền não rỉ chảy... mà không nhiễm.

Vì nhân duyên thứ hai làm chỗ nương, nên cảm 5 quả thanh tịnh, đó là bốn chủng tĩnh lự thanh tịnh và tịch tĩnh giải thoát.

Vì nhân duyên thứ ba làm chỗ nương, nên cảm 9 quả thanh tịnh, đó là: ba quả ban đầu và sáu thần thông.

Lại tùy thân niệm đây nhiếp thuộc năm chủng thanh tịnh: 1. Vì bất định địa thanh tịnh; 2. Vì định địa thanh tịnh; 3. Vì nhiếp thanh tịnh; 4. Vì bất cộng thanh tịnh; 5. Vì quả bất cộng thanh tịnh. Lại vì đuổi theo thân chuyển, vì kia nhiếp thọ, nên gọi là tùy thân niệm.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Ma-ha Câu-sất-chỉ-la*: “Giải thoát có hai: một là tuệ giải thoát, hai là tâm giải thoát”.

Trong đây nương tuệ giải thoát đó là sở hành của tuệ thế gian, nên biết tức là kiến lập ác hạnh, thiện hạnh, kể cả nhân duyên của kia. Thể tánh của kia nên biết tức là chánh trí như thật về thể tánh thiện, bất thiện... sai khác của ác hạnh, thiện hạnh, kể cả nhân duyên của kia. Lại nương tâm giải thoát đó là chỗ nương của tâm nhiễm tịnh, nên biết tức là năng nắm giữ, liễu biệt cảnh giới sắc... Lại quả của tuệ giải thoát thế gian, tâm giải thoát nên biết tức vì ở nơi tương ứng xen lẫn nhau của kia, ra khỏi tạp nhiễm loại hạ, vì lực tuệ giải thoát tăng thượng.

Sở hành của tuệ xuất thế gian nên biết tức là do tuệ thế gian và do lực tâm giải thoát tăng thượng. Như thật rõ biết tất cả cảnh giới tức là quả của tuệ giải thoát xuất thế gian, tâm giải thoát nên biết tức vì vượt khỏi tất cả chủng loại tạp nhiễm. Trong đây, hoặc tuệ thế gian, hoặc tuệ xuất thế gian lược chung làm một gọi là chánh kiến. Nhân duyên có chánh kiến nên biết tức là có Phật ra đời, được

lắng nghe chánh pháp, tư duy không điên đảo.

Lại tướng quả chánh kiến xuất thế gian nên biết tức vì trước sau thường vậy, vì không chỗ đối ngại vậy. Hoặc pháp sở trị có sanh rồi không diệt, hoặc pháp sở trị không diệt rồi có sanh, pháp kia gọi là có chỗ đối ngại. Hoặc pháp sở trị hoặc có hoặc không, hoặc sanh, chẳng sanh, thường thời là có, pháp kia gọi là không chỗ đối ngại.

Lại tức quả đây do lực tâm giải thoát tăng thượng, cho nên ở nơi tự sở hành và sở y kia được thanh tịnh, nên biết tức là vì lực tâm thanh tịnh tăng thượng, vì đối với cảnh giới sở hành của các sắc căn không sanh tạp nhiễm và khiến các căn thuận thanh tịnh.

Lại trụ tâm giải thoát nên biết tức là thọ cùng với noãn triển chuyển nương nhau phụ thuộc nhau mà trụ.

Lại thế gian và xuất thế gian đây, hai chủng quả giải thoát sai biệt nên biết tức là trong các thọ và trong nhân duyên, kẻ có si ái về sau hậu hữu sẽ sanh, kẻ không si ái về sau hậu hữu không sanh.

Lại vì kia xen lẫn nhau mà cùng tương ưng, nên kia năng nương tựa tâm pháp thanh tịnh, nên

biết tức là vì chẳng phải kia lãnh thọ sự nhiễm ô của duyên hiện tại. Tức trụ hai giải thoát sai biệt nên biết tức là vì sáu sự tịch tĩnh. Đây do thức tịch tĩnh lặng yên bình đẳng, chẳng phải do sở y của kia bình đẳng. Vào lúc nhập định, không do gia hạnh khiến nhập tịch tĩnh. Lúc xuất định, không do gia hạnh khiến xuất tịch tĩnh, chỉ do thứ tự mà xuất. Lúc tại định thì do ba hành, không hành được tịch tĩnh.

Lại có ba thời xuất tâm tịch tĩnh được gọi là xa: 1. Ở chốn a-lan-nhã cùng đồng phạm hạnh cộng tướng tạp trụ; 2. Ở nơi thôn xóm cùng những người tại gia cộng tướng tạp trụ; 3. Ở nơi hai xứ kia hành tướng hiện hành.

Lại có ba thời xuất tâm tịch tĩnh được gọi là gần: 1. Vì ở thắng định Hữu sắc thế gian mà xuất; 2. Vì ở thắng định Vô sắc thế gian mà xuất; 3. Vì ở Hữu tâm định xuất thế gian mà xuất. Lại các định đây chẳng phải duy chỉ diệt định, xuất rồi mới đắc, trước cũng đã đắc, nay hiện tiền khởi.

Trong đây, hai xuất thắng định đầu do thứ lớp định nên triển chuyển thành tự thanh tịnh thắng định. Một xuất thắng định sau cùng không do thứ

lớp định, nhưng do thông đạt vô tướng giới nên triển chuyển thành tự thắng định thanh tịnh.

Lại hữu tướng định là do tác ý hữu tướng nhập, trụ, xuất định. Nếu vô tướng định là do tác ý vô tướng nhập định, trụ định và do tác ý hữu tướng nên biết xuất định.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Pháp Nhân Duyên*. Đó là ở trong A-tỳ-đạt-ma và A-tỳ Tỳ-nại-da, Bí-sô hoặc Cận sự nam thiện xảo muốn nương thông rõ mà thỉnh hỏi, phải nương tám tướng mà phát khởi sự thỉnh hỏi. Những gì là tám tướng? 1. Thông rõ sự; 2. Thông rõ sở trị; 3. Thông rõ quả; 4. Thông rõ tự tánh; 5. Thông rõ quả sai biệt; 6. Thông rõ sở y; 7. Thông rõ công đức; 8. Thông rõ chứng đắc.

Thông rõ sự: vì khéo hiểu rõ năm thủ uẩn.

Thông rõ sở trị: hiểu rõ ái tạp nhiễm và kiến tạp nhiễm. Do ái tạp nhiễm nên không sanh hân lạc đối với hậu hữu diệt. Do kiến tạp nhiễm nên tuy sanh hân lạc mà chẳng thể chứng đắc.

Thông rõ quả: hiểu rõ hai chủng tạp nhiễm trên vĩnh viễn đoạn.

Thông rõ tự tánh: hiểu rõ tám Thánh đạo chi, đây lại tuyên thuyết chủng chủng sai biệt. Vì đối trị các tà đạo của ngoại đạo, nên được gọi là tám Thánh đạo chi. Vì đối trị ba chủng tạp nhiễm, nên kiến lập ba uẩn, đó là: đối trị ác hành tạp nhiễm, đối trị các dục tạp nhiễm và đối trị các kiến tạp nhiễm. Đây là xuất thế gian nhiếp lấy hữu vi.

Thông rõ quả sai biệt: hiểu rõ các đoạn diệt là xuất thế gian nhiếp thuộc vô vi.

Thông rõ sở y: hiểu rõ tam-ma-địa, nên biết đây lại có 4 chủng: 1. Do chủng tánh, đó là sở hữu định tất cả đều do chủng tánh tinh lự, tùy chỗ tuyên thuyết các chi tinh lự đều năng hiểu rõ; 2. Do tướng; 3. Do tướng sở duyên sanh; 4. Do tướng nhân duyên thành tựu.

Thông rõ công đức: an trụ Diệt tận định bậc nhất gọi là hiểu rõ công đức. Nên biết tướng đây lại có 5 chủng: 1. Vì sự diệt; 2. Vì ảnh tượng tương tự tịch tĩnh; 3. Vì nhân duyên nhập định; 4. Vì nhân duyên xuất định; 5. Vì công đức xuất định.

Thông rõ chứng đắc: hiểu rõ ở nơi năm thủ uẩn, dùng 8 chủng tướng quán sát các thọ: 1. Quán sát tự tánh; 2. Quán sát nhân duyên hiện pháp

chuyển; 3. Quán sát nhân duyên hiện pháp chuyển diệt; 4. Quán sát nhân duyên đương lai chuyển; 5. Quán sát nhân duyên hai kia chuyển diệt; 6. Quán sát nhân duyên chuyển nhân duyên; 7. Quán sát nhân duyên hoàn lại nhân duyên; 8. Quán sát trở lại.

Trong đây đối trị đồng hành lạc, đó là ở tinh lự căn bản tối thắng. Đối trị đồng hành khổ, đó là đặc phần cận đồng hành xuất ly dục. Đối trị đồng hành không khổ không lạc, đó là ở tinh lự căn bản. Vì muốn hiển thị nhân duyên chuyển diệt, tức là nương các thọ để thuyết sở hữu thọ thấy đều là khổ. Vì ba thọ kia trong phạm vi đệ nhất nghĩa đều là khổ. Nói đối lẫn nhau, tức là do có đây nên thi thiết đối với kia, đây gọi là đối lẫn nhau. Trong đây, các thọ triển chuyển đối lẫn nhau vì tất cả kia nhiếp thuộc khổ. Lại do có đệ nhất nghĩa khổ đây mà thi thiết có vô trí. Do có đây nên thi thiết có tuệ xuất thế để đối trị kia. Do có đây nên thi thiết quả Niết-bàn tịch diệt kia. Cho nên các pháp kia kia, nói cùng các pháp kia đối lẫn nhau.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Thùỳ Miên*.

Đó là các Bí-sô vì muốn đoạn trừ các tùy phiền não nên siêng tu tập nội tâm hành Xa-ma-tha tịch tĩnh có 5 chủng tướng đối trị: 1. Xa lìa tướng ám; 2. Ở nơi nãg thuận theo pháp cử khiến hoan hỷ, phát khởi gia hạnh đạo lý cử chân chánh; 3. Tồn hại các kiến; 4. Dụng công các kiến; 5. Nương tựa công dụng của các kiến. Do đây tùy phiền não kia mới được đoạn diệt. Tùy phiền não đã đoạn diệt rồi, lại có 5 chủng nhậm trì pháp định. Những gì là năm? 1. Ở nơi các sự viễn ly, nơi chốn viễn ly, thuận theo ngôn thuyết định; 2. Đối với các vật nuôi thân, tâm thuận theo không nhiễm ô; 3. Thành tựu việc thuận theo ngôn thuyết mỹ diệu dạy trao dạy răn từ chỗ bậc có trí đồng phạm hạnh; 4. Ở nơi các đẳng trì đẳng chí thế gian, xa lìa ái vị; 5. Như lý tác ý hành vô lậu.

Lại nữa, các Bí-sô siêng tu tập tăng thượng tâm học, do 3 nhân duyên phải trừ khiến tâm tư nhiễm ô hiện hành: 1. Vì sở duyên xa lìa; 2. Vì tự tánh yếm hoạn; 3. Vì tự tánh xa lìa. Do ba nhân duyên tự tánh xa lìa: 1. Người có lực căn đối trị mãnh lợi nãg xa lìa ngay; 2. Người không có lực căn đối trị bậc trung nãg dần dần xa lìa tướng

thô; 3. Người không có lực căn đối trị bậc hạ liệt, thấy sâu quá hoạn đối với các nhân duyên tâm tư tiền của, vật thực.

Lại nữa, các Bí-sô có 6 điều thuận với xuất ly giới, tu tập chi tam-ma-địa, đó là các Bí-sô ở tịnh thất không nhàn siêng tu quán hành.

Nên biết có 3 chủng bổ-đặc-già-la thì có 3 tam-ma-địa: 1. Người siêng tu tập tăng thượng tâm, đối với bốn hữu tình là oán hạnh, ác hạnh, tịnh hạnh và ân hạnh, có định duyên chúng sanh; 2. Người siêng tu tập hướng đến cứu cánh, có định duyên pháp; 3. Người siêng tu tập hiện quán đế, có định duyên pháp.

Lại nữa, do 3 chủng tánh rộng lớn Đại tam-ma-địa năng khiến nhanh chóng thông đạt chân như, đã thông đạt rồi năng tận các lậu: 1. Do tánh sở duyên rộng lớn; 2. Do tánh tinh cần rộng lớn; 3. Do tánh phương tiện nhiếp lấy tác ý rộng lớn.

Lại có 2 xa lìa năng khiến nhanh chóng thông đạt chân như: 1. Ở hành xứ xa lìa huyên não; 2. Ở trụ xứ xa lìa tâm tư ác.

Quyển 63

Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Phần 2

Lại có 5 chủng pháp trái định: 1. Hủy phạm giới cấm; 2. Gia hạnh gián đoạn; 3. Gia hạnh không ân trọng; 4. Bị chìm đắm; 5. Bị người nhiều não.

Lại có 3 chủng xa lìa: 1. Xa lìa trụ xứ; 2. Xa lìa thấy; 3. Xa lìa nghe.

Lại nữa, Bí-sô hành tâm thanh tịnh lược có 5 chủng quá thất trái với trọng yếu đẳng trì, năng chướng ngại định: 1. Phẫn; 2. Mạn; 3. Dục tham; 4. Thân kiến; 5. Không thể kham nhẫn.

Có 5 tướng trọng yếu tam-ma-địa. Sao gọi là năm tướng? 1. Tùy nghi thu được vật dụng liền sanh vui đủ; 2. Vui thích cầu các thiện pháp; 3. Không lòng luyến tiếc thân mạng, tài bảo; 4. Đối với sanh tử thấy lỗi lầm lớn và đối với Niết-bàn thấy công đức tối thắng; 5. Đối với gia hạnh kham nhẫn cần khổ.

Như vậy, do 5 chủng chướng ngại định kia

năng làm chướng ngại năm tướng trọng yếu, nên gọi là quá thất của trọng yếu.

Trong đây, *phẫn* vì ôm lòng oán giận. Vì có sao? Kẻ kia đến nhà người hoặc không được lợi dưỡng, hoặc được mà ít, hoặc nhanh, hoặc chậm, hoặc không được cung kính, liền sanh nhăn nhó, giận dữ, không hài lòng. Từ nhân duyên đây phát tâm tư khuể và tâm tư hại, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ. Do nhân duyên đây, nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử kia đã sanh liền trở lại thối thất.

Mạn: vì ôm lòng mạn, bị mạn chế phục, lấy mạn làm tánh. Đối với pháp không sanh cung kính; đối với các thầy quý phạm, những vị có phước điền đáng tôn trọng, không thể thời thời thân tâm cung kính thưa hỏi điều này sao gọi là thiện, điều kia sao gọi là bất thiện; cũng không nỗ lực cần cầu sở hữu thiện pháp, do đây chẳng thể hiểu rõ nghĩa dẫn phát tam-ma-địa. Từ nhân duyên đây phát khởi tâm tư tương ưng khinh mạn, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ, cho nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử đã sanh liền trở lại thối thất.

Tham dục: vì ôm lòng tham lam, nhiều các sự ái nhiễm, sanh sâu đắm luyến đối với thân mạng, tiền của, do đây nên ở nơi năm diệu dục bên ngoài sanh nhiều tán loạn. Lại phát sanh tâm tư dục, tâm tư quyến thuộc, tâm tư đất nước, tâm tư dòng họ tương ưng nhà thế tục, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ. Cho nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử đã sanh liền trở lại thời thất. Lại bất tịnh năng là đối trị của kia, nên biết bất tịnh lược có ba tướng là: tướng phần uế, tướng đẳng lưu của kia và tướng năng y, sở y sai khác.

Thân kiến: do nhân duyên bị thân kiến chế phục nên lúc tiếp xúc các tướng pháp thế gian bị sự nhuốm bẩn của vui mừng và buồn bã... giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian bị sự chìm nổi của dòng chảy yêu thích, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian bị sự nhiễu não của tâm tư bất chánh... giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian, trong lúc truy cầu bị chủng chủng nhiễu loạn của tán động

bức bách, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc do nhân duyên thân kiến kia hằng thường chấp trước pháp thế gian, nương tựa các thủ vô thường, do đây nên bị sự bức nã của ưu bi, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc lúc vì muốn khiến trừ cấu uế của địa dưới nên khéo siêng tu thiện, nhưng ở nơi gia hạnh kia không sanh vui thích đối trị, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Như muốn khiến trừ cấu uế của địa dưới, thì muốn khiến trừ cấu uế của địa trên nên biết cũng vậy. Do nhân đây tuy khởi tâm “ta phải quán sanh tử có lỗi lầm lớn, quán Niết-bàn có công đức thù thắng”, mà cũng trở lại điên đảo. Do nhân duyên đây, tuy trước đã chứng đắc các tam-ma-địa, nhưng ở nơi hiện quán thánh đế, thắng tam-ma-địa chưa sanh không thể được sanh, giả sử kia đã sanh liền trở lại thối thất.

Không kham nhẫn: vì ôm lòng không nhẫn chịu, tuy đã chứng đắc hiện quán thánh đế thắng tam-ma-địa mà không thể kham nhẫn khổ nạn của ruồi, muỗi... nên xả bỏ xa lìa gia hạnh, sanh nhiều

giải đãi. Do nhân duyên đây đối với căn bản định chưa sanh khởi nhập vào thì không thể sanh khởi, giả sử đã sanh liền nhanh chóng thối thất.

Ba quá thất trước năng chướng ngại tam-ma-địa đầu tiên, một quá thất kế năng chướng hiện quán đế tam-ma-địa, một quá thất sau cùng năng chướng nhập căn bản tam-ma-địa.

Lại nữa, có 8 chủng nhân duyên xả bỏ đệ tử Cận trụ vì đệ tử kia có sự nhiễm ô tạp nhiễm. Do nhiễm ô nên kia xả bỏ đệ tử Cận trụ. Các bậc A-la-hán thường khéo trụ niệm, không còn phiền não, ắt không có việc như vậy. Sao gọi là tám? 1. Tánh của đệ tử Cận trụ kia có tâm ganh ghét, chỉ muốn riêng thân mình thọ sự cung kính; 2. Tánh của đệ tử Cận trụ kia có tâm ganh ghét, chỉ muốn riêng thân mình thọ lợi dưỡng; 3. Có nhiều sự hủy phạm, hành hạnh bất chánh; 4. Đối với sự nhiều ích và tổn giảm của các đệ tử Cận trụ khác, liền thấy điều đúng và điều không đúng; 5. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng giới; 6. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng tâm; 7. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng

tuệ; 8. Chẳng thể kham nhẫn đối với các công việc trong chúng có nhiều nhiều nã.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Số cùng sở đối trị
Rộng kiến lập chi phân
Xa lìa khổ tán động
Phân chi trên sai khác.*

Hỏi: Như trước đã thuyết về bốn chủng tính lự, nhân duyên gì chỉ thuyết bốn tính lự không thêm không bớt?

Đáp: Do năng rất ráo vượt thoát khổ lạc vậy. Vì cố sao? Bởi lẽ từ Sơ tính lự cho đến đệ tứ tính lự, phải thứ lớp vượt qua khổ lạc mới đến rất ráo vậy.

Sở trị của Sơ tính lự là gì? Có năm chủng: 1. Tham dục; 2. Ba chủng tâm tư dục, khuể, hại; 3. Ưu khổ; 4. Phạm giới; 5. Tán loạn.

Sở trị của Đệ nhị tính lự là gì? Cũng có năm chủng: 1. Tham Sơ tính lự; 2. Tâm tứ; 3. Khổ; 4. Trạo; 5. Tánh định hạ liệt.

Sở trị của Đệ tam tính lự là gì? Có bốn chủng: 1. Tham Đệ nhị tính lự; 2. Hỷ; 3. Xao động; 4. Tánh định hạ liệt.

Sở trị của Đệ tứ tinh lự là gì? Có năm chủng:

1. Hơi thở vào, hơi thở ra; 2. Tham Đệ tam tinh lự;
3. Lạc; 4. Ở nơi lạc phát ngộ; 5. Tánh định hạ liệt.

Hỏi: Sơ tinh lự có bao nhiêu chi ?

Đáp: Có năm chi. Những gì là năm? 1. Tâm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Hỏi: Đệ nhị tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có bốn chi. Những gì là bốn? 1. Nội tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Hỏi: Pháp nào là tự tánh của nội tịnh?

Đáp: Niệm, chánh biết, xả là tự tánh.

Hỏi: Đệ tam tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có năm chi. Những gì là năm? 1. Niệm; 2. Chánh biết; 3. Xả; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Hỏi: Đệ tứ tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có bốn chi. Những gì là bốn? 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Không khổ không lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Trong Sơ tinh lự, niệm, chánh biết và xả do chỗ dẫn phát của môn tâm tứ, cho nên tuy có mà không tuyên thuyết. Ở Đệ nhị tinh lự, do tự tánh kia năng tạo tác nghiệp, lại do chỗ trói buộc của

tùy phiền não tâm xao động, nên gọi là nội tịnh. Ở Đệ tam tĩnh lự, do đã xa lìa tâm tùy phiền não, hiển tự tướng kia, nên nói kia lìa hỷ, tham.

Ở Sơ tĩnh lự lìa dục tham, không phải lìa hỷ tham. Ở Đệ nhị tĩnh lự lìa tầm tứ tham, chẳng phải lìa hỷ tham. Ở Đệ tứ tĩnh lự tức hiển thị kia tối cực thanh tịnh. Cho nên phải biết ở tất cả tĩnh lự, tùy theo chỗ thích hợp kia đều tùy chuyển.

Hỏi: Nhân duyên nào ở bốn tĩnh lự kiến lập năm chi, bốn chi như vậy?

Đáp: Vì trụ sở y, vì trụ nhiều ích và vì trụ tự tánh.

Lại có cách giải thích khác: vì tư duy sở duyên, vì thọ dụng sở duyên và vì ở nơi sở duyên không bị phân tán.

Lại có cách giải thích khác: vì chỗ nương của nhiều ích, vì chỗ nương của tăng thượng tâm và vì chỗ nương của tăng thượng tuệ.

Lại có cách giải thích khác: vì đối trị ba trụ tạp nhiễm sở đối trị. Ba trụ tạp nhiễm sở đối trị là gì? 1. Trụ nhiễm ô; 2. Trụ khổ não; 3. Trụ ngu si.

Lại có cách giải thích khác: pháp tương tự những kẻ thọ dụng dục. Các kẻ thọ dụng lược có ba

việc làm căn bản năng hiển kia là kẻ thọ dụng dục: 1. Truy cầu tài bảo; 2. Đã cầu tài bảo rồi, năng thọ dụng; 3. Ở tự tánh kia, tùy ý hành động. Như vậy, người tu tập các tĩnh lự cũng có ba việc làm căn bản, vì nương kia tùy chỗ thích hợp mà kiến lập chi phần.

Lại có cách giải thích khác: vì đối trị hạnh tự hành khổ não, nên kiến lập các chi tĩnh lự. Lược có ba chủng đối trị: 1. Đối trị sự khuyết giảm đối trị; 2. Đối trị sự bức não thân tâm; 3. Đối trị ở nơi ngoại cảnh tâm lưu tán, không tịch tĩnh.

Hỏi: Nhân duyên nào trong Sơ tĩnh lự nói là đã ly dục, mà lại thuyết: “Xa lìa pháp ác bất thiện”?

Đáp: Vì muốn hiển thị tự tướng các dục và vì hiển thị tướng quá hoạn của các dục. Tướng quá hoạn: do các dục kia khiến phát khởi ác hạnh, đọa vào xứ ác cực thấp, nên thuyết danh là ác. Do trái với thiện sanh, nên lại được danh là bất thiện.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị đoạn phiền não tạp nhiễm và hiển thị đoạn nghiệp tạp nhiễm tích tập trước kia.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị người tại gia đoạn thọ dụng dục nhờ môn sự của

các dục, vì hiển thị người xuất gia đoạn các dục nhờ môn tâm tư.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị đoạn tâm tư dục và hiển thị đoạn tâm tư khuể hại.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị tướng sở đắc của tiên ngoại đạo, lại vì hiển thị kia đã lìa pháp thối, hành thệ nguyện.

Hỏi: Nhân duyên nào mà biết ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ?

Đáp: Vì ở kia chưa xa lìa phẩm thô trọng. Nếu trong xứ đây đã đoạn căn khổ, thì tương ứng với trụ Đệ nhị tinh lự không sai khác. Cho nên biết được ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ.

Hỏi: Nếu tâm tư... ở Sơ tinh lự... đều năng nhiếp ích thắng tam-ma-địa, lại năng nhiếp thọ tự địa tinh lự khiến thanh tịnh, nhân duyên nào Thế Tôn ở nơi kia hiển thị danh là động.

Đáp: Đây so với địa khác, không so với tự địa.

Hỏi: Nhân duyên nào từ Dục giới trở lên, ở Sơ tinh lự càng về sau kiến lập các chi phần càng thù thắng hơn?

Đáp: Nên biết lược có ba nhân duyên: 1. Vì sở trị, năng trị; 2. Vì chứng đắc lợi ích thù thắng; 3.

Vì sở chúng đắc. Nên biết ba chủng nhân duyên như vậy tùy chỗ thích hợp nhiếp vào năm chi trong bốn tĩnh lự.

Hỏi: Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ nhị tĩnh lự tam-ma-địa viên mãn.

Hỏi: Đệ nhị và Đệ tam tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ tam tĩnh lự nhiều ích viên mãn.

Hỏi: Đệ tam và Đệ tứ tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ tứ tĩnh lự thanh tĩnh viên mãn.

Lại có bốn chủng tu tam-ma-địa: 1. Vì đắc hiện pháp lạc trú; 2. Vì đắc trí kiến thù thắng; 3. Vì đắc tuệ phân biệt; 4. Vì chúng các lậu vĩnh viễn tận. Nên biết nương bốn bổ-đặc-già-la mà kiến lập bốn chủng tu tam-ma-địa trên.

Bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Có hạng nhanh chóng thông các khổ, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế; 2. Có hạng dị sanh chưa đắc dấu tích hành, đã ly dục và đã đắc sở duyên vô lượng hữu tình; 3. Có hạng chậm thông các lạc, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế; 4. Có hạng nhanh chóng thông các lạc, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế. Trong đây có dị sanh đã đắc vô lượng và đã ly dục,

hoặc đã chứng đắc sanh tử trí thông gọi là trí kiến thanh tịnh. Hoặc chậm thông các lạc, khi dấu tích hành chuyển, tuy đã kiến đế nhưng do căn yếu kém mà gọi là thối pháp. Do nhân duyên đây, lại ở nơi tâm tư thọ tưởng của Dục giới trụ chánh niệm hơn nữa, phát khởi chánh trí hơn nữa.

Lại nữa, nay hiển ly dục của các tĩnh lự, nên biết lược có 6 chủng ly dục: 1. Tự tánh ly dục; 2. Tổn giảm ly dục; 3. Nhậm trì ly dục; 4. Thăng tiến ly dục; 5. Ngu si ly dục; 6. Đối trị ly dục.

Tự tánh ly dục: ở nơi tự tánh bất tịnh, chẳng phải ở nơi sự thọ dụng, tánh nhằm chán trái lìa. Lại ở nơi thọ khổ, tánh nhằm chán trái lìa. Lại nếu đã lìa nhiễm ở trụ Sơ tĩnh lự, trong Đệ nhị tĩnh lự... tánh nhằm chán trái lìa đối với tâm tứ. Đây gọi là tự tánh ly dục.

Tổn giảm ly dục: như hai bên giao hội, tập quen pháp dâm dục... khi đã trừ nhiệt não rồi, tánh nhằm chán trái lìa pháp dâm dục kia. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là tổn giảm ly dục.

Nhậm trì ly dục: như đã thọ dụng ăn uống thượng vị cực no đủ rồi, tánh nhằm chán trái lìa đối với các thức ăn uống khác. Hết thấy loại còn

lại như vậy đều gọi là nhậm trì ly dục.

Thăng tiến ly dục: ví như đã thành tựu tài bảo thù thắng vi diệu hoặc địa vị tôn quý, tánh nhàm chán trái lìa đối với các loại thấp kém khác. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là thăng tiến ly dục.

Ngu si ly dục: vì không hiểu rõ công đức thâm sâu của Niết-bàn, nên phát khởi tánh nhàm chán trái lìa đối với Niết-bàn. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là ngu si ly dục.

Đối trị ly dục: hoặc do đối trị yếm hoại, hoặc do đối trị đoạn, hoặc do đối trị trì, hoặc do đối trị phần xa, hoặc do đạo thế gian, xuất thế gian đoạn các phiền não. Như vậy đều gọi là đối trị ly dục.

Hỏi: Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là trụ”?

Đáp: Vì ở nơi nội cảnh giới sở duyên buộc tâm khiến an trụ, vì ở nơi ngoại cảnh giới sở duyên buộc tâm khiến không lưu tán.

Hỏi: Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là Tam-ma-địa”?

Đáp: Vì ở nơi sở duyên tất cả ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, tâm nhậm trì bình đẳng.

Hỏi: Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là Xa-ma-tha”?

Đáp: Vì muốn tất cả phiến não được tịch tĩnh, lặng yên và dừng dứt.

Hỏi: Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là tâm tánh nhất cảnh”?

Đáp: Lược có 2 chủng cảnh giới sở duyên: 1. Cảnh giới sở duyên bất định địa; 2. Cảnh giới sở duyên định địa. Trong đây nhất cảnh được gọi là cảnh giới sở duyên định địa, vì buộc tâm ở nơi chỉ một cảnh sở duyên đây, chẳng phải cảnh thứ hai, cho nên gọi là tâm tánh nhất cảnh.

Lại nữa, trong đây từ ly dục mà thối thất lược có 10 chủng:

1. Vì thân sở y không điều hòa nên từ ly dục mà thối. Như có người mắc phải trọng bệnh, thối chí nói rằng: “Ta ở nơi định đây chẳng thể chứng nhập, ta sắp thối thất định vô ngã ư”.

2. Do có người tánh nhiều thô trọng, trước không xuyên suốt tu tập tam-ma-địa, do có nhiều thô trọng như vậy nên thành pháp thối. Hoặc vì có cảnh giới sở duyên thù thắng hơn, nên từ ly dục mà thối. Như có người chứng đắc cảnh giới thắng

diệu hiện tiền như tiên ngoại đạo, cho đến chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng do nhìn thấy thiếu niên dung sắc mỹ diệu, hoặc nhìn thấy thiếu nữ khả ái, nên từ ly dục mà thối.

3. Do thu được cung kính, lợi dưỡng nên thối. Như có người thu được lợi dưỡng cung kính từ người khác nên bị thối đạo, như Đề-bà-đạt-đa.

4. Do bị khinh hủy nên thối. Đó là người bị người khác hoặc sân, hoặc hại, hoặc hủy nhục, nên từ ly dục mà thối, như tiên ngoại đạo do tức giận nên hiện hành nguyên rửa, thối tam-ma-địa.

5. Do mạn nên thối. Như có người tự cậy đã đắc định mà hành động lấn hiếp người.

6. Do tăng thượng mạn nên thối. Đó là người chứng các thắng định sai khác, nên khởi tăng thượng mạn.

7. Do không tác ý nên thối. Đó là người ở nơi hành tướng tác ý năng nhập định không lại tư duy.

8. Do chưa xuyên suốt tu tập nên thối. Đó là người mới tu nghiệp, bắt đầu tu thiện pháp.

9. Do tự địa phiền não lớp lớp hiện khởi nên thối. Đó là người ái thượng tinh lự cho đến nghi thượng tinh lự.

10. Do thọ tận, phước tận, nghiệp tận nên thối. Đó là người sanh ở cõi trên, từ đây chết đi hoàn sanh lại cõi dưới.

Lại nữa, trong đây hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm hạ, thiện pháp phẩm hạ, nhiều niệm khó khăn nhưng sau mới thối, nhiều niệm khó khăn mới có thể nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm hạ, thiện pháp phẩm thượng, nhiều niệm khó khăn nhưng sau mới thối, trải qua một niệm nhanh chóng năng nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm thượng, thiện pháp phẩm hạ, trải qua một niệm nhanh chóng thối, nhiều niệm khó khăn mới năng nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm thượng, thiện pháp phẩm thượng, trải qua một sát-na nhanh chóng liền thối, một khoảnh sát-na nhanh chóng nhập định.

Lại có bồ-đặc-già-la đã đắc ly dục, từ định khởi rồi, hoặc có lúc tác ý gián đoạn xen kẽ tam-ma-địa mà chuyển, hoặc có lúc không gián đoạn xen kẽ. Nếu lúc không gián đoạn, gặp duyên âm thanh từ định mà khởi, nhĩ thức khác sanh cùng định tương ưng ý thức đồng chuyển, chẳng phải tức ở định tương ưng với ý thức kia năng nhận lấy tiếng đây.

Nếu chẳng như vậy, ở nơi âm thanh đây vì không có sự lãnh thọ, nên không xuất định. Chẳng phải lúc nhận lấy tiếng tức liền xuất định. Lãnh thọ tiếng rồi, nếu có mong cầu, lúc sau mới xuất.

Ở trong địa đây, vẫn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 7. PHI TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tam-ma-hí-đa địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Phi tam-ma-hí-đa địa**.

1. Hoặc do tự tánh nên gọi là bất định địa, đó là năm thức thân.

2. Hoặc thiếu sự khinh an nên gọi là bất định địa, đó là các tâm, tâm pháp ở tại Dục giới.

3. Hoặc chưa phát khởi hướng đến nên gọi là bất định địa, đó là những kẻ thọ dục.

4. Hoặc tán loạn nên gọi là bất định địa, đó là kẻ mới bắt đầu sự nghiệp tu tập định, tâm bị lưu

tán nơi ngũ dục.

5. Hoặc tích chứa quá nhiều nên gọi là bất định địa, đó là kẻ mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, ở nơi nội cảnh giới trong tâm thâu nhiếp gom nhóm nên sanh chìm đắm.

6. Hoặc chưa đắc nên gọi là bất định địa, đó là tâm lưu tán tương ưng các pháp.

7. Hoặc chưa viên mãn nên gọi là bất định địa, đó là chưa chứng đắc tác ý gia hạnh cứu cánh.

8. Hoặc tạp nhiễm nên gọi là bất định địa, đó là tuy chứng đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, mà ở định kia sanh nhiều ái vị.

9. Hoặc không tự tại nên gọi là bất định địa, đó là do tâm nhiễm ô nên không được tự tại.

10. Hoặc không thanh tịnh nên gọi là bất định địa, đó là chưa vĩnh viễn hại diệt phiền não tùy miên.

11. Hoặc xuất định nên gọi là bất định địa, đó là từ tam-ma-địa đã đắc mà khởi nhưng không thối thất.

12. Hoặc bị thối nên gọi là bất định địa, đó là từ tam-ma-địa đã đắc mà hoàn thối.

Lại nữa, trong đây hoặc nương vào bất định

địa đầu tiên, vì an trụ tâm nên chánh nắm giữ tướng, đó là tướng xanh bầm, hoặc tướng máu mủ thối rữa... nói rộng như trước.

Hoặc nương vào bất định địa thứ hai, vì được tác ý nên siêng tu tập.

Hoặc nương vào bất định địa thứ ba, vì đắc căn bản nên siêng tu tập.

Hoặc nương vào bất định địa thứ tư hiện tại tiền, ban đầu nên chánh an trụ nơi niệm, vì không tán loạn nên thâm nhiếp nơi tâm, vì chánh biết nên nhanh chóng nhiếp thọ.

Hoặc nương vào bất định địa thứ năm hiện tại tiền, cần phải tư duy tướng tịnh diệu, lại nên khéo thông đạt tướng chìm đắm.

Hoặc nương vào bất định địa thứ sáu hiện tại tiền, để chẳng quên mất lời thầy dạy trao, cần phải an trụ mạnh mẽ, như lý hộ niệm phương tiện, cần phải tu tập ân trọng không gián đoạn.

Hoặc nương vào bất định địa thứ bảy hiện tại tiền, nên ở nơi định thấp kém đã đắc không sanh vui đủ.

Hoặc nương vào bất định địa thứ tám hiện tại tiền, ở nơi các tạp nhiễm nên quán quá thất. Giả

sử sanh khởi tạp nhiễm ái vị, thoát hiện liên trừ bỏ không nên luyện trước.

Hoặc nương vào bất định địa thứ chín hiện tại tiền, nên tu tam-ma-địa không gián đoạn, lại nên thiện xảo thông đạt tướng của kia.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười hiện tại tiền, phải nên tu để thiện xảo sâu xa.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười một hiện tại tiền, vì khiến không thối lui nên không phóng dật.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười hai hiện tại tiền, tức vì việc kia nên tu xa lìa, như lý tác ý, nên tùy thuận phương tiện tu tập ân trọng, không gián đoạn như trước.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 8. HỮU TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Phi tam-ma-hí-da địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Hữu tâm địa**.

Nên biết các tâm chuyển sai biệt lược do 5 tướng: 1. Do đạo lý thế tục mà kiến lập; 2. Do đạo lý thắng nghĩa mà kiến lập; 3. Do sở y, năng y mà kiến lập; 4. Do đồng có mà kiến lập; 5. Do nhiễm tịnh mà kiến lập.

Sao gọi là do đạo lý thế tục mà kiến lập? Đó là nương đạo lý thế tục mà kiến lập nghĩa các tâm chuyển sai biệt, nên biết như trong phần *Ý địa* đã thuyết.

Sao gọi là do đạo lý thắng nghĩa mà kiến lập sai biệt? Lược có 2 thức: 1. A-lại-da thức; 2. Chuyển thức. A-lại-da thức là sở y, chuyển thức là năng y. Đây lại có 7 chủng, chỗ gọi là nhãn thức cho đến ý thức. Thí như sóng nước nương dựa dòng chảy, hoặc giống như ảnh tượng nương dựa gương sáng. Như vậy gọi là nương thắng nghĩa đạo lý mà kiến lập sở y năng y sai biệt.

Lại nữa, trong đây các thức đều gọi là tâm, ý, thức. Nhưng vượt trội hơn cả thì A-lại-da thức gọi là tâm. Vì có sao? Do thức đây năng chứa nhóm tất cả chủng tử pháp, ở tất cả thời duyên cảnh lãnh thọ giữ gìn, duyên một loại cảnh khí không thể biết. Mạt-na gọi là ý, ở tất cả thời chấp ngã, ngã

sở và ngã mạn... suy lường làm tánh. Thức còn lại gọi là thức, đó là ở nơi cảnh giới liễu biệt làm tướng. Ba chủng tâm, ý, ý thức như vậy ở vị Hữu tâm, trong tất cả thời đồng có mà chuyển. Hoặc chuyển thức như nhãn thức... chẳng khởi, nếu kia khi khởi nên biết kia tăng thêm đồng có mà chuyển. Như vậy hoặc có lúc bốn thức đồng chuyển, cho đến hoặc có lúc tám thức đồng chuyển.

Lại cùng một thời gian thì một ý thức phân biệt hoặc một cảnh, hoặc hai cảnh, hoặc nhiều cảnh, hoặc tự cảnh, hoặc tha cảnh. Cho nên nói ý thức không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Nếu Mạt-na kia ở tất cả thời suy lường làm tánh tương tục mà chuyển, như Thế Tôn thuyết “xuất thế mạt-na”, kiến lập thế nào?

Đáp: Danh đây chỉ giả thi thiết, không hẳn như nghĩa. Lại vì đối trị kia, xa lìa điên đảo mà chân chánh suy lường vậy, tức là Mạt-na đây giữ gìn ý thức khiến phân biệt nhậm vận chuyển, cho nên thuyết là chỗ nương của ý thức.

Lại các chuyển thức hoặc có lúc tất cả chỉ tương ưng thọ lạc đồng có mà chuyển, hoặc có lúc cũng cùng với thọ khổ, hoặc có lúc cũng cùng thọ

không khổ không lạc... tương ưng đồng chuyển. A-lại-da thức tương ưng với thọ, ở tất cả thời chỉ là không khổ không lạc, chỉ là dị thực sanh. Ở đây, khi tất cả thức lưu chuyển hoặc đồng hành lạc, hoặc đồng hành khổ, hoặc đồng hành chẳng phải khổ lạc, hằng lưu chuyển tương tục như vậy cho đến mạng chung cũng không đoạn dứt. Ngoài ba thọ ra, nên biết chỗ dẫn phát của tư duy, chẳng phải là thời thời đồng sanh với chỗ dẫn phát của tác ý hiện tiền, vì kia đồng sanh với thọ cực vi tế nên khó có thể phân biệt. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là ở nơi thắng nghĩa đạo lý mà kiến lập các thức đồng có sai biệt.

Lại nữa, A-lại-da thức không có phiền não cùng cộng tương ưng. Mạt-na hằng cùng tương ưng bốn chủng phiền não nhậm vận triển chuyển, ở tất cả thời đồng khởi không dứt, đó là: ngã, ngã sở hành, thân kiến, ngã mạn và ngã ái, không cùng vô minh. Đây là các phiền não cùng với thức thiện, bất thiện, vô ký mà không chống trái nhau. Nơi tánh đây chỉ là vô ký ẩn chìm nhậm vận mà khởi. Nên biết chỗ khởi các phân biệt còn lại tùy thuộc các lực duyên sai khác mà chuyển.

Lại bốn chủng phiền não tương ưng đồng có, nhậm vận biến hành cùng với Mạt-na, dụng đạo thế gian để đối trị không thể làm tổn phục. Vì cơ sao? Người tuy đã ly dục mà phiền não vẫn còn hiện hành, thì các phiền não đây nhiếp vào địa tùy theo nơi sanh đến. Nên biết ở địa đây, người tuy đã ly dục mà phiền não của địa ấy hiện hành không dứt. Vì cơ sao? Chủng tử của các phiền não đây được A-lại-da thức dẫn dắt, nên ở tất cả thời nhậm vận mà sanh, chẳng phải do lực duyên cảnh giới của sở đối trị và năng đối trị sai biệt chuyển vậy.

Nếu người ly dục dụng đạo thế gian đối trị, hoặc lúc hiện tại tiền, hoặc lúc không hiện tại tiền, các phiền não đây cũng hiện hành chẳng dứt.

Nếu bậc hữu học đã kiến tích, lúc đạo xuất thế gian hiện tại tiền, các phiền não đây chẳng được hiện hành. Nhưng khi ra khỏi kia rồi, phiền não hiện hành trở lại, vì chỉ khéo thông đạt mà chưa vĩnh viễn đoạn tận.

Nếu bậc vô học thì tất cả chủng đây đều không hiện hành. Các phiền não đây nên biết chỉ ly dục ở Phi tướng phi phi tướng xứ thì cùng lúc đoạn

ngay, chẳng phải như các hoặc khác phải đoạn dần dần. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi là kiến lập thanh tịnh tạp nhiễm sai biệt.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 9. VÔ TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Hữu tâm địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Vô tâm địa**.

Hỏi: Phàm có bao nhiêu chủng nhân tâm không sanh? Do bao nhiêu chủng nhân mà tâm không được sanh?

Đáp: Nhân tâm không sanh lược có 7 chủng, do nguyên nhân đây tâm không được sanh. Những gì là bảy? 1. Vì khuyết duyên; 2. Vì khuyết tác ý; 3. Vì chưa đắc; 4. Vì trái nhau; 5. Vì đoạn trừ; 6. Vì diệt tận; 7. Vì đã sanh.

Sao gọi là vì khuyết duyên nên tâm không được sanh? Do nội nhân xứ bị hư hoại, hoặc ngoại

sắc xứ không hiện tại tiền, nói rộng cho đến nội ý xứ bị hư hoại, hoặc ngoại pháp xứ không hiện tại tiền. Bấy giờ chỗ sanh khởi nhân thức cho đến ý thức trọn chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì khuyết duyên nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì khuyết tác ý nên tâm không được sanh? Tuy có nội nhân xứ không bị hư hoại, ngoại sắc xứ hiện tiền, nói rộng cho đến nội ý xứ không bị hư hoại, ngoại pháp xứ hiện tiền. Nhưng tác ý không năng sanh khởi đúng lúc, bấy giờ do nguyên nhân kia mà chỗ sanh nhân thức cho đến ý thức trọn chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì khuyết tác ý, nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì chưa đắc nên tâm không được sanh? Như có người vì muốn chứng đắc Sơ tĩnh lự, nên tư duy tướng thô của hạ Dục giới, tư duy tướng tinh của Sơ tĩnh lự. Nếu ở nơi đạo dây không cực tác ý, hoặc tu hoặc tập hoặc nhiều tu tập, mà lại tập quen bất thiện, thì không thể chứng đắc Sơ tĩnh lự. Do chưa đắc nên Sơ tĩnh lự tâm chẳng được sanh.

Lại như người đối với Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự, Đệ tam tĩnh lự, Đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên

xú, Thức vô biên xú, Vô sở hữu xú, tư duy tướng thô; đối với Đệ nhị tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xú, tư duy tướng tinh như trước đã nói rộng nên biết cũng vậy.

Lại như có người vì muốn đoạn tất cả thân, nên ở trong khắp thân tư duy tướng khổ, vì muốn chứng đắc Niết-bàn giới, nên ở nơi thân diệt Niết-bàn giới tư duy tướng tĩnh. Nếu ở nơi đạo đây không cực tác ý, hoặc tu hoặc tập hoặc nhiều tu tập, mà lại tập quen bất thiện thì không thể tận chứng tất cả Niết-bàn. Do chưa chứng, nên ở nơi vĩnh viễn giải thoát các kiết phược, tùy miên, tùy phiền não triền, tâm liền chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì chưa đắc nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì trái nhau nên tâm không được sanh? Như có một xúc năng thuận theo các xúc thọ lạc, khi lãnh thọ thọ lạc, tâm tương ưng thọ lạc hiện tại tiền. Ngay liền đó lấy tâm tương ưng thọ khổ, thọ không khổ không lạc tâm không thể sanh, vì trái nhau vậy. Như vậy nếu xúc năng thuận các xúc thọ khổ, thọ không khổ không lạc, như trước nói rộng. Ngay liền đó lấy tâm tương ưng thọ lạc, thọ không khổ không lạc tâm không thể sanh, vì

trái nhau vậy.

Lại có một sự trói buộc của tham triền, tâm tương ưng tham triền hiện tại tiền. Ngay lúc ấy lấy tâm tương ưng sân triền, tâm không được sanh vì trái nhau vậy. Như vậy, hoặc có sự trói buộc của sân triền, nói rộng cho đến ngay lúc ấy lấy tâm tương ưng tham triền, tâm không được sanh vì trái nhau vậy. Như vậy gọi là vì trái nhau nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì đoạn nên tâm không được sanh?
 Như có người do khéo tu tập tám Thánh đạo chi, nên chứng đắc tham dục, sân khuể, ngu si vĩnh viễn tận không sót thừa. Lúc bấy giờ tâm kia có tham, có sân, có si... tùy một tâm pháp trong số các tùy phiền não làm nhiễm ô tâm sanh khởi. Do kia đã đoạn, đã biết khắp, nên tâm đều chẳng sanh. Như vậy gọi là vì vĩnh viễn đoạn nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì diệt tận nên tâm không được sanh? Như có người sanh trời Vô tưởng, nhập Vô tưởng định, nhập Diệt tận định. Kia ở trong ấy không gián đoạn, bấy giờ do đoạn diệt nên tâm không sanh khởi. Lại như có người ở trong Vô dư

y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn, bấy giờ kia rốt ráo diệt nên tâm chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì diệt tận nên tâm không được sanh.

Sao gọi là vì đã sanh nên tâm không được sanh? Chỗ gọi tắt cả tâm đã sanh ở hiện tại sanh khởi, sát-na lùi về sau tắt thành pháp diệt. Kia ở hiện tại vì đã sanh, nên lại chẳng thể sanh. Nếu kia đã diệt, cũng đã sanh, nên trọn chẳng thể sanh. Như vậy gọi là vì đã sanh nên tâm không được sanh.

Nên biết do 7 nhân duyên đây nên tâm không được sanh. Trái với 7 nhân duyên đây, tùy chỗ thích hợp mà các tâm được sanh: 1. Vì không khuyết duyên; 2. Vì không khuyết tác ý; 3. Vì đã chứng đắc; 4. Vì không trái nhau; 5. Vì chưa đoạn trừ; 6. Vì chưa diệt tận; 7. Vì chưa đã sanh.

Ở trong đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Quyển 64

Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Vô tâm địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Văn sở thành tuệ địa**.

Đó là do 5 điều mà quán sát chỗ quay về cho đến năng quy y: 1. Do thân nghiệp thanh tịnh; 2. Do ngữ nghiệp thanh tịnh; 3. Do ý nghiệp thanh tịnh; 4. Do đối với các hữu tình sanh khởi đại bi; 5. Do thành tựu pháp vô thượng.

Hỏi: Có bao nhiêu chủng quy y? Duyên nào chỉ có chỗ như vậy là nên quy y? Duyên nào ngang đâu mà nói là năng quy y? Tu hành những gì gọi là hạnh quy y? Quy y có được những công đức gì?

Đáp: Quy y có ba chủng là Phật, Pháp, Tăng. Do bốn duyên nên có chỗ quy y: 1. Vì tánh Như Lai cực điều thiện; 2. Vì dụng phương tiện khéo năng điều thiện tất cả chúng cần điều phục; 3. Vì đầy đủ đại bi; 4. Vì dùng tất cả tài bảo để cúng dường vẫn

chưa phải là điều cần yếu khiến sanh hoan hỷ, dùng chánh hạnh để cúng dường tất sanh hoan hỷ. Do vậy nên kiến lập pháp kia. Các chúng đệ tử đều năng quy y.

Ngang 4 duyên nên nói là năng quy y: 1. Vì biết công đức; 2. Vì biết sai biệt; 3. Vì tự phát thệ nguyện; 4. Vì chẳng nêu những lỗi sót thừa của Đại sư.

Nên biết quy y có 4 chánh hành: 1. Thân cận bậc thiện sĩ; 2. Lắng nghe chánh pháp; 3. Như lý tác ý; 4. Tùy pháp hành pháp. Nếu thành tựu bốn chánh hành đây liền được gọi là quy y. Nên biết lại có 4 chủng chánh hành: 1. Các căn không trạo loạn; 2. Thọ học học xứ; 3. Bi mẫn đối với hữu tình; 4. Mọi lúc đều siêng tu tập cúng dường Tam Bảo.

Người thọ quy y sẽ thành tựu 4 công đức: 1. Thu được phước rộng lớn; 2. Thu được đại hoan hỷ; 3. Thu được tam-ma-địa; 4. Thu được đại thanh tịnh.

Lại thu được 4 đức: 1. Được sự hộ trì rộng lớn viên mãn; 2. Ở nơi tất cả chủng tà tín giải chướng ngại đều được hóa giải mỏng nhẹ, hoặc vĩnh viễn tận diệt; 3. Được nhập trong chúng thông duệ chánh

hạnh chánh chí thiện sĩ, chỗ gọi là bậc Đại sư, bậc đồng phạm hạnh; 4. Vì tịnh tín đối với thánh giáo, nên chư thiên hoan hỷ nhớ nghĩ. Như thiên chúng kia sanh tâm hoan hỷ xướng lời như vậy: “Chúng ta vì thành tựu tam quy y, nên từ chốn kia mất sanh đến cõi này. Các người này nay thành tựu nhiều an trụ quy y, đương lai cũng sẽ sanh đồng phạm trong chúng ta”.

Lại nữa, do 6 chủng tướng nên biết Phật, Pháp, Tăng bảo có sự sai khác: 1. Do tướng; 2. Do nghiệp; 3. Do tín giải; 4. Do tu hành; 5. Do tùy niệm; 6. Do sanh phước.

Do tướng, nên Tam Bảo có sự sai khác: tướng tự nhiên giác ngộ là Phật bảo; tướng quả giác ngộ là Pháp bảo; tướng chánh tu hành theo lời người dạy là Tăng bảo.

Do nghiệp, nên Tam Bảo có sự sai khác: nghiệp chuyển chánh giáo là Phật bảo; nghiệp xả cảnh sở duyên phiền não khổ là Pháp bảo; nghiệp dũng mãnh tăng trưởng là Tăng bảo.

Do tín giải, nên Tam Bảo có sự sai khác: đối với Phật bảo, phải trông tín giải thân cận thừa sự; đối với Pháp bảo, phải trông tín giải hy cầu chứng

đắc; đối với Tăng bảo, phải trồng tín giải hòa hợp, đồng một pháp tánh cộng trú.

Do tu hành, nên Tam Bảo có sự sai khác: đối với Phật bảo, nên tu chánh hạnh cúng dường thừa sự; đối với Pháp bảo, nên tu chánh hạnh phương tiện Du-già; đối với Tăng bảo, nên tu chánh hạnh cùng thọ tài pháp.

Do tùy niệm, nên Tam Bảo có sự sai khác: nên dùng tướng khác tùy niệm Phật bảo; nên dùng tướng khác tùy niệm Pháp bảo; nên dùng tướng khác tùy niệm Tăng bảo. Đó là Thế Tôn cho đến rộng thuyết...

Do sanh phước, nên Tam Bảo có sự sai khác: ở Phật bảo, nương một hữu tình mà được sanh phước tối thắng; ở Pháp bảo, tức nương pháp mà được sanh phước tối thắng; ở Tăng bảo, nương nhiều hữu tình mà được sanh phước tối thắng.

Lại nữa, do 5 pháp nên Sa-môn và Bà-la-môn có sự hơn kém sai khác. Những gì là năm? 1. Pháp được nghe; 2. Pháp giới luật; 3. Pháp nhiếp thọ; 4. Pháp thọ dụng; 5. Pháp chứng đắc.

Pháp được nghe của Bà-la-môn là hạ liệt vì nghĩa hư ảo thấp kém, vì không soi tỏ được cho

người, vì văn cú mờ tối. Sở hữu pháp được nghe của Sa-môn trái với tướng trên, cho nên thắng diệu.

Lại pháp giới luật của Bà-la-môn thuận theo cái gì? Thuận theo phần gì? Thuận theo khai, hứa, hại... sai biệt, cho nên hạ liệt. Pháp giới luật của Sa-môn trái với tướng đây, cho nên thắng diệu.

Lại pháp nhiếp thọ của Bà-la-môn vì là nhiếp thọ chương đạo, như việc ruộng, việc nhà, việc tài bảo... lại thêm nhiếp thọ các loại như vợ con, nô tỳ, đầy tớ... cho nên hạ liệt. Pháp nhiếp thọ của Sa-môn là pháp đoạn trừ xa lìa khổ, lại vô sở hữu, cho nên thắng diệu.

Lại pháp thọ dụng của Bà-la-môn là thọ dụng chương đạo, như những vật dụng trang điểm, hương xoa, hoa cài tóc... lại hiện thọ dụng các trò vui chơi giải trí như ca múa, hát xướng... lại hiện thọ dụng pháp dâm dục... cho nên hạ liệt. Pháp thọ dụng của Sa-môn là thọ dụng không tội, chánh văn tư tu thành tựu trí tuệ, nên thắng diệu.

Lại pháp chứng đắc của Bà-la-môn chỉ lấy Phạm thế làm rốt ráo, lại vì hoàn thối, vì tạp nhiễm ô, vì có khổ não, nên là hạ liệt. Pháp chứng đắc của Sa-môn vì lấy Bát-niết-bàn làm rốt ráo, vì

không còn thối chuyển, vì nhất hướng là cầu, vì nhất hướng an lạc, nên là thắng diệu.

Lại nữa, cầu dục có năm: 1. Cầu nhiếp thọ; 2. Cầu thọ dụng; 3. Cầu hý lạc; 4. Cầu hiểu biết bị thiếu thốn; 5. Cầu thanh danh.

Cầu hữu cũng có năm: 1. Cầu pháp nhĩ; 2. Cầu kỳ nguyện; 3. Cầu ngu si; 4. Cầu yểm hoạn; 5. Cầu tư trạch.

Cầu phạm hạnh cũng có năm: 1. Cầu duy chỉ mong cầu; 2. Cầu hướng đến được; 3. Cầu được hiện tiền; 4. Cầu được về sau; 5. Cầu suy nghĩ chọn lựa làm sao phải được. Lại có cách giải thích khác: 1. Cầu giả danh; 2. Cầu đệ nhất nghĩa; 3. Cầu quán sát kia; 4. Cầu không phương tiện; 5. Cầu có phương tiện. Như trong phần *Bản địa* đã thuyết.

Trong năm minh xứ thì nội minh xứ thù thắng hơn so với các luận, các tông, các minh xứ khác. Vì có sao? Do bốn thanh tịnh mà có nghĩa thanh tịnh: 1. Thanh tịnh vì thâm nhiếp tất cả nghĩa nhiễm tịnh; 2. Thanh tịnh vì ở nơi nghĩa đây luận khác chẳng thể chế phục; 3. Thanh tịnh vì nghĩa đây dễ nhập; 4. Thanh tịnh vì đã được nhập chánh hành rồi, không bị hoại mất.

Lại nữa, nếu muốn tóm lược giải thích thánh giáo của chư Phật, phải nương sáu chủng môn lý mà theo đó quyết liễu: **1.** Môn lý chân nghĩa; **2.** Môn lý chứng đắc; **3.** Môn lý dạy dẫn; **4.** Môn lý xa lìa hai biên; **5.** Môn lý không thể nghĩ bàn; **6.** Môn lý ý thú.

Trong đây, do 3 môn lý sau mà theo đó quyết liễu 3 môn lý trước. Do môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa. Do môn lý không thể nghĩ bàn mà theo đó quyết liễu môn lý chứng đắc. Do môn lý ý thú mà theo đó quyết liễu môn lý dạy dẫn. Trong đây, chân nghĩa tức là môn lý, cho nên gọi là môn lý chân nghĩa, cho đến ý thú tức là môn lý, cho nên gọi là môn lý ý thú. Nghĩa môn lý tức là ở nơi kia tánh không điên đảo, tánh như thật, tánh lìa điên đảo.

1. Môn lý chân nghĩa:

Chân nghĩa lược có 6 chủng: **1.** Chân thật thành tựu thế gian; **2.** Chân thật thành tựu đạo lý; **3.** Chân thật do phiền não chướng thanh tịnh; **4.** Chân thật thành tựu sở tri chướng thanh tịnh; **5.** Chân thật an lập; **6.** Chân thật phi an lập.

Bốn chân thật trước: như phần *Chân thật nghĩa* trong *Bồ tát địa* đã rộng phân biệt .

Chân thật an lập: là bốn Thánh đế, tức là khổ do khổ cho đến đạo do đạo. Vì cơ sao? Tóm lược lấy 3 chủng an lập thế tục: 1. Thế gian thế tục: chỗ gọi an lập nhà, quán, bình, bồn, quân, rừng, số... lại an lập ngã, hữu tình...; 2. Đạo lý thế tục: chỗ gọi an lập uẩn, giới, xứ...; 3. Chứng đắc thế tục: chỗ gọi là an lập quả Dự lưu... chỗ nương tựa kia.

Lại an lập lược có 4 chủng: đó là ba chủng thế tục như trước đã thuyết và an lập thắng nghĩa thế tục, tức là thắng nghĩa đế. Do nghĩa đế đây chẳng thể an lập, chỉ do tự chứng đắc bên trong, theo đó phát sanh trí đây, cho nên giả lập.

Chân thật phi an lập: là các pháp chân như.

2. Môn lý chứng đắc:

Nếu nói lược thì có 4 chứng đắc: 1. Chứng đắc các nghiệp quả hữu tình; 2. Chứng đắc Thanh văn thừa; 3. Chứng đắc Độc giác thừa; 4. Chứng đắc Đại thừa.

- Chứng đắc nghiệp quả hữu tình: do sự tạo tác nghiệp tịnh, bất tịnh và tự tạo tác nghiệp là

nhân y nương mà các loại hữu tình ở trong biển năm thú sanh tử cảm quả dị thực, thọ quả dị thực.

- Chứng đắc Thanh văn thừa: vì trước thọ quy y, cho đến vật trang nghiêm Sa-môn là nhân y nương, nên có 5 chủng chứng đắc:

1. Chứng đắc địa có ba: kiến địa, tu địa, cứu cánh địa.

2. Chứng đắc trí có chín: pháp trí, chủng loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, sở đắc hậu thế tục trí, tận trí, vô sanh trí.

3. Chứng đắc tịnh: là bốn chứng tịnh.

4. Chứng đắc quả: là bốn quả Sa-môn.

5. Chứng đắc công đức: là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải, thần thông. Tất cả như vậy nên biết trước đã rộng phân biệt.

Lại chứng đắc nhân Thanh văn thừa: đó là đắc đạo ly dục thế gian, sở hữu thiện căn thuận phần giải thoát, thuận phần quyết trạch.

- Chứng đắc Độc giác thừa lược có 3 chủng: 1. Chứng đắc thiện căn thuận phần quyết trạch trước đã đắc; 2. Chứng đắc điều chứng đắc trước đã đắc; 3. Chứng đắc điều chứng đắc trước chưa đắc. Hai

chúng đắc trước gọi là Độc thắng, chúng đắc sau gọi là Lân giác dụ.

- Chúng đắc Đại thừa: là chúng đắc phát tâm, chúng đắc đại bi, chúng đắc Ba-la-mật-đa, chúng đắc nhiếp sự, chúng đắc địa, chúng đắc năm vô lượng tùy đến chân như, chúng đắc uy đức tín giải không thể nghĩ bàn, chúng đắc pháp Phật bất cộng... Tất cả như vậy như trong *Bồ-tát địa* đã rộng phân biệt.

3. Môn lý dạy dẫn:

Dạy dẫn nhiếp thuộc 3 xứ: 1. Do Tạng nhiếp lấy; 2. Do Bản mẫu nhiếp lấy; 3. Do cả hai kia nhiếp lấy.

Do Tạng nhiếp lấy: là do tạng Thanh văn và tạng Đại thừa.

Do Bản mẫu nhiếp lấy: là mười bảy địa và bốn chủng nhiếp.

Do cả hai kia nhiếp lấy lược có 10 chủng là: dạy tướng đế; dạy biến tri; dạy vĩnh viễn đoạn trừ; dạy chúng đắc; dạy tu tập, tức là dạy phẩm loại sai biệt của kia, tức là dạy nhiếp lấy sở y, năng y phụ thuộc lẫn nhau; dạy hết thấy pháp chương ngại

biến tri; dạy hết thầy pháp thuận biến tri; dạy công đức, lỗi lầm của hết thầy biến tri, không biến tri... Như vậy năng nhiếp tất cả Tạng nhiếp và Bản mẫu nhiếp. Đây gọi là lược chung Bản mẫu.

Lại, dạy dẫn lược có 12 chủng: 1. Dạy sự; 2. Dạy tướng sai biệt; 3. Dạy quán tông mình; 4. Dạy quán tông khác; 5. Dạy bất liễu nghĩa; 6. Dạy liễu nghĩa; 7. Dạy thế tục đế; 8. Dạy thắng nghĩa đế; 9. Dạy ẩn mật; 10. Dạy hiển liễu; 11. Dạy sự việc có thể ký; 12. Dạy sự việc không thể ký.

Dạy sự: dạy các pháp thế, mỗi mỗi có sự riêng biệt, gọi là sắc... nhân...

Dạy tướng sai biệt: rộng tuyên thuyết các uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ, căn, đế... gọi là tướng sai biệt. Lại thuyết rộng các niệm trụ... gọi là tướng sai biệt. Lại thuyết rộng hữu sắc, vô sắc; không thể thấy, có thể thấy; không đối ngại, có đối ngại... gọi là tướng sai biệt. Như vậy, chư Phật Thế Tôn thuyết dạy vô lượng các pháp tướng sai biệt.

Dạy quán tông mình: nương vào Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... để giải thích tuyên thuyết khai thị.

Dạy quán tông khác: đó là nương vào 7 chủng tướng nhân minh để bẻ gãy luận người, kiến lập luận mình. Bảy chủng tướng trong nhân minh là: luận tánh thể, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận rơi vào chỗ thua cuộc, luận xuất ly, luận nhiều sở tác pháp... như trước đã rộng thuyết.

Dạy bất liễu nghĩa: trong Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... Thế Tôn ẩn thật nghĩa và thuyết phương tiện, chẳng khai hiển nghĩa pháp tánh một cách rõ ràng.

Dạy liễu nghĩa: nên biết trái với tướng trên.

Dạy thế tục đế: tất cả các sở hữu ngôn đạo có thể tuyên nói đều nhiếp thuộc thế tục đế. Lại các sở hữu danh tướng ngôn thuyết tăng thượng hiển hiện các tướng, danh, phân biệt như vậy gọi là nhiếp thuộc thế tục đế.

Dạy thắng nghĩa đế: dạy bốn Thánh đế và dạy chân như, thật tế, pháp giới...

Dạy ẩn mật: dạy nhiều phần từ tạng Thanh văn.

Dạy hiển rõ: dạy nhiều phần từ tạng Đại thừa.

Dạy việc có thể ký: dạy bốn chủng pháp Ốt-

Đà-Nam, đó là tất cả hành vô thường cho đến Niết-bàn tịch tĩnh, chỗ có hết thủy loại ngôn giáo như vậy...

Dạy việc không thể ký: như có kẻ hỏi: “Thế gian là thường chăng?”. Đây không nên ký, chỉ nói: “Ta nói đây chẳng thể ký”. Cho đến có kẻ hỏi: “Như Lai diệt rồi về sau có chăng, không có chăng?”. Đây chẳng nên ký, chỉ nói: “Ta nói đây chẳng thể ký”. Trong đây nên biết vì bốn nhân duyên nên tuyên thuyết việc không nên ký như vậy:

1. Vì có-không nên chẳng thể ký biệt. Như có kẻ hỏi: “Ở nơi các uẩn, ngã là khác, là chẳng khác, là thường là vô thường?”.

2. Năng dẫn nghĩa không lợi ích, nên không thể ký biệt. Như trong *Kinh Thăng-Nhiếp-Ba-Diệp Du*, Như Lai tự nói: “Ta đã chứng pháp”, tất có sự việc như vậy mà không tuyên nói. Vì có sao? Vì pháp kia chẳng thể dẫn nghĩa lợi ích.

3. Vì thẳm sâu nên không thể ký biệt. Như có kẻ hỏi: “Ngã là có chăng?”. Đây không nên ký, chớ để kia hoặc ở nơi các uẩn mà chấp ngã, hoặc lìa các uẩn mà chấp có ngã. Lại có kẻ hỏi: “Ngã là không chăng?”. Đây không thể ký, chớ để kia ở nơi ngôn

thuyết thể tục sĩ phu mà khởi chấp tổn giảm. Như vậy từ Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không... đều thật thẳm sâu, không thể ký biệt.

4. Vì kiến lập tướng pháp nhĩ thì không thể ký. Như có kẻ hỏi: “Các pháp chân như so với các pháp kia là khác, hay không khác?”. Đây chẳng nên ký. Vì cố sao? Vì tướng pháp nhĩ kia chẳng thể kiến lập khác-chẳng khác vậy.

Nên biết lại có 4 chủng nhân duyên mà Như Lai tuyên thuyết là sự việc chẳng thể ký, đó là: các ngoại đạo vì tuyên nói hư vọng, vì không như lý, vì dẫn vô nghĩa, vì là chỗ nương cho sự tranh luận. Có hai nhân duyên năng dẫn vô nghĩa: 1. Vì xa lìa suy nghĩ về nhân quả; 2. Vì xa lìa suy nghĩ về nhiệm tịnh.

4. Môn lý xa lìa hai biên:

Lược có 6 chủng: 1. Xa lìa biên tăng ích đối với những việc chẳng thật có; 2. Xa lìa biên tổn giảm đối với những việc chân thật có; 3. Xa lìa biên vọng chấp thường; 4. Xa lìa biên vọng chấp đoạn; 5. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc; 6. Xa lìa biên

tự thọ dụng khổ. Tất cả chúng như vậy trước đã rộng phân biệt.

5. Môn lý không thể nghĩ bàn:

Nên biết lược có 6 chủng không thể nghĩ bàn: 1. Nghĩ bàn về ngã; 2. Nghĩ bàn về hữu tình; 3. Nghĩ bàn về thế gian; 4. Nghĩ bàn về nghiệp quả hữu tình; 5. Nghĩ bàn về những người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự; 6. Nghĩ bàn về chư Phật Thế Tôn, cảnh giới chư Phật. Trong đây nghĩ bàn về ngã, nghĩ bàn về hữu tình, nghĩ bàn về thế gian, hoặc nương kiến mà nghĩ bàn, hoặc không nương kiến mà nghĩ bàn.

Nghĩ bàn về ngã: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Ở quá khứ, ta đã từng có chãng, hay từng không có chãng?”, nói rộng cho đến ở ba đời. Lại nghĩ bàn: “Ngã là hữu sắc, sau sẽ là hữu tướng, sau sẽ là vô tướng, sau sẽ là phi hữu tướng phi vô tướng”. Như ngã hữu sắc thì ngã vô sắc cũng vậy. Nếu tuyên nói rộng thì như trong *Kinh Phạm Võng* đã thuyết. Như luận thường kiến, thì tùy chỗ thích hợp luận đoạn kiến, luận hiện pháp Niết-bàn kiến, kế chấp biên tiền tế, kế chấp

biên hậu tế nên biết cũng vậy. Lại nghĩ bàn mạng tức là thân, mạng khác, thân khác. Lại nghĩ bàn ngã đây là ngã khắp tất cả xứ, không hai, không riêng, không có khuyết giảm.

Nghĩ bàn về hữu tình: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Nay hữu tình đây từ đâu mà sanh? Cái gì tạo ra hữu tình đây? Cho đến hữu tình đây chết rồi sẽ đi về đâu? Các hữu tình đây diệt tận ở đâu?”.

Nghĩ bàn về thế gian: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Thế gian là thường”, cho đến rộng thuyết. Hoặc nương pháp tánh nghĩ bàn như vậy: “Pháp tánh ngã, pháp tánh hữu tình, pháp tánh thế gian đây từ đâu mà sanh? Chẳng thể chỉ nương đạo lý pháp nhĩ?”. Cho nên đây gọi là nghĩ bàn điều không thể nghĩ bàn.

Nghĩ bàn về nghiệp quả hữu tình: do 4 chủng không thể nghĩ bàn, đó là: do xứ sở sai biệt, do sự sai biệt, do nhân sai biệt và do quả dị thực sai biệt.

Nghĩ bàn về người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự: do 3 chủng tướng không thể nghĩ bàn, đó là: vì nghĩa chân như thẳm sâu, vì tự tại chuyển, vì chứng

đắc vô lậu giới.

Nghĩ bàn về chư Phật Thế Tôn, cảnh giới chư Phật: do 5 chủng tướng không thể nghĩ bàn, đó là do 3 tướng đã thuyết ở trước và thêm 2 tướng là vì vô chướng và vì thành lập các việc tạo tác của hữu tình.

6. Môn lý ý thú:

Ý thú lược có 16 chủng: 1. Ý thú thị hiện; 2. Ý thú chia lìa; 3. Ý thú khuyến khích dẫn dụ; 4. Ý thú khích lệ; 5. Ý thú khánh hỷ; 6. Ý thú khiến nhập; 7. Ý thú đoạn nghi; 8. Ý thú thành thực; 9. Ý thú đẳng trì; 10. Ý thú giải thoát; 11. Ý thú tương ưng nghĩa riêng; 12. Ý thú phát sanh không tội, hoan hỷ đối với người khéo chứng đắc; 13. Ý thú phát sanh tôn trọng đối với người khéo nghe và đối với người khéo thuyết; 14. Ý thú hàng chuyển pháp nhãn; 15. Ý thú tu nhiều pháp thiện; 16. Ý thú hàng phục các tướng.

Sao gọi là do môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa?

- Ở nơi an lập sở hữu khổ để cho đến đạo đế

lược có 4 chủng biên tăng ích hư vọng: 1. Biên tăng ích ngã; 2. Biên tăng ích thường; 3. Biên tăng ích tịnh; 4. Biên tăng ích lạc. Như đây tức là bốn chủng điên đảo. Vì đối trị kia nên thuyết bốn niệm trụ và bốn định trí. Do nhân duyên đây sở hữu ngã kiến đều là biên chấp tăng ích ngã hư vọng. Nên biết đã thuyết rộng trong *Có tâm có tứ địa*, do kể luận kia biện rộng chấp có ngã nên không đúng đạo lý. Lại nếu lược thuyết, vì là các uẩn sanh kia, vì tướng, vì nghiệp dụng mà riêng có tánh ngã, điều này chẳng thể có được. Lại khác tướng an trụ các hành mà sở hữu tánh ngã, nên biết rất ráo quyết định không chỗ có. Do đây nên biết biên tăng ích ngã không đúng đạo lý.

Lại kia tánh thường, đây trước đã rộng phân biệt. Do đây nên biết biên tăng ích thường không đúng đạo lý.

Lại có sáu chủng tánh bất tịnh, như trong *Thanh văn địa* đã hiển thị rộng. Do đây nên biết biên tăng ích tịnh không đúng đạo lý.

Lại có ba chủng tánh khổ, như trong *Có tâm có tứ địa* đã hiển thị rộng. Do đây nên biết biên tăng ích lạc không đúng đạo lý.

- Ở nơi an lập sở hữu khổ đế cho đến đạo đế mà kế chấp biên tổn giảm: tức là ở trong các Thánh đế kia, tùy chỗ an lập tướng trạng của các đế mà kế chấp cho là tánh Không, hiển là tánh Không. Vì có sao? Nếu ở nơi các đế mà phát khởi kế chấp tổn giảm, thì ở nơi ba lượng là hiện lượng, tỷ lượng và thánh giáo lượng cũng sanh phỉ báng, cũng phỉ báng cả nhiễm tịnh. Cho nên thuyết đây gọi là biên tổn giảm.

Tóm lại, nếu không rơi vào hai biên như vậy, người kia ở nơi các đế năng sanh tín giải, quyết định thông đạt, dần dần năng chứng rốt ráo thanh tịnh.

Sao gọi là Khổ đế? Là sanh khổ... như trước đã nói rộng. Nếu nói lược thì tất cả sự sanh tạp nhiễm đều gọi là Khổ đế.

Sao gọi là Tập đế? Như đã nói thì tất cả phiền não tạp nhiễm và nghiệp tạp nhiễm đều gọi là Tập đế. Đức Thế Tôn là bậc thành tựu tối thắng, chỉ hiển bày tham ái là nhân duyên vượt trội hơn cả, nên biết như trước.

Sao gọi là Diệt đế? Là tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ. Lại vĩnh viễn đoạn trừ đây do tám

chúng tướng nên biết như trước. Trong đây, ly dục diệt tận ái tức hiển Hữu dư y Bát-niết-bàn giới. Vĩnh viễn diệt Niết-bàn tức hiển Vô dư y Niết-bàn giới.

Sao gọi là Đạo đế? Là tư lương đạo, hoặc phương tiện đạo, hoặc thanh tịnh đạo, tất cả đều lược chung làm một gọi là Đạo đế. Thế Tôn là bậc thành tựu tối thắng chỉ lược hiển thị tám Thánh đạo chi gọi là Đạo đế. Chỉ cần nương đây năng nhiếp thọ chứng quả Sa-môn.

Tư lương đạo: có 13 chủng như trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Phương tiện đạo: nếu vượt trội thù thắng hơn cả đó là ở trong vị Noãn, Đảnh, Nhân, Pháp thế đệ nhất, sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần như các niệm trụ...

Thanh tịnh đạo: ở trong kiến đạo, tu đạo và cứu cánh đạo, tức kia nhiếp lấy sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần. Trong đây cứu cánh đạo là sở hữu năng dẫn các đạo công đức. Kia cũng đều nhập trong số Đạo đế.

Phương tiện đạo của chư Bồ-tát nhiếp thuộc sáu Ba-la-mật-đa. Thanh tịnh đạo của Bồ-tát nhiếp

thuộc Ba-la-mật-đa.

Tóm lại, ở nơi sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phân phải đầy đủ tu tập, chẳng thể không tu tập. Như Thế Tôn đã nói tóm lược “năm thủ uẩn đều là khổ”. Năm thủ uẩn đây nếu phân biệt rộng thì như trước đã quyết trạch ở Ý địa, trong phần *Uẩn thiện xảo*.

Lại Khổ đế, Tập đế lược có 3 chủng: đó là hệ buộc Dục, hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc sai khác. Lại vì ở mười phương vô biên thế giới sai biệt, nên lượng ấy cũng vô biên. Vì đối trị đây, nên biết Diệt đế, Đạo đế có sự sai khác. Lại kiến lập thứ lớp các đế đây, nghĩa rộng phân biệt nên biết như trước.

Lại các đế đây là chỗ tựa, là chỗ nương, là nơi kiến lập 13 chủng bổ-đặc-già-la. Sao gọi là 13 chủng bổ-đặc-già-la? 1. Kế dị sanh Dục giới; 2. Kế dị sanh Sắc giới; 3. Kế dị sanh Vô sắc giới; 4. Bậc hữu học Dục giới; 5. Bậc hữu học Sắc giới; 6. Bậc hữu học Vô sắc giới; 7. Bậc vô học Dục giới; 8. Bậc vô học Sắc giới; 9. Bậc vô học Vô sắc giới; 10. Bậc Độc giác Dục giới; 11. Chư Bồ-tát Dục giới; 12. Chư Bồ-tát Sắc giới; 13. Chư Như Lai bất khả tư nghì.

Lại tức bổ-đặc-già-la như vậy hoặc tạo tác,

hoặc chướng, hoặc tâm, hoặc phiền não, hoặc nghiệp, hoặc căn, hoặc giới, hoặc tín giải, hoặc ý lạc, hoặc tùy miên, hoặc sanh, hoặc tập khí, hoặc tụ, đều phải rõ biết.

Tạo tác có 12 chủng: 1. Tạo tác thiện; 2. Tạo tác bất thiện; 3. Tạo tác vô ký; 4. Tạo tác xuất gia; 5. Tạo tác thắng lưu kia; 6. Tạo tác phòng hộ kia; 7. Tạo tác sanh; 8. Tạo tác ly dục; 9. Tạo tác giải thoát; 10. Tạo tác điều luyện căn; 11. Tạo tác dẫn phát thần thông; 12. Tạo tác phát khởi nghĩa còn lại.

Chướng có 12 chủng: 1. Nghiệp chướng: vì gây tạo năm nghiệp vô gián; 2. Tập khí chướng: vì trước đã lớp lớp tập làm nghiệp ác; 3. Phóng dật chướng: vì lúc thọ dụng các dục hiện tại, phát khởi mạnh mẽ; 4. Cái chướng: trong năm chủng cái, tùy một cái hiện tiền, tâm liền bị che lấp; 5. Giải đãi chướng: do giải đãi nên ít phần phiền não triền quấy nhiều tâm; 6. Chướng ngại chướng: trong mười hai chủng chướng ngại, tùy có một chướng hiện tiền; 7. Sanh chướng: sanh xứ không yên ổn; 8. Không sanh chướng: Phật Thế Tôn không xuất hiện ở đời; 9. Tín giải chướng: tuy có Phật Thế

Tôn hiện ở thế gian mà kia sanh tà kiến; 10. Phiền não chướng: do kia nên thuyết bậc có tuệ giải thoát, tâm đặc giải thoát; 11. Định chướng: do kia nên thuyết câu phần giải thoát, tâm đặc giải thoát; 12. Sở tri chướng: do kia nên thuyết chư Như Lai tâm đặc giải thoát.

Tâm lược có 2 chủng: tâm có chướng và tâm không chướng.

Phiền não có 2 chủng: triền và tùy miên.

Nghiệp có 2 chủng: tư và đã tư.

Căn có 2 chủng: phần thuận tịnh và phần thuận bất tịnh.

Như căn thì giới, tín giải, ý lạc nên biết cũng vậy. Nhưng sai khác ở chỗ: căn là tánh quả; giới là tánh nhân; tín giải là tánh nhân; ý lạc là tánh quả.

Tùy miên cũng lược có 2 chủng: có thể hại và không thể hại.

Sanh cũng lược có 2 chủng: sanh yên ổn và sanh không yên ổn.

Tập khí cũng có 2 chủng: tập khí sanh không gián đoạn và tập khí trước sanh.

Tụ có 3 chủng: 1. Tụ tà tánh định; 2. Tụ chánh

tánh định; 3. Tu bất định. Tu tà tánh định lại có 2 chủng: bản tánh tà tánh định và phương tiện tà tánh định. Tu chánh tánh định cũng có 2 chủng: bản tánh chánh tánh định và phương tiện chánh tánh định. Tu bất định cũng có 2 chủng: bản tánh bất định và phương tiện bất định.

Lại do tạo tác 13 chủng pháp, nên tùy chỗ thích hợp mà rộng thuyết 13 chủng bồ-đặc-già-la.

Hỏi: Nếu người kia có tạo tác thiện, thì tất cả tạo tác không tương ứng với bất thiện ư? Giả sử tạo tác của kia không tương ứng với bất thiện, thì tất cả tạo tác của kia là thiện ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có tạo tác thiện, chẳng phải không tương ứng với tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác thiện của kẻ năng tạo nghiệp hắc bạch, dị thực hắc bạch. Hoặc có tạo tác bất thiện, chẳng phải không tương ứng với tạo tác thiện, đó là tạo tác vô ký. Hoặc có tạo tác thiện, cũng không tương ứng với tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác của người năng tạo tác nghiệp bạch dị thực bạch, cùng nghiệp dị thực không hắc không bạch, năng tận các nghiệp. Hoặc không phải tạo tác thiện, cũng chẳng phải không tương ứng với

tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác của kẻ năng tạo tác nghiệp hắc, dị thực hắc.

Như vậy, tạo tác bất thiện, tạo tác vô ký nên biết tất cả tùy chỗ thích hợp cũng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp chướng, cũng thành tựu tập khí chướng ư? Giả sử thành tựu tập khí chướng, cũng thành tựu nghiệp chướng ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có thành tựu nghiệp chướng, không phải tập khí chướng, đó là như có người ở trong hiện pháp cũng gây tạo cũng tăng trưởng năm nghiệp vô gián, nhưng đời trước không gây tạo không tăng trưởng chủng loại nghiệp ác bất thiện đây, ở trong hiện pháp kia năng chướng Thánh đạo. Hoặc có thành tựu tập khí chướng không phải nghiệp chướng, đó là trái với tướng trên. Hoặc đều thành tựu, đó là như có người ở trong hiện pháp cũng gây tạo cũng tăng trưởng năm nghiệp vô gián, ở đời trước cũng gây tạo cũng tăng trưởng chủng loại nghiệp ác bất thiện đây, ở trong hiện pháp năng chướng Thánh đạo. Hoặc đều chẳng thành tựu, đó là trái với tướng trên.

Sao gọi là chân thật phi an lập? Là các

pháp chân như, tự tánh viên thành thật, sở hành thánh trí, cảnh giới thánh trí, sở duyên thánh trí.

Biên tăng ích: tự tánh các pháp lược có 3 chủng:

1. Tự tánh biến kế sở chấp: các sở hữu danh ngôn an lập tự tánh các pháp, vì nương giả danh ngôn lớp lớp vọng chấp xoay vần trái khắp mà kiến lập vậy; 2. Tự tánh y tha khởi: nương tha lực của các duyên sanh mà khởi, tự tánh các pháp chẳng phải tự nhiên có, nên thuyết là vô tánh. 3. Tự tánh viên thành thật: như trước đã thuyết.

Hoặc ở nơi tự tánh y tha khởi, hoặc ở nơi tự tánh viên thành thật như vậy mà lại kế chấp hư vọng tự tánh biến kế sở chấp, gọi là biên tăng ích. Vì sao? Trong tự tánh đây có tự tánh kia thì không đúng lý. Không đúng lý đây như trong *Bồ tát địa* đã lược hiển thị, nay sẽ quyết trạch phân biệt rộng.

Lại nếu nói lược do ba nhân duyên không đúng đạo lý: 1. Vì chẳng phải một mà chủng chủng phẩm loại danh ngôn được an lập; 2. Vì lìa danh ngôn thì chẳng sanh hiểu biết kia; 3. Vì danh ngôn kia nương nghĩa mà chuyển.

Biên tổn giảm: ở trong các pháp tự tánh y tha

khởi và tự tánh viên thành thật là có, mà phỉ báng nói rằng tự tướng vô sở hữu.

Như vậy, do môn lý xa lìa hai biên nên theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa. Như chỗ thích hợp thì do nương hai chủng môn lý là không thể nghĩ bàn và ý thú mà theo đó quyết liễu hai chủng môn lý là chứng đắc và dạy dẫn.

Hỏi: Như trước thuyết ý thú tương ưng nghĩa riêng, đây có nghĩa gì?

Đáp: Chẳng phải ý thú tương ưng nghĩa ngôn âm, danh thân, cú thân, văn thân. Chỉ cần khiến trừ ngôn âm... còn lại là thắng nghĩa. Đây gọi là ý thú tương ưng nghĩa riêng.

Lại nữa, trong đây do nương môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa, liền năng chứng đắc nghĩa nên chứng đắc. Do năng chứng đắc nghĩa nên đắc, nên môn lý chứng đắc còn lại, do môn lý không thể nghĩ bàn mà theo đó quyết liễu. Lại môn lý dạy dẫn của tất cả chư Phật Thế Tôn do môn lý ý thú cũng theo đó quyết liễu. Tất cả loại như vậy đều tùy chỗ thích hợp mà quyết liễu.

Lại nữa, nếu ở nơi kia mà theo đó quyết liễu

môn lý chân nghĩa, nên biết năng nhập năm chủng ly sanh: 1. Năng nhập chưa ly dục ly sanh; 2. Năng nhập tín ly dục ly sanh; 3. Năng nhập đã ly dục ly sanh; 4. Năng nhập Độc giác ly sanh; 5. Năng nhập Bồ-tát ly sanh.

Hỏi: Nếu an lập đế kiến lập là đế, nhân duyên nào lại hiển thị phi an lập đế?

Đáp: Nếu lìa phi an lập đế mà đắc hai chủng giải thoát thì không đúng đạo lý, đó là ở nơi tướng phược giải thoát và ở nơi thô trọng phược giải thoát. Vì cố sao? Nếu ở nơi an lập đế mà có hành, thì tất cả hành kia đều là hành có tướng. Vì hành có tướng, nên ở nơi các tướng phược không được giải thoát. Vì ở nơi các tướng phược không được giải thoát, thì ở nơi thô trọng phược cũng không được giải thoát. Nếu ở nơi phi an lập đế mà có hành thì chẳng hành nơi tướng. Vì chẳng hành nơi tướng, nên ở nơi các tướng phược liền đắc giải thoát. Vì ở nơi các tướng phược được giải thoát, nên ở nơi thô trọng phược cũng được giải thoát.

Hỏi: Nếu chỉ do phi an lập đế kia mà ở nơi tất cả phược đắc giải thoát thanh tịnh, duyên nào hiển thị an lập đế?

Đáp: Vì khiến tư lương đạo và phương tiện đạo được thanh tịnh.

Hỏi: Nếu do người kia hành tâm có tướng, ở nơi hai chủng phược mà đắc giải thoát thanh tịnh thì có lỗi lầm gì?

Đáp: Nếu có người tâm cực thiện định, nương Đệ tứ tinh lự triển chuyển thiện pháp thuận phần quyết trạch duyên các cảnh đế, thì những người hành kia ở nơi hai chủng phược lẽ được giải thoát rốt ráo thanh tịnh. Nhưng không thanh tịnh, nên không đúng lý. Lại lẽ chẳng thể lập sự sai biệt của hai chủng đạo thế gian và đạo xuất thế gian, nhưng vì hai đạo kia có hữu tướng và vô tướng sai biệt, cho nên kia cũng không đúng đạo lý.

Sao gọi là tướng thô trọng? Nếu lược thuyết thì tướng không kham năng, không điều nhu là tướng thô trọng. Tướng không kham năng, không điều nhu đây lại có năm tướng: 1. Hiện tướng nặng nề; 2. Tướng cương cường; 3. Tướng chướng ngại; 4. Tướng yếu kém; 5. Tướng không tự tại chuyển, không kham năng. Do tướng đây trụ tương tục thuận theo phẩm tạp nhiễm trái với phẩm thanh tịnh, cho nên nói là tướng không kham năng, không

điều nhu.

Lại nữa, trưởng dưỡng các căn đại chủng có năm: 1. Trưởng dưỡng thực; 2. Trưởng dưỡng mộng; 3. Trưởng dưỡng ngăn chặn sự không quân bình giữa các giới; 4. Trưởng dưỡng phạm hạnh; 5. Trưởng dưỡng đẳng chí.

Trưởng dưỡng đây tóm gọn có 2 chủng: 1. Trưởng dưỡng giữ gìn; 2. Trưởng dưỡng không tổn hại. Trong đây trưởng dưỡng đầu tiên là trưởng dưỡng giữ gìn, bốn trưởng dưỡng sau là trưởng dưỡng không tổn hại.

Trưởng dưỡng giữ gìn lược có 4 chủng: 1. Giữ gìn sự biến hoại; 2. Giữ gìn sự vui thích; 3. Giữ gìn sự mong cầu; 4. Giữ gìn sự nhiếp thọ chấp thủ.

Lại nữa, có 5 chủng hành: 1. Thân hành; 2. Ngữ hành; 3. Ý hành; 4. Nghiệp hành; 5. Thọ hành.

Lại nữa, có 5 chủng không phóng dật: 1. Nương phẩm tại gia không phóng dật; 2. Nương phẩm xuất gia không phóng dật; 3. Năng xa lìa bất thiện không phóng dật; 4. Năng nhiếp thọ các thiện không phóng dật; 5. Tu tập tương tục không phóng dật.

Nương phẩm tại gia không phóng dật có 5 chủng như trước đã thuyết. Nương phẩm xuất gia không phóng dật lại có 10 chủng, như đã rộng thuyết ở *Thanh văn địa* trong phần tương ưng Tỳ-nại-da, nay Ta sẽ thuyết. Năng xa lìa bất thiện không phóng dật, nên biết tức là hai chánh đoạn trước. Năng nhiếp thọ các thiện không phóng dật, nên biết tức là hai chánh đoạn sau. Tu tập tương tục không phóng dật, tức là ở nơi thiện pháp siêng tu tập không gián đoạn, tu tập ân trọng.

Lại nữa, danh có 5 chủng: 1. Tâm; 2. Pháp sở hữu của tâm; 3. Thiện; 4. Bất thiện; 5. Vô ký. Sắc có 5 chủng: 1. Các đại chủng; 2. Đại chủng sở tạo; 3. Có thể thấy, có đối ngại; 4. Không thể thấy, có đối ngại; 5. Không thể thấy, không đối ngại.

Lại nữa, vô minh có năm: 1. Ngu nghĩa; 2. Ngu kiến; 3. Ngu phóng dật; 4. Ngu chân thật nghĩa; 5. Ngu tăng thượng mạn.

Lại nữa, hữu ái có 5 chủng: 1. Ái pháp tánh; 2. Ái thế nguyen; 3. Ái ngu si; 4. Ái chán lìa; 5. Ái tư trạch.

Lại nữa, do 5 chủng tướng kiến lập không tầm không quý: 1. Ở nơi nhiễm ô hiện hành mà không

hổ thẹn; 2. Ở nơi thiện không hiện hành mà không hổ thẹn; 3. Ở nơi pháp đã thọ hoàn xả mà không hổ thẹn; 4. Thân cận bạn ác mà không hổ thẹn; 5. Ở nơi việc làm không thể thành tựu trọn vẹn mà không hổ thẹn. Nên biết trái với 5 tướng đây kiến lập 5 chủng diệu tướng tà quý.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết kiến lập kẻ tánh ác thuyết: 1. Không có hạnh; 2. Tà hạnh; 3. Bất nhẫn; 4. Không hổ thẹn; 5. Bất luật nghi. Do năm chủng tướng mà kiến lập bạn ác: 1. Không hổ thẹn; 2. Có tà kiến; 3. Có giải đãi; 4. Có tà hạnh; 5. Tánh nhu nhược thấp kém. Nên biết trái với 5 tướng đây kiến lập 5 chủng diệu tướng của người thiện thuyết và bạn lành.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên kiến lập Xa-ma-tha: 1. Xa-ma-tha do phần cận định nhiếp lấy thế gian; 2. Xa-ma-tha do căn bản định Sắc nhiếp lấy thế gian; 3. Xa-ma-tha do căn bản định Vô sắc nhiếp lấy thế gian; 4. Xa-ma-tha do tác ý Thanh văn, Độc giác nhiếp lấy xuất thế gian; 5. Xa-ma-tha do tác ý Bồ-tát nhiếp lấy xuất thế gian.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên kiến lập Tỳ-bát-xá-na: 1. Tỳ-bát-xá-na tận sở hữu tánh; 2. Tỳ-

bát-xá-na như sở hữu tánh; 3. Tỳ-bát-xá-na hữu tướng; 4. Tỳ-bát-xá-na tư cầu; 5. Tỳ-bát-xá-na quán sát.

Lại nữa, do 5 tướng nên kiến lập dục lậu: 1. Vì sự sanh tùy miên bất định địa; 2. Vì thuận theo ác hạnh; 3. Vì trái với tướng thiện; 4. Vì chìm đắm nơi các dục; 5. Vì năng sanh quả hoại khổ, khổ khổ. Các phiền não kia thuyết danh là dục lậu.

Lại nữa, do 5 tướng nên kiến lập hữu lậu: 1. Năng sanh các phiền não cảnh giới hạ liệt; 2. Năng sanh các phiền não cảnh giới trung; 3. Năng sanh các phiền não cảnh giới diệu; 4. Năng sanh các phiền não không vui muốn; 5. Năng sanh các phiền não có vui muốn.

Lược do 5 chủng tướng nên kiến lập dục tà giải thoát vô minh lậu: 1. Kế luận hữu tướng, do môn luận hữu tướng mà sanh khởi vô minh; 2. Kế luận vô tướng, do môn luận vô tướng mà sanh khởi vô minh; 3. Kế luận phi hữu tướng phi vô tướng, do môn luận phi hữu tướng phi vô tướng mà sanh khởi vô minh; 4. Kế luận đoạn kiến, do môn luận đoạn kiến mà sanh khởi vô minh; 5. Kế luận hiện pháp Niết-bàn, do môn luận hiện pháp Niết-bàn mà

sanh khởi vô minh.

Lại nữa, do 5 tướng nên biết đạo lý các pháp có sự sai khác: 1. Do tướng: do sở y và do đi đứng; 2. Do thể: do tướng tự thể và tướng sai biệt; 3. Do nghiệp: do tự tác dụng và hạnh tà chánh; 4. Do pháp: do nhiễm tịnh và do thắng nghĩa đế, thế tục đế; 5. Do nhân quả: do xa, gần và do ái, phi ái.

Lại nữa, có 3 chủng luận: 1. Luận lắng nghe rốt ráo: là các chú thuật ác của Bà-la-môn; 2. Luận tranh tụng rốt ráo: là nhân minh luận của các ngoại đạo; 3. Luận chánh hạnh rốt ráo: là thánh giáo của chư Phật.

Lại có 3 luận: 1. Luận vô nghĩa; 2. Luận tà nghĩa; 3. Luận đệ nhất nghĩa. Ba luận như vậy tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Lại có 3 luận: 1. Luận kiêu loạn xảo trá; 2. Luận hư ngụy; 3. Luận xuất ly quả khổ. Ba luận như vậy tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Lại nữa, nếu muốn tạo luận, trước phải quy lễ cung kính hai điều mới có thể tạo luận. Cung kính pháp: trước nên quy lễ luận gốc của Đại sư. Cung kính nghĩa: lại nên quy lễ nghĩa mà thầy đã khai thị, xiển dương.

Người muốn tạo luận cần yếu phải đủ 6 nhân mới nên tạo luận: 1. Muốn pháp nghĩa được lưu bố rộng; 2. Muốn vô lượng hữu tình tin hiểu, do nhân duyên đây hữu tình tùy theo một luận năng nhập chánh pháp; 3. Vì muốn khai hiển chủng chủng nghĩa môn trọng yếu bị thất lạc; 4. Vì muốn tóm lược nghĩa phân tán rộng; 5. Vì muốn hiển phát nghĩa thâm sâu; 6. Muốn dùng chủng chủng ngôn từ chính xác vi diệu để trang nghiêm pháp nghĩa khiến người sanh tịnh tín.

Muốn tạo luận cần đủ bốn đức, trước phải tự an tịnh sau mới tạo luận: 1. Đối với các thầy đi trước phải lìa kiêu mạn; 2. Đối với các loại hữu tình sanh khởi đại bi; 3. Đối với bạn đồng pháp thâm sanh quý kính; 4. Không muốn biểu hiện văn chương của mình có tài năng vượt hơn.

Sao gọi là đối với các thầy đi trước phải lìa kiêu mạn? Khi tạo luận không có tâm như vậy: “Các thầy đi trước còn tạo luận, huống chi ta nay chẳng tạo ư?”. Phải lìa nhiễm tâm kiêu mạn như vậy mới nên tạo luận.

Sao gọi là đối với các loại hữu tình sanh khởi đại bi? Khi tạo luận nên quán như vậy: “Nếu không

tạo luận thì vô lượng hữu tình nhất định sẽ thối thất thiện pháp. Lại các hữu tình khác sẽ đọa trong sanh lão bệnh tử... cho đến nói rộng. Nhân ta tạo luận đây, năng giải thích rõ ràng, nhấn đến khéo nói diệu nghĩa của một câu thiện như vậy, cần phải phụng hành như vậy, thì hữu tình kia trong đêm dài tất thu được nghĩa lợi ích an lạc rộng lớn”. Phải phát tâm tăng thượng như vậy rồi mới tạo luận.

Sao gọi là đối với bạn đồng pháp thâm sanh quý kính? Khi tạo luận nên quán như vậy: “Nếu ta không tạo luận, các bạn đồng pháp đối với việc lợi tha nhất định sẽ bị thối thất”.

Sao gọi là không muốn biểu hiện mình có tài năng vượt hơn? Khi tạo luận không khởi tâm như vậy: “Sẽ khiến thế gian đều gọi ta là bậc thông tuệ minh triết, là bậc năng tạo luận khai hiển xiển dương diệu nghĩa, nên sanh sâu tịnh tín. Nhân đây ta thu được nhiều lợi dưỡng cung kính”. Lúc tạo luận đây chỉ vì muốn tăng trưởng thiện căn của mình và người, nên dùng tâm vô nhiễm mà năng tạo luận.

Lại nữa, trong đây khai hiển như thật hiển

bày nghĩa kinh mà Như Lai sở thuyết, gọi là trang nghiêm kinh. Thí như hoa sen hồng chưa nở, tuy sanh hoan hỷ cũng không như lúc hoa đã nở tươi tốt. Lại như chân kim chưa làm thành đồ trang sức, tuy sanh hoan hỷ cũng không như lúc thành đồ trang sức. Lại như thức ăn ngon mà chưa được ăn, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã được ăn. Lại như thư mừng, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã mở ra xem. Lại như trân bảo đang hiện có được, tuy sanh hoan hỷ cũng không như hiện tiền được thọ dụng. Như vậy nghĩa kinh mà Như Lai sở thuyết, nếu chưa khai triển hiển bày, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã được rộng khai thị nghĩa. Cho nên nói: “Tạo luận gọi là trang nghiêm kinh”.

Lại nữa, lược có 7 chủng thông đạt: 1. Thông đạt chữ là thông đạt thường; 2. Thông đạt nghĩa chữ là thông đạt vô thường; 3. Thông đạt năng thủ là căn, thức... thông đạt an lập đế hay phi an lập đế; 4. Thông đạt nghĩa năng thủ như thông đạt năng thủ; 5. Thông đạt hệ phược là thông đạt tướng phược, hoặc thô trọng phược; 6. Thông đạt giải thoát trái với tướng thông đạt hệ phược; 7.

Thông đạt pháp tánh là năng thông đạt pháp tánh an trụ, pháp giới an trụ, không phải từ tự tánh Tự tại thiên, sĩ phu... mà có.

Lại nữa, do 10 tướng nên đầy đủ đa văn: 1. Vì thuyết của bậc thiện thuyết; 2. Vì thuyết hiển rõ văn câu; 3. Vì thuyết tận sở hữu nghĩa, như sở hữu nghĩa; 4. Vì thuyết phương tiện gia hạnh an lạc; 5. Vì thuyết lia các khổ. Lại có thêm 5 chủng: 1. Vì không xét tìm lỗi lầm mà lắng nghe pháp; 2. Vì chỉ cầu Niết-bàn mà nghe pháp; 3. Vì khéo nghe pháp; 4. Vì nghe pháp sâu xa; 5. Vì ở nơi nghĩa danh, cú, văn thân, quán sát sâu xa mà nghe pháp.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.



Quyển 65

Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Văn sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Tư sở thành tuệ địa**.

Nếu nói tóm lược thì ở địa đây có 4 chủng nghi bàn: 1. Nghi bàn sự: nương sáu sự, đó là sự uẩn cho đến sự căn; 2. Nghi bàn có, chẳng phải có: như phần *Bản địa* đã thuyết; 3. Nghi bàn nhân quả: như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết; 4. Nghi bàn thừa: như phần *Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát địa* đã thuyết.

Lại nữa, lược có 2 chủng nghi bàn tư duy: 1. Nghi bàn tư duy ác: như phần *Bản địa* đã thuyết. Nếu nương phẩm hắc, như có người ở nơi vô minh... không nên tư duy mà lại khởi nghi bàn tư duy. 2. Nghi bàn tư duy thiện: trái với tướng trên.

Như tư duy ác, tư duy thiện, thì chỗ dẫn phi pháp, chỗ dẫn pháp; chỗ dẫn phi Tỳ-nại-da, chỗ

dẫn Tỳ-nại-da; phi thánh, thánh; bất thiện, thiện; không nên tu, nên tu; không tốt, tốt; hắc, bạch; dẫn vô nghĩa, dẫn có nghĩa; hạ liệt, vi diệu; có tội, không tội; nên xa lìa, không nên xa lìa... nên biết cũng vậy.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Các thánh đệ tử có biết là có, chẳng có biết là chẳng có”. Trong đây sao gọi là có? Sao gọi là chẳng có? Lược do 2 tướng nên biết là có. Những gì là hai? 1. Vì hiện tại sanh, đã sanh nên biết là có; 2. Vì thật vật, vì sự, vì nghĩa, vì viên thành thật nên biết là có.

Sao gọi là nên biết lược thuyết tướng thật có và tướng giả có? Nếu có các pháp không chờ đợi cái khác, không nương cái khác thì thiết tự tướng, nên biết lược thuyết là tướng thật có. Nếu có các pháp chờ đợi nơi cái khác, nương vào cái khác mà thì thiết tự tướng, nên biết lược thuyết là tướng giả có, chẳng phải thật vật có. Đó là lấy tướng sự các uẩn như sắc... làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà thì thiết có ngã và hữu tình... cho đến nói rộng. Trong đây tướng sự các uẩn như sắc... là thật vật có. Ngã và hữu tình, mạng giả, sanh giả, số thủ thú... chẳng phải thật vật có, chỉ là giả có. Như ở nơi

tưởng sự các uẩn như sắc... giả lập ngã... thì tức ở nơi tưởng sự sắc... giả lập sắc... cũng vậy.

Lại ở nơi tưởng sự sắc, hương, vị, xúc mà giả lập uống, ăn, xe, nhà, quân, rừng, các vật dụng khác...

Lại ở nơi có tưởng sự các pháp hữu vi mà giả lập chủng tử sanh, lão, trụ, vô thường, có chỗ nương, không chỗ nương, đắc, mạng căn, chúng đồng phạm, danh thân, cú thân, văn thân, tánh dị sanh, hòa hợp, không hòa hợp, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tộc, thứ lớp, thời, phương, và số.

Lại chỉ lấy các sắc không chuyển động làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà giả lập hư không, hư không vô vi. Lại chỉ lấy danh trung gian không chuyển làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà giả thi thiết có Vô tướng đẳng chí, Diệt tận đẳng chí...

Hỏi: Ở trong nhân thành đạo lý, nương đạo lý nào có thể quyết định biết ngã chẳng phải thật có?

Đáp: Vì chẳng thể có được, vì chẳng thể thấy vậy.

Sao gọi là chẳng thể có được? Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc ở giữa hai, hoặc lìa các uẩn đều

chẳng thể có được.

Sao gọi là chẳng thể thấy? Vì như mắt... thật có các xứ mỗi mỗi riêng khác, nên có nghiệp dụng có thể thấy. Nhưng chỗ kế chấp ngã riêng có nghiệp dụng đều chẳng thể thấy. Như vậy vì tự tướng chẳng thể đắc, vì nghiệp dụng riêng chẳng thể thấy, nên biết chỗ kế chấp ngã chẳng phải thật có.

Hỏi: Nếu như vậy ngã bên trong, bên ngoài... đều chẳng thể có được, cũng chẳng thể thấy. Có sao các ngoại đạo xuất gia... cũng có được, cũng thấy được, do nhân duyên đây vui thích hiển thị kiến lập thật có?

Đáp: Chẳng có được, chẳng thấy được. Chỉ do thân kiến cùng với ngã mạn làm chỗ nương mà khởi tà phân biệt, khởi tà kế chấp, không như chánh lý, vui thích hiển thị kiến lập là có.

Hỏi: Sao nói vì biết ngã chẳng phải thật có, vì chẳng phải hiện có, nên chẳng thể đắc cũng chẳng thể thấy?

Đáp: Các kẻ kế chấp ngã là thật có đây là cực xa bờ kia, không vượt qua bốn chủng: 1. Kế chấp cho ngã tức là các uẩn; 2. Kế chấp cho ngã khác với

các uẩn, trụ trong các uẩn; 3. Kế chấp cho ngã chẳng phải tức các uẩn mà khác các uẩn, chẳng phải trụ trong uẩn mà trụ khác uẩn, trong lìa pháp uẩn; 4. Kế chấp cho ngã chẳng phải tức các uẩn mà khác các uẩn, chẳng phải trụ trong uẩn, cũng chẳng trụ nơi khác; ở trong các uẩn lìa pháp uẩn; không có uẩn, đều chẳng tương ưng tất cả pháp uẩn.

Kẻ nương ngã phân biệt kế chấp là có đều nhiếp vào trong bốn chủng kế chấp đây. Ngoài đây ra không có kế chấp nào hoặc thêm hoặc hơn. Tất cả kế chấp tánh ngã thật có như vậy đều không đúng đạo lý. Vì cơ sao?

Nếu kế chấp “ngã tức là các uẩn, chẳng phải khác các uẩn”, vậy thì ngã đây chỉ ở nơi các uẩn mà giả kiến lập, điều này thành có lỗi. Vì cơ sao? Các uẩn vô thường, cùng tương ưng với mỗi tự tướng. Vì ngã tức kia nên tánh chẳng phải thường, chẳng phải một, chẳng phải thật có. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại, nếu kế chấp “ngã khác các uẩn”, thì ở nơi kế chấp đây ngã ấy là vô thường, hay ngã ấy là thường?

Nếu vô thường, thì chỗ kế chấp ngã đây sát-

na khởi khác, sát-na diệt khác, xứ đây sanh khác, xứ kia chết khác, làm khác, thọ khác, điều này thành có lỗi. Lại khác các uẩn riêng có một ngã, hoặc trong hoặc ngoài hoặc ở giữa hai, có sanh có diệt đều chẳng thể có được. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Nếu ngã là thường, tức không có biến đổi, vì tướng thường vậy. Sự kế chấp đây tức là ngã không biến đổi. Vậy thì hai nhân duyên ngã bị biến đổi đều không đúng lý, đó là ở hiện tại và ở vị lai. Ở vị lai nếu ngã không biến đổi, liền lẽ không sanh, không lão, không bệnh, không tử, không tổn hoại; cũng lại chẳng nên có lúc làm trời, có lúc làm người, có lúc làm bàng sanh, có lúc làm quỷ thú, có lúc làm chúng sanh ở địa ngục... Ở hiện pháp nếu ngã không biến đổi, liền lẽ ở nơi chủng chủng cảnh giới ái, phi ái kia... không lạc, không khổ, không ái, không khuể, cũng không có si. Nói tóm lại chẳng lẽ do khổ lạc... mà bị biến đổi, cũng chẳng lẽ tùy theo một tham... phiền não và tùy phiền não... mà bị biến đổi. Như vậy vì ngã ở hiện pháp, đương lai không biến đổi, thì chẳng nên chịu sự nhiều ích của lạc, cũng không nên bị phụ thuộc bởi

sự nhiễm ô của các phiền não kia, chẳng nên nhân đây hành pháp, phi pháp; chẳng nên chịu sự tổn hại của khổ, cũng chẳng nên bị phụ thuộc bởi sự nhiễm ô của các phiền não kia, chẳng nên nhân đây hành pháp, phi pháp.

Như vậy, ngã đây vì trong hiện pháp chẳng tương ưng cùng pháp, phi pháp; vì đời vị lai không nhân duyên có thân ái, phi ái, nên chẳng được sanh. Do đạo lý đây, ông không nên kể chấp “ngã đây thường trụ”, bởi trong mỗi thân riêng có sự biến đổi và ở đời đương lai chủng chủng sanh, lão, tử... biến đổi. Như vậy, ngã đây nếu thường trụ như ông nói, liền trong mỗi thân không có lúc sanh, lão, bệnh, tử... không có lúc lạc, không có lúc khổ và không có lúc nhiễm ô, lẽ phải rốt ráo giải thoát thanh tịnh. Cho nên kể chấp đây không đúng đạo lý.

Lại nếu kể chấp “có ngã khác với các uẩn, trụ khác các uẩn, trong lìa pháp uẩn” thì điều hiển rõ rằng: nếu xa lìa các uẩn thì tự tướng ngã còn chẳng thể đắc, hà huống có chỗ cho ngã an trụ! Thí như có người nói: “Tôi biết thạch nữ không hoa cài tóc”, nên biết kể chấp kia cũng lại như vậy. Cho

nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại nếu kế chấp “vì có ngã chẳng tương ưng cùng tất cả pháp uẩn nên không có uẩn”, chỗ kế chấp ngã đây nếu không có uẩn liền không có sắc, chẳng phải tương ưng thân; cũng chẳng phải tương ưng thọ khổ lạc...; cũng chẳng phải tương ưng các nhóm tướng sai biệt; cũng chẳng phải tương ưng tư duy thiện, bất thiện, vô ký; cũng chẳng phải tương ưng với thọ dụng ý phân biệt cảnh giới sắc... Như vậy ngã đây ứng với không chỗ nương, không thọ, không tướng, không tư lường, cũng không phân biệt. Vậy thì ngã đây chẳng cần dụng công liền không có nhiệm ô, rốt ráo giải thoát. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại, tất cả kẻ nương ngã phân biệt hư vọng kế chấp ngã kia không thành tựu, nên biết ngã... ở trong các uẩn chỉ là giả kiến lập, chẳng phải thật có vật. Do ngã chẳng phải có, duy chỉ có uẩn, nên tất cả đạo lý tạp nhiễm thanh tịnh đều được thành tựu. Đó là vì có nội ngoại các xứ sanh, nên ở trong hiện pháp khởi vô minh xúc, do đây nơi thân liền có lãnh thọ nhiều ích, tổn giảm. Do đây làm duyên phát khởi ái hòa hợp, chia lìa... và hữu nương tất cả

phiền não, tùy phiền não đây mà chuyển. Do nghĩa đây nên nghiệp tịnh, bất tịnh sanh khởi có được. Vì nghiệp phiền não sanh khởi như vậy, đương lai lại có tất cả pháp khổ sanh lão tử... đều tất được sanh. Như vậy, ở trong uẩn vô thường vì không có thật ngã, nên đạo lý tạp nhiễm đều được thành tựu.

Lại do từ người được nghe chánh pháp, bèn trong chánh tác ý làm nhân duyên, nên xa lìa vô minh, phát khởi minh. Do không ngu si, nên liễu đạt các thọ đều là khổ. Do đây năng đoạn sở hữu tham ái ở trong các thọ và đoạn tất cả phiền não hoặc tùy phiền não nương trong ấy. Do nhân duyên đây năng cảm nghiệp hậu hữu tịnh, bất tịnh chẳng lại sanh khởi. Như vậy do nghiệp phiền não đoạn diệt, nên tất cả hậu hữu và các khổ như sanh... vĩnh viễn chẳng sanh trở lại. Như vậy, vì không có ngã, duy chỉ có uẩn, tất cả đạo lý thanh tịnh tạp nhiễm đều được thành tựu.

Lại nữa, trong đây giả lập tất cả hữu tình, chỗ gọi là hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết 9 chủng hữu

tình như vậy lược do 3 chủng nhân duyên mà được kiến lập, tổng nhiếp tất cả loài hữu tình, đó là: 1. Nương thân chuyển động đến đi sai biệt kiến lập hữu tình không chân cho đến nhiều chân; 2. Nương thân sai biệt kiến lập hữu tình hữu sắc, vô sắc; 3. Nương tâm sai biệt kiến lập hữu tình hữu tướng, vô tướng, phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại có ngoại đạo xuất gia tên là Ly Hệ nói lời như vậy: Tất cả cây... thảy đều có mạng, vì thấy bên trong kia và pháp số mạng cùng tăng trưởng.

Nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, cây... tăng trưởng là mạng làm nhân, hay nhân khác khiến tăng trưởng? Nếu kia chỉ dụng mạng làm nhân, thì kia chưa xả mạng mà có lúc không tăng trưởng, nên đây không đúng đạo lý. Nếu có nhân khác khiến tăng trưởng, thì kia tuy không có mạng mà do tự nhân duyên cũng được tăng trưởng, nên đây cũng không đúng đạo lý.

Lại nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, các vật... không mạng, không được tăng trưởng là nói có nhân hay nói không nhân? Nếu nói có nhân, vì nói nhân duyên đây chẳng thể có được, nên đây không đúng đạo lý. Nếu nói không nhân, thì không

nhân mà nói, mà tất lẽ vậy, thì không đúng đạo lý.

Lại nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, các vật như cây... cùng với vật có mạng là một hương giống nhau, hay chẳng một hương giống nhau? Nếu nói một hương giống nhau, thì vật như phần dưới rễ cây đâm sâu xuống đất, phần thân trên tăng trưởng, chẳng thể tự nhiên thân cây dao động. Lại chẳng từng thấy các cây có cùng ngôn ngữ mà lại không hỏi thăm qua lại, vật có mạng thì chẳng vậy. Lại chẳng từng thấy các cây có nghiệp tịnh, bất tịnh chuyển, vật có mạng thì chẳng vậy. Lại chẳng từng thấy chặt cành cây này rồi ở xứ khác lại sanh, vật có mạng thì chẳng vậy. Cho nên đây không đúng lý. Nếu nói chẳng một hương giống nhau, vậy thì do giống nhau mà năng có thọ mạng, do chẳng giống nhau nên không có thọ mạng, thì không đúng đạo lý.

Như vậy, vì nhân khác tăng trưởng hoặc có hoặc không có; vì vật không thọ mạng chẳng tăng trưởng, nói nhân hoặc có hoặc không có; vì một hương, không phải một hương giống nhau, chỗ kế chấp của kia đều không đúng đạo lý.

Hỏi: Duyên nào nên biết sắc, hương, vị, xúc

như vậy như vậy an lập riêng khác, các tướng sự vật như uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... đều là giả có?

Đáp: Do tướng vật kia hoặc ở trong xứ tướng tụ vật sắc... đây có tướng vật này chuyển, hoặc ở trong xứ tướng tụ vật sắc... đây có tướng vật kia chẳng chuyển. Nếu ở trong xứ tướng tụ sắc... có tướng ăn chuyển, thì chẳng phải ở xứ ấy có tướng uống... chuyển. Nếu ở xứ có tướng xe cộ chuyển, chẳng phải ở xứ ấy có tướng y phục... chuyển. Như vậy, xứ còn lại cho đến rộng thuyết các tướng giả có hoặc chuyển, không chuyển nên biết cũng vậy. Tất cả tướng sự sắc, hương, vị, xúc khắp ở trong tất cả các tướng sự uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... không sai biệt mà chuyển. Cho nên biết uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... đều là giả có. Sắc, hương, vị, xúc là thật vật có.

Lại nương các pháp có kiến lập giả tướng vật, chẳng phải một mà nhiều chủng chủng phẩm loại, nên biết lược chung có hai chủng: 1. Nương một tụ; 2. Nương chẳng phải một tụ. Riêng mỗi một uống, ăn, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... gọi là

nương một tụ. Các nghề nghiệp như họa trên lụa, điêu khắc, nặn tượng... các nghiệp như nhà cửa, quán trọ, cung điện, quân, rừng... gọi là nương chẳng phải một tụ.

Lại nữa, sao gọi *các pháp hữu sắc*? Nếu nói lược có mười sắc xứ và sắc nhiếp thuộc pháp xứ. Do các sắc kia đầy đủ tự tướng sắc, tức lấy sự đây trở lại thuyết sự đây, cho nên gọi là các pháp có sắc. Pháp có sắc đây do 5 chủng tướng sai biệt kiến lập. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do tự tướng; 3. Do cộng tướng; 4. Do giới; 5. Do nghiệp.

Do sự: Tất cả các sở hữu sắc kia hoặc là bốn đại chủng, hoặc là bốn đại chủng sở tạo, nên biết gọi là lược nhiếp sự sắc. Ngoài đây ra không có hoặc hơn hoặc thêm.

Do tự tướng: Tự tướng của các sắc có 3 chủng: 1. Sắc thanh tịnh; 2. Sắc do thanh tịnh nắm lấy; 3. Sắc do ý nắm lấy. Đó là năm sắc thanh tịnh do bốn đại chủng tạo thành, năm thức nương tựa nhiếp thuộc nhãn xứ... gọi là sắc thanh tịnh. Năm cảnh sắc... đồng phạm với cảnh giới của sắc thanh tịnh, gọi là sắc do thanh tịnh nắm giữ. Nếu các sắc thanh tịnh cùng thức và đồng cảnh của thức, gọi là

sắc đồng phạm. Nếu các sắc thanh tịnh lia thức, trước sau tự loại tương tục mà chuyển, gọi là sắc kia đồng phạm. Sắc của ảnh tượng sở hành tam-ma-địa gọi là sắc do ý nắm giữ.

Do cộng tướng: Cộng tướng của các sắc cũng có 3 chủng: 1. Tất cả sắc nương dựa phương xứ riêng biệt mà được an lập, có thể tuyên thuyết phương xứ sai biệt, gọi là cộng tướng thứ nhất; 2. Tất cả sắc hoặc thanh tịnh, hoặc nắm lấy tướng tăng giảm thanh tịnh, gọi là cộng tướng thứ hai; 3. Tất cả sắc đây nếu tiếp xúc với sự xúc chạm tức liền biến hoại, hoặc do dùng tay chân, khối cục, dao gậy... hoặc do lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng, nắng gió, rắn rít... gọi là cộng tướng thứ ba.

Do giới: Nếu do sự sanh khởi của các nghiệp thuộc Sắc ái định địa, gọi là sắc của Sắc hành. Nếu do sự sanh khởi của các nghiệp thuộc Sắc ái bất định địa, gọi là sắc của Dục hành. Các sắc như vậy do giới sai biệt lược có 2 chủng. Trong Vô sắc giới không có sắc như vậy.

Do nghiệp: Như trước đã thuyết các sắc cộng tướng, đó là lúc tiếp xúc với các sự xúc chạm tức liền biến hoại, cộng tướng như vậy chẳng phải

khắp tất cả. Các sở hữu sắc của Dục giới, trừ cõi trời Dục giới, còn lại thì khắp tất cả. Sở hữu các sắc ở cõi trời Dục giới chỉ do sự xúc chạm của tay chân, dao gậy, khối cục... mới bị biến hoại, không do sự xúc chạm của lạnh nóng, đói khát... mà bị biến hoại. Do ở cõi trời kia các vật nuôi thân, các thức uống ăn... tùy muốn mà hiện ra, cho nên cõi trời kia không bị sự tổn hại bởi đói khát... Các sở hữu sắc Sắc giới không do sự xúc chạm của tay chân, khối cục, dao gậy... tiếp xúc, cũng chẳng do các xúc chạm khác mà khiến bị tổn hoại. Nếu thân nghiệp, ngữ nghiệp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký là nghiệp sắc, nên biết gọi là nghiệp sắc sai biệt.

Sao gọi là *các pháp vô sắc*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp hữu sắc.

Lại nữa, lược do 2 chủng tụ sắc mà kiến lập các tụ: 1. Tụ bất cộng đại chủng; 2. Tụ chẳng phải bất cộng đại chủng.

Tụ bất cộng đại chủng: ở bên trong chỉ có một loại đại chủng. Tụ chẳng phải bất cộng đại chủng: ở bên trong có hai loại đại chủng, hoặc nhiều loại

đại chủng.

Lại ở trong tụ bất cộng đại chủng, từ cực vi trở lên các đại chủng hợp lại, nên biết các đại chủng sắc mới có lẫn tạp không lìa nhau, các đại chủng sắc không có cùng một xứ không lìa nhau.

Ở trong tụ chẳng phải bất cộng đại chủng, đó là đại chủng cực vi, như sắc sở tạo và đại chủng khác, nên biết cũng có cùng một xứ không lìa nhau.

Nhưng đại chủng kia chẳng phải sắc sở tạo, vì xoay vần không nương lẫn nhau mà được chuyển, vì mỗi mỗi có công năng nương tựa xứ riêng. Lại một xứ không lìa nhau đó là các đại chủng và sắc sở tạo đồng trụ một xứ. Như cái rương bên trong đựng ngọc châu phát ánh sáng xanh, vàng, đỏ trắng... vô số ánh sáng đan xen lẫn nhau không lìa nhau. Lẫn tạp không lìa nhau, chỗ có thí dụ nên biết như trước. Lại nếu có tụ hoặc lúa, hoặc đậu, hoặc tụ đường cát mịn... đem trộn lẫn với nhau. Nên biết đây chẳng phải cùng một xứ không lìa nhau, cũng chẳng phải lẫn tạp không lìa nhau, mà là hòa hợp không lìa nhau. Bởi kia chỉ do nhiều tụ tụ tập lại, chẳng phải tương một tụ. Nên biết còn lại là tương một tụ. Lại lẫn tạp không lìa nhau nên biết nương

một xứ không lìa nhau. Đây nếu chẳng vậy thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có thể thấy*? Do 5 chủng tướng kiến lập các pháp có thể thấy sai biệt. Những gì là năm? 1. Do hiển sắc; 2. Do hình sắc; 3. Do biểu sắc; 4. Do cảnh giới nhãn; 5. Do sở duyên nhãn thức.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không thể thấy*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có thể thấy.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có đối ngại*? Do 5 chủng tướng kiến lập các pháp có đối ngại sai biệt. Những gì là năm? 1. Do mỗi mỗi nương tựa xứ riêng mà an trụ; 2. Do ở nơi các tụ sắc khác dung thọ nghiệp qua lại... làm chướng ngại; 3. Do chịu sự xúc chạm của tay chân, dao gậy, đá sỏi... tiếp xúc liền bị biến hoại; 4. Do tất cả đều là các sắc do thanh tịnh nắm giữ; 5. Do tất cả đều nương sở duyên thức sắc thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không đối ngại*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có đối ngại.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không thể thấy*,

không đối ngại? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp không thể thấy, không đối ngại sai biệt. Những gì là năm? 1. Do nhân duyên; 2. Do nương tựa nơi chốn; 3. Do hiển hiện; 4. Do không biến đổi; 5. Do sở duyên.

Đó là các sắc do thắng giải cùng tam-ma-địa có đầy đủ uy đức, nên biết gọi là nhân duyên sanh sắc không thể thấy, không đối ngại. Kia đã sanh rồi nơi chốn mới có được cho nên gọi là sắc, tuy không tương ưng cùng tự tướng của mười hữu sắc xứ kia, nhưng được hiển hiện giống như tự tánh kia, ở nơi tự sắc khác dung thọ nghiệp qua lại... chẳng bị chướng ngại. Lại chẳng phải tất cả sắc của thanh tịnh cùng nương cảnh giới của thức nắm giữ, cũng chẳng phải sở duyên, cho nên gọi là không thể thấy không đối ngại. Tay chân... xúc chạm chẳng năng tổn hoại, cho nên gọi là không có biến đổi. Lại căn bản định gọi là tam-ma-địa đầy đủ uy đức, sắc đây là sở duyên của kia, chẳng phải sắc khác. Thí như chẳng phải tất cả tâm đều năng biến hóa, chỉ sở hữu tâm đầy đủ đại uy đức mới có thể được, chẳng phải tâm khác. Đây cũng như vậy. Cần yếu tâm đủ uy đức cực định tĩnh mới năng làm duyên

sanh các sắc không thể thấy không đối ngại đây. Như hóa sắc đây cũng không phải tâm chẳng đủ đại uy đức và cảnh giới sở duyên của tâm bất định, chỉ là cảnh giới sở duyên của tâm cực định tĩnh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có thể thấy, có đối ngại*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có thể thấy, có đối ngại.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu lậu*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu lậu sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do tùy miên; 3. Do tương ưng; 4. Do sở duyên; 5. Do sanh khởi.

Do sự: là nội sắc thanh tịnh hoặc cùng nương nhau, hoặc không cùng nương nhau với ngoại sắc, hoặc các tâm tâm sở nhiễm ô, hoặc các tâm tâm sở thiện, vô ký... Sự hữu lậu đây tùy chỗ thích hợp do bốn tướng khác nên gọi là hữu lậu, đó là do tùy miên, do tương ưng, do sở duyên và do sanh khởi.

Do tùy miên: hoặc ở nơi các sắc thanh tịnh và ở trong tất cả tâm tâm sở như trước đã thuyết, chủng tử phiền não chưa đoạn trừ, chưa bị tổn hại, gọi là tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Hoặc kia cho đến chưa đoạn không sót thừa, nên biết tất cả

do tùy miên, gọi là hữu lậu.

Do tương ưng: hoặc do các tâm tâm sở nhiễm ô tương ưng lẫn nhau, gọi là hữu lậu.

Do sở duyên: hoặc các hữu sự, hoặc sở hành hiện lượng, hoặc hữu lậu phát sanh do tăng thượng sanh khởi. Như vậy tất cả lậu vì sở duyên gọi là hữu lậu. Trong đây, hiện tại gọi là hữu sự, quá khứ vị lai gọi là phi hữu sự. Hoặc nương sở hành thức sắc thanh tịnh, gọi là sở hành hiện lượng. Hoặc sở hành khác nên biết gọi là sở hành phi hiện lượng. Hoặc nội các xứ tăng thượng sanh khởi tất cả ngoại xứ, gọi là hữu lậu phát sanh do tăng thượng sanh khởi. Chỉ những sở duyên nêu trên mới được gọi là hữu lậu. Vì cơ sao? Hoặc vì duyên quá khứ vị lai phát khởi các phiền não, mà quá khứ vị lai chẳng phải hiện hữu sự việc, nên không do sở duyên mà được gọi là hữu lậu. Hoặc sự việc hiện tại chẳng phải sở hành hiện lượng, như sắc thanh tịnh cùng tất cả tâm tâm sở nhiễm ô, thiện, vô ký kia cũng chẳng phải sở duyên phiền não mà được gọi là hữu lậu. Chỉ do tự nó phân biệt khởi mà các phiền não khởi qua lại lẫn nhau, vì chẳng phải các pháp kia làm cảnh sở hành phân minh của đây.

Do sanh khởi: vì các tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, vì thuận theo cảnh phiền não hiện tại tiền, vì ở nơi kia hiện khởi không như lý tác ý. Do nhân duyên đây các sở hữu pháp đang sanh, đã sanh, hoặc lại sẽ sanh, tất cả như vậy do sanh khởi nên gọi là hữu lậu. Lại từ các quả dị thực của tất cả phiền não bất thiện, cùng với các quả dị thực tăng thượng dẫn dắt ngoại sự sanh khởi, như vậy vì tất cả cũng được sanh khởi nên gọi là hữu lậu. Lại do sắc vô ký hệ thuộc vô sắc, nên tất cả phiền não tiếp nối sanh, vì kia tiếp nối sanh cũng sanh khởi, gọi là hữu lậu.

Như vậy gọi là do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu lậu sai biệt, đó là: do sự, do tùy miên, do tương ưng, do sở duyên và do sanh khởi.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô lậu*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp vô lậu sai biệt. Những gì là năm?

1. Vì có các pháp do lia các triền nên gọi là vô lậu. Đó là các sắc của tất cả tâm tâm sở thiện vô ký sở y, sở duyên cùng các tâm tâm sở thiện vô ký.

2. Vì có các pháp do tùy miên đoạn, nên gọi là vô lậu. Đó là chỗ có các thiện đã vĩnh viễn đoạn

trừ tất cả phiền não kiến tu sở đoạn, cùng một phần sắc sở tạo vô ký, hoặc các vô ký, hoặc các tâm tâm sở thiện thế gian.

3. Vì có các pháp do đoạn diệt, nên gọi là vô lậu. Đó là tất cả tâm tâm sở nhiễm ô kia chẳng chuyển nên gọi là vô lậu. Do kia không chuyển, hiển rõ Niết-bàn, tức Niết-bàn đây gọi là vô lậu.

4. Có các pháp là kiến sở đoạn, vì đối trị đoạn trừ nên giải thoát khỏi tự tánh kia, gọi là vô lậu. Đó là tất cả kiến đạo.

5. Có các pháp là tu sở đoạn, vì đối trị đoạn trừ nên tương tục giải thoát khỏi tự tánh của kia, nên gọi là vô lậu. Đó là tất cả tu đạo và đạo vô học xuất thế gian.

Như vậy nên biết do 5 tướng mà kiến lập các pháp vô lậu sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu tránh*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu tránh sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do nhân duyên; 3. Do tự tánh; 4. Do trợ bạn; 5. Do đẳng khởi.

Trong đây, năm thủ uẩn gọi là sự của pháp hữu tránh. Hoặc ái vị nhiễm trước, ái vị say mê ưa thích, gọi là nhân duyên tránh. Hoặc tánh vô

thường, tánh khổ, tánh pháp biến hoại, gọi là tự tánh hữu tránh. Tức ở nơi tránh đây mà vô trí ngu si gọi là trợ bạn tránh. Do nhân duyên đây, năm phẩm hắc chuyển gọi là đẳng khởi. Đó là do đấu tranh kiện tụng đảo lộn, đấm trước các dục, các kiến, hoặc là các chủng loại khác sanh khởi, là phẩm hắc đầu tiên. Hoặc thuận theo các phiền não triền không biết tầm quý, nhiều an trụ tánh kia, là phẩm hắc thứ hai. Hoặc có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn trái nghịch chánh đạo, vui muốn khổ hạnh cùng tín giải khác, như tự nhịn đói, nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao xuống... là phẩm hắc thứ ba. Hoặc thân ngữ ý hiện hành tất cả ác hạnh là phẩm hắc thứ tư. Vui muốn hậu hữu là phẩm hắc thứ năm.

Trong đây, phẩm hắc ban đầu do tâm sanh oán hận phát khởi giận dữ, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ hai do các phiền não thiêu đốt bên trong, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ ba do tự thề nguyện chịu khổ lao nhọc hão huyền vô nghĩa, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ tư do sanh vào đường ác, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ năm do các khổ sanh lão tử... tụ tập, nên trụ không an ổn.

Trong đây năm thủ uẩn là sự của hữu tránh. Sự đây cùng tự tánh tránh, lại cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi nương tựa nhau, nên gọi là pháp hữu tránh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô tránh*? Do 5 tướng kiến lập các pháp vô tránh sai biệt, đó là trái với năm tướng hữu tránh ở trên. Trong đây năm thủ uẩn không, gọi là sự của pháp vô tránh. Do tự tánh tránh cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi ở trong các pháp kia chẳng thể được, nên gọi là pháp vô tránh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có nhiễm*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp có nhiễm sai biệt. Những gì là năm? Đó là do sự, do nhân duyên... năm tướng sai biệt như trước nói rộng.

Do sự: là năm hữu thủ uẩn.

Do nhân duyên: các pháp nhân duyên là ái vị hỷ lạc.

Do tự tánh: tức đây làm duyên sanh khởi, nhiếp thuộc ái vị hỷ lạc.

Do trợ bạn: ở nơi ái vị lại thêm tham trước.

Do đẳng khởi: là năm phẩm hắc nên biết như trước. Sự do năm thủ uẩn cùng tự tánh có nhiễm,

lại cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi nương tựa nhau, gọi là có nhiễm.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không nhiễm*? Do 5 tướng kiến lập các pháp không nhiễm sai biệt, đó là trái với 5 tướng trên. Như vô tránh ở trước, tùy theo đó mà biết.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp nương đam mê vui thích*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp nương đam mê vui thích sai biệt. Những gì là năm? Do sự, do nhân duyên... như trước nói rộng.

Do sự: là năm thủ uẩn hệ buộc Dục giới.

Do nhân duyên: là thuận theo dục tham năm chủng diệu dục.

Do tự tánh: đó là tham đắm, do kia làm duyên, do kia làm cảnh phát khởi dục tham.

Do trợ bạn: tức không như lý tác ý tương ưng tà mong cầu, tương ưng các dục phân biệt. Do cùng chung với đây gọi là phân biệt tham.

Do đẳng khởi: là 5 chủng phẩm hắc như trước đã nói rộng.

Do sự của năm thủ uẩn hệ buộc Dục giới kia, do tự tánh, nhân duyên, trợ bạn của kia cùng với sự nhiếp thọ của đẳng khởi, gọi là các pháp nương

đam mê vui thích.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp nương ra khỏi xa lìa*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp nương ra khỏi xa lìa sai biệt, đó là trái với năm tướng nương đam mê vui thích.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp thế gian*? Do 5 tướng kiến lập các pháp thế gian sai biệt. Những gì là năm? 1. Tất cả sắc thanh tịnh và sắc do thanh tịnh nắm giữ thuộc thế gian; 2. Tất cả tâm tâm sở nhiễm ô thuộc thế gian; 3. Tất cả tâm tâm sở vô ký thuộc thế gian; 4. Tất cả tâm tâm sở thiện, hoặc sẽ đoạn, hoặc đã đoạn thuộc thế gian; 5. Sắc không thể thấy, không đối ngại của tất cả tam-ma-địa thế gian thuộc thế gian.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp xuất thế gian*? Do 5 tướng kiến lập các pháp xuất thế gian sai biệt. Những gì là năm? 1. Đối trị kiến đạo sở đoạn; 2. Đối trị tu đạo sở đoạn; 3. Do sự giải thoát của tướng giải thoát, đó là các Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đã nhập tuệ lý không hý luận và các tâm tâm sở tương ưng kia; 4. Kia sở duyên sắc không thể thấy không đối ngại; 5. Sự giải thoát của một phần sở trị giải thoát, đó là các hữu học; nếu là sự

giải thoát toàn phần sở tri giải thoát, đó là các vô học.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp đọa*? Do nương 5 pháp thế gian, tức thế gian kia gọi là các pháp đọa: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian; 3. Dục thế gian; 4. Sắc thế gian; 5. Vô sắc thế gian. Nên biết đây gọi là 5 chủng thế gian.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không đọa*? Đó là pháp xuất thế không rơi vào năm chủng thế gian như vậy, cho nên gọi là các pháp không đọa.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu vi*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu vi sai biệt. Những gì là năm? 1. Vì hậu tế chưa sanh; 2. Vì tiền tế đã diệt; 3. Vì trung tế tự tướng an trụ; 4. Vì nhân duyên tương tục; 5. Vì quả tương tục.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô vi*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp vô vi sai biệt. Những gì là năm? Trái với 5 tướng hữu vi ở trên tức là 5 tướng vô vi. Pháp hữu vi diệt, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có người cho là Niết-bàn có khác, nên biết đây không như lý hỏi, không như lý đáp, không như lý tư duy. Như vậy nếu có người cho là Niết-bàn không khác, hay có người cho là Niết-bàn có khác không

khác, hay có người cho là chẳng phải có khác chẳng phải không khác, nên biết đây cũng đều không như lý hỏi, không như lý đáp, không như lý tư duy. Vì cơ sao? Bởi Niết-bàn kia chỉ là chỗ hiển của hữu vi diệt, vì Niết-bàn kia và pháp hữu vi khác nhau vậy. Trong đây, vì Niết-bàn chỉ là chỗ hiển của hữu vi diệt mà cho là “có khác”, hoặc hỏi, hoặc đáp, hoặc tư duy, liền là hý luận. Niết-bàn đây chẳng phải là chỗ hý luận. Lại vì Niết-bàn cùng với pháp hữu vi khác nhau mà cho là “không khác”, tức như trước đã thuyết, liền là hý luận. Niết-bàn đây chẳng phải chỗ hý luận. Vì hai chủng nhân như trước thuyết, nên kẻ kế chấp “có khác”, “không khác” đều không đúng đạo lý. Lại do hữu vi diệt, chúng đắc Niết-bàn, hoặc do có người cho là tất cả đều không chỗ có, cho nên kẻ kế chấp “chẳng phải có khác, chẳng phải không khác” cũng không đúng đạo lý. Nghĩa Niết-bàn tức là chỗ hiển phát của tất cả pháp bạch. Tướng Niết-bàn tức là tướng tịch tĩnh, tướng không hý luận. Nên biết chỉ là tướng bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp sở duyên*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp sở duyên sai biệt.

Những gì là năm? 1. Pháp sở duyên có tác ý thiện; 2. Pháp sở duyên có tác ý bất thiện; 3. Pháp sở duyên có tác ý vô ký; 4. Pháp sở duyên có tác ý đọa giới; 5. Pháp sở duyên có tác ý hệ thuộc Du-già.

Trong đây, hoặc tác ý thiện duyên các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Như tác ý thiện, thì tác ý bất thiện, vô ký nên biết cũng vậy. Tác ý thiện, nhiễm ô, vô ký hệ buộc Dục giới duyên tất cả các pháp trong tam giới. Tác ý thiện hệ buộc Sắc giới cũng duyên tất cả các pháp trong tam giới. Trong Vô sắc giới hoặc định hoặc sanh, các ngoại đạo dị sanh tác ý thiện hệ buộc Vô sắc giới chỉ duyên tất cả pháp tự địa, chẳng phải duyên địa dưới. Hoặc Bồ-tát chưa được tự tại hành Tỳ-bát-xá-na cùng với có tuệ Thanh văn thừa... rộng lớn, hoặc các bậc hữu học, hoặc A-la-hán tác ý thiện hệ buộc Vô sắc giới kia cũng duyên tất cả pháp địa dưới. Hoặc các Bồ-tát đã được tự tại quyết định chẳng sanh ở Vô sắc giới, do quán ở nơi kia chẳng thể hiện khởi việc lợi ích chúng sanh, cũng không nhân đây thành thực Phật pháp rộng lớn, cũng không thể thành thực hành lợi ích hữu tình. Như vậy gọi là các pháp sở duyên tác ý đọa giới.

Lại nữa, nhân sở duyên “tư duy như thuyết” gọi là soi chiếu khắp tất cả. Không có tên gọi nào vượt hơn, do đây gọi là pháp số một, vì đây được tùy tự tại mà hành. Điều này có nghĩa gì? Tức là nếu lược thuyết vì quán sát nhân thanh tịnh, vì quán sát tự tướng, vì quán sát nhân tạp nhiễm. Lại vì hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Trong đây, hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã tức là khéo rõ biết bốn vô sắc uẩn, năng đoạn tất cả tự tướng cảnh giới, cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Hiển thị pháp vô ngã tức là khéo rõ biết tự tánh biến kế sở chấp, khéo rõ biết danh ngôn thế tục, năng trừ tất cả tướng sở y của kia. Cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Nếu vượt qua bốn vô sắc uẩn như vậy, thì các ngã, tướng, sự nhất định chẳng thể có được. Nếu vượt qua danh ngôn thế tục biến kế sở chấp, thì tự tánh, tướng, sự cũng chẳng thể có được. Nếu ở nơi hai điều đây không khéo rõ biết, thì tất cả tự tướng cảnh giới và các tạp nhiễm liền sanh khởi tùy chuyển. Vì tất cả cảnh tướng cùng các tạp nhiễm đều do lực tăng thượng kia mà được sanh vậy, không phải không nhân. Lại Phật Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Vì

chấp tự tánh pháp, nên chấp tánh ngã sanh khởi, giác được đây nên giác được kia, do giác nên hoàn diệt”.

Tác ý hệ thuộc Du-già lược có 4 chủng sở duyên:

1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 3. Sở duyên thiện xảo; 4. Sở duyên tịnh phiền não.
- Các sở duyên như vậy trong *Thanh văn địa* đã biện rộng. Trong đây, sở duyên tịnh phiền não đó là Thế Tôn thuyết bốn Thánh đế và chân như.



Quyển 66

Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, như Phật Thế Tôn thuyết về ba tánh khổ, trong đây sao gọi là tánh hành khổ? Là nghiệp hậu hữu phiền não sanh khởi các hành. Ở trong tự thể kia kia năng thuận theo sanh tất cả phiền não và các thứ khổ, chỗ có an lập nhiếp thuộc tất cả biến hành thô trọng, cũng gọi là thô trọng, là tánh hành khổ. Nương hành khổ đây, chư Phật Thế Tôn lược thuyết năm thủ uẩn đều gọi là khổ.

Lại hành khổ đây biến hành trong tất cả thọ lạc, hoặc trong thọ khổ, hoặc trong thọ không khổ không lạc. Nhưng ở trong thọ không khổ không lạc, tánh thô trọng đây hiển hiện phân minh, cho nên chỉ thuyết thọ không khổ không lạc. Do hành khổ nên khổ, ở trong thọ lạc thọ khổ có hai pháp là ái và khuể nhiều loạn tâm, nên khổ thô trọng đây chẳng phải dễ có thể rõ được. Thí như sự đau nhức của ung nhọt, nếu đắp nước lạnh thì sanh

tưởng lạc, nếu đắp tro nóng liền sanh tưởng khổ; nếu lia cả hai, bấy giờ chỉ có tự tánh khổ, tức sự đau nhức của ung nhọt kia hiển hiện tự nhiên. Như vậy, ở nơi nghiệp phiền não sanh khởi các hành, chỗ có an lập nhiếp thuộc thô trọng thì tự như sự đau nhức của ung nhọt. Trong tánh hành khổ, sở hữu thọ lạc thì như đắp nước lạnh, sở hữu thọ khổ thì như đắp tro nóng, sở hữu thọ không khổ không lạc thì như tự tánh ung nhọt lia cả hai sự xúc lạnh nóng.

Lại ở nơi thọ lạc sanh nhiều nhiễm trước, cho nên nói tham kia theo đó tăng trưởng; ở trong thọ khổ sanh nhiều ghét giận, cho nên nói sân kia theo đó tăng trưởng. Ở trong sự hiển hiện của không khổ không lạc, chỗ có an lập nhiếp thuộc thô trọng hành chuyển trong tự thể, nơi tánh vô thường điên đảo cho là thường, nơi tánh các khổ điên đảo cho là vui, nơi tánh bất tịnh điên đảo cho là tịnh, nơi tánh vô ngã điên đảo cho là ngã. Cho nên nói ở thọ không khổ không lạc kia, vô minh theo đó tăng trưởng.

Lại các ngu phu ở trong thọ lạc sanh nhiều nhiễm trước. Do nhân duyên đây, ở trong hiện

pháp thân hành ác hạnh, ngũ hành ác hạnh và ý hành ác hạnh, cho nên khi thân hoại mạng chung nói rộng cho đến sanh ở địa ngục. Lại do ái hậu hữu, nên năng cảm các thứ khổ sanh... đương lai. Như vậy, vì thọ lạc là chỗ nương của tham, năng sanh hết thảy khổ của năm đường ở đương lai.

Lại ở thọ khổ không được thuận theo ý muốn, tâm khởi nhiều sân, xúc chạm nhiều sự khổ liên sanh chủng chủng sâu não oán thán cho đến mê loạn. Do nhân duyên đây, hành ba ác hạnh, đọa vào các nẻo ác. Như vậy, vì thọ khổ là chỗ nương của sân, năng cảm nhiều các thứ khổ ở hiện pháp và ở hậu pháp.

Lại ở không khổ không lạc sanh nhiều tâm điên đảo như trên. Ở nơi hai chủng khổ, đó là khổ phát sanh do nương tham của thọ lạc và khổ phát sanh do nương sân của thọ khổ, cho nên phát khởi không xả bỏ tư duy, phát khởi không xả bỏ gây tạo. Do đây tuy có nhiều thứ phiền não và tùy phiền não, nhưng chư Phật Thế Tôn chỉ lập ba chủng phiền não căn bản là tham, sân, si. Nương mật ý đây Phật Thế Tôn thuyết: “Nên quán thọ lạc là pháp nhiều khổ. Nên quán thọ khổ giống như tên

độc. Nên quán thọ không khổ không lạc là tánh vô thường, pháp có hoại diệt”. Nếu năng như thật quán tánh vô thường, dần dần năng đoạn tất cả diên đảo.

Các hành như vậy là sự Khổ thánh đế đệ nhất nghĩa. Tất cả bậc Thánh hiền dùng thánh trí quán xét rồi, ở trong các thủ uẩn đệ nhất hữu tối cực tịch tĩnh còn chẳng vui nguyện, hà huống trong địa ngục hạ liệt tối tăm.

Lại nữa, tức đây năng sanh các hành nghiệp hậu hữu cùng phiền não, bởi đạo lý tướng là Tập thánh đế, trong kinh Đức Tôn nương đạo lý thù thắng duy chỉ hiển thị ái.

Lại nữa, phẩm phiền não thô trọng đây vĩnh viễn diệt là Hữu dư y Niết-bàn tăng thượng, chỗ lập Diệt đế. Lại nhân vĩnh viễn đoạn trừ, đương lai chẳng sanh và nhân thọ dụng đời trước đã tận, các hành hiện tại nhậm vận tàn diệt là Vô dư y Niết-bàn tăng thượng, chỗ lập Diệt đế.

Lại nữa, sở hữu chánh kiến năng chứng hiểu đệ nhất nghĩa đế, cùng chánh kiến làm tiền dẫn tất cả Thánh đạo, đây gọi là Đạo đế.

Lại nữa, vì muốn khiến ở nơi Khổ biết khắp,

ở nơi Tập vĩnh viễn đoạn, ở nơi Diệt tác chứng, ở nơi Đạo tu tập, cho nên lược kiến lập các tướng thánh đế, nếu rộng kiến lập nên biết tướng đây vô lượng vô biên. Lại khiến rõ biết tướng thô của Khổ đế lấy làm chỗ nương, dần dần nâng thú nhập tướng đế vi tế, nên trước thì thiết các thứ khổ sanh... về sau mới hiển thị năm thủ uẩn khổ.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp giữ gìn*? Do năm tướng nên kiến lập các pháp giữ gìn sai khác. Những gì là năm? 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý tư thực; 4. Thức thực; 5. Mạng căn. Nếu đoạn thực thô thì trong năm đường của Dục giới đều hiện có được. Mỗi một địa ngục đều có một phần đoạn thực thô đây, trừ đại địa ngục. Thực còn lại và mạng khắp ở ba cõi đều hiện có được. Do ở nơi các hành giả lập hữu tình, cho nên Đức Thế Tôn thuyết: “Các pháp đây giữ gìn hữu tình khiến trụ an ổn không bị hoại”.

Hỏi: Có 7 nhân duyên giữ gìn các hành khiến trụ an ổn không bị hoại, có sao Thế Tôn chỉ thuyết hữu tình do thực mà được trụ an ổn? Những gì là bảy? 1. Sanh là nhân của các hành trụ, do các hành có sanh mới có trụ, không thể không sanh

mà được trụ; 2. Mạng căn; 3. Thực; 4. Tâm tự tại thông, tức nhờ thế lực kia khiến tăng các thọ hành, hoặc sống lâu một kiếp, hoặc sống hơn một kiếp; 5. Nhân duyên hòa hợp là nhân của các hành trụ, đó là các pháp thiện, bất thiện, vô ký, cho đến nhân duyên vẫn còn chưa tan hoại, lúc bấy giờ trụ tương tục không đoạn dứt; 6. Do tác ý thiện, bất thiện, vô ký dẫn phát nghiệp trước nặng dẫn các hành khiến trụ chẳng dứt, chỗ gọi là sự sanh khởi của nghiệp cộng, bất cộng phần ngoài; 7. Không có các chướng ngại là nhân của các hành trụ, do đây năng khiến các hành khi sanh không có nhân duyên chướng ngại. Các hành đã sanh giống như tương tục mà trụ, xa lìa nhân duyên chống trái khiến hư hoại. Nếu không như vậy tức lẽ liền bị hoại diệt.

Đáp: Tuy do 7 chủng nhân duyên khiến các hành được trụ như vậy, nhưng phần nhiều nhân duyên khiến các hành trụ là do bốn thực đây, bởi chủng chủng môn năng khiến các hành tương tục mà trụ. Lại các thực năng khiến hữu tình tương tục mà trụ đây dễ dàng thú nhập, cho đến các hạng ngu phu, anh nhi... cũng năng theo đó hiểu được, chẳng phải pháp khác.

Lại các thực đây năng khiến các căn đại chủng suy yếu đều được tăng mạnh, lại khiến tật bệnh cũng được trừ lành, chẳng phải pháp khác.

Lại khiến các loại hữu tình trường thọ, nếu không nhờ thực đây sẽ phi thời chết yếu.

Lại các thực đây khiến dễ nhập đạo, năng tu tập bốn chủng niệm trụ là thân-thọ-tâm-pháp, đó là quán sát “tất cả hữu tình nhờ nương thực đây mà được trụ”.

Cho nên đối với 5 chủng nhân duyên đây, Thế Tôn chỉ thuyết tất cả hữu tình nhờ *thực* mà được trụ.

Hỏi: Nhân duyên nào lại thuyết: “Nương mạng căn mà các hành được trụ”?

Đáp: Đó là có xứ không từng bị thiếu thốn về thức ăn uống, không khó khăn trong việc cầu ăn uống. Ở xứ kia chỉ do thế lực mạng căn mà được trụ, tức ở xứ kia do chiêu cảm thọ lượng mà có giới hạn của trụ. Cho nên Thế Tôn nương xứ kia thuyết: “Các hữu tình do mạng căn nên các hành được trụ”.

Lại nữa, trong đoạn thực đây phải nói là do hương, vị, xúc xứ nhiếp lấy. Vì cố sao? Do hương vị xúc kia nếu đang được tiêu hóa liền năng có dụng

trưởng dưỡng, nếu không được tiêu hóa liền thành tổn giảm. Các pháp khác như sắc... không có tiêu hóa biến đổi khiến có dụng trưởng dưỡng hay tổn giảm, cho nên nói kia không phải tánh đoạn thực. Nếu các đoạn vật lúc nuốt xuống cổ họng khiến tâm khoái lạc, các căn tươi nhuận, bấy giờ không được gọi là đoạn thực mà chỉ gọi là xúc thực. Nếu đã thọ dụng rồi, an ổn tiêu hóa, tăng trưởng khoái lạc, thì ở lúc tiêu hóa được gọi là đoạn thực. Nếu đã tiêu hóa hoàn toàn mà không năng trưởng dưỡng khiến các căn tươi nhuận, tuy thức ăn kia tiêu hóa nhưng không gọi là đoạn thực. Nếu các đoạn vật lúc nuốt xuống cổ họng không khiến sanh khoái lạc, cũng không khiến các căn tươi nhuận, bấy giờ đều không được gọi là thực. Chỉ lúc nào đoạn vật kia vào thời sau an ổn tiêu hóa, dễ dàng tăng trưởng sức khỏe, bấy giờ được gọi là đoạn thực. Nếu đã tiêu hóa xong mà không tăng trưởng sức khỏe, thì tuy tiêu hóa cũng không được gọi là thực.

Hỏi: Nếu có đoạn vật cũng là thực ư? Giả sử là thực cũng là đoạn vật ư?

Đáp: Tùy chỗ thích hợp nên tác bốn câu. Hoặc có đoạn vật mà chẳng phải là thực, đó là các đoạn

vật không thể trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc có là thực mà chẳng phải đoạn vật, đó là nếu có xúc thực, ý tư thực, thức thực năng khiến trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc có là thực cũng là đoạn vật, đó là các đoạn vật năng khiến trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc chẳng phải đoạn vật, cũng chẳng phải là thực, đó là nếu có xúc thực, ý tư thực và thức thực chẳng thể trưởng dưỡng các căn đại chủng. Như vậy xúc cho đến thức còn lại tùy chỗ thích hợp đều tác bốn câu.

Lại nữa, sao gọi là hoặc pháp có dị thực, hoặc pháp không dị thực, hoặc pháp dị thực, hoặc pháp dị thực sanh đều nên rõ biết?

Sao gọi là *pháp có dị thực*? Nếu nói lược đó là lậu và hữu lậu. Pháp kia cần yếu có lực, không bị tổn hại, thọ dụng chưa tận, đây gọi là pháp có dị thực.

Ở trong các lậu, nếu kẻ bất thiện gọi là có lực, nếu có che đậy không ghi nhớ gọi là không lực. Ở trong hữu lậu, nếu thiện, bất thiện gọi là có lực, còn lại gọi là không lực.

Hoặc lậu, hữu lậu bị đoạn trừ bởi hai đạo ly dục thế gian, xuất thế gian thì gọi là bị tổn hại.

Trái với tướng đây gọi là không bị tổn hại.

Hoặc đời quá khứ quả dị thực đã chín muồi, gọi là thọ dụng đã tận. Quả dị thực kia vì đã quá khứ nên không còn tồn tại. Hoặc đời vị lai sẽ cho quả dị thực, hoặc đời hiện tại quả dị thực đang hiện tiền, gọi là thọ dụng chưa tận.

Do những sự sai biệt đây, lậu và hữu lậu tùy chỗ thích hợp hoặc thiện, hoặc bất thiện, vì chưa được đối trị đoạn dứt, quả dị thực của kia chẳng phải trước đã chín muồi, do đây được gọi là pháp có dị thực.

Sao gọi là *pháp không dị thực*? Hoặc các vô lậu, hoặc vô ký, hoặc thiện, hoặc bất thiện hữu lậu đã đoạn dứt, hoặc quả dị thực trước đã chín muồi... tất cả như vậy đều gọi là pháp không dị thực.

Sao gọi là *pháp dị thực*? Vào lúc lâm chung, tâm niệm cuối cùng là pháp dị thực. Hoặc tâm kết sanh tương tục không gián đoạn cũng là dị thực. Từ đây về sau sở hữu tất cả tự tánh tâm trụ đều là dị thực. Trừ tâm thiện, tâm nhiễm ô và trừ tâm của gia hạnh vô ký, còn lại đều gọi là tự tánh tâm trụ.

Hoặc tâm ly dục vẫn còn tùy chuyển, ngoại trừ tâm thiện địa dưới và tâm của gia hạnh vô ký, nên

biết tâm đây cũng là dị thực. Lại dị thực đây ở tất cả xứ phải nói chỉ có không che đây không ghi nhớ.

Sao gọi là *pháp dị thực sanh*? Nếu từ tất cả chủng tử dị thực, trừ những gì đã đoạn dứt, pháp chưa đắc, tự chủng tử còn lại làm nhân sở sanh hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, tất cả như thế đều gọi là pháp dị thực sanh.

Lại nữa, ở tất cả xứ, tâm sau cùng chết và theo đó tâm thứ hai bắt đầu tiếp nối sanh, ở trong ba cõi nên biết chỉ có thọ phi khổ lạc. Trừ tâm tiếp nối ban đầu, nên biết thọ đây ở tất cả xứ nhiếp thuộc dị thực. Thọ khổ lạc khác nên biết đều là dị thực sanh ra. Như chủng tử nhiếp thuộc dị thực, tức là theo nhân đây duyên đây làm nhân duyên, nên từ đó dị thực sanh.

Hoặc các loại hữu tình có dị thực sanh trong địa ngục không gián đoạn, có dị thực sanh ưu khổ tương tục. Như sanh địa ngục, thì sanh của một phần ở ngã quý, ở bàng sanh nên biết cũng vậy.

Hoặc các loại hữu tình sanh trong cõi người và cõi trời Dục giới, không có dị thực không gián đoạn nhất định, hoặc có lúc ưu khổ, hoặc có lúc hỷ

lạc, hoặc có lúc chỉ có thọ không khổ không lạc tương tục sanh.

Hoặc hữu tình có dị thực sanh ở Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự không gián đoạn, chỉ có dị thực sanh thọ hỷ tương tục.

Hoặc sanh Đệ tam tinh lự, chỉ có dị thực sanh thọ lạc tương tục.

Hoặc sanh Đệ tứ tinh lự trở lên, chỉ có dị thực sanh thọ không khổ không lạc. Cho nên biết thọ đây ở các xứ kia gọi là dị thực sanh nhiếp thọ hỷ lạc rộng lớn.

Khi các nghiệp thiện, không khổ không lạc kia đang hiện tiền, cũng gọi là dị thực khả ái. Trái với tướng đây gọi là dị thực không khả ái.

Lại nữa, nghiệp bạch dị thực bạch, sở đắc quả dị thực là không che đậy không ghi nhớ, thọ một hướng khả ái. Đây do sự nhiếp thọ của chủng tử nên biết một hướng khả ái, một hướng khả ý.

Nghiệp hắc dị thực hắc nên biết trái với tướng trên.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch đều do sự đuổi theo của hai chủng chủng tử là hắc và bạch, nên sở đắc quả dị thực cũng thọ dị thực sanh của

cả hai chủng. Trong đây nghiệp hắc bạch do ba chủng sai biệt mà được kiến lập: 1. Do chủng loại sanh; 2. Do sự việc; 3. Do tự tánh.

Do chủng loại sanh: đó là ở đây đồng có hắc và bạch, tức ở nơi nghiệp đây chung lập hắc bạch.

Do sự việc: như có người ở một sự việc, vào lúc khởi tâm không lợi ích hiện tiền, cũng tức vào lúc ấy khởi tâm lợi ích hiện tiền, như đoạt lấy vật của người mà hành huệ thí. Như vậy nên biết do sự sai biệt mà kiến lập nghiệp kia.

Do tự tánh: như có người đối với một sự việc là lợi ích, nhưng mặt khác lại không lợi ích. Thí như có người đối với việc làm hung bạo của người khác, phát khởi suy nghĩ đồng hành sân khuể, không vui với việc ác kia. Nên biết sự suy nghĩ đây đồng hành sân nên rơi trong phần hắc, không đồng hành vui với ác kia nên rơi trong phần bạch. Cho nên nghiệp đây gọi là hắc bạch. Các chủng loại còn lại nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp có nhân*? Sở hữu chủng tử các pháp thiện, bất thiện, vô ký chưa bị tổn hại, tất cả pháp kia đều do nhân năng sanh sanh khởi, nên gọi là pháp có nhân.

Lại chỗ tạo tác các nghiệp phiền não trước, ở trong ba cõi quả dị thực kia chín muồi. Quả dị thực đây do nhân dẫn phát nghiệp phiền não gọi là pháp có nhân.

Lại do nhân dẫn phát ba loại hiện tại, đó là sanh trong loài thai sanh, ẩm thấp hòa hợp nên sanh trong loài thấp sanh, ẩn trong vỏ trứng nên sanh trong loài noãn sanh. Đây cũng gọi là pháp có nhân.

Lại sáu thức thân từ nhãn sắc cho đến ý pháp làm tăng thượng duyên, vì nhân đồng sự nên gọi là pháp có nhân. Lại có các tâm tâm sở đồng sanh triển chuyển xoay vần, vì nhân đồng sự nên gọi là pháp có nhân.

Lại nhân dẫn phát pháp bất thiện là do gần gũi bạn ác, do nghe phi chánh pháp, do bất chánh tư duy, gọi là pháp có nhân. Nên biết trái với ba chủng nhân dẫn phát trên là tất cả thiện pháp, gọi là pháp có nhân.

Lại trụ nhiễm ô sanh tà tinh tấn, nhọc nhằn mà không có kết quả, phát sanh nhiều ưu khổ. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại trụ không nhiễm ô sanh chánh tinh tấn,

nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại không nhiễm ô chánh hành tinh tấn, nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Do nhân dẫn phát kia, gọi là pháp có nhân.

Lại ở nơi thú hưởng đạo ly dục thế gian và năng dẫn phát tinh lực Vô sắc, do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại trong hiện pháp tinh lực Vô sắc đẳng chí làm chỗ nương, như chỗ thích hợp theo đó vãng sanh địa trên. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại pháp thế gian dẫn phát pháp xuất thế, do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại pháp xuất thế nhiếp thuộc thánh đạo, năng chứng Niết-bàn. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Do hết thấy các tướng đã thuyết như vậy, nên biết kiến lập các pháp có nhân.

Lại nữa, sao gọi là *pháp không có nhân*? Nên biết tướng đây trái với tướng pháp có nhân.

Lại nữa, sao gọi là *pháp có quả*? Trong đây pháp có nhân-năng-sanh sanh khởi, kia do quả

đẳng lưu riêng khác gọi là pháp có quả.

Hoặc các nghiệp hậu hữu và phiền não, kia do quả dị thực riêng khác gọi là pháp có quả.

Hoặc có ba loài đang hiện tiền, hoặc trong loài thai sanh, hoặc trong loài thấp sanh, hoặc trong loài noãn sanh; hoặc nhãn sắc... hoặc các tâm tâm pháp đồng sanh kia; hai chủng ba pháp hoặc gần bạn ác, hoặc gần bạn lành... Như vậy, tất cả đều do quả tăng thượng riêng khác, gọi là pháp có quả.

Hoặc trong hiện pháp do trụ nhiễm ô sanh tà tinh tấn, nhọc nhằn mà không có kết quả, sanh nhiều ưu khổ. Hoặc trong hiện pháp trụ không nhiễm ô sanh chánh tinh tấn, nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Tất cả như vậy đều do quả sĩ dụng riêng khác, gọi là pháp có quả.

Hoặc thú hướng đạo ly dục thế gian sanh khởi, kia do quả lia hệ buộc tăng thượng gọi là pháp có quả.

Hoặc năng dẫn đạo xuất thế gian và năng chứng thánh đạo xuất thế Niết-bàn, kia do quả lia hệ buộc tăng thượng gọi là pháp có quả. Đó là hoặc đạo xuất thế gian do quả rốt ráo lia hệ buộc, gọi là

pháp có quả; hoặc đạo thể gian chẳng phải do quả rớt ráo lia hệ buộc, cũng gọi là pháp có quả. Nên biết đây gọi là hai đạo sai biệt.

Do hết thấy tướng đã thuyết như vậy, nên biết kiến lập tướng của các pháp có quả sai biệt, đó là tùy chỗ thích hợp mà kiến lập hoặc quả đẳng lưu, hoặc quả dị thực, hoặc quả tăng thượng, hoặc quả sĩ dụng, hoặc quả lia hệ buộc.

Lại nữa, sao gọi là *pháp không có quả*? Nên biết tướng đây trái với tướng pháp có quả.

Lại nữa, sao gọi là *pháp duyên sanh*? Là pháp không chủ thể, không tác giả, đã rộng phân biệt quyết trạch trong *Ý địa*, phần *Duyên khởi thiện xảo*.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nội*? Lược do năm nhân nên biết kiến lập pháp nội sai biệt, do nhân đây nên thuyết danh là nội. Những gì là năm? 1. Do giả danh; 2. Do vọng chấp; 3. Do tăng thượng; 4. Do nhiếp thọ chủng tử; 5. Do sự.

Hoặc ở xứ đây giả tướng kiến lập chủng loại như vậy, như lập là ngã, hoặc lập hữu tình, kia danh như vậy, chủng loại như vậy, nói rộng cho đến thọ lượng như vậy. Đây gọi là do giả danh nên

gọi là pháp nội.

Hoặc ở xứ đây vọng khởi chấp trước chủng loại như vậy, đó là kế chấp là ngã, hoặc khởi ngã mạn. Đây gọi là do vọng chấp nên thuyết danh là pháp nội.

Hoặc do pháp đây lực tăng thượng, ngoại sắc, thanh xứ... sai biệt sanh làm sở thọ dụng. Đây gọi là do tăng thượng nên thuyết danh là pháp nội.

Hoặc năng nhiếp thọ chủng tử các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Đây gọi là nhiếp thọ chủng tử nên gọi là pháp nội.

Hoặc năm chủng sắc thanh tịnh, hoặc tâm ý thức, như vậy gọi là do sự mà thuyết danh là pháp nội. Lại có giả danh kiến lập pháp khác là nội có thể được. Vì có sao? Ở bên trong có được, nhiếp thuộc xứ bên ngoài.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nhiếp lấy danh sắc*? Năm uẩn nhiếp thuộc danh sắc. Vì có sao? Do ở xứ kia tăng trưởng khả đắc, dùng tay, vật cứng... xúc chạm tức liền biến hoại, cho nên sắc uẩn gọi là sắc. Bốn uẩn còn lại do thế lực của chủng chủng danh mà thi thiết, do lấy chủng chủng danh thi thiết làm chỗ nương, phần nhiều ở nơi sở duyên

kia kia mà thú hương lưu chuyển. Cho nên bốn vô sắc uẩn như vậy gọi là danh.

Lại nữa, sao gọi là *pháp chấp thọ*? Lược do 5 tướng nên kiến lập các pháp chấp thọ sai biệt. Những gì là năm?

1. Chỉ sắc gọi là chấp thọ, nên biết đây loại trừ tâm tâm sở... vì kia chẳng phải chấp thọ.

2. Ở trong sắc, sở hữu nội căn, sở y thuộc căn gọi là chấp thọ. Nên biết đây loại trừ ngoại sắc không thuộc căn, vì kia chẳng phải chấp thọ.

3. Tâm tâm sở nhậm trì không xả gọi là chấp thọ. Nên biết đây loại trừ tóc lông móng... nương thuộc căn và loại trừ sở hữu nội thân sau khi chết, vì kia chẳng phải chấp thọ.

4 và 5. Sắc chấp thọ do bốn nhân duyên bị biến đổi, nên gọi là chấp thọ. Những gì là bốn? 1. Do ngoại sắc xúc chạm tổn hoại; 2. Do sự dẫn phát trái nhau và quân bình của giới bên trong; 3. Do nhiều hiện hành các phiền não triển như tham sân...; 4. Do thẩm lự cảnh sở duyên.

Trong đây do ngoại sắc năng tổn hại, hiện tiền bức bách tổn não, có sắc chấp thọ tức liền sanh khổ sanh bi sanh não. Hoặc có ngoại sắc

năng nhiều ích, hiện tiền tiếp xúc đối ngại, có sắc chấp thọ tức liền sanh vui vẻ an ổn nhiều ích. Hoặc có nội các giới xoay vần trái nhau liền sanh khổ não, kia nếu quân bình thì nhiếp thọ an lạc. Hoặc bị sự quấy nhiễu của phiền não như tham... tức liền sanh khổ phát giận thiêu đốt mạnh mẽ. Hoặc vì tà thẩm lự cảnh sở duyên, hoặc vì chánh thẩm lự cảnh sở duyên, liền sanh khởi khinh an nhiếp thọ hỷ lạc. Hoặc bị tổn hại, hoặc được nhiều ích, nên gọi là biến đổi.

Như vậy hoặc vì sắc, hoặc vì nội, hoặc vì tâm tâm sở nhậm trì không xả, hoặc vì duyên như thế khiến thành biến đổi, đây gọi là các pháp chấp thọ sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *pháp chẳng phải chấp thọ*? Nên biết tướng đây trái với pháp chấp thọ.

Lại nữa, sao gọi là *pháp đại chúng sở tạo*, *pháp chẳng phải đại chúng sở tạo*? Bốn đại chúng và đại chúng sở tạo nên biết chỉ đây gọi là pháp hữu sắc.

Hỏi: Như bốn đại chúng do chúng tử của chính nó mới được sanh khởi, các sắc sở tạo cũng vậy, có sao lại nói là các sắc sở tạo được tạo bởi đại chúng?

Đáp: Hoặc các sắc căn và trong tâm có các chủng tử đại chủng đuổi theo, tức là có chủng tử sắc sở tạo đuổi theo. Hoặc sở hữu chủng tử của các đại chủng khi năng sanh quả, bấy giờ chủng tử của sắc sở tạo kia quyết định năng đuổi theo. Vì chủng tử tạo sắc kia cũng tự sanh quả, nên nói là đại chủng tạo sắc sở tạo. Chủng tử của đại chủng đuổi theo căn có sắc gọi là có nơi chốn. Chủng tử của đại chủng theo đuổi căn vô sắc gọi là không nơi chốn.

Lại các đại chủng lược có 2 chủng: 1. Chỉ giới nhiếp lấy: là sở hữu chủng tử của các đại chủng; 2. Năng tạo tác nghiệp của chính nó: từ tự chủng tử của chính nó sanh ra đại chủng.

Lại các đại chủng và sắc sở tạo đồng thời mà có, xoay vần không lìa nhau, bởi nhân chủng loại kia mà thành vậy, như mùi vị lan tỏa khắp tất cả xứ, chẳng phải như tụ trấu lúa, mặt-ni...

Lại ở nơi tụ sắc một hương bền chắc, thì chỉ có địa giới năng tác nghiệp dụng. Hoặc ở Dục giới có đầy đủ sắc, hương, vị giới tác nghiệp. Hoặc ở Sắc giới chỉ có sắc giới năng tác nghiệp dụng. Còn lại thủy, hỏa, phong và thanh giới chỉ có sự đuổi

theo của chúng tử, lại phải đợi duyên khác mới năng tác nghiệp. Như vậy thủy, hỏa, phong gọi là ở trong tụ tướng. Như vậy tùy chỗ thích hợp thứ lớp cũng vậy.

Trong tụ nội sắc, tất cả tác nghiệp của các giới như địa... đều có được đầy đủ như tóc, lông... chủng chủng sai biệt, trong kinh đã rộng thuyết. Nên biết bên ngoài có các tụ như địa... riêng biệt, nếu kia gặp gỡ các duyên sai biệt như vậy như vậy tức liền năng tác nhân sanh quả pháp như vậy như vậy. Thí như cọ xát cây khô tức liền sanh lửa, lại như các vật bạch kim, chì, thiếc, vàng, bạc... nếu được nấu chảy tức thành chất lỏng.

Lại nữa, như trong *Năm thức thân tương ưng địa* đã thuyết, xúc xứ nhiếp lấy tánh trơn rít... nên biết đều là đại chủng sai biệt. Tùy theo phẩm loại phần vị sai biệt của các đại chủng như vậy mà theo đó thi thiết giả danh tánh trơn rít... của bốn đại chủng. Cho nên biết đều là giả có.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Xúc đó là ngoại xứ, hoặc bốn đại chủng, hoặc bốn đại chủng sở tạo, có sắc không thể thấy có đối ngại”, đây mật ý gì?

Đáp: Các đại chủng đây nên biết năng sanh

hai chủng sắc sở tạo: tự loại sai biệt và khác loại sai biệt.

Tự loại sai biệt của sắc sở tạo: là các đại chủng tạo trơn rít... Do nhân như vậy, duyên như vậy, các đại chủng đây mỗi mỗi biến đổi sai khác mà sanh, ở nơi kia giả nói tánh trơn rít... chủng chủng sai biệt.

Khác loại sai biệt của sắc sở tạo: là năm nội sắc xứ như nhãn, nhĩ... bốn ngoại sắc xứ, một phần pháp xứ, chỉ trừ xúc xứ. Thế Tôn nương tự loại sai biệt của sắc sở tạo kia mà thuyết lời rằng: “Hoặc bốn đại chủng sở tạo”.

Hỏi: Thế Tôn thuyết: “Có sắc không thể thấy có đối ngại”, nên nói đại chủng sở tạo những gì?

Đáp: Nếu kia định tâm tư duy các pháp hữu sắc Dục giới, ảnh tượng sanh khởi, nên nói đại chủng sở tạo Dục giới. Nếu kia định tâm tư duy các pháp hữu sắc Sắc giới, ảnh tượng sanh khởi, nên nói đại chủng sở tạo Sắc giới. Như vậy pháp sắc của đại chủng sở tạo đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hữu*? Tất cả pháp thế gian gọi là pháp hữu.

Hỏi: Pháp thiện thế gian A-la-hán... vì là thế gian nên tất nhiếp thuộc hữu, do nhân duyên gì gọi là vô lậu?

Đáp: Vì rơi vào ba hữu được gọi là nhiếp thuộc hữu. Vì vĩnh viễn giải thoát các lậu tùy miên gọi là vô lậu.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Pháp hữu lậu là gì? Đó là ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian”. Đây mật ý gì?

Đáp: Thế Tôn nương nên đoạn, chẳng nên đoạn ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian mà thuyết lời như vậy. Trong đây Thế Tôn thuyết nhiều chủng hữu, gọi là hữu Dục, hữu Sắc và hữu Vô sắc. Như trong phần *Văn sở thành tuệ địa* đã rộng kiến lập những điều Phật dạy cần phải biết.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hữu thượng*? Đó là trừ Niết-bàn, tất cả pháp còn lại.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô thượng*? Do 5 nhân duyên nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng. Những gì là năm? 1. Tập đế tịch diệt; 2. Khổ đế tịch diệt; 3. Lìa sợ hãi do tai hoạn bệnh dịch gây ra, được đại an ổn; 4. Vì sở duyên hiện pháp lạc trú không gì vượt hơn, vì an trụ vô tướng; 5. Rốt ráo thường

trụ, nghĩa an nghĩa lạc không hư dối. Vì tất cả nhân như vậy chẳng phải ở nơi xứ khác mà tổng hợp được, chỉ ở Niết-bàn mới quy tụ tất cả điều trên. Cho nên Niết-bàn gọi là pháp vô thượng.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nên tu*? Là tất cả thiện pháp hữu vi. Trong đây nên biết lược có bốn chủng: 1. Tu đắc; 2. Tu tập; 3. Tu trừ bỏ; 4. Tu đối trị.

Trong đây thiện pháp chưa sanh vì muốn sanh nên tác ý tu tập, gọi là tu đắc.

Thiện pháp đã sanh khiến trụ không quên mất cho đến nói rộng, gọi là tu tập.

Pháp bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn dứt nên tác ý tu tập, gọi là tu trừ bỏ.

Pháp bất thiện chưa sanh, vì muốn chẳng sanh, nên tác ý tu tập các môn đối trị, như tu yếm hoạn.. gọi là tu đối trị.

Nên biết trong đây, từ tác ý liễu tướng cho đến tác ý thắng giải gọi là tu đối trị yếm hoạn. Từ tác ý xa lìa cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh gọi là tu đối trị đoạn. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh gọi là tu đối trị trì. Từ đây trở lên tức là tất cả bảy chủng tác ý tùy nhiếp thuộc ở thắng địa, thượng địa, nên

biết tất cả gọi là tu đối trị phần xa.

Tất cả bốn chủng tu đây hợp lại thành hai chủng tu, đó là tu phòng hộ thọ trì và tu tác ý tư duy. Trong đây tu thân gọi là tu phòng hộ, tu giới gọi là tu thọ trì. Hoặc tu tác ý tĩnh lự địa, hoặc tu tác ý trí để địa, gọi chung là tu tác ý tư duy. Trong đây tu tác ý ban đầu là tu tâm, tu tác ý thứ hai là tu tuệ.

Lại nữa, sao gọi là *pháp quá khứ*? Là nhân đã thọ tận, tự tánh đã diệt, không gián đoạn làm duyên nên pháp khác được sanh. Trừ tâm, tâm sở huân tập tương tục của bậc A-la-hán tối hậu, tuy đã diệt trải qua trăm ngàn kiếp, mà còn năng khiến quả dị thực ái, phi ái kia sẽ chín muồi. Như các việc đã lãnh thọ trong quá khứ, hoặc có người chỉ năng sanh khởi nhớ nghĩ, hoặc có người không sanh khởi nhớ nghĩ, duy chỉ là chỗ hiển diệt, không các tác dụng. Đây gọi là các pháp quá khứ sai biệt.

Pháp quá khứ đây lược do 5 tướng nên biết kiến lập sự sai biệt. Những gì là năm? 1. Hoặc có pháp sát-na quá khứ, tức là ở trong tất cả hành sát-na, chỗ có các hành sát-na trở về sau; 2. Hoặc lại có pháp chết quá khứ, đó là hữu tình kia ở

trong chúng đồng phạm kia chết đi, nói rộng cho đến lúc chết và lúc tạo tác; 3. Hoặc lại có pháp kiếp hoại quá khứ, đó là nhiếp thuộc khí thể gian, do hỏa tai tiêu hại...; 4. Hoặc lại có pháp thối thất quá khứ, đó là có người ở nơi các công đức thiện đã đắc trước kia, trụ trong an lạc, trở lại thối thất; 5. Hoặc lại có pháp tận diệt quá khứ, đó là chỗ có tận diệt trong Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vị lai*? Là nhân chưa thọ, tự tánh chưa thọ, đợi duyên sẽ sanh, sắp hiện tiền khởi, hoặc gần sẽ sanh, hoặc lâu xa sẽ sanh. Cũng do 5 tướng nên kiến lập sai biệt: 1. Sát-na vị lai; 2. Nhất sanh vị lai; 3. Kiếp thành vị lai; 4. Hiện hành vị lai; 5. Tối hậu vị lai.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hiện tại*? Là nhân đã thọ dụng, tự tánh thọ dụng chưa tận, sát-na đã mất quyết định hoại diệt, chỗ hiển tất cả tạp nhiễm, chỗ hiển một phần thanh tịnh. Cũng do 5 tướng kiến lập sai biệt: 1. Sát-na hiện tại; 2. Nhất sanh hiện tại; 3. Kiếp thành hiện tại; 4. Hiện hành hiện tại; 5. Tối hậu hiện tại, đó là tâm tâm sở của A-la-hán tối hậu.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Dục giới*? Ở

Dục giới, hoặc sanh hoặc trưởng, chưa ly dục Dục giới, tâm không tại định. Ở nơi vị đây, chỗ có các pháp hoặc là được sanh, hoặc là tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Đây gọi là pháp hệ buộc Dục giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Sắc giới*? Là sanh ở Sắc giới, năng hiện chứng nhập một trong các tĩnh lự, đã ly dục Dục giới, chưa ly dục Sắc giới, chưa phát gia hạnh của cõi giới cao hơn, hoặc từ định kia mà khởi. Chỗ có các pháp ý địa thế gian đều do tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Đây gọi là pháp hệ buộc Sắc giới. Hoặc sanh ở Sắc giới, chưa ly dục Sắc giới, chưa phát gia hạnh đối với cõi cao hơn. Các pháp thế gian hoặc là được sanh, hoặc là tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Như vậy cũng gọi là pháp hệ buộc Sắc giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Vô sắc giới*? Như pháp hệ buộc Sắc giới, thì pháp hệ buộc Vô sắc giới tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp thiện*? Nếu lược thuyết thì có 2 nhân duyên nên tất cả pháp thiện được gọi là thiện: 1. Vì tự tánh không điên đảo, cũng năng đối trị pháp điên đảo; 2. Vì an ổn. Vì có sao? Vì tự tánh của tất cả pháp thiện không điên đảo ở

nơi sở duyên chuyển, lại năng đối trị pháp nhiễm diên đảo ở nơi sở duyên chuyển. Vì năng đến các đường thiện chứng đắc Niết-bàn gọi là an ổn.

Lại do 5 tướng kiến lập các pháp thiện sai biệt: 1. Vì đương lai cảm quả khả ái; 2. Vì đối trị tạp nhiễm, đó là bất tịnh năng đối trị tham dục... cho đến tám Thánh đạo chi năng đối trị tất cả các pháp tạp nhiễm; 3. Vì chỗ hiển bày của tạp nhiễm được tịch diệt, chỗ gọi là Niết-bàn; 4. Vì chỗ hiển bày an trụ thanh tịnh, đó là người đã ly dục an trụ thiện... của bậc Thánh, hiện pháp lạc trú; 5. Vì chỗ hiển nhiều ích hữu tình, đó là bậc đã ly dục vì ai mãi người nên sở hữu chủng chủng thiện hạnh lợi tha của Thanh văn, Bồ-tát và Như Lai

Lại do 5 nhân duyên khiến pháp thiện sung mãn. Những gì là năm? 1. Do gia hạnh; 2. Do huân tập từ lâu xa; 3. Do nhiếp thọ công đức thù thắng; 4. Do sự việc rộng; 5. Do tự tánh.

Do gia hạnh: các thiện pháp do tạo tác gia hạnh ân trọng, gia hạnh không gián đoạn, được tạo làm với vô lượng phẩm sai biệt: hoặc tự mình làm, hoặc khuyến khích người làm, dùng vô lượng môn vui mừng khen ngợi, thấy người đồng pháp

thâm tâm hoan hỷ. Nên biết đây gọi là do gia hạnh khiến thiện pháp sung mãn.

Do huân tập từ lâu xa: các thiện pháp đã từng hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập trong nhiều đời khác. Do nhân duyên đây, ở đời nay tâm tánh người kia năng thú nhập thiện pháp, an trụ trái với bất thiện. Đây gọi là do huân tập từ đời trước khiến thiện pháp sung mãn.

Do công đức thù thắng: các thiện pháp nhiếp thuộc địa dưới, bao gồm người ly dục thế gian và người thấy dấu tích thánh, hoặc đối với giải thoát, hoặc đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thâm tâm hồi hướng lìa các kiến thú. Đây gọi là nhiếp thọ công đức thù thắng khiến thiện pháp sung mãn.

Do sự việc ruộng: các thiện pháp do dùng hết thấy sự thí tốt đẹp nhất phát khởi thừa sự, cúng dường đối với các bậc đại phước điền đáng tôn trọng. Đây gọi là do sự việc ruộng khiến thiện pháp sung mãn.

Do tự tướng: các thiện pháp nếu do thí mà thành tựu, thì tự tánh thấp kém hơn so với do giới, do tu; nếu do giới mà thành tựu, thì tự tánh vượt

thắng hơn so với do thí và tự tánh thấp kém hơn so với do tu; nếu do tu mà thành tựu, thì tự tánh đều thắng vượt hơn so với do giới, do thí. Đây gọi là do tự tánh khiến thiện pháp sung mãn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp bất thiện*? Trái với hai tướng nhân duyên của pháp thiện, nên biết là hai tướng của các pháp bất thiện, đó là vì tự tánh điên đảo và vì không được an ổn.

Lại do 5 tướng kiến lập các pháp bất thiện sai biệt: 1. Vì đương lai cảm quả phi ái; 2. Vì ngược lại với các đối trị tạp nhiễm; 3. Vì chỗ hiển nhiễm, không tịch tịnh; 4. Vì chỗ hiển của trụ các nhiễm nã; 5. Vì chỗ hiển của năng tổn hại người.

Lại trái với 5 nhân duyên khiến pháp thiện sung mãn đã nói trên, gọi là 5 nhân duyên khiến pháp bất thiện tăng mạnh.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô ký*? Tánh của các pháp vô ký thì không phải điên đảo, cũng không năng đối trị các pháp điên đảo; tánh không phải an ổn, không phải không an ổn.

Lại do 5 tướng nên kiến lập các pháp vô ký sai biệt. Những gì là năm? 1. Dị thực sanh vô ký; 2. Oai nghi vô ký; 3. Công xảo xứ vô ký; 4. Biến hóa

vô ký; 5. Tự tánh vô ký. Trong đây tự tánh vô ký: các sắc căn là trưởng dưỡng và các hữu sắc xứ... bên ngoài, chẳng phải nhiếp thuộc dị thực... trừ sắc xứ, thanh xứ thiện, nhiễm ô.

Lại nữa, sao gọi là *pháp học*? Đó là bổ-đặc-già-la hữu học hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc pháp hữu vi xuất thế gian, hoặc pháp thiện thế gian. Đây gọi là pháp học. Vì cố sao? Vì nương pháp đây nên thời thời tinh tiến tu học tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô học*? Chư A-la-hán các lậu đã tận, hoặc pháp hữu vi xuất thế gian, hoặc pháp thiện thế gian. Đây gọi là pháp vô học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp phi học phi vô học*? Trừ pháp học, vô học đã thuyết ở trước, Dự lưu cho đến A-la-hán còn lại hoặc rơi trong số tất cả dị sanh tương tục, hoặc sở hữu các pháp kia tăng thượng. Đây gọi là pháp phi học phi vô học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp kiến đạo sở đoạn*? Đó là năm kiến như thân kiến... và nương tựa các kiến khởi tham sân mạn, hoặc tương ưng vô minh, hoặc chỗ có vô minh chẳng cùng đối với các đế, như

nghi đối với đế... và hết thảy các nghiệp dẫn đến ác thú. Đây gọi là pháp kiến đạo sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp tu đạo sở đoạn*? Là tất cả pháp thiện hữu lậu, tất cả pháp không che đậy không ghi nhớ, trừ các pháp nhiệm ô đã thuyết ở trước, pháp nhiệm ô còn lại. Đây gọi là pháp tu đạo sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp phi sở đoạn*? Là chỗ có các pháp của tất cả pháp hữu học xuất thế gian, tất cả vô học tương tục. Trong đây, ở tất cả thời hoặc pháp xuất thế, vì tự tánh tịnh nên gọi là phi sở đoạn; hoặc pháp thế gian còn lại, vì đã đoạn nên gọi là phi sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp thẳm sâu khó thấy*? Nên biết tất cả pháp đều là thẳm sâu khó thấy. Vì có sao? Pháp thẳm sâu khó thấy bậc nhất đó là: tự tánh tuyệt dứt các hý luận, siêu vượt đường ngôn ngữ. Tự tánh các pháp đều dứt hý luận, vượt quá đường ngôn ngữ, phải do ngôn thuyết làm chỗ nương mới năng nắm giữ, năng quán sát, năng nhận thức. Cho nên phải biết tất cả pháp đều thẳm sâu khó thấy.

Như vậy đã thuyết sự kiến lập sai khác của

pháp hữu sắc, vô sắc; pháp có thể thấy, không thể thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu tránh, vô tránh; pháp có nhiễm, không nhiễm; pháp nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa; pháp thế gian, xuất thế gian; pháp đọa, chẳng phải đọa; pháp hữu vi, vô vi; pháp sở tri, sở thức, sở duyên; pháp giữ gìn; pháp có dị thực, không dị thực; pháp có nhân, không nhân; pháp có quả, không quả; pháp duyên sanh; pháp nội; pháp nhiếp lấy danh sắc; pháp chấp thọ, chẳng chấp thọ; pháp đại chúng sở tạo, chẳng phải đại chúng sở tạo; pháp hữu, phi hữu; pháp nên tu; pháp hữu thượng, vô thượng; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới; pháp thiện, bất thiện, vô ký; pháp học, vô học, phi học phi vô học; pháp kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn, phi sở đoạn; pháp thâm sâu khó thấy. Nếu có người khéo léo tư duy những điều nên tư duy, nên biết phải như lý tinh cần phương tiện tư duy, phân tích chọn lựa các pháp như vậy.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Quyển 67

Thứ 12. TU SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tư sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết **Tu sở thành tuệ địa**.

Nên biết lược có 16 chủng tu: 1. Tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa; 2. Tu tác ý tương ứng Đại thừa; 3. Tu ảnh tượng; 4. Tu biên tế của sự; 5. Tu việc làm thành tựu; 6. Tu đắc; 7. Tu tập; 8. Tu trừ bỏ; 9. Tu đối trị; 10. Tu phần ít; 11. Tu biến hành; 12. Tu động chuyển; 13. Tu có gia hạnh; 14. Tu đã thành tựu; 15. Tu pháp không thành tựu việc tu; 16. Tu pháp thành tựu việc tu.

Sao gọi là *tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa*? Như có người là Thanh văn, trụ pháp tánh Thanh văn, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh. Không quán việc lợi ích người, chỉ quán việc tự lợi ích mình. Do tác ý môn an lập để, bên trong quán chân như. Duyên pháp có lượng, có phân biệt làm cảnh, tận trừ sở hữu tham ái. Tu tập tác ý hành

tướng nhằm chán xa lìa, dục giải thoát. Đây gọi là tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa.

Sao gọi là *tu tác ý tương ứng Đại thừa*? Như có người là Bồ-tát, trụ pháp tánh Bồ-tát, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh. Quán các việc lợi mình, lợi người. Do tác ý môn an lập, phi an lập đế, nội quán chân như. Duyên pháp vô lượng, vô phân biệt làm cảnh. Vì lực đại bi tăng thượng, nên tận trừ sở hữu tham ái của mình, người. Tu tập tác ý hành tướng phương tiện nhiếp thọ các việc lợi ích hữu tình và do hành tướng nhân duyên hướng đến dấu tích vô thượng. Đây gọi là tu tác ý tương ứng Đại thừa.

Sao gọi là *tu ảnh tượng*? Hoặc vì tác ý tư duy ở nơi ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, sở hành tam-ma-địa thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na có phân biệt. Hoặc vì tác ý tư duy ở nơi ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, sở hành tam-ma-địa thuộc phẩm Xa-ma-tha không phân biệt. Tu các sở hữu như vậy gọi là tu ảnh tượng.

Sao gọi là *tu biên tế của sự*? Hoặc tác ý tư duy pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, nội ngoại, thô tế, hạ

liệt thẳng diệu, gần xa... hoặc tác ý tư duy chân như. Như vậy tu các sở hữu, hoặc tận tánh sở hữu, hoặc như tánh sở hữu, gọi là tu biên tế của sự.

Sao gọi là *tu việc làm thành tựu*? Đã chứng nhập tinh lự căn bản, tu các sở hữu hoặc các đẳng chí, hoặc định thế gian, hoặc định xuất thế gian, gọi là tu việc làm thành tựu.

Sao gọi là *tu đắc*? Như có người nương Sơ tinh lự, hoặc tu tướng vô thường, cho đến hoặc tu tướng chết. Người kia tu sở hữu tướng không hiện tiền khác, hoặc nhiếp thuộc tự địa, hoặc nhiếp thuộc địa dưới và dẫn phát các công đức khác hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian. Đều năng tu tập như vậy khiến lạc thanh tịnh sanh khởi, tăng trưởng sung mãn, ở nơi kia thu được thành tựu tự tại. Đây gọi là tu đắc.

Sao gọi là *tu tập*? Như có người tác ý tư duy các tướng thiện như vô thường... hoặc đều hiện hành tu tập các thiện pháp. Đây gọi là tu tập.

Sao gọi là *tu trừ bỏ*? Như có người do tác ý tư duy các tướng ảnh tượng sở hành tam-ma-địa, như dùng chi tiết phương tiện để trừ khiến chi tiết lưu xuất, xả bỏ tự tánh các tướng. Lại như có người

dùng chi tiết vi tế để trừ khiến chi tiết thô kia. Người tu hành như vậy lấy thân khinh an để trừ bỏ thân thô trọng, còn lại như trước đã nói. Đây gọi là tu trừ bỏ.

Sao gọi là *tu đối trị*? Các sở hữu tu tập tác ý tư duy hoặc đối trị yểm hoạn, hoặc đối trị đoạn, hoặc đối trị trì, hoặc đối trị phần xa, gọi là tu đối trị.

Trong đây, đối trị yểm hoạn là tất cả thiện đạo thế gian, ngoại trừ tác ý được dẫn bởi các vô lượng và tác ý được dẫn bởi hành giả du hí thần thông. Đối trị đoạn: tác ý duyên chân như làm cảnh. Đối trị trì: từ đây về sau hoặc đắc đạo thế, xuất thế, hoặc đạo giải thoát. Đối trị phần xa: đã đoạn phiền não rồi, lại nhiều tu tập ở nơi đạo đối trị, hoặc nhiều tu tập các đạo thuộc địa cao hơn.

Lại có cách giải thích khác. Đó là đạo văn-tu-tu gọi là đối trị yểm hoạn. Đạo xuất thế gian gọi là đối trị đoạn. Quả chuyển y đây gọi là đối trị trì. Tu đạo thế gian gọi là đối trị phần xa.

Sao gọi là *tu phần ít*? Là các sở hữu tu tập do tác ý tư duy một trong số các thiện pháp như tướng vô thường... Như vậy gọi là tu phần ít.

Sao gọi là *tu biến hành*? Là các sở hữu tu tập

do đối với các pháp, tác ý tư duy một vị chân như. Đây gọi là tu biến hành.

Sao gọi là *tu động chuyển*? Khi tu phương tiện ở nơi tu vô tướng, thời thời tu có khoảng hở xen lẫn, gọi là tu động chuyển.

Sao gọi là *tu có gia hạnh*? Khi tu phương tiện ở nơi kia, do tu có gia hạnh gián đoạn xen lẫn, gọi là tu có gia hạnh.

Sao gọi là *tu đã thành tựu*? Là các sở hữu tu tập hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Đại thừa, đã đắc tất cả sở hữu chuyển y và được tự tại ở nơi tất cả các pháp, gọi là tu đã thành tựu.

Sao gọi là *tu pháp không thành tựu việc tu*? Ở nơi bất định địa mà tu tập sở hữu thiện pháp như thí giới... gọi là tu pháp không thành tựu tu.

Sao gọi là *tu pháp thành tựu việc tu*? Ở nơi định địa mà tu tập các thiện pháp gọi là pháp tu thành tựu do tu.

Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tu sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Thanh văn địa**.

Như trong phần *Bản địa* đã thuyết, thì bồ-đặc-già-la trụ không chủng tánh gọi là rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn. Trong đây có người sanh tâm nghi hoặc: Làm sao mà có rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các loại hữu tình chủng chủng giới tánh, vô lượng giới tánh, có giới tánh hạ liệt, có giới tánh thắng diệu, là có chẳng? Là không chẳng? Nếu nói có mà không có bồ-đặc-già-la rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn, thì không đúng đạo lý. Nếu nói không, thì như trong kinh nói: “Các loại hữu tình có chủng chủng giới tánh cho đến có giới tánh thắng diệu” không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn: Như loại hữu

tình tuy có chủng chủng giới tánh cho đến giới tánh thắng diệu, mà hữu tình không hữu không căn. Như vậy, hữu tình không pháp Bát-niết-bàn có sao chẳng thế, hoặc nên chấp nhận có hữu tình không căn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các kẻ không căn là hữu tình, hay phi hữu tình? Nếu là hữu tình, thì vật bên ngoài không căn lẽ cũng là hữu tình, điều này không đúng đạo lý. Nếu phi hữu tình, thì nói gì đến chuyện có kẻ không tin hữu tình không căn. Điều này cũng không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn rằng: Như đã làm Sát-đế-lợi, hoặc có lúc làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la. Như vậy cho đến đã làm Thủ-đà-la, hoặc có lúc làm Sát-đế-lợi; hoặc làm chúng sanh ở địa ngục, lại có lúc làm trời; cho đến đã làm trời rồi, hoặc có lúc cho đến làm chúng sanh ở địa ngục. Như vậy, có sao không có lúc làm không-pháp-Bát-niết-bàn rồi, hoặc có lúc lại làm có-pháp-Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, những người Sát-đế-lợi cho đến Thủ-đà-la và chúng sanh địa ngục cho đến chư thiên cõi trời là có tất cả các

thế giới ấy, hay chỉ có một thế giới chăng? Nếu có tất cả thế giới, ví dụ không tương tự, nên không phải đạo lý. Nếu chỉ có một thế giới, vậy có người trước làm Sát-đế-lợi, hoặc có lúc cho đến làm Thủ-đà-la; trước làm chúng sanh ở địa ngục, hoặc có lúc cho đến làm trời, thì không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn rằng: Như Sát-đế-lợi... đủ tất cả thế giới, vậy thì kẻ không pháp Bát-niết-bàn cơ sao không có pháp Bát-niết-bàn giới?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các kẻ không pháp Niết-bàn giới và những người có pháp Niết-bàn giới, hai thế giới đây là trái nhau hay là không trái nhau? Nếu trái nhau, thì kẻ không có pháp Bát-niết-bàn cơ sao chẳng có pháp Bát-niết-bàn giới? Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu không trái nhau, tức là bổ-đặc-già-la đây không pháp Bát-niết-bàn cũng là kẻ có pháp Bát-niết-bàn, thì không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi kia lại vấn nạn: Như hiện thấy có vùng đất, một thời không chũng tánh vàng, hoặc một thời có chũng tánh vàng; có thời không chũng tánh ma-ni, trân châu, loa bối... hoặc một

thời lại có chủng tánh kia; có thời không chủng tánh muối, hoặc một thời có chủng tánh kia; có thời không chủng tánh chủng chủng tướng giới, hoặc có một thời có chủng tánh kia. Như vậy trước không chủng tánh pháp Bát-niết-bàn, có sao chẳng có một thời có chủng tánh pháp Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào? Như vùng đất trước không có chủng tánh kia, về sau lại có chủng tánh kia; hoặc trước có chủng tánh kia, về sau không có chủng tánh kia. Vậy là trước có chủng tánh quyết định Thanh văn, về sau không chủng tánh đây, cho đến trước có chủng tánh quyết định Đại thừa, về sau không có chủng tánh đây; hoặc trước không có chủng tánh quyết định, về sau có chủng tánh quyết định ư? Nếu ông nói thế thì thiện căn thuận phần giải thoát lẽ ứng với không có kết quả? Lại nếu vậy thì lập chủng tánh quyết định không đúng đạo lý. Nếu chẳng vậy, thì như ông nói kẻ không pháp Bát-niết-bàn trước trụ chủng tánh rồi, về sau trụ có chủng tánh, như ở vùng đất ấy; hoặc kẻ có pháp Bát-niết-bàn trước trụ có chủng tánh rồi, về sau trụ không chủng tánh, như ở địa phương ấy, thì không đúng đạo lý.

Lại nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, kẻ không pháp Bát-niết-bàn trụ giới hạ liệt, như vậy an trụ trong giới hạ liệt, tại đây sanh chuyển thành pháp Bát-niết-bàn, hay là về sau sanh?

Nếu tại đây sanh, ý ông thế nào? Người kia gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở hiện pháp là năng phát khởi thiện căn thuận phần giải thoát, hay không năng khởi? Nếu nói năng phát khởi, thì kia gặp Phật Pháp Tăng rồi ở hiện pháp năng khởi thiện căn thuận phần giải thoát, mà nói người kia không pháp Bát-niết-bàn thì không đúng đạo lý. Nếu nói không năng khởi, thì người kia gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp không năng sanh khởi thiện căn thuận phần giải thoát, mà nói chuyển thành pháp Bát-niết-bàn thì không đúng đạo lý.

Nếu nói rằng về đời sau sanh mới thành pháp Bát-niết-bàn, ý ông thế nào? Vì kia trước tích tập căn lành, nên ở sanh đời sau gặp Phật Pháp Tăng năng khởi thiện căn thuận phần giải thoát, hay trước chẳng tích tập thiện căn? Nếu nói trước tích tập thiện căn, tức kia ở đời sanh đây gặp Phật Pháp Tăng năng khởi thiện căn, mà nói đời sanh sau mới thành pháp Bát-niết-bàn thì không đúng

đạo lý. Lại lẽ như nhân kia ứng với không có kết quả. Nếu nói trước không tích tập thiện căn, vậy thì trước sau giống nhau đều chưa tích tập thiện căn, mà nói đời sanh sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, chẳng phải đời sanh đây, thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, lược có 10 chủng Thanh văn. Những gì là mười? 1. Thanh văn thanh tịnh giới; 2. Thanh văn đã gặp duyên; 3. Thanh văn sanh thế giới tạp nhiễm; 4. Thanh văn sanh thế giới thanh tịnh; 5. Thanh văn sanh thời mạt pháp; 6. Thanh văn sanh thời hiền thiện; 7. Thanh văn chưa được nhãn; 8. Thanh văn đã được nhãn; 9. Thanh văn thanh tịnh nhãn; 10. Thanh văn cực thanh tịnh nhãn.

Hoặc có người an trụ chủng tánh Thanh văn, thuộc chủng Thanh văn thanh tịnh giới. Hoặc người đã nhập pháp, thuộc chủng Thanh văn đã gặp duyên.

Hoặc có Thanh văn sanh trong thế giới có nhiều thứ khổ năm trước, chỗ gọi là thọ trước cho đến hữu tình trước. Đây gọi là Thanh văn sanh thế giới tạp nhiễm. Trái với tướng đây nên biết tức là Thanh văn sanh thế giới thanh tịnh.

Làm sao có thể biết tướng của các Thanh văn

sanh thời mạt pháp? Đó là ở đương lai có các Thanh văn sanh thời mạt pháp phần nhiều quý trọng lợi dưỡng cung kính, quay lưng trái nghịch diệu pháp. Các tham, khuể, si và pháp bất chánh tăng trưởng mạnh mẽ. Tâm bị trói buộc quấy nhiễu bởi các tùy phiền não như keo lẩn, ganh ghét... từ keo lẩn nơi ở, keo lẩn nhà cửa, keo lẩn lợi dưỡng, keo lẩn sự cúng kính, keo lẩn danh cho đến keo lẩn pháp, không gì không đầy đủ. Siểm cống, kiêu trá hằng hiện tại tiền, nói rộng cho đến vì nuôi mạng sống mà cầu xuất gia, chẳng phải vì cầu Niết-bàn. Nhiều các trạo động, cao cử, khinh tháo, ngang ngược, ngạo mạn, giải đãi, quên mất chánh niệm. Tâm chẳng định tĩnh, nhiều các mê loạn, căn tánh tối tăm, thấp hèn. Nhiều các phiền não hiện hành không gián đoạn. Ưu khổ tuy nhiều mà không sanh nhàm chán họa hoạn. Vui thích nơi có nhiều chúng tụ tập, xa lìa nơi a-lan-nhã, xa lìa chỗ nằm ngồi nơi vắng vẻ đến nhập trong chúng ồn náo, tập gần thôn xóm, nơi có nhiều vật dụng nuôi thân liền sanh vui thích. Như vậy cho đến vui thích nói cười, vui thích chúng huyên náo, vui thích tạp loạn xấu xa, tự đề cao phóng dật, chẳng thể khéo tu thân

giới tâm tuệ. Đối với sở thuyết thâm sâu của chư Phật Thế Tôn và sở hữu kinh điển tương ưng tánh Không tùy thuận duyên khởi của tánh duyên thấy đều xả bỏ. Đối với những việc thông huệ thế gian tạo làm độc tụng, trang sức ngôn từ bóng bẩy, văn chương hoa mỹ, thuận theo sách luận thế tục, thì cung kính thọ trì, sanh sâu vui thích. Đối với tương tự chánh pháp, chẳng phải chánh pháp mà sanh vọng tưởng cho là pháp, đối với chánh pháp sanh khởi tưởng là phi pháp. Lại vui thích hiển thị tuyên thuyết khai thị những điều trên, phỉ báng chánh pháp và Tỳ-nại-da. Lại đối với người thuyết chánh pháp và Tỳ-nại-da, sanh tưởng như kẻ oán. Hủy phạm nhiều giới, tập theo các pháp ác, bên trong thật hư bại mà ngoài hiện tướng hiền thiện, nói rộng cho đến thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Đối với hai thiên tội trọng hữu dư và vô dư vẫn còn sanh khởi suy nghĩ hiện hành hủy phạm, hà huống đối với thiên tội khinh và tội trung. Đã hủy phạm rồi, phần nhiều không như pháp phát lồ đối trị, hoặc chỉ khi bị người biết mới hành phát lồ, chẳng phải vì thật ý vui. Lại muốn kết thân với các gia chủ và nhà thí vật thực.

Ở nơi những người tại gia tạo tác hành vi năng dẫn vô nghĩa, nhiều sự nhiều nghiệp, vui thích kinh doanh gây tạo. Đối với các tại gia bạch y, khởi nhiều thân ái tôn trọng cung kính nhớ nghĩ nơi lòng, chẳng phải đối với người đồng pháp tu phạm hạnh an trụ nhiều vui thích. Đối trá hiện tướng oai nghi... khởi pháp tà mạng... triển chuyển lẫn quần mưu tính trong tâm, ham thích gây tạo vô số việc đấu tranh kiện tụng ly gián, nhiều vui thích chứa sản nghiệp, vay mượn cách thức trên để tồn tại lấy làm thù thắng. Phạm có độ người xuất gia thọ giới, tất cả đều lấy tâm nhiễm ô vì muốn lợi dưỡng cung kính... nhưng lại dối nói vì nhân duyên lân mẫn mà độ người xuất gia thọ Cụ túc giới. Việc nuôi dưỡng đệ tử cộng trụ, đệ tử cận trụ chỉ vì thường mong được cấp dưỡng, thuận theo tâm của kẻ kia mà chuyển. Tuy kẻ kia chậm chạp mà ý sanh sâu yêu mến nhớ nghĩ, ý vui thích nhiếp thọ. Người khác tuy không chậm chạp, mà lại không sanh sâu yêu mến nhớ nghĩ nhiếp thọ. Nếu thấy Bí-sô có nhiều quyền thuộc, thu được nhiều lợi dưỡng y phục... liền tôn trọng cung kính cúng dường. Nếu thấy Bí-sô ít quyền thuộc, tuy thiếu dục, có

đầy đủ công đức, lại sanh khinh miệt mà không nhớ nghĩ. Vật thực thọ nhận của Tăng và nhận riêng của người đều không biết hổ thẹn. Ưa nhiếp hủy phạm giới, vui kết bè đảng. Tính xấu nhỏ nhen, hoặc lại thái quá. Phàm nếu nghe thọ đều vì nhân duyên được khen ngợi ca tụng, hoặc vì lợi dưỡng cung kính, chẳng vì tự điều phục thân tâm. Tất cả các loại pháp tạp nhiễm như vậy thấy đều thành tựu đầy đủ.

Thời diệt pháp là khi bậc Đại sư Bát-niết-bàn, về sau thánh giáo bị ẩn mất, bấy giờ các đệ tử Thanh văn như thế khi thân hoại mạng chung phần nhiều đọa đường ác, sanh vào địa ngục.

Nếu có người thành tựu pháp không nhiễm ô trái với tướng trên, nên biết gọi là Thanh văn sanh thời hiền thiện. Thanh văn kia ở thời Như Lai xuất thế đầu tiên, thời ung nhọt chưa sanh, thời Đại sư hiện tiền, có một phần về sau Bát-niết-bàn, phần nhiều khi thân hoại mạng chung sanh trở lại đường thiện, vãng sanh vui trong thế giới cõi trời.

Hoặc các đệ tử sanh Thanh văn gọi là chưa được nhân. Hoặc các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn gọi

là đã được nhãn.

Hoặc bậc A-la-hán tuệ giải thoát gọi là thanh tịnh nhãn. Hoặc bậc đầy đủ tam minh, đủ phần giải thoát gọi là cực thanh tịnh nhãn.

Lại nữa, hoặc có Thanh văn tuy ở hiện pháp như chỗ thích hợp tinh tấn mạnh mẽ, nhưng chẳng thể chứng thắng pháp vượt hơn người. Hoặc có Thanh văn ở hiện pháp có lực năng đặc thắng pháp vượt hơn người, chứng quả Sa-môn. Nếu phóng dật thì chẳng thể chứng.

Lại nữa, nay sẽ giải thích các cú khác nhau trong *Kinh Nguyệt Dụ*: “Đầy đủ giới, đầy đủ đức, nhu hòa, thiện pháp”.

Đó là trong Thanh văn lược có 4 chủng pháp tịnh diệu, khi các hữu tình gặp được vị đó, sẽ khiến thân ngữ ý sanh vô lượng phước. Những gì là bốn?

1. Trụ đầy đủ giới, thọ trì Biệt giải thoát luật nghi, như kinh rộng thuyết;
2. Ít muốn vui đủ... nói rộng cho đến vĩnh viễn tận các lậu, tác chứng được sự khen ngợi tán thán tốt đẹp;
3. Nhu hòa dễ cùng cộng trú, không nhiều nã người có trí đồng phạm hạnh, khiến các Bí-sô vui thích cùng cộng trú, lại thành tựu đầy đủ bốn chứng tịnh;
4. Không đam

mê lợi dưỡng, không đấm trước cung kính, lân mẫn đối với người; khéo phát lộ các ác, che giấu điều thiện của mình, tuy thật có chủng chủng công đức cũng không muốn người biết đến.

Lại nữa, nếu có Thanh văn muốn đến nhà người, trước phải đoạn trừ 3 tùy phiền não rồi sau mới đến. Những gì là ba? 1. Tùy phiền não kết thân hữu với nhà người; 2. Tùy phiền não keo lãn đối với nhà người; 3. Tùy phiền não có tâm nhiệm mà hành pháp thí.

Trong đây, Thanh văn nương 6 chủng tướng nên đoạn tùy phiền não kết thân hữu rồi mới đến nhà người. Đó là lâu lâu mới đến, chẳng nên thường xuyên đến. Đối với việc khả ái, nếu chẳng như lý chấp thủ tướng, vừa sanh tham ái tức liền hổ thẹn. Chẳng dùng miệng nói lời hung bạo buông thả, tà hạnh để truy cầu y phục, vật dụng... Thân khéo tự kín đáo, khéo tự thủ hộ, không dùng thân xúc chạm chỗ chẳng nên xúc, không ngồi ở chỗ chẳng nên ngồi, không ăn chỗ chẳng nên ăn, không uống chỗ chẳng nên uống, không thọ chỗ chẳng nên thọ. Lại dùng tâm tùy thuận hạnh xa lìa, tâm hướng đến hạnh xa lìa, tâm gần gũi hạnh xa lìa và tâm tư

các thiện. Đối với nhà không tịnh tín thì năng khiến tịnh tín, giống như núi cao khó trèo lên đến đỉnh; đối với nhà tịnh tín thì năng khiến tăng trưởng gấp bội, giống như lợi trong ao suối thanh tịnh trong sạch.

Lại nương 6 tướng nên đoạn tùy phiền não keo lẩn đối với nhà người, rồi mới đến nhà người. Đó là khi đến nhà người, đối với công việc của hữu tình không nhiễm không đắm. Như đối với việc của hữu tình, thì đối với việc lợi dưỡng, việc cung kính cũng vậy. Lại không được lợi dưỡng thì không sanh ưu khổ. Như đối với sự việc không lợi dưỡng, thì việc không cung kính cũng vậy. Lại tâm bình đẳng đối với lợi dưỡng của mình, của người, tức là đối với sở hữu lợi dưỡng cung kính mình có được, không tự khen ngợi; đối với sở hữu lợi dưỡng cung kính mà người có được, trọn không chê bai.

Lại nương 6 tướng nên đoạn tùy phiền não tâm có nhiễm mà hành pháp thí, rồi mới đến nhà người. Đó là không mong cầu người sanh tịnh tín đối với mình. Lại ở nơi pháp xuất ly như thật rõ biết. Lại đối với người phải phát khởi ba chủng ý lạc thuần thiện. Những gì là ba? 1. Vì dẫn phát

lạc, vì khiến trừ khổ; 2. Vì cung kính nghe thọ, tùy pháp hành pháp được lợi ích thù thắng lớn; 3. Người bị khổ não bởi khổ của sanh... khiến họ thoát khổ. Nếu người đã giải thoát khổ, tức ở nơi tất cả pháp, pháp tánh diệu thiện làm duyên, ở nơi chánh pháp nhiếp trong tạng Kinh, Luật, Luận, vì họ tuyên thuyết, khiến thọ trì đọc tụng và khiến chánh pháp cứu trụ.

Nên biết vì đoạn tùy phiền não ban đầu, không tùy tiện tạp trú lấy làm rốt ráo. Vì đoạn tùy phiền não thứ hai, chân chánh thọ dụng tài vật lấy làm rốt ráo. Vì đoạn tùy phiền não thứ ba, chân chánh thọ dụng pháp lấy làm rốt ráo.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Phật-Địa-Ca*: “Nếu có Thanh văn muốn có phương tiện thiện xảo ở nơi nhiễm tịnh, lược có ba điều cần phải rõ biết. Một là ở trong chỗ nương tạp nhiễm thanh tịnh, do thân sở y tạp nhiễm thanh tịnh. Hai là ở trong tạp nhiễm, do tạp nhiễm. Ba là ở trong thanh tịnh, do thanh tịnh”.

Sao gọi là do thân sở y tạp nhiễm thanh tịnh? Đó là khởi tâm tư “thân đây có sắc thô trọng”. Như kinh rộng thuyết: “Chỉ có kẻ ngu không có trí huệ,

thú hưởng vô minh thì có thân sở y tạp nhiễm. Chỉ có người thông minh có trí huệ rộng lớn, thú hưởng minh mới có thân sở y thanh tịnh”.

Sao gọi là tạp nhiễm? Đó là khởi tâm tư: “Các ngu phu vì dục mà tạo tác nghiệp tịnh, bất tịnh. Trước tâm tư rồi, sau dùng thân ngữ gây tạo nghiệp tịnh, bất tịnh. Do nhân duyên đây sanh tử trong năm đường, khiến sanh tự thể cảm ái, phi ái, có não, không não”.

Sao gọi là thanh tịnh? Là hai chủng học tối cực thù thắng thuộc phẩm thanh tịnh. Học thứ nhất: trí chân như làm chỗ nương mà năng có tạo tác. Học thứ hai: đều là hệ buộc của phiền não.

Lại lược có 5 nhân hiển thị thanh tịnh đây. Những gì là năm? 1. Bậc chánh thuyết; 2. Bậc chánh hạnh; 3. Chánh hành; 4. Đoạn trừ tùy phiền não sở trị của tầng thượng tâm học; 5. Đoạn trừ tùy phiền não sở trị của tầng thượng tuệ học.

Trong đây, Như Lai là bậc chánh thuyết, Thanh văn căn thành thực là bậc chánh hạnh, cũng gọi là bậc thông tuệ, nhiếp thuộc trí để gọi là chánh hành, căn cứ vào nghĩa năng đoạn phiền não là đối trị không gì vượt trên.

Lược có 5 pháp gọi là tùy phiền não sở trị của tầng thượng tâm: 1. Ở chốn xa lìa, chỗ có các cái; 2. Ở nơi sự dạy bảo dạy trao, không kham nhẫn chỗ có phần não; 3. Ở nơi lợi dưỡng cung kính, chỗ có keo lẩn tật đố, sanh tham trước sâu; 4. Ở nơi cảnh giới đã thọ dụng trước kia, phát khởi tà niệm; 5. Ở nơi thuận theo xả bỏ các học xứ, có phân biệt tham ái.

Lược có 3 pháp gọi là tùy phiền não sở trị của tầng thượng tuệ: 1. Ở nơi môn lý thế tục, chỗ có vô minh, không rõ nghĩa pháp; 2. Các dị sanh đã rõ nghĩa pháp, mà ở trong các đế, chỗ có do dự, nghi hoặc chưa đoạn; 3. Các hữu học đã kiến đế tích, ở trong tu đạo nhiếp lấy tuệ, chỗ có ngã mạn sở đối trị. Do ở nơi các tùy phiền não như vậy vĩnh viễn đoạn diệt, nên biết chứng đắc tối thiện thanh tịnh tầng thượng tâm học, tầng thượng tuệ học, quả A-la-hán. A-la-hán đây gọi là tối cực thanh tịnh.

Lại nữa, các chúng Thanh văn ở nơi thân sở y tập nhiệm thanh tịnh đây, lược do ba tướng nên khắp biết rõ: 1. Do tự tánh; 2. Do nhân duyên; 3. Do quá hoạn.

Do tự tánh: sở hữu tự tánh thân người đây

được hiển bày bởi 3 chủng tướng. Do có sắc, tức là hiển tất cả cộng tướng khác của thân. Do thô trọng, tức là hiển tự tướng của thân mỗi mỗi riêng biệt. Do không thanh tịnh, tức là hiển tướng không đồng phạm với thân trời.

Do nhân duyên lược có 3 chủng: tất cả nhân duyên cộng tướng của thân tức là tự tướng bốn đại chủng riêng biệt. Nhân duyên thân người lại có hai chủng: 1. Nhân duyên chưa sanh khiến sanh, chỗ gọi là bất tịnh của cha mẹ hòa hợp; 2. Nhân duyên đã sanh khiến tồn tại, chỗ gọi là do sự nuôi dưỡng của cháo cơm...

Do quá hoạn lại có 2 chủng là tánh vô thường và tánh khổ. Hoặc khi lạnh, vì trị khổ lạnh, phải tìm cầu vật giữ ấm lấy làm đối trị. Hoặc với khi nóng, vì trị khổ nóng bức, phải cầu tắm gội lấy làm đối trị. Hoặc khi hành nghiệp đi đường khiến mệt nhọc, vì đối trị khổ mệt nhọc, phải cầu xoa bóp lấy làm đối trị. Nên biết hết thấy loại đây gọi là tánh khổ. Sự xúc chạm đối ngại của nắm tay, khối cục, gây trượng... là pháp phá hoại. Sự xúc chạm đối ngại của dao là pháp đoạn hoại. Lúc chết rồi, thân kia hoặc chôn dưới đất, hoặc thiêu bằng lửa, hoặc

bị ăn nuốt bởi chủng chủng bàng sanh và các trùng khác, hoặc thân kia bị gió nắng nên xương khô lộ ra... tất cả đều là pháp tánh tan rã hoại diệt. Nên biết loại đây là tánh vô thường. Trước gặp gỡ mà nay chia lìa gọi là ly tán. Tan rồi biến hoại, rốt sau đều tiêu sạch, gọi là diệt mất.

Lại nữa, nhân sở duyên *tư duy*, như thuyết gọi là soi chiếu khắp tất cả, không có tên gọi nào vượt hơn; do đây gọi là pháp số một, vì đây được tùy tự tại mà hành. Điều này có nghĩa gì? Tức là nếu lược thuyết vì quán sát nhân thanh tịnh, vì quán sát tự tướng, vì quán sát nhân tạp nhiễm. Lại vì hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Trong đây hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã, tức là khéo rõ biết bốn vô sắc uẩn, năng đoạn tất cả tự tướng cảnh giới, cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Hiển thị pháp vô ngã, tức là khéo rõ biết tự tánh biến kế sở chấp, khéo rõ biết danh ngôn thế tục, năng trừ tất cả tướng sở y của kia. Cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Nếu vượt qua bốn vô sắc uẩn như vậy, thì các tướng sự ngã quyết định chẳng thể có được. Nếu vượt qua danh ngôn thế tục biến kế sở chấp, thì tướng sự tự tánh cũng chẳng thể có được. Nếu

ở nơi hai điều đây không khéo rõ biết, thì tất cả tự tướng cảnh giới và các tạp nhiễm liền sanh khởi tùy chuyển. Vì tất cả cảnh tướng cùng các tạp nhiễm đều do lực tăng thượng kia mà được sanh vậy, không phải không nhân. Lại, Phật Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Vì chấp tự tánh pháp, nên chấp tánh ngã mà sanh khởi, giác được đây nên giác được kia, do giác nên hoàn diệt”.

Lại nữa, Thế Tôn vì các Thanh văn đã thuyết bốn Thánh đế để tịnh sở duyên cảnh giới phiền não, đó là khổ đế... như trước đã thuyết.

Hỏi: Nếu tướng chân thật không điên đảo là tướng đế, thì các kiến ngoại đạo, các tà thắng giải, các tà luận là không chân không thật, đều là điên đảo, có sao lại nhiếp thuộc đế? Nếu không nhiếp, kia lẽ chẳng nên cảm hậu hữu đương lai, cho nên chẳng phải nhân khổ?

Đáp: Tuy chẳng phải chân thật, cũng là điên đảo, nhưng nói là nhiếp thuộc hai đế khổ và tập. Vì có sao? Tuy kia đều nhiếp thuộc tà tánh, nhưng tánh tướng tà đây đều không điên đảo, là chân là thật, vì là tánh khổ, vì là nhân khổ.

Lại do 2 tướng nên hiển nghĩa vô thường: 1.

Nương tướng đạo lý Đại thừa; 2. Nương tướng đạo lý Thanh văn thừa, đó là nghĩa chẳng phải có và nghĩa tướng hoại diệt.

Do 2 chủng tướng hiển thị nghĩa khổ: 1. Nghĩa chấp tập khí thô trọng chẳng phải có; 2. Nghĩa ba thọ theo đó sanh khởi tám chủng tướng khổ chuyển.

Do 2 chủng tướng hiển thị nghĩa không: 1. Nghĩa tướng xa lìa tự tánh bổ-đặc-già-la; 2. Nghĩa tướng xa lìa tự tánh các pháp.

Do 2 chủng tướng hiển nghĩa vô ngã: 1. Đạo lý Đại thừa; 2. Đạo lý Thanh văn thừa, đó là nghĩa tướng tự tánh bổ-đặc-già-la vô ngã và nghĩa tướng tự tánh các pháp vô ngã.

Lại có 2 giáo: 1. Giáo vô thường; 2. Giáo vô thủy.

Lại có 2 chủng thông đạt: 1. Thông đạt hữu vi giới; 2. Thông đạt vô vi giới.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết vô thường tức là khổ: 1. Do nhiếp thọ, đó là do các hành vô thường đều là chỗ nhiếp thọ của thô trọng; 2. Do pháp tánh, đó là pháp tánh của các khổ như sanh...; 3. Do đuổi theo, đó là ba khổ kia thường đuổi theo; 4. Do nhân, đó là nhân tăng trưởng hành; 5. Do

chấp trước, đó là sở duyên sự diên đảo.

Lại do 5 nhân duyên nên biết khổ tức vô ngã:
 1. Vì lìa các hành khổ, ngã không thể có được; 2. Vì các hành khổ kia nương các duyên; 3. Vì vô tác dụng; 4. Vì có sát-na sanh thường tùy chuyển; 5. Vì triển chuyển nương nhau.

Hỏi: Nếu nhiếp Khổ đế đều là không khả ái, không khả lạc, là khổ, là tổn não, là trái hại chăng? Giả sử không khả ái, không khả lạc, là khổ, là tổn não, là trái hại đều nhiếp thuộc Khổ đế ư?

Đáp: Nếu không khả ái, không khả lạc là khổ, là tổn não, là trái hại, nên biết đều nhiếp thuộc Khổ đế. Hoặc có nhiếp thuộc Khổ đế, mà chẳng phải không khả ái, cho đến nói rộng, đó là trừ các hành nhiếp thuộc khổ khổ, các hành còn lại nhiếp thuộc hoại khổ và hành khổ.

Hỏi: Chư Phật Thế Tôn dùng 8 chủng tướng để phân biệt Khổ đế, chỗ gọi là sanh khổ, lão khổ, nói rộng cho đến lược chung năm thủ uẩn khổ. Trong đây bao nhiêu tướng hiển tánh khổ khổ? Bao nhiêu tướng hiển tánh hoại khổ? Bao nhiêu tướng hiển tánh hành khổ?

Đáp: Năm chủng trước hiển tánh khổ khổ.

Hai chủng giữa hiển tánh hoại khổ, vì ái biệt ly khổ là sự yêu thích đã được mà bị biến hoại, vì cầu bất đắc khổ là sự yêu thích chưa được mà bị biến hoại. Một chủng sau cùng lược chung là năm thủ uẩn khổ, hiển tánh hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường là khổ chẳng? Giả sử khổ là vô thường chẳng?

Đáp: Các khổ đều vô thường. Có vô thường chẳng phải khổ, đó là Đạo đế. Vì có sao? Vì đạo chẳng phải nhiếp thuộc thọ khổ... nên không phải khổ khổ. Đạo chẳng phải biến hoại, thì sao có lúc biến đổi khiến phát sanh hoại khổ. Đạo năng khiến giải thoát tất cả tạp nhiễm phẩm thô trọng, năng trái với tất cả sanh tương tục, cho nên cũng không phải nhiếp thuộc hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ đều là không, vô ngã ư? Giả sử không, vô ngã đều là vô thường, khổ ư?

Đáp: Các vô thường, khổ đều là không, vô ngã. Có không, vô ngã chẳng phải vô thường, khổ. Đó là ở Khổ đế và Tập đế có đầy đủ bốn chủng. Đạo đế có ba. Diệt đế có hai chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ do đều là vô thường

nên là khổ ư?

Đáp: Hoặc vì vô thường, hoặc vì tự tánh, đó là sở hữu hành khổ, hoại khổ nên khổ, kia vô thường nên khổ. Hoặc khổ khổ nên khổ, hoặc hành khổ nên khổ, vì tự tánh kia, vì khổ tánh tổn não, vì khổ tánh ray rút.

Hỏi: Nếu là Khổ đế cũng là Tập đế ư? Giả sử là Tập đế cũng là Khổ đế ư?

Đáp: Các Tập đế đều là Khổ đế. Hoặc có Khổ đế mà chẳng phải Tập đế. Đó là tất cả A-la-hán trong thanh tịnh tương tục sở hữu tất cả pháp thế gian hoặc thiện, hoặc vô ký. Trong tất cả thân dị sanh, sở hữu quả dị thực nhiếp các pháp vô ký. Các hành vô ký, tất cả sử dụng hiện tại phát sanh đồng hành hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui nên biết chỉ là nhiếp thuộc Khổ đế.

Hỏi: Nếu các pháp thế gian nhằm chán họa hoạn hậu hữu, năng trái lìa hậu hữu, dẫn đạo xuất thế; nhân duyên gì kia nhiếp thuộc Tập đế?

Đáp: Tuy tự tánh kia nhằm chán họa hoạn, trái lìa hậu hữu, nhưng thân ngữ ý diệu hành lại năng thuận theo hậu hữu, cho nên cũng là nhiếp thuộc Tập đế.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp phiền não hậu hữu do tướng nên đều nhiếp thuộc Tập đế, duyên nào Thế Tôn chỉ thi thiết ái?

Đáp: Ái đây vì năng phát khởi sự níu giữ, vì năng phát khởi nghiệp, vì khắp các sự. Khi ái đây sanh khởi, năng phát khởi 15 chủng không nghĩa lợi. Khắp các sự: như ái đây gọi là ái thuận hậu hữu, hoặc ái đồng hành hỷ tham, hoặc ái hỷ lạc kia kia, thì gọi là khắp các sự nên biết cũng vậy.

Ái thuận hậu hữu lại có 2 chủng: 1. Duyên cảnh hậu hữu; 2. Là nhân hậu hữu.

Ái đồng hành hỷ tham: ở nơi cảnh giới vừa ý đã được hoặc đang lúc thọ dụng, phát khởi ái không muốn lìa, muốn tồn tại lâu.

Ái hỷ lạc kia kia: ở nơi cảnh giới mong cầu mà chưa được, phát khởi ái hoặc là hòa hợp, hoặc là không lìa, hoặc là tăng thêm.

Hỏi: Nếu là ái, cũng là thuận hậu hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có là ái, chẳng phải thuận hậu hữu, chẳng phải đồng hành hỷ tham, chẳng phải hỷ lạc kia kia, đó là mong cầu muốn chứng thượng giải thoát. Hoặc có thuận hậu

hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia mà chẳng phải là ái, đó là ái thuận hậu hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia cùng phiền não tương ưng với sở hữu thọ, tưởng, tư, vô minh... Tức ba ái đây là câu thứ ba. Trừ tướng trên là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu ái thuận hậu hữu là ái đồng hành hỷ tham ư? Giả sử ái đồng hành hỷ tham cũng là ái thuận hậu hữu ư?

Đáp: Các ái đồng hành hỷ tham cũng là ái thuận hậu hữu. Hoặc có ái thuận hậu hữu chẳng phải ái đồng hành hỷ tham, đó là ái đồng hành ưu nhiễm ô, hoặc ái biệt ly, hoặc ái không hòa hợp.

Hỏi: Nếu ái thuận hậu hữu cũng là ái hỷ lạc kia kia ư? Giả sử ái hỷ lạc kia kia cũng là ái thuận hậu hữu ư?

Đáp: Hoặc ái hỷ lạc kia kia cũng là ái thuận hậu hữu. Hoặc có ái thuận hậu hữu chẳng phải ái hỷ lạc kia kia, đó là ái duyên cảnh hậu hữu cùng ái đồng hành hỷ tham.

Hỏi: Nếu ái đồng hành hỷ tham là ái hỷ lạc kia kia ư? Giả sử ái hỷ lạc kia kia cũng là ái đồng hành hỷ tham ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Đó là sở hữu ái ở nơi

cảnh giới khả ái đã được ở quá khứ, hoặc lúc đang thọ dụng là câu thứ nhất. Hoặc sở hữu ái ở nơi cảnh giới khả ái sẽ được ở vị lai, chưa quyết định là câu thứ hai. Hoặc sở hữu ái ở nơi cảnh giới đang được ở hiện tại, đã quyết định là câu thứ ba. Trừ chỗ có tương trên là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu thành tựu thọ hệ buộc Dục giới cũng thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới ư? Giả sử thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới cũng là thành tựu thọ hệ buộc Dục giới ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc thành tựu thọ hệ buộc Dục giới, chẳng phải thọ hệ buộc Sắc giới, đó là sanh Dục giới, chưa đối trị kia để đắc Sắc giới. Hoặc thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới, chẳng phải hệ buộc Dục giới, đó là sanh ở Sắc giới. Hoặc thành tựu hệ buộc Dục giới, cũng là thọ hệ buộc Sắc giới, đó là sanh ở Dục giới, đã đối trị kia để đắc Sắc giới. Hoặc đều không thành tựu, đó là sanh Vô sắc giới.

Lại sanh trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, việc làm đã xong, an trụ trong đạo xuất thế và Diệt tận định.

Như hệ buộc Dục giới tác bốn câu so với hệ

buộc Sắc giới, như vậy hệ buộc Dục giới tác bốn câu so với hệ buộc Vô sắc giới, hệ buộc Dục giới cũng tác bốn câu so với không hệ buộc, hệ buộc Sắc giới tác bốn câu so với hệ buộc Vô sắc giới, hệ buộc Sắc giới tác bốn câu so với không hệ buộc, hệ buộc Vô sắc giới tác bốn câu so với không hệ buộc, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Các diệu dục cũng là dục tương ưng quá hoạn quá thất ư? Giả sử dục tương ưng quá hoạn quá thất cũng là diệu dục ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có diệu dục chẳng phải dục tương ưng quá hoạn quá thất, đó là hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc không nhiễm ô hiện hành; hoặc ở nơi kia chẳng dụng công lực mà trụ an lạc vô tội, năng nhiếp thọ phạm hạnh. Hoặc có dục tương ưng quá hoạn quá thất, chẳng phải diệu dục, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc một hướng không khả ái, không khả lạc, không khả hân, không năng vui ý và phiền não dục. Hoặc có diệu dục cũng là dục tương ưng quá hoạn quá thất, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc nhiễm ô hiện hành, một hướng khả ái cho đến vui ý. Hoặc có chẳng phải diệu dục, cũng chẳng phải dục tương ưng với quá hoạn quá

thất, đó là phiền não cùng với sự hệ buộc Sắc, Vô sắc giới. Thế Tôn nương diệu dục đây và dục tương ưng quá thất quá hoạn mà thuyết lời như vậy: “Tham phân biệt hư vọng là dục của sĩ phu”.

Lại nữa, ái đây lược có 2 chủng: 1. Hữu ái; 2. Thọ dụng ái. Đây lại có hai chủng: vì ở nơi hoặc đã được, hoặc chưa được mà có sự thọ dụng sai biệt. Lại vì ái đây có giới sai biệt, nên có ba chủng là Dục ái, Sắc ái, và Vô sắc ái. Nếu người sanh ở Dục giới hy cầu hậu hữu Dục giới, các sở hữu ái ở đây tức là hỷ ở nơi sự thọ dụng đã có được, hân đối với sự thọ dụng chưa được, gọi là Dục ái. Nếu người sanh Dục giới, hoặc đã ly dục Dục giới sanh Sắc giới, muốn hy cầu hậu hữu Sắc giới, thì các sở hữu ái ở đây tức là hỷ đối với đẳng chí Sắc giới đã được, hân đối với đẳng chí các địa trên chưa được, gọi là Sắc ái. Như Sắc ái, thì Vô sắc ái tùy chỗ thích hợp cũng vậy. Ái hậu hữu đây vì lấy thường kiến, đoạn kiến làm chỗ nương, nên kiến lập hữu ái và vô hữu ái. Cho nên ái đây gọi là khắp các sự.

Sao gọi là khi ái đây sanh, khắp năng phát khởi 15 điều vô nghĩa? 1. Khiến tùy miên bền chắc; 2. Do triền nên nhiệm não tất cả pháp tâm

tâm sở; 3. Khiến tâm tương tục, ở nơi cảnh sở duyên điên đảo mà chuyển; 4. Khiến phát khởi thủ nhiếp lấy phiền não khác; 5. Năng an lập tương tục của tự loại; 6. Khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh năng tùy thuận sanh khởi; 7. Khiến các pháp ác bất thiện đã sanh năng tùy thuận tăng trưởng rộng lớn; 8. Năng chướng ngại khiến thiện pháp chưa sanh chẳng được sanh; 9. Năng chướng ngại khiến quên mất thiện pháp đã sanh, chẳng trụ được tăng trưởng rộng lớn; 10. Vì khiến hành ác hạnh, nên kết tập hết thảy các khổ đi vào đường ác; 11. Vì hy cầu hậu hữu, nên kết tập hết thảy khổ sanh lão bệnh tử; 12. Năng khiến hữu tình sợ hãi Niết-bàn; 13. Năng khiến hữu tình đắm say sanh tử, tà chấp cho là sanh tử có công đức thù thắng lợi ích; 14. Như đối với sanh tử, thì đối với cảnh giới cũng vậy; 15. Năng khiến hữu tình tư duy những điều hại mình, những điều hại người, như kinh đã rộng thuyết, cho đến thọ ái khiến phát sanh các tâm ưu khổ.

Quyển 68

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 2

Hỏi: Các hành tịch diệt là Diệt đế ư? Giả sử Diệt đế cũng là các hành tịch diệt ư?

Đáp: Nếu là Diệt đế cũng là các hành tịch diệt. Nếu các hành tịch diệt mà chẳng phải Diệt đế, đó là vì vô thường diệt, vì phi trạch diệt nên các hành tịch diệt.

Hỏi: Những pháp nào diệt mà gọi là Diệt đế?

Đáp: Lược có hai chủng: 1. Vì phiền não diệt; 2. Vì y diệt. Vì phiền não diệt, nên đắc Hữu dư y Diệt đế. Vì y diệt, nên đắc Vô dư y Diệt đế.

Hỏi: Nếu Diệt đế đây trước không sau có, sao gọi là thường? Nếu thường thời có, sao tất cả hữu tình ở tất cả thời không Bát-niết-bàn?

Đáp: Bởi tướng không lưu chuyển, tướng không hiện hành là tướng Diệt đế. Sao nói đế đây trước không sau có? Lại tướng vô sanh, tướng vô diệt là tướng thường, Diệt đế cũng vậy, cho nên gọi là

thường. Nếu người chứng đắc tất cả thô trọng vĩnh viễn diệt, kia Bát-niết-bàn. Nếu người chưa chứng đắc, kia không Bát-niết-bàn. Vì có Diệt đế, các loại hữu tình có chứng đắc, cho nên Niết-bàn là chỗ hiển chứng, chẳng phải chỗ hiển sanh.

Lại nữa, nếu xa lìa 4 chủng lỗi lầm, gọi là Diệt đế. Đây gọi là chánh thuyết. Những gì gọi là bốn chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm tăng ích; 2. Lỗi lầm tà phân biệt tự tướng; 3. Lỗi lầm tạp loạn lẫn nhau; 4. Lỗi lầm tổn giảm.

Hoặc có người cho là các hành tận diệt có khác, đây là lỗi lầm tăng ích. Có người cho là không khác, đây là lỗi lầm tà phân biệt tự tướng. Có người cho là cũng có khác, cũng không khác, đây là lỗi lầm tạp loạn lẫn nhau. Có người cho là chẳng phải có khác, chẳng phải không khác, đây là lỗi lầm tổn giảm.

Hỏi: Nếu chỉ tất cả xuất thế gian, năm phi thủ uẩn đều nhiếp thuộc Đạo đế, nhân duyên nào chỉ thuyết chánh kiến làm tiền dẫn tám Thánh đạo chi là Đạo đế?

Đáp: Nương ba học nên tác thuyết như vậy. Do bậc hữu học ở từng thời kỳ nương tăng thượng giới

học phát khởi tu học, ở từng thời kỳ nương tăng thượng tâm học phát khởi tu học, ở từng thời kỳ nương tăng thượng tuệ học phát khởi tu học. Lại tám Thánh đạo chi đây nhiếp thuộc ba uẩn, cho nên chỉ thuyết đây là Đạo đế.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới uẩn?

Đáp: Vì 2 nhân duyên: 1. Nương chân chánh thọ dụng pháp; 2. Nương chân chánh thọ dụng tài.

Chánh ngữ, chánh nghiệp thì giới làm căn bản, giới làm chỗ nương mới năng thọ dụng tất cả chánh pháp, cho nên gọi là nương thọ dụng pháp. Do chánh mạng nên không nương giả dối khởi pháp tà mạng cầu y phục... Đây làm căn bản, đây làm chỗ nương, năng thọ dụng tài chân chánh, cho nên gọi là nương thọ dụng tài. Lại ở chỗ đây, Thế Tôn thuyết là tánh ý hiện hành thanh tịnh tăng thượng. Trong đây bởi nương tham... khởi nghi phạm giới, nương giả dối... khởi nghi tà truy cầu y phục... Nếu lìa việc đây, gọi là tánh ý hiện hành thanh tịnh tăng thượng.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là tuệ uẩn?

Đáp: Do tuệ uẩn đây tóm lược có ba chủng tác nghiệp, nhân ba pháp đây mới được rốt ráo. Tức thông đạt chân nghĩa các pháp là nghiệp ban đầu. Đã thông đạt rồi, tức ở nơi chân nghĩa vì người tuyên thuyết, thi thiết kiến lập, phân biệt khai thị khiến kia dễ hiểu, là nghiệp thứ hai. Vì đoạn trừ kiết sót thừa, tùy pháp hành pháp là nghiệp thứ ba. Ba nghiệp đây do thứ lớp chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn mà được rốt ráo.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh niệm, chánh định là định uẩn?

Đáp: Hai nhân duyên: do tự tánh, do sở y.

Do tự tánh: là tam-ma-địa. Do sở y: do bốn nhân duyên nên niệm năng làm 4 chỗ nương cho định đây: 1. Vì sở duyên trói buộc, tức là trói buộc nhiếp tâm nơi bốn niệm trụ; 2. Vì tùy thuận định, tức là do niệm đây ở trong việc thủ hộ căn môn, an trụ chánh biết... tác ý tùy niệm thuận theo hoan hỷ năng tùy thuận định; 3. Vì năng đoạn cái, tức là ở nơi năm cái, tùy một trong năm cái hiện khởi, dùng tác ý đối trị như quán bất tịnh... năng đoạn trừ các cái; 4. Vì tu tập rất nhiều tướng tác ý, tức là tác ý xa lìa, ở nơi các tướng chỉ, cử, xả, gia hạnh

ân trọng, không gián đoạn, năng nhiều tu tập. Cho nên niệm đây là chỗ nương của định.

Lại nữa, chánh kiến sai biệt lược có 11 chủng, đó là: kiến như bệnh, kiến như ung, kiến như tên, kiến như chướng, kiến vô thường, kiến khổ, kiến không, kiến vô ngã, kiến kiết, kiến lìa hệ buộc, kiến năng lìa kiết.

Ở nơi 4 chủng hành, như thứ lớp ấy có 4 chủng kiến: 1. Ở trong hành đồng hành với phiền não triền; 2. Ở trong hành đồng hành với phiền não tùy miên; 3. Ở trong hành đồng hành với ái vị; 4. Ở trong hành đồng hành với quá hoạn. Theo thứ tự đây quán là như bệnh, như ung, như tên, như chướng. Nếu ở nơi các hành quán là sanh diệt, gọi là kiến vô thường. Quán kia là sự đuổi theo của ba khổ, gọi là kiến khổ. Quán kia xa lìa ngã, ngã sở sót thừa, gọi là kiến không. Quán thể tánh các hành kia chẳng phải tướng ngã, ngã sở, gọi là kiến vô ngã. Tám chủng như vậy là chánh kiến duyên Khổ đế.

Nếu ở nơi Tập đế, quán là *nhân, tập, sanh, duyên*, gọi là kiến kiết. Bởi Tập đế kia ở trong Khổ đế sanh khởi tập nhiễm kiết.

Nếu ở nơi Diệt đế, quán là *diệt, tịnh, diệu, lià*, gọi là kiến lià hệ buộc. Bởi Diệt đế kia chỗ hiển lià hệ buộc của tất cả phiền não.

Nếu ở nơi Đạo đế, quán là *đạo, như, hành, xuất*, gọi là kiến năng lià kiết. Bởi Đạo đế kia là chỗ hiển rõ ràng năng lià kiết phược.

Hỏi: Trước nên khởi kiến vô thường, khổ, không, vô ngã; sau mới khởi kiến như bệnh, như ung, như tên, như chướng. Duyên nào trong đây trước thuyết kiến như bệnh...?

Đáp: Trong đây nương bổ-đặc-già-la đã đắc đạo mà thuyết kia trước. Vì có sao? Hàng hữu học đã đắc Thánh đạo, vì tăng thượng ý lạc nên ở nơi các thủ uẩn quán là như bệnh cho đến như chướng. Quán như vậy rồi, vì đoạn trừ kiết sót thừa lại khởi thanh tịnh bậc thượng nên kiến vô thường cho đến vô ngã. Trong đây, lược có hai chủng kiến vô thường: 1. Kiến như bệnh... kiến sở y không thanh tịnh. Vì muốn chứng đắc những điều chưa đắc, lấy đây làm tiền dẫn, lấy đây làm dẫn đạo; 2. Kiến như bệnh... kiến năng y thanh tịnh. Đã đắc kiến như bệnh... lại khiến tăng trưởng và khiến đắc tâm thiện giải thoát. Như vậy trong 11 chánh

kiến, kiến hành không, hành vô ngã, gọi là hành Không; kiến hành còn lại gọi là hành Vô nguyên; kiến một hành gọi là hành Vô tướng, đó là ở Diệt để kiến hành là hệ buộc.

Lại nữa, trong tu đạo, tất cả đạo xuất thế gian duyên bốn đế làm cảnh, đều năng đối trị tất cả phiền não của ba cõi. Vì có sao? Bởi hàng hữu học đã kiến tích, trước do pháp trí, loại trí, ở nơi tất cả hành hoặc hiển hiện hoặc không hiển hiện, an trụ phát khởi hiện quán rồi, sau ở nơi tu đạo thâm nhiếp tất cả hành thành chung một đoàn, một phần, một tụ, rồi dụng hành vô thường thứ lớp quán sát. Nhưng không phân biệt đây là dụng hành, đây là sắc hành hay vô sắc hành, đây là hiện thấy hay không hiện thấy... Cho nên trong tu đạo, các đạo xuất thế nhiếp lấy Thánh đạo năng đối trị chung tất cả phiền não của địa trên và địa dưới.

Lại nữa, trong tu đạo, các bậc Thánh kia do tu tập đạo xuất thế, lúc được thắng tiến, phần nhiều dụng hành vô tướng, lớp lớp tác ý tư duy vô tướng. Vì có sao? Bởi tác ý đây năng dẫn phát hiện pháp lạc trú, dẫn phát đoạn trừ tất cả phiền não là thù thắng hơn cả.

Lại nữa, năm thần thông, vô tránh, nguyện, trí, vô ngại giải... và vô úy lực của chư Như Lai, sở hữu tất cả pháp Phật bất cộng đều là đạo sở đắc về sau. Chỗ kiến lập đạo ấy, tánh thanh tịnh. Do nhân duyên đây, nên kia đều nhiếp thuộc Đạo đế.

Hỏi: Đều nên biết khắp tất cả bốn đế, duyên nào chỉ thuyết nên biết khắp Khổ đế?

Đáp: Do ở Khổ đế dụng hai chủng tướng nên biết khắp, chỗ gọi tự tướng và cộng tướng. Ở các đế còn lại chỉ cần biết tự tướng, đó là dụng hành nhân... biết tự tướng Tập đế, dụng hành diệt... biết tự tướng Diệt đế, dụng hành đạo... biết tự tướng Đạo đế. Cho nên chỉ nói Khổ đế là nên biết khắp.

Hỏi: Khổ đế cũng nên vĩnh viễn đoạn, duyên nào chỉ thuyết Tập đế nên vĩnh viễn đoạn?

Đáp: Do Tập đế vĩnh viễn đoạn tức hiển Khổ đế vĩnh viễn đoạn. Cho nên chỉ thuyết Tập đế nên vĩnh viễn đoạn.

Lại nữa, ở trong các đế lược có 2 chủng hiện quán: 1. Trí hiện quán; 2. Đoạn hiện quán. Trí hiện quán: tùy theo thứ lớp ở trong các đế mà tướng trí riêng biệt sanh. Đoạn hiện quán: tùy theo thứ lớp trí sanh không diên đảo làm chỗ nương,

nên chứng đắc sở hữu phiền não đoạn diệt.

Lại nữa, lược có 5 chủng nhân duyên phát khởi chánh tinh tấn: 1. Tuyên thuyết chánh pháp; 2. Tu hành cộng trụ; 3. Quán xét thấy lỗi lầm giải đãi và công đức tinh tấn; 4. Do lực tư trạch thành thực tương tục; 5. Biết sở chứng đắc trước sau sai khác.

Lại nữa, lược do 2 chủng tác chứng nơi đoạn: 1. Tác chứng ở nơi đoạn tổn phục chủng tử; 2. Tác chứng ở nơi đoạn vĩnh viễn chủng tử. Nên biết là hệ buộc cũng có hai chủng: 1. Là hệ buộc nơi các phẩm phiền não riêng; 2. Là hệ buộc nơi sự phiền não phụ thuộc nhau.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Bí-sô! Các ông chớ hành siểm cống”. Trong đây Như Lai quán thấy siểm khúc có bao nhiêu chủng quá hoạn mà răn dạy các Bí-sô chớ hành siểm?

Đáp: Quán siểm khúc có 12 quá hoạn: 1. Do nhân duyên siểm khúc nên không thể chứng đắc trí tuệ chân thật; 2. Thối thất danh dự; 3. Thối thất tín tâm của người; 4. Thối thất tăng trưởng công đức; 5. Thối thất tâm mong cầu đến bậc trí giả để lắng nghe chánh pháp, để được dạy trao dạy

răn; 6. Tăng trưởng các ác; 7. Khiến tâm tương tục xa lìa các thiện; 8. Do siểm nên tâm bị bất an tổn hại, thường ôm tâm khổ não, trụ không an ổn; 9. Lo sợ pháp khổ về sau; 10. Chẳng phải pháp khí bậc thánh; 11. Lúc lâm chung hối hận ray rứt; 12. Thân hoại về sau đọa các đường ác, sanh trong địa ngục.

Lại nữa, trong Dục giới siểm có 8 chủng hành và 7 chủng sự.

Sao gọi là tám hành? 1. Hành siểm mê hoặc; 2. Hành siểm che giấu; 3. Hành siểm hiển hiện; 4. Hành siểm câu kết; 5. Hành siểm cung thuận; 6. Hành siểm mưu tính; 7. Hành siểm gạt bỏ; 8. Hành siểm hiện bi.

Sao gọi là bảy sự? 1. Sự mở lời; 2. Sự cất vắn; 3. Sự tranh cãi; 4. Sự hiện thân hữu; 5. Sự hiện tin giao; 6. Sự giả dối cậy nhờ; 7. Sự gian khổ.

Ở sự đầu tiên, người siểm khúc tùy mở lời với mọi người xung quanh, dùng tướng mê hoặc ở nơi phi nghĩa mà chỉ bày là nghĩa, hoặc ở nơi nghĩa lại chỉ bày là phi nghĩa. Như ở nơi nghĩa, phi nghĩa, thì ở nơi có, chẳng có nên biết cũng vậy. Lại ở trong việc hiện hành siểm khúc mà phát khởi các

hành ác. Nếu bị người khác cật vấn, kẻ siểm kia liền che giấu tội thật, hiển đức không thật. Lại người tranh luận muốn xét tìm công đức, lỗi lầm, bấy giờ kẻ siểm liền câu kết với bạn bè ác. Lại kẻ siểm khúc biết bên đấu tranh cãi vả có thể lực hung bạo mạnh hơn, sanh tâm khiếp sợ, liền dùng hai nghiệp thân ngữ hạ mình cung thuận, hiện tướng thân hữu. Lại kẻ siểm khúc thấy người sức yếu, chất trực, có thể thâm nhiếp lợi dụng sai khiến kia, tuy trong tâm không tin tưởng người ấy mà ngoài hiện tướng rất tin tưởng. Kẻ kia đi đứng hiện tướng giả dối tích tập trong sạch, thân thiện không thật. Lại kẻ siểm khúc ở nơi hiện tướng thân thiện lấy lòng bạn hữu, hòng để làm lợi cho sự nghiệp của mình về sau. Kia trước dối hiện làm bạn, sau việc đã thành, hiện chủng chủng phương tiện gạt bỏ. Lại người siểm khúc gặp phải một sự khổ não, ở nơi khổ oán đối đây thật không trầm trọng ưu khổ như vậy, nhưng lại bày tỏ như gặp phải việc ưu khổ nặng, như nhiều than vãn, ưu buồn, khổ não cho đến sâu muộn.

Lại nữa, Thanh văn thô ngữ còn không nên được dạy trao dạy răn các đế, hướng sẽ năng đắc

chân để hiện quán hoặc được thanh tịnh. Lại có 9 chủng tướng thô của Thanh văn thô ngữ. Nếu Thanh văn rơi trong tướng thô ngữ như vậy gọi là không thể cùng luận bàn. Những gì là chín?

Đó là có bổ-đặc-già-la năng cử tội, đang lúc cất vấn, kẻ kia dùng lời không tốt đẹp, hoặc không tương ưng, hoặc không đầy đủ, hoặc vin dựa phương tiện việc khác giả dối mà đáp là tướng thứ nhất.

Lại dùng lời lừa dối, phương tiện giả mượn luận bàn qua việc khác, gạt bỏ việc cất vấn là tướng thứ hai.

Lại biểu hiện sân khuể triền, quấy nhiễu hồ đồ, tự tâm tán loạn vấn đục là tướng thứ ba.

Lại biểu hiện sân khuể triền, phát khởi giận dữ oán đối, dùng lời thô tục mắng chửi là tướng thứ tư.

Lại khởi tâm cao ngạo “Hắn đã nói ta, sao ta chẳng nói lại hắn” là tướng thứ năm.

Lại kiên cố che đậy tội mình làm là tướng thứ sáu.

Lại tâm tương tục oán kết không xả là tướng thứ bảy.

Lại tâm phát khởi báo oán là tướng thứ tám.

Lại lúc người năng cử tội hiển lời người khác, hoặc các công đức là thật hay không thật, kẻ kia chẳng cần tin hiểu, lập tức bác bỏ, hủy nhục, chửi mắng là tướng thứ chín.

Trong đây lược có 2 chủng bồ-đặc-già-la cử tội: 1. Cùng được tôn trọng; 2. Chẳng cùng được tôn trọng. Nên biết trong đây bồ-đặc-già-la ban đầu năng cử tội chủng tướng thứ nhất, thứ hai. Bồ-đặc-già-la thứ hai năng cử tội bảy chủng tướng còn lại.

Lại nữa, trong phần *Bản địa* nương luật nghi giới có các tướng tương ưng Tỳ-nại-da, nay sẽ quyết trạch. Ớt-Đà-Nam nói:

Nhiếp, chế lập, Thi-la
Không dật, chướng, học, quán
Y, nhiếp thọ, thọ dụng
Thăm sâu, nói dụ, sự.

Lược có 7 xứ nhiếp Tỳ-nại-da và Biệt giải thoát. Những gì là bảy? 1. Dạy răn; 2. Khai thính; 3. Chế chỉ; 4. Chỗ phạm; 5. Có phạm; 6. Không phạm; 7. Ra khỏi tội.

1. Dạy răn: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn dạy các Bí-sô xả bỏ các pháp bất thiện, tăng trưởng các pháp thiện. Đây gọi là nói lược tất cả tướng dạy răn, nếu phân biệt rộng thì có vô lượng vô biên.

2. Khai thính: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn khai mở chấp nhận cho thọ dụng tất cả nhân duyên vật dụng không nhiễm ô.

3. Chế chỉ: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn chế lập ngăn ngừa khiến dừng tất cả tự tánh pháp có tội, pháp trái với vô tội.

4. Chỗ phạm: Lược có 18 chủng: 1. Bất thiện; 2. Trái thiện; 3. Thân nghiệp; 4. Ngữ nghiệp; 5. Ý nghiệp; 6. Hoại giới; 7. Hoại kiến; 8. Hoại quỹ tắc; 9. Hoại chánh mạng; 10. Tùy hộ tâm người; 11. Hộ người tổn não; 12. Hộ phi xứ nghi lự; 13. Dâm; 14. Sát; 15. Y; 16. Thực; 17. Ngọa cụ; 18. Thuốc trị bệnh và vật dụng khác.

Bất thiện: sở hữu tánh tội.

Trái thiện: sở hữu giá tội. Nên biết tướng

nghiệp thân ngữ ý đây, tùy chỗ thích hợp ở trong tất cả năm tụ phạm. Như vậy, các chỗ phạm còn lại cũng ở trong năm tụ phạm, tùy chỗ thích hợp mà biết tướng đây.

5. Có phạm: Nếu nói lược có 5 tụ phạm. Có sao trong 5 tụ phạm đây khởi các trái phạm? Có 5 nguyên nhân: 1. Vì nhân duyên; 2. Vì phát khởi; 3. Vì sự; 4. Vì phương tiện; 5. Vì rốt ráo. Nghĩa đây sẽ phân biệt trong *Nhiếp sự* phần *Ma-đát-lý-ca* của *Tỳ-nại-da*, nay Ta sẽ thuyết.

Lại có 9 chủng phạm: 1. Phạm của Cận sự nam; 2. Phạm của Cận sự nữ; 3. Phạm của Cận sách nam; 4. Phạm của Cận sách nữ; 5. Phạm của Chánh học; 6. Phạm của Bí-sô-ni; 7. Phạm của Bí-sô; 8. Phạm của dị sanh; 9. Phạm của bậc hữu học.

Bậc vô học không chỗ phạm. Vì có sao? Do bậc kia việc làm đã xong. Pháp nhĩ thu được cho phép dừng dứt tất cả học xứ ít phần và tùy ít phần, lại quyết định không phạm tội nhiễm ô.

6. Không phạm: Lược có 4 chủng: 1. Sơ

ngiệp; 2. Điên cuồng; 3. Tâm loạn; 4. Thọ khổ bức bách.

7. Ra khỏi tội: Lược do 5 tướng: 1. Do mình; 2. Do người; 3. Do mình và người; 4. Do chuyển thân; 5. Do xả thân.

Do mình: do tự mình tỉnh lặng dừng nghỉ.

Do người: bậc kiến đế có chỗ trái phạm không phải tội nhiễm ô.

Do mình và người: các dị sanh nhiễm, chẳng nhiễm tội.

Do chuyển thân: chuyển xả thân Bí-sô thành thân Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô-ni thành thân Bí-sô. Bấy giờ Bí-sô, hoặc Bí-sô-ni kia hoặc là chuyển hình khác, hoặc là chuyển không hình, thì gọi là phạm tội.

Do xả thân: đã mạng chung.

Lại nữa, lược có 10 chủng chế lập học xứ thanh tịnh: 1. Đạo lý thanh tịnh; 2. Quả thanh tịnh; 3. Nhiếp thọ thanh tịnh; 4. Ngoại thanh tịnh; 5. Nội thanh tịnh; 6. Đủ phần thanh tịnh; 7. Ái kính thanh tịnh; 8. Tu tổn phục đối trị thanh tịnh; 9. Tu đoạn tùy miên đối trị thanh tịnh; 10. Tương tục

chẳng đoạn thanh tịnh.

Lại có cách nói khác: 1. Có nhân duyên chế lập học xứ thanh tịnh; 2. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc thanh tịnh; 3. Xa lìa biên tự khổ thanh tịnh; 4. Hạnh thù thắng thanh tịnh; 5. Mạng thù thắng thanh tịnh; 6. Đồng pháp cộng trú thanh tịnh; 7. Không đấu tranh chống đối thanh tịnh; 8. Chế phục phiền não thanh tịnh; 9. Lìa hệ buộc của phiền não thanh tịnh; 10. Nhậm trì chánh pháp thanh tịnh.

Lại nữa, lược có 10 chủng lỗi lầm giới: 1. Lỗi lầm do hủy hoại sở học; 2. Lỗi lầm do không vui thích; 3. Lỗi lầm do trái vượt; 4. Lỗi lầm do mong cầu; 5. Lỗi lầm do phóng dật; 6. Lỗi lầm do tăng thượng mạn; 7. Lỗi lầm do tùy miện không thanh tịnh; 8. Lỗi lầm do ý lạc không thanh tịnh; 9. Lỗi lầm do không ra khỏi xa lìa; 10. Lỗi lầm do tà cấm.

Lại có 10 chủng công đức giới: 1. Giới hòa hợp; 2. Giới không gián đoạn; 3. Giới không oán đối; 4. Giới không tổn hại; 5. Giới kiên cố; 6. Giới ra khỏi xa lìa; 7. Giới sở trị thù thắng; 8. Giới không thối chuyển; 9. Giới bất cộng; 10. Giới vô thượng.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương ở mười thời, nên không phóng dật. Những gì là mười? 1. Nương thời phạm; 2. Nương thời định; 3. Nương thời chánh; 4. Nương thời khát cầu; 5. Nương thời làm việc; 6. Nương thời thọ dụng lợi dưỡng cung kính; 7. Nương thời cầu đa văn; 8. Nương thời tư duy chánh pháp; 9. Nương thời xa lìa; 10. Nương thời thông đạt *tư* rất ráo.

1. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời phạm thứ nhất nên không phóng dật? Có Bí-sô thành tựu năm chi nhiếp lấy không phóng dật, đó là đồng hành tiền tế... như trước đã thuyết. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở trong thời đầu tu không phóng dật.

2. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời định thứ hai nên không phóng dật? Có Bí-sô hoặc sống nơi không nhàn, hoặc ở dưới gốc cây, sanh tham dục cái cho đến nghi cái, trọn không an nhàn, tức liền xả bỏ, khiến trừ, nhổ sạch. Do đây lúc nắm cái kia hiện hành khiến tâm nhiễm ô cho đến năng khiến chẳng đắc Niết-bàn, vì muốn đoạn trừ, nên ở thời gian đây hoặc tu tướng chỉ, hoặc tu tướng cử, hoặc tu tướng xả. Vị kia ở nơi tướng chỉ,

tướng cử, tướng xả như vậy đã được khéo léo. Nếu khi tâm yếu kém, nhu nhược, nhàm chán, liền chánh tu tướng cử. Nếu lúc tâm trạo cử, lo sợ, xao động, liền xả cử, chánh tu tướng chỉ, bên trong dùng nghỉ. Nếu lúc tâm bình lặng, liền tu tướng thượng xả. Lại ở nơi tam-ma-địa đã đắc, không sanh ái vị, không khởi đoái luyến, không có tham nhiễm, không trụ đấm trước. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ hai tu không phóng dật.

3. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời chánh thứ ba nên không phóng dật? Có Bí-sô lúc sắp lâm chung, tâm mạnh mẽ phát khởi gia hạnh chân chánh như vậy: “Nay ta phải lấy chánh niệm duyên Phật, duyên Pháp, duyên Tăng mà chết, phải đem tâm duyên lành thiện mà chết”. Người kia đã phát khởi như vậy, liền khéo thủ hộ tâm chánh niệm hiện tiền, đem chánh niệm duyên Phật Pháp Tăng và duyên tâm thiện mà chết. Do kia sở hữu chánh niệm duyên Phật Pháp Tăng và sở hữu tâm duyên lành thiện mà chết như vậy, gọi là hiện thiện tử, hiện thiện chết yếu, cũng gọi là hiện thiện đi đến ở đời sau. Như vậy gọi là Bí-sô

siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ ba tu không phóng dật.

4. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời khát cầu thứ tư nên không phóng dật? Có Bí-sô trú ở thôn xóm, hành như trong *Kinh Thanh Tịnh Khất Thực* đã thuyết. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở trong thời thứ tư tu không phóng dật.

5. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời việc làm thứ năm nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi nghiệp tạo làm bát, ở nơi nghiệp tạo làm y, ở nơi nghiệp chăm sóc khán bệnh các bậc trí giả đồng phạm hạnh... cùng các nghiệp tạo làm khác đều không phóng túng buông lung. Vì không phóng túng buông lung, không nóng vội, không mất, không hoại, cũng không thiếu sót nên hành động không trái vượt, không thô lỗ, hành động không ác, hành động không vội bạo, hành động không chậm chạp, hành động không động loạn, hành động không nhiễm... sở hữu quỹ tắc thuận theo thế gian, thuận quỹ tắc Tỳ-nại-da. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ năm tu không phóng dật.

6. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời thọ dụng lợi dưỡng cung kính thứ sáu nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi lợi dưỡng cung kính đã thu được, không nhiễm, không mê, không đắm, không nhớ, không buồn, không chấp, cũng không khinh chê mà thọ dụng. Thấy sâu quá hoạn, khéo biết xa lìa mà thọ dụng. Tùy theo lợi dưỡng cung kính đã thu được, năng tự chế phục, cũng chẳng nhân đó mà tâm trụ kiêu mạn. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ sáu tu không phóng dật.

7. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời cầu đa văn thứ bảy nên không phóng dật? Có Bí-sô xả bỏ sở hữu phúng tụng văn chương ca từ bóng bảy tương ưng thuận theo đa văn thế gian. Ở nơi sở hữu tánh Không thậm thâm, tương tự thậm thâm mà Phật sở thuyết, ở nơi tất cả kinh điển tương ưng duyên khởi của tánh duyên, hoặc thuận hoặc nghịch đều cung kính thọ trì, khiến được rốt ráo. Không quán các pháp chỉ vì thu được lợi ích thù thắng trong việc nuôi mạng cho là rốt ráo. Không quán các pháp chỉ vì thu được lợi ích thù thắng trong việc thoát khỏi nạn vấn của người mà

cho là rốt ráo. Không vì lợi dưỡng, không vì cung kính, cho đến chỉ vì tự điều phục, tự đắc tịch tĩnh, tự đắc Niết-bàn, tự đắc hương đến nghĩa lợi tối thượng của Sa-môn hoặc Bà-la-môn, nên ở nơi pháp đây khéo nghe, khéo thọ, đọc tụng thông lợi, thành thục rốt ráo. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ bảy tu không phóng dật.

8. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời tư duy chánh pháp thứ tám nên không phóng dật? Có Bí-sô một mình ở chốn không nhân, đối với sở hữu các pháp đã nghe, đã thọ, đã đắc mà tư duy nghĩa, quán sát xứng lượng, nghĩ điều đáng nghĩ, xa lìa điều không đáng nghĩ. Đối với pháp chỉ sanh tin hiểu chút phần, thì dùng huệ quán sát chút phần ấy. Phàm có tư duy chỉ nương nghĩa không nương văn, như thật rõ biết thuyết bằng cách im lặng và thuyết lớn tiếng. Tư duy kiên cố, tư duy các đế thẳm sâu, tư duy tương tục. Ở nơi những điều đã tu học, chân chánh thực hành cho đến rốt ráo, trọn không lui bỏ giữa chừng. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ tám tu không phóng dật.

9. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương

thời xa lìa thứ chín nên không phóng dật? Có Bí-sô không cùng chúng tại gia và chúng xuất gia cộng chúng tạp trụ, cũng không đồng hỷ, cũng không đồng ưu, nói rộng cho đến trọn không rớt ráo tùy chuyển theo nghiệp thế sự. Ở chốn không nhà, bìa rừng, bờ vắng, xa lìa tất cả hữu tình tán loạn giải đãi và tu Chỉ Quán các tùy phiền não chướng. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ chín tu không phóng dật.

10. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời thông đạt *tu* rớt ráo thứ mười nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi có như thật biết có, ở nơi chẳng phải có như thật biết chẳng phải có, ở nơi hữu thượng như thật biết hữu thượng, ở nơi vô thượng như thật biết vô thượng. Do vị kia như thật biết như vậy, nên điều chưa đắc không sanh tưởng đắc, điều chưa chứng không sanh tưởng chứng, lìa tăng thượng mạn. Do chẳng bị nhiếp giữ bởi tăng thượng mạn, cho nên tự mình đã thông suốt. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ mười tu không phóng dật.

Lại nữa, có 4 chủng chướng năng chướng ngại người xuất gia: 1. Chướng ngại ý lạc; 2. Chướng

ngại sở y; 3. Chướng ngại nghiệp; 4. Chướng ngại không tự tại.

Chướng ngại ý lạc: hoặc bị vua bức bách... nên sợ hãi mà cầu xuất gia, hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại sở y: hoặc bị mù điếc, hoặc bị khuyết căn, hoặc bị bán-trạch-ca, hoặc bị bệnh tật, hoặc bị chủng chủng ác tật... bức bách thân, hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại nghiệp: là các chủng ác nghiệp như hại mẹ... hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại không tự tại: hoặc cha mẹ chưa chấp nhận, hoặc làm tội tở cho người, hoặc bị hệ thuộc vua, quan, chủ, hoặc đang có tranh tụng... hết thấy những dạng như vậy.

Lại nữa, lược có 5 xứ mà người xuất gia đối với Tỳ-nại-da quyết định phải học. Những gì là năm? Học để biết có phạm, không phạm, hoặc nặng, hoặc nhẹ và sở thuyết tóm lược kinh Biệt giải thoát.

Có phạm, không phạm như trước đã thuyết. Do 6 chủng khác nhau khiến chỗ phạm thành nặng:

1. Chế lập sai biệt; 2. Sự sai biệt; 3. Xuyên thủng

sai biệt; 4. Phiền não sai biệt; 5. Trí sai biệt; 6. Thời sai biệt. Trái với tướng trên, chỗ phạm gọi là tội nhẹ.

Chế lập sai biệt: vì tùy ở nơi học xứ mà chế lập.

Sự sai biệt: như đồng là Ba-dật-đề-ca, nhưng sát sanh... thuộc sở hữu tánh tội, ở nơi giá tội khác thì có sự sai biệt.

Xuyên thủng sai biệt: như có người hủy phạm vô số.

Phiền não sai biệt: như có người hủy phạm do tham, sân, si triền mãn lợi.

Trí sai biệt: như có người phẩm thiện yếu kém, trí huệ cạn mỏng, tuy kiến lập hết thấy sự, xuyên, khởi phiền não, nhưng chỗ phạm thành chướng ngại cực nặng. Như nước chảy ít, chỉ cần ít cỏ cũng có thể chặn đứng; nước lớn, nhiều cây cỏ cũng chẳng thể chặn mà bị trôi dạt. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Thời sai biệt: như có người đã vi phạm nhưng đối với chỗ đã phạm chẳng thể nhanh chóng như pháp hối trừ; đã tập quen lâu dài về sau mới đối trị.

Lại nữa, các bậc trì luật nên dụng năm tướng quán sát chỗ phạm, sau khiến đoạn trừ tội. Những gì là năm? 1. Vì một hướng tạp nhiễm; 2. Vì một hướng không hành; 3. Vì nương xứ mà chế lập; 4. Vì người kia hoặc sanh khởi hoặc không sanh khởi hủy phạm; 5. Vì không một hướng hiện hành.

Trong đây, chỗ phạm một hướng tạp nhiễm là các tánh tội, phải một hướng dạy khiến chẳng phạm. Nếu người đã hủy phạm, như chỗ thích hợp mà vì hiển bày chỉ dạy khiến nhanh chóng hối trừ. Lại chư Phật Thế Tôn nương bổ-đặc-già-la đây, phương đây, thời đây mà chế lập học xứ giá tội như vậy. Nếu có bổ-đặc-già-la khác, phương khác, thời khác phạm lỗi lầm đây, do quán lỗi lầm đây mà chế lập, tùy theo chỗ phạm mà vì kia hiển dạy pháp đối trị. Nếu có người không phạm lỗi lầm như vậy, không nên đối đây mà đoạn trừ chỗ có phạm, cũng chẳng nên hiển pháp đối trị. Như vậy là lược tuyên thuyết chung quán sát chỗ phạm.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương bảy chỗ, ở trong sáu xứ mà tu gia hạnh.

Sao gọi là nương 7 chỗ? 1. Nương Đại sư; 2. Nương Thân giáo; 3. Nương Quý phạm; 4. Nương y

phục; 5. Nương khát thực; 6. Nương ngộ cụ; 7. Nương các vật khác và thuốc trị bệnh.

Sao gọi là ở nơi 6 xứ mà tu gia hạnh? 1. Ở nơi pháp; 2. Ở nơi học; 3. Ở nơi dạy trao dạy răn; 4. Ở nơi đẳng trì; 5. Ở nơi cúng dường; 6. Ở nơi không phóng dật.

Pháp: kinh Biệt giải thoát và phân biệt rộng.

Học: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Dạy trao dạy răn: dạy trao dạy răn nương tăng thượng giới học, dạy trao dạy răn nương tăng thượng tâm học, dạy trao dạy răn nương tăng thượng tuệ học.

Đẳng trì: thứ lớp chín định.

Cúng dường: gồm cúng dường tài và cúng dường pháp. Cúng dường tài: chỉ một chủng pháp khả ái lạc. Cúng dường pháp: chỗ còn lại.

Không phóng dật: ở nơi năm chủng thiện xảo, từ uẩn thiện xảo cho đến xứ phi xứ thiện xảo, siêng tu gia hạnh tương tục không gián đoạn.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có 5 chủng nhiếp thọ: 1. Thuộc đã thọ; 2. Thừa thọ thọ; 3. Giao phó thọ; 4. Xả thí thọ; 5. Vì người thọ.

Do 2 nhân duyên khiến *thuộc dã thọ* không được thanh tịnh: 1. Vì sanh nhiễm trước; 2. Vì dự định tích trữ. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *thừa thọ* không thanh tịnh: 1. Thọ phi xứ; 2. Thọ không đúng lượng, không đúng pháp. Trái tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *giao phó thọ* không thanh tịnh: 1. Không quán sát người mà giao phó; 2. Tâm buộc đắm ở nơi vật bất tịnh. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *xả thí thọ* không thanh tịnh: 1. Ở nơi ruộng ác mà xả thí; 2. Có mong cầu mà xả thí. Trừ ba chủng ruộng là ruộng công đức, ruộng bi và ruộng ân, còn lại là ruộng ác. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *vì người thọ* không thanh tịnh: 1. Chẳng phải tình bạn đã từng đi lại thâm giao từ trước, cũng chẳng cáo bạch, cũng tánh không quen biết; 2. Có nhiễm tâm. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có 5 nhân duyên

khiến thọ dụng sự không thanh tịnh: 1. Có tánh tội; 2. Không doan chánh ngay thẳng; 3. Không sử dụng; 4. Không phải nhiếp thuộc sở hữu; 5. Không tác tịnh.

Có tánh tội: nương cân đong giả dối, trói buộc, đánh đập; hoặc chém, hoặc giết rồi chiếm lấy tài vật mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không doan chánh ngay thẳng: lãnh thọ ruộng, nhà, cùng voi ngựa trâu dê heo gà chó, nam nữ lớn nhỏ, nô tỳ để làm người hầu hạ; tích chứa vàng bạc, trân bảo, ngũ cốc mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không sử dụng: các loại nhiễm ô như đại tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, máu mủ, mỡ... và hết thảy loại khác liên quan cũng vậy, nếu thọ dụng gọi là không thanh tịnh. Như Thế Tôn nói: “Vật dụng đựng đại tiểu tiện đều không thanh tịnh, không nên thọ dụng”.

Chẳng phải nhiếp thuộc sở hữu: hoặc vật của chúng Tăng, hoặc chẳng được sai, chẳng để trong bát, cũng chẳng thuộc bát; hoặc vật riêng của người chẳng xả, chẳng cho, cũng chẳng hư bỏ; hoặc chẳng phải vật gửi gắm giao phó, cũng chẳng phải lượng

mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không tác tịnh: gồm 5 chủng tịnh. Những gì là năm? 1. Thọ đắc tịnh; 2. Tổn hoại tịnh; 3. Giao phó tịnh; 4. Thời pháp tịnh; 5. Xả phần riêng tịnh. Trái với tướng đây, sở hữu thọ dụng gọi là thanh tịnh.



Quyển 69

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 3

Lại nữa, do 5 chủng chế lập nên biết Tỳ-nại-da rất thâm sâu. Sao gọi là 5 chủng chế lập? 1. Vì chế lập học; 2. Vì chế lập phạm; 3. Vì chế lập ra khỏi, xa lìa; 4. Vì chế lập dừng nghỉ; 5. Vì chế lập Yết-ma.

1. **Chế lập học**: lược do 5 xứ chế lập học là rất thâm sâu: 1. Vì tự tại; 2. Vì không tự tại; 3. Vì lỗi lầm hoại Thi-la hiển hiện; 4. Vì lỗi lầm vui thích ở nơi nghiệp thấp hèn hiển hiện; 5. Vì hành, không hành hai lỗi lầm trên.

Vì tự tại: Nếu lúc được dẫn dạy, không thuận theo phiền não mà hành, do đây không bị thế lực của phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ nương theo sự dạy dẫn như vậy mà được tự tại thực hành học xứ, cho nên chế lập học xứ tùy ý tự tại.

Vì không tự tại: Nếu lúc được dẫn dạy, thuận

theo phiền não tự tại mà hành, do đây bị thế lực của phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ tức nương sự dẫn dắt như vậy mà không tự tại thực hành học xứ, cho nên chế lập học xứ không tự tại.

Vì lỗi lầm hoại giới hiển hiện: Quán thấy quyết định không được phạm các tánh tội, cho nên chế lập học xứ tùy phòng hộ giới.

Vì lỗi lầm vui thích nơi nghiệp thấp hèn hiển hiện: Quán thấy năng chướng siêng tu phẩm thiện, cho nên chế lập học xứ già tội.

Vì hành, không hành hai lỗi lầm kia: Phật quán người kia tự tại làm theo sự dẫn dắt, không gây tạo lỗi lầm, nên không chế lập. Quán người kia không tự tại, hiện hành lỗi lầm nên chế lập học xứ.

2. Chế lập phạm: lược do 5 xứ chế lập phạm là rất thẳm sâu. Sao gọi là phạm? Vì năng chướng ngại khiến thiện pháp chẳng được sanh. Chướng ngại đây lược có 5 chủng: 1. Chậm chạp chướng; 2. Có tội chướng; 3. Khinh mạn chướng; 4. Ác tác chướng; 5. Sở tri chướng.

Chậm chạp chướng: Do giải đãi, nên đối với

các thiện pháp chẳng siêng phương tiện tu tập.

Có tội chướng: Như có người hoặc do tham triền, hoặc do sân triền, hoặc do si triền, hoặc do thuận theo sự nhiễm ô các tùy phiền não của một tâm pháp khác. Kia đã sanh khởi phiền não, tùy phiền não triền như vậy rồi, lại chấp đắm kiên cố chẳng xả.

Khinh mạn chướng: Như có người không tôn trọng sở học, không cung kính sâu các học xứ, chẳng hãi sợ tội lỗi mà lại hủy phạm, đã phạm rồi chẳng nhanh chóng phát lồ. Tánh không tôn kính Đại sư cùng các đồng học.

Ác tác chướng: Như có người đắm mình trong ác tác nhiễm ô tương tục, không thể khéo léo rút ráo khiến trừ các ác tác đây, sanh ưu sầu, sanh bực tức, sanh các việc làm ác.

Sở tri chướng: Như có người thay lòng hối hận, không hoan hỷ nương theo nhân tịnh giới. Vì không hoan hỷ nên không sanh vui thích, như vậy cho đến tâm không được định. Vì tâm không định, nên không như thật biết, không như thật quán. Do nhân duyên đây gọi là sở tri chướng.

Do đắm mình trong chậm chạp chướng, nên

tánh chấp trước phiền não và tùy phiền não. Vì tánh chấp trước, nên lại đắm mình trong có tội chướng. Vì có tội chướng, nên ở trong các học không cung kính sâu mà vui thích hủy phạm, liền đắm mình trong khinh mạn chướng. Vì khinh mạn chướng, nên sanh hối tiếc nhiễm ô không thể khiến trừ, liền đắm mình trong ác tác chướng. Vì ác tác chướng, khiến hối tiếc triển chuyển tăng thêm, do nhân duyên đây nói rộng cho đến tâm chẳng được định. Vì tâm chẳng định, liền đắm mình trong sở tri chướng. Như vậy gọi là thứ lớp chướng sanh.

Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng không chướng, đó là không chậm chạp chướng, không có tội chướng, không khinh mạn chướng, không ác tác chướng và không sở tri chướng.

Lại nữa, người hủy hoại ý lạc thì đối với chỗ phạm còn chẳng thể ra khỏi, hà huống năng không phạm. Sao gọi là hủy hoại ý lạc? Lược có 5 chủng: 1. Không muốn phát khởi tinh tấn; 2. Muốn đắm nhiễm phiền não; 3. Muốn khởi phạm các việc phạm; 4. Không muốn khiến trừ ác tác; 5. Không muốn dẫn phát đẳng trì.

Lại nữa, người đầy đủ ý lạc thì không phạm,

hà hướng có việc phạm rồi ra khỏi chỗ phạm. Sao gọi là đầy đủ ý lạc? Cũng lược có 5 chủng: 1. Muốn phát khởi tinh tấn; 2. Không muốn nhiễm đắm phiền não; 3. Khởi muốn không phạm các học xứ; 4. Muốn khiến trừ ác tác; 5. Muốn dẫn phát đẳng trì. Như Thế Tôn nói: “Nếu chỗ phạm tội là do ý lạc, Ta thuyết năng ra khỏi, vì không cần trị phạt vậy”.

Lại nữa, tư duy tìm hiểu chỗ phạm nên biết do 10 chỗ: 1. Do pháp biệt giải thoát; 2. Do rộng phân biệt Tỳ-nại-da, do phạm tự tướng trong năm tụ phạm; 3. Do sáu chủng sai biệt nên chỗ phạm thành tướng nặng, gồm: chế lập sai biệt, sự sai biệt, phiền não sai biệt, xuyên thủng sai biệt, bổ-đặc-già-la sai biệt và thời sai biệt; 4. Do người không tầm quý trừ Ba-la-đề-dĩ-ca, các tướng còn lại; 5. Do chỗ hiện hành của người mới bắt đầu sự nghiệp tu và người tu đã lâu; 6. Do bức não mà xuất ly; 7. Do chướng nạn mà xuất ly; 8. Do có người phạm, các Bí-sô bạch Đại sư; 9. Do kia bạch rồi, Đại sư vì muốn dừng chỗ phạm nên nhóm họp Tăng chúng; 10. Do Tăng chúng nhóm họp rồi, chế lập chỗ phạm. Đã chế lập chỗ phạm rồi, lại ở thời sau tùy

sự việc mà khai dẫn, dạy răn, khiến người kia được rớt ráo không bị ưu não làm tổn hại.

3. Chế lập ra khỏi, xa lìa: do 5 xứ nên chế lập ra khỏi, xa lìa là rất thẳm sâu: 1. Vô nhiễm ra khỏi; 2. Bức não ra khỏi; 3. Chướng nạn ra khỏi; 4. Không kể ra khỏi; 5. Thuyết hồi ra khỏi.

Vô nhiễm ra khỏi: Như có người tùy có sở hành phạm ít, hoặc tùy ít pháp. Nếu có sở hành khiến thiện pháp tăng, bất thiện pháp giảm. Do nhân duyên đây không bị nhiễm ô. Do không nhiễm ô đây tức là ra khỏi, cho nên gọi là vô nhiễm ra khỏi.

Bức não ra khỏi: Như có người chịu sự khổ bức bách của trọng bệnh. Loại trừ tánh tội, nếu người kia tùy có sở hành phạm pháp khác. Do bức não đây tức ra khỏi, cho nên gọi là bức não ra khỏi.

Chướng nạn ra khỏi: Như quán hiện tại mạng khó bảo toàn, hoặc khó hành phạm hạnh, nên tùy có sở hành phạm ít hoặc tùy ít pháp. Do chướng nạn đây tức là ra khỏi, cho nên gọi là chướng nạn ra khỏi.

Không kể ra khỏi: Như có người du phương đi

qua những nơi đồng hoang, những nơi thiếu thốn. Có một chủng pháp chương nạn hiện ở trước. Sở hữu thọ dụng sự ở xứ ấy không như pháp, tuy cầu xin được thọ dụng như pháp mà không được phép, bèn sanh hoảng sợ thọ dụng sự đây, tùy có sở hành phạm ít hoặc tùy ít pháp. Do không kế đây tức là ra khỏi, cho nên thuyết là không kế ra khỏi.

Thuyết hối ra khỏi: Như có người tùy có chỗ phạm trong phần phạm hữu dư thuộc năm tụ phạm, bèn đối trước bậc có trí đồng phạm hạnh, dùng pháp Tỳ-nại-da kín đáo phát lộ trình bày, như pháp hối trừ.

Nói phạm ít hoặc tùy ít pháp, tức là loại trừ tánh tội, phạm các tội khác.

4. Chế lập dừng nghỉ: lược do 5 xứ nên biết chế lập dừng nghỉ là rất thâm sâu: 1. Vì thanh tịnh; 2. Vì ngăn ngừa phá hoại; 3. Vì tiếp dẫn khiến bố-đặc-già-la có nghĩa lợi rộng lớn nhập chánh pháp; 4. Vì khiến Thánh giáo chuyển tăng thịnh; 5. Vì ngăn ngừa việc khó tồn tại mạng sống.

Vì thanh tịnh: Có bậc A-la-hán thanh tịnh,

việc làm đã xong. Do vị kia đã đắc cực thanh tịnh, Tăng đối với vị kia cho phép dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì ngăn ngừa phá hoại: Trong chúng Tăng, một phần Bí-sô ở nơi phạm mà sanh tướng không phạm, ở nơi không phạm mà sanh tướng phạm. Một phần Bí-sô ở nơi phạm sanh tướng phạm, ở nơi không phạm sanh tướng không phạm. Do nhân duyên đây phát khởi chủng chủng đấu tranh kiện tụng, trong Tăng không được an ổn. Vì muốn dứt việc tranh tụng đây, nên Tăng chúng hòa hợp bạch tứ Yết-ma, đều cùng dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì muốn tiếp dẫn khiến bồ-đặc-già-la có nghĩa lợi rộng lớn nhập chánh pháp: Như có bồ-đặc-già-la dòng tộc cao quý, có nhiều việc làm lợi ích trong thánh giáo. Tăng biết người kia không có phương tiện riêng khác khiến nhập pháp, vì muốn tiếp dẫn khiến kia được nhập, nên hòa hợp Tăng chúng bạch tứ Yết-ma, cho phép người kia đều dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì khiến thánh giáo chuyển tăng thịnh: Ở thời mạt kiếp, tránh kiếp, uế kiếp đang lúc hiện

tiên, vô lượng hữu tình không vui tu học ít và tùy ít, cho đến nhiều sở hữu học xứ. Kẻ chưa nhập pháp không muốn thú nhập, kẻ đã nhập pháp lại muốn xả bỏ. Do đây thánh giáo dần dần suy thoái không được tăng thịnh. Do nhân duyên đây hòa hợp Tăng chúng bạch tứ Yết-ma, vì khiến thánh giáo được tăng thịnh nên đều dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì muốn ngăn ngừa việc khó tồn tại mạng sống: Ở thời mạt kiếp, tránh kiếp, uế kiếp đang lúc hiện tiền, do các học xứ ít và tùy ít khiến các Bí-sô khó thể tồn tại mạng sống. Vì muốn dứt việc đây, Tăng chúng hòa hợp bạch tứ Yết-ma, dừng nghỉ học xứ.

5. Chế lập Yết-ma: lược do 5 chủng bổ-đặc-già-la ở nơi 10 Yết-ma, nên biết chế lập Yết-ma là rất thâm sâu.

Những gì là 10 Yết-ma? 1. Yết-ma thọ Cụ túc; 2. Yết-ma kiết giới; 3. Yết-ma trưởng dưỡng; 4. Yết-ma chấp thuận; 5. Yết-ma thú hưởng; 6. Yết-ma nêu cử sự phóng dật; 7. Yết-ma trị phạt; 8. Yết-ma nhiếp thọ; 9. Yết-ma bạch nhị; 10. Yết-ma bạch tứ.

Những gì là 5 chủng bổ-đặc-già-la? 1. Bổ-đặc-già-la dụ huệ lành; 2. Bổ-đặc-già-la dụ anh vũ; 3. Bổ-đặc-già-la dụ đèn sáng; 4. Bổ-đặc-già-la dụ ánh chớp; 5. Bổ-đặc-già-la dụ tranh vẽ.

Bổ-đặc-già-la dụ huệ lành: như có người ở trong mười Yết-ma nói trên chỉ y nghĩa chẳng y văn, chỉ theo nghĩa chuyển chẳng theo âm thanh. Tuy ở trong đây chưa tác ngôn từ Yết-ma như vậy, nhưng năng y nghĩa phát khởi lời nói, hành nương theo nghĩa đây.

Bổ-đặc-già-la dụ anh vũ: Như có người chỉ y văn, không y nghĩa, chỉ theo văn chuyển, không theo nghĩa chuyển, chẳng thể y nghĩa mà phát ngôn từ khác.

Bổ-đặc-già-la dụ đèn sáng: Như có người nương ít phần Yết-ma mà nhiều tăng trưởng lợi ích, tùy ý hiện hành chủng chủng ngôn từ dụ như đèn sáng.

Bổ-đặc-già-la dụ ánh chớp: Như có người ở trong các Yết-ma và các học, hoặc thời gian này hiểu biết thông đạt, hoặc thời gian khác lại không như vậy, nên được dụ như ánh chớp (Yết-ma chớp chờn).

Bổ-đặc-già-la dụ tranh vẽ: Như có người y như ngôn từ Yết-ma đã chế lập, tức như vậy mà chuyển chẳng thêm chẳng bớt như tranh vẽ.

Lại có 5 chủng hư ngụy Tỳ-nại-da: 1. Hư ngụy chế lập học xứ; 2. Hư ngụy chế lập chỗ phạm; 3. Hư ngụy chế lập ra khỏi xa lìa; 4. Hư ngụy chế lập dừng nghỉ; 5. Hư ngụy chế lập Yết-ma.

Hư ngụy chế lập học xứ: như có người chế lập học xứ chẳng hợp khế kinh, chẳng hiển hiện đúng luật, trái lìa pháp tánh. Trái lìa pháp tánh đây, tức năng tăng trưởng các pháp bất thiện và năng tổn giảm các pháp thiện.

Hư ngụy chế lập chỗ phạm: như có người ở nơi phạm lập là không phạm, ở nơi không phạm lập là có phạm.

Hư ngụy chế lập ra khỏi xa lìa: như có người ở nơi không ra khỏi xa lìa mà lập là ra khỏi xa lìa, ở nơi ra khỏi xa lìa lập là không ra khỏi xa lìa.

Hư ngụy chế lập dừng nghỉ: như có người ở nơi chẳng nên dừng nghỉ mà chế lập dừng nghỉ, ở nơi nên dừng nghỉ lập là chẳng dừng nghỉ.

Hư ngụy chế lập Yết-ma: như có người ở nơi phi pháp Yết-ma mà lập là pháp Yết-ma, ở nơi

pháp Yết-ma lập là phi pháp Yết-ma.

Lại nữa, trừ 10 chủng sự sau, nếu có Bí-sô đối trước người khác mà hiển bày các Bí-sô khác hoại giới, hoại kiến, hoại các quĩ tắc và hoại chánh mạng, nên biết lời đây thật không thanh tịnh. Sao gọi là 10 sự?

1. Đối với Phật bảo muốn làm tổn hại, hoặc muốn cướp đoạt.

2. Đối với Pháp bảo cũng như đối với Phật bảo.

3. Đối với Tăng bảo cũng như đối với Phật bảo.

4. Hoặc vì thấy, hoặc nghe, hoặc nghi kia hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại chánh mạng thuộc các phẩm loại dần dần tăng trưởng rộng lớn.

5. Hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi kia hiển bày chỉ dạy pháp bất chánh hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng...

6. Muốn khiến người kia ra khỏi pháp bất thiện hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng... và muốn an đặt người kia nơi các pháp thiện.

7. Vì hộ tâm người, không để người khác hiểu lầm như vậy: “Các Bí-sô đây thấy đều hoại giới,

hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng, nhưng che giấu cho nhau”.

8. Hoặc có thí chủ, hoặc Cận sự nam, hoặc người kiến tạo chùa bạch với Tăng chúng như vậy: “Tôi không chấp nhận cho những người hoại giới cho đến hoại mạng trú ở đây. Nếu các Bì-sô thấy kẻ hoại giới cho đến hoại mạng, nên báo cho tôi biết”. Nếu những người trong Tăng chúng đồng nghe lời đây.

9. Hoặc có người thấy, hoặc nghe, hoặc nghi người khác do nhân duyên đây bên trong ôm lòng nghi ngờ oán giận, muốn phát khởi làm điều vô nghĩa.

10. Tăng chúng quán thấy kẻ kia hành pháp ác hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng, nhiễm ô nhà người, không có lực năng trị phạt đuổi bỏ. Duy có một nhân, duy có một duyên, đó là đi đến nhà người nói sự việc không thanh tịnh của kẻ kia. Nếu nhân tật đố, hoặc nhân giận ghét, hoặc nhân tài lợi mà muốn hủy chê, muốn nã hại, muốn khiến suy tổn, do duyên đây đi đến nhà người mà hiển bày lỗi của người kia, nên biết đây gọi là không thanh tịnh nói.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da lược có 5 chủng các sự thí dụ năng hiển pháp nghĩa: 1. Sự bốn sanh; 2. Sự bốn sự; 3. Sự ảnh tượng; 4. Sự giả hợp; 5. Sự thí dụ.

Sự bốn sanh: thuyết việc làm Bồ-tát hạnh đời trước.

Sự bốn sự: thuyết các sự việc tương ưng đời trước.

Sự ảnh tượng: dùng hình ảnh vị sữa, vị lạc, vị sanh tô, vị thực tô, vị đề hồ... để làm dụ minh họa hiển bổ-đặc-già-la tối thắng. Lại dùng hình ảnh bảy loại sông trên thế gian để làm dụ minh họa cho bảy chủng bổ-đặc-già-la trong chánh pháp. Chủng loại ảnh tượng còn lại như vậy đều nên rõ biết.

Sự giả hợp: hoặc dụ đại vương, hoặc dụ lương y... hết thấy loại như vậy. Cũng có vô lượng dụ khác tùy theo phẩm nhiệm ô hay thanh tịnh. Lại có thí dụ thế gian hiện thấy, hoặc nương phẩm tạp nhiệm, hoặc nương phẩm thanh tịnh. Do ảnh tượng lấy làm dụ kia có ít phần tương ưng với điều muốn hiển bày nên giả hợp mà nói.

Sự thí dụ: thuyết nhiều thí dụ rộng dài. Như thí dụ dài, thì thí dụ vô lượng loại khác cũng vậy.

Lại nữa, do 5 chủng tướng kiến lập các pháp sở tri sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do phẩm nghiệp sai biệt; 3. Do trí nương xứ sai biệt; 4. Do trí sai biệt; 5. Nhiếp trí sai biệt khác.

1. Do sự: nói tóm lược thì tất cả hữu vi, vô vi gọi là sự sở tri.

2. Do phẩm nghiệp sai biệt: tức là sự đây lại có 5 phẩm sở tri sai biệt và 5 chủng tác nghiệp.

Những gì là 5 phẩm sở tri? 1. Vì có giả lập, nên gọi là sở tri; 2. Vì có thắng nghĩa, nên gọi là sở tri; 3. Vì có sở tác rốt ráo, nên gọi là sở tri; 4. Vì có tâm hành tịnh bất tịnh của người, nên gọi là sở tri; 5. Vì có tất cả chủng riêng biệt, nên gọi là sở tri.

Những gì là 5 chủng tác nghiệp? Thế tục trí năng biết sở tri giả lập. Vì biết giả lập đây, nên như thật rõ biết đạo lý pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội của thế tục, nói rộng cho đến pháp duyên sanh... một phần cần phải xa lìa, một phần cần phải tu tập; lại năng rõ biết lời nói thế tục du hành trong nhân gian, tùy theo nhân, tùy theo

duyên mà khởi các hành.

Pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí năng biết sở tri thắng nghĩa. Vì biết đây nên năng chứng đắc đoạn trừ pháp kiến tu sở đoạn.

Tận trí, vô sanh trí năng biết sở tri sở tác rốt ráo. Vì biết đây nên tâm được quyết định không còn nghi hoặc, bên trong tự đoạn trừ, lia tăng thượng mạn.

Tha tâm trí năng biết sở tri tâm hành tịnh, bất tịnh của người. Vì biết đây nên như thật biết chỗ có ý lạc, giới và tùy miên của người.

Mười trí lực năng biết sở tri tất cả chủng riêng biệt. Vì biết đây, nên năng đối với người phát khởi tất cả chủng dạy trao dạy răn chân chánh, năng đoạn tất cả nghi hoặc của hữu tình, năng khéo an đặt tất cả hữu tình có năng lực lớn đi đến quả là các đường thiện và trong giải thoát, năng làm tất cả việc lợi ích và an vui hữu tình.

Như vậy gọi là 5 phẩm sở tri và 5 chủng tác nghiệp.

3. Do trí nương xứ sai khác: Có 2 chủng: 1. Hành tự lợi; 2. Hành lợi tha.

Hoặc tùy thuận đoạn thế tục trí, hoặc chân chánh năng đoạn thắng nghĩa trí, hoặc ở nơi đoạn sở tác rốt ráo trí, các trí như vậy nên biết nương xứ hành tự lợi.

Hoặc sở hữu tha tâm trí biết được ý lạc, giới và tùy miên của người, hoặc sở hữu mười trí lực ở trong sở tri tất cả chủng riêng biệt, hai trí như vậy nương xứ hành lợi tha. Như vậy gọi là trí nương xứ sai khác.

4. Do trí sai biệt: thế tục trí hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, chỉ là hàng vô lậu thế gian, đó là ở trong thân của tất cả bậc vô học đã đoạn mà đắc trí đây. Đây và cái khác có tên gọi chung là thế tục trí thì cũng chỉ là thế gian.

Nên biết pháp trí, loại trí... còn lại là xuất thế gian, cũng chỉ có vô lậu.

Tận trí, vô sanh trí thì chỉ ở trong lậu tận mà được phát sanh. Nếu có người không phân biệt được tận trí và vô sanh trí, phát lời như vậy: “Ta đã đắc các lậu vĩnh viễn tận. Ta ở vị lai khổ không sanh trở lại, nhất định là vô lậu, nhất định là xuất

thế gian”. Người khởi phân biệt như vậy chỉ là vô lậu thế, xuất thế gian nhiếp thuộc thế tục trí, là chưa từng đắc trong sanh tương tục của A-la-hán.

Tha tâm trí chỉ là thế gian. Nếu tương tục trong các dị sanh và trong hàng hữu học là hữu lậu. Nếu tương tục trong hàng vô học là vô lậu.

Hỏi: Nhân duyên nào các thế tục trí trong thân thanh tịnh gọi là vô lậu?

Đáp: Do trong thân kia các lậu tùy miên đã vĩnh viễn đoạn. Lại các trí đây là cảnh hiện sở hành của tha tâm trí. Do tha tâm trí đây chẳng phải tánh nhiệm ô, chẳng phải cảnh hiện sở hành của nhiệm ô khác. Lại tự tánh kia không cùng tương ưng với tất cả phiền não. Cho nên trí đây do tùy miên, do sở duyên, do tương ưng, nên đều thành vô lậu. Trong ấy chưa từng đắc mười trí lực trong tương tục của Như Lai, chỉ là nhiếp thuộc vô lậu thế gian trí. Vì cố sao? Do tất cả chủng trí đây đều là hy luận dẫn phát khiến hiện hành vậy.

5. Do nhiếp trí sai biệt khác: thần thông trí, giải thoát môn trí, vô ngại giải trí, vô tránh trí, nguyện trí, lực trí, vô úy trí, niệm trụ trí, tất cả

chúng pháp Phật bất cộng trí... như chỗ thích hợp nên biết đều nhiếp thuộc các trí đã thuyết ở trước.

Đó là năm thân thông nhiếp thuộc thế tục trí. Hoặc tương tục trong các dị sanh và tương tục trong hàng hữu học đều là hữu lậu. Hoặc tương tục trong hàng vô học đều là vô lậu. Thân thông thứ sáu nhiếp thuộc hai trí là tận trí và vô sanh trí. Tận trí và vô sanh trí nên biết như trước.

Không giải thoát môn trí nhiếp thuộc 8 trí là pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí và tận trí, vô sanh trí xuất thế gian.

Vô nguyện giải thoát môn trí nhiếp thuộc 6 trí là pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, tận trí và vô sanh trí.

Vô tướng giải thoát môn trí nhiếp thuộc 5 trí là pháp trí, loại trí, diệt trí, tận trí và vô sanh trí.

Vô ngại giải trí, vô tránh trí, nguyện trí, mười lực thấy tất cả pháp Phật bất cộng trí đều nhiếp thuộc thế tục trí, đều là vô lậu. Tất cả trí đây tương tục trong A-la-hán và Như Lai, tùy chỗ thích hợp đều nên biết tương tận. Kiến lập các tướng giải thoát môn như trong phần *Bản địa* đã thuyết. Pháp Phật bất cộng và vô ngại giải... như trong phần *Bồ-*

tát địa đã thuyết.

Lại nữa, sao gọi là *thần cảnh*? Sao gọi là *thần cảnh trí*? Sao gọi là *tác chứng thần cảnh trí*? Đó là từ một chủng biến hiện làm nhiều chủng, nói rộng cho đến tự tại chuyển thành thân Phạm thế. Đây gọi là thần cảnh. Do thần cảnh trí năng lãnh thọ thị hiện thần cảnh đây, nên gọi là thần cảnh. Nếu tu thành tự trí có đầy đủ đại uy đức là quả tu, gọi là thần cảnh trí. Bởi trí đây năng lãnh thọ, năng thị hiện cảnh kia, nên gọi là thần cảnh trí. Tức chủng tử trí đây được nhiếp thọ bởi duyên sanh nên thế lực tăng trưởng, tương tục tùy chuyển, gọi là tác chứng thần cảnh trí. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, gọi là tác chứng thần cảnh trí thông.

Sao gọi là *thiên nhĩ*? Sao gọi là *thiên nhĩ trí*? Sao gọi là *tác chứng thiên nhĩ trí*? Nếu quả tu là do nhĩ nhiếp lấy sắc thanh tịnh, gọi là thiên nhĩ. Trí cùng nương nhĩ thức tương ưng gọi là thiên nhĩ trí. Tác chứng trí đây nên biết như trước. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, hết thấy như trước đã thuyết.

Như đạo lý thần cảnh... thì câu hỏi đặt ra cho

các thân thông còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nay Ta sẽ giải thích. Đó là các tâm người do có tham... sai khác mà chuyển, gọi là tâm sai biệt. Nếu tu thành tựu đầy đủ đại uy đức là quả tu. Quả tu duyên kia làm cảnh trí gọi là tâm sai biệt trí. Tác chứng trí đây nên biết như trước. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, hết thấy như trước đã thuyết.

Nếu nhớ lại rõ ràng tự thể sanh sai biệt ở quá khứ, gọi là túc trụ tùy niệm. Nếu tu thành tựu trí có đầy đủ đại uy đức là quả tu. Quả tu nương tựa niệm cùng tương ưng nhớ nghĩ thì kia mới được chuyển, cho nên gọi là *túc trụ tùy niệm trí*, còn lại như trước đã thuyết.

Nếu các hữu tình có chủng chủng hình sắc tốt xấu... sai biệt, từ loài hữu tình mỗi mỗi sai biệt ở nơi kia chết đi, thì loài hữu tình mỗi mỗi sai biệt ở nơi đây sanh, gọi là sanh tử. Nếu quả tu là nhân nhiếp lấy sắc thanh tịnh, lấy đây làm chỗ nương, trí tương ưng với thức duyên cảnh tử sanh, gọi là *sanh tử trí*, còn lại như trước đã thuyết.

Nếu tất cả kiết vĩnh viễn đoạn không sót thừa, gọi là lậu tận. Tức ở trong đây, tận trí và vô sanh

trí thế gian gọi là *lậu tận trí*. Tất cả chỗ còn lại nên biết như trước.

Lại nữa, người tu quán hành đầy đủ thân thông, hoặc gặp lúc liền năng thị hiện, hoặc lại an trú, hoặc hành lợi tha, hoặc ở trong ấy năng khéo hỏi đáp, cho nên gọi là người đầy đủ thân thông.

Lại nữa, ba thông trước là thông, chẳng phải minh. Ba thông sau cũng là thông, cũng là minh, vì dụng đây năng đối trị ngu ba đời.

Lại thần thông ban đầu năng hồi chuyển loài khác, khiến người đối với mình phát sanh tôn kính. Thần thông thứ hai biết sở hành ngũ nghiệp nhiễm tịnh của người, năng khéo quả trách khiến kia hoan hỷ. Thần thông thứ ba năng khéo biết tâm hành sai biệt của người hoặc tịnh hoặc bất tịnh, rồi năng khéo dạy trao dạy răn. Ba thần thông sau năng khiến xa lìa biên thường biên đoạn, năng khiến không điên đảo xa lìa tăng thượng mạn, nương nơi lậu tận tuyên thuyết trung đạo, tức ở trong đây năng khéo dạy trao.

Lại nữa, vì quán sát 3 chủng nghĩa thế lực, nên Bí-sô A-la-hán lợi căn câu phần giải thoát trụ *Vô tránh định*.

1. Có người khi xưa từng được nghe Vô tránh đấng trì có vô lượng thắng lợi sai khác, tâm sanh vui thích phát khởi thắng nguyện. Do nhân duyên đây duyên kia làm cảnh, ý lạc mãnh lợi lớp lớp huân tu. Vị kia đã chứng đắc A-la-hán rồi, do kia làm nhân, do kia làm duyên, tức ở trong ấy tâm vui thú nhập. Cho nên nay hành giả kia trụ Vô tránh định.

2. Có người khi xưa là dị sanh, từng khiến các hữu tình khởi vô lượng đấu tranh, đối với người khác phát khởi chủng chủng việc nã hại sân hận... Nay đã chứng đắc quả A-la-hán, đối với việc làm ngu phu xưa sanh sâu hối hận, nên nay hành giả kia trụ Vô tránh định.

3. Có người tự đã chứng quả A-la-hán, muốn khiến vô lượng chúng sanh tạo tác nghiệp hiện pháp thuận thọ quả khả ái, lại muốn khiến kia ở ngay trong hiện pháp thọ quả khả ái, cho nên phương tiện trụ Vô tránh định. Do nhân duyên đây huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự, lấy đây làm chỗ nương phát sanh tướng Vô tránh tam-ma-địa, phòng hộ tâm người. Tự mình phát khởi tất cả oai nghi, trọn không khiến người phát khởi phiền não đấu

tranh, cho nên gọi là vô tránh. Như vậy vị kia vì muốn hộ tâm người, tùy nương ở nơi thôn xóm tụ lạc, thứ lớp quán sát toàn khắp tâm các chúng sanh ở tụ lạc đây, quán sát khắp tất cả đường đi, tất cả gia đình quyến thuộc, mỗi mỗi tâm chúng sanh đời vị lai sai biệt. Sau khi quán rồi, hoặc biết rõ thôn xóm như vậy, tụ lạc như vậy, đường đi như vậy, gia đình quyến thuộc như vậy, chúng sanh như vậy nếu để họ thấy tướng mình nhất định sanh khởi các phiền não đấu tranh. Cho nên vị kia liền ẩn tránh khiến chúng sanh đều không thấy được. Hoặc lại biết rõ chúng sanh kia do không thấy mình tất sanh phiền não đấu tranh, liền dụng phương tiện khiến họ được thấy. Hoặc biết rõ do tùy thuận đây khiến họ không khởi đấu tranh, liền tự quán sát việc tùy thuận đây là tịnh hay bất tịnh. Nếu thanh tịnh thì tùy thuận hiện tướng cho thấy. Nếu không thanh tịnh, liền tiếp tục quán việc tùy thuận kia tất khiến người tương tục khởi phiền não đấu tranh, thì chẳng hiện tướng cho thấy. Lại quán sát sâu nếu nhân lời nói như vậy, uy nghi như vậy, nhiếp thọ như vậy, thọ dụng y phục thấy vật như vậy, thuyết pháp như vậy, khuyến

dẫn như vậy khiến người tương tục khởi phiền não đấu tranh, tức liền xa lìa lời nói cho đến khuyến dẫn. Do kia phần nhiều an trụ đi đứng như vậy, hành hạnh như vậy, nên gọi là hành giả trụ Vô tránh định.

Sao gọi là *nguyện trí*? Bí-sô A-la-hán lợi căn câu phần giải thoát huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự làm chỗ nương, hoặc ở nơi Thanh văn thừa thuận theo cảnh giới sở hành của trí Thanh văn, hoặc ở nơi Độc giác thừa thuận theo cảnh giới sở hành của trí Độc giác, khởi nguyện như vậy: “Nguyện ta sẽ biết cảnh giới sở tri như vậy như vậy”, theo đây thú nhập huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự. Đã nhập định, tùy sở nguyện trước mà rõ biết tất cả. Nếu chư Như lai thì khắp ở tất cả cảnh giới sở tri, trí không chướng ngại. Lại chư Phật Như Lai ở Vô tránh định đây mà không nhập trong số ấy. Vì có sao? Vì có chúng sanh tuy làm các việc lợi ích thù thắng, nhưng do phiền não đồng thời hiện khởi, thành tựu đi đôi với việc làm kia; Như Lai đối với việc lợi ích thù thắng đây chẳng năng xả bỏ.

Lại nữa, như lấy huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự làm chỗ nương, dẫn phát vô tránh cùng với nguyện

trí, nên biết sở hữu diệu trí tất cả pháp Phật bất cộng của chư Như Lai, các thần thông còn lại cũng lấy tất cả tinh lực làm chỗ nương đều năng dẫn phát.

Lại nữa, chỉ nương các tinh lực và phần cận vị chí định của Sơ tinh lực năng nhập hiện quán thánh đế, chẳng phải Vô sắc định. Vì có sao? Trong Vô sắc định, đạo Xa-ma-tha vượt hơn, đạo Tỳ-bát-xá-na yếu hơn. Nếu đạo Tỳ-bát-xá-na yếu hơn thì chẳng năng nhập hiện quán thánh đế; cũng chẳng phải sanh địa trên, hoặc Sắc giới, hoặc Vô sắc giới mà năng nhập hiện quán thánh đế thứ nhất. Vì có sao? Vì ở những cõi kia khó sanh nhàm chán trái lìa. Nếu có ít phần nhàm chán hãy còn không thể nhập hiện quán thánh đế, huống là ở những cõi kia chút phần tâm nhàm chán cũng không phát khởi.

Lại nữa, nay thuyết về thế tục trí và xuất thế vô lậu trí ở sơ tế, trung tế và hậu tế sanh khởi sai biệt. Đó là thế tục trí phát khởi trước hết của vị dị sanh. Như trước thuyết thì năm kiến nhiễm ô cùng với tà trí tương ưng tham... chính là các thế tục trí nhiễm ô... cần phải biết, cần phải đoạn. Vì muốn

sinh khởi đối trị kia, nên lại khởi tín thế gian nhiếp thọ kiến không điên đảo. Đây nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy chánh kiến đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi văn-tư thành tựu diệu tuệ, ở nơi các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến ở trong đạo phương tiện thuận phần quyết trạch, do tu thành tựu diệu tuệ, ở nơi các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi kiến đạo phương tiện thuận phần quyết trạch đồng hành tu thành tựu diệu tuệ, ở các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi chánh kiến nhiếp thuộc pháp thế đệ nhất, kiến đạo, đạo không gián đoạn. Đây cũng nhiếp thiện hữu lậu thế tục trí. Như vậy gọi là thứ lớp sinh khởi các thế tục trí trước hết của dị sinh địa.

Lại dụng thế tục trí nhiếp thuộc pháp thế đệ

nhất kia làm chỗ nương, năng nhập kiến đạo. Lúc kiến đạo thẳng tiến, tức do huân tu kia, nên sở hữu chủng tử thiện thế tục trí do trước đã tu tập đều được thanh tịnh, cũng gọi là tu. Đây gọi là biên để hiện quán các thế tục trí. Đã vượt qua kiến đạo, lại phát khởi trí đây nên chứng đắc giải thoát các pháp kiến sở đoạn mà xưa chưa từng giải thoát. Do sanh khởi đây, các bậc thánh ở trong sự đoạn trừ các phiền não kiến sở đoạn năng chánh rõ biết: “Ta đã vĩnh viễn tận dứt địa ngục, cho đến không đọa trở lại các nẻo ác”. Lại năng rõ biết: “Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu”. Lại năng rõ biết: “Ta nay đã đoạn phiền não như vậy...”. Lại tùy theo ý muốn mà năng vì người ký biệt, tức vì người mà kiến lập, cũng quán sát thẳm sâu mà vì họ ký biệt. Lại dùng tuệ không điên đảo, chân chánh kiến lập hiện quán các Thánh đế.

Lại ở vị đây đối với các cõi giới cao hơn mà chưa ly dục, tùy theo chỗ thích hợp dụng đạo thế gian thứ lớp tu tập năng ly dục, cho đến năng ở nơi Vô sở hữu xứ tác chứng ly dục. Các bậc thánh đây lúc dụng xuất thế gian trí, hậu sở đắc thế tục trí lia các dục, nên biết cả hai trí kia chẳng phải Thánh

đạo, bởi sở tác ly dục chỉ năng tổn phục chủng tử phiền não. Cho nên thế tục trí đây không được gọi là vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử kia. Chỉ có hậu sở đắc xuất thế gian trí mới năng vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử kia, cho nên nói trí đây cũng là thế gian cũng là xuất thế gian, không nên một hướng gọi là thế gian.

Lại tu trí đây lược có 4 đạo: 1. Đạo phương tiện; 2. Đạo không gián đoạn; 3. Đạo giải thoát; 4. Đạo thắng tiến. Ở tất cả địa, chín phẩm phiền não tu đạo sở đoạn bậc hạ, trung, thượng, tùy mỗi mỗi phẩm loại sai biệt mà năng tùy thuận đoạn trừ là đạo thứ nhất. Năng đoạn trừ không gián đoạn là đạo thứ hai. Đã đoạn trừ không gián đoạn rồi là đạo thứ ba. Cuối cùng ở trong đoạn trừ là đạo thứ tư. Đạo thắng tiến đây lại có 2 chủng: hoặc không gián đoạn đạo phương tiện của phẩm tu đoạn trừ còn lại; đây so với phẩm trước gọi là đạo thắng tiến, so với sở đoạn sau gọi là đạo phương tiện. Hoặc không gián đoạn chẳng tu phương tiện, chỉ ở nơi phẩm trước sanh tưởng biết đủ chẳng cầu thắng tiến. Hoặc trụ phóng dật, hoặc ở nơi đã đoạn, dùng trí quán sát mà quán sát hơn nữa, hoặc chỉ dùng

tác ý tìm kiếm quán sát mà tìm kiếm quán sát hơn nữa. Nên biết đạo đây chỉ gọi là đạo thắng tiến.

Trừ vị chí định, trong tất cả phần cận địa còn lại chỉ có thể tục trí, không có xuất thế trí. Vì cố sao? Do vị chí địa là tâm định đầu tiên, vượt qua Sơ tĩnh lực định lên trên, sở hữu tâm định đều do trước đã có định, cho nên Thánh đệ tử từ đây trở lên chỉ nương căn bản định mà tu xuất thế trí, không nương phần cận.

Trong hữu thứ nhất, sở hữu các trí đều nhiếp thuộc tục trí. Vì cố sao? Vì tác ý xứ kia và tác ý thánh trí xuất thế gian không đồng phạm. Tác ý xứ kia chỉ là tác hành phi tướng phi phi tướng. Tác ý xuất thế là do sự nhiếp thọ của các định Hữu tướng. Từ học địa ban đầu cho đến ở các thế tục trí đây, nên biết đều gọi là trung tế thế tục trí.

Ở thân A-la-hán, sở hữu tất cả vô lậu thanh tịnh giải thoát, tất cả kiết phược phiền não, tận trí, vô sanh trí và tất cả công đức thần thông khác... đều nhiếp lấy các thế tục trí, đều nhiếp thuộc hậu tế thế tục trí.

Lại nữa, sơ, trung, hậu tế thế tục trí của chư Bồ-tát tức là tất cả thế tục trí từ Thắng giải hành

địa cho đến Đến cứu cánh địa. Sơ tế là Thắng giải hành địa. Trung tế từ Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa cho đến Quyết định hành địa. Hậu tế là Đến cứu cánh địa.

Lại, chư Bồ-tát ở trong các địa khởi 2 chủng hành: hành có tướng hý luận sai biệt và hành lìa tướng hý luận hiện hành. Vì đây giống như khéo tu xuất thế gian, nên về sau đắc hậu sở đắc thế tục trí nhiếp lấy vô chương ngại trí. Lại các thế tục trí, nguyện trí của chư Bồ-tát và Như Lai giống nhau không sai khác, tất cả đều thắng vượt hơn với sở đắc tất cả nguyện trí của các Thanh văn, Độc giác. Các thần thông và không trí... nên biết cũng vậy. Do sở hữu công đức của chư Bồ-tát đều nương mười chủng tánh lực mà chuyển. Thanh văn, Độc giác thì chẳng như vậy.

Như vậy đã thuyết sơ, trung, hậu tế của các thế tục trí. Kế đến Ta sẽ thuyết sơ, trung, hậu tế của các xuất thế trí, đó là: kiến đạo, tu đạo và đạo vô học. Nếu kiến đạo phẩm pháp trí, thì đối trị hoặc kiến sở đoạn Dục giới. Nếu kiến đạo phẩm loại trí, thì đối trị hoặc kiến sở đoạn Sắc, Vô sắc giới.

Hỏi: Khi tất cả loại trí hiện tại tiền, đều năng liễu biệt Sắc giới, Vô sắc giới phải không?

Đáp: Nếu người đó đã từng ở nơi Sắc, Vô sắc giới khéo nghe, khéo nghĩ, khéo nắm lấy tướng các pháp, tức năng liễu biệt. Nếu chẳng vậy thì không thể liễu biệt. Các trí còn lại hoặc ở phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc ở phẩm Xa-ma-tha, nhiếp thuộc hai phẩm pháp trí và loại trí. Lại ở kiến đạo khi trí thứ nhất sanh, nhân của các trí khác do duyên năng sanh nhiếp thọ, nên tất cả kiến đạo đều được tăng trưởng, tức sát-na đây đều gọi là đắc. Lúc đã đắc rồi, về sau dần dần thứ lớp hiện tiền. Nên biết kiến đạo là đạo thắng tiến.

Lại ở trong tu đạo, nếu có người tu tập đạo xuất thế gian mà ly dục, nên biết như đạo phương tiện... ở trước đều là xuất thế.

Lại ở trong các thánh đế như khổ... hành có tướng hý luận hiện hành là thế tục trí, lìa tướng hý luận hiện hành là xuất thế trí. Vì ở nơi các đế, dụng tướng hữu tướng khéo nắm lấy tướng; vì như sở kiến, sở tri trước, tu tập chủng chủng trí vi diệu; vì dụng các thiện thế gian nhằm chán hành khiến tâm nhằm chán; vì lãnh thọ chủng chủng diệu

pháp lạc, nên biết các bậc thánh cũng tu đạo ly dục thế gian mà lìa các dục. Trong vô học địa, tức như xuất thế gian trí đã thuyết, vì giải thoát khỏi hoặc tu đạo sở đoạn, nên đắc cực thiện thanh tịnh.

Lại xuất thế trí là chỗ nương tựa, chỗ giữ gìn của tất cả công đức thế gian, năng khiến sở hữu công đức của tất cả địa trên và địa dưới đều tự tại chuyển. Như vậy gọi là thứ lớp sơ, trung, hậu tế sanh khởi của xuất thế gian trí.

Lại nữa, các thần cảnh trí hoặc do gia hạnh mà được, hoặc do sanh mà được.

Gia hạnh mà được: là sở hữu quả tu sanh trong khoảng dị sanh hữu học đến các Bồ-tát vô học...

Sanh mà được: sanh ở Sắc giới, vì trước đã từng tu tập làm nhân duyên, nên về sau ở cõi đây vừa sanh tức liền có được. Lại có chư thiên Dục giới và một phần người có được do quả phước, như vua Mạn-đà-đa... Lại thú bàng sanh như phi cầm... vì sự nhiếp thọ chúng đồng phận như vậy mà có được. Lại có một phần quỷ thú có được thần thông cũng lại như vậy. Lại có uy đức chú thuật, được thảo cũng như thần thông, như làm các huyền, hoặc cầu đảo cho thầy chết đứng dậy... Do đạo lý sai

biệt đây, sở hữu sai biệt của bốn thân thông còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp sở thức*? Tất cả pháp đều là sở thức. Các thức năng nhận thức do 5 chủng tướng thức sai biệt, tùy chỗ thích hợp mà kiến lập sở thức. Những gì là năm? 1. Do y, duyên sai biệt; 2. Do vui, buồn sai biệt; 3. Do thắng, liệt sai biệt; 4. Do tâm sở sai biệt; 5. Do sở trị chướng, sanh sai biệt.

Do y, duyên sai biệt: do sở y, do sở duyên sai biệt mà kiến lập sáu thức là nhãn... sai biệt. Nhãn thức liễu biệt cảnh giới các sắc. Các thức còn lại mỗi mỗi liễu biệt cảnh giới của chính nó. Ý thức liễu biệt tất cả nhân sắc cho đến ý pháp lấy làm cảnh giới.

Do vui, buồn sai biệt: thức tương ưng thọ khổ gọi là buồn, đây năng liễu biệt thuận theo ưu khổ do tiếp xúc pháp không vừa ý. Thức tương ưng thọ lạc gọi là vui, đây năng liễu biệt thuận theo hỷ lạc do tiếp xúc pháp vừa ý. Thức tương ưng thọ không khổ không lạc gọi là chẳng phải vui chẳng phải buồn, đây năng liễu biệt thuận theo thọ xả, chẳng phải tiếp xúc hai pháp kia.

Do thắng, liệt sai biệt: thức tương ưng cùng pháp bất thiện và pháp có che đậy không ghi nhớ gọi là liệt, đây năng liễu biệt các pháp sở hành của các thức nhiễm ô. Thức tương ưng pháp thiện gọi là thắng, đây năng liễu biệt các pháp sở hành của tất cả các thức thiện. Thức tương ưng pháp vô ký gọi là chẳng phải thắng chẳng phải liệt, đây năng liễu biệt pháp sở hành của chính nó.

Do tâm sở sai biệt: có tâm sở khắp các tâm khởi, lại có tâm sở khắp tâm thiện khởi. Tướng tâm sở còn lại nên biết như trong phần *Pháp hữu lậu* đã thuyết. Khắp các tâm khởi lại có 5 chủng: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư như trong phần *Ý địa* đã thuyết. Khắp tâm thiện khởi lại có 10 chủng: tà, quý, không tham, không sân, không si, tín, tinh tấn, không phóng dật, bất hại, xả. Mười pháp như vậy, hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa đều có tâm thiện. Tâm thiện trong định địa lại thêm khinh an, không phóng dật... chỉ là giả pháp. Thức tương ưng đây đều năng rõ biết tất cả cảnh pháp.

Do sở trị chướng, sanh sai biệt: sở trị chướng có 15 tâm. Những gì là mười lăm? Đó là hệ buộc Dục giới tổng có 5 tâm là kiến khổ, kiến tập, kiến

diệt, kiến đạo và tu sở đoạn. Như hệ buộc Dục giới có 5 tâm thì hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc giới nên biết cũng vậy. Tâm năng đối trị là thứ mười sáu, đó là tâm của các bậc vô lậu học, vô học. Như vậy thức sở trị và năng trị, tùy chỗ thích hợp mỗi mỗi năng liễu biệt pháp sở hành của chính nó.

Lại nữa, sanh sai biệt lược có 5 chủng: 1. Sanh Dục giới hành; 2. Sanh Sắc giới hành; 3. Sanh Vô sắc giới hành; 4. Sanh lên địa trên; 5. Sanh trở lại địa dưới.

Sanh Dục giới hành: từ tâm hoặc thiện, hoặc nhiễm ô, hoặc không che đậy không ghi nhớ hệ buộc Dục giới không gián đoạn, khắp hệ buộc Dục giới tất cả tâm sanh. Đây gọi là thức sanh Dục giới sai biệt. Như hệ buộc Dục giới, thì hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc giới, ba tâm tự địa không gián đoạn đều sanh ba tâm tự địa.

Hoặc trước chưa khởi tĩnh lự vô sắc, lúc muốn sanh cần yếu là từ tâm thiện Dục giới không gián đoạn, tâm thiện Sơ tĩnh lự địa được sanh. Tâm thiện Sơ tĩnh lự địa không gián đoạn, thì tâm thiện Đệ nhị tĩnh lự được sanh. Như vậy cho đến tâm thiện Vô sở hữu xứ không gián đoạn, thì tâm

thiện Đệ nhất hữu địa được sanh. Tất từ Sắc giới tâm thiện không gián đoạn, tâm sơ học sanh. Tâm học không gián đoạn, ắt tâm vô học sanh.

Hoặc trước đã khởi tinh lự Vô Sắc, tức người ở nơi địa kia không bị thối thất, người kia từ tâm thiện Dục giới không gián đoạn, tùy theo sở thích đối với các tâm địa trên và tâm học, vô học muốn hiện tiền khởi. Do trước đã khéo thủ tướng hành của kia, nên đối với các tâm kia năng khởi như ý. Như vậy, các tâm của thượng địa còn lại tùy chỗ thích hợp mà có các tâm khởi không gián đoạn, nên biết cũng vậy.

Lại từ tâm vô ký Dục giới không gián đoạn, thì tâm thiện ở Sắc giới sanh, như quả của Sắc giới. Tâm biến hóa Dục giới tức là từ tâm thiện Sắc giới không gián đoạn, thì ở Dục giới đây tâm vô ký sanh. Lại nói tâm Dục giới đây, nên biết vì thuộc loại ảnh tượng của kia, vì chẳng phải tự tánh.

Lại khi ở Dục giới chết sanh ở địa trên, tâm thiện, tâm vô ký Dục giới không gián đoạn, ở địa trên tâm nhiễm ô sanh. Đó là sanh Sơ tinh lự cho đến Hữu danh, vì ở tất cả xứ kết sanh tương tục

đều do tâm nhiễm ô mới được thành tựu, như vậy nên biết vãng sanh địa trên là do các thức quyết định, ở nơi sở hành của chính nó mà có sanh khởi sai biệt.

Lại các dị sanh thối, trước sở đắc tinh lự Vô sắc định thế gian, do tâm nhiễm ô hiện tiền nên thối. Đây là tâm nhiễm ô địa dưới, từ địa trên tâm thiện, tâm nhiễm ô không gián đoạn sanh. Lại lúc từ địa trên mất sanh địa dưới, từ địa trên tất cả tâm thiện, tâm nhiễm ô, tâm vô ký không gián đoạn, chỉ có địa dưới tâm nhiễm ô sanh. Như vậy nên biết sanh trở lại địa dưới là do các thức quyết định, ở nơi tự sở hành của chính nó mà có sự sanh khởi sai biệt.

Như vậy, vì sở trị chương, sanh sai biệt, nên các thức quyết định ở nơi sở hành của chính nó mà phân biệt rõ ràng các pháp sở thức sai biệt.



Quyển 70

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, các trí quang minh có 5 thắng lợi: 1. Năng diệt tất cả ám nơi sở tri; 2. Năng nương thân vui thích nhiếp thọ công đức thế gian, xuất thế gian; 3. Năng chánh quán thấy nghĩa chưa thấy; 4. Năng ở hiện pháp cho vui bậc nhất; 5. Thân hoại về sau được sanh ở cõi bậc nhất.

Lại nữa, do 15 chủng đức sai biệt khiến các trí quang minh thắng vượt so với ánh sáng bên ngoài. Những gì là mười lăm? Ánh sáng bên ngoài lấy sắc làm tánh. Các trí quang minh lấy tuệ làm tánh. Ánh sáng bên ngoài năng tiêu trừ chướng tối tăm. Các trí quang minh năng tiêu trừ ám chướng bên trong. Như vậy cho đến không thường được yêu thích, thường được yêu thích; chẳng thể phân bố khắp các hữu tình, năng phân bố khắp các hữu tình; xuất hiện rồi lại mất, xuất hiện rồi không mất; có sắc, không sắc; thô, tế; có bóng tối ngược

lại, không tối ngược lại; động, không động; chẳng thể làm nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, năng làm nghĩa lợi cho tất cả hữu tình; dẫn các chúng sanh hướng đến chỗ đã từng đi đến, dẫn các chúng sanh đến chỗ chưa từng đi đến; không thể khai phát tất cả chỗ khuất kín, năng khai phát tất cả chỗ khuất kín; chẳng thể che giấu điều đã soi sáng hiển bày, năng ẩn đi điều đã khai sáng hiển bày; không thể phát khởi vô lượng ánh sáng chiếu soi, năng phát khởi vô lượng ánh sáng chiếu soi; gây nghịch hại đối với mắt nhìn, không gây nghịch hại đối với cái thấy, nên biết cũng vậy.

Lại nữa, có 3 chủng điều thiện: 1. Vì khiến trừ; 2. Vì chế phục; 3. Vì hại tùy miên.

Lại có 3 chủng tịch tĩnh: 1. Vì các tâm tư ác không thể quấy nhiễu; 2. Vì không bị các tướng làm động loạn; 3. Vì bên trong nhậm vận thường hỷ lạc.

Lại có 3 chủng ngừng nghỉ: 1. Thân ngừng nghỉ; 2. Ngữ ngừng nghỉ; 3. Ý ngừng nghỉ.

Lại có 3 chủng phạm chí: 1. Thú hướng phạm chí; 2. Trụ quả phạm chí; 3. Đến rốt ráo phạm chí. Như vậy cũng có ba chủng Sa-môn.

Lại có 3 chủng Bà-la-môn: 1. Giả danh Bà-la-môn; 2. Chủng tánh Bà-la-môn; 3. Chánh hạnh Bà-la-môn.

Lại nữa, do 4 chủng nhân duyên khiến hoại Thi-la. Do hoại Thi-la, nên các thiện pháp nương Thi-la lẽ được sanh đều chẳng sanh: 1. Vì ở nơi tội không sót (tội vô dư) khởi hủy phạm; 2. Vì ở nơi tội còn sót (tội hữu dư) không hồi trừ; 3. Vì ở nơi các chỗ phạm, chẳng ghi nhớ suy nghĩ; 4. Vì ở nơi chỗ không phạm chấp có phạm, ở nơi chỗ có phạm chấp không phạm.

Trái với 4 tướng trên là 4 nhân duyên gọi là đầy đủ giới.

Lại do 2 nhân duyên khiến sự thọ giới đầy đủ thanh tịnh: 1. Vì trợ bạn thanh tịnh: là kiến thanh tịnh, quĩ tắc thanh tịnh và mạng thanh tịnh; 2. Vì tự tánh thanh tịnh: là cung kính tùy học và đủ phần tùy học.

Lại có 3 nhân duyên khác khiến sự thọ giới đầy đủ thanh tịnh, đó là:

1. Vì ý lạc thanh tịnh: tu hành phạm hạnh vì cầu giải thoát, không vì sanh thiên.

2. Vì mạng thanh tịnh: như pháp khát cầu để

tự nuôi sống. Sao gọi là như pháp khát cầu? Như chỗ nên cầu, tùy chỗ sở cầu mà khát cầu. Như chỗ nên cầu: chẳng kiêu trá mà cầu; cũng chẳng dùng lời bóng bẩy mà cầu; cũng chẳng hiển tướng mà cầu; cũng chẳng bức hiếp mà cầu; cũng chẳng dùng lợi mà cầu lợi. Tùy chỗ sở cầu: trừ 5 chỗ không được đi đến mà có sở cầu.

3. Vì hạnh thanh tịnh: thâm tín “nếu phạm sẽ có quả xấu”, hoặc đi hoặc đứng buộc niệm tư duy “trọn chẳng nên phạm”. Giả sử có phạm liền đối trước người như pháp hối trừ, nguyện từ nay về sau kiên cố phòng hộ giữ gìn.

Lại nữa, nếu có Bí-sô muốn siêng tu tập gia hạnh mật hộ căn môn, dùng 4 tướng rõ biết lỗi lầm của vọng niệm và dùng 4 tướng rõ biết tác ý không như lý.

Bốn tướng rõ biết lỗi lầm của vọng niệm: 1. Khiếm khuyết niệm: không nghe, không thọ, không khéo rõ biết các pháp mật hộ căn môn; 2. Yếu kém niệm: ở nơi pháp kia tuy nghe, tuy thọ, tuy khéo rõ biết mà không thường thực hành, không thuận theo thực hành hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập; 3. Mất niệm: tuy tu tập, nhiều tu tập, nhưng có

lúc không rõ biết chân chánh mà có sở hành; 4. Loạn niệm: ở nơi sự việc không tạp nhiễm mà sanh tướng tạp nhiễm, ở nơi sự việc tạp nhiễm mà sanh tướng không tạp nhiễm.

Bốn tướng rõ biết tác ý không như lý: 1. Nhân sanh phiền não: như có người nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo, do nhân duyên đây tâm buông thả phóng túng theo các pháp ác bất thiện; 2. Tương ưng tạp nhiễm sanh: cùng các pháp ác bất thiện kia đồng hiện tại tiền; 3. Không biết hổ thẹn: như có người ở nơi việc đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, tức là ở nơi pháp ác bất thiện hiện hành mà không biết hổ thẹn; 4. Khởi phạm thác loạn: tức do nhân không hổ thẹn, hoặc hủy phạm gây tội, hoặc suy nghĩ xả bỏ các học xứ.

Lại nữa, người siêng tu hành *ăn biết lượng* đoạn trừ 8 điều được gọi là đầy đủ ăn biết lượng. Những gì là tám? 1. Đắm trước ăn uống; 2. Đắm trước tự thân; 3. Hoại diệt mạng căn; 4. Xấu đói; 5. Thân nặng; 6. Có bệnh; 7. Không thanh tịnh mạng; 8. Sắp đặt nhiều sự nghiệp.

Lại nữa, người siêng tu tập *tĩnh thức Du-già* thường đoạn trừ 8 điều, được gọi là đầy đủ chánh

hạnh thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già. Những gì là tám? 1. Oai nghi của thân mệt mỏi nhu nhược; 2. Say đắm ngủ nghỉ làm vui; 3. Tướng thuận theo tập nhiễm; 4. Không siêng tu tập đối trị tập nhiễm; 5. Thức dậy phi thời; 6. Buông lung mà thức dậy; 7. Ngủ nghỉ phi thời; 8. Buông lung mà ngủ nghỉ.

Lại nữa, nương 6 xuất ly nên biết kiến lập các địa xuất ly. Những gì là sáu? 1. Xuất ly không tùy thuận; 2. Xuất ly khuyết; 3. Xuất ly nhà; 4. Xuất ly không viên mãn; 5. Xuất ly địa dưới; 6. Xuất ly thân.

Không tùy thuận 5 chủng nương tựa: 1. Không tùy thuận hương đến; 2. Không tùy thuận sanh; 3. Không tùy thuận tinh tấn; 4. Không tùy thuận chướng; 5. Không tùy thuận ái lạc.

Khuyết là 4 chủng duyên khuyết: 1. Khuyết thân hữu; 2. Khuyết lắng nghe; 3. Khuyết ẩn mật tức là hoặc dạy, hoặc chứng đều ẩn mật; 4. Khuyết ngoại cụ, thí chủ.

Lại nữa, do 4 chủng lực sanh *dục* thiện pháp: 1. Do lực duyên; 2. Do lực nhân; 3. Do lực trí; 4. Do lực hạnh.

Lại nữa, do 4 chủng viên mãn, nên xuất gia

trong pháp Tỳ-nại-da được viên mãn: 1. Hình tướng viên mãn, tức là năng không thuận theo nhiễm ô, không bị tạp nhiễm; 2. Nghiệp viên mãn, tức là khéo thuận theo pháp Phật thuyết; 3. Ý lạc viên mãn; 4. Trú xứ viên mãn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết viên mãn luật nghi giới: 1. Vì không trụ đọa; 2. Vì năng xuất ly; 3. Vì không hay quả trách; 4. Vì không có mầm khuyết phạm; 5. Vì không biết đủ.

Lại nữa, nương 2 chủng đối trị nên biết 4 chủng luật nghi căn.

Hai chủng đối trị: 1. Lực tư trạch; 2. Lực tu tập.

Bốn chủng luật nghi căn: 1. Phòng hộ cảnh giới: vì lúc an trụ tịch tĩnh siêng tu hành, lấy niệm tự phòng hộ, tâm không lưu tán nơi các cảnh giới; 2. Phòng hộ phiền não: vì hành vị bình đẳng khi du hành, nơi các cảnh giới xa lìa tham ưu, tức là phân biệt mà không nắm giữ tướng, cho đến tâm không lưu tán phóng dật; 3. Phòng hộ triền: nếu bấy giờ chấp thủ tướng kia, lại khởi tùy giác chấp lấy tùy hảo, tức liền tu hành phòng hộ, dụng lực tu tập giữ gìn cẩn mật; 4. Phòng hộ tùy miên: khi

thành công trong việc phòng hộ căn mắt gọi là hộ tùy miên.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết viên mãn ăn biết lượng: 1. Vì nương đối trị; 2. Vì xa lìa sở trị; 3. Vì nương nghiệp tự mình làm; 4. Vì y xứ; 5. Vì phân biệt.

Trong đây, thọ cũ vì đối phát khởi. Thọ khổ là ăn phát khởi. Nuôi nấng vì tăng trưởng phạm hạnh. Lục vì năng hại sở trị. Lạc vì hiện pháp lạc trú. Không tội vì tịnh phước điền. Trụ an ổn vì năng tác chứng đoạn khổ phiền não, vì giảm bớt ngũ nghĩ, gia hạnh ân trọng và gia hạnh không gián đoạn, nên tinh tấn viên mãn.

Gia hạnh ân trọng: tức là biện rõ khi đi, khi ngồi. Khi ngồi, thích hợp trong việc đối trị ấm cái thứ nhất, ấm cái thứ hai và ấm cái thứ tư. Khi đi, thích hợp trong việc đối trị ấm cái thứ ba. Cả khi đi và ngồi thích hợp đối trị ấm cái thứ năm.

Gia hạnh không gián đoạn: vào ban ngày, vào đầu đêm, vào cuối đêm thường luôn tỉnh thức; ở phần trong đêm ngủ nghỉ, chánh biết về thói quen ngủ nghỉ, đó là nếu lìa tướng nằm như sư tử sẽ ngủ trong sự thất niệm trì trệ nặng nề, cho nên cần

phải nằm ngủ chân chồng lên nhau, cho đến khởi tưởng tư duy chân chánh về thói quen ngủ nghỉ.

Lại nữa, nên ở nơi 5 xứ như lượng chánh biết mà an trụ: 1. Ở nơi xứ hành; 2. Ở nơi xứ quán; 3. Ở nơi xứ nhiếp thọ lợi dưỡng cung kính; 4. Ở nơi xứ thọ dụng vật dụng; 5. Ở nơi xứ gia hạnh phẩm thiện.

Do chánh biết xứ thứ nhất, trọn không du hành ở những nơi chẳng nên đi đến, cũng không được du hành vào lúc chiều tối.

Do chánh biết xứ thứ hai, nếu trước không chánh tác ý mà cuốn theo quán sát, ngay đó nhanh chóng thâm nhiếp căn; nếu trước đã chánh tác ý rồi mới quán sát, thì khéo an trụ niệm.

Do chánh biết xứ thứ ba, lúc thọ nhận và lúc lễ người tay chẳng co nắm, chân không tháo động.

Do chánh biết xứ thứ tư, thọ dụng y bát cùng ăn uống đều biết lượng.

Do chánh biết xứ thứ năm, nếu sống ở nơi tịch tĩnh, vào ban ngày hoặc kinh hành hoặc tĩnh tọa, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc thức đều khéo biết lượng. Vào ban đêm, tập quen ngủ nghỉ cũng phải biết lượng. Nếu có tu tập luận nghị quyết

trạch, hoặc nói hoặc im cũng khéo biết lượng. Vì khiến hai chủng sở y điều hòa dễ chịu, khiến trừ ngủ nghỉ cùng các mệt mỏi cũng khéo biết lượng.

Lại nữa, nếu có Bí-sô siêng tu thần túc, lược do 4 chi nhiếp các đoạn hành: 1. Chi tu tập; 2. Chi chứng thắng tiến; 3. Chi phòng hộ tùy phiền não, thông đạt; 4. Chi dẫn phát năng tịnh tùy phiền não.

Chi tu tập: tức là dục tinh tấn. Vì có sao? Do nương dục tinh tấn mà tu thần túc.

Chi chứng thắng tiến: tức là tín khinh an. Vì có sao? Do chứng thắng tiến, nên đem tâm tịnh tín tín thượng giải thoát, dùng khinh an để dừng dứt sở hữu thô trọng của thân tâm.

Chi phòng hộ tùy phiền não, thông đạt: tức là chánh niệm chánh biết. Vì có sao? Do chánh niệm, nên Chỉ Quán chưa sanh, phòng hộ tùy hoặc. Do chánh biết, nên Chỉ Quán đã sanh, thông đạt tùy hoặc.

Chi dẫn phát năng tịnh các tùy phiền não: tức là tư duy cùng xả. Vì có sao? Do tư duy nên sách tấn các tâm trì trệ. Do xả nên thấu nhiếp các tâm trạo cử bên trong.

Lại nữa, có 4 chủng pháp ở nơi sở đắc định là

tăng thượng duyên: 1. Lắng nghe thắm sâu; 2. Được dạy trao chân chánh; 3. Đòi trước xuyên suốt tu tập; 4. Đầy đủ đa văn.

Lắng nghe thắm sâu: phát khởi vui muốn sanh tâm tịnh tín lắng nghe chánh pháp, do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Được dạy trao chân chánh: nhân được dạy trao thứ lớp, dạy trao không điên đảo, phát khởi đồng mãnh an trụ tinh tấn, thuận theo không gián đoạn, tinh cần an trụ phương tiện tu tập pháp Bồ-đề phần. Do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Đòi trước xuyên suốt tu tập: ở trong các đời trước đã sanh gần đây, đã chứng nhập nhiều các tinh lự và các đẳng chí, do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Đầy đủ đa văn: đa văn, trì văn, tích tập đầy đủ văn, một mình ở chốn không nhàn, tư duy thọ lượng, quan sát sâu xa các pháp kia. Do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Lại nữa, vì muốn chứng đắc tam-ma-địa, phải nên chánh liễu tri 7 chủng pháp: 1. Nhân thối thất nội định là do giải đãi; 2. Nhân thối thất ngoại định là do trạo cử; 3. Thối thất nội định là

do hôn trầm thù miên; 4. Thối thất ngoại định là do tán loạn nơi năm diệu dục; 5. Thối thất nội định và đối trị nhân là khéo nắm giữ tướng mà quán sát chân chánh; 6. Thối thất ngoại định và đối trị nhân là ở nơi thân quán sát bất tịnh; 7. Nương tựa nắm giữ hai đối trị kia là tướng quang minh.

Sao gọi là ở nơi thân trụ quán pháp tập? Quán thân này từ đời quá khứ cùng các uống ăn hiện tại mà sanh trưởng.

Sao gọi là ở nơi thân trụ quán pháp diệt? Quán thân này ở đời đương lai là pháp diệt chết.

Sao gọi là ở nơi thân này trụ quán pháp tập diệt? Quán thân này ở đời hiện tại do duyên ăn uống khiến tăng trưởng, dài lâu ắt sẽ hư hoại. Ở nơi hữu đây, tức ở nơi thân đây, khéo trụ nhớ nghĩ thân đồng với chân như. Hoặc chỉ trí xuất thế gian, tức là bên trong ở nơi đạo Xa-ma-tha. Hoặc chỉ kiến xuất thế gian, tức là ở nơi đạo Tỳ-bát-xà-na. Hoặc chỉ nhớ nghĩ, tức là do đây về sau đắc đạo xuất thế gian.

Sao gọi là ở nơi thân không chỗ nương trụ? Là nương các định tu tập niệm trụ, tức là ở nơi định

kia không ái vị cho đến không trụ bám trước.

Sao gọi là đối với thế gian không chấp thủ? Túc đã vĩnh viễn đoạn diệt bốn điên đảo. Vì đoạn diệt hẳn nên ở nơi thân... trọn không chấp thủ tịnh, lạc, ngã, thường.

Lại nữa, nương y chỉ thi thiết kiến lập 5 chủng bổ-đặc-già-la. Những gì là năm? 1. Các dị sanh hân lạc hỷ lạc; 2. Người hành kiến tích hân lạc đoạn chướng; 3. Người hành kiến thú hân lạc giải thoát; 4. Người hành kiến thú đến rốt ráo; 5. Người hành kiến tích đến rốt ráo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la dị sanh hân lạc hỷ lạc? Đây có 3 chủng: 1. Hân lạc hỷ lạc do dục sanh; 2. Hân lạc hỷ lạc do định có tầm có tứ sanh; 3. Hân lạc hỷ lạc sai biệt do định không tầm không tứ sanh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành kiến tích hân lạc đoạn chướng? Đây có 2 chủng: 1. Vì hân lạc đoạn phiền não chướng: ở hiện pháp lạc trú chưa đắc, đã đắc; ở tất cả chủng hữu tướng đẳng chí chưa đắc, đã đắc; đó là vì ở nơi y chỉ cùng ở nơi quán sát sở tri có sự sai biệt; 2. Hân lạc đoạn chướng định sai khác: ở tất cả thắng xứ chưa đắc,

đã đắc, cùng ở tất cả biến xứ chưa đắc, đã đắc.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến thú hân lạc giải thoát? Như các ngoại đạo khởi kiến như vậy: “Ngã chẳng phải có, ngã sở chẳng phải có. Ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có”. Ngoại đạo kia chưa đắc, đã đắc ở nơi kiến đây.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến thú đến rốt ráo? Ở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ chưa đắc, đã đắc.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến tịch đến rốt ráo? Ở nơi sáu xúc xứ vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa, chúng đắc lãnh thọ rốt ráo.

Như vậy gọi là nương y chỉ thi thiết kiến lập 5 chủng bồ-đặc-già-la.

Lại nữa, Cận sự nam có 3 chủng đức: 1. Thanh tịnh; 2. Năng tạo tác; 3. Năng dẫn phát.

Thanh tịnh: tức là ý lạc thanh tịnh, giới hạnh thanh tịnh và chứng thanh tịnh. Ý lạc thanh tịnh là ở nơi Phật bảo... xa lìa hết thấy nghi hoặc, không vui muốn thế sự, ấy là kiết tường. Giới hạnh thanh tịnh là năng viên mãn sở hữu các học xứ. Chứng thanh tịnh vì năng chứng đắc thế, xuất thế thanh tịnh.

Năng tạo tác: vì năng làm việc làm của Tam Bảo.

Năng dẫn phát: vì trí năng dẫn phát người đồng pháp, người không đồng pháp.

Lại nữa, có 3 chủng pháp: 1. Pháp nghe; 2. Pháp hành; 3. Pháp chứng rốt ráo.

Lại, pháp ngoại đạo là điên đảo thuyết, sở hữu giới cấm chẳng thể hiện kiến, vì y chỉ tà nguyện mà tu phạm hạnh. Sở hữu đẳng chí có sự nhiệt nảo, chẳng phải rốt ráo. Chẳng thể hướng đến rốt ráo, vì chẳng thể xuất ly, vì cùng chung với các ngoại đạo, vì cùng chung với các dị sanh. Chánh pháp chư Phật trái với tướng kia, là chân thiện thuyết, là năng hiện kiến, cho đến bậc trí bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, thứ lớp *được*, *xả* các dục đó là trước tuyên thuyết việc nên làm, do đây nên được. Đó là do bố thí, trì giới, nên ở nơi việc đây khá được. Đó là ở tại cõi trời, do đây thọ dụng. Đó là do ái vị, do đây nên xả. Đó là do các quá hoạn, như đây sai biệt, nên xả sự dục và phiền não dục. Đó là do công đức của xuất ly, viễn ly; hoặc hiển thị phẩm pháp thanh tịnh, tức là phải xưng tán bốn quả Sa-

môn, vì hành theo kia quyết định không bị thối đọa, hoặc vì ra khỏi thế gian này.

Lại nữa, do 3 nhân duyên mà các đồng phạm hạnh phải nên hòa hợp để đuổi bỏ người phạm giới: 1. Vì hộ trì người; 2. Vì kia không kham là bậc thượng pháp khí; 3. Vì năng khiến kia không tăng thêm uy đức.

Lại nữa, do 4 nhân duyên khiến ở nơi giới sanh sâu vui thích: 1. Do thầy dạy xa lìa hai biên chế lập sở học; 2. Do tự bên trong các loại như tham... không quá mạnh mẽ; 3. Do trợ bạn kia rất nhu hòa dễ cộng trú; 4. Do gia hạnh không trụ giải đãi.

Lại nữa, có 4 chủng quán sát giới: 1. Do cộng trú, tin hiểu là có; 2. Ở nơi nguy nan, tin hiểu là ngục kiên cố; 3. Do công việc đời, tin hiểu không khuyết phạm; 4. Do ngôn luận quyết trạch, tin hiểu không luyến tiếc, chẳng hoại kiến.

Sao gọi là tâm hướng đến viễn ly? Vào thời trụ xứ ở chỗ hội họp ồn náo.

Sao gọi là tâm hướng đến xuất ly? Vào thời hành xứ ở nơi thôn xóm.

Sao gọi là tâm hướng đến Niết-bàn? An trú

nơi xứ tướng tịch tĩnh Xa-ma-tha...

Lại có cách giải thích khác. Đó là nương xa là phiền não gọi là hướng đến viễn ly. Nương ra khỏi sanh tử gọi là hướng đến xuất ly. Nương nhập cung Niết-bàn gọi là hướng đến Niết-bàn. Vì tất cả thọ tương tục diệt nên gọi là không ảnh, gọi là tịch diệt. Vì vĩnh viễn là ba khổ, nên gọi là tịch tĩnh. Vì phiền não thiêu đốt nhiệt não vĩnh viễn dừng dứt, nên gọi là thanh lương. Vì đặc dấu tích vô thượng, nên gọi là chân phạm.

Lại nữa, do 3 lỗi lầm khiến điên đảo khi nghe chánh pháp: 1. Vì tán loạn; 2. Vì ngu si; 3. Vì không cung kính.

Lại nữa, có 5 chủng tướng là khí cụ của văn và tu: 1. Tâm khiêm hạ; 2. Tâm phụng hành; 3. Tâm nhiếp thọ nghĩa; 4. Tâm khéo nhiếp thọ nghĩa; 5. Tâm cung kính.

Lại nữa, trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, bậc Đại sư lược có 5 chủng công đức, nếu bậc Đại sư thành tựu đầy đủ, thì năng soi sáng cho ngoại đạo, Sa-môn và Bà-la-môn. Những gì là năm? 1. Ở nơi các giới hạnh, trọn không lầm lỗi; 2. Khéo kiến lập pháp; 3. Khéo chế lập sở học; 4. Ở nơi khéo

chế lập pháp, khéo chế lập sở học, tùy chỗ nghi hoặc đều khéo năng đoạn trừ; 5. Dạy trao xuất ly.

Lại nữa, do 3 nhân duyên duy chỉ có *đạo vô ngã kiến* khiến đăc xuất ly: 1. Vì chưa lãnh hội được; 2. Vì hiện năng đối trị các phiền não; 3. Vì đối với việc giải thoát hiện không hãi sợ.

Lại nữa, có 4 chủng hoan hỷ: 1. Bản chất hoan hỷ yếu kém; 2. Hoan hỷ tích tập phạm hạnh; 3. Hoan hỷ không hối hận; 4. Hoan hỷ vui đoạn vui tu. Hoan hỷ thứ nhất năng dẫn vui muốn yếu kém. Hoan hỷ thứ hai năng dẫn phát vui xa lìa. Hoan hỷ thứ ba năng dẫn lạc tam-ma-địa. Hoan hỷ thứ tư năng dẫn lạc ba Bồ-đề.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên pháp Phật Thế Tôn gọi là pháp thiện thuyết: 1. Vì ngôn từ văn câu đều trong sáng khéo diệu; 2. Vì dễ có thể thông đạt.

Do 2 nhân duyên dễ thông đạt: 1. Vì hoặc văn, hoặc nghĩa dễ hiểu rõ; 2. Vì hiểu xuất ly...

Do 2 nhân duyên gọi là xuất ly: 1. Vì xuất ly đến cõi thiện; 2. Vì xuất ly hướng đến ba Bồ-đề.

Do 2 nhân duyên hướng đến ba Bồ-đề: 1. Vì không nghi hoặc; 2. Vì không thể phá hoại.

Do 2 nhân duyên không thể phá hoại: 1. Vì kiến không thể hoại; 2. Vì có tháp.

Do 2 nhân duyên có tháp: 1. Vì chứng trụ kiên cố; 2. Vì có thể nương tựa.

Do 2 nhân duyên gọi là có thể nương tựa: 1. Vì nương trí, không nương thức; 2. Vì nương Đại sư là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Do 2 nhân duyên Đại sư là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác: 1. Vì đoạn hết thấy nghi hoặc; 2. Vì không có tà hạnh.

Lại nữa, có 4 chủng năng chướng pháp đoạn: 1. Không nhàm chán xa lìa; 2. Trí chưa thành thực; 3. Tán loạn; 4. Trì trệ. Nên biết huệ nhãn của người làm ác gọi là mù lòa. Huệ nhãn của người làm phước gọi là có cấu. Huệ nhãn của các ngoại đạo gọi là có màng che.

Lại nữa, người tu pháp niệm trụ nên chánh rõ biết 11 chủng pháp tạp nhiễm: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Tụ; 5. Tán; 6. Trầm; 7. Trạo; 8. Thuận theo tướng phiền não; 9. Không vui xa lìa; 10. Ái vị; 11. Tăng thượng mạn.

Lại nữa, do 4 nhân duyên đạo xuất thế gian dụng đạo thế gian làm trợ bạn: 1. Vì ngầm chướng

các cái; 2. Vì chế phục phần xa; 3. Vì nhằm chán sự tai họa mục nát hư hoại; 4. Vì pháp lực đượm nhuần.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết sở đắc thiên nhãn của Như Lai vào khắp tất cả nghĩa cảnh hành của hữu tình: 1. Vì hiện thấy sự gây tạo năng cảm tất cả nghiệp thú của hữu tình; 2. Vì hiện thấy chủng chủng vô lượng cõi sanh đến của tất cả hữu tình; 3. Vì hiện thấy trong *hữu* có hữu tình sanh tử; 4. Vì hiện thấy trong *vô* có hữu tình sanh tử.

Lại nữa, vì chứng các pháp, vì thông đạt các pháp, người siêng tu hành có 7 thứ lớp năng chứng các pháp, năng đạt các pháp, đó là: Cung kính thừa sự người thuyết pháp. Đã thừa sự rồi, lắng nghe pháp quán sát sâu xa. Đã lắng nghe, quán sát sâu xa, kế tùy pháp hành pháp. Đã tùy pháp hành pháp, kế trụ tâm nhiếp phương tiện chân chánh. Đã nhiếp phương tiện chân chánh, kế phát siêng tinh tấn. Đã phát siêng tinh tấn, kế tâm xa lìa trong ngoài không bình đẳng, khởi phương tiện nơi hai chủng pháp và tài, thanh tịnh các chướng. Đã thanh tịnh các chướng, nên ở nơi tam-ma-địa không sanh ái vị, lìa tăng thượng mạn.

Lại nữa, vì đối trị 9 chủng sở trị nên tu bốn niệm trụ: 1. Không chán lìa; 2. Không tác ý; 3. Tùy phiền não Chỉ Quán; 4. Trì trệ; 5. Không kham nhẫn khi gặp phải nạn đánh đập...; 6. Ở nơi những điều thấp hèn mà sanh vui đủ; 7. Quên mất điều dạy trao; 8. Hủy phạm cấm giới; 9. Xả bỏ ách thiện.

Lại nữa, người xuất gia có 5 lỗi lầm: 1. Lỗi lầm không hỷ lạc; 2. Lỗi lầm tham trước lợi dưỡng cung kính; 3. Lỗi lầm truy cầu quyến thuộc; 4. Lỗi lầm khinh miệt; 5. Lỗi lầm tăng thượng mạn.

Nên biết người tại gia cũng có 5 chủng lỗi lầm: 1. Lỗi lầm tham trước; 2. Lỗi lầm tập quen gần gũi các dục; 3. Lỗi lầm nhiếp thọ; 4. Lỗi lầm tạo làm ác hạnh; 5. Lỗi lầm không làm thiện hạnh.

Lại nữa, kẻ ngu có 4 chủng tướng biểu hiện: 1. Không làm việc thiện; 2. Làm các việc ác; 3. Tạo tác hai chủng thiện ác xen tạp; 4. Tuy một hướng làm việc thiện, mà ở nơi việc làm thiện không như thật biết.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Huệ không quyết định; 2. Tà huệ quyết định; 3. Không thể khởi gia hạnh; 4. Việc làm gian trá.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Chẳng phải

điều đáng hoan hỷ mà sanh hoan hỷ; 2. Chẳng phải điều nên ưu sầu lại sanh ưu sầu; 3. Quyết định một cách khó khăn; 4. Trước không quán sát.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Tà tư duy tạo thành; 2. Tà phát khởi; 3. Bỏ nhiều công sức mệt nhọc mà phần nhiều không kết quả; 4. Do nhân duyên đây sanh nhiều sầu thán. Lại các ngu phu phần nhiều thiếu phước, nghiệp chuyển bạc mỏng, thấp kém.

Lại nữa, sanh tử có 5 pháp tương tự biển lớn được gọi là Đại hải: 1. Vì tương tự xứ sở không bờ mé; 2. Vì tương tự thẳm sâu; 3. Vì tương tự khó vượt qua; 4. Vì tương tự không thể uống; 5. Vì tương tự chỗ nương của đại bảo.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên pháp thí vượt hơn tài thí: 1. Tài thí khiến trong thân người phát khởi ác hạnh; pháp thí quyết định khiến khởi các thiện hạnh; 2. Tài thí khiến trong thân người phát khởi phiền não; pháp thí năng khiến đối trị phiền não; 3. Tài thí khiến trong thân người dẫn phát vui có tội không gián đoạn; pháp thí năng khiến dẫn phát an lạc vô tội không gián đoạn; 4. Hoặc Phật tại thế, hoặc không tại thế, tài thí dễ dàng

có được; pháp thí nếu không chư Phật hiện ra nơi đời khó thể có được; 5. Tài thí thí nhưng có tận, pháp thí thí nhưng vô tận.

Lại nữa, chẳng nên khiến 5 tâm này tự tại chuyển. Những gì là năm? 1. Tâm phương tiện hành ác, ở trong hành ác thú nhập mạnh mẽ; 2. Tâm phương tiện hành thiện, ở trong hành thiện không thú nhập mạnh mẽ; 3. Tâm phương tiện truy cầu các dục, ở trong truy cầu các dục phi pháp hung bạo, thú nhập mạnh mẽ; 4. Tâm phương tiện thọ dụng các dục, sanh sâu tham nhiễm cho đến không thấy quá hoạn, chẳng biết ra khỏi xa lìa mà lại thú nhập thọ dụng; 5. Tâm phương tiện ra khỏi xa lìa, nhưng ở trong ra khỏi xa lìa nhanh chóng thối chuyển; ở trong các dục hoặc các tĩnh lự, ở trong ái vị nhanh chóng thú nhập.

Lại nữa, do 5 chủng tướng khiến sự mị hoặc của các phiền não sâu nặng hơn sự mị hoặc của quý:

1. Nếu bị một hành động mị hoặc của quý, tức chỉ bị một mị hoặc đây. Nếu bị một phiền não mị hoặc, ắt bị vô lượng phiền não mị hoặc.

2. Nếu bị quý mị làm mị hoặc, hoặc dùng chú

thuật, hoặc dùng trói buộc gây hại, hoặc dùng vật dụng, hoặc dùng các thứ thuốc, thì dễ có thể chữa trị. Nhưng nếu bị phiền não mị hoặc thì chẳng thể chữa trị.

3. Nếu quỷ mị làm mị hoặc, lúc bị mị hoặc ấy dễ có thể nhận biết, nhân đến đũa trẻ cũng có thể hiểu biết. Nếu phiền não làm mị hoặc, lúc bị mị hoặc khó có thể rõ biết, người thế gian thông minh vẫn còn không thể rõ biết.

4. Nếu bị quỷ mị làm mị hoặc, quỷ mị đây là khách, chẳng phải là cùng sanh, dễ có thể hàng phục, chẳng thể do kia mà thành tự tánh. Nếu bị phiền não làm mị hoặc, phiền não đây chẳng phải là khách, mà là cùng sanh, khó có thể hàng phục, tức do kia mà thành tánh ấy.

5. Nếu bị quỷ mị làm mị hoặc, không lây lan cho tất cả hữu tình khác. Nếu bị phiền não mị hoặc, ắt lây lan cho hữu tình khác.

Lại nữa, có Bí-sô không như lý tư duy, vì hư vọng kế chấp cho là chân thật nên kiến lập “có ngã”. Nên biết kế chấp đây lược có 5 chủng lỗi lầm hư cuống: 1. Thuận theo lời dạy của ngoại đạo mà chuyển; 2. Nhiếp thọ vọng kiến của ngoại đạo; 3.

Giả sử chẳng thuận theo kia mà chuyển, cũng cùng ngoại đạo làm bạn đồng pháp; 4. Nếu thuận chuyển theo lời của ngoại đạo, tức là tu hành theo đạo không xuất ly; 5. Tuy không thuận chuyển theo kia, nhưng lật đổ đồng pháp, kiến lập hình thành pháp khác. Lại do hai nhân duyên: 1. Vì ở nhân duyên hiện quán để khởi tà hạnh; 2. Vì ở hiện quán để khởi tà hạnh.

Lại nữa, nương hành dục, hành phước, triển chuyển theo đũa cả hai hành có 6 chủng ái khuể tập nhiễm, 4 chỗ nương và 5 chủng đối trị.

Sáu chủng ái khuể tập nhiễm: 1. Tham cảnh giới, do đây năng tập quen gần gũi các dục chướng; 2. Sân hận oán ghét, do đây đối với các hữu tình có oán phát khởi ghét giận; 3. Dạy trao thuận theo tham, do đây người nhận lãnh sự dạy kia không được tự tại; đối với các hữu tình khổ, lại rộng hành chủng chủng nào hại bức bách; 4. Là tăng thượng sân, do đây nên thấy các hữu tình tăng thượng an lạc, tăng thượng hoan hỷ, thì lòng không muốn họ được tốt lành hưng thịnh, chỉ muốn mình được. Do đây tập khởi chủng chủng tật đố, bất nhân, biến đổi chẳng vui; 5. Là có

tham công đức; 6. Có lỗi lầm sâu. Do hai nhân duyên đây, tâm không bình đẳng, ở trong Tăng chúng tuy hành huệ thí tu các phước nghiệp mà thường dòm ngó, xét tìm chủng chủng sai biệt, hoặc làm không làm, hoặc làm việc ác, bên trong ôm lòng ưu khổ chẳng được an ổn.

Bốn chỗ nương: Cảnh giới ban đầu là chỗ nương. Hữu tình khác là chỗ nương. Lại hai chỗ nương ban đầu, mỗi một chỗ nương khởi một phần tạp nhiễm. Các chỗ nương còn lại, mỗi phần khởi đầy đủ phần tạp nhiễm.

Năm chủng đối trị: 1. Bất tịnh; 2. Từ; 3. Bi; 4. Hỷ; 5. Xả.

Lại có môn khác, đó là 6 chủng ái khuể tạp nhiễm và 5 chủng đối trị.

Sáu chủng ái khuể tạp nhiễm: 1. Sự tham; 2. Sự sân; 3. Tham tạp nhiễm của tham sân si; 4. Sân không tạp nhiễm của không tham, không sân, không si; 5. Tham không tạp nhiễm của không tham, không sân, không si; 6. Sân tạp nhiễm của tham sân si.

Năm chủng đối trị bao gồm: bất tịnh, từ và 3 chủng tác ý: 1. Tác ý tạp nhiễm không điên đảo; 2.

Tác ý không tạp nhiễm không điên đảo; 3. Tác ý xả bỏ tham sân, tâm tạp nhiễm không tạp nhiễm không điên đảo.

Lại nữa, có 4 chủng bổ-đặc-già-la xuất gia được 5 chủng công đức.

Bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Bổ-đặc-già-la nương chính mình; 2. Bổ-đặc-già-la nương người; 3. Bổ-đặc-già-la đã thành thực; 4. Bổ-đặc-già-la chưa thành thực.

Năm chủng công đức: 1. Bổ-đặc-già-la nương chính mình, vì xuất gia nên xả bỏ hết thảy tài bảo địa vị, nương vào hạnh bất cộng, thanh tịnh Thi-la; 2. Bổ-đặc-già-la nương người, vì xuất gia nên xả bỏ những việc không được tự tại như sự ràng buộc hệ thuộc của người, nương người mà chuyển. Do đạt được tự nương chính mình, nên tùy chuyển tự tại không hệ thuộc người, tùy theo sự việc mà tự tại chuyển; 3. Bổ-đặc-già-la đã thành thực, vì xuất gia nên nếu không còn kiết sót thừa, tức liền thành tựu tất cả biên khổ; 4. Nếu còn kiết sót thừa, tức liền thành tựu biên khổ đường ác; 5. Bổ-đặc-già-la chưa thành thực, vì xuất gia nên ở trong hiện pháp thoát khỏi vô lượng ưu khổ bức bách của cư gia thế

tục, tích tập vô lượng thiện căn thuận phần giải thoát rộng lớn, năng khiến tương tục thành thực ở đời đương lai.

Lại có 3 chủng khổ và 9 chủng tướng nên biết đui theo các hành hữu lậu.

Ba chủng khổ: khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Chín chủng tướng: Mỗi một khổ riêng có 3 tướng, tùy đui theo tất cả pháp hành hữu lậu nên thành 9 tướng: 1. Sự đui theo của tử; 2. Sự đui theo của nhân đường ác phát khởi; 3. Sự đui theo của sanh các đường ác; 4. Vì pháp vô thường; 5. Vì ở trong vô thường là pháp khổ; 6. Vì ở trong khổ là pháp vô ngã; 7. Vì thuận ái vị, trụ vui ở nơi hành sanh; 8. Vì khổ biến hoại; 9. Vì tánh khổ biến hoại như vậy, các bậc trí mà nắm giữ thì chẳng phải là pháp xuất ly.

Lại nữa, nếu có Bí-sô vì chúng sanh mà thành tựu 4 chi, cho đến có khả năng dùng lời dạy răn dỗ chúng không điên đảo, tu hành chánh hạnh tự lợi lợi tha.

Bốn chi: 1. Giải thoát tùy phiền não; 2. Không lìa chánh trí; 3. Vì khiến tất cả thiện pháp đã sanh trụ kiên cố không bị hoại mất, nên nhiếp thọ

nhậm trì, tu tập tăng trưởng rộng lớn gấp bội cho đến viên mãn; 4. Vì nhiếp thọ nhậm trì khiến các thiện pháp chưa sanh được sanh khởi.

1. Sao gọi là *Bí-sô giải thoát tùy phiền não*? Vì giải thoát khỏi 5 chủng tùy phiền não. Những gì là năm? a. Nhớ nghĩ mền luyến cư gia; b. Hủy phạm cấm giới; c. Chỗ ý phân biệt lãnh thọ trước kia đồng hành với tác ý bất chánh; d. Đắm trước sở hữu cảnh giới vị lai nên phát khởi tham ưu; e. Keo lẩn ở nơi pháp.

a. Nếu các ngu phu không như thật biết tự tướng của bốn đại chủng tạo sắc, chỗ gọi danh là cha mẹ, vợ con, anh em cho đến bạn bè, quyến thuộc... Chỉ ở nơi hình hài sắc tướng biểu hiện mà cho là vui cười, chỉ ở nơi sở hữu động tác của thân ngữ mà phát khởi tưởng hữu tình đồng hành tác ý. Do nhân duyên đây khởi tà phân biệt vọng chấp cho là cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, anh em là của tôi... Do nhân duyên kế chấp hư vọng phân biệt đây mà phát sanh chủng chủng nhớ nghĩ mền luyến cư gia. Các bậc có trí rõ biết chỉ có tự tướng các sắc, không có tướng hữu tình, cho nên khéo giải thoát tùy phiền não ban đầu. Vì có sao? Từ xưa đến nay,

do thấy mỗi mỗi hình tướng chủng chủng sai khác kiến lập an bày hay có lúc cùng người hội hợp. Thấy như vậy rồi, hoặc cho là cha mẹ, vợ con của tôi, nói rộng cho đến bạn hữu, quyến thuộc của tôi; hoặc cho là cha mẹ vợ con của người, nói rộng cho đến bạn hữu, quyến thuộc của người. Các loại hữu tình sanh Vô sắc chẳng có việc như vậy.

b. Lại các ngu phu không như thật biết các tướng của người ngu và người trí. Do không như thật biết, nên suy nghĩ ác, nói lời ác, tạo làm ác. Phạm thân ngữ ý nghiệp hiện hành đều không thanh tịnh, cũng không thanh tịnh giới luật, chánh mạng. Các bậc trí vì như thật biết nên trái với tất cả tướng trên, do đây năng giải thoát tùy phiền não thứ hai.

c. Lại các ngu phu ở nơi những điều phi lý không thể như thật biết là phi lý, ở nơi như lý không như thật biết là như lý. Ở nơi các pháp vừa ý từng thọ trước kia, thuận theo tham muốn, không chân chánh tác ý, phát khởi tâm tư dục luyện tiếc, chấp trước kiên cố không xả, không bỏ, không nhả ra. Ở nơi pháp không vừa ý, thuận theo khuể khởi tâm tư khuể. Ở nơi pháp không vừa ý, thuận

theo hại khởi tâm tư hại. Ngoài ra như trước đã thuyết. Các bậc trí ở nơi những việc như lý năng như thật biết đây là như lý, ở nơi phi lý năng như thật biết đây là phi lý. Ở nơi các pháp sai biệt đã thọ trước kia như trước đã thuyết, hoặc không khởi lại nhớ đến, hoặc chân chánh tư duy, hoặc không quên chánh niệm. Ở nơi sở duyên kia không khởi tâm tư dục cho đến tâm tư hại, giả sử sanh khởi trở lại mà không đấm trước kiên cố, nói rộng như trước, cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ ba.

d. Lại các ngu phu không như thật biết công đức của việc phòng hộ giữ gìn căn môn, không như thật biết quá hoạn của việc không phòng hộ giữ gìn căn môn. Đời hiện tại, nơi mỗi cảnh hiện tiền liền phát sanh ái khuể tạp nhiễm nơi tâm. Đối với các cảnh giới sắc vừa ý thì mong cầu ham muốn có được, đối với cảnh giới các sắc không vừa ý tâm sanh nhàm chán chống trả. Nếu ở nơi cảnh vừa ý, tâm sanh mong cầu ham muốn, đây gọi là tham. Kẻ ô m lòng tham đây, khi cảnh giới kia thay đổi biến hoại, tâm liền buồn bã, đây gọi là ưu. Tất cả tướng của các bậc trí nên biết đạo lý trái với tất cả tướng trên,

cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ tư.

e. Lại các ngu phu ở trong các pháp tham dục bất chánh không như thật biết quá hoạn của các dục kia, thường bị chìm nổi nơi bốn sự keo lẩn khác, trở lại khởi keo lẩn pháp. Các bậc trí ở nơi các họa hoạn kia năng như thật biết, ở nơi bốn sự keo lẩn khác vẫn còn không sanh khởi, giả sử có khởi liền xả, trọn không đắm trước kiên cố, hà huống khởi keo lẩn pháp. Bậc trí đã xa lìa keo lẩn pháp như vậy, nếu gặp bổ-đặc-già-la vui được nghe pháp, liền vì kia tuyên thuyết Kinh, Luật, Luận mà bậc Đại sư sở thuyết tương ưng thánh giáo, khiến kia thọ trì. Lại rộng vì kia khai thị phân biệt không gián đoạn, trọn không che giấu. Cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ năm.

Đây gọi là Bí-sô thành tựu chi giải thoát tùy phiền não thứ nhất.

2. Sao gọi là Bí-sô không lìa chánh trí? Có 4 trí. Những gì là bốn? Đó là nương xa lìa nhiễm ban đầu, tương tục thông đạt tám Thánh đạo chi, kiến lập trí thứ nhất. Nương chứng thành biện tám Thánh đạo chi kiến lập ba trí khác. Đó là có Bí-sô trụ vị dị sanh, khởi suy nghĩ như vậy: “Chỉ trong

Thánh pháp Tỳ-nại-da của chư Phật Thế Tôn mới có tám Thánh đạo chi. Trong pháp dị luận của các ngoại đạo không có đạo như vậy. Nếu ở xứ đây có tám Thánh đạo chi, tức ở xứ đây có quả Sa-môn, có các Sa-môn và nghĩa Sa-môn, chỗ gọi Niết-bàn. Ta nay vì chứng Sa-môn, quả Sa-môn, nghĩa Sa-môn, phải nên phát khởi tu tám Thánh đạo chi khiến thanh tịnh”. Do hành như vậy, ở trong tám Thánh đạo chi sở hữu đặc trí. Như vậy nương thông đạt tám Thánh đạo chi kiến lập trí thứ nhất.

Tức dụng trí đây làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, vì muốn chứng đắc thành tựu viên mãn tám Thánh đạo chi như những gì đã thông đạt, nên đồng mãnh tinh tấn tu ba trí khác, đó là trí do văn mà thành, trí do tư mà thành và trí do tu mà thành. Người kia siêng tu tập trí do văn mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh nên cầu nghe chánh pháp. Nếu có nơi nào tuyên thuyết pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai đã chứng, tức liền đến nơi ấy cung kính nghe thọ, chứng đắc hoan hỷ rộng lớn, diệu thiện, nhiếp thuộc xuất ly. Vì tự tướng cao quý hơn, nên gọi là rộng lớn. Vì tự tánh không tội, nên gọi là diệu thiện. Vì tương ưng

Niết-bàn, nên gọi là nhiếp thuộc xuất ly.

Lại vì siêng tu tập trí do tư mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh, nếu biết nơi nào có các Bí-sô trì Kinh Luật Luận cùng đến nhóm họp, suy lường chân thật, quyết trạch nghĩa thâm yếu ẩn mật trong Kinh Luật Luận, thì liền đến đó thưa hỏi các đế. Trong hội ấy vì người kia kiến lập sở hữu tự tướng các đế khiến chứng được phương tiện. Nếu kia trước chưa thông hiểu thì khiến thông hiểu, nếu đã thông hiểu thì khai tỏ khiến hiểu sâu hơn. Ở nơi một nghĩa, dụng văn tự sai biệt, phương tiện khuyến khích dẫn dụ khiến kia không quên mất. Lại ở nơi các đế tương ứng vô ngã, chứng đắc sở y nghĩa cú thẩm sâu, dùng tuệ thông đạt rộng vì kia khai thị tánh Không tương ứng pháp cú vi diệu mà chư Như Lai sở thuyết. Do nhân duyên đây người kia chứng đắc trí thanh tịnh do văn, tư mà thành tựu.

Lại càng siêng tu tập trí do tu mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh, liền ở nội thân trụ quán tuần thân, cho đến rộng thuyết tu bốn niệm trụ đều rõ biết. Như vậy gọi là nương chứng đắc thành tựu viên mãn tám Thánh đạo chi kiến

lập ba trí. Đây gọi là Bí-sô thành tựu chi không là chánh trí thứ hai.

3. Sao gọi là Bí-sô vì khiến sở hữu thiện pháp đã sanh được trụ kiên cố không quên mất, nói rộng cho đến nhiếp thọ nhậm trì? Có các Bí-sô nương sự tài của, vật thực thu được từ các thí chủ có lòng tín thanh tịnh, như lượng thọ dùng, giữ gìn y phục, vật thực... Đây gọi là nhậm trì. Vì có sao? Vì các Bí-sô dùng vật thực đây mà thân không suy yếu, tâm có năng lực kham nhẫn, tâm không bị nhiễu nã, thiện pháp đã sanh không bị thối thất, lại càng tăng trưởng.

4. Sao gọi là Bí-sô vì khiến tất cả thiện pháp chưa sanh được sanh khởi, nên nhiếp thọ nhậm trì? Có các Bí-sô cao niên, giới hạnh thanh cao, biết rõ sở hữu hỷ lạc Niết-bàn là tối cực đệ nhất so với các hỷ lạc khác, nên khéo tu thánh đạo là tăng thượng mạn. Nếu có Bí-sô năng đối với các bậc cao niên kia lễ kính thừa sự, lời khéo tùy hỷ, là các siểm khúc, tâm không tìm cầu lỗi. Người đây năng phát khởi các điều kia gọi là nhậm trì. Vì có sao? Do người kia khi chân chánh tùy chuyển như vậy, tùy từng thời kỳ, người kia thu được hoan

hỷ thù thắng từ việc được dạy trao dạy răn, năng khiến tất cả thiện pháp Bồ-đề phần vi diệu chưa sanh nhanh chóng được sanh khởi. Như vậy 4 chi riêng có 11 phần, 11 so với 4 chi là như nhau không có sự sai khác.



Quyển 71

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 5

Lại nữa, có 7 chủng nghĩa: 1. Nghĩa nên khai hiển; 2. Nghĩa nên nhiếp lấy; 3. Nghĩa nên tránh xa; 4. Nghĩa nên dẫn dắt; 5. Nghĩa nên ngăn ngừa; 6. Nghĩa nên thọ trì; 7. Nghĩa nên phát triển.

Lại có 7 chủng hỷ: 1. Hỷ do văn dẫn; 2. Hỷ do tư dẫn; 3. Hỷ do tu dẫn; 4. Hỷ do lìa cái dẫn; 5. Hỷ do luận nghị dẫn; 6. Hỷ do tự nhớ nghĩ công đức dẫn; 7. Hỷ do không biết đủ ở những điều hạ liệt dẫn.

Lại nữa, có 5 chủng pháp: 1. Pháp giáo; 2. Pháp hành; 3. Pháp nhiếp thọ; 4. Pháp thọ dụng; 5. Pháp chứng đắc.

Lại nữa, có đầy đủ 3 chủng đức mới được gọi là người thiện xạ: 1. Đức do cung; 2. Đức do tên; 3. Đức do trúng đích.

Đức do cung có hai: 1. Tánh dẫn dắt; 2. Khéo dụng rất ráo. Đức do tên có một: khéo dụng rất

ráo. Đức do trúng đích có ba: 1. Rốt ráo công xảo; 2. Thường luyện tập công xảo; 3. Học thầy công xảo.

Lại nữa, giáo Như Lai có 3 chủng: 1. Giáo trường thời; 2. Giáo không gián đoạn; 3. Giáo không trùng thuyết.

Lại nữa, vô lượng giáo pháp Như Lai đều do 3 chủng lý thú: 1. Do lý thú nghĩa sai biệt; 2. Do lý thú văn sai biệt; 3. Do lý thú khó giải thích sai biệt.

Lại nữa, người đi du hành cần phải có 5 đối trị: 1. Đối trị ánh sáng nóng bức; 2. Đối trị khó khăn nguy hiểm; 3. Đối trị sông lớn; 4. Đối trị sa mạc; 5. Đối trị thân mỗi mệt.

Lại nữa, có 2 chủng tướng giới năng sanh đường thiện: 1. Nhiếp thọ giới; 2. Không khuyết giới.

Lại nữa, kẻ thọ dụng dục trong hiện pháp có 3 chủng nghĩa: 1. Truy tìm tài bảo; 2. Giữ gìn tài bảo; 3. Đắm trước thọ dụng.

Lại nữa, có 2 chủng thọ mạng biến hoại: 1. Biến hoại thô; 2. Biến hoại tế. Phần vị biến hoại cũng có 2 chủng thô và tế.

Lại nữa, trí có 2 đức: 1. Nghĩa chánh hành

đức; 2. Tự tánh đức.

Nghĩa chánh hành đức: chánh hành nhanh chóng, chánh hành quyết định và chánh hành vi tế.

Tự tánh đức: đó là ở định địa không còn thối chuyển, đã khéo tu tập xuất thế gian, nơi sở hành của chính mình không còn bị ngăn ngại, vượt hơn tất cả thiện căn đồng loại, vượt hơn tất cả thiện căn loại khác.

Lại nữa, có ba đoái luyến cần phải tu bốn niệm trụ mới năng đối trị: 1. Đoái luyến trợ bạn; 2. Đoái luyến lợi dưỡng; 3. Đoái luyến hậu hữu.

Lại nữa, vì gia hạnh, vì hiện quán, vì tương tục. Đối trị dục tham vô minh là gia hạnh. Hiện kiến an lập, phi an lập đế là hiện quán. Đã ly dục, chưa ly dục là tương tục. Lại vì y, vì địa, vì phẩm, vì chưa tu định, vì đã tu đắc, vì chưa đắc, vì chỗ nương thanh tịnh chướng, vì tác ý thanh tịnh chướng, vì đối trị chướng kia.

Lại nữa, như đã thuyết về 6 chủng hiện quán, đó là từ Tư hiện quán cho đến Cứu cánh hiện quán.

Hỏi: Tư hiện quán có tương thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Tư hiện quán, năng quyết định thấu rõ các hành vô thường, tất cả hành khổ, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Đã được an trụ địa vị dị sanh rồi, đã năng chứng đắc quyết định như vậy, không bị các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm và các dạng khác không như pháp dẫn đạo.

Hỏi: Tín hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Tín hiện quán, hoặc là dị sanh, hoặc chẳng phải dị sanh, hoặc trong hiện pháp và trong hậu pháp, trọn không hư vọng xưng khen vị thầy nào khác ngoài bậc Đại sư, pháp nào khác ngoài pháp thiện thuyết, Tăng nào khác ngoài chánh hạnh Tăng.

Hỏi: Giới hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Giới hiện quán, trọn không làm và cũng không cố tâm hành các sự phóng dật như đoạn mạng bằng sanh, chẳng cho mà lấy, tập hành tà dục, biết mà vọng ngữ, uống rượu..

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Hiện quán trí để

hiện quán, trọn không còn nương các vọng kiến khiến sanh khởi hành động. Không ở nơi chứng đắc của mình mà sanh nghi hoặc. Không ở nơi các chỗ sanh xứ mà bị tham nhiễm. Không ở nơi các tướng thế tục hiện hành cho là thanh tịnh. Không còn tạo tác nghiệp trong đường ác, phỉ báng Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, hà hưởng năng tạo các nghiệp vô gián hại cha mẹ... cho đến không năng sanh hữu thứ tám.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Hiện quán biên trí để hiện quán, trọn không sanh khiếp sợ trước nạn cật vấn của người.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Cứu cánh hiện quán, trọn không phạm trở lại 5 xứ, cũng không làm cho đến cố hại mạng bằng sanh, chẳng cho mà lấy, hành phi phạm hạnh tập pháp dâm dục, biết mà vọng ngữ, tích chứa đầy đủ tài bảo đầy đủ diệu dục để thọ dụng; cũng không khiếp sợ việc không thể ký; cũng không vọng tính chỗ có vui khổ của mình làm, của người làm, của mình người cùng

làm, của chẳng phải mình chẳng phải người làm, không nhân mà sanh.

Hết thấy loại như vậy gọi là các tướng hiện quán.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Tư hiện quán?

Đáp: Tuệ do tư phẩm thượng mà thành tựu là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Tín hiện quán?

Đáp: Tín thế gian, xuất thế gian thanh tịnh duyên cảnh Tam Bảo phẩm thượng là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Giới hiện quán?

Đáp: Nghiệp thân ngữ mà bậc thánh yêu thích là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Hiện quán trí để hiện quán?

Đáp: Duyên cảnh tuệ phi an lập đế là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Hiện quán biên trí để hiện quán?

Đáp: Duyên cảnh tuệ an lập đế là tự tánh.

Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Cứu cánh hiện quán?

Đáp: Tận vô sanh trí... là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Sáu hiện quán đây bao nhiêu thuộc hệ buộc Dục giới, cho đến bao nhiêu không hệ buộc?

Đáp: Chỉ một thuộc hệ buộc Dục giới. Một phần của một chủng hệ buộc Dục giới, hoặc hệ buộc Sắc giới, hoặc hệ buộc Vô sắc giới. Một phần còn lại của chủng trên cùng với ba phần khác, bốn đây là chẳng hệ buộc. Một thông cả hệ buộc và không hệ buộc.

Hỏi: Sáu hiện quán đây, bao nhiêu nương Vị chí nương khả đắc, bao nhiêu cho đến nương Vô sở hữu xứ nương khả đắc?

Đáp: Một nương, chẳng phải nương khả đắc. Còn lại nương tất cả nương khả đắc. Lại ba nương, năm nương sanh một phần của một chủng cũng vậy.

Hỏi: Nếu Hiện quán trí để hiện quán vì là các nhóm tướng nên gọi là vô phân biệt, sao nói là nương Có tâm có tứ nương khả đắc?

Đáp: Do kia tư duy tâm tứ... toàn phần tinh lự

chân như mà nhập nơi định, cho nên tuy nương Có tâm có tứ tĩnh lự khả đắc, nhưng chính là lia tướng vô phân biệt.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu duyên thế tục đế, bao nhiêu duyên thắng nghĩa đế?

Đáp: Một và một phần của một chủng duyên thế tục đế. Một không sở duyên. Hai và một phần một chủng duyên thắng nghĩa an lập đế. Một và một phần một chủng duyên thắng nghĩa phi an lập đế.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu hữu tướng, bao nhiêu vô tướng?

Đáp: Bốn hữu tướng. Một vô tướng. Một cũng hữu tướng cũng vô tướng.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu hữu phân biệt, bao nhiêu vô phân biệt?

Đáp: Như hữu tướng, vô tướng, thì hữu phân biệt, vô phân biệt cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu đồng hành hỷ, bao nhiêu đồng hành lạc, bao nhiêu đồng hành xả?

Đáp: Đầu tiên chỉ đồng hành hỷ, còn lại đồng hành thông cả hỷ, lạc, xả.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị hoại, bao nhiêu là đối trị đoạn, bao nhiêu là đối trị trì, bao nhiêu là đối trị phần xa?

Đáp: Chỉ có hai là đối trị hoại. Một thông đối trị đoạn, trì, phần xa. Một thông đối trị trì, phần xa. Hai chẳng phải đối trị.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị tổn phục các triền, bao nhiêu là đối trị vĩnh viễn hại tùy miên?

Đáp: Ba là đối trị tổn phục các triền. Một đồng cả hai đối trị. Hai đều chẳng phải hai đối trị kia.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị đoạn phiền não phẩm nhuộm, trung, thượng của các địa?

Đáp: Một. Còn lại là thuận theo đây, là trợ bạn cho đây, chẳng phải đối trị đoạn.

Hỏi: Sáu hiện quán đặc 9 biến tri: Đoạn trừ phiền não kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ nhất. Đoạn trừ phiền não kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ hai. Đoạn trừ phiền não kiến diệt sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ ba. Đoạn trừ phiền não kiến

diệt sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ tư. Đoạn trừ phiền não kiến đạo sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ năm. Đoạn trừ phiền não kiến đạo sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ sáu. Đoạn trừ hạ phần kiết lập biến tri thứ bảy. Đoạn trừ tham Sắc lập biến tri thứ tám. Đoạn trừ tham Vô sắc lập biến tri thứ chín.

Hỏi: Sáu hiện quán đây đặc bao nhiêu quả biến tri?

Đáp: Một đặc chín quả biến tri. Còn lại chẳng đặc quả kia.

Hỏi: Các hiện quán đây năng là đối trị đoạn phiền não, tức phiền não sanh rồi mới khởi đối trị đoạn, hay là chưa sanh?

Đáp: Đây chẳng phải chưa sanh. Tuy nói đã sanh nhưng chẳng phải lúc sau mới khởi đoạn. Nên biết lúc phiền não đoạn và lúc đối trị sanh đồng thời diễn ra, tức lúc bấy giờ giả thi thiết nói “đối trị sanh rồi các phiền não đoạn”.

Hỏi: Các hiện quán đây đặc bao nhiêu quả?

Đáp: Một đặc tất cả bốn quả. Một đặc khi viên mãn quả Sa-môn. Còn lại là đều đặc một vai trò là trợ bạn, là được làm hành dẫn đầu.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu năng chuyển căn?

Đáp: Trừ một, còn lại tất cả.

Hỏi: Các hiện quán ấy bao nhiêu năng dẫn phát công đức thù thắng của các thần thông?

Đáp: Trừ một, còn lại tất cả.

Hỏi: Tư hiện quán làm nghiệp nào, cho đến Cứu cánh hiện quán làm nghiệp nào?

Đáp: Tư hiện quán là nghiệp năng sanh chánh hạnh nhiếp lấy phẩm thiện pháp thanh tịnh; là nghiệp năng sanh hoan hỷ vô tội; là nghiệp năng chuyển tất cả chỗ nghi; là nghiệp năng thú nhập tu công đức; là nghiệp năng dẫn các hiện quán còn lại; là nghiệp năng đến tất cả đường thiện.

Tín hiện quán do ý lạc nên là nghiệp năng sanh thắng giải bất động đối với Tam Bảo; là nghiệp chánh hạnh thanh tịnh; là nghiệp một phần năng đến đường thiện.

Giới hiện quán là nghiệp năng giải thoát các khổ đường ác.

Hiện quán trí để hiện quán là nghiệp năng đắc tất cả quả Sa-môn; là nghiệp năng dẫn phát tất cả công đức thanh tịnh; là nghiệp năng dẫn các

hiện quán còn lại; là nghiệp năng hỗ trợ khiến cảm quả sáng tịnh và dị thực ở đường thiện.

Hiện quán biên trí để hiện quán là nghiệp năng ở trong tất cả an lập đế, vấn đáp khéo léo; là nghiệp nhanh chóng thông tuệ; là nghiệp năng dẫn hiện quán từ đây về sau.

Cứu cánh hiện quán là nghiệp năng dẫn hiện pháp lạc trú đệ nhất; là nghiệp giải thoát tất cả khổ lớn sanh tử; là nghiệp nhậm trì thân tối hậu.

Hỏi: Tư hiện quán có bao nhiêu chủng, cho đến Cứu cánh hiện quán có bao nhiêu chủng?

Đáp: Tư hiện quán có vô lượng chủng: đó là tư Khế kinh, tư Ứng tụng, tư Ký biệt, cho đến tư Phương quảng, tư Vị tầng hữu, tư Luận nghị pháp ; tư Khổ, Tập, Diệt, Đạo; tư chân như, thật tế pháp giới; tư uẩn, xứ, giới...; tư Thanh văn thừa, tư Đại thừa... Hết thấy dạng như vậy nên biết tư có vô lượng sai biệt.

Tín hiện quán cũng có vô lượng chủng, tức là chánh nhớ nghĩ quá khứ có vô lượng Tam-miêu-tam Phật-dà, cùng Pháp kia, Tăng kia. Vị lai, hiện tại cũng chánh nhớ nghĩ như vậy. Lại chánh nhớ

ngĩ trong thế giới đây cùng mười phương vô lượng thế giới khác, chỗ có Như Lai cùng Pháp kia, Tăng kia. Như chánh nhớ ngĩ có vô lượng như vậy, thì Tín hiện quán về thể, phẩm, số cũng có vô lượng như vậy.

Giới hiện quán cũng có vô lượng chủng, đó là tùy xa lìa 10 chủng tánh tội bất thiện nghiệp đạo, nhiều chủng sai khác. Lại theo sự tương tục cũng có nhiều chủng, đó là từ thân Dự lưu cho đến thân A-la-hán, thân Độc giác, Bồ-tát, Như Lai... vô lượng sai biệt.

Hiện quán trí để hiện quán cũng vô lượng chủng, đó là: niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, pháp Bồ-đề phần... vô lượng sai biệt.

Như Hiện quán trí để hiện quán, thì Hiện quán biên trí để hiện quán và Cứu cánh hiện quán cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán đây do sự an lập danh như vậy, lời như vậy, mà nói là tự tánh kia, hay là chẳng phải tự tánh kia?

Đáp: Vì thế tục nên nói là tự tánh kia. Vì đệ nhất nghĩa nên nói chẳng phải tự tánh kia. Vì có

sao? Vì nghĩa tất cả pháp, pháp nhĩ không thể nói đến vậy.

Hỏi: Tư hiện quán có nhân nào quả nào? Như vậy cho đến Cứu cánh hiện quán có nhân nào quả nào?

Đáp: Tư hiện quán lấy Phật xuất thế, thân cận thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tương tục thành thực, như lý tác ý làm nhân. Lấy chỗ tạo tác nghiệp làm quả. Như Tư hiện quán, tất cả hiện quán khác cũng vậy. Sai biệt ở chỗ: Tín hiện quán cũng lấy hiện quán khác làm nhân. Giới hiện quán cũng vậy. Hiện quán trí để hiện quán cũng lấy Tư hiện quán làm nhân, cũng lấy thiện căn thuận phần quyết trạch làm nhân, cũng lấy chủng tánh của chính nó làm nhân. Hiện quán biên trí để hiện quán cũng lấy Hiện quán trí để hiện quán làm nhân. Cứu cánh hiện quán cũng vậy.

Hỏi: Sáu hiện quán, bảy tác ý là liễu tướng.. thì sáu hiện quán nhiếp bảy tác ý, hay bảy tác ý nhiếp sáu hiện quán?

Đáp: Hai hiện quán chẳng phải tác ý nhiếp. Một hiện quán do tác ý nhiếp lạc nhiếp. Một hiện quán do tác ý quán sát và tác ý nhiếp lạc nhiếp. Một

hiện quán do tác ý xa lìa, tác ý nhiếp lạc, tác ý gia hạnh cứu cánh nhiếp. Một hiện quán do tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp. Tác ý còn lại nên biết hiện quán đẳng lưu nhiếp, chẳng phải hiện quán nhiếp, đó là tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải.

Hỏi: Hiện quán nào nhiếp trí không ngăn mé và thiện căn thuận phần quyết trạch?

Đáp: Chẳng phải các hiện quán nhiếp, nên biết là hiện quán đẳng lưu.

Hỏi: Các Tư hiện quán cũng là Tín hiện quán ư? Giả sử Tín hiện quán cũng là Tư hiện quán ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có Tư hiện quán chẳng phải Tín hiện quán, đó là trừ quyết định tư duyên Tam Bảo, quyết định tư các duyên còn lại. Hoặc có Tín hiện quán chẳng phải Tư hiện quán, đó là tín thành tựu do văn-tu duyên Tam Bảo. Hoặc có Tư hiện quán cũng là Tín hiện quán, đó là quyết định tư duyên Tam Bảo. Trừ tướng trên là câu thứ tư. Do đạo lý đây, nên biết các hiện quán còn lại cũng tác bốn câu. Lại có vô lượng đạo lý một hành thuận tiền cú, thuận hậu cú, thuận tứ cú... nương *Thanh văn địa* quyết trạch đạo lý cần nên rõ biết.

Lại nữa, *cấu* cùng *xan* hợp lại gọi là *xan cấu*. Do 8 chủng *cấu* ướ vẫn đục tâm tương tục năng làm chỗ nương tựa yên ổn cho *xan*, cho nên gọi kia là *cấu xan*. Sao gọi là tám? 1. Ở trước không thường xuyên tu tập hạnh huệ thí; ở hiện pháp quý trọng tiền của vật thực; 2. Rất ái luyến quý trọng thân mạng, không nghĩ có đời sau; 3. Thường cộng trú với người có tánh keo lẩn và học theo thói của kia; 4. Thấy các ruộng thí đều không có công đức thù thắng và không tư duy chọn lựa ruộng phước; 5. Không thường xuyên tu tập từ bi và không thấy đức thù thắng của kia; 6. Vì luôn có thói quen nghĩ như vậy: “Làm ra tài bảo thật khó khăn”, nên sanh lười biếng cùng với giải đãi; 7. Chấp thủ nơi các kiến và cho đó là huệ xả, có tạp nhiễm điều ấy; 8. Mong cầu có được tài bảo để hành huệ thí và hưởng đến mong cầu kia.

Lại nữa, có 5 chủng hạnh gọi là điều thiện: 1. Hạnh chiêu cảm sự giàu sang: tánh thí là sự nghiệp phước; 2. Hạnh chiêu cảm đi vào các nẻo thiện: tánh giới là sự nghiệp phước; 3. Hạnh chiêu cảm không khổ: tánh tu là sự nghiệp phước; 4. Hạnh chiêu cảm nghĩa lợi mình là đạo Thanh

văn, Độc giác; 5. Hạnh chiêu cảm nghĩa lợi người là đạo Bồ-tát.

Để thành tựu kia nên tu 5 tướng: 1. Ở trong các dục, tu tướng bất tịnh; 2. Ở nơi thân mạng mình, tu tướng chóng hoại diệt; 3. Ở trong Dục giới, tu tướng hãi sợ; 4. Ở trong các hành, tu tướng vô thường; 5. Đối với chúng sanh, tu tướng ai mẫn.

Lại nữa, nay giải thích *Kinh Đề Hồ Dụ*.

Sao gọi là liễu tri Khế kinh cho đến Luận nghị? Lược có 5 tướng: 1. Vì liễu tri giả danh; 2. Vì liễu tri nhiếp thọ; 3. Vì liễu tri thứ lớp; 4. Vì liễu tri thánh giáo; 5. Vì liễu tri chỗ nương.

Liễu tri giả danh: năng rõ biết pháp môn sai biệt, danh tướng thi thiết.

Liễu tri nhiếp thọ: năng rõ biết danh thân, cú thân, văn thân, do đây tuyên thuyết pháp môn sai biệt.

Liễu tri thứ lớp: năng rõ biết sở hữu thứ lớp từ pháp môn này đến pháp môn kia, từ câu này đến câu kia.

Liễu tri thánh giáo: năng rõ biết pháp môn như vậy do Như Lai sở thuyết, hoặc do đệ tử thuyết, hoặc do người tại gia thuyết, hoặc do

người xuất gia thuyết.

Liễu tri chỗ nương: năng rõ biết pháp môn như vậy nương tự lợi mà thuyết, pháp môn như vậy nương lợi tha mà thuyết, pháp môn như vậy cho đến vì lợi ích an lạc trời người mà thuyết.

Như vậy gọi là lược do 5 tướng liễu tri Khế kinh cho đến Luận nghị.

Sao gọi là liễu tri ngữ nghĩa của kia? Cũng do 5 tướng: 1. Vì liễu tri duyên khởi; 2. Vì liễu tri cú sai biệt; 3. Vì liễu tri thứ lớp; 4. Vì liễu tri đạo lý; 5. Vì liễu tri nghĩa tóm lược.

Liễu tri duyên khởi: năng rõ biết ở nơi một phần đối tượng được giáo hóa nên dẫn dạy bằng nghĩa hiển rõ, cho đến ở nơi một phần đối tượng được giáo hóa nên dẫn dạy bằng nghĩa vui mừng.

Liễu tri cú sai biệt: năng rõ biết môn sai khác, tướng sai khác, giáo huấn, giải thích, ngôn từ, phẩm loại sai khác.

Liễu tri thứ lớp: năng rõ biết thứ lớp giải thích, thứ lớp thành lập, thứ lớp viên mãn.

Liễu tri đạo lý: năng rõ biết 4 chủng đạo lý: 1. Quán đāi đạo lý; 2. Chứng thành đạo lý; 3. Tác dụng đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

Liễu tri nghĩa tóm lược: năng rõ biết đây là lời tương ưng uẩn; đây là lời tương ưng giới xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ chân thật; đây là lời tương ưng niệm trụ cho đến đây là lời tương ưng tám Thánh đạo chi; đây là lời tương ưng nghiệp; đây là lời tương ưng phiền não; đây là lời tương ưng tăng thượng giới học...

Lại nữa, sao là biết thời? Do 5 tướng: 1. Vì thông đạt tạp nhiễm đang hiện tại tiền; 2. Vì thông đạt tạp nhiễm sắp hiện tại tiền; 3. Vì thông đạt vị không nhiễm ô; 4. Vì đẳng khởi tác ý đối trị; 5. Vì tác ý đối trị.

Lại nữa, sao gọi là biết lượng? Đó là ở nơi việc ăn, uống, nhai, nuốt... cho đến nói rộng. Trong đây lược thuyết 2 chủng tánh thuận theo đoạn: 1. Tánh thuận theo giữ gìn: khéo biết lượng trong việc ăn, uống, nhai, nếm thử; 2. Tánh thuận theo tinh tấn: khéo biết lượng trong việc hoặc đi, hoặc đứng... cho đến nói rộng.

Trong đây, sao gọi là khéo biết lượng trong việc ăn...? Tức là đều khéo biết lượng trong việc thọ nhận và thọ dụng.

Khéo biết lượng trong việc thọ nhận: tức là ở

thời đây nên thọ, từ đây nên thọ, vật đây nên thọ, ngang đây nên thọ. Lúc nào nên thọ? Phần đầu ngày, vì lúc đây được thọ dụng. Từ đâu nên thọ? Trừ 5 chỗ không được đi đến. Vật nào nên thọ? Vật thanh tịnh mà Như Lai cho phép, trừ thịt, rượu... vật không nên ăn, không nên uống. Ngang đâu nên thọ? Biết lượng mà thọ, đừng để tổn mình, tổn người.

Khéo biết lượng trong việc thọ dụng: tức là như vật thực đã thọ nhận, vào lúc đây có thể thọ dụng (như trước đã thuyết thì phần đầu ngày là lúc thọ dụng). Chốn nào có thể thọ dụng? Chốn yên ổn, hoặc ở đạo tràng, hoặc ở thôn xóm. Vật nào nên thọ dụng? Vật thanh tịnh... như trước đã thuyết. Ngang đâu nên thọ dụng? Khéo biết lượng khi thọ dụng, đừng quá đói lả, đừng trái với tùy thuận đoạn, đừng khiến tứ đại sanh khởi rối loạn.

Sao gọi là ở nơi siêng tinh tấn khéo biết lượng? Tức là ở lúc đây, xứ đây, sự đây, ngang đây nên siêng tinh tấn. Ở lúc nào nên siêng tinh tấn? Tức là lúc nên đi thì đi, cho đến lúc nên ngủ nghỉ thì ngủ nghỉ. Chốn nào nên siêng tinh tấn? Hoặc ở rừng a-lan-nhã, hoặc ở đạo tràng, hoặc ở nội viện,

hoặc chỗ kinh hành, nên tu tinh tấn. Ở nơi sự nào nên tu tinh tấn? Tức là cần đi cần đứng, cho đến cần ngủ nghỉ giải lao để xả mỗi mệt. Ngang đâu nên tu sở hữu tinh tấn? Khéo biết lượng mà tu tinh tấn, đừng nhân đây khiến chìm quá, hay cao hứng quá.

Lại nữa, sao gọi là khéo biết chúng Sát-đế- lợi? Khéo biết rõ chúng Sát-đế- lợi danh như vậy, chủng tánh như vậy, dòng tộc như vậy, ăn như vậy, cho đến thọ lượng giới hạn như vậy. Như vậy khéo biết hết thấy chúng trưởng giả, cư sĩ cũng vậy.

Sao gọi là khéo biết chúng Sa-môn? Năng khéo biết kia có tên gọi như vậy, đây là thiếu niên, đây là trưởng niên, đây là lão niên, đây là người trì kinh, cho đến đây là người năng trì luận, đây là thầy Du-già...

Lại nữa, sao gọi là khéo biết đây là nơi ta nên đến đi, cho đến nên im lặng? Nếu nói lược vì đây nên đi đến, cho đến nên im lặng; như đây nên đi đến, cho đến nên im lặng.

Vì việc gì nên đến chúng tại gia, cho đến nên im lặng? Hoặc vì khát thực các vật nuôi thân. Hoặc vì khiến người chưa tín được tín, đã tín khiến tăng

trưởng. Hoặc vì thăm hỏi vấn an người trọng bệnh, gặp các khổ bức bách. Hoặc vì khai tỏ, giải thông những người sâu ưu. Hoặc vì triển chuyển khiến người oán đối, đấu tranh với nhau được hòa hảo. Hoặc vì tùy thuận việc làm của người. Hoặc vì được người khuyến thỉnh. Hoặc vì thuận theo thân giáo, quy phạm, đồng phạm hạnh. Hoặc vì làm việc của Tăng... cho nên cần phải đi đến, cho đến nên im lặng.

Sao gọi là khéo biết như đây nên đi? Tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết. Sao gọi là khéo biết như vậy nên đứng? Đã đi đến trước cửa nhà người rồi, không nên vào liền, không đi ở giữa cửa, phải đi lệch qua một bên. Quán sát nếu không có nghi, sau mới thông thả bước vào đến nơi cần gặp, an trụ oai nghi đứng. Trước dùng lời thăm hỏi, dung nhan tươi vui, xa lìa nhãn nhó mới dùng lời thân ái trình bày. Sao gọi là khéo biết như đây nên ngồi? Như Phật đã khai mở cho phép tùy chỗ thích hợp như pháp mà ngồi, dụng chánh oai nghi đoan nghiêm mà ngồi. Sao gọi là khéo biết nên như vậy nói? Khéo rõ biết như thời, như lý, như lượng, chất trực tịch tĩnh mà nói.

Thời có 3 chủng: 1. Vui nghe, chẳng phải không vui nghe. Không vui nghe là như có người hoặc bị đói, hoặc bị khát, hoặc thân mỗi mệt, hoặc bị gió, nóng bức bách...; 2. Như pháp an trụ oai nghi, không được phi oai nghi. Như có người muốn vui nghe mà đứng là phi oai nghi. Phi oai nghi là không được đứng thuyết cho người đang ngồi, trừ người kia bị bệnh nặng. Tướng đây trong kinh Biệt giải thoát đã rộng thuyết; 3. Tâm không nhiễm nã, không được có tâm nhiễm nã. Tâm nhiễm nã là như có người tâm hốt hoảng quẩn bách, đối với việc nghe kia càng tăng thêm khó nhọc, hoặc tán loạn, hoặc mờ tối, hoặc hoảng hốt, hoặc bị người sai khiến, hoặc kẻ gây nghiệp, hoặc kẻ giết hại, hoặc kẻ địch, hoặc kẻ oán.

Lý có 3 chủng: tức là được cầu thỉnh, như pháp cầu thỉnh, như lượng cầu thỉnh, mới vì tuyên thuyết. Như pháp mà thuyết: vì nghĩa lợi mà thuyết.

Do 3 chủng tướng như lượng: 1. Không tạp, không loạn mà có sở thuyết; 2. Tuyên thuyết chánh pháp văn câu viên mãn; 3. Phạm chỗ tuyên thuyết không nặng ngôn từ, tức là không nặng dùng sở hữu ngôn từ để thuyết; nếu có lời nói không dụng

phi nghĩa, ở nơi phi nghĩa đây còn chẳng dụng ít, hà huống dụng nhiều.

Tịch tĩnh cũng có 3 chủng: 1. Oai nghi tịch tĩnh: các căn tịch tĩnh, không rối loạn cũng không cao cử, chi phần chẳng động thì mới thuyết; 2. Ngôn âm tịch tĩnh: khi sở thuyết âm thanh không quá lớn, không quá gấp vội; 3. Tâm tịch tĩnh: tuy bị xúc não cũng không sanh tức giận mà thuyết, huống là không bị xúc não, tâm không nhiễm ô mà thuyết.

Lời thuyết chất trực cũng có 3 chủng: dùng lời thuyết đúng thời, lời thuyết hợp lẽ cho đến lúc thuyết tịch tĩnh. Hoặc do tập quen từ trước, tánh giữ gìn nhuần nhuyễn mà thuyết. Hoặc trong hiện pháp thường tu tập tác ý gia hạnh mà thuyết. Hoặc do vui thích học xứ, dùng lực tư trạch tự điều phục mới có thể thuyết. Ở tất cả thời không giả dối hư vọng, hoặc ẩn hoặc hiển, lời nói không hai.

Sao gọi là khéo biết nên im lặng? Tức là khéo rõ biết ở 5 lúc nên im lặng: 1. Lúc đang thuyết, nếu người nghe hiện tướng nói năng tạp loạn, cố ý nói sang việc khác, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 2. Lúc đang thuyết, nếu người nghe kia ngắt

lời: “Ta không muốn nghe”, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 3. Lúc đang thuyết, nếu người nghe khởi tâm cầu vượt quá, phát lời tranh tụng hiện tướng chống trái, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 4. Thí chủ đem y phục, thức ăn... đến thừa thỉnh, bấy giờ người thọ nên im lặng mà hứa khả; 5. Có kẻ địch luận đến hiện tướng so tài, bấy giờ người thuyết nên im lặng lắng nghe kia nói.

Lại nữa, do 3 tướng nên tự rõ biết đã có tâm tín, cho đến là thiện nam tử: 1. Do chỗ nương; 2. Do tự tánh; 3. Do thời phần.

Do chỗ nương nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết sự việc ấy là chỗ nương của tín, tín duyên kia sanh, nên biết sự việc kia quyết định là chỗ đáng nương.

Do tự tánh nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết chỗ có tín phẩm hạ, trung, thượng sai biệt.

Do thời phần nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết ta ở thời nọ đã được tín. Như rõ biết tín, thì giới... biện... về sau đều nên rõ biết. Trong đây tín là chi thú nhập; giới là đã nhập chi Xa-ma-tha; văn là chi Tỳ-bát-xá-na; xả là tư lương chi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; tuệ bên trong do tư mà

thành và thuận theo người dạy trao dạy răn là năng nhiếp thọ chi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Nương đây nên chứng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na và năng chứng đắc quả Sa-môn. Ở nơi các nghĩa thâm sâu vi tế mà mình chứng đắc, có người muốn biết nhưng sanh nghi hoặc, vì đoạn nghi của người nên như điều sở chứng của mình vì họ tuyên thuyết. Lại vì hàng phục các luận đối địch nên phải biện trạch. Lại lúc người phát khởi thân ngữ tà hạnh, cần tu tập nhiếp lấy tánh thiện nam tử nhu hòa nhân nhục.

Lại nữa, do 3 nhân duyên phát sanh bất tín: 1. Do không chánh biết công đức Tam Bảo; 2. Do hành kiến ngoại đạo; 3. Do chưa gặp một trong ba chủng thần biến của chư Phật và Thánh đệ tử khiến được điều phục.

Lại nữa, do 3 nhân duyên không thể đến ở chốn tịch tĩnh: 1. Vì chấp chặt phóng dật cùng với giải đãi; 2. Vì nhiều sự nghiệp; 3. Vì tin tưởng thuận theo người.

Lại nữa, do 3 nhân duyên tánh không lui tới giao thiệp tốt với người: 1. Vì tánh không sợ; 2. Vì tánh cao mạn; 3. Vì nương vẫn tự.

Do 3 nhân duyên tánh không thân cận tốt với người: 1. Vì tánh không khéo giao tiếp; 2. Vì tánh ruộng phi phước; 3. Vì không thật vui muốn.

Do 3 nhân duyên tánh không thưa hỏi thân thiện với người: 1. Vì ở nơi pháp bất thiện; 2. Vì ở nơi nghĩa bất thiện; 3. Vì ở nơi cả hai bất thiện trên.

Do 3 nhân duyên không thể lắng tâm nghe: 1. Vì nhiều tầm tứ; 2. Vì nhiều công việc; 3. Vì nhiều triền cái tạp nhiễm tâm.

Do 3 nhân duyên tánh không thể quyết định giữ gìn: 1. Vì không lắng nghe; 2. Vì lắng nghe điều ác; 3. Vì tuệ, thắng tuệ bị khuất lấp.

Do 3 nhân duyên tánh không thể quán sát các pháp: 1. Vì vui đắm hý luận; 2. Vì vui thích nơi ồn náo; 3. Vì không thành tựu tuệ quán sát thẳm sâu.

Do 3 nhân duyên tánh không thể tùy pháp hành pháp: 1. Vì đoái tiếc thân mạng; 2. Vì đoái tiếc thân mạng lực tăng thượng, nên vui tham trước lợi dưỡng; 3. Vì vui đắm cung kính.

Do 3 nhân duyên không vui tu hành hạnh lợi tha: 1. Vì tánh là chủng tánh hạ liệt; 2. Vì bi mỏng yếu; 3. Vì không có thế lực.

Như vậy tướng phẩm bạch thì trái với các tướng trên.

Lại nữa, các Thánh đệ tử chẳng phải một chủng mà chủng chủng du hý quán sát các chốn kỳ lạ, đó là du hý quán sát sông biển, du hý quán sát núi hang, du hý quán sát quý thú. Hết thấy loại như vậy là chủng chủng sự du hý quán sát khá có thể được.

Hỏi: Do nhân duyên nào các đại Thanh văn đã đắc thần thông mà đến quý thú để hỏi các quý về nghiệp báo đời trước của chúng, vì tự trừ nghi hay vì nhiều ích chúng sanh? Nếu vì tự trừ nghi thì không đúng đạo lý đối với người đã đắc thần thông? Nếu vì nhiều ích chúng sanh thì nên thuyết nhiều ích chúng sanh thế nào?

Đáp: Vì nhiều ích chúng sanh. Tức là muốn nhiều ích các ngã quý đây và các chúng sanh khác. Vì cơ sao? Do lực thần thông khiến các ngã quý tự nhớ nhiều đời trước, tự nói ác nghiệp sâu nặng mà thân xưa kia đã gây tạo, nên sanh nhằm chán hối hận. Nhân đây vì chúng thuyết pháp khiến lãnh ngộ, cho nên nhanh chóng lìa quý thú. Như vậy gọi là nhiều ích các quý. Các đại Thanh văn đã đắc

thần thông, nghe kia nói về chủng chủng ác nghiệp đời trước thọ quả địa ngục không đáng vui thích, liền trở lại nhân gian triển chuyển dạy bảo. Người được nghe rồi sanh tâm chán lìa, đoạn ác tu thiện. Như vậy gọi là lợi ích chúng sanh khác.

Lại nữa, do 6 chủng tướng nên biết các sắc Dục hành gọi là thô. Sao gọi là 6 tướng nên nói kia là thô? 1. Chúng nhiều nên thô; 2. Trì nặng nên thô; 3. Bất tịnh nên thô; 4. Cang cường nên thô; 5. Biến hoại nên thô; 6. Không tùy tâm chuyển nên thô.

Ở địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Lại phần *Độc giác địa*, văn quyết trạch cũng không hiển nói thêm.



Quyển 72

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Thanh văn địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Bồ-tát địa**. Đó là như đã thành lập chủng tánh Thanh văn, nên biết thành lập chủng tánh Bồ-tát cũng lại như vậy.

Lại nữa, có 10 phát tâm: 1. Phát tâm thế tục thọ; 2. Phát tâm đặc pháp tánh; 3. Phát tâm không quyết định; 4. Phát tâm quyết định; 5. Phát tâm không thanh tịnh; 6. Phát tâm thanh tịnh; 7. Phát tâm yếu kém; 8. Phát tâm mạnh mẽ; 9. Phát tâm chưa thành quả; 10. Phát tâm đã thành quả.

Phát tâm thế tục thọ: là sở hữu phát tâm của các Bồ-tát chưa nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh.

Phát tâm đặc pháp tánh: là sở hữu phát tâm của các Bồ-tát đã nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh và các Thanh văn hồi hướng Bồ-đề.

Phát tâm không quyết định: là sở hữu phát tâm chẳng phải chủng tánh của kia. Giả sử là chủng

tánh kia cũng trở lại thối thất pháp.

Phát tâm quyết định: trái với tướng phát tâm không quyết định.

Phát tâm không thanh tịnh: như có người hoặc bị người chuyển, hoặc bị lấn hiếp bức bách không xét không lường, hoặc sợ nạn vua, hoặc sợ nạn giặc, hoặc sợ nạn quý, hoặc sợ thối chuyển, hoặc vì kế sống, hoặc vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính, hoặc vì gian dối... Hết thấy loại như vậy mà phát tâm, đều gọi là phát tâm không thanh tịnh.

Phát tâm thanh tịnh: trái với tướng phát tâm không thanh tịnh.

Phát tâm yếu kém: như có người đã phát tâm Bồ-tát, nhưng bị tham sân si triền che lấp nên xả chánh hạnh, hành tà hạnh.

Phát tâm mạnh mẽ: trái với tướng phát tâm yếu kém.

Phát tâm chưa thành quả: là sở hữu phát tâm của Bồ-tát từ Thắng giải hành địa cho đến địa thứ mười.

Phát tâm đã thành quả: là sở hữu phát tâm ở Như Lai địa. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giải thoát vượt qua hạnh khó hành. Ta đã cực khéo giải thoát

vượt qua hạnh khó hành, tự viên mãn chánh nguyện, cũng khiến người khác hướng đến chứng đắc Bồ-đề”.

Mười phát tâm đây, bao nhiêu nhiệm ô, bao nhiêu không nhiệm ô đã quyết trạch rộng nên không hiển nói lại.

Lại nữa, Bồ-tát phải nên thường hằng tùy hộ bốn chủng tâm: 1. Tâm thành tựu do văn và tư; 2. Tâm bi; 3. Tâm tư lương; 4. Tâm thành tựu do tu.

Lại nữa, Bồ-tát có chín chánh hạnh nương tự nghĩa cùng với tha nghĩa: 1. Chánh hạnh ở trong sanh tử; 2. Chánh hạnh đối với hữu tình; 3. Chánh hạnh ở nơi tự thân; 4. Chánh hạnh đối với các dục; 5. Chánh hạnh ở nơi thân ngữ ý nghiệp; 6. Chánh hạnh ở nơi không được tổn não hữu tình; 7. Chánh hạnh ở nơi không gián đoạn tu thiện pháp; 8. Chánh hạnh ở nơi nội tâm Xa-ma-tha; 9. Chánh hạnh ở nơi pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở trong sanh tử? Như người bệnh đối với thuốc cay đắng ở nơi các sở hữu bệnh.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh đối với các hữu tình? Như lương y đối với người có bệnh.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi tự thân? Như bậc gia trưởng khéo léo đối với trẻ nhỏ chưa trưởng thành.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh đối với các dục? Như thương chủ đối với tiền của hàng hóa lúc đi trên đường .

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi thân ngũ ý nghiệp? Như người giặt đồ đối với các y phục bị dơ bẩn.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi không được tổn nã hữu tình? Như cha lành thương con nhỏ bồng bế trên đùi mình, mặc trẻ đại tiểu tiện.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi không gián đoạn tu các thiện pháp? Như người cầu lửa ra công sức dùi cây lấy lửa.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi nội tâm Xa-ma-tha? Như người chủ năng trao gửi tài bảo cho người có thể giao phó.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na? Như người giỏi huyền thuật đối với các sự huyền.

Văn quyết trách còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, hoặc có lúc ở trong 5 chủng hữu tình

mà phát khởi tà hạnh, được gọi là không ai miễn, không có thương cảm: 1. Đối với người khát cầu; 2. Đối với người gặp nguy ách; 3. Đối với người có ân; 4. Đối với người vui nơi các việc; 5. Đối với người vui nơi pháp.

Đối với người khát cầu lược có 5 chủng: 1. Cầu ăn uống; 2. Cầu y phục; 3. Cầu phòng nhà; 4. Cầu thuốc trị bệnh, vật dụng; 5. Cầu cứu hộ.

Đối với người gặp nguy ách cũng có 5 chủng: 1. Người khó khăn thiếu thốn; 2. Người bị mê loạn; 3. Người đến quy y; 4. Người gửi nhờ giao phó; 5. Người đến gặp gỡ thân cận.

Đối với người có ân cũng có 5 chủng: 1. Mẹ; 2. Cha; 3. Vợ con; 4. Tôi trai, tớ gái; 5. Bạn hữu, huynh đệ, quyến thuộc, tế quan...

Đối với người vui nơi các việc cũng có 5 chủng: 1. Vui do vừa ý nơi sự nghiệp được hưng thịnh; 2. Vui do vừa ý nơi sự nghiệp được hưng thịnh không tổn thất ly tán; 3. Vui do vừa ý với thời tiết dễ chịu, xa lìa khổ nóng bức; 4. Vui do thoát khỏi bệnh tật mệt mỏi; 5. Vui do ham thích cầu thăng tiến.

Đối với người vui nơi pháp cũng có 5 chủng: 1.

Vui thuyết chánh pháp; 2. Vui thọ trì đọc tụng; 3. Vui luận nghị quyết trách; 4. Vui dạy răn dạy trao; 5. Vui tùy pháp hành pháp.

Trong đây, tà hạnh tức là ở nơi những điều ấy hoặc vì tác gia hạnh, hoặc vì không tác gia hạnh, hoặc vì gia hạnh không nhiều ích, hoặc vì gia hạnh không tổn không ích, nên biết là các tướng kia.

Lại nữa, trong hữu tình có 5 chủng tánh chẳng kham nhiệm. Nếu các hữu tình thành tựu tánh đây, chư Phật Như lai còn khó hóa độ, huống chư Bồ-tát hay các bậc khác. Chư Phật Như Lai tuy vui muốn làm nghĩa lợi cho kẻ kia, nhưng kẻ kia không thể lãnh thọ những điều có nghĩa lợi lạc, ngược lại năng làm chướng ngại, huống chư Bồ-tát hay các bậc khác. Những gì là năm? 1. Ở nơi thanh tịnh, tánh không kham nhiệm; 2. Ở nơi gia hạnh, tánh không kham nhiệm; 3. Ở nơi quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm; 4. Ở nơi gia hạnh và quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm; 5. Ở nơi nhiếp thọ nhiều ích, tánh không kham nhiệm.

Ở nơi thanh tịnh, tánh không kham nhiệm: Như có người bản tánh không có pháp Niết-bàn.

Ở nơi gia hạnh, tánh không kham nhiệm: Như

có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục đã chín muồi, ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, trong hiện pháp không thể kham năng tu tập phương tiện chân chánh.

Ở nơi quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm: Như có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục chưa chín muồi, không tạo tác không tích tập nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, không có công năng thành tựu quả kia.

Ở nơi gia hạnh và quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm: Như có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục chưa chín muồi, ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, cũng không thể kham nhiệm.

Ở nơi nhiếp thọ nhiều ích, tánh không kham nhiệm: Như có người ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng quyết định chiêu cảm thọ bản cùng thiếu thốn khổ não. Do nhân duyên đây, trong hiện pháp chẳng thể giàu có, thiếu thốn, không an vui.

Trái với các tướng đây, nên biết 5 chủng tánh

năng kham nhiệm.

Lại nữa, nếu muốn liễu tri chân thật nghĩa, trước cần liễu tri lược có 5 chủng sự. Ớt-Đà-Nam nói:

*Nêu chung, phân biệt riêng
Hữu, thật, sự thể tục
Hoặc sanh, hoặc khác thấy
Tướng, hành thấy, sắc thấy.*

Sao gọi là 5 sự? 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Tướng là gì? Nếu nói lược thì sở hữu nói bàn đặt để cho sự việc ở nơi đó.

Danh là gì? Chỗ có thêm lời ở nơi các tướng.

Phân biệt là gì? Sở hữu tâm, tâm sở trong hành của ba cõi.

Chân như là gì? Chỗ hiển pháp vô ngã, sở hành thánh trí, chẳng phải tất cả nói bàn mà năng đặt để được.

Chánh trí là gì? Lược có 2 chủng: 1. Chỉ là chánh trí xuất thế gian; 2. Chánh trí thế gian, xuất thế gian.

Sao nói chỉ là chánh trí xuất thế? Do trí đây

nên Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát... thông đạt chân như. Lại do trí đây nên chư Bồ-tát khéo tu phương tiện ở nơi năm minh xứ. Vì nhiều trụ tất cả biến hành chân như trí như vậy, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn sở tri chướng thanh tịnh...

Sao nói là chánh trí thế gian, xuất thế gian? Thanh văn, Độc giác dùng chánh trí ban đầu thông đạt chân như rồi, do đây về sau sở đắc chánh trí thế gian, xuất thế gian; ở trong các an lập đế, khiến tâm nhàm sợ quá hoạn của ba cõi, yêu thích vị tịch tĩnh của ba cõi. Lại do phần nhiều an trụ chánh trí đây, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn phiền não chướng thanh tịnh.

Lại tức trí đây chứng đắc nghĩa chưa từng đắc, gọi là xuất thế gian; nghĩa duyên tướng ngôn thuyết làm cảnh giới, cũng gọi là thế gian, cho nên nói là thế gian, xuất thế gian. Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Ta thuyết có trí thế gian, có trí xuất thế gian, có trí thế gian xuất thế gian”. Nếu trí nhiếp thuộc phân biệt, chỉ gọi là thế gian. Nếu trí nhiếp thuộc chánh trí ban đầu, chỉ gọi là xuất thế gian. Nếu trí nhiếp thuộc chánh trí thứ hai, thì thông cả thế gian xuất thế gian.

Hỏi: Tướng nên nói là có chăng? Nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Vì tự tánh sai biệt giả lập mà kiến lập, như vậy nên nói là có chăng?

Đáp: Như vậy nên nói không.

Hỏi: Vì như phân biệt cảnh sở hành, như vậy nên nói có ư?

Đáp: Như vậy nên nói có. Bởi Bồ-tát được khéo léo ở nơi tướng tánh Có, nên ở trong các tướng khéo ký biệt là có, khéo ký biệt là không, khéo ký biệt là cũng có cũng không, khéo ký biệt là chẳng phải có chẳng phải không. Bồ-tát do khéo ký biệt sai khác như vậy, nên xa lìa hai biên tăng ích-tổn giảm, hành nơi trung đạo, khéo thuyết pháp giới.

Hỏi: Tướng đây dụng nghĩa ngôn thuyết nên nói là có ư? Dụng nghĩa lìa ngôn thuyết nên nói là có ư?

Đáp: Đều do hai nghĩa nên nói là có. Vì có sao? Nếu như lời nói an lập xứ đây, như vậy dụng nghĩa ngôn thuyết nên nói là có. Nếu như tự tánh sai biệt giả lập nghĩa chẳng thành tự, như vậy

dụng nghĩa là ngôn thuyết nên nói là có.

Như tướng, thì danh phân biệt cũng vậy.

Hỏi: Chân như, chánh trí nên nói là có chăng, nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Tướng nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Trong hành thật có, nên nói thật có. Trong hành giả có, nên nói giả có. Các hành có tướng cũng có cả hai chủng.

Hỏi: Danh nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là giả có, vì chỉ ở nơi tướng mà giả thi thiết.

Hỏi: Phân biệt nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Hai chủng đều có.

Hỏi: Chân như nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói thật có, vì nhiếp thẳng nghĩa vậy.

Hỏi: Chánh trí nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói đều có. Trong đây trí là thật có. Nếu quyển thuộc của trí, như các tâm, tâm sở, cũng là trí mà gọi là giả có. Cho nên nói có cả hai.

Hỏi: Tướng nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do hai nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí.

Hỏi: Danh nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do 3 nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí; 3. Vì chỗ nương của sự nói năng bàn luận.

Hỏi: Phân biệt nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do 4 nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí; 3. Vì ngôn thuyết tùy miên; 4. Vì ngôn thuyết tùy giác.

Hỏi: Chân như nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thắng nghĩa có. Đó là cảnh sở duyên tánh thanh tịnh.

Hỏi: Chánh trí nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Chánh trí thứ nhất nên nói là thắng nghĩa có. Chánh trí thứ hai nên nói đều có.

Hỏi: Tướng nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do tướng sanh và phân biệt trước sanh.

Hỏi: Danh nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do dục của bổ-đặc-già-la sanh.

Hỏi: Phân biệt nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói phân biệt sanh và tướng sanh.

Hỏi: Chân như nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói không sanh.

Hỏi: Chánh trí nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý, nên chánh trí được sanh.

Hỏi: Tướng và danh nên nói là khác, hay nên nói là không khác?

Đáp: Điều không thể nói. Vì cơ sao? Nếu nói khác hay không khác đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: tức danh lẽ là thật có. Lỗi nếu cho là không khác: tức khi nắm lấy tướng lẽ cũng nắm lấy danh.

Hỏi: Tướng và phân biệt nên nói là khác, hay nên nói không khác?

Đáp: Điều không thể nói. Vì cơ sao? Nếu nói

khác hay không khác thấy đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: tức phân biệt lẽ chẳng phải tướng làm tánh. Lỗi nếu cho là không khác: loại trừ bên ngoài sở hữu các tướng phân biệt, lẽ lấy phân biệt làm tánh.

Hỏi: Tướng và chân như nên nói là khác, hay nên nói là không khác?

Đáp: Đều không thể nói. Vì có sao? Thấy đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: thắng nghĩa của các tướng lẽ chẳng phải tức chân như. Lại như người tu quán, lẽ xả bỏ các tướng, riêng cầu chân như. Lại lúc ở nơi chân như đắc chánh giác, không lẽ ở nơi tướng cũng đắc chánh giác. Lỗi nếu cho là không khác: như chân như không sai biệt, tất cả tướng cũng lẽ không sai biệt; lại lúc đắc tướng, lẽ phải đắc chân như; lại lúc đắc chân như cũng như đắc tướng, nên không thanh tịnh.

Như các hành trên, thì cộng tướng của vô thường, khổ, vô ngã tuy lại là có, mà không thể nói các hành cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Lại như thân tâm thô trọng và khinh an, tuy lại là có mà không thể nói thân tâm cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Lại như trong pháp, chủng tử

thiện ác vô ký tuy có, mà không thể nói các pháp cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Vì cơ sao? Nếu nói khác hay không khác, thấy đều có lỗi.

Lại như hư không đầy khắp tất cả, ở các sắc xứ tuy có hư không, mà không thể nói các sắc cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Vì cơ sao? Nếu nói khác, không khác thấy đều có lỗi. Lỗi nếu nói khác: tức vì hư không chẳng khắp ở tất cả, nên hư không lẽ là vô thường. Lỗi nếu nói không khác: thì lìa sắc, hư không lẽ không chỗ có. Trong đạo lý đây, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Trong Thanh văn thừa, có chỗ Thế Tôn nương các hành hiển thị ký biệt đạo lý không khác cũng chẳng phải không khác, như nói Bí-sô: “Thủ chẳng phải tức là uẩn, cũng chẳng lìa uẩn”. Trong đây đục tham gọi là thủ. Lỗi nếu cho là không khác: tức phỉ báng trong uẩn, pháp thiện, vô ký không thanh tịnh. Lỗi nếu cho là khác: tức ở trong các thủ tánh thường tăng thêm không được thanh tịnh.

Như đạo lý tướng và chân như không khác chẳng phải không khác, thì danh, phân biệt, chánh trí và chân như nên biết cũng vậy.

Hỏi: Tướng và chánh trí nên nói là khác, hay

không khác?

Đáp: Như tướng và phân biệt, đều không thể nói.

Hỏi: Danh và phân biệt nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Danh và chánh trí nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Phân biệt và chánh trí nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Tướng có tướng thế nào?

Đáp: Tướng sở hành phân biệt.

Hỏi: Danh có tướng thế nào?

Đáp: Tướng nương tựa lời nói bàn luận.

Hỏi: Phân biệt có tướng thế nào?

Đáp: Tướng là tướng sở hành.

Hỏi: Chân như có tướng thế nào?

Đáp: Tướng sở hành của chánh trí.

Hỏi: Chánh trí có tướng thế nào?

Đáp: Chân như là tướng sở hành.

Hỏi: Tướng có tướng hành thế nào?

Đáp: Tướng đây có chủng chủng tướng hành, vô lượng tướng hành. Do nương phân biệt nên có chủng chủng vô lượng tướng hành: tướng sắc, tướng tâm, tướng tâm sở hữu, tướng tâm bất tương ưng hành, tướng vô vi, tướng uẩn, tướng giới, tướng xứ, tướng duyên khởi, tướng xứ phi xứ, tướng căn, tướng đế, tướng niệm trụ, tướng chánh đoạn, tướng thân túc, tướng căn, tướng lực, tướng giác chi, tướng đạo chi, tướng dấu tích hành, tướng dấu tích pháp, tướng Xa-ma-tha, tướng Tỳ-bát-xá-na, tướng cử, tướng xả, tướng duyên, tướng nương, tướng địa, tướng thủy, tướng hỏa, tướng phong, tướng không, tướng thức, tướng thế giới này, tướng thế giới kia, tướng mặt trời, tướng mặt trăng, tướng địa ngục, tướng bàng sanh, tướng nga quý, tướng người, tướng chúng Tứ đại vương thiên, tướng Tam thập tam thiên, tướng Dạ-ma thiên, tướng Đổ-sử-đa thiên, tướng Lạc hóa thiên, tướng Tha hóa tự tại thiên, tướng Sơ tinh lục, tướng Đệ nhị tinh lục, tướng Đệ tam tinh lục, tướng Đệ tứ tinh lục, tướng Không vô biên xứ, tướng Thức vô biên xứ, tướng Vô sở hữu xứ, tướng Phi tướng phi phi tướng xứ, tướng khởi, tướng tận, tướng hữu, tướng phi hữu, tướng tạp

niêm, tướng thanh tịnh, tướng kiến-văn-giác-tri, tướng đã đắc tâm cầu, tướng tâm tùy tâm tứ... Hết thấy loại như vậy có vô lượng tướng khác biệt.

Lại có 6 tướng: 1. Tướng hữu tướng: sở hữu tướng phân biệt hiểu rõ sự danh; 2. Tướng vô tướng: sở hữu tướng phân biệt không sự danh; 3. Tướng hẹp nhỏ: sở hữu tướng phân biệt sự Dục giới; 4. Tướng rộng lớn: sở hữu tướng phân biệt sự Sắc giới; 5. Tướng vô lượng: sở hữu tướng phân biệt sự Không vô biên, Thức vô biên xứ và Vô sắc giới; 6. Tướng vô sở hữu: sở hữu tướng phân biệt sự Vô sở hữu xứ và Vô sắc giới.

Lại có 5 tướng khác: 1. Tướng tướng; 2. Tướng danh; 3. Tướng phân biệt; 4. Tướng chân như; 5. Tướng chánh trí.

Lại có 2 tướng khác: 1. Tướng bản tánh: là tướng được tạo thành do phân biệt trước sanh khởi và tướng sanh khởi; 2. Tướng ảnh tượng: là tướng do biến kế phát khởi, thắng giải hiển hiện, chẳng phải trụ bản tánh.

Hỏi: Danh có tướng hành thế nào?

Đáp: Do thế lực của tướng mà danh cũng có chủng chủng vô lượng tướng hành, nếu nói lược có

12 chủng: 1. Danh giả thiết; 2. Danh thật sự; 3. Danh tương ưng đồng loại; 4. Danh tương ưng dị loại; 5. Danh tùy đức; 6. Danh giả lập; 7. Danh cùng biết; 8. Danh chẳng phải cùng biết; 9. Danh hiển rõ; 10. Danh không hiển rõ; 11. Danh chung; 12. Danh riêng.

Hỏi: Phân biệt có tướng hành thế nào?

Đáp: Do thế lực của tướng, danh, nên phân biệt cũng có vô lượng chủng chủng tướng hành, nếu nói lược nên biết có 7 chủng: 1. Phân biệt hữu tướng; 2. Phân biệt vô tướng; 3. Phân biệt nhậm vận ở nơi cảnh giới; 4. Phân biệt tầm cầu; 5. Phân biệt tứ sát; 6. Phân biệt nhiễm ô; 7. Phân biệt không nhiễm ô.

Hỏi: Chân như có tướng hành thế nào?

Đáp: Tướng hành của tướng đây không thể nói.

Hỏi: Chánh trí có tướng hành thế nào?

Đáp: Nếu chánh trí xuất thế gian thì tướng hành của tướng đây cũng không thể nói. Nếu chánh trí thế gian xuất thế gian, có nắm lấy tướng hành an lập để.

Lại hoặc tướng, hoặc ảnh tượng, hoặc hiển

hiện, hoặc hữu, hoặc hý luận, hoặc thân, hoặc hữu vi, hoặc tư sở tạo, hoặc duyên sanh... hết thấy loại như vậy là tướng sai biệt.

Hoặc danh, hoặc tướng, hoặc thi thiết, hoặc giả ngôn thuyết, hoặc thế tục, hoặc giả lập, hoặc ngôn luận... hết thấy như vậy là danh sai biệt.

Hoặc phân biệt, hoặc tư duy, hoặc biến kế, hoặc tà đạo, hoặc tà hạnh, hoặc vượt dòng, hoặc nắm giữ bất chánh... hết thấy loại như vậy là phân biệt sai biệt.

Hoặc chân như, hoặc thật tánh, hoặc đế tánh, hoặc diên đảo tánh, hoặc không diên đảo tánh, hoặc vô hý luận giới, hoặc vô tướng giới, hoặc pháp giới, hoặc thật tế... hết thấy như vậy là chân như sai biệt.

Hoặc chánh trí, hoặc chánh tuệ, hoặc chánh giác, hoặc chánh đạo, hoặc chánh hạnh, hoặc chánh lưu, hoặc chánh thủ... hết thấy loại như vậy là chánh trí sai biệt.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu sắc, bao nhiêu tâm, bao nhiêu tâm sở hữu, bao nhiêu tâm không tương ưng hành, bao nhiêu vô vi?

Đáp: Tướng thông cả năm chủng. Danh duy

chỉ có tâm không tương ứng hành. Phân biệt, chánh trí thông tâm và tâm sở hữu. Chân như chỉ có vô vi.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc uẩn, bao nhiêu không nhiếp thuộc uẩn?

Đáp: Ba nhiếp thuộc uẩn. Tướng nhiếp thuộc, không nhiếp thuộc. Chân như không nhiếp thuộc.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc giới xứ, bao nhiêu không nhiếp thuộc giới xứ?

Đáp: Tất cả đều nhiếp thuộc giới xứ.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc duyên khởi, bao nhiêu không nhiếp thuộc duyên khởi?

Đáp: Ba nhiếp thuộc duyên khởi. Tướng nhiếp thuộc, không nhiếp thuộc. Chân như không nhiếp thuộc. Như nhiếp thuộc duyên khởi, thì nhiếp thuộc xứ, phi xứ, nhiếp thuộc căn cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc đế, bao nhiêu không nhiếp thuộc đế?

Đáp: Đế có hai chủng là an lập đế và phi an lập đế. An lập đế là bốn Thánh đế. Phi an lập đế là chân như. Trong đây ba nhiếp thuộc an lập đế. Tướng cũng nhiếp thuộc, cũng không nhiếp thuộc.

Chân như chỉ nhiếp thuộc phi an lập đế.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc nhân duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc đẳng vô gián duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc sở duyên duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng duyên?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc tất cả duyên. Danh không nhiếp thuộc đẳng vô gián duyên. Phân biệt, chánh trí nhiếp thuộc bốn duyên. Chân như chỉ nhiếp thuộc sở duyên duyên.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc y pháp, bao nhiêu y nghĩa, bao nhiêu y kinh liễu nghĩa, bao nhiêu y trí?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc ba y. Danh chỉ nhiếp thuộc y pháp. Như tướng, phân biệt cũng vậy. Sở hành chân như trí nhiếp thuộc y nghĩa. Chánh trí chỉ nhiếp thuộc y trí.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu sắc, bao nhiêu vô sắc?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Phân biệt, chánh trí chỉ là vô sắc. Danh và chân như đều chẳng phải hai chủng, vì là giả có, vì không thể nói. Như hữu sắc, vô sắc, thì có đối ngại, không đối ngại, có thể thấy, không thể thấy cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt là hữu lậu. Chân như, chánh trí là vô lậu. Chân như vì nghĩa sở duyên lậu tận, nên gọi là vô lậu, vì chẳng phải nghĩa tướng lậu tận. Chánh trí vì nghĩa đối trị, đắc lậu tận, nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Ba sự là hữu vi. Chân như chỉ là vô vi, vì nghĩa sở duyên các hành tịch tĩnh, vì chẳng phải nghĩa tướng tịch tĩnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu tránh, bao nhiêu vô tránh?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt chỉ là hữu tránh. Chân như, chánh trí chỉ là vô tránh. Như hữu lậu, vô lậu, trong đạo lý đây nên biết cũng vậy. Như hữu tránh, vô tránh, thì hữu ái vị, vô ái vị, nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thế gian, bao nhiêu xuất thế gian?

Đáp: Ba là thế gian. Chân như là xuất thế

gian. Chánh trí một phần duy chỉ xuất thế gian, một phần thông thế gian, xuất thế gian. Chân như vì nghĩa sở duyên tất cả ngôn thuyết hý luận tịch tĩnh nên gọi là xuất thế gian, vì chẳng phải nghĩa tướng vượt quá ngôn thuyết hý luận. Như thế gian, xuất thế gian, thì nhiếp đọa, nhiếp chẳng phải đọa nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nội, bao nhiêu ngoại?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chỉ là ngoại. Phân biệt nhiếp thuộc sanh nên thông cả hai chủng. Chân như không thuộc hai chủng. Như phân biệt, chánh trí cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thô, bao nhiêu tế?

Đáp: Ba thông hai chủng. Chân như chỉ có tế, vì nghĩa khó nhận biết, vì chẳng phải nghĩa tướng giảm dần cho đến cực thâm tóm. Chánh trí chỉ có tế, vì nghĩa hành tế.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu liệt, bao nhiêu thắng?

Đáp: Ba thông hai chủng. Chân như chỉ có thắng, vì nghĩa sở duyên thanh tịnh, vì chẳng phải

nghĩa tướng từ hạ liệt đến thắng tiến. Chánh trí chỉ là thắng, vì chân như là nghĩa sở hành.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu xa, bao nhiêu gần?

Đáp: Tướng do xứ xa, thời xa nên đều thông hai chủng. Danh, phân biệt, chánh trí do thời xa nên đều thông hai chủng. Chân như do cả hai nên đều chẳng phải hai chủng, vì dụng vô vi vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có chấp thọ, bao nhiêu không chấp thọ?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt, chánh trí không chấp thọ. Chân như đều chẳng phải hai chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu đồng phận, bao nhiêu đồng phận kia?

Đáp: Tướng thông hai chủng, còn lại chẳng thuộc hai chủng. Bởi chỉ nương các căn hữu sắc mà kiến lập đồng phận, đồng phận kia.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhân, bao nhiêu chẳng phải nhân?

Đáp: Bốn là nhân. Chân như chẳng phải nhân. Như nhân, chẳng phải nhân, thì quả, chẳng phải quả, có nhân, chẳng phải có nhân, có quả, chẳng

phải có quả cũng vậy.

Hỏi: Năm quả như vậy bao nhiêu là dị thực, bao nhiêu chẳng phải là dị thực?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chẳng phải dị thực. Phân biệt thông hai chủng. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Chánh trí chẳng phải dị thực.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có dị thực, bao nhiêu chẳng phải có dị thực.

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chẳng phải có dị thực. Phân biệt thông hai chủng. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Chánh trí nhất định chẳng phải có dị thực.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có sở duyên, bao nhiêu không sở duyên?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh không sở duyên. Phân biệt và chánh trí đều là có sở duyên. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Như có sở duyên, không sở duyên, thì tương ưng, không tương ưng, có hành, không hành, có y, không y cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu thượng, bao nhiêu vô thượng?

Đáp: Bốn hữu thượng. Chân như vô thượng, vì

nghĩa sở duyên vô vi thanh tịnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu quá khứ, vị lai, hiện tại, bao nhiêu chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Bốn thông ba chủng. Chân như chẳng phải ba chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hệ buộc Dục giới, bao nhiêu hệ buộc Sắc giới, bao nhiêu hệ buộc Vô sắc giới, bao nhiêu không hệ buộc?

Đáp: Ba thuộc hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới. Hệ buộc Vô sắc giới cũng vậy. Chánh trí một chủng, hoặc chỉ xuất thế gian là không hệ buộc, hoặc thế gian xuất thế gian thông cả hệ buộc, không hệ buộc. Chân như đều chẳng phải hai chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp: Tướng và phân biệt thông ba chủng. Danh duy chỉ vô ký. Chân như duy chỉ thiện, vì nghĩa sở duyên thanh tịnh khéo léo, chẳng phải nghĩa tướng năng nhiếp sanh quả khả ái. Chánh trí duy chỉ thiện.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu do văn mà thành, cảnh do văn mà thành; bao nhiêu do tư mà

thành, cảnh do tư mà thành; bao nhiêu do tu mà thành, cảnh do tu mà thành?

Đáp: Tướng và phân biệt là ba chủng, là ba chủng cảnh. Danh là do văn-tư mà thành, là ba chủng cảnh. Chân như chỉ là cảnh do tu mà thành. Chánh trí là do tu mà thành, là ba chủng cảnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là không, là cảnh không; bao nhiêu là vô nguyện, là cảnh vô nguyện; bao nhiêu là vô tướng, là cảnh vô tướng?

Đáp: Tướng thông ba chủng, cũng là ba chủng cảnh. Danh chẳng phải ba chủng, là hai chủng cảnh. Phân biệt thông ba chủng, là hai chủng cảnh. Chân như chẳng phải ba chủng, là cảnh không, vô tướng. Chánh trí thông ba chủng, là cảnh sở hành không. Nếu không sai biệt thì thuyết chung là không, vô nguyện, vô tướng, nên biết trong đây thông văn, tư, tu mà thành tựu làm tánh. Nếu chỉ lấy danh tam-ma-địa mà tuyên thuyết, nên biết trong đây chỉ do tu mà thành tựu làm tánh, thông thể xuất thế. Nếu chỉ lấy danh giải thoát môn mà tuyên thuyết, nên biết trong đây chỉ có xuất thế gian lấy do tu mà thành tựu làm tánh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu tăng thượng

giới, bao nhiêu quyền thuộc tăng thượng giới; bao nhiêu tăng thượng tâm, sở hành tăng thượng tâm; bao nhiêu tăng thượng tuệ, sở hành tăng thượng tuệ?

Đáp: Tướng là tăng thượng giới, quyền thuộc tăng thượng giới; là tăng thượng tâm, tuệ, cũng là sở hành tâm, tuệ. Danh là quyền thuộc giới, cũng là tăng thượng tâm, tuệ, là sở hành tâm, tuệ. Phân biệt là tăng thượng tâm, tuệ, cũng là sở hành tâm, tuệ, là quyền thuộc tăng thượng giới. Chân như là sở hành tăng thượng tâm, tuệ, chẳng phải ba chủng. Chánh trí là tăng thượng tâm, tuệ, cũng sở hành tâm, tuệ, là quyền thuộc tăng thượng giới.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu học, bao nhiêu vô học, bao nhiêu phi học phi vô học?

Đáp: Tướng và phân biệt thông ba chủng. Danh duy chỉ phi học phi vô học. Chân như cũng phi học phi vô học, vì là vô vi vậy. Chánh trí thông học và vô học.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu kiến sở đoạn, bao nhiêu tu sở đoạn, bao nhiêu không đoạn?

Đáp: Tướng thông tất cả. Danh chỉ tu sở đoạn. Phân biệt thông kiến và tu sở đoạn. Chân như là

không đoạn. Chánh trí cũng chỉ là không đoạn.

Hỏi: Duyên tướng làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Bốn.

Hỏi: Duyên danh làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Một là pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên phân biệt làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Ba. Đó là thọ, tâm, pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên chân như làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Một là pháp niệm trụ. Lại tư duy tướng thân là chân như, cũng tu hoại duyên pháp niệm trụ. Tướng thọ, tâm, pháp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Duyên chánh trí làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Ba, như phân biệt đã thuyết.

Hỏi: Duyên tướng làm cảnh, nên nói năng xả pháp ác bất thiện đã sanh chưa sanh, hay nên nói không năng xả chẳng?

Đáp: Nên nói vì đoạn tổn phục nên xả, chẳng phải đoạn trừ vĩnh viễn tùy miên nên xả. Như

tướng, thì danh, phân biệt cũng vậy. Duyên chân như và chánh trí làm cảnh nên nói cũng do đoạn trừ vĩnh viễn tùy miên nên xả.

Hỏi: Trong năm sự đây, tư duy bao nhiêu sự năng nhập Sơ tinh lự định thế gian?

Đáp: Tư duy tướng, danh, phân biệt hệ buộc Dục giới và hệ buộc Sơ tinh lự. Như vậy tư duy tướng, danh, phân biệt hệ buộc địa dưới và hệ buộc Đệ nhị tinh lự địa, năng nhập Đệ nhị tinh lự thế gian. Như vậy tinh lự vô sắc còn lại, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Trong năm sự đây, tư duy bao nhiêu sự năng nhập Sơ tinh lự định xuất thế?

Đáp: Tức tư duy tướng, danh, phân biệt, chân như hệ buộc Dục giới và hệ buộc Sơ tinh lự địa. Như vậy cho đến Vô sở hữu xứ, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Phi tướng phi phi tướng xứ bản tánh pháp nhĩ chỉ là thế gian.

Hỏi: Tướng hệ buộc Phi tướng phi phi tướng xứ nên nói là tướng chăng?

Đáp: Nên nói là tướng vô tướng, cũng gọi là tướng vi tế.

Hỏi: Trong năm sự đây, các pháp như tín... lấy

gì làm tự tánh, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng mà được gọi là căn?

Đáp: Lấy phân biệt làm tự tánh. Lấy tướng, danh làm sở duyên. Lấy chân như, chánh trí làm tăng thượng mà được gọi là căn. Như tên gọi “căn”, thì tên gọi “lực” cũng vậy.

Hỏi: Ở trong vị nào mà được gọi là lực?

Đáp: Tức tín căn... không có sự lẫn tạp của bất tín... Nếu khi thành tựu pháp không xen tạp, chuyển danh là lực.

Như căn và lực, nên biết nếu đặc chi Bồ-đề gọi là giác chi, đây là giác chi thế gian, lấy phân biệt làm tự tánh. Nếu nương chi Bồ-đề gọi là giác chi, đây là giác chi xuất thế gian, lấy chánh trí làm tự tánh, chân như làm sở duyên, với giác ngộ an lập để làm tăng thượng.

Lại các đạo chi như chánh kiến... nếu là thế gian thì như trước, nếu là xuất thế gian thì lấy chánh trí làm tự tánh. Trừ các giới chi, an lập, phi an lập, chân như làm sở duyên, ở nơi sở chứng đắc tất cả lậu tận hiện pháp lạc trú làm tăng thượng.

Như các đạo chi, thì dấu tích hành, dấu tích pháp, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na... nên biết cũng vậy.

Trong đây dấu tích hành nương độn căn, lợi căn; đã được, chưa được hiện pháp lạc trú sai biệt mà kiến lập. Nếu dấu tích pháp, nương năng nhậm trì chánh pháp thế tục, thắng nghĩa sai biệt mà kiến lập, tức là do nhậm trì chánh pháp thế tục tăng thượng giới nên kiến lập thứ nhất và thứ hai. Do nhậm trì chánh pháp thắng nghĩa tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ còn lại, nên về sau kiến lập thứ ba và thứ tư. Lại do nghĩa không tán loạn ở nơi cảnh sở duyên và nghĩa quán sát kia mà kiến lập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Nương tướng năng giải thoát và giải thoát hai chủng thô trọng phược, nên lập tám giải thoát. Ở trong năm sự đây, lấy gì làm tự tánh, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng?

Đáp: Lấy chánh trí thế gian, xuất thế gian làm tự tánh. Giải thoát thứ nhất và thứ hai ở trong các sắc lấy tướng hiển sắc và tướng chân như làm sở duyên. Thứ ba tức ở trong các sắc lấy tướng nhiếp thọ và tướng chân như kia làm sở duyên. Bốn chủng kế, mỗi mỗi lấy tự tướng làm sở duyên, cùng chân như kia làm sở duyên. Chủng cuối không sở duyên, ở nơi năng dẫn phát tất cả công đức

thánh thần thông làm tăng thượng.

Lại nói về người tu quán nơi tướng các sắc và tướng vô sắc, bị chỗ chướng của chướng tự tại, vì đoạn trừ chướng đây, nên khởi quán hành trong các thắng xứ, bốn chủng thắng xứ đầu như giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn chủng sau như giải thoát thứ ba. Do ở nơi tướng sắc rất khó thắng phục, nên lúc ở nơi sự đây thắng phục, tức ở nơi tướng vô sắc cũng được tự tại thù thắng.

Lại nói về thắng tri thắng kiến. Đó là các bậc Thánh do chánh tác ý tư duy tướng các sắc chân như, nên được thắng tri kiến. Nếu các dị sanh ắt không như vậy.

Hỏi: Nếu vậy, dị sanh sao được gọi là thắng?

Đáp: Do ba chủng tướng: nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng triển chuyển chờ đợi nhau. Vì triển chuyển chờ đợi nhau ở nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng triển chuyển phụ thuộc nhau. Vì triển chuyển phụ thuộc nhau, nên ở nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng một vị thanh tịnh. Điều cuối cùng đây thắng vượt hơn, cả hai là dị sanh và thánh giả đều cùng đắc.

Lại mười biến xứ, tướng đây nên biết do lực sở duyên thắng xứ. Trong đây có sự sai biệt, tức cũng

lấy tướng đại chủng làm sở duyên và tướng chân như kia làm sở duyên. Lại tướng không vô biên xứ, thức vô biên xứ làm sở duyên, cùng tướng chân như kia làm sở duyên. Nếu chẳng vậy, do chỗ y nương không biến mãn, mà năng y nương chẳng lẽ được thành biến mãn? Bởi tướng kia sở duyên chân như, sở duyên cảnh giới, cực biến mãn, nên được gọi là biến mãn. Do thế lực hai chủng thắng biến mãn, khiến các giải thoát cũng được thanh tịnh, lại năng dẫn phát tất cả công đức thần thông của bậc Thánh.



Quyển 73

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Tư trạch, tự tánh, thủ
Tát-ca (thân), hữu, thế gian
Chân, tâm tư, thật trí
Mật ý cùng thứ lớp.*

Hỏi: Năm sự như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu đế?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc bốn an lập đế. Danh nhiếp thuộc một Khổ đế. Phân biệt nhiếp thuộc ba đế, trừ Diệt đế. Chân như nhiếp thuộc bốn phi an lập đế. Chánh trí duyên cảnh an lập, phi an lập đế, nhiếp thuộc Đạo đế.

Hỏi: Các tướng là danh ư? Giả sử danh là các tướng ư?

Đáp: Các danh đều là tướng. Có tướng mà chẳng phải danh, đó là trừ tướng danh, bốn tướng còn lại. Phần còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Các tướng đều là tướng của tướng ư? Giả sử tướng của tướng đều là tướng ư?

Đáp: Tướng của các tướng đều là tướng. Có tướng chẳng phải tướng của tướng, đó là bốn tướng danh...

Hỏi: Nếu phân biệt tướng của tướng, thì hòa hợp nhau, nương nhau với tất cả tướng danh mà khởi phân biệt ư? Giả sử phân biệt tướng danh, thì hòa hợp nhau, nương nhau với tất cả tướng của tướng mà khởi phân biệt ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc phân biệt tướng của tướng, chẳng phải cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi phân biệt, đó là phân biệt sở hữu tướng của tướng mà chẳng rõ danh ấy, lại ở nơi các tướng đã loại trừ danh tùy miên. Hoặc phân biệt tướng danh, chẳng phải cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng của tướng mà khởi phân biệt, đó là phân biệt sở hữu tướng danh mà chẳng rõ sự ấy. Hoặc phân biệt tướng của tướng, cũng cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi phân biệt, đó là trái với tướng trên. Hoặc phân biệt chẳng phải tướng của tướng, cũng chẳng phải hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi

phân biệt, đó là trừ sở hữu các tướng trên.

Hỏi: Nếu tư duy chân như tức là quán chân như chẳng? Giả sử quán chân như tức là tư duy chân như chẳng?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc tư duy chân như chẳng phải quán chân như, đó là dụng phân biệt nhiếp lấy tác ý tư duy như lý chân như. Đây chỉ thấy tướng chân như, chẳng thấy như thật chân như, cho đến chưa đến vị thông đạt chân chánh căn bản, cùng chưa thông đạt về sau tác ý tư duy an lập chân như. Hoặc quán chân như, chẳng phải tư duy chân như, đó là vì do thắng nghĩa khi thông đạt chân như, nên tư duy tướng kia. Hoặc tư duy chân như, cũng quán chân như, thông đạt về sau tư duy tương tục phi an lập chân như. Hoặc chẳng tư duy chân như, cũng chẳng quán chân như, đó là là tác ý như lý dẫn dắt tư duy các tướng.

Hỏi: Nếu tư duy tướng tức quán tướng ấy chẳng? Giả sử quán tướng ấy tức tư duy tướng ấy chẳng?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc tư duy tướng, chẳng quán tướng ấy: như câu thứ hai phần *chân như*. Hoặc quán tướng ấy chẳng tư duy tướng ấy: như câu thứ nhất phần *chân như*. Hoặc tư duy tướng cũng

quán tướng ấy: như câu thứ tư phần *chân như*.
Hoặc chẳng phải tư duy cũng chẳng phải quán tướng
ấy: như câu thứ ba phần *chân như*.

Hỏi: Năm sự như vậy là nhiếp tất cả pháp hay
không nhiếp tất cả pháp?

Đáp: Là nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Tất cả pháp kia lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Tự tánh các pháp chẳng thể nói bàn.

Hỏi: Nên quán tướng của các pháp kia thế
nào?

Đáp: Tướng như việc huyện, chẳng phải hoàn
toàn không có. Thí như việc huyện có tánh việc
huyện, không tánh voi, ngựa, xe, bộ cho đến tánh
ma-ni, trân châu, vàng, bạc... Như vậy, thể tánh các
pháp duy có danh tướng khả đắc, không có tự tánh
sai khác thì thiết hiển hiện khá được. Tướng do
tên gọi tướng, tự tánh của tướng thật bất khả đắc.

Như tướng thì danh, tự tánh của danh; phân
biệt, tự tánh phân biệt; chân như, tự tánh chân
như nên biết cũng vậy. Chánh trí do tên gọi chánh
trí, tự tánh chánh trí thật bất khả đắc. Vì có sao?
Vì ở tất cả chúng tùy nói tự tánh mà không thành
tự vậy.

Nếu cho là tự tánh các tướng an lập, tức xứng với lượng kia giả lập danh lời. Giả danh lời đây nương tướng mà lập, vậy thì nơi tướng, trước khi giả lập danh, lẽ có nhận thức về tướng kia như đã lập danh. Lại ở một tướng kiến lập danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, nên tánh thể của chúng có nhiều có sai biệt. Như thế danh lời nương tướng mà lập thì không đúng đạo lý.

Nếu cho là các tướng như danh lời an lập, do thể lực danh, tự tánh của tướng sanh khởi, vậy thì tướng kia trước khi giả lập danh, lẽ không có tự tánh? Kia đã không có, giả lập danh lời cũng lẽ không có. Cho nên hai chủng đều thành lỗi không có.

Lại, giả danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, nên tánh thể chúng có nhiều có sai biệt, thì mắc lỗi khác: do các tướng kia chỉ nương nơi khác mà giả kiến lập vậy. Cho nên, tất cả giả lập danh lời như tự tánh ấy, là không đúng đạo lý, giống như chỗ khởi chủng chủng loại huyễn. Thí như người huyễn khéo léo tạo tác chủng chủng loại huyễn, nào là nam nữ, nào là voi ngựa... nhưng các loại kia chẳng phải thật có thể tánh như tướng

mạo ấy. Như vậy, các tướng chẳng xứng với danh lời mà có tánh thể thật nên biết cũng vậy.

Nếu cho là là sự hòa hợp của hai chủng tướng và danh lời mà có tự tánh sanh, vậy thì kia ở nơi các tướng, hoặc ở danh ngôn, hoặc ở giữa hai mà hiện có được, nhưng điều này chẳng thể được. Cho nên kế chấp đây cũng không đúng đạo lý. Do nhân duyên đây, tùy nói ở tất cả chủng, tự tánh đều không chỗ có.

Nếu cho là danh lời năng hiển tự tánh, cũng không đúng đạo lý.

Nếu cho là thủ, hoặc không thủ giả lập danh lời đều có lỗi. Hoặc thủ tướng rồi giả lập danh lời, liền không thành hiển. Hoặc không thủ tướng, giả lập danh lời, thì danh lời đây không có sự, nên không đúng đạo lý.

Lại như trước thuyết chỗ lập danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, tức có nhiều tánh thể sai biệt. Đây thành lỗi lầm lớn. Lại dùng thí dụ chiếu soi thấy rõ tướng và danh lời không giống nhau, nên không đúng đạo lý. Không giống nhau đây là thấy rõ ở tất cả sự đều có nhân duyên, không có điều khác, chủng chủng cũng vậy năng thủ nhân

duyên. Danh lời chẳng vậy.

Hỏi: Trong “không thể nói”, lời “không thể nói” này đã hiện khả đắc, cho nên tánh pháp không thể nói bàn thì không đúng đạo lý. Lại người làm huyền tạo ra chủng chủng hình loại huyền hóa, tuy hình loại kia chẳng phải như tánh kia, nhưng có chủng chủng sự huyền được tạo cũng tương tự tự tánh kia. Vậy không thể dùng thí dụ tương tự được sao?

Đáp: Khi chánh lập tông nói “không thể nói” thì cũng đã loại trừ. Nhưng vì muốn khiến hiểu nghĩa như vậy, nên phương tiện thì thiết. Vì thí dụ... nên chẳng phải không tương tự. Tuy giả danh lời, nhưng chẳng thật như tánh kia. Nghĩa “không thể nói” chẳng phải chẳng có.

Hỏi: Các tướng sự nếu giả lập danh lời thì mới có được, nếu không giả lập thì chẳng thể có. Nếu như vậy dụ có thể tương tự, thì “không thể nói” xứng đạo lý. Nếu không như thế, thì kế chấp “không thể nói” kia tức là hoang đường?

Đáp: Như vậy do trước khởi tám phân biệt, nên đời hiện tại ba chủng sự sanh, tướng đây như phần *Bản địa* đã thuyết. Tức vì ba chủng sự được

sanh đây trở lại khởi phân biệt, do đạo lý đây các pháp tạp nhiễm triển chuyển tương tục không đoạn dứt. Do nhân duyên đây, phân biệt giả lập dụ ấy tương tự, nếu khi đoạn diệt, các pháp tạp nhiễm đều có thể tùy diệt, chứng đắc thánh trí. Vì đây là lượng, thì “không thể nói” cũng không hoang đường.

Hỏi: Nếu bấy giờ phân biệt giả lập thấy đều đoạn diệt, tức tướng sự lúc ấy tùy khiển trừ. Nếu vậy, tùy thu được một thánh trí, tức tất cả tướng, danh, phân biệt nhiếp trong số hữu tình, vô tình, nội ngoại sự vật lẽ đều vĩnh viễn diệt, thí như người huyền tạo tác các việc huyền?

Đáp: Các vật như tướng... hoặc do không cùng phân biệt làm nhân, hoặc lại do cùng phân biệt làm nhân. Nếu do không cùng phân biệt, phát khởi không phân biệt, thì kia cũng tùy diệt. Nếu cùng phân biệt phát khởi, thì phân biệt tuy không, mà do phân biệt khác giữ gìn nên không vĩnh viễn diệt. Nếu không vậy, phân biệt khác kia ứng với không kết quả. Kia tuy chẳng diệt, mà người đắc thanh tịnh ở trong sự việc kia được chánh kiến thanh tịnh. Thí như người tu nhiều quán hành, ở nơi một sự việc, do trí của tâm định thì thấy được

chủng chủng thắng giải khác nhau khả đắc. Kia cũng như vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là sở thủ, bao nhiêu là năng thủ?

Đáp: Ba là sở thủ. Phân biệt, chánh trí cũng là sở thủ cũng là năng thủ.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu chủng nghĩa sở hành thủ?

Đáp: Lược có ba chủng: 1. Nghĩa sở hành thủ có lời có tướng; 2. Nghĩa sở hành thủ không lời có tướng; 3. Nghĩa sở hành thủ không lời không tướng. Trong đây chủng đầu là ngôn thuyết tùy giác, cảnh sở hành của thủ. Chủng thứ hai là ngôn thuyết tùy miên, cảnh sở hành của thủ. Chủng thứ ba là ngôn thuyết lìa tùy miên, cảnh sở hành của thủ. Lại chủng thứ nhất và thứ hai là thủ thế tục đế. Chủng sau cùng là thủ thắng nghĩa đế. Lại, về sau mới có được chủng thủ ngôn thuyết xa lìa tùy miên thông cả hai thủ đế nhiếp lấy cảnh sở hành của thủ. Đó là trí thế xuất thế, vì lấy an lập đế làm sở hành nên kiến lập trí kia, dụng thông hai đế làm cảnh sở hành. Hai chủng thủ đây do hai nhân duyên nên biết được thành tánh thế xuất thế: vì từng đắc

và vì chưa từng đắc; vì nương ngôn thuyết và vì không nương ngôn thuyết.

Hỏi: Thủ hữu tướng do thế gian cộng thành. Thủ vô tướng không do kia cộng thành. Nhân nào duyên nào gọi là thủ vô tướng? Không nhân không duyên thì không đúng đạo lý?

Đáp: Quả thủ do huân tập danh lời thế tục là thủ hữu tướng, do thế gian cộng thành, năng khiến tạp nhiễm. Quả thủ do huân tập trí kiến thắng nghĩa là thủ vô tướng, không phải chỗ cộng thành của thế gian, năng khiến thanh tịnh. Cho nên hai thủ đây có nhân có duyên. Như mắt đang có bệnh, liền thấy các vật ở trước chuyển động; nếu không có bệnh, chỉ có thủ tự tánh không hỗn loạn kia.

Hỏi: Ở vô tướng giới, nếu thủ tướng kia thì không phải thủ vô tướng, nếu không sở thủ cũng chẳng được thành thủ của vô tướng. Nếu vậy sao được gọi là thủ vô tướng?

Đáp: Vì đã xa lìa ngôn thuyết tùy miên, thủ đây tuy lại thủ vô tướng giới, mà vì không thủ tướng nên thành thủ vô tướng.

Hỏi: Nếu không cấu kết, sao nói thành thủ?

Đáp: Tuy không cấu kết các tướng sai biệt để

được tăng thêm, nhưng thủ vô tướng nên được thành thủ.

Hỏi: Nếu không cấu kết, không được tăng thêm, tướng trạng thủ đây sao nói là có thể biết?

Đáp: Vì thắng nghĩa thủ, vì vô tướng thủ. Năm chủng tướng sự đều không hiển hiện lấy làm tướng đây.

Hỏi: Nếu không phân biệt rõ ràng khá có thể lập thành là thủ, cơ sao không chấp nhận “các thủ diệt không”?

Đáp: Vì nghĩa “diệt không” không có tu tạo. Người tu quán chẳng thể nương nơi “diệt không” mà có sự tu tập.

Hỏi: Nếu vậy làm sao chúng biết tướng kia?

Đáp: Chỗ chúng biết của trí tự chứng đặc bên trong.

Hỏi: Nếu vậy sao không như sở chứng ấy mà ký biệt?

Đáp: Vì nội sở chứng đây chẳng phải chỗ các danh lời an đặt được.

Hỏi: Nếu trước không có trí biết vô tướng, do không có nên cũng không có nghĩa lớp lớp tập trí vô tướng. Vì không luôn tập trí biết vô tướng, tức

là không nhân, lẽ chẳng được sanh?

Đáp: Hữu tướng cũng được làm nhân vô tướng, vì thuận theo kia vậy. Trí biết thế gian làm duyên sanh trí xuất thế, trí hữu lậu làm duyên sanh trí vô lậu, hữu tâm định làm duyên sanh vô tâm định. Đây cũng như vậy.

Hỏi: Thế Tôn thuyết các trí khổ... là nhân được thanh tịnh. Nếu trí khổ ở nơi Khổ đế do phân biệt khổ... nên thành có tướng, nếu chẳng phân biệt thì các trí khổ liền chẳng là có. Vì kia không có, vậy sao gọi là sẽ năng được rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Do lực trí vô tướng tăng thượng, nên ở trong các đế cực khéo thanh tịnh, thông thế xuất thế phân biệt trí sanh, tức gọi đã đoạn phiền não sở đoạn. Trí vô tướng kia là nhân trí khổ... chánh năng đoạn diệt phiền não sở đoạn. Ở trong nhân đây giả lập danh quả, tức giả nói đây là trí khổ... cho nên không có lỗi.

Hỏi: Trước thuyết sở thủ là quả năng thủ, tức năng thủ đây nên nói là quả của cái gì?

Đáp: Hai đây triển chuyển xoay vần làm quả cho nhau.

Hỏi: Nếu cảnh sở tri vô thường tích tập tiếp

nổi nhau nhiều vô lượng, phần nhiều chẳng hiện thấy được. Cớ sao người tu quán hành duyên kia làm cảnh và khiến chuyển diệt?

Đáp: Vị kia vì lực văn-tư tăng thượng nên đắc tam-ma-địa. Do nhân duyên kia khiến năm chủng cảnh giới ảnh tượng tam-ma-địa hiện tiền, tức duyên sự đây lấy làm cảnh giới. Vì trừ khiến đây, kia được chuyển diệt.

Hỏi: Trừ khiến năm chủng cảnh giới sở tri, nên nói tướng nào?

Đáp: Chuyển y, vô thượng, vô vi, Niết-bàn lấy làm tướng kia. Sao gọi là Niết-bàn? Nghĩa pháp giới thanh tịnh, các khổ phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh, chẳng phải nghĩa “diệt không”.

Hỏi: Nếu chỉ có các khổ phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh gọi là Niết-bàn, vì nhân duyên nào chẳng phải nghĩa diệt không?

Đáp: Như ngoại thủy giới chỉ lìa xao động cấu bẩn được tánh trong sạch, chẳng phải lúc chưa lìa cấu uế không tánh trong sạch. Lại như vàng ròng chỉ lìa cứng rắn được tánh mềm mại, chẳng phải lúc chưa lìa kia không tánh mềm mại. Lại như hư không lìa mây, sương mù... ngăn che tịch tĩnh được

tánh trong sáng, chẳng phải kia lúc bị mây che... không tánh trong sáng. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Sao gọi là pháp giới thanh tịnh? Vì tu chánh trí, nên vĩnh viễn đoạn trừ các tướng, chứng đắc chân như. Thí như người trong mộng thấy thân bị cuốn trôi trong dòng nước lớn, vì muốn vượt dòng thác mạnh nên phát đại tinh tấn, tức do phát khởi đại tinh tấn bỗng nhiên thức giấc. Đã tỉnh giấc, đối với dòng nước kia đều không chỗ thấy. Đạo lý *trừ tướng* đây nên biết cũng vậy.

Hỏi: Vì tức ở đây khi chánh đoạn diệt ngôn thuyết tùy miên tức trừ khiến các tướng, hay đã đoạn diệt rồi về sau mới trừ khiến?

Đáp: Lúc đoạn diệt, lúc trừ khiến đều ngang nhau, như đạo lý hai đầu cao thấp ngang nhau. Lại như hình vẽ, khi thể sắc hư hoại, hình tướng theo đó diệt. Lại như lúc mắt bị bệnh mà được lành bệnh, thì các tướng hoa mắt chuyển động cũng được trừ khiến. Lúc lành bệnh, lúc trừ khiến đều ngang nhau. Trong đạo lý đây nên biết cũng vậy.

Hỏi: Người tu quán hành sao gọi là trừ khiến tướng cảnh sở duyên?

Đáp: Do tâm chánh định, trước quán sát sâu các cảnh giới ảnh tượng sở tri, về sau do lực tác ý thắng nghĩa, chuyển xả hữu tướng, chuyển đắc vô tướng. Chuyển vô tướng đây lại có năm vị: 1. Vị ít phần; 2. Vị biến mãn; 3. Vị có động; 4. Vị có gia hạnh; 5. Vị thành tựu viên mãn.

Hỏi: Thành tựu viên mãn có tướng gì?

Đáp: Vì chẳng phải chỗ xen tạp của tất cả phiền não, tất cả tai hoạnh; vì chỗ nương thanh tịnh, rốt ráo không não, thuyết danh là thành tựu viên mãn. Tức đây lại là sở hành nghĩa thiện thanh tịnh chân thật, sở hành tất cả hiện lượng, sở hành tất cả tự tại.

Hỏi: Ở thành tựu viên mãn đây kiến lập bao nhiêu thừa? Ngang thời nào chứng?

Đáp: Vì theo đó chứng đắc ba chủng căn sai biệt, nên kiến lập ba thừa. Nhưng hai thừa kia dụng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thừa làm căn bản. Lại hai thừa kia vì theo duyên sai khác, theo đó sự thành thực không quyết định, cho nên thời lượng chứng đắc cũng không quyết định. Thừa cuối cùng kia cần trải qua ba chủng vô số đại kiếp mới có thể chứng đắc, vì nương đoạn ba chủng thô

trọng riêng khác. Những gì gọi là ba chủng thô trọng? 1. Thô trọng ở phần da là phẩm đường ác không đáng vui. Do đoạn kia nên không đến đường ác, lúc tu gia hạnh không bị sự gián đoạn xen tạp của đường ác không đáng vui; 2. Thô trọng ở phần thịt là phẩm phiền não chướng. Do đoạn kia nên tất cả phiền não cực vi tế cũng không hiện hành, nhưng chưa vĩnh viễn hại diệt tất cả tùy miên; 3. Thô trọng ở phần tâm là phẩm sở tri chướng. Do đoạn kia nên vĩnh viễn hại diệt tất cả sở hữu tùy miên, biến khắp tất cả cảnh giới sở tri, vô chướng ngại trí tự tại chuyển.

Lại nữa, sao gọi là *kiến lập Thanh văn thừa*? Có 3 nhân duyên: 1. Vì biến hóa; 2. Vì thệ nguyện; 3. Vì pháp tánh.

Biến hóa: tùy thế lực giáo hóa kia, mà Như Lai hóa làm Thanh văn để giáo hóa.

Thệ nguyện: có bồ-đặc-già-la phát thệ nguyện tu tập Thanh văn thừa, tức kiến lập kia là Thanh văn.

Pháp tánh: có bồ-đặc-già-la bản tánh xưa nay từ bi yếu kém, ở nơi các sự khổ sanh sâu hãi sợ, do hai nhân đây đối với việc lợi tha không vui thích

sâu, không vì việc đây mà vui ở trong sanh tử. Do người kia an trụ pháp tánh như thế nên lập là Thanh văn. Lại hiểu rõ pháp tánh đây ở trong tất cả an lập đế, phần nhiều tu tập, e sợ hành chuyển. Do nhân duyên đây chứng đắc viên mãn. Như Thanh văn thừa, Độc giác cũng vậy. Độc giác đây có sai khác là ra đời không gặp Phật xuất thế mà chứng Chánh giác. Trái với ba tướng nhân duyên trên, nên biết là Bồ-tát.

Lại nữa, sao gọi là *Thanh văn hoại mất chánh pháp và Tỳ-nại-da*? Có Thanh văn kế chấp “chỉ không có các phiền não thiêu đốt gọi là tịch diệt”, sanh sâu hãi sợ “ngã sẽ đoạn, ngã sẽ hoại vĩnh viễn, ngã sẽ không có”. Thí như có người từ lúc nhỏ thân bị bệnh nhiệt, cho nên đối với thân không bệnh, người kia không có cảm nhận riêng. Đến lúc lành bệnh, nóng bức của cơ thể theo đó cũng diệt, liền sanh sợ hãi: “Ta không thể thoát khỏi bệnh nhiệt như vậy”. Đây gọi là hoại mất. Thí dụ đây hiển việc hoại mất của Thanh văn cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *Bồ-tát hoại mất Đại thừa*? Có Bồ-tát được nghe “tất cả pháp thẳm sâu vô tánh”, liền chấp tất cả phiền não thiêu đốt tự

tánh vốn không, cho là không có sanh tử trọng bệnh. Thí như có người trong thân phát khởi bệnh nóng sốt mà tưởng là không bệnh, nên đối với bệnh đây chẳng thể giải thoát. Đây gọi là hoại mất. Thí dụ đây hiển việc hoại mất của Bồ-tát nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là thân, bao nhiêu là chẳng phải thân?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Hai là thân. Một là chẳng phải thân. Chân như đều không thể nói. Như thân, thì hữu và thế gian nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng chân thật, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu chân thật?

Đáp: Chân thật do thế gian mà thành và chân thật do đạo lý mà thành nhiếp thuộc ba sự. Chân thật do phiền não tịnh trí sở hành và chân thật do sở tri chướng tịnh trí sở hành nhiếp thuộc hai sự.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng tâm tư, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu tâm tư?

Đáp: Phân biệt tương ưng như lý tác ý nhiếp chung bốn chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng như thật biến trí, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu như

thật biến trí?

Đáp: Tất cả đều do chánh trí nhiếp lấy.

Hỏi: Nương đâu Thế Tôn mật ý thuyết: “Tất cả pháp đều không hai”?

Đáp: Tức nương năm sự đã thuyết như vậy. Do tự tánh thế tục thuyết vô tự tánh. Do tướng riêng biệt thuyết có tự tánh.

Hỏi: Nương đâu Thế Tôn mật ý thuyết: “Tất cả pháp đều vô tự tánh”?

Đáp: Do nương thế lực giáo hóa kia mà thuyết ba chủng tánh vô tự tánh: 1. Tướng, tánh vô tự tánh; 2. Sanh, tánh vô tự tánh; 3. Thắng nghĩa, tánh vô tự tánh.

Sao gọi là tướng tánh vô tự tánh? Tức là tất cả pháp do thế tục ngôn thuyết tự tánh.

Sao gọi là sanh tánh vô tự tánh? Tất cả hành do các duyên mà được sanh. Do lực của duyên nên có, chẳng phải tự nhiên có. Cho nên thuyết là sanh tánh vô tự tánh.

Sao gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh? Đó là chân thật nghĩa, chỗ xa lìa tướng pháp. Đây do thắng nghĩa nói tánh vô tự tánh. Như Bí-sô quán hành ở nơi đồng xương sanh thắng giải đây mà

không thể trừ khiển. Cho nên ở đồng xương đây, tướng thắng nghĩa vô tự tánh hằng chuyển không gián đoạn. Như vậy nên biết thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Trong năm sự đây, chẳng phải do tướng tánh vô tự tánh mà thuyết vô tự tánh. Nhưng do sanh tánh vô tự tánh, thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tùy chỗ thích hợp thuyết vô tự tánh. Tướng, danh, phân biệt, chánh trí đều do hai chủng tánh vô tự tánh. Chân như chẳng do tánh vô tự tánh mà thuyết vô tự tánh. Cho nên trong Già-đà (Ứng tụng), Thế Tôn nương mật ý đây thuyết lời như vậy: “Ta thuyết một đế, lại không thuyết có đế thứ hai”.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất cả pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất cả pháp ngang đồng hư không”?

Đáp: Cũng nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất

cả pháp đều như huyễn thủy”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy sắc cho đến thức có vô thường”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh mà thuyết lời như vậy. Vì có sao? Muốn thuyết tùy quán hết thủy “thường” không có, cho nên thuyết tùy quán hết thủy “có” vô thường.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy sắc cho đến thức đều có khổ”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng giải tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy tức kia đều không”?

Đáp: Tức các pháp kia nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Do xa lìa tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy. Như nương tánh xa lìa thuyết kia là không, nương tướng khác thuyết là vô ngã cũng vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Sắc cho đến thức, vì như lý quán, vì tư duy sâu, cho đến quán kia chẳng phải có hiển hiện”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Kia hiển hiện hư ngục không thật”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết lời như vậy: “Cho nên nay nên biết xứ đây: nơi nhãn vĩnh viễn tịch diệt xa lìa tướng sắc, cho đến ý vĩnh viễn tịch diệt xa lìa tướng pháp”?

Đáp: Điều không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Do kia nên ở tất cả xứ khiến trừ tất cả tướng... trời Đế Thích cũng không thể biết vị kia nương xứ nào mà khởi tinh lự”?

Đáp: Điều không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Nơi nhãn nhận biết sắc năng thuận theo xứ hỷ, ưu, xả... cho đến ý nhận biết pháp không thường không thật, không gì không diên đảo, không gì chẳng diên đảo”. Lại thuyết có Thánh đế xuất thế gian?

Đáp: Nương tất cả tánh vô tự tánh, hoặc không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Người tinh lự, cảnh giới tinh lự, chư Phật, cảnh giới chư Phật đều không thể nghĩ bàn”?

Đáp: Nương tất cả tánh vô tự tánh, hoặc không nương tánh vô tự tánh mà thuyết lời như vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy, duyên nào kiến lập tướng đầu tiên, cho đến kiến lập chánh trí sau cùng?

Đáp: Nếu không ở nơi sự tướng ấy mà thi thiết danh, thì không đúng đạo lý, nên kể đến thi thiết danh đây. Do danh đây nên thi thiết tự tánh, thi thiết sai biệt, cho nên kể đến thi thiết phân biệt đây. Do lúc phân biệt, hoặc phân biệt tướng, hoặc phân biệt danh, hoặc đồng phân biệt tướng và danh. Do ba pháp đầu đây, hiển thứ lớp phẩm tạp nhiễm viên mãn. Từ đây năng tu thứ lớp phẩm thanh tịnh, tức quán sở hữu các pháp tạp nhiễm kia là chân như, cho nên kể đến thi thiết chân như. Do chánh trí, nên năng chân chánh quán sát, năng đắc thanh tịnh, cho nên kể đến thi thiết chánh trí. Do hai chủng cuối đây, hiển thứ lớp phẩm thanh tịnh viên mãn. Cho nên hiển thị thứ

tự của năm chủng như vậy.

Như vậy đã thuyết quyết trạch Sự trong phần *Chân thật nghĩa*. Nếu muốn rõ biết Chân thật nghĩa, lại nên tu quán ở nơi ba tự tánh.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Nêu chung, phân biệt riêng
Duyên, sai biệt, y nương
Cũng vì tế chấp trước
Như danh thấy chấp tánh.*

Sao gọi là **ba chủng tự tánh**? 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Tự tánh biến kế sở chấp: theo ngôn thuyết, nương giả danh lời kiến lập tự tánh.

Tự tánh y tha khởi: tự tánh do từ các duyên mà sanh.

Tự tánh viên thành thật: các pháp chân như, sở hành thánh trí, cảnh giới thánh trí, sở duyên thánh trí, cho đến năng khiến chứng đắc thanh tịnh, năng khiến giải thoát tất cả tướng phược và thô trọng phược, cũng khiến dẫn phát tất cả công đức.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên ở nơi danh tướng phụ thuộc lẫn nhau.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên tự tánh biến kế sở chấp.

Ở trong tự tánh y tha khởi nên biết rõ ràng không thật. Trong kinh khác, Thế Tôn thuyết: “Duyên chẳng chấp trước tự tánh biến kế sở chấp”. Tánh đây nên biết nương đắc thanh tịnh mà thuyết, chẳng nương tướng thuyết. Nay trong nghĩa đây nên biết nương tướng thuyết.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có bao nhiêu chủng?

Đáp: Lược có năm chủng: 1. Tự tánh nghĩa biến kế; 2. Tự tánh danh biến kế; 3. Tự tánh tạp nhiễm biến kế; 4. Tự tánh thanh tịnh biến kế; 5. Tự tánh chẳng phải tạp nhiễm thanh tịnh biến kế.

1. Sao gọi là *tự tánh nghĩa biến kế*? Có bốn chủng: *a. Tự tướng biến kế*; *b. Tướng sai biệt biến kế*; *c. Tướng sở thủ biến kế*; *d. Tướng năng thủ biến kế*.

Tự tướng biến kế: biến kế sắc đây là tự tánh sắc cho đến sự đây là tự tánh thức, sự đây là tự tánh nhân cho đến sự đây là tự tánh pháp.

Tướng sai biệt biến kế: biến kế sắc đây là khả ý, sắc đây là không khả ý, sắc đây là chẳng phải khả ý chẳng phải không khả ý; sắc đây là có thể thấy, sắc đây là không thể thấy; sắc đây là có đối ngại, sắc đây là không đối ngại; sắc đây là hữu lậu, sắc đây là vô lậu; sắc đây là hữu vi, sắc đây là vô vi. Hết thấy đạo lý sai biệt như vậy là sở hữu sai biệt của biến kế sắc. Như sắc, thì tất cả xứ khác như uẩn... nên biết cũng vậy.

Tướng sở thủ biến kế: biến kế sắc đây là nhãn sở thủ, cho đến biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý sở thủ. Lại biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là ý sở thủ Dục giới, đây là ý sở thủ Sắc giới, đây là ý sở thủ Vô sắc giới, đây là ý sở thủ không hệ buộc.

Tướng năng thủ biến kế: biến kế sắc đây là sắc năng thủ; sắc đây là thanh, hương, vị, xúc,

pháp năng thủ. Lại biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là sắc năng thủ; đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp năng thủ.

2. Sao gọi là *tự tánh danh biến kế*? Có hai chủng: không sai biệt và có sai biệt.

Không sai biệt: biến kế sở hữu danh của tất cả pháp.

Có sai biệt: biến kế danh đây là sắc, danh đây là thọ, danh đây là tướng, danh đây là hành, danh đây là thức. Như vậy thấy loại vô lượng vô số pháp sai biệt, trong đó mỗi pháp có danh riêng sai biệt.

3. Sao gọi là *tự tánh tạp nhiễm biến kế*? Biến kế sắc đây có tham, có sân, có si, chẳng thể xa lìa tham sân si hệ buộc, lại không cùng tương ưng với tất cả thiện pháp như tín... Lại biến kế thọ đây, tướng đây, hành đây, thức đây có tham, có sân, có si, chẳng thể xa lìa tham sân si hệ buộc, lại không tương ưng với tất cả thiện pháp như tín...

4. Sao gọi là *tự tánh thanh tịnh biến kế*? Nên biết trái với tướng trên.

5. Sao gọi là *tự tánh chẳng phải tạp nhiễm thanh tịnh biến kế*? Biến kế sắc đây là sở thủ, đây là năng thủ; thọ, tướng, hành, thức đây là sở thủ,

đây là năng thủ. Lại trong tất cả pháp vô ký, biến kế sở hữu vô ký của các pháp.

Lại nữa, tự tánh biến kế sở chấp có năm chủng:
1. Tự tánh nương danh biến kế nghĩa; 2. Tự tánh nương nghĩa biến kế danh; 3. Tự tánh nương danh biến kế danh; 4. Tự tánh nương nghĩa biến kế nghĩa; 5. Tự tánh nương danh nghĩa biến kế danh nghĩa.

Sao gọi là *tự tánh nương danh biến kế nghĩa*? Biến kế danh sự sắc đây có thật tánh sắc; danh sự thọ, tưởng, hành, thức đây có thật tánh thọ, tưởng, hành, thức.

Sao gọi là *tự tánh nương nghĩa biến kế danh*? Biến kế sự đây danh là sắc, hoặc chẳng danh là sắc; sự đây danh là thọ, tưởng, hành, thức, hoặc chẳng danh là thọ, tưởng, hành, thức.

Sao gọi là *tự tánh nương danh biến kế danh*? Không liễu rõ sự sắc mà khởi biến kế phân biệt danh sắc. Không liễu rõ sự thọ tưởng hành thức, mà khởi biến kế phân biệt danh thọ tưởng hành thức.

Sao gọi là *tự tánh nương nghĩa biến kế nghĩa*? Không liễu rõ danh sắc, do không liễu rõ danh mà

khởi biến kế phân biệt sự sắc. Không liễu rõ danh thọ tướng hành thức, do không liễu rõ danh mà khởi biến kế phân biệt sự thọ tướng hành thức.

Sao gọi là *tự tánh nương danh nghĩa biến kế danh nghĩa*? Biến kế sự đây là tự tánh sắc, danh là sắc; biến kế sự đây là tự tánh thọ tướng hành thức, danh là thọ tướng hành thức.

Lại nữa, chấp tự tánh biến kế sở chấp lược có 2 chủng: 1. Chấp gia hạnh; 2. Chấp danh thi thiết.

Chấp gia hạnh lại có 5 chủng: *a.* Vì tham ái gia hạnh; *b.* Vì sân khuể gia hạnh; *c.* Vì hội hợp gia hạnh; *d.* Vì ly biệt gia hạnh; *e.* Vì xả gia hạnh.

Chấp danh thi thiết lại có 2 chủng: *a.* Chỗ tác phi văn tự; *b.* Chỗ tác văn tự.

Chỗ tác phi văn tự: tức là chấp “Đây là vật gì? Sao gọi là vật đây? Vật đây là thế nào? Vật đây ra sao?”.

Chỗ tác văn tự: tức chấp “Đây là vật đây. Vật đây như vậy, hoặc sắc cho đến hoặc thức, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký... như vậy thủy”.

Lại nữa, chấp trước vi tế có 5 chủng: 1. Ở nơi vô thường chấp thường; 2. Ở nơi khổ chấp lạc; 3. Ở

nơi bất tịnh chấp tịnh; 4. Ở nơi vô ngã chấp ngã; 5. Ở trong các tướng chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết ngu phu như danh như lời, ở nơi sự hý luận mà chấp có tự tánh. Vì có sao? Nhân có lời hỏi: Sự đây lấy gì làm tự tánh?. Đáp: Sự đây là tự tánh sắc, chẳng phải danh sắc. Hoặc đáp: Sự đây là tự tánh thọ tướng hành thức, chẳng phải danh thọ tướng hành thức.

Lại nữa, người một mình ở chốn không nhân, tinh siêng quán sát tự tướng, cộng tướng các pháp. Tầm tư sự đây là tướng sắc, chẳng phải danh sắc; hoặc tầm tư sự đây là tướng thọ tướng hành thức, chẳng phải danh thọ tướng hành thức.

Lại nữa, ở nơi sự sắc đây, khi tầm cầu tướng sắc không thể được liền sanh chẳng vui, vì chẳng cầu danh sắc thời không thể được. Hoặc ở sự thọ tướng hành thức đây, khi tầm cầu tướng thọ tướng hành thức không thể được, liền sanh chẳng vui, vì chẳng cầu danh thọ tướng hành thức thời không thể được.

Lại nữa, lời ở nơi danh chuyển, danh ở nơi nghĩa chuyển. Trong đây nếu danh năng hiển nghĩa tự tướng, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng

sai biệt, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng sở thủ, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng năng thủ. Hoặc danh cho đến năng hiển nghĩa năng thủ, chẳng phải đây năng hiển cho đến nghĩa tự tướng. Nếu tức danh kia ở nơi nghĩa tự tướng chuyển, cũng cho đến ở nơi nghĩa tướng năng thủ chuyển, các danh còn lại hành hiểu riêng biệt tùy nghĩa mà chuyển nên không thể được. Đây không đúng lý. Như vậy lại trong chỗ có danh, mỗi danh thì có nghĩa riêng chuyển, nếu danh ở nơi nghĩa tự tướng chuyển, cho đến nếu danh ở nơi nghĩa tướng năng thủ chuyển. Danh đây là ở nơi nghĩa có chuyển ư, hay là ở nơi nghĩa không chuyển ư? Ở nơi nghĩa có mà chuyển lại không đúng lý. Không đúng lý đây như trước đã biện trong “quán năm sự”. Ở nơi nghĩa không mà chuyển, vậy thì danh đây ở nơi nghĩa tướng không chuyển. Lý này chấp nhận được. Nếu ở nơi nghĩa tướng không chuyển, thì nghĩa đây chẳng phải có, chỉ năng hiển thị tự tăng ích. Nếu thủ tăng ích tức là chấp trước. Cho nên như danh, như lời, như sự hý luận, đạo lý chấp trước tự tánh thành tự.

Lại nữa, tất cả ngu phu bị trói buộc ở trong

các tướng, danh lời, nên biết như danh, như lời, ở nơi sự hý luận mà vọng chấp tự tánh.

Hỏi: Duyên cơ nào nên biết bị trói buộc ở trong các tướng danh lời?

Đáp: Do lý và giáo.

Sao gọi là *do lý*? Hoặc lìa danh lời, ở trong các sự chẳng thể được hỷ lạc; hoặc danh lời cùng ở trong các sự hỷ lạc khả đắc, là một đạo lý.

Lại triển chuyển nương nhau mà được sanh khởi. Vì cơ sao? Vì sự nương danh lời mà được sanh. Vì danh lời nương sự mà có thể được sanh. Như người thế gian cần nương sự có thì phân biệt danh lời mới được sanh khởi, chẳng phải ở nơi sự *không* mà khởi phân biệt đây. Như vậy nên biết sự làm chỗ nương tựa mà danh lời được sanh, như người tĩnh lự lúc bên trong tĩnh lự. Như như ý tác ý danh lời, như vậy như vậy vì có ảnh tượng đồng phạm sự sở tri sanh khởi mới liền chuyển vận hiện tại tiền. Như vậy nên biết danh lời vì nương sự mà có thể được sanh.

Lại ở nơi danh lời lúc tu đối trị, nếu an đặt tâm nơi vô tướng giới, tất cả các tướng đều không hiện tiền. Nếu không an đặt tâm ở vô tướng giới,

không tùy theo chỗ muốn, tâm liền bị trôi chuyển theo các tướng. Do đạo lý đây, nên biết ở nơi tướng danh lời mà bị trôi buộc.

Sao gọi là *do giáo*? Như Thế Tôn thuyết:

*Phàm phu nghĩ ngu muội
Trôi buộc nơi tướng lời
Lời buộc, Mâu-Ni thoát
Nơi tướng được tự tại.
Người hành kiến thanh tịnh
An trụ nơi chân trí
Ở tự tánh không đắc
Không thấy chỗ nương kia.
Do chân trí thanh tịnh
Gọi kia là Chân minh
Không tương ưng hai chấp
Nên hiệu là Không hai.*

Lại như dị sanh ở trong các uẩn khéo biết vô ngã, tuy quán trong uẩn chỗ kiến lập ngã chỉ là giả có, nhưng ở nơi chấp ngã kia vẫn bị chuyển theo, vì chưa vĩnh viễn đoạn trừ tùy miên vậy. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.



Quyển 74
Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA
Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Nhiếp, vô tánh, biết thấy
Mật ý thấy, sở hành
Thông đạt và tùy nhập
Sai biệt, nương đi sau.*

Hỏi: Ba chủng tự tánh và năm pháp là tướng...
Trong năm pháp, tự tánh ban đầu nhiếp thuộc bao
nhiều pháp?

Đáp: Đều không nhiếp thuộc pháp nào.

Hỏi: Tự tánh thứ hai nhiếp thuộc bao nhiêu
pháp?

Đáp: Nhiếp thuộc bốn pháp.

Hỏi: Tự tánh thứ ba nhiếp thuộc bao nhiêu
pháp?

Đáp: Nhiếp thuộc một pháp.

Hỏi: Nếu tự tánh y tha khởi cũng nhiếp thuộc

chánh trí, cứ sao trước thuyết tự tánh y tha khởi duyên chấp tự tánh biến kế sở chấp nên có thể rõ biết?

Đáp: Ý kia chỉ thuyết tự tánh y tha khởi phần tạp nhiễm, chẳng phải phần thanh tịnh. Nếu phần thanh tịnh, nên biết duyên không chấp tự tánh biến kế sở chấp nên có thể rõ biết.

Lại nữa, tánh của ba chủng tự tánh và ba chủng vô tự tánh, đó là: tướng tánh vô tự tánh, sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Do tướng tánh vô tự tánh, nên tự tánh biến kế sở chấp nói là vô tự tánh. Do sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tự tánh y tha khởi nói là vô tự tánh. Vì tánh đây chẳng phải tự nhiên có, nên chẳng phải tánh sở duyên thanh tịnh. Chỉ do thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tự tánh viên thành thật thuyết là vô tự tánh. Vì cứ sao? Do tự tánh đây cũng là thắng nghĩa, cũng là chỗ hiển của tất cả pháp tánh vô tự tánh.

Hỏi: Ba chủng tự tánh, bao nhiêu nên biết khắp?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu nên chứng đắc?

Đáp: Một.

Lại nữa, do ba chủng tự tánh đây, tất cả kinh bất liễu nghĩa, các nghĩa ẩn mật đều theo đó quyết liễu. Đó là ngôn ngữ bí mật của chư Như Lai và chỗ có nghĩa trọng yếu, vô lượng giáo ngôn ngữ bí mật của chư Bồ-tát, đều do ba chủng tự tánh đây mà theo đó quyết liễu.

Hỏi: Như trong kinh đã thuyết “Vô sanh pháp nhẫn”, kiến lập thế nào?

Đáp: Do ba tự tánh mà được kiến lập. Tức do tự tánh biến kế sở chấp lập bản tánh Vô sanh nhẫn, do tự tánh y tha khởi lập tự nhiên Vô sanh nhẫn, do tự tánh viên thành thật lập phiền não khổ cấu Vô sanh nhẫn. Nên biết nhẫn đây không có thối chuyển.

Lại nữa, ba chủng giải thoát môn cũng do ba tự tánh đây mà được kiến lập. Tức do tự tánh biến kế sở chấp lập Không giải thoát môn, do tự tánh y tha khởi lập Vô nguyện giải thoát môn, do tự tánh viên thành thật lập Vô tướng giải thoát môn.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp là sở hành của

trí nào, là phàm trí hay thánh trí?

Đáp: Điều chẳng phải sở hành của trí, vì dụng vô tướng vậy.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi là sở hành của trí nào?

Đáp: Là sở hành của hai trí, nhưng chẳng phải sở hành của thánh trí xuất thế.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật sở hành của trí nào?

Đáp: Chỉ là sở hành thánh trí.

Hỏi: Những người quán hành khi thông đạt tự tánh biến kế sở chấp, nên nói hành nơi tướng hay hành nơi vô tướng?

Đáp: Nếu vì dụng thế gian trí, nên khi thông đạt nói là hành nơi tướng. Nếu vì dụng xuất thế gian trí, nên khi thông đạt nói hành nơi vô tướng. Như tự tánh biến kế sở chấp, thì tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật cũng vậy.

Hỏi: Nếu người quán hành khi như thật ngộ nhập tự tánh biến kế sở chấp, nên nói tùy nhập tự tánh nào?

Đáp: Tự tánh viên thành thật.

Hỏi: Nếu người quán hành khi tùy nhập tự tánh

viên thành thật, nên nói trừ khiến tự tánh nào?

Đáp: Tự tánh y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có bao nhiêu chủng?

Đáp: Tùy ở trong tự tánh y tha khởi mà thi thiết kiến lập sở hữu phần lượng của tự tánh sai biệt, tức như lượng kia thì tự tánh biến kế sở chấp cũng vậy. Do đây nên biết tự tánh biến kế sở chấp có vô lượng sai biệt. Lại ở trong tự tánh y tha khởi có hai chủng chấp tự tánh biến kế sở chấp: 1. Tùy giác; 2. Xuyên suốt tập quen tập khí tùy miên.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nên biết như tướng, có nhiều phẩm loại sai biệt. Lại có hai chủng tự tánh y tha khởi: 1. Chỗ khởi do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 2. Chỗ khởi do không chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật có bao nhiêu chủng?

Đáp: Vì ở tất cả xứ đều chỉ có một vị, nên tự tánh viên thành thật không an lập phẩm số sai biệt.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh biến kế sở chấp?

Đáp: Ba sự là tướng, danh và phân biệt làm chỗ nương.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh y tha khởi?

Đáp: Tức chấp tự tánh biến kế sở chấp và đẳng lưu của chính nó làm chỗ nương.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh viên thành thật?

Đáp: Không chỗ an trụ, không chỗ nương gá.
Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Nếu không có, tác nghiệp
Vi tế thấy, không “thể”
Sanh, chấp thấy, rõ biết
Nhiễm, khổ, dụ, phân biệt.*

Hỏi: Nếu không có tự tánh biến kế sở chấp sẽ có lỗi gì?

Đáp: Ở trong tự tánh y tha khởi, lẽ không danh lời, chấp không danh lời. Nếu đây không, thì chẳng thể rõ biết tạp nhiễm, thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không có tự tánh y tha khởi sẽ có lỗi gì?

Đáp: Chẳng do dụng công, tất cả tạp nhiễm

đều lẽ chẳng phải có. Nếu đây không, làm sao có thể rõ biết không thanh tịnh?

Hỏi: Nếu không có tự tánh viên thành thật sẽ có lỗi gì?

Đáp: Điều lẽ chẳng thể rõ biết tất cả phẩm thanh tịnh.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Năm. Đó là: 1. Năng sanh tự tánh y tha khởi; 2. Túc ở nơi tánh kia, năng khởi ngôn thuyết; 3. Năng sanh chấp bổ-đặc-già-la; 4. Năng sanh chấp pháp; 5. Năng nhiếp thọ tập khí thô trọng của hai chấp kia.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm. Đó là: 1. Năng sanh sở hữu pháp tánh tạp nhiễm; 2. Năng làm chỗ nương của tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật; 3. Năng làm chỗ nương chấp bổ-đặc-già-la; 4. Năng làm chỗ nương chấp pháp; 5. Năng làm chỗ nương tập khí thô trọng của hai chấp kia.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm. Do năm nghiệp đây đối trị tánh cảnh giới sở duyên sanh khởi của hai chủng tự tánh kia.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói vi tế. Như vi tế, thì khó thấy, khó nhận biết nên biết cũng vậy.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói là thô, nhưng khó thấy, khó nhận biết.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói cực vi tế. Như cực vi tế, thì cực khó thấy, cực khó nhận biết nên biết cũng vậy.

Hỏi: Ba tự tánh đây bao nhiêu là không *thể* năng chuyển có *thể*?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là có *thể* năng chuyển có *thể*, không *thể*?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là có *thể* mà chẳng năng chuyển?

Đáp: Một.

Hỏi: Ba tự tánh đây bao nhiêu là chẳng sanh, năng sanh nơi sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là sanh, năng sanh nơi sanh, chẳng sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu chẳng phải sanh, chẳng năng sanh nơi sanh và chẳng sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh biến kế sở chấp?

Đáp: Đây có hai chủng: 1. Chấp hoặc không chấp giác ngộ kia; 2. Chấp hoặc không chấp tùy miên kia. Nếu do ngôn thuyết giả lập danh tự quyết định tự tánh các pháp biến kế, gọi là chấp giác ngộ kia. Nếu khéo rõ biết chỉ có danh, vì biết chỉ có danh, nên chẳng phải các pháp kia có tánh quyết định, gọi là ở nơi kia không chấp. Nếu tùy miên tập khí kia chưa mỏng nhẹ, cho đến chưa xả tập khí thô trọng, nên biết ở nơi kia có chấp tùy miên. Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ, gọi là không chấp.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh y tha khởi?

Đáp: Do chấp giác ngộ tự tánh biến kế sở chấp, lại biến kế kia thành tự tánh, đây gọi là chấp giác ngộ. Hoặc khéo rõ biết chỉ có các tướng, biến kế kia chẳng thành tự tánh, gọi là không chấp giác ngộ. Hoặc nơi tướng phược chưa vĩnh viễn mỏng nhẹ, ở trong các tướng lúc có sở đắc, gọi là chấp tùy miên. Hoặc nơi tướng phược đã vĩnh viễn mỏng nhẹ, vì ở nơi vô tướng giới chánh rõ biết, nên ở nơi tướng không đắc; hoặc thời sau như sở hữu có được mà có sở đắc, nên biết là không chấp tùy miên.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh viên thành thật?

Đáp: Đây không có chấp, vì ở giới đây chẳng phải là chỗ an đặt của chấp kia vậy. Nếu người ở trong giới đây chưa đắc chưa xúc chưa tác chứng, mà phát khởi tăng thượng mạn cho là đã đắc đã xúc đã chứng, tức là tăng thượng chấp tự tánh biến kế sở chấp và y tha khởi.

Hỏi: Phải biết tự tánh biến kế sở chấp thế nào?

Đáp: Nên chân chánh rõ biết chỉ có danh, chỉ biến kế chấp. Vô tướng, vô tánh, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải hệ buộc, chẳng phải là hệ buộc, chẳng phải phược, chẳng phải giải thoát, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải không khổ không lạc; duy chỉ một vị ở khắp tất cả xứ đều như hư không. Dụng hết thấy vô lượng hành tướng như vậy, nên biết đã chân chánh rõ biết tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Phải biết tự tánh y tha khởi thế nào?

Đáp: Phải chân chánh rõ biết tất cả lý lẽ... đều do sự hữu vi nhiếp lấy. Sao gọi là tất cả sự lý lẽ? Chỗ gọi là sự uẩn, sự giới, sự xứ, sự duyên khởi, sự xứ phi xứ, sự căn, sự nghiệp, sự phiền não, sự tùy phiền não, sự sanh, sự đường ác, sự đường thiện, sự sản sanh, sự sắc loại, sự Tứ đại vương chúng thiên cho đến sự Tha hóa tự tại thiên, sự Phạm chúng thiên cho đến sự Sắc cứu cánh thiên, sự Không vô biên xứ cho đến sự Phi tướng phi phi tướng xứ, sự tùy tín hành, sự tùy pháp hành, sự thiện căn thuận phần quyết trạch, sự kiến đạo, sự

tu đạo, sự quả Dự lưu cho đến sự quả A-la-hán, sự Độc giác, sự Chánh Đẳng Giác, sự diệt thọ tưởng, sự đến bờ kia, sự niệm trụ cho đến sự đạo chi, sự tinh lự vô lượng vô sắc định, sự tu tưởng, sự tu tùy niệm, sự giải thoát, thắng xứ, biến xứ, sự vô sở úy lực, nguyện trí, bất hộ, niệm trụ, đại bi, tập khí vĩnh viễn hại diệt, các tướng tùy hảo, tất cả chủng diệu trí, tất cả pháp Phật bất cộng. Lại phải rõ biết đồng với huyền mộng, bóng sáng, tiếng vang trong hang, bóng trăng trong nước và biến hóa...; giống như đồng bọt nước, giống như bong bóng nước, giống như dương diệm, giống như cây chuối; như say, như cuồng, như oán, như hại, như nước dơ, như con vay mượn, như rương rắn độc; là không, vô nguyện, viễn ly, không thủ, hư ngụy, chẳng bền... Hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy.

Hỏi: Phải biết tự tánh viên thành thật thế nào?

Đáp: Phải chánh rõ biết tướng sai biệt, chỗ gọi là chân như, thật tế, pháp giới, hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy. Lại phải rõ biết các sự sai biệt khác: như không hình sắc, không thể xem thấy, không chỗ nương trụ, không chỗ phan duyên,

chẳng thể hiển hiện, chẳng thể liễu biệt, chẳng thể thi vi, chẳng thể tuyên thuyết, là các hý luận, không thủ không xả... Hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy.

Hỏi: Ba tự tánh đây, bao nhiêu không tự nhiên mà năng khiến tha nhiễm?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu duy chỉ tự nhiễm?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu tự thanh tịnh khiến tha thanh tịnh?

Đáp: Một. Như nhiễm, nên biết khổ cũng vậy.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như hư không.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như hại, như oán.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như đại bảo vô tận ẩn tàng.

Hỏi: Tự tánh biến kế do có gì biến kế?

Đáp: Do tự tánh y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi do có gì y tha?

Đáp: Do nhân duyên.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật do có gì viên thành thật?

Đáp: Do tất cả các khổ phiền não không khiến tạp nhiễm; lại do thường vậy.

Hỏi: Như đã thuyết thì năng thủ tuệ chân thật nghĩa là vô phân biệt. Sao nói nên biết tướng vô phân biệt là do không tác ý, là do siêu vượt kia, là do không chỗ có, là do là tánh kia, là do ở nơi cảnh sở duyên tác gia hạnh? Nếu do không tác ý, tức là kia mà tương ứng với như lý tác ý thì không đúng đạo lý; thì tức do ngu say... nên thành lỗi đây. Nếu do siêu vượt kia, thì sao nói kia không trái với thánh giáo? Như đã thuyết thì sở hữu các tâm tâm sở của ba cõi đều là phân biệt. Nếu do không chỗ có, thì sao nói tuệ đây chẳng thành phi tâm sở? Nếu do là tánh kia, thì sao nói tuệ đây chẳng thành tự tánh sắc và chẳng phải tướng thông đạt? Nếu do ở nơi cảnh sở duyên tác gia hạnh, sao nói không hủy báng tuệ vô phân biệt là tánh gia hạnh? Nếu hết thấy như vậy đều không đúng lý, thì sao gọi là nên biết tuệ vô phân biệt?

Đáp: Vì ở nơi cảnh sở duyên, là gia hạnh. Cảnh sở duyên đây là tướng có, không. Các pháp

chân như, tức đây cũng là lìa các phân biệt. Do thế lực trước dẫn phát, tuy lìa gia hạnh, lúc nắm giữ tướng chân như tương ưng diệu tuệ sanh, ở nơi tướng sở duyên, năng hiện tướng chiếu soi nắm giữ. Cho nên tuệ đây gọi là vô phân biệt.

Như vậy đã thuyết quyết trạch phần *Chân thật nghĩa*. Do năm nhân duyên nên biết sở hữu uy đức của Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Những gì là năm? 1. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát siêu vượt tất cả cảnh tâm tư; 2. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát thí dụ thế gian chẳng thể sánh được; 3. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát do tâm khéo mài giữa sáng sạch; 4. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát tâm một hướng không đồng phân cùng bất định địa; 5. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát tâm một hướng hệ thuộc định địa.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có mười pháp hạnh năng khiến Bồ-tát thành thực hữu tình. Những gì là mười? Đối với đại thừa tương ưng tạng Bồ-tát nhiếp pháp Khế kinh... giữ gìn ghi chép, cúng dường, huệ thí đối với người, cung kính lắng nghe nếu người chân chánh thuyết, hoặc tự đọc tụng suy gẫm, hoặc lại lãnh thọ, đã lãnh thọ rồi dùng âm thanh lớn đọc tụng, hoặc lại vì người rộng thuyết

khai thị, hoặc một mình ở chốn không nhân tư duy so lường quán sát, tùy nhập tu tướng.

Hỏi: Mười chủng pháp hạnh như vậy, bao nhiêu năng sanh đạo phước đức rộng lớn?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu là đạo gia hạnh?

Đáp: Một, đó là thứ chín.

Hỏi: Bao nhiêu là đạo thanh tịnh chướng?

Đáp: Một, đó là mười.

Như vậy văn quyết trạch chủng loại còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, như Văn sở thành địa nhiếp trong Đại thừa có thuyết về năm chủng tướng đại Bồ-đề cần phải rõ biết, đó là: 1. Tự tánh; 2. Công năng; 3. Gia hạnh; 4. Chuyển; 5. Hoàn; nhưng chưa phân biệt, nay sẽ giải thích.

1. Sao gọi là *tự tánh Đại Bồ-đề*? Tức là chuyển y thắng vượt hơn Thanh văn, Độc giác. Chuyển y đây lại có 4 chủng tướng: 1. Tướng chuyển sở y do sanh; 2. Tướng chuyển sở y do không sanh; 3. Tướng khéo quán sát quả sở tri; 4. Tướng pháp giới thanh tịnh.

Tướng chuyển sở y do sanh: Phật đạo tương

tục xuất hiện nơi đời, tức là sanh chuyển sở y. Nếu chẳng vậy, không đắc chuyển y đây, đạo đây không sanh lẽ không có chuyển. Nếu xa lìa “không có đạo” kia mà có sự chuyển y đây, lúc chưa chuyển y lẽ trước có đạo đây.

Tướng chuyển sở y do không sanh khởi: Tất cả phiền não và các tập khí không sanh, tức là chuyển sở y. Nếu chẳng vậy, không đắc chuyển y đây, lẽ tất cả các phiền não và các tập khí liền có các duyên hòa hợp. Đã không sanh mà không chuyển y, lẽ ấy không thể có.

Tướng khéo quán sát quả sở tri: Tức chuyển y đây là khéo thông đạt quả sở tri chân thật là sở tri chân như. Nếu chẳng vậy, tự tánh chư Phật lẽ càng quán sát càng có chỗ đoạn, càng có chỗ diệt.

Tướng pháp giới thanh tịnh: Vì đã chuyển y rồi, năng trừ khiến tất cả tướng, nên là chỗ hiển pháp giới thiện thanh tịnh. Nếu chẳng vậy, đây lẽ vô thường, lẽ có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y đây là tướng thường trụ, không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, không thể nghĩ bàn đây thuyết danh không hai, do năm chủng tướng cần phải rõ biết:

1. Do tự tánh; 2. Do xứ; 3. Do trụ; 4. Do đồng tánh,

khác tánh; 5. Do sở tác thành tựu.

Do tự tánh nên không thể nghĩ bàn: Hoặc tứ sắc, hoặc lìa sắc, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ thọ tướng hành thức, hoặc lìa thọ tướng hành thức, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ địa giới, hoặc lìa địa giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ thủy giới, hỏa giới, phong giới, hoặc lìa thủy giới, hỏa giới, phong giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ nhãn xứ, hoặc lìa nhãn xứ, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ nhĩ tử thiết thân ý xứ, hoặc lìa nhĩ tử thiết thân ý xứ, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc có, hoặc chẳng phải có, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do xứ nên không thể nghĩ bàn: Hoặc tại Dục giới, hoặc lìa Dục giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc lìa Sắc giới, Vô sắc giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi người, hoặc lìa cõi người, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi trời, hoặc lìa cõi trời, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc ở phương Đông, hoặc lìa phương Đông, cho đến hoặc ở phương Tây Nam Bắc, các phương trên dưới, hoặc lìa phương Tây Nam Bắc, các phương trên dưới, như vậy không

thể nghĩ bàn.

Do trụ nên không thể nghĩ bàn: An trụ như vậy, sắc loại lạc trú như vậy, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, sắc loại trụ Xa-ma-tha như vậy, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ nơi trụ hữu tâm, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ nơi trụ vô tâm, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, tức sắc loại thánh trụ, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, tức sắc loại thiên trụ, phạm trụ, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do đồng tánh, khác tánh nên không thể nghĩ bàn: Tất cả Phật đồng an trụ trong một giới vô lậu, đó là đồng tánh, đó là khác tánh, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do sở tác thành tựu nên không thể nghĩ bàn: Như Lai như vậy đồng giới đồng trí, thế lực dũng mãnh, trụ vô lậu giới, nương đây chuyển y, năng làm tất cả nghĩa lợi ích hữu tình, như vậy không thể nghĩ bàn. Đây lại có hai nhân duyên nên biết không thể nghĩ bàn: vì nghĩa là ngôn thuyết và vượt quá đạo ngôn ngữ, nên không thể nghĩ bàn; lại vì xuất thế gian không thể lấy thế gian để thí dụ, nên không thể nghĩ bàn.

2. Sao gọi là *công năng*? Lược thuyết có 10 tự tại được gọi là công năng, như thọ lượng tự tại... đã thuyết trong phần *Bản địa*.

3. Sao gọi là *gia hạnh*? Nếu lược thuyết có bốn chủng giáo hóa gọi là gia hạnh: 1. Vì hữu tình chưa thành thực khiến thành thực, nên hành Bồ-tát hạnh giáo hóa; 2. Vì hữu tình đã thành thực khiến giải thoát, ở trong tam thiên đại thiên thế giới trăm ngàn muôn ức Thiệm-bộ châu, đồng một thời nhiếp thọ phương tiện giáo hóa của Như Lai; 3. Vì giáo hóa hữu tình kia, làm Thanh văn giáo hóa; 4. Vì giáo hóa hữu tình kia, làm Độc giác giáo hóa. Tất cả chư Phật Thế Tôn ở nơi bốn chủng sự giáo hóa đây, năng lực vô ngại biến khắp mười phương cõi giới.

4. Sao gọi là *chuyển*? Chuyển đây lược có 2 chủng: 1. Quyền thời chuyển; 2. Rốt ráo chuyển.

Quyền thời chuyển: Các hữu tình cho đến chưa thành thực, chưa được giải thoát, chư Phật Thế Tôn triển chuyển giáo hóa khiến biến đổi.

Rốt ráo chuyển: Như chư Phật vô tận không thể nghĩ bàn, tự tánh đại quang minh năng chuyển, như vậy năng làm các việc triển chuyển giáo hóa

tất cả hữu tình.

5. Sao gọi là *hoàn*? Hoàn đây cũng có hai chủng:

1. Quyền thời hoàn; 2. Rốt ráo hoàn.

Quyền thời hoàn: Vì giáo hóa khiến hữu tình đã thành thực, đã giải thoát từ đây không gián đoạn, chư Phật Thế Tôn hiện Bát-niết-bàn, chẳng phải rốt ráo diệt.

Rốt ráo hoàn: Vì phiền não và các tập khí rốt ráo tận diệt, các khổ nường kia cũng tận diệt.

Lại nữa, sao gọi là người năng xưng tán Như Lai được lợi ích? Bởi nương theo sự xưng tán ấy mà hành tự lợi, không thể tâm xưng tán Như Lai mà lại có hành động không như vậy. Vì có sao? Vì hành theo hạnh của chư Như Lai, tức ẩn thiện, rất thiếu dục...

Lại có hai chủng pháp rất hy hữu kỳ lạ khi xưng dương tán thán Như Lai: 1. Khiến người tán thán thuần hành hạnh tự lợi sanh vô lượng phước; 2. Ở nơi hạnh viên ly, tất cả vì ngưỡng mộ chư Như Lai nên theo đó làm nhiều ích, đó là ở chỗ Như Lai như điều tán thán như vậy như vậy nhiếp thọ tự lợi. Như như nhiếp thọ tự lợi, như vậy như vậy gọi là dùng nhiếp thọ mà cúng dường Như Lai. Do

nhân duyên đây sanh tụ phước rộng lớn vô tận.

Lại chư Như Lai có 2 chủng sự: 1. Sự không khả ý; 2. Sự khả ý.

Lại nữa, do sáu chủng tướng lược nhiếp công đức Như Lai: 1. Viên mãn; 2. Vô cấu; 3. Bất động; 4. Không gì sánh xứng; 5. Năng làm sự nghiệp lợi ích hữu tình; 6. Công năng.

1. Sao gọi là *viên mãn*? Chư Như Lai thành tựu tất cả công đức ba cõi và xuất thế gian. Sở hữu công đức xuất thế gian kia siêu vượt tất cả đường ngôn ngữ, cho nên tất cả chỗ tán thán Như Lai chẳng thể đến được. Do nhân duyên đây càng tán thán Như Lai không cùng tận.

2. Sao gọi là *vô cấu*? Các công đức có 7 chủng cấu: dục, kiến, nghi, mạn, kiêu, tùy miên, keo lẩn. Tất cả điều cấu kia, Như Lai vĩnh viễn không có. Vì có sao? Bởi chư Như Lai sở hữu công đức chẳng cầu người biết, như muốn khiến người biết: “Ta thành tựu công đức như vậy như vậy”. Lại ở đức đây mà không chấp trước kiến. Lại ở đức đây không tự nghi hoặc: “Đây là công đức ư? Đây là lỗi lầm ư?”. Lại không đem sở hữu công đức mình so sánh cùng người khác. Lại không quán thấy sở hữu công

đức của mình mà kiêu say trạo cử, sanh hớn hở, sanh vui mừng. Công đức kia chẳng phải là chỗ tùy miên của các phiền não, mà là vĩnh viễn hại diệt phiền não, kể cả tập khí. Lại ở nơi công đức ấy tâm không keo lẩn, tức là không có tâm nghi như vậy: “Mong sao người đừng chứng đắc như thế”.

3. Sao gọi là *bất động*? Vì các ngoại đạo không thể khuynh động. Vì tất cả ma quân không thể khuynh động. Vì tất cả giặc cướp không thể cướp đoạt. Vì tất cả thân thuộc không thể hoại. Vì tất cả vua quan không thể hoại. Vì nước lửa gió lớn không làm biến đổi. Vì thọ mạng tuy tận cũng không thối chuyển. Do công đức của chư Như Lai vô tận như vậy, cho nên biết được sự bất động kia.

4. Sao gọi là *không gì sánh xứng*? Sở hữu công đức của chư Như Lai vì rất rộng lớn, vì rất tôn thắng, vì rất nhiều chủng, vì uy lực rộng lớn, vì tất cả hữu tình tịnh bất tịnh không ai ngang cùng, cho nên nói là không gì sánh xứng.

5. Sao gọi là *năng làm sự nghiệp lợi ích hữu tình*? Là năng xả sở đắc an lạc rộng lớn vô tội, phương tiện thị hiện gia hạnh lợi tha, cho nên năng làm việc lợi ích hữu tình.

6. Sao gọi là *công năng*? Ở nơi sở tác sự nghiệp lợi ích hữu tình, vì không chờ khởi nguyên mà tự chứng đắc trọn đủ, vì gia hạnh trí kia làm thân thuộc, vì hằng thời chuyên chí như thế không gián đoạn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết chư thiên không phải là chỗ nên quy y. Những gì là năm? 1. Do hình tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do tác nghiệp; 4. Do pháp nhĩ; 5. Do nhân quả.

1. *Do hình tướng* nên chư thiên không phải là chỗ quy y: Do không hiện thấy, không giao tiếp gặp gỡ. Do hình bạo ác, gây sự sợ hãi. Do thói quen phóng dật có tham ái. Do xả lợi tha, không bi mẫn. Do không rõ biết nên làm và không nên làm, không thông đạt chân thật nghĩa.

Do hình tướng nên Như Lai là chỗ quy y chân chánh: Do hiện thấy, có giao tiếp nói năng. Do hình tướng gần gũi bình dị không khiến hãi sợ. Do không phóng dật, lìa tham ái. Do lòng bi mẫn, thường không xả bỏ việc lợi ích hữu tình. Do khéo rõ biết làm và không làm. Do khéo thông đạt chân thật nghĩa.

Lại do năm tướng chỉ có Như Lai là chỗ quy y

chân chánh. Những gì là năm? 1. Vì lợi ích tất cả hữu tình, thủ Bồ-đề; 2. Vì năng khéo chuyển chánh pháp nhãn; 3. Vì đối với hữu tình có ân có oán, không ân không oán, tâm đều làm lợi ích bình đẳng; 4. Vì xả tất cả nhà cửa, quyến thuộc nhiếp thọ tham ái, các căn tịch tĩnh; 5. Vì năng khéo khai mở tất cả nghi hoặc.

2. *Do tự tánh* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Vì chư thiên kia thuận theo các lậu, tánh không điều thiện mà năng điều ngự người thì không đúng đạo lý. Như Lai vì vĩnh viễn là tất cả lậu, tánh điều thiện, nên năng điều ngự tất cả hữu tình.

3. *Do tác nghiệp* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Chư thiên kia lấy an trú thọ dụng các dục làm nghiệp, tổn hại hữu tình, vẫn còn có thể gây tạo ác nghiệp. Như Lai lấy an trụ tĩnh lự vô cấu rộng lớn làm nghiệp, năng lấy việc lợi ích hữu tình làm nghiệp.

4. *Do pháp nhĩ* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Những người thế gian và những người xuất thế gian có được việc tốt lành hưng thịnh, tất cả đều nương công lực chính mình. Nếu là công

lực đây, dù đối với chư thiên kia cúi mình sanh sâu cung kính cũng chẳng thể được. Tuy đối với chư thiên kia không làm những việc trên, chỉ cần tạo tác lực lành thiện sung mãn tất năng được.

5. *Do nhân quả* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Thân chư thiên kia là do năng cảm nghiệp trời mà được, hay do cúng dường chư thiên mà được, hay là không nhân mà được? Nếu do năng cảm nghiệp trời mà được, chỉ nên quy y chỗ nghiệp tạo tác của chính bản thân, chẳng phải chư thiên kia. Nếu không nhân mà được, nên quy y không nhân, chẳng nên quy y chư thiên kia. Nếu do cúng dường chư thiên mà được thân chư thiên đây, là chỉ dùng cúng dường làm nhân, hay là trời, hay cả hai? Nếu chỉ do cúng dường, tùy sự cúng dường mà cảm thân trời, thì trời lẽ là hoang đường. Nếu chỉ do trời, thì cúng dường chỉ nhọc công, không cần cúng dường, trời cũng khiến người kia thành tựu thân trời. Nếu nói do cả hai, tức dùng cúng dường nhiếp hàng chư thiên, tùy theo sở nguyện tư duy đều khiến được quả như ý. Nếu vậy, bảy chủng tử để thành tựu quả như ý không đúng, nên không đúng đạo lý. Đó là: cúng dường duyên nơi

nhiếp thọ; hàng tín giải duyên nơi tín giải; ở nơi sự tín giải; ở nơi năng đạt đến thân trời tối thắng; ở nơi năng được quả như ý vui giàu sang tối thắng; ở nơi năng hoại diệt sở hữu oán địch như A-tu-la...; ở nơi đời chuyển chìm đọa.

Lại nữa, có 4 chủng thanh tịnh: thanh tịnh danh, thanh tịnh ngữ, thanh tịnh tự tánh, thanh tịnh hình tướng.

Lại hình tướng đây có uy đức rộng lớn khiến đoạn các lưới nghi, năng khéo ký biệt, năng khiến giáo hóa người khó giáo hóa, là chỗ quy y của trời người, khéo năng răn nhắc dẫn dắt, năng chứng tánh xuất ly, hàng phục ngoại đạo.

Lại nữa, sao gọi là nên biết tướng sự như sắc... thi thiết sắc... chỉ giả danh có, chẳng phải thật vật có? Tướng huân tập danh lời mà kiến lập thức, duyên tướng sự sắc... kế chấp cho là tánh sắc... Tánh đây chẳng phải thật vật có, chẳng phải thắng nghĩa có. Cho nên, như pháp tướng sắc... đây, hết thấy đều chẳng phải chân thật có, chỉ là tự tánh biến kế sở chấp, nên biết là giả có. Nếu trừ bỏ tướng huân tập danh lời mà kiến lập thức, như duyên tướng sự sắc... ấy, tánh là ngôn thuyết, nên biết

tánh đây là thật vật có, là thắng nghĩa có ư? Trong đây thành lập ngôn luận đạo lý như trong *Bồ-tát địa đã thuyết*. Nếu tướng huân tập danh ngôn mà kiến lập thức, duyên tự tánh biến kế sở chấp làm cảnh, tức thuyết tánh đây chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải giữa hai có chút phần khả đắc; chẳng phải đã sanh, chẳng phải sẽ sanh, chẳng phải đang sanh; chẳng phải đã diệt, chẳng phải sẽ diệt, chẳng phải đang diệt, bản lai tịch tịnh, tự tánh Niết-bàn. Vì có sao? Vì đây chỉ là giả có, chẳng phải thắng nghĩa có. Nếu tự tánh các pháp lìa danh lời, nên biết tánh đây phàm phu sở sanh tà chấp làm duyên, đã sanh, sẽ sanh, đang sanh, đã diệt, sẽ diệt, đang diệt. Nếu chưa vĩnh viễn đoạn tận, chưa biết khắp, liền thành tạp nhiễm. Nếu đã vĩnh viễn đoạn, đã biết khắp, liền thành thanh tịnh.

Lại nữa, có 4 pháp năng khiến Bồ-tát nhiếp đa văn chân chánh, đó là: trì đa văn, chứng đa văn, quả đa văn và tịnh đa văn. Như thứ tự đây thì tướng Bồ-đề nguyện, việc ban lành, lực tư trạch, trụ chốn không nên biết cũng vậy.

Hỏi: Ý lạc giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển có tánh tin hiểu đối với Phật pháp.

Hỏi: Tăng thượng ý lạc giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển có đức tin hiểu đối với Phật pháp.

Hỏi: Thắng giải giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển tin hiểu đối với Phật pháp khả đắc.

Hỏi: Mẫn của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Đối với các khổ của hữu tình hiện tiền, tùy sanh bi mẫn.

Hỏi: Bi của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Đối với các nhân khổ của hữu tình hiện tiền, tùy sanh thương xót.

Hỏi: Tuệ của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Vì thông đạt tánh như sở hữu nơi cảnh sở tri.

Hỏi: Trí của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Vì thông đạt tánh tận sở hữu nơi cảnh sở tri.

Lại có 3 chủng tư duy quá hoạn: Tư duy không rõt ráo; Tư duy phi xứ; Tư duy điên đảo.

Lại nữa, nên biết sở hành huệ thí của chư Bồ-tát do 7 chủng tướng mới được thanh tịnh: 1. Thí vật thanh tịnh; 2. Giới thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Tâm thanh tịnh; 5. Ngũ thanh tịnh; 6. Trí thanh tịnh; 7. Cấu thanh tịnh. Mỗi chủng thanh tịnh như vậy đều có 10 tướng.

1. Sao gọi là *mười tướng thí vật thanh tịnh*? 1. Thí rộng lớn, vì nhiều chủng loại sai biệt; 2. Thí bình đẳng, vì không thêm không bớt; 3. Thí đúng thời, vì đúng lúc người vui thích; 4. Thí thượng diệu, vì đầy đủ sắc...; 5. Thí thanh tịnh, vì chẳng phải vật bất tịnh tạp uế; 6. Thí như pháp, vì tương ưng không tội; 7. Thí tùy vui, vì theo chỗ vui thích của người cầu; 8. Thí lợi ích, vì theo chỗ thích hợp của người; 9. Thí hoặc nhanh hoặc chậm, vì quán người cầu kia; 10. Thí không gián đoạn, vì không đoạn dứt.

2. Sao gọi là *mười tướng giới thanh tịnh*? 1. Phát siêng tinh tấn làm ra tài vật, lấy đây hành huệ thí; 2. Tự tay xếp đặt tài vật mà hành huệ thí; 3. Lìa vật dơ bẩn mà hành huệ thí; 4. Như pháp mà thí; 5. Dùng tài vật có được như pháp mà hành huệ thí; 6. Dứt trừ các ác mà hành huệ thí; 7. Điều

phục các căn mà hành huệ thí; 8. Ân trọng cung kính mà hành huệ thí; 9. Tự tay mà thí; 10. Đối với người tội lỗi của mình trước hành ân dưỡng, nhưng sau huệ thí cho người đến cầu.

3. Sao gọi là *mười tướng kiến thanh tịnh*? 1. Không chấp “ta năng hành thí, vật thí là của ta” mà hành huệ thí; 2. Không so sánh với người rằng “ta là hơn, là bằng, là thua” mà hành huệ thí; 3. Không quán “người sẽ có báo đáp” mà hành huệ thí; 4. Không quán “đương lai có được thú vui giàu sang sung túc vi diệu” mà hành huệ thí; 5. Không quán “thí hoàn toàn không có quả” mà hành huệ thí; 6. Không quán “thí chẳng có quả tương tự” mà hành huệ thí; 7. Không quán “thí có quả điên đảo” mà hành huệ thí; 8. Không quán “sát hại là bạn hữu tốt” mà hành huệ thí; 9. Không quán “có được tướng tốt lành kỳ lạ” mà hành huệ thí; 10. Không vì thế gian ca ngợi khen tặng mà hành huệ thí.

4. Sao gọi là *mười tướng tâm thanh tịnh*? 1. Tâm lân mẫn yêu thương mà hành huệ thí, tức là tự tánh nhu nhuyễn đối với hữu tình; 2. Tâm trân trọng quý mến mà hành huệ thí, tức là đối với đối tượng được thí; 3. Tâm bình đẳng mà hành huệ

thí, tức là đối với người oán, thân và không oán thân; 4. Điều phục cấu tâm mà hành huệ thí, tức là cấu xén tiếc và cấu tích chứa. Nếu không thí cho người, gọi là cấu xén tiếc. Nếu không thọ dụng cho bản thân, gọi là cấu tích chứa; 5. Tâm hân lạc mà hành huệ thí, tức là do bảy tướng: Vì đối với người đến cầu ở vị lai, phát tâm hỷ lạc; Vì đối với người đã đến cầu, mới gặp liền sanh tâm tịnh tín; Vì lúc đang thí, sanh tâm reo vui; Vì sanh tâm tĩnh định; Vì sanh tâm không nhàm đủ; Vì sanh tâm ý hướng đến không nào hại; Vì thí rồi, tâm không hối tiếc; 6. Tâm nhẫn nhục mà hành huệ thí, tức là người cầu có tâm chướng ngại chống đối mạnh mẽ, thì năng kham nhẫn và không buồn chán; 7. Dem tâm từ mà hành huệ thí, tức là đối với người có não hại; 8. Dem tâm bi mà hành huệ thí, tức là đối với người có khổ; 9. Dem tâm hỷ mà hành huệ thí, tức là đối với người có công đức; 10. Dem tâm xả mà hành huệ thí, tức là đối với thân bằng quyến thuộc.

5. Sao gọi là *mười tướng ngữ thanh tịnh*? 1. Trước đối với vật thí, thật lòng buông xả cho người đến cầu; 2. Nếu khi kia đến, liền tán thán: “Lành thay đã đến”; 3. Xa lìa nhãn nhó bực bội, mắt nhìn

đối diện về mặt thư thái, tươi cười vui vẻ, mở lời hỏi thăm trước; 4. Dùng lời nhu nhuyễn cùng trò chuyện, khích lệ an ủi người đến cầu xin; 5. Từ đây không gián đoạn, nói lời: “Rất vui mừng được thí cho ông tiền của vật thực vừa ý”; 6. Đang lúc phát thí nói lời: “Tôi nay huệ thí cho ông”; 7. Nếu người kia phát khởi chống đối chướng ngại hiện nơi sắc mặt, chẳng được phát lời thô; 8. Đối với người cầu xin, hoặc trước mặt, hoặc sau lưng không chê hủ, cũng không bàn nói; 9. Nếu không có vật để thí thì khéo léo mở lời từ chối, hứa là nếu có vật sẽ tùy thí cho; 10. Đối với người cầu xin trọn không đối diện quở trách xua đuổi, chế nhạo khinh khi, cũng không khiến họ biến sắc ôm lòng xấu hổ.

6. Sao gọi là *mười tướng trí thanh tịnh*? 1. Trí thanh tịnh do huệ thí; 2. Trí thanh tịnh do người cầu; 3. Trí thanh tịnh do vật thí; 4. Trí thanh tịnh do gia hạnh thí; 5. Trí thanh tịnh do dùng thí để thành thực hữu tình; 6. Trí thanh tịnh do phương tiện thiện xảo; 7. Trí thanh tịnh do thấy quá hoạn của các dục; 8. Trí thanh tịnh do trừ cầu; 9. Trí thanh tịnh do xa lìa và nhiếp thọ đối với bạn hữu; 10. Trí thanh tịnh do ẩn kín sáu phương.

Trí thanh tịnh do huệ thí: Ở nơi tên gọi khác của thí, ở nơi thể tướng thí, ở nơi huấn từ thí, ở nơi sai biệt thí, đều như thật biết mà hành huệ thí.

Trí thanh tịnh do người cầu: Đối với tất cả hữu tình, đều hiểu biết vì phước điền mà hành huệ thí. Đối với các hữu tình hoặc cao, hoặc thấp, hoặc được, hoặc mất, hoặc oán, hoặc ân, đều năng khéo rõ biết. Tùy theo người đến cầu có tâm vui sai khác mà hành huệ thí. Lại trước dùng tất cả tài vật thí khắp các loại hữu tình, ý vui xả thí. Người đến cầu tự nhiên lấy, đều sanh tùy hỷ.

Trí thanh tịnh do vật thí: Hoặc ở nơi tất cả nghiệp công xảo, trí khéo léo nên nhanh chóng thu được tài vật mà hành huệ thí. Hoặc do nhiếp thọ thiện căn đời trước, hiện pháp chiêu cảm có được tài vật mà hành huệ thí. Hoặc phát thần thông, hoặc do pháp thọ nhận, xếp đặt tài vật mà hành huệ thí, hoặc do tích tập tài bảo từ các phương tiện khác mà hành huệ thí, như khuyến khích dẫn dắt người, hoặc đảm nhiệm công việc kia.

Trí thanh tịnh do gia hạnh thí: Ở nơi gia hạnh thí năng khéo rõ biết, không khiến người cầu thân tâm mỗi mệt, tự tâm không nhiễm mà hành huệ

thí. Khéo năng phân bố thí người đến cầu, thí người nghèo thiếu, thí người không nơi nương tựa, thí người ác hành, thí người diệu hành, thí tôi tớ theo mình. Nếu tài vật có nhiều, tài vật trung bình, tài vật có ít, thì tùy theo chỗ thích hợp nên đúng phép tắc hành thí, chẳng được không thuận phép tắc.

Trí thanh tịnh do dùng thí để thành thực hữu tình: Tức là khéo hiểu biết thí năng thành thực các hữu tình mà hành huệ thí. Dùng vật thí cùng các đại chúng khắp cùng hành thí, cũng khiến đại chúng sanh vô lượng phước. Lại đối với người bản cùng nghèo khổ chung vui hành thí, tức là đem tài vật của mình chia sẻ cho kia rồi khiến kia hành thí. Hoặc có người không nghèo túng mà ôm lòng xén tiếc, tuy muốn huệ thí mà chẳng muốn dùng tài vật của mình hành thí, Bồ-tát liền đem tài vật đến cho rồi khiến kia huệ thí. Nếu kia muốn góp phần trong ruộng Phật pháp, hoặc ruộng của Tăng, Bồ-tát liền đem tài vật thí xả cho kia, khiến kia tạo làm. Do nhân duyên đây, ở trong hai cửa đều sanh vô lượng phước.

Trí thanh tịnh do phương tiện thiện xảo: Hoặc

do dạy dẫn khiến hành huệ thí; hoặc do lực cưỡng ép khiến hành huệ thí; hoặc do lãnh ân kia khiến hành huệ thí; hoặc do kế sòng khiến hành huệ thí; hoặc do thần lực khiến hành huệ thí.

Trí thanh tịnh do thấy quá hoạn của các dục: Tức là ở nơi sở hữu quá hoạn của các dục, như thật rõ biết mà hành huệ thí. Đó là ở trong khổ uẩn, rõ biết thời của hai chủng quá hoạn: hiện pháp, hậu pháp. Hoặc rõ biết thời của 5 chủng quá hoạn, đó là năm chủng quá hoạn như kinh đã thuyết. Hoặc rõ biết thời của 6 chủng quá hoạn, đó là tăng ngữ “các dục đây đáng sợ hãi”, hết thấy loại như vậy như kinh đã rộng thuyết. Hoặc rõ biết thời của 7 chủng quá hoạn, đó là biết các dục vô thường hư ngụy cuồng vọng, là pháp có lỗi, giống như huyễn hoặc làm mê loạn ngu phu. Hoặc rõ biết thời của 8 chủng quá hoạn, đó là biết các dục như xương mục như kinh đã thuyết, cho đến như cây có quả chín.

Trí thanh tịnh do trừ cấu: Ở nơi sự khiển trừ 14 cấu nghiệp, như thật rõ biết mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khú-Lạc-Ca* đã thuyết.

Trí thanh tịnh do xa lìa và nhiếp thọ bạn hữu: Tức là khéo xa lìa bốn chủng bạn ác, nhiếp thọ

bốn chủng bạn lành mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khứ-Lạc-Ca* đã thuyết.

Trí thanh tịnh do ẩn kín sáu phương: Tức là ẩn kín sáu phương mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khứ-Lạc-Ca* đã thuyết.

7. Sao gọi là *mười tướng cấu thanh tịnh*?

1. Xa lìa cấu giải đãi mà hành huệ thí, tức là hoặc xa hoặc gần, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thân mỗi mọt, hoặc không mỗi mọt, hoặc thân gầy yếu, hoặc không gầy yếu, mà thường huệ thí.

2. Xa lìa cấu tham mà hành huệ thí, tức là đối với tài vật.

3. Xa lìa cấu sân mà hành huệ thí, tức là đối với người cầu.

4. Xa lìa cấu si mà hành huệ thí, tức là đối với nhân quả.

5. Xa lìa cấu chướng mà hành huệ thí, tức là bốn chủng chướng: Không thường xuyên huân tập; Thiếu thốn; Say đắm; Quán sát quả.

6. Khéo phân chia khắp mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu chẳng phải đạo lý, đó là: đối với người bần cùng thiếu thốn; đối với người có tiền của bậc trung; đối với người giàu có.

7. Do viên mãn mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu thiếu giảm, bao gồm sự viên mãn và ý lạc viên mãn. Sự viên mãn lại có bảy tướng: 1. Thí tài sản của mình; 2. Thí đất nước; 3. Thí hữu tình; 4. Thí y phục; 5. Thí nhà cửa; 6. Thí chỗ ở; 7. Thí nội thân. Ý lạc viên mãn: đối với nội thân và tài bảo bên ngoài tự tại thu được, ý lạc không đả trước.

8. Do thanh tịnh mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu không thanh tịnh, đó là do mười chủng thanh tịnh như không chấp, không thủ... như trong phần *Bản địa* đã thuyết.

9. Khéo quán sát mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu ác huệ, bao gồm quán sát vật thí, quán sát ý lạc và quán sát ruộng kia.

Quán sát vật thí: quán sát thọ dụng vượt thắng hơn so với tích chứa; quán sát huệ thí vượt thắng hơn so với thọ dụng. Vì cố sao? Hoặc Bồ-tát chỉ tích chứa, không thể tự lợi, không thể lợi tha, không lợi ích ở hiện pháp, không lợi ích ở hậu pháp. Hoặc Bồ-tát chỉ tự thọ dụng, gọi là nhiều ích mình không nhiều ích người, gọi là lợi ích hiện pháp không lợi ích hậu pháp. Hoặc Bồ-tát năng hành huệ thí, liền tự phát sanh hoan hỷ rộng lớn,

gọi là nhiều ích mình, gọi là nhiều ích người, gọi là lợi ích hiện pháp, gọi là lợi ích hậu pháp.

Quán sát ý lạc lược có 4 chủng: 1. Ở trong nhân, ý lạc không điên đảo; 2. Ở trong quả, ý lạc không đắm trước; 3. Đối với hữu tình, ý lạc bi mẫn; 4. Ở nơi nhất thiết trí trí, ý lạc viên mãn. Do hết thấy loại ý lạc như vậy mà hành huệ thí.

Quán sát ruộng lược do 5 tướng: 1. Ở xứ đây có thể khát cầu được; 2. Ở xứ đây khát cầu lại thêm nghèo khổ thiếu thốn; 3. Ở xứ đây đã có thiếu thốn nghèo khổ, lại thêm không chỗ nương ở yên lành; 4. Ở xứ đây không chỗ nương ở yên lành, lại hành ác hạnh cho là ruộng; 5. Ở xứ đây không có tất cả điều như vậy, mà lại tu hành thiện hạnh khả đắc.

Do bảy chủng tướng nên biết chẳng phải ruộng:

1. Người khát cầu nhiều bạo ác, từng là oán hại, quay đầu nương nơi oán hại mà đến cầu xin;
2. Khuyến khích làm việc lành trọn không thể được;
3. Tâm ô nhiễm ô, vì việc nhiễm ô mà cầu xin;
4. Vì tổn não mà có cầu xin;
5. Người khát cầu hoặc tự là quý, hoặc bị quý yếm nên cầu xin phi xứ;
6. Cầu xin cha mẹ, hoặc cầu xin vật không được dùng

để thí; 7. Năng làm vô nghĩa. Do hết thấy tướng đây nên biết gọi là quán sát chẳng phải ruộng.

10. Đây đủ phương tiện đức mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu lồi lầm do không có phương tiện. Trong đây, phương tiện tức là thường xuyên huân tập thí, không đoái luyến thân mạng, thương xót hữu tình, trí chân thật nghĩa, Vô thượng Bồ-đề, thắng giải dạy dẫn, năng lực mạnh mẽ, nơi giữ gìn báo ân, sanh và thần lực.



Quyển 75

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, nên biết Tỳ-nại-da của Bồ-tát lược có ba tụ. Tụ Tỳ-nại-da luật nghi giới đầu tiên, như Bạc-Già-Phạm vì giáo hóa hữu tình là các Thanh văn nên lược thuyết tướng Tỳ-nại-da đây. Nên biết đó cũng là tụ Tỳ-nại-da.

1. Tụ Tỳ-nại-da nhiếp thiện pháp giới:

Chư Bồ-tát lúc siêng tu tập nhiếp thiện pháp giới, tóm lược phải khéo quán sát ở nơi sáu tâm. Những gì là sáu? 1. Tâm khinh miệt; 2. Tâm đồng hành giải đãi; 3. Tâm bị khuấy lấp; 4. Tâm mỗi nhọc; 5. Tâm tùy hành bệnh; 6. Tâm tùy hành chướng.

Hoặc chư Bồ-tát ở trong thiện pháp sở hữu tâm xem nhẹ, tâm không thẳng giải và tâm lãng miệt, gọi là tâm khinh miệt.

Hoặc tâm bị khuấy nhiễu trói buộc bởi kiêu say, phóng dật, giải đãi, gọi là tâm đồng hành giải đãi.

Hoặc tâm bị quấy nhiễu trôi buộc bởi một trong các cái như tham dục... hoặc bởi các phiền não và tùy phiền não, gọi là tâm bị khuấy lấp.

Hoặc đồng mãnh tinh tấn thái quá, thân mỗi tâm mệt, khiến tâm bị chướng ngăn, gọi là tâm mỗi nhọc.

Hoặc bị các bệnh làm tổn não tâm, không còn sức khỏe, không đủ năng lực kham tu hành, gọi là tâm tùy hành bệnh.

Hoặc tâm đang bị cuốn hút vào vui muốn trò chuyện bàn luận... làm chướng ngại, gọi là tâm tùy hành chướng.

2. Tu Tỳ-nại-da nhiếp luật nghi giới: Bồ-tát ở trong sáu chủng tâm đây, nên chân chánh quán sát: “Trong sáu chủng tâm đây, ta đang hiện tùy hành theo một tâm chẳng, hay không tùy hành chẳng?”. Ở nơi ba tâm trước, Bồ-tát một hướng không nên sanh khởi. Giả sử đã sanh khởi, không nên thọ lâu. Nếu đã thọ lâu mà không xả bỏ, hiện hành khắp tất cả ba tâm đây đều gọi là có tội.

Khi tâm mỗi nhọc hiện tiền, do tâm đây nên phải xả phương tiện thiện. Nếu chỉ tạm thời khiến

thân tâm bớt mỗi nhọc do thực hành quá nhiều thiện pháp, nên biết không tội. Nhưng nếu xả ly vất bỏ hoàn toàn, như khởi tâm: “Ta tinh siêng tu tập thiện pháp như vậy rốt ráo để làm gì, khiến hiện tại ta phải chịu khổ đây”. Nếu Bồ-tát như vậy nên biết có tội.

Khi tâm tùy hành bệnh hiện tiền, Bồ-tát ở thân bệnh không được tự tại, chẳng tùy ý thích mà tu gia hạnh thiện pháp, tuy nhẫn thọ lâu mà không có tội.

Khi tâm tùy hành chướng hiện tiền, hoặc không theo đó bị nhập trong ấy, hoặc quán trong đây có nghĩa lợi lớn tuy lại nhẫn thọ mà không có tội; hoặc theo đó nhập vào trong ấy, hoặc quán trong đây không có nghĩa lợi, hoặc có ít nghĩa lợi mà cố ý nhẫn thọ, nên biết có tội.

Trong sáu tâm đây, ba tâm trước sanh rồi mà nhẫn thọ thì một hướng có tội. Tâm tùy hành bệnh tuy lại nhẫn thọ mà một hướng không tội. Hai tâm còn lại nếu sanh khởi rồi mà nhẫn thọ, hoặc là có tội, hoặc là không tội.

3. Tu Tỳ-nại-da nhiếp nhiều ích hữu tình

giới: Hoặc chư Bồ-tát ở trong việc lợi ích hữu tình giới mà siêng năng tu tập, nên chân chánh quán sát sáu xứ nhiếp hành: tài suy, tài thịnh, pháp suy, pháp thịnh, của mình, của người. Đó gọi là sáu xứ.

Nói tài suy tức là vật thực, y phục... chưa được, chẳng được, được rồi hoại mất. Trái tướng đây là tài thịnh.

Nói pháp suy tức là trái vượt sở học. Đối với pháp cú vi diệu nhiếp thuộc thắng nghĩa mà Như Lai thuyết, trước chưa từng nghe, nay cũng không được nghe. Như ở nơi những điều trước chưa được lắng nghe mà không được nghe, thì ở nơi những điều trước chưa tư duy, không được tư duy cũng vậy. Cho nên có chướng lắng nghe và có chướng tư duy. Giả sử có được lắng nghe, được tư duy, cũng lại quên mất. Ở nơi pháp thiện cần tu tập chứng đắc thành thực mà chưa năng chứng, giả sử chứng được cũng trở lại thối thất. Trái với tướng đây gọi là pháp thịnh.

Trong đây, hoặc chư Bồ-tát tự làm pháp suy, khiến người tài thịnh, thì không được làm. Như tài thịnh, khiến pháp thịnh cũng vậy. Trong đây

tức nghĩa nhiếp thuộc trái vượt sở học và nhiếp thuộc năng thuận theo trái vượt sở học, hoặc nhiếp thuộc ở nơi pháp đã chứng mà thối thất, nên biết pháp suy.

Lại chư Bồ-tát tự làm tài suy, khiến người tài thạnh, hoặc tài thạnh đây chẳng dẫn pháp suy thì được làm, hoặc dẫn pháp suy thì không được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tự làm tài thạnh, khiến người tài thạnh, thì được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tự làm pháp thạnh, khiến người tài thạnh, đây được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy. Ở nơi việc như vậy mà không tu hành gọi là có tội. Nếu chân chánh tu hành gọi là không tội.

Như vậy đã thuyết sở thọ ba chủng luật nghi tóm lược Tỳ-nại-da của Bồ-tát. Trong đây Bồ-tát luôn phải tác ý tư duy tu học. Hoặc ở trong ba chủng sở thọ Bồ-tát giới mà tùy có chỗ khuyết phạm, nên biết chẳng phải phòng hộ, nên nói chẳng phòng hộ luật nghi Bồ-tát, không được gọi là phòng hộ.

Ba chủng giới đây do sự thâm nhiếp giữ gìn của luật nghi giới khiến được hòa hợp. Nếu năng ở trong đây tinh siêng thủ hộ một giới, cũng năng tinh siêng thủ hộ hai giới còn lại. Hoặc ở trong đây không năng thủ hộ một giới, cũng không năng thủ hộ hai giới còn lại. Cho nên nếu Bồ-tát hủy phạm luật nghi giới, cũng gọi là hủy phạm tất cả luật nghi Bồ-tát.

Hoặc có người vì khiến người khác biết, vì tùy thuận người, được người khuyến khích dẫn dắt mà thọ Bồ-tát giới. Chẳng phải người kia tự khởi ý lạc tăng thượng tùy quán sát tự sanh tịnh tín. Chẳng phải đối với hữu tình, người kia trụ tâm lân mẫn, vui thích thiện pháp mà thọ Bồ-tát giới. Cho nên nói người như vậy chẳng phải chân thật phòng hộ, cũng không tu tập thiện pháp hoàn mãn, cũng chẳng thể đắc quả lợi ích thù thắng của việc thọ giới kia. Trái với tướng đây, nên biết gọi là chân thật phòng hộ, cũng năng thành tựu quả lợi ích thù thắng của việc kia.

Lại nữa, có người không xả luật nghi như vậy, nên biết sanh đời khác cũng tự nhiên được tùy chuyển. Người xả luật nghi thì không như vậy.

Lại nhân duyên xả bỏ lược có 4 chủng: 1. Tâm quyết định phát khởi thọ, mà tâm không đồng phân; 2. Hoặc trước từng có nhận thức đúng đắn về việc thọ giới luật nghi Bồ-tát, nay cố ý khởi lời nói xả bỏ; 3. Hủy phạm chung, hủy phạm riêng đối với bốn chủng pháp *vượt hơn người*; 4. Nếu biểu hiện phẩm triền tăng thượng, hủy phạm chung, hủy phạm riêng thuận theo bốn chủng pháp *vượt hơn người*, do nhân duyên đây nên biết xả bỏ luật nghi Bồ-tát. Hoặc có người tâm trở lại thanh tịnh, thì được phép thọ trở lại.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát xuất gia, trừ sở hữu ba y bên ngoài là vật được Phật cho phép giữ lại để thân thọ dụng, thuận cho việc đi đứng được an vui. Hoặc tư trạch thí người đến cầu, nên biết không tội. Hoặc nghĩ đến phẩm thiện, không do chướng keo tham mà không thí người, cũng không có tội.

Hoặc trên giấy, lá đã viết chánh pháp, có chúng sanh huệ nông cạn đến xin mà thí cho kia, nên biết có tội. Hoặc khuyên người thí cũng gọi là có tội. Trừ tác tâm đây: “Ta nay muốn huệ thí cho kia, vì muốn rõ biết người kia ở nơi pháp thâm sâu kham thọ trì chẳng, hay không kham tin hiểu

chăng?”. Như vậy không tội.

Hoặc dùng giấy lá viết tương tự chánh pháp và luận ngoại đạo, hoặc đã biên chép từ trước, trao tay cho chúng sanh khiến kia tin hiểu, lại khuyến khích người cho, nên biết có tội. Bồ-tát chỉ nên khuyên người xả bỏ dị luận chép tay kia, hoặc khiến kia biên chép thánh giáo chư Phật. Nếu tự biết người kia không thật tin sâu, thì không được khai thị.

Hoặc có giấy lá chưa biên chép, có người đến cầu xin, Bồ-tát nên hỏi kia rằng: “Ông dùng vật này làm gì?”. Người kia đáp rằng: “Tôi bán để đổi lấy vật cần dùng”. Nếu giấy đây dùng ghi chép chánh pháp thì chẳng được thí, hoặc có vật khác tốt đẹp hơn thì nên thí. Nếu không có vật tốt đẹp, đều không thí cả hai, cũng không tội. Người kia đáp rằng: “Tôi xin vật đây để viết chánh pháp”, tức liền thí cho kia, rồi bảo: “Tùy ý thọ dụng”. Nếu kia muốn ghi chép điều hạ liệt, chẳng thí không tội. Như ghi chép điều hạ liệt, thì hết thấy điều khác cũng vậy. Nếu kia muốn ghi chép kinh điển thù thắng, nên biết không thí thì có tội.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình đã có ân,

theo đó phát khởi tướng ân tương tục và ý vui thân thiện, đem tâm có nhiệm phương tiện nhiếp thọ muốn làm bằng hữu, nên biết có tội. Hoặc đối với các hữu tình có oán, theo đó phát khởi tướng oán tương tục, ý muốn trả báo, có tâm uế trước, nên biết có tội. Hoặc đối với hữu tình không ân oán, phát khởi tương tục ý vui trung dung, ý vui xả bỏ, nên biết có tội.

Hoặc hiện tiền có người muốn cầu xuất gia, chư Bồ-tát theo đó quán sát thấy có quá hoạn, có kiếp quá hoạn, chẳng độ xuất gia nên biết không tội. Hoặc vì an trụ tâm lân mẫn đối với kia, tuy độ xuất gia mà không tội. Như thuyết xuất gia, thì thọ Cụ túc giới, làm chỗ cho kia y chỉ, nhiếp làm đồ chúng nên biết cũng vậy. Do hết thấy sở hữu hành tướng đây, nên biết ba chủng giới uẩn luật nghi của Bồ-tát đều được viên mãn.

Lại nữa, trước đã rộng thuyết về thí... nay sẽ thuyết lược.

Sở hữu bố thí của chư Bồ-tát lược do tương ưng 5 chủng công đức được nhập trong số Bố thí Ba-la-mật-đa. Những gì là năm? 1. Không đăm trước; 2.

Không luyến tiếc; 3. Không tội; 4. Không phân biệt; 5. Hồi hương. Như thí, thì giới... cũng vậy.

Không đấm trước: ở trong tất cả pháp chương chủng thí... không bị ngăn ngại.

Không luyến tiếc: ở trong có nhiệm và quả của kia, tâm không buộc đấm.

Không tội: xa lìa tùy phiền não của tất cả chủng thí...

Không phân biệt: ở nơi thí... không quán tự tánh biến kế sở chấp.

Hồi hương: đem tất cả các hành thí... nguyện đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bồ-tát như vậy do 5 đức đây nhiếp thọ tất cả Ba-la-mật-đa, gọi là thí của Bồ-tát cho đến gọi là tuệ của Bồ-tát; gọi là tất cả thí, cho đến gọi là tất cả tuệ; gọi là khó thí, cho đến gọi là khó tuệ. Nói rộng cho đến tất cả tụng Ốt-Đà-Nam đều theo đó quyết liễu, tất cả đều như phần *Bản địa* đã thuyết.

Lại nữa, ở nơi *Bố thí Ba-la-mật-đa*, do nội và ngoại có 10 tùy phiền não, vì đối trị kia nên đắc 10 chủng thanh tịnh của *Bố thí Ba-la-mật-đa*, như trong *Bồ-tát địa* đã thuyết.

Nương ngoại môn có 5 tùy phiền não: 1. Tánh

niêm não khắp; 2. Tánh xả bỏ; 3. Tánh không nắm giữ khả lạc; 4. Tánh ý hư vọng không viên mãn; 5. Tánh không thành thực.

Nương nội môn có 5 tùy phiền não: 1. Tánh không ra khỏi xa lia; 2. Tánh tạp nhiễm não; 3. Tánh yếu kém thấp hèn; 4. Tánh hiện tiền bị dọa; 5. Tánh pháp tận diệt.

Lại nữa, *Trì giới Ba-la-mật-đa* có 10 chủng thanh tịnh, chủng ban đầu là ý lạc thanh tịnh, chín chủng còn lại là gia hạnh thanh tịnh.

Ở trong gia hạnh lại có 5 chủng: 1. Gia hạnh không gián đoạn khuyết hở; 2. Gia hạnh tu sửa trị khắp; 3. Gia hạnh hồi hướng; 4. Gia hạnh trợ bạn; 5. Gia hạnh phòng hộ giữ gìn.

Chủng thứ hai, thứ ba là gia hạnh ban đầu. Chủng thứ tư là gia hạnh thứ hai. Chủng thứ năm là gia hạnh thứ ba. Chủng thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín là gia hạnh thứ tư. Chủng thứ mười là gia hạnh thứ năm.

Lại nữa, *An nhẫn Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh, lược có 2 chủng thanh tịnh. Chín chủng trước gọi là lược tư trạch thanh tịnh. Chủng thứ mười gọi là lược tu tập thanh tịnh.

Lục tư trạch thanh tịnh lại có 4 chủng: 1. Xa lìa tội sanh thanh tịnh; 2. Không hiện hành kia thanh tịnh; 3. Không sanh tội thanh tịnh; 4. Xa lìa nhân duyên kia thanh tịnh. Chủng thứ nhất, chủng thứ hai, chủng thứ ba... đều tùy theo thứ lớp trên.

Nhân duyên không nhân cũng có 3 chủng: 1. Không tà; 2. Không quý; 3. Tánh không ai mãi.

Lại nữa, *Tinh tấn Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh: 1. An xứ thanh tịnh; 2. Thuần thực thanh tịnh; 3. Sách tấn thanh tịnh; 4. Phương tiện thanh tịnh; 5. Chẳng để thời gian trôi qua uổng phí thanh tịnh; 6. An trụ không khó khăn thanh tịnh; 7. Xuất ly thanh tịnh; 8. Nhiếp thọ trợ bạn thanh tịnh; 9. Thần thông nhanh chóng thanh tịnh; 10. Tánh không cùng tận thanh tịnh.

Lại nữa, *Tinh lự Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh: 1. Thanh tịnh thanh tịnh; 2. Vô lậu thanh tịnh; 3. Phương tiện căn bản thanh tịnh; 4. Chứng đắc căn bản thanh tịnh; 5. Phương tiện tự tại thanh tịnh; 6. Trụ tự tại thanh tịnh; 7. Dẫn phát thần thông tự tại thanh tịnh; 8. Thuần thực hữu tình tự tại thanh tịnh; 9. Hàng phục ngoại đạo tự tại thanh tịnh; 10. Lìa hệ buộc, vô thượng thanh tịnh.

Lại nữa, *Trí tuệ Ba-la-mật-đa* có 5 thanh tịnh:
1. Thông đạt các tướng thanh tịnh; 2. Thông đạt duyên khởi thanh tịnh; 3. Thông đạt dạy dẫn thanh tịnh; 4. Thông đạt dụng sĩ phu thanh tịnh; 5. Thông đạt chứng đắc thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-tát ở nơi thân trụ quán tuần thân? Ở nơi thân, quán tuần hoàn các tướng của thân là chân như. Như ở nơi thân, thì ở nơi thọ, tâm, pháp tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Sao gọi là Bồ-tát vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh chẳng sanh, cho đến nói rộng...? Ở nơi cảnh chân như buộc tâm khiến an trụ, vì khiến tất cả tướng và thô trọng chưa hiện tiền bên trong chưa sanh vì chẳng sanh, nên sanh vui muốn, cho đến nói rộng. Như vì khiến chưa sanh được chẳng sanh, thì đã sanh đã được hiện tiền, bên trong sanh vì khiến đoạn, nên ở nơi sở hữu thiện pháp năng đối trị chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ, cho đến nói rộng. Nên biết trong đây, ở nơi vị niệm trụ, buộc tâm đầu tiên an đặt cảnh sở duyên. Kế đến ở nơi sở duyên, khiến tâm an trụ siêng tu chánh đoạn. Kế đến đã đắc định rồi, vì khiến định

đây khéo viên mãn, nên ở trong thân tức siêng tu gia hạnh. Đã viên mãn định rồi, vì khiến lìa trôi buộc của tất cả tướng và thô trọng, nên nương tín căn... tu đạo gia hạnh. Trong đạo gia hạnh, căn là phẩm hạ, lực là phẩm thượng. Như vậy chánh tu đạo gia hạnh rồi, kế đến đắc giác chi thông đạt thật tế. Đạt thật tế rồi, kế đến tu đạo chi. Lần hồi cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ở nơi tất cả chương đều được giải thoát.

Lại nữa, tướng thô trọng phược có 14 chủng sai biệt: 1. Căn phược; 2. Cảnh phược; 3. Hữu tình triển chuyển ái lẫn nhau phược; 4. Kiến lập phược, tức là sở hữu các căn nương khí thể gian mà chuyển, nên gọi là kiến lập; 5. Ở nơi cảnh sở tri, vô trí phược; 6. Ở nơi trí năng tri, vô trí phược; 7. Ái hậu hữu phược; 8. Ái vô hữu phược; 9. Chấp trước nhân không bình đẳng và không nhân phược; 10. Chứng đắc tăng thượng mạn phược; 11. Chấp trước tự tánh biến kế sở chấp phược; 12. Chấp trước tự tánh bổ-đặc-già-la phược; 13. Biết khắp bổ-đặc-già-la tăng thượng mạn phược; 14. Biết khắp pháp tăng thượng mạn phược.

Lại nữa, Bồ-tát siêng tu niệm trụ nương Không,

khiến tâm nhanh chóng được giải thoát khỏi 6 chủng vọng tưởng phược. Sao gọi là 6 chủng tưởng phược? Phát khởi nội tưởng đối với thân cho đến đối với pháp, gọi là tưởng phược thứ nhất. Liên ở trong ấy phát khởi ngoại tưởng là tưởng phược thứ hai. Liên ở trong ấy phát khởi nội ngoại tưởng là tưởng phược thứ ba. Hoặc đối với các hữu tình giới ở mười phương vô lượng vô số cõi, nguyện khiến giải thoát nên tu tập các niệm trụ, ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ tư. Hoặc do đây ở nơi thân cảnh... mà trụ quán tuần thân... ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ năm. Liên ở nơi thân... trụ quán tuần thân... ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ sáu, tức ở trong đây là quán tuần hoàn.

Lại về sau có 11 tưởng phược theo sau. Sao gọi là về sau có mười một tưởng phược theo sau? Tức là ở nơi thân... trụ quán tuần thân...; ở nơi các đế tạp nhiễm thanh tịnh, phát khởi tưởng đệ nhất nghĩa là phược ban đầu. Liên ở trong tạp nhiễm đệ nhất nghĩa, phát khởi tưởng tạo tác là phược thứ hai. Ở trong thanh tịnh đệ nhất nghĩa, phát khởi tưởng không tạo tác là phược thứ ba. Tức ở trong không

tạo tác đệ nhất nghĩa, phát khởi tướng thường là phược thứ tư. Tức ở trong tạp nhiễm tạo tác, phát khởi tướng lưu chuyển là phược thứ năm. Tức ở trong thường, phát khởi tướng không biến đổi là phược thứ sáu. Tức ở trong lưu chuyển, do có khổ, có biến đổi, phát khởi tướng tánh khổ là phược thứ bảy. Tức ở trong đây, do tự tướng sanh diệt trụ dị, do tự tướng có biến đổi, phát khởi tướng tự tướng kia là phược thứ tám. Tức ở trong không biến đổi cùng có biến đổi đệ nhất nghĩa, phát khởi tướng năng nhiếp tất cả pháp nhiễm ô thanh tịnh là phược thứ chín. Tức ở trong tất cả pháp tạp nhiễm thanh tịnh, sở hữu tướng ngã không nhiễm tịnh là phược thứ mười. Tức ở các pháp tạp nhiễm thanh tịnh, phát khởi tướng tướng vô tự tánh là phược thứ mười một. Do chư Bồ-tát ở nơi các hành tướng phược theo sau, chân chánh quán sát cảnh giới sở tri, nên năng nương nơi Không khéo tu niệm trụ khiến tâm giải thoát. Vì ở nơi tướng phược đây được giải thoát, nên tất cả tướng phược đều được giải thoát.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có một loại người ác chấp thủ “không”, nói lời như vậy: Do thế tục nên

tất cả đều có, do thắng nghĩa nên tất cả đều không.

Nên bảo kia rằng: Trưởng lão! Gì là thế tục? Gì là thắng nghĩa?

Hỏi rồi, nếu kia đáp rằng: Hoặc tất cả pháp đều vô tự tánh chính là thắng nghĩa. Hoặc ở trong các pháp vô tự tánh, tự tánh khả đắc, gọi là thế tục. Vì cố sao? Trong vô sở hữu kiến lập thế tục, vì giả thiết danh lời mà khởi thuyết vậy.

Nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, danh lời thế tục là từ nhân mà có tự tánh khả đắc, hay chỉ ở nơi danh lời thế tục mà nói có? Nếu danh lời thế tục từ nhân mà có, thì danh lời thế tục từ nhân mà sanh, mà chẳng phải là có thì không đúng đạo lý. Nếu chỉ ở nơi danh lời thế tục mà nói có, tức danh lời thế tục không sự mà có, thì không đúng đạo lý.

Lại nên bảo rằng: Trưởng lão! Duyên nào các ông cho là đây vô tự tánh khả đắc?

Hỏi rồi, người kia đáp rằng: Vì sự diên đảo.

Lại nên bảo rằng: Ông muốn thế nào, sự diên đảo đây là có hay là không? Nếu nói có, thì thuyết tất cả pháp do thắng nghĩa nên đều vô tự tánh, thì không đúng đạo lý. Nếu nói không, thì do sự diên

đảo mà các ông cho là đây vô tự tánh khả đắc, thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, nên biết do năm tướng trong *Kinh Tu Trách Đại Thừa* thuyết về nhân duyên khởi thuyết, đó là: vì sanh cung kính đối với người thuyết, khởi thuyết thứ nhất; vì nhiếp chúng, khởi thuyết thứ hai; vì sanh tôn trọng đối với chánh pháp, khởi thuyết thứ ba; vì tự sự, khởi thuyết thứ tư; vì muốn tuyên thuyết chân thật nghĩa và vì nhiều sở tác, khởi thuyết thứ năm.

Lại nữa, vì nương quán tự tướng, cộng tướng của mười hai xứ có 10 chủng đạo không điên đảo, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng. Nên biết trong đây có 6 chủng quán tự tướng, 4 chủng quán cộng tướng.

Tức là ở trong mười hai xứ như nhãn... giả lập tướng danh lời, năng liễu tri khắp kia chỉ có tướng danh lời. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ nhất năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng nhiếp thọ phân biệt hư vọng chủng chủng sanh. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ hai năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng nương nhân chuyển. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ ba, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng hoại lẫn nhau, chuyển lẫn nhau. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ tư năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng thanh tịnh chuyển. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ năm năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng. Trong đây nên biết nương hai chủng nghiệp có hai thanh tịnh: 1. Sanh khởi thanh tịnh; 2. Tịch diệt thanh tịnh.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng sở hữu danh lời được đặt để. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ sáu năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Như đây gọi là sáu chủng quán sát tự tướng.

Tức là ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tự tánh cộng tướng. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ bảy năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng sở hành vô phân biệt. Đây

gọi là đạo không điên đảo thứ tám năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng sở hành pháp xuất thế. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ chín, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng nhân thanh tịnh. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ mười năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Như đây là bốn chủng quán sát cộng tướng.

Lại nữa, nên biết có 8 thù thắng mà càng về sau các trụ địa triển chuyển càng thù thắng hơn: 1. Ý lạc thù thắng; 2. Tâm thanh tịnh thù thắng; 3. Bi thù thắng; 4. Ba-la-mật-đa thù thắng; 5. Thành thực hữu tình thù thắng; 6. Được gặp chư Phật, đi đến thừa sự cúng dường thù thắng; 7. Sanh thù thắng; 8. Thần lực thù thắng.

Lại nữa, thắng nghĩa để có 5 chủng tướng: 1. Tướng lìa danh lời; 2. Tướng không hai; 3. Tướng vượt quá sở hành tâm tư; 4. Tướng vượt quá các pháp tánh một, tánh khác; 5. Tướng ở khắp tất cả một vị.

Lại nữa, nay thuyết **tướng lìa danh lời và tướng không hai của thắng nghĩa đế**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Như Lý Thỉnh Vấn Bồ-tát hỏi Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát rằng: Tối Thắng Tử! Nói tất cả pháp không hai, thì tất cả pháp không hai ấy những gì là tất cả pháp? Sao nói là không hai?

Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát bảo Như Lý Thỉnh Vấn Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Tất cả pháp lược có hai chủng: một là hữu vi, hai là vô vi. Trong đây, hữu vi phi hữu vi phi vô vi, vô vi cũng phi vô vi phi hữu vi.

Tối Thắng Tử! Như sao là hữu vi phi hữu vi phi vô vi, vô vi cũng phi vô vi phi hữu vi?

Thiện nam tử! Nói hữu vi ấy tức là Đức Bổn Sư giả thi thiết cú. Nếu là Đức Bổn Sư giả thi thiết cú, tức là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói. Nếu là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói, tức là chủng chủng chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói rất ráo chẳng thành thật, nên chẳng phải là hữu vi.

Thiện nam tử! Nói vô vi ấy cũng là rơi trong ngôn từ. Giả sử lìa hữu vi mà có chút phần sở

thuyết về vô vi, tướng ấy cũng vậy. Nhưng chẳng phải không sự mà có sở thuyết. Những gì là sự? Đó là các thánh giả dùng thánh trí thánh kiến, vì lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng đó là hữu vi.

Thiện nam tử! Nói vô vi ấy cũng là Bản Sư giả thi thiết cú. Nếu là Bản Sư giả thi thiết cú tức là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói. Nếu là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói, tức là chủng chủng tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói rất ráo chẳng thành thật, nên chẳng phải là vô vi.

Thiện nam tử! Nói hữu vi ấy cũng rơi trong ngôn từ. Giả sử lìa vô vi có chút phần sở thuyết về hữu vi, tướng ấy cũng vậy. Nhưng chẳng phải không sự mà có sở thuyết. Những gì là sự? Đó là các thánh giả dùng thánh trí thánh kiến, vì lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng vô vi.

Tối Thắng Tử! Việc ấy thế nào? Các thánh giả kia dùng thánh trí thánh kiến lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức ở nơi pháp tánh lìa lời

như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng, hoặc nói là hữu vi, hoặc nói là vô vi ư?

Thiện nam tử! Như thầy huyễn giỏi, hoặc đệ tử của kia, ở ngã tư đường góp nhặt ngói đá vụn, cỏ lá cây... hiện làm chũng chũng sự việc huyễn hóa, chỗ gọi hoặc thân ngựa, thân voi, thân xe, thân bộ, hoặc ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, chũng chũng kho tàng tài bảo. Hoặc có các chúng sanh chũng loại ngu si, ngoan độn, ác huệ, không hiểu biết; ở nơi ngói đá vụn, cỏ lá cây... các sự huyễn kể trên, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Như chỗ đã thấy đây thật có thân voi, thân ngựa, thân xe, thân bộ, thật có ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, chũng chũng kho tàng tài bảo”. Như chỗ thấy đây, như chỗ nghe đây chấp trước kiên cố. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều ngu si hư vọng. Những kẻ kia ở thời sau càng thêm quán sát.

Hoặc có chúng sanh chẳng phải ngu, chẳng phải độn, thuộc chũng loại thiện huệ, có sự hiểu biết; ở nơi ngói đá vụn, cỏ lá cây... các sự huyễn hóa kể trên, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy:

“Như chỗ đã thấy đây không thật thân voi, thân ngựa, thân xe, thân bộ, không thật có ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô chủng chủng kho tàng tài bảo. Nhưng có sự việc hình trạng huyền mê hoặc mắt, nên ở trong ấy phát khởi tưởng thân voi lớn, hoặc khác với thân voi lớn, cho đến phát khởi chủng chủng tưởng kho tàng tài bảo, hoặc tưởng chủng loại sai khác”. Ở chỗ thấy chẳng như thật đây, nghe chẳng như thật đây mà kiên cố chấp trước. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều ngu si hư vọng. Vì muốn tỏ rõ nghĩa như vậy, nên cũng ở trong ấy mà tùy khởi nói năng. Những kẻ kia ở thời sau không tu tập quán sát.

Như vậy, hoặc có chúng sanh là loại ngu phu, là loại dị sanh, chưa đắc các thánh tuệ xuất thế gian, chẳng thể rõ biết ở nơi tất cả pháp, pháp tánh là lời. Kẻ kia ở nơi tất cả hữu vi vô vi, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Như chỗ được đây quyết định thật có hữu vi vô vi”. Như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe chấp trước kiên cố, theo đó khởi nói năng, chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều là ngu si hư vọng. Những kẻ kia ở thời sau càng

thêm quán sát.

Hoặc có chúng sanh chẳng phải loại ngu si, đã kiến thánh đế, đã đắc các thánh tuệ xuất thế gian, như thật rõ biết tất cả pháp, pháp tánh lìa lời. Người kia ở nơi tất cả hữu vi vô vi, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Chỗ đã được đây quyết định không thật hữu vi vô vi”. Nhưng chỗ khởi hành tướng có phân biệt, giống như sự huyền mê hoặc huệ hiểu biết, bên trong phát khởi tướng cho là vô vi, hoặc tướng cho là khác với vô vi. Ở nơi thấy chẳng như thật, nghe chẳng như thật đây mà chấp đắm kiên cố. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều là ngu si hư vọng. Vì muốn tỏ rõ nghĩa như vậy, cũng ở trong đây mà khởi nói năng. Những kẻ kia ở thời sau không tu tập quán sát.

Như vậy, thiện nam tử! Các thánh giả kia ở trong sự đây dùng thánh trí thánh kiến lìa danh lời, hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác mà giả lập danh tướng đó là hữu vi, đó là vô vi.

Bấy giờ, Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát muốn trùng tuyên nghĩa đây mà tụng kệ rằng:

*Phật thuyết nghĩa lìa lời không hai
 Thắm sâu, chẳng phải kẻ ngu hành,
 Ngu phu đối đây bị si hoặc,
 Nương say đắm hý luận nói hai,
 Kia hoặc bất định hoặc tà định,
 Lưu chuyển lâu dài sanh tử khổ.
 Trái ngược chánh trí luận như vậy,
 Sẽ sanh trong loài trâu dê thảy.*

Lại nữa, nay thuyết **tướng thắng nghĩa để vượt quá sở hành tâm tư.**

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Pháp Dũng Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Từ đây qua phương Đông quá bảy mươi hai hàng hà sa thấy thế giới, có thế giới tên là Cự Đại Danh Xung. Như Lai cõi ấy hiệu là Quảng Đại Danh Xung. Tôi ở ngày trước từ nước Phật kia phát nguyện đến đây. Tôi ở nước Phật kia từng thấy có bảy vạn bảy ngàn thầy đứng đầu ngoại đạo cùng ngồi một hội, cùng ở một nơi, cùng vì tư duy về tướng thắng nghĩa để của các pháp. Những vị kia cùng nghĩ bàn, xúng lợng, quán sát, tầm cầu khắp tướng thắng nghĩa để các pháp, rất ráo trợn chẳng thể

được. Chỉ toàn vô số ý hiểu, ý hiểu riêng khác, ý hiểu biến đổi. Do đây họ chống đối lẫn nhau, cùng nhau tranh luận, cho đến dùng lời chỉ trích lẫn nhau, rồi buồn bã chia lìa.

Bạch Thế Tôn! Tôi khi bấy giờ thâm nghĩ thế này: Như Lai xuất thế thật là hy hữu. Bởi xuất thế, nên ở nơi tướng thắng nghĩa để vượt quá tất cả sở hành tâm tư như vậy cũng đã thông đạt tác chứng khả đắc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Pháp Dũng Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Như vậy, như vậy, như ông đã nói. Ta ở nơi tướng thắng nghĩa để vượt quá tất cả cảnh tâm tư, hiện Chánh đẳng giác. Hiện Chánh đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển hiện khai giải, thi thiết soi tỏ. Vì cố sao? Ta nói tướng thắng nghĩa ấy, là các bậc thánh bên trong tự sở chứng. Còn theo sở hành tâm tư ấy, là các dị sanh triển chuyển sở chứng. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa để vượt quá cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói tướng thắng nghĩa sở hành vô tướng; tâm tư chỉ hành cảnh giới có tướng. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa chẳng thể ngôn thuyết; tâm tư chỉ hành cảnh giới ngôn thuyết. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa tuyệt dứt các biểu thị; tâm tư chỉ hành cảnh giới biểu thị. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa tuyệt dứt các tranh luận; tâm tư chỉ hành cảnh giới tranh luận. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng nên biết, thí như có người tận hết thọ mạng chỉ tiếp xúc toàn vị khổ cay đắng, nên đối với vị mật ngọt thượng mỹ diệu chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải tham dục nên bị lửa các dục thiêu đốt, nếu đem sánh với bên trong đều trừ diệt tất cả sắc thanh hương vị xúc... cho đến lạc do xa lìa diệu dục kia, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải ngôn thuyết mà vui đắm luận bàn văn hoa thế gian, nếu đem sánh với bên trong

vui tịch tĩnh mặc nhiên của bậc thánh, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải thấy nghe hiểu biết biểu thị mà vui đắm các biểu thị thế gian, nếu đem sánh với vĩnh viễn đoạn trừ tất cả biểu thị, thân diệt cứu cánh Niết-bàn, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Pháp Dũng nên biết, thí như có người ở trong đêm dài do có thắng giải chủng chủng ngã sở, nhiếp thọ, tranh luận, vui đắm các tranh luận thế gian, nếu đem sánh với người Bắc-câu-lô châu không ngã sở, không nhiếp thọ, lìa tranh luận, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Như vậy Pháp Dũng, các tâm tư đem sánh với tương thắng nghĩa để vượt quá tất cả cảnh sở hành tâm tư, là chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Nội chứng sở hành kia vô tướng
 Chẳng thể nói bàn, dứt biểu thị,
 Dứt các tranh luận, thắng nghĩa để*

Vượt quá tất cả tướng tâm tu.

Lại nữa, nay thuyết **tướng thắng nghĩa để vượt quá các pháp tánh một, tánh khác.**

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Thiện Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát bạch Phật rằng: Thế Tôn thật lạ kỳ, cho đến Thế Tôn khéo thuyết. Như Thế Tôn thuyết tướng thắng nghĩa để thăm sâu vi tế, vượt quá các pháp tánh một, tánh khác, khó thể thông đạt.

Bạch Thế Tôn! Tôi đã từng thấy ở một nơi có hết thấy chúng Bồ-tát chân chánh tu hành Thắng giải hành địa, đồng câu hội một chỗ, đều cùng nghĩ bàn tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành, tánh tướng một, tánh tướng khác. Ở trong hội đây, một số Bồ-tát tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác”. Một số Bồ-tát lại tác lời: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành chẳng phải đều không có khác. Nhưng tướng thắng nghĩa để khác tướng các hành”. Có Bồ-tát khác nghĩ hoặc do dự, lại tác lời rằng: “Các Bồ-tát đây ai nói chân thật? Ai nói hư vọng? Ai như lý hành? Ai không như lý?”. Hoặc xướng lời

này: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác”. Hoặc xướng lời này: “Tướng thắng nghĩa để khác tướng các hành”.

Bạch Thế Tôn! Tôi thấy các vị kia rồi, thâm tác nghĩ này: Các thiện nam tử kia ngu si ngoan độn, không sáng không thiện, không như lý hành, chẳng thể hiểu rõ nơi thắng nghĩa để thâm sâu vi tế vượt quá tướng các hành tánh một, tánh khác.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiện Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Như vậy, như vậy, như ông đã nói. Các thiện nam tử kia ngu si ngoan độn, không sáng không thiện, không như lý hành, chẳng thể hiểu rõ nơi tướng thắng nghĩa để thâm sâu vi tế vượt quá tướng các hành, tánh một, tánh khác. Vì có sao? Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Chẳng phải khi hành nơi các hành như vậy mà gọi là năng thông đạt tướng thắng nghĩa để, hoặc gọi là đắc tác chứng ở nơi thắng nghĩa để. Vì có sao? Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không khác, vậy lẽ thời nay tất cả dị sanh đều đã kiến đế, vậy lẽ các dị sanh đều đã đắc vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, hoặc lẽ đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu tướng

thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác, vậy lẽ người đã kiến đế chẳng cần khiển trừ tướng các hành. Nếu chẳng khiển trừ tướng các hành, thì lẽ ở nơi tướng phược chẳng được giải thoát. Người kiến đế đây nơi các tướng phược vì chẳng được giải thoát, thì ở thô trọng phược cũng chẳng được giải thoát. Nếu ở nơi hai phược chẳng được giải thoát, người kiến đế kia lẽ không thể đắc vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, hoặc chẳng nên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay chẳng phải các dị sanh đều đã kiến đế, chẳng phải các dị sanh đã năng thành tựu vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, cũng chẳng phải đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành, tướng đều không khác là không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay chẳng phải người kiến đế chẳng thể khiển trừ tướng các hành, nhưng năng trừ khiển. Chẳng phải người

kiến đế chẳng thể giải thoát các tướng phược, mà năng giải thoát. Chẳng phải người kiến đế chẳng thể giải thoát thô trọng phược, mà năng giải thoát. Lấy năng giải thoát khỏi hai chướng, cũng năng thành tựu vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, cũng năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác, là không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không khác, lúc ấy như tướng các hành rơi trong tướng tạp nhiễm, thì tướng thắng nghĩa đây lẽ cũng như vậy, tức rơi trong tướng tạp nhiễm. Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác nhau, lẽ chẳng phải cộng tướng của tướng tất cả hành gọi là tướng thắng nghĩa đế?

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay tướng thắng nghĩa đế chẳng phải rơi trong tướng tạp nhiễm, các hành cộng tướng gọi là tướng thắng

nghĩa đế, cho nên tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành, tướng đều không khác thì không đúng đạo lý. Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành, tướng một hướng khác thì không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không có khác”, hoặc “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác nhau”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không khác, thì như tướng thắng nghĩa đế ở nơi tướng các hành không có sai khác ấy, tất cả tướng hành cũng lẽ như vậy không có sai khác. Vậy thì người tu quán hành ở trong các hành, như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, như chỗ đã hiểu, như chỗ đã biết, chẳng lẽ thời sau lại cầu thắng nghĩa? Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác, lẽ các hành chẳng phải duy tánh vô ngã, chẳng phải duy chỗ hiển hiện của vô tự tánh gọi là tướng thắng nghĩa. Lại lẽ đồng thời hai tướng khác nhau được thành lập, đó là tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay tướng

tất cả hành đều có sai biệt, chẳng phải không sai biệt, người tu quán hành ở trong các hành, như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, như chỗ đã hiểu, như chỗ đã biết, chẳng lẽ thời sau lại cầu thắng nghĩa? Lại tức các hành chỉ là tánh vô ngã, chỗ hiển hiện của vô tự tánh gọi là tướng thắng nghĩa. Lại chẳng phải đồng thời hai tướng nhiệm tịnh khác nhau cùng thành lập. Cho nên tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác, hoặc một hướng khác, đều không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác, hoặc một hướng khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như tánh sắc trắng của vỏ ốc, chẳng dễ thi thiết cho vỏ ốc cùng sắc trắng kia là một tướng hay khác tướng. Như tánh sắc trắng của vỏ ốc, thì sắc vàng của vàng cũng vậy. Như tánh âm thanh uyển chuyển mỹ diệu của đàn không hầu, chẳng dễ thi thiết âm thanh cùng đàn không hầu kia là một tướng hay khác tướng. Như tánh diệu hương của hắc trầm, chẳng dễ thi thiết cho hắc trầm cùng diệu hương kia một tướng

hay khác tướng. Như tánh cay của hồ tiêu, chẳng dễ thi thiết cho hồ tiêu cùng tánh cay kia một tướng hay khác tướng. Như tánh cay của hồ tiêu, tánh nhạt của trái táo cũng vậy. Như tánh mềm nhuyễn của bông tơ tằm, chẳng dễ thi thiết cho bông tơ tằm cùng mềm nhuyễn kia là một tướng hay khác tướng. Như vị đề hồ ở trong thực tô, chẳng dễ thi thiết cho thực tô cùng đề hồ kia một tướng hay khác tướng. Lại như tất cả hành của tánh vô thường, tất cả pháp hữu lậu của tánh khổ, tất cả pháp bổ-đặc-già-la của tánh vô ngã, chẳng dễ thi thiết cho hành cùng kia thấy là một tướng hay khác tướng. Lại như tướng tham bậc thượng không tịch tĩnh và tướng tạp nhiễm, chẳng dễ thi thiết cho tham cùng kia là một tướng hay khác tướng. Như tham bậc thượng, thì sân si bậc thượng nên biết cũng vậy.

Như vậy, Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành chẳng khả thi thiết là một tướng hay khác tướng.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ta ở nơi tướng thắng nghĩa để vượt quá tướng các pháp tánh một, tánh khác, vi tế cực vi tế, thẳm sâu cực thẳm sâu, khó

thông đạt cực khó thông đạt như vậy mà hiện Chánh đẳng giác. Hiện đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển thị khai giải, thi thiết soi tỏ.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa đây mà thuyết tụng rằng:

*Tướng thắng nghĩa hành giới
Lìa tánh tướng một, khác
Nếu phân biệt một, khác
Kia chẳng như lý hành.
Chúng sanh bị tướng phược
Cùng bị thô trọng phược
Cần siêng tu chỉ quán
Mới khéo được giải thoát.*

Lại nữa, nay thuyết ***tướng thắng nghĩa để khắp tất cả một vị.***

Nên biết như trong Kinh Giải Thâm Mật, Thế Tôn bảo trưởng lão Thiện Hiện rằng: Thiện Hiện! Ông có biết ở trong hữu tình giới có bao nhiêu hữu tình ôm lòng tăng thượng mạn, vì chấp giữ tăng thượng mạn mà ký biệt chỗ hiểu? Ông có biết trong hữu tình giới có bao nhiêu hữu tình lìa tăng thượng mạn ký biệt chỗ hiểu?

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi biết trong hữu tình giới phần ít hữu tình là tăng thượng mạn ký biệt chỗ hiểu. Bạch Thế Tôn! Tôi biết trong hữu tình giới có vô lượng vô số chẳng thể tính kể hữu tình ôm lòng tăng thượng mạn, vì chấp giữ tăng thượng mạn nên ký biệt chỗ hiểu.

Bạch Thế Tôn! Tôi có lúc đã từng trụ nơi a-lan-nhã, trong rừng đại thụ. Lúc ấy trong rừng đây cũng có nhiều Bí-sô sống gần nơi tôi ở. Tôi thấy các Bí-sô kia sau phần ban ngày triển chuyển tụ tập, nương vào sở đắc hiện quán, mỗi mỗi riêng nói chùng chùng pháp tướng ký biệt chỗ hiểu. Trong đó có một loại vì đắc uẩn, vì đắc tướng uẩn, vì đắc khởi uẩn, vì đắc tận uẩn, vì đắc diệt uẩn, vì đắc tác chúng diệt uẩn, nên ký biệt chỗ hiểu tướng uẩn đã đắc. Như có một loại vì đắc uẩn, thì có một loại vì đắc xứ, có một loại vì đắc duyên khởi cũng vậy. Lại có một loại vì đắc thực, vì đắc tướng thực, vì đắc khởi thực, vì đắc tận thực, vì đắc diệt thực, vì đắc tác chúng diệt thực, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đắc đế, vì đắc tướng đế, vì đắc biến tri đế, vì đắc vĩnh viễn đoạn đế, vì đắc tác chúng đế,

vì đặc tu tập đế, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đặc giới, vì đặc tướng giới, vì đặc chủng chủng tánh giới, vì đặc chẳng phải một tánh giới, vì đặc diệt giới, vì đặc tác chứng diệt giới, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đặc niệm trụ, vì đặc tướng niệm trụ, vì đặc năng trị sở trị niệm trụ, vì đặc tu niệm trụ, vì đặc chưa sanh khiến sanh niệm trụ, vì đặc đã sanh khiến trụ kiên cố chẳng mất niệm trụ, vì tu tập tăng trưởng niệm trụ, nên ký biệt chỗ hiểu. Như có một loại vì đặc niệm trụ, thì có một loại vì đặc chánh đoạn, vì đặc thần túc, vì đặc các căn, vì đặc các lực, vì đặc giác chi nên biết cũng vậy. Lại có một loại vì đặc tám Thánh đạo chi, vì đặc tướng tám Thánh đạo chi, vì đặc năng trị sở trị tám Thánh đạo chi, vì đặc tu tám Thánh đạo chi, vì đặc chưa sanh khiến sanh tám Thánh đạo chi, vì đặc đã sanh khiến trụ chẳng quên mất tám Thánh đạo chi, vì tu tăng trưởng thêm tám Thánh đạo chi, nên ký biệt chỗ hiểu.

Bạch Thế Tôn! Tôi thấy kia rồi thâm nghĩ thế này: Các trưởng lão đây nương sở đặc hiện quán, mỗi mỗi riêng nói chủng chủng pháp tướng ký biệt chỗ hiểu. Nên biết các trưởng lão kia tất cả đều ôm

lòng tăng thượng mạn. Vì chấp giữ tăng thượng mạn, nên đối với tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, chẳng thể hiểu rõ. Cho nên Thế Tôn thật lạ kỳ, cho đến Thế Tôn khéo thuyết. Như Thế Tôn nói tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, vi tế cực vi tế, thăm sâu cực thăm sâu, khó thông đạt cực khó thông đạt.

Bạch Thế Tôn! Bí sô tu hành trong thánh giáo đây, ở nơi tướng thắng nghĩa đế chỉ có một vị khắp tất cả còn khó thông đạt, huống các ngoại đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng lão Thiện Hiện rằng: Thiện Hiện! Như vậy, như vậy. Ta ở nơi tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, vi tế cực vi tế, thăm sâu cực thăm sâu, khó thông đạt cực khó thông đạt mà hiện Chánh đẳng giác. Hiện đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển thị khai giải, thi thiết soi tỏ. Vì cố sao? Thiện Hiện! Ta đã hiển thị sở duyên thanh tịnh ở trong tất cả uẩn là thắng nghĩa đế. Ta đã hiển thị sở duyên thanh tịnh ở trong tất cả xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi là thắng nghĩa đế. Sở duyên thanh tịnh

đây ở trong các uẩn là tướng một vị, tướng không riêng khác. Như ở trong các uẩn, thì ở trong tất cả xứ cho đến ở trong tất cả đạo chi là tướng một vị, không tướng riêng khác. Cho nên Thiện Hiện, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả là một vị.

Thiện Hiện! Bí số tu quán hành thông đạt thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã của một uẩn rồi, lại không tầm cầu mỗi mỗi các xứ uẩn khác. Chỉ thông đạt thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã của xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi... như vậy. Tức tùy theo thắng nghĩa chân như đây, vì trí không hai làm chỗ nương, ở nơi tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả chỉ một vị, quán sát thẳm sâu, đi đến chứng đắc. Cho nên Thiện Hiện! Do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả chỉ có một vị.

Thiện Hiện! Như các uẩn kia triển chuyển tướng khác, thì các xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi... kia cũng triển chuyển tướng khác. Nếu tất cả pháp thắng nghĩa chân như pháp tánh vô

ngã cũng tương triển chuyển khác, vậy thì thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã lẽ cũng có nhân, từ nhân mà sanh. Nếu từ nhân sanh, lẽ là hữu vi. Nếu là hữu vi, lẽ chẳng phải thắng nghĩa. Nếu chẳng phải thắng nghĩa, lẽ phải tầm cầu thắng nghĩa để khác.

Thiện Hiện! Do đây thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã chẳng gọi là có nhân, chẳng phải nhân sanh ra, cũng chẳng phải hữu vi, là thắng nghĩa để. Đắc thắng nghĩa đây, lại chẳng tầm cầu thắng nghĩa để khác. Duy chỉ hằng hằng thời, thường thường thời, Như Lai xuất thế hoặc không xuất thế, các pháp pháp tánh an lập, pháp giới an trụ. Do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa để ở khắp tất cả là một vị.

Thiện Hiện! Thí như có chủng chủng phẩm loại chẳng phải một, trong đó sắc có tướng khác nhau; tướng hư không kia vô tướng, vô phân biệt, không biến đổi, một vị ở khắp tất cả. Như vậy trong tất cả pháp, tánh khác tướng khác, tướng thắng nghĩa để ở khắp tất cả một vị nên biết lẽ ấy cũng vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa

đây mà thuyết tụng rằng:

*Tướng một vị đây khắp tất cả
Chư Phật thuyết thẳng nghĩa không khác
Nếu đối trong ấy phân biệt khác
Nhất định kia ngu si, thượng mạn.*



Quyển 76
Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA
Phần 5

Lại nữa, nay thuyết *tương tâm ý thức*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Quảng Tuệ Bồ-tát thỉnh hỏi Phật: Như Thế Tôn thuyết Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật, ngang đâu gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật? Ngang đâu Như Lai thi thiết kia là Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Quảng Tuệ Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Quảng Tuệ! Ông nay khéo hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng tất cả trời, người, a-tu-la thấy, vì muốn khiến kia thành tựu nghĩa lợi ích an lạc nên phát lời hỏi kia. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông thuyết nghĩa tâm ý thức bí mật.

Quảng Tuệ nên biết, hữu tình kia sanh tử lưu chuyển trong sáu đường, đọa trong các loài hữu

tình khác nhau, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc hóa sanh, hoặc thấp sanh mà sanh khởi thân phần. Ở trong tối sơ, tất cả chủng tử tâm ý thức thành thực, triển chuyển hòa hợp, tăng trưởng rộng lớn nương hai chấp thọ: một là chấp thọ các căn hữu sắc và sở y; hai là chấp thọ tập khí tướng danh phân biệt ngôn thuyết hý luận. Trong Hữu sắc giới đủ cả hai chấp thọ. Trong Vô sắc giới không đủ hai chủng.

Quảng Tuệ! Thức đây cũng gọi là A-đà-na thức. Vì có sao? Do thức đây đuổi theo chấp giữ nơi thân. Cũng gọi là A-lại-da thức. Vì có sao? Do thức đây ở nơi thân nhiếp thọ ẩn tàng, đồng chung nghĩa an ổn, nguy hại. Cũng gọi là tâm. Vì có sao? Do thức đây mà sắc, thanh, hương, vị, xúc... tích tập nuôi dưỡng phát triển.

Quảng Tuệ! A-đà-na thức làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập khiến sáu thức thân chuyển, đó là nhãn thức và nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Trong đây có thức, nhãn và sắc làm duyên sanh nhãn thức; đồng tùy hành, đồng thời, đồng cảnh với nhãn thức có ý thức phân biệt chuyển. Có thức, nhĩ tỷ thiệt thân và thanh hương vị xúc làm duyên

sanh nhĩ tử thiệt thân thức; đồng tùy hành, đồng thời, đồng cảnh với nhĩ tử thiệt thân thức có ý thức phân biệt chuyển.

Quảng Tuệ! Nếu bấy giờ một nhãn thức chuyển, tức lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt đồng hành chuyển cùng nhãn thức. Nếu lúc bấy giờ hai, ba, bốn, năm các thức thân chuyển, tức lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt đồng hành chuyển cùng năm thức thân.

Quảng Tuệ! Như nước lớn chảy mạnh, nếu hiện tiền duyên sanh một sóng, tức chỉ một sóng chuyển. Nếu hiện tiền duyên sanh hai hoặc nhiều sóng, tức nhiều sóng chuyển. Nhưng bản chất nước lớn luôn chảy không dứt không tận. Lại như mặt gương sáng sạch, nếu hiện tiền duyên sanh một ảnh, tức chỉ có một ảnh hiện. Nếu hiện tại duyên sanh hai hoặc nhiều ảnh, tức có hai hay nhiều ảnh hiện. Chẳng phải mặt gương đây chuyển biến làm thành nhiều ảnh, cũng không thọ dụng việc diệt tận khá có thể được.

Như vậy, Quảng Tuệ! Do A-đa-na thức như dòng nước chảy làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nếu lúc bấy giờ hiện tiền duyên sanh một nhãn

thức, tức lúc ấy có một nhãn thức chuyển. Nếu lúc bấy giờ hiện tiền duyên sanh năm thức thân, tức lúc ấy có năm thức thân chuyển.

Quảng Tuệ! Như vậy Bồ-tát do trụ pháp trí làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, cho nên được khéo léo nơi tâm ý thức bí mật. Nhưng chư Như Lai ngang đây chưa thi thiết Bồ-tát kia là khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật.

Quảng Tuệ! Nếu chư Bồ-tát bèn trong mỗi mỗi riêng khác như vậy, như thật chẳng thấy A-đà-na, chẳng thấy A-đà-na thức, chẳng thấy A-lại-da, chẳng thấy A-lại-da thức, chẳng thấy tích tập, chẳng thấy tâm, chẳng thấy nhãn, sắc cùng nhãn thức, chẳng thấy nhĩ, thanh cùng nhĩ thức, chẳng thấy tỷ, hương cùng tỷ thức, chẳng thấy thiệt, vị cùng thiệt thức, chẳng thấy thân, xúc cùng thân thức, chẳng thấy ý, pháp cùng ý thức. Đây gọi là thắng nghĩa Bồ-tát khéo léo, Như Lai thi thiết kia là thắng nghĩa Bồ-tát khéo léo.

Quảng Tuệ! Ngang đây gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật. Như Lai ngang đây thi thiết Bồ-tát kia khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*A-đà-na thức sâu tinh tế
Tất cả chúng tử như dòng lũ
Ta đối ngu phu chẳng khai diễn
Sợ kia phân biệt chấp làm ngã.*

Lại nữa, nay thuyết **tướng tất cả pháp**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Đức Bổn Bồ-tát thỉnh hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết Bồ-tát khéo léo nơi tướng các pháp, ngang đâu gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tướng các pháp? Như Lai ngang đâu thi thiết Bồ-tát kia khéo léo nơi tướng các pháp?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Đức Bổn Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Đức Bổn! Ông nay năng hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng trời, người, a-tu-la... vì khiến kia thành tựu nghĩa lợi ích an lạc, nên phát lời hỏi kia. Ông hãy lắng nghe kỹ, Ta sẽ vì ông thuyết tướng các pháp.

Tướng các pháp lược có ba chủng. Những gì là

ba? Một là tướng biến kế sở chấp; hai là tướng y tha khởi; ba là tướng viên thành thật.

Sao gọi là tướng các pháp biến kế sở chấp? Tức là giả an lập tự tánh sai biệt của tất cả pháp, cho đến theo đó tùy khởi ngôn thuyết.

Sao gọi là tướng các pháp y tha khởi? Tức là tự tánh tất cả pháp duyên sanh. Vì đây có cho nên kia có, vì đây sanh cho nên kia sanh. Đó là vô minh duyên hành, cho đến chiêu tập thuần đại khổ uẩn.

Sao gọi là tướng các pháp viên thành thật? Tức là tất cả pháp chân như bình đẳng. Ở nơi chân như đây, chúng chư Bồ-tát vì tinh tấn đồng mãnh làm nhân duyên, như lý tác ý, tư duy không điên đảo, vì lấy đó làm nhân duyên bền năng thông đạt. Đã thông đạt như vậy, dần dần tu tập cho đến Vô thượng Bồ-đề mới chứng đắc viên mãn.

Đức Bổn! Như người đau mắt bị bệnh hoa mắt, trong tình trạng quá hoạn hoa mắt ấy, thì tướng biến kế sở chấp nên biết cũng vậy. Như người đau mắt có các tướng mắt hoa, hoặc thấy tóc lông chuyển động, hoặc thấy ong ruồi lớn hơn, hoặc lại tướng xanh vàng đỏ trắng... hiện tiền sai khác, thì tướng

y tha khởi nên biết cũng vậy. Như người mắt trong sạch không bệnh, xa lìa tình trạng quá hoạn hoa mắt, tức bản tánh mắt sạch tịnh, cảnh giới sở hành không loạn, thì tướng viên thành thật nên biết cũng vậy.

Đức Bổn! Thí như báu phả-chi-ca trong sáng tùy màu, nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc xanh, thì giống như báu ma-ni xanh, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật báu ma-ni xanh. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc đỏ, thì giống như báu ma-ni hổ phách, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho là thật báu ma-ni hổ phách. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi tạp sắc, thì giống như báu ma-ni mặt-la-yết-đa, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật ma-ni mặt-la-yết-đa. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc vàng, thì giống như sắc vàng của báu chân kim, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật báu chân kim. Như vậy, Đức Bổn! Như báu phả-chi-ca trong sáng trên chỗ có nhiễm sắc tương ưng, thì tướng y tha khởi trên tương biến kế sở chấp ngôn thuyết tập khí nên biết cũng vậy. Như báu phả-chi-ca trong sạch trên chỗ có tà chấp xanh, hổ phách, mặt-la-yết-đa,

chân kim kia... thì tướng y tha khởi trên chỗ chấp tướng biến kế sở chấp cũng vậy. Như báu phả-chi-ca trong sạch, tướng y tha khởi nên biết cũng vậy. Như phả-chi-ca trong sạch trên chỗ có tướng xanh, hổ phách, mặt-la-yết-đa, chân kim... ở hằng hằng thời, ở thường thường thời tánh vô tự tánh không có chân thật, tức tướng y tha khởi trên do tướng biến kế sở chấp... ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, tánh vô tự tánh không có chân thật. Tướng viên thành thật nên biết cũng vậy.

Đức Bổn! Vì tướng tương ưng danh lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng biến kế sở chấp. Vì tướng y tha khởi trên chỗ chấp tướng biến kế sở chấp lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng y tha khởi. Tướng y tha khởi trên chỗ không chấp tướng biến kế sở chấp lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng viên thành thật.

Đức Bổn! Nếu chư Bồ-tát năng ở nơi tướng các pháp y tha khởi trên, như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp, tức năng như thật rõ biết tất cả pháp vô tướng. Nếu chư Bồ-tát như thật rõ biết tướng y tha khởi, tức năng như thật rõ biết tướng tất cả pháp tạp nhiễm. Nếu chư Bồ-tát như thật rõ biết

tướng viên thành thật, tức năng như thật rõ biết tướng tất cả pháp thanh tịnh.

Đức Bốn! Nếu chư Bồ-tát năng ở nơi tướng y tha khởi trên, như thật rõ biết pháp vô tướng, tức năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm. Nếu năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm, tức năng chứng được pháp tướng thanh tịnh.

Như vậy, Đức Bốn! Do chư Bồ-tát như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi và tướng viên thành thật, nên như thật rõ biết các pháp vô tướng, pháp tướng tạp nhiễm, pháp tướng thanh tịnh. Như thật rõ biết pháp vô tướng, tức năng đoạn diệt tất cả pháp tướng tạp nhiễm. Vì năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm, nên chứng đắc tất cả pháp tướng thanh tịnh. Ngang đây gọi là Bồ-tát khéo léo ở nơi tướng các pháp. Như Lai ngang đây thi thiết Bồ-tát kia là khéo léo nơi tướng các pháp.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

Nếu không rõ biết pháp vô tướng

Chẳng năng đoạn pháp tướng tạp nhiễm

Vì chẳng đoạn pháp tướng tạp nhiễm
 Hoại chứng pháp tướng tịnh vi diệu
 Chẳng quán các hành chúng quá thất
 Lỗi lầm phóng dật hại chúng sanh
 Giải đãi trong pháp trụ pháp động
 Chẳng biết mất hoại, đáng thương xót!

Lại nữa, nay thuyết **tướng các pháp vô tự tánh**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi từng ở riêng tĩnh xứ, tâm sanh tâm tư như vậy: Thế Tôn dùng vô lượng môn từng thuyết các uẩn sở hữu tự tướng, tướng sanh, tướng diệt, vĩnh viễn đoạn biến tri. Như thuyết về các uẩn, thì các xứ, duyên khởi, các thực cũng vậy. Dùng vô lượng môn từng thuyết các đế sở hữu tự tướng, vĩnh viễn đoạn biến tri, tu tập tác chứng. Dùng vô lượng môn từng thuyết các giới sở hữu tự tướng, chẳng phải một giới tánh mà chủng chủng giới tánh, vĩnh viễn đoạn biến tri. Dùng vô lượng môn từng thuyết niệm trụ sở hữu tự tướng, năng trị, sở trị cùng với tu tập chưa sanh khiến sanh, đã sanh

khiến trụ kiên cố, càng thêm tu tập tăng trưởng rộng lớn, chẳng cho quên mất. Như thuyết về niệm trụ, thì thuyết về chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi cũng lại như thế. Dùng vô lượng môn từng thuyết tám Thánh đạo chi sở hữu tự tướng, năng trị sở trị cùng với đã tu tập chưa sanh khiến sanh, đã sanh trụ kiên cố chẳng quên mất, càng thêm tu tập tăng trưởng rộng lớn. Thế Tôn lại thuyết tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Thế Tôn nương đâu mật ý tác thuyết chi tiết “tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn” như thế? Tôi nay thỉnh hỏi Như Lai nghĩa ấy, duy nguyện Như Lai ai miễn giải thích chỗ có mật ý thuyết “tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Thắng Nghĩa Sanh! Ông như lý tầm tư rất sâu. Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Ông nay năng thỉnh hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian trời, người, a-tu-la thấy, vì muốn kia thu được nghĩa lợi

ích an lạc nên phát lời hỏi đây. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông giải thích chỗ mật ý thuyết “tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết ta nương ba chủng tánh vô tự tánh mà mật ý thuyết rằng: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”. Đó là tướng tánh vô tự tánh, sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Thiện nam tử! Sao gọi là tướng các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là tướng các pháp biến kế sở chấp. Vì cố sao? Đây do giả danh mà an lập là tướng, chẳng phải do tự tướng mà an lập là tướng; cho nên thuyết là tướng tánh vô tự tánh. Sao gọi là sanh các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là tướng các pháp y tha khởi. Vì cố sao? Đây do nương lực của duyên khác nên có, chẳng phải tự nhiên có; cho nên thuyết là sanh tánh vô tự tánh. Sao gọi là thắng nghĩa các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là các pháp do sanh tánh vô tự tánh mà thuyết thắng nghĩa tánh vô tự tánh, tức pháp duyên sanh cũng gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì cố sao? Ở trong các pháp nếu là sở duyên cảnh giới thanh

tịnh, Ta hiển thị kia lấy dây dùng làm thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Tướng y tha khởi chẳng phải là sở duyên cảnh giới thanh tịnh, cho nên cũng thuyết là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Lại có tướng các pháp viên thành thật cũng gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì cơ sao? Tất cả pháp, tánh pháp vô ngã gọi là thắng nghĩa, cũng được gọi là tánh vô tự tánh. Lấy đây là thắng nghĩa để các pháp, chỗ hiển của tánh vô tự tánh. Do nhân duyên đây gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Thiện nam tử! Thí như tướng hoa đóm giữa hư không, tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Như tượng huyền, sanh tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Thí như hư không chỉ là chỗ hiển sắc tánh Không khắp tất cả xứ, một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Cho nên cũng là chỗ hiển của pháp tánh vô ngã khắp tất cả xứ.

Thiện nam tử! Ta nương ba chủng tánh vô tự tánh như vậy, mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”.

Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết Ta nương tướng

tánh vô tự tánh mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”. Vì có sao? Nếu tự tướng pháp đều vô sở hữu thì không có sanh, nếu không có sanh thì không có diệt, nếu không sanh không diệt thì bản lai tịch tĩnh, nếu bản lai tịch tĩnh thì tự tánh Niết-bàn. Ở trong đều không có chút phần sở hữu nào khác khiến kia Bát-niết-bàn. Cho nên Ta nương tướng tánh vô tự tánh mật ý thuyết lời: “Tất cả pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thiện nam tử! Ta cũng nương pháp tánh vô ngã, chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”. Vì có sao? Pháp tánh vô ngã, chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, tức ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, pháp tánh các pháp an trụ vô vi, chẳng tương ưng cùng tất cả tạp nhiễm; ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, pháp tánh các pháp an trụ nên vô vi, do vô vi nên vô sanh vô diệt, chẳng tương ưng cùng tất cả tạp nhiễm, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Cho nên Ta nương pháp tánh vô ngã chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, mật ý thuyết lời:

“Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thắng Nghĩa Sanh! Chẳng phải do trong các loại hữu tình của hữu tình giới riêng quán tự tánh biến kế sở chấp cho là tự tánh; cũng chẳng phải do trong kia riêng quán tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật cho là tự tánh mà Ta lập ba chủng tánh vô tự tánh. Nhưng bởi hữu tình kia ở nơi tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật mà lại tăng ích cho tự tánh biến kế sở chấp, nên Ta lập ba chủng tánh vô tự tánh. Do tướng tự tánh biến kế sở chấp, các hữu tình kia ở trong tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật như như tùy khởi ngôn thuyết, như vậy như vậy tùy khởi ngôn thuyết. Do ngôn thuyết huân tập tâm, hoặc do ngôn thuyết tùy giác, hoặc do ngôn thuyết tùy miên, do ở trong tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật chấp trước tướng tự tánh biến kế sở chấp. Như như chấp trước, như vậy như vậy ở nơi tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật trên sự chấp trước tự tánh biến kế sở chấp. Do nhân duyên đây, đời đương lai tự tánh y tha khởi sanh. Do nhân duyên đây, hoặc là bị nhiễm bởi phiền não tạp nhiễm, hoặc là bị

nhiệm bởi nghiệp tạp nhiễm, hoặc là bị nhiễm bởi sanh tạp nhiễm, trường thời ở trong sanh tử, trường thời lưu chuyển tán tốc không tạm dừng, hoặc ở địa ngục, hoặc ở bàng sanh, hoặc ở ngã quý, hoặc ở trên trời, hoặc ở a-tu-la, hoặc ở trong người thọ các khổ não.

Thắng Nghĩa Sanh! Nếu các hữu tình từ xưa đến nay chưa trông thiện căn, chưa thanh tịnh chướng, chưa thành thực tương tục, chưa nhiều tu thắng giải, chưa năng tích tập hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ, Ta vì kia nên nương sanh tánh vô tự tánh mà tuyên thuyết các pháp. Kẻ kia nghe đây rồi, khéo ở trong tất cả duyên sanh hành, theo đó hiểu rõ không thường không hằng là pháp biến hoại không an ổn. Ở tất cả hành, tâm sanh hãi sợ, khởi sâu yểm hoại, do đây ngăn phòng dừng dứt các ác. Ở các pháp ác chẳng năng tạo tác, ở các pháp thiện siêng năng tu tập. Vì huân tập nhân thiện, chưa trông thiện căn thì năng trông, chưa thanh tịnh chướng năng khiến thanh tịnh, chưa thành thực tương tục năng khiến thành thực. Do nhân duyên đây tu nhiều thắng giải, cũng nhiều tích tập hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ.

Hữu tình kia tuy trông các thiện căn cho đến tích tập hai chủng tư lương phước đức trí tuệ như vậy, nhưng ở trong sanh tánh vô tự tánh chưa năng rõ biết như thật hai chủng là tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh. Ở nơi các hành chưa năng chánh nhàm chán, chưa chánh ly dục, chưa chánh giải thoát, chưa giải thoát khắp phiền não tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp các nghiệp tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp các sanh tạp nhiễm. Như Lai lại vì kia thuyết pháp yếu, đó là tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì muốn khiến kia ở nơi tất cả hành năng chánh nhàm chán, vì muốn khiến kia chánh ly dục, vì muốn khiến kia chánh giải thoát, vì muốn khiến kia chánh vượt qua tất cả phiền não tạp nhiễm, vì muốn khiến kia vượt qua tất cả nghiệp tạp nhiễm, vì muốn khiến kia vượt qua tất cả sanh tạp nhiễm. Hữu tình kia nghe thuyết pháp như vậy rồi, ở trong sanh tánh vô tự tánh năng chánh tin hiểu tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh, tư duy chọn lựa như thật thông đạt, trong tự tánh y tha khởi chẳng năng chấp trước tướng tự tánh biến kế sở chấp. Vì trí chẳng do ngôn thuyết huân

tập, vì trí chẳng do ngôn thuyết tùy giác và vì trí là ngôn thuyết tùy miên, nên năng diệt tướng y tha khởi. Ở trong hiện pháp do lực giữ gìn nhậm vận của trí đây, năng vĩnh viễn đoạn diệt nhân đời vị lai. Do nhân duyên đây, ở tất cả hành năng chánh yếm hoạn, năng chánh ly dục, năng chánh giải thoát, năng giải thoát khắp ba chủng tạp nhiễm là phiền não, nghiệp và sanh.

Thắng Nghĩa Sanh! Các hữu tình chủng tánh Thanh văn thừa cũng do đạo lý đây, dấu tích hành đây, nên chứng đắc vô thượng an ẩn Niết-bàn. Các hữu tình chủng tánh Độc giác thừa, các hữu tình chủng tánh Như Lai thừa cũng do đạo lý dấu tích hành đây, nên chứng đắc vô thượng an ẩn Niết-bàn. Tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều cùng một đạo vi diệu thanh tịnh đây, đều cùng một cứu cánh thanh tịnh đây, lại không có điều thứ hai. Ta nương đây nên mật ý thuyết “duy chỉ nhất thừa”, chẳng phải ở trong tất cả hữu tình giới không có chủng tánh hữu tình chủng chủng sai biệt, hoặc tánh độn căn, hoặc tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn.

Thiện nam tử! Nếu bổ-đặc-già-la chủng tánh

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, tuy mong chư Phật phương tiện giáo hóa dần dần, thi thiết chủng chủng gia hạnh dũng mãnh, trọn không thể khiến sẽ ngồi đạo tràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cơ sao? Vì kia bản lai chỉ có chủng tánh hạ liệt, vì một hướng từ bi mỏng yếu, vì một hướng hãi sợ các khổ. Do kia một hướng từ bi mỏng yếu, nên một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh. Do kia một hướng hãi sợ các khổ, nên một hướng trái bỏ phát khởi tạo tác các hành. Ta trọn chẳng thuyết kể một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh, kể một hướng trái bỏ phát khởi tạo tác các hành sẽ ngồi đạo tràng, năng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói kia danh là Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh.

Nếu bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, Ta cũng nói dị môn kia là Bồ-tát. Vì cơ sao? Vì kia đã tự giải thoát khỏi phiền não chướng, nếu mong chư Phật... lúc giác ngộ, tâm sẽ giải thoát khỏi sở tri chướng, việc đây khá có thể được. Do kia ban đầu vì tự lợi ích mà tu hành gia hạnh giải thoát phiền não chướng, cho nên Như Lai thi thiết kia là chủng tánh Thanh văn.

Thắng Nghĩa Sanh! Như vậy ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, ở trong sở thuyết giáo pháp thiện với ý lạc tối cực thanh tịnh mà Ta đã chế lập, có các loại hữu tình với chủng chủng ý hiểu sai biệt khả đặc.

Thiện nam tử! Như Lai chỉ nương ba chủng tánh vô tự tánh như vậy, do mật ý sâu xa đối với chỗ tuyên thuyết kinh bất liễu nghĩa, dùng tướng ẩn mật thuyết các pháp yếu. Tức là tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Đối trong kinh đây, nếu các hữu tình đã trông thiện căn phẩm thượng, đã thanh tịnh các chướng, đã thành thực tương tục, đã nhiều tu thắng giải, đã năng tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, kia lắng nghe pháp như vậy rồi, ở nơi ngôn thuyết mật ý thậm thâm của Ta như thật hiểu rõ, ở nơi pháp như vậy thâm sanh tin hiểu, ở nơi nghĩa như vậy dùng tuệ như thật thông đạt không điên đảo. Vì nương thông đạt đây, nên khéo tu tập, nhanh chóng năng chứng tối cực cứu cánh; cũng ở chỗ Ta thâm sanh tịnh tín, tự biết Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện Chánh đẳng giác nơi tất cả pháp.

Nếu các hữu tình đã trông thiện căn phẩm thượng, đã thanh tịnh các chướng, đã thành thực tương tục, đã nhiều tu thắng giải, nhưng chưa thể tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, mà tánh người kia chất trực, thuộc loại chất trực, tuy không có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ hay an lập, mà chẳng an trụ trong tự kiến thủ. Nếu kia lắng nghe pháp như vậy rồi, đối với ngôn thuyết thậm thâm bí mật của Ta, tuy không đủ năng lực như thật hiểu rõ, nhưng đối với pháp đây năng sanh thắng giải phát sanh tịnh tín, tin kinh điển này thật do Như Lai thuyết, thật là kỳ lạ thẳm sâu, hiển hiện thẳm sâu, tương ưng tánh Không, khó thấy khó ngộ, chẳng thể tầm tư, chẳng phải sở hành cảnh giới vi tế của người hành tầm tư, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết thông tường sâu sắc của kẻ trí thông minh. Ở nơi nghĩa thuyết trong kinh điển đây, tự khinh mình mà tác lời như vậy: “Chư Phật Bồ-đề thật là thẳm sâu. Pháp tánh các pháp cũng rất thẳm sâu. Chỉ có Phật Như Lai khéo năng liễu đạt, chẳng phải chỗ chúng ta năng hiểu biết”. Chư Phật Như Lai vì hữu tình kia chuyển dạy chúng chủng thắng giải chánh pháp. Người kia lại tác

nghe: “Chư Phật Như Lai trí kiến vô biên. Trí kiến chúng ta giống như dấu chân trâu”. Đối với kinh điển đây, tuy năng cung kính vì người tuyên thuyết, biên chép hộ trì, tụng đọc lưu bố, ân trọng cúng dường, thọ tụng tập học, nhưng do chưa thể dụng tướng tu đó phát khởi gia hạnh, cho nên đối với ngôn từ sở thuyết mật ý thâm sâu của Ta chẳng thể thông đạt. Các hữu tình kia do nhân duyên đây, cũng năng tăng trưởng hai chủng tư lương phước đức trí tuệ. Tương tục về sau, người chưa thành thực cũng năng thành thực.

Nếu các hữu tình nói rộng cho đến chưa thể tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, tánh chẳng phải chất trực, thuộc loại không chất trực, tuy có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ hay an lập, nhưng lại an trụ trong kiến thủ của mình. Kẻ kia nếu lắng nghe pháp như vậy rồi, đối với ngôn thuyết mật ý thâm sâu của Ta không đủ năng lực như thật hiểu rõ. Tuy sanh tin hiểu ở nơi pháp như vậy, nhưng tùy theo lời mà chấp trước nghĩa, đó là “tất cả pháp quyết định đều vô tự tánh, quyết định vô sanh vô diệt, quyết định bản lai tịch tịnh, quyết định tự tánh Niết-bàn”. Do nhân duyên đây,

kia ở nơi tất cả pháp thu được kiến không và kiến vô tướng. Bởi rơi vào kiến không, kiến vô tướng, nên phé bỏ tất cả tướng đều là vô tướng, phỉ báng các pháp tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi và tướng viên thành thật. Vì có tướng y tha khởi và tướng viên thành thật mà tướng biến kế sở chấp mới khá có thể thi thiết. Nếu ở nơi tướng y tha khởi và tướng viên thành thật mà kiến là vô tướng, tức kia cũng phé bỏ tướng biến kế sở chấp. Cho nên nói kia phỉ báng, bác bỏ cả ba tướng. Tuy nơi ngã pháp khởi tướng pháp, mà trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa. Do nơi ngã pháp khởi tướng pháp và do trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa, nên trong phi pháp chấp giữ cho là pháp, và trong phi nghĩa chấp giữ cho là nghĩa. Tuy kia đối với pháp khởi tin hiểu, tăng trưởng phước đức, nhưng ở nơi phi nghĩa khởi chấp trước, nên thối mất trí tuệ. Thối mất trí tuệ nên thối mất vô lượng thiện pháp rộng lớn.

Lại có hữu tình lắng nghe theo kia, tức là ở nơi pháp cho là pháp, ở nơi phi nghĩa cho là nghĩa. Kể kia nếu theo kiến như vậy, liền ở nơi pháp khởi tướng pháp, ở trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa,

chấp pháp cho là pháp, phi nghĩa cho là nghĩa. Do nhân duyên đây, nên biết đồng như kia thối mất thiện pháp.

Nếu có hữu tình không thuận theo kiến như vậy, nhưng kia được nghe “tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”, liền sanh hãi sợ. Đã sanh hãi sợ rồi, tác lời như vậy: “Đây chẳng phải lời Phật thuyết, chỉ là ma nói”. Khởi hiểu đây rồi, đối với kinh điển đây phỉ báng hủy chê. Do nhân duyên đây, gặt hái đại nghiệp chướng, thu đại suy tổn. Nhân đây Ta thuyết: Nếu có người ở nơi tất cả tướng khởi kiến vô tướng, ở trong phi nghĩa tuyên nói là nghĩa, đó chính là phương tiện khởi nghiệp chướng rộng lớn. Do kia khiến vô lượng chúng sanh đọa vào lầm lẫn, nên kia gặt hái đại nghiệp chướng.

Thiện nam tử! Nếu các hữu tình chưa trông thiện căn, chưa thanh tịnh chướng, chưa thành thực tương tục, không nhiều thắng giải, chưa tích tập tư lương phước đức trí tuệ, tánh chẳng phải chất trực, thuộc loại chẳng chất trực, tuy có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ và an lập, mà thường an trụ trong kiến thủ của mình. Hữu tình kia nếu

lắng nghe pháp như vậy rồi, chẳng thể như thật hiểu ngôn thuyết mật ý thâm sâu của Ta, nên chẳng sanh tin hiểu pháp đây; ở trong pháp đây khởi tưởng phi pháp, ở trong nghĩa đây khởi tưởng phi nghĩa; ở trong pháp đây chấp là phi pháp, ở trong nghĩa đây chấp là phi nghĩa, xướng lời như vậy: “Đây chẳng phải lời Phật, mà là lời ma”. Tác hiểu đây rồi, đối với kinh điển đây phỉ báng hủy chê, bác bỏ cho là hư ngụy, dùng vô lượng môn hủy diệt, bẻ gãy kinh điển như vậy. Đối với người tin hiểu kinh điển đây khởi tưởng oan gia. Kẻ kia trước bị các nghiệp chướng làm chướng ngại, do nhân duyên đây lại tiếp tục bị chướng ngại của nghiệp chướng như vậy. Nghiệp chướng như vậy ban đầu dễ thi thiết, cho đến trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp không ngày ra khỏi.

Thiện nam tử! Như vậy ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, ở trong sở thuyết giáo pháp thiện ý lạc tối cực thanh tịnh mà Ta đã chế lập, có các loại hữu tình với chủng chủng ý hiểu sai biệt khả đắc.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

Tất cả các pháp đều vô tánh,
 Vô sanh vô diệt, bản lai tịch
 Các pháp tự tánh hằng Niết-bàn
 Ai có trí nói không mật ý.
 Tướng, sanh, thắng nghĩa vô tự tánh
 Như thế Ta đều đã hiển thị,
 Nếu chẳng biết mật ý Phật đây
 Hoại mất chánh đạo chẳng thể đến.
 Người thanh tịnh nương các tịnh đạo
 Chỉ nương một đây, không thứ hai
 Nên ở trong ấy lập nhất thừa
 Phi hữu tình tánh không sai biệt.
 Trong chúng sanh giới, sanh vô lượng
 Chỉ trải một thân đến tịch diệt
 Đại bi dũng mãnh chứng Niết-bàn
 Chúng sanh chẳng xả rất khó đắc.
 Vô lậu giới vi diệu khó nghĩ
 Ở trong giải thoát không sai khác
 Thành tất cả nghĩa là khổ hoặc
 Hai chủng dị thuyết, ấy thường lạc.

Bảy giờ, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch
 Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai mật
 ý lời rằng: Thật là hy hữu.. cho đến vi diệu tối cực

vi diệu, thăm sâu tối cực thăm sâu, khó thông đạt rất khó thông đạt. Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, mà giả danh an lập lấy là sắc uẩn, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt; giả danh an lập cho là sắc uẩn sanh, cho là sắc uẩn diệt, cũng là sắc uẩn vĩnh viễn đoạn biến tri, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai khác, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh, cùng một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu liền ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp chẳng thành thật tức tự tánh đây pháp tánh vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như ở nơi sắc uẩn như vậy, nên rộng thuyết ở nơi mỗi uẩn còn lại. Như ở nơi các uẩn như vậy, thì ở nơi mười hai xứ, trong mỗi một xứ đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi mười hai hữu chi, trong mỗi một hữu chi đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi bốn chủng thực, trong mỗi một chủng thực đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi sáu xứ, mười tám giới, trong mỗi một giới đều nên rộng thuyết cũng vậy.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, giả danh an lập cho là khổ đế, biết khắp khổ đế, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh và một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu tức ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp không thành thật, tức

tự tánh đây pháp tánh vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Như ở nơi khổ đế, thì ở nơi các đế khác đều nên rộng thuyết cũng vậy. Như nơi thánh đế, thì ở trong các niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, mỗi mỗi đều nên rộng thuyết cũng vậy.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, giả danh an lập cho là chánh định, cũng là chánh định năng trị sở trị; nếu tu chánh định chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ kiên cố không quên mất, càng thêm tu tập khiến tăng trưởng rộng lớn, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh và một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa

Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu tức ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp không thành thật tức tự tánh đây pháp vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Thí như thuốc tỳ-thấp-phược, tất cả thuốc bột, thuốc khác... đều phải gia thuốc ấy vào. Như vậy Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh đây, nói rộng cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh. Ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều phải an đặt giáo đây.

Bạch Thế Tôn! Như tô màu của đất, ở khắp tất cả quá trình tô màu đều tô đồng một vị, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc trắng; lại năng hiển phát quá trình tô vẽ. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh. Ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều đồng một vị; lại năng hiển phát chỗ chưa rõ nghĩa trong kinh.

Bạch Thế Tôn! Thí như các thứ thức ăn, bánh

ngọt vốn đã thơm ngon, lại lấy thực tô gia thêm vào khiến vị của nó càng thêm tinh diệu. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, lấy đây an đặt trong khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa khiến càng phát sanh hoan hỷ thù thắng.

Bạch Thế Tôn! Thí như hư không khắp tất cả nơi đều đồng một vị, không chướng ngại tất cả sự nghiệp tạo tác. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều đồng một vị, không chướng ngại sự nghiệp tu tập của tất cả Thanh văn, Độc giác cùng các bậc Đại thừa.

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Ông nay năng khéo hiểu nghĩa lời dạy mật ý thâm sâu của Như Lai thuyết. Lại ở nơi nghĩa đây khéo thí dụ, chỗ gọi là thuốc tỳ-thấp-phược thế gian, dùng nhiều màu tô đất, thực tô, hư không. Thắng Nghĩa Sanh! Như thế, như thế, lại không có điều khác. Như thế như thế, ông nên thọ trì.

Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở thời gian đầu, chỗ tiên nhân bị dọa trong rừng nai, chỉ vì người phát khởi hướng đến Thanh văn thừa, dùng tướng Tứ đế chuyển Chánh pháp luân; tuy là rất kỳ lạ, rất hy hữu, tất cả thế gian trời người... trước không thể như pháp chuyển như vậy, nhưng ở thời đó chỗ chuyển pháp luân còn có điều vượt trên, còn có giới hạn, là chưa liễu nghĩa, vẫn còn là chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Ở thời thứ hai, xưa kia Thế Tôn chỉ vì người phát khởi hướng đến tu tập Đại thừa, nương tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, dùng tướng ẩn mật chuyển Chánh pháp luân; tuy lại rất kỳ lạ, rất hy hữu, nhưng ở thời đó chỗ chuyển pháp luân còn có điều vượt trên, còn có giới hạn, vẫn còn chưa liễu nghĩa, vẫn còn là chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Nay ở thời thứ ba, Thế Tôn khắp vì người phát khởi hướng đến tất cả thừa, nương tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, dùng tướng hiển rõ chuyển Chánh pháp luân thật là đệ nhất sâu xa, hy hữu tột cùng! Thời nay chỗ chuyển pháp

luân của Thế Tôn không gì vượt trên, không có giới hạn, là chân liễu nghĩa, chẳng phải chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nương ngôn giáo liễu nghĩa thật thắm sâu của chư Như Lai đây: “Tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh”, nghe rồi tin hiểu biên chép hộ trì, cúng dường lưu bố, thọ tụng ôn tập, như lý tư duy, phát khởi gia hạnh tu tướng đây sanh bao nhiêu phước?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Thắng Nghĩa Sanh! Thiện nam tử, thiện nữ nhân đây chỗ sanh phước nhiều vô lượng vô số khó thể dụ biết. Ta nay vì ông lược thuyết ít phần. Thí như đất nơi móng tay sánh với đất đại địa, trăm phần chẳng kịp một, ngàn phần chẳng kịp một, trăm ngàn phần chẳng kịp một, toán số dụ ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một. Hoặc như nước vết chân trâu sánh với nước trong đại hải, trăm phần chẳng kịp một, nói rộng cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một. Như vậy chỗ thu được công đức do nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho

đến phát khởi gia hạnh tu tướng đây ở nơi các kinh bất liễu nghĩa, sánh với công đức của sự tu tập do nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho đến phát khởi gia hạnh tu tướng đây ở nơi sở thuyết kinh giáo liễu nghĩa, trăm phần chẳng kịp một, nói rộng cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một.

Nghe lời ấy rồi, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây nên gọi là gì? Tôi nên phụng trì thế nào?

Phật bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa thắng nghĩa. Ở nơi giáo liễu nghĩa thắng nghĩa đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa thắng nghĩa đây, trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn xa trần lìa cấu, ở trong các pháp đặc pháp nhãn tịnh; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn vĩnh viễn tận các lậu, tâm đặc giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát đắc Vô sanh pháp nhẫn.



Quyển 77

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 6

Lại nữa, nay thuyết *nương giả an lập pháp phân biệt giải thoát Du-già nhiếp đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Từ Thị Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ở trong Đại thừa nương vào đâu, trụ ở đâu mà tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na?

Phật bảo Từ Thị Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Nên biết Bồ-tát lấy giả an lập pháp và lấy nguyện không xả Vô thượng Chánh đẳng giác làm chỗ nương, làm chỗ an trụ mà ở trong Đại thừa tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết về bốn chủng sự cảnh sở duyên: một là sự cảnh sở duyên ảnh tượng có phân biệt; hai là sự cảnh sở duyên ảnh tượng không phân biệt; ba là sự cảnh sở duyên tánh biên tế của sự; bốn là sự cảnh sở duyên việc

làm thành xong. Trong bốn chủng đây, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên của cả hai pháp?

Thiện nam tử! Một là sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, đó là ảnh tượng không phân biệt. Một là sự cảnh sở duyên Tỳ-bát-xá-na, đó là ảnh tượng có phân biệt. Hai là sự cảnh sở duyên của cả hai pháp, đó là sự cảnh sở duyên biên tế của sự và việc làm thành xong.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nương bốn chủng sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây, năng cầu Xa-ma-tha, năng khéo Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Như Ta vì chư Bồ-tát mà sở thuyết giả an lập pháp, chỗ gọi là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị. Đối với đây, Bồ-tát khéo lắng nghe, khéo thọ trì, lời khéo thông lợi, ý khéo tầm tư, kiến khéo thông đạt. Tức đối với như pháp khéo tư duy, một mình ở chốn không nhân tác ý tư duy; lại đối với đây tâm năng tư duy, tâm bên trong tương

tục tác ý tư duy. Bồ-tát chánh hành như vậy, nhiều an trụ như vậy, khởi thân khinh an và tâm khinh an; đây gọi là Xa-ma-tha. Bồ-tát năng cầu Xa-ma-tha như vậy, vì đã thu được thân tâm khinh an làm chỗ nương, nên đối với như pháp khéo tư duy, bên trong ảnh tượng sở hành tam-ma-địa, lại quán sát thắng giải xả lìa tướng tâm. Tức ở trong nghĩa sở tri ảnh tượng tam-ma-địa như vậy, năng chánh chọn lựa, tối cực chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả, hoặc nhãn, hoặc lạc, hoặc tuệ, hoặc kiến, hoặc quán; đây gọi là Tỳ-bát-xá-na. Bồ-tát như vậy là năng khéo Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát duyên tâm làm cảnh, bên trong tư duy tâm cho đến thân tâm chưa được khinh an, thì sở hữu tác ý nên gọi là gì?

Thiện nam tử! Chẳng phải tác ý Xa-ma-tha, chỉ là tác ý tương ưng thắng giải thuận theo Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát cho đến thân tâm chưa được khinh an, ở nơi sở hữu các pháp như đã tư duy, bên trong sở duyên ảnh tượng tam-ma-địa, tác ý tư duy. Tác ý như vậy nên gọi là gì?

Thiện nam tử! Chẳng phải tác ý Tỳ-bát-xá-

na, chỉ là tác ý tương ưng thắng giải thuận theo Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Đạo Xa-ma-tha và đạo Tỳ-bát-xá-na nên nói là có khác, nên nói là không khác?

Thiện nam tử! Nên nói là chẳng phải có khác, chẳng phải không khác. Cớ sao chẳng phải có khác? Vì lấy tâm sở duyên cảnh Tỳ-bát-xá-na làm sở duyên. Cớ sao chẳng phải không khác? Vì chẳng phải sở duyên ảnh tượng có phân biệt vậy.

Bạch Thế Tôn! Ảnh tượng sở hành tam-ma-địa của các Tỳ-bát-xá-na, thì kia cùng tâm đây nên nói là có khác, hay nên nói là không khác?

Thiện nam tử! Nên nói là không khác. Vì cớ sao? Vì ảnh tượng kia chỉ là thức. Thiện nam tử! Ta nói sở duyên thức chỉ là chỗ hiển hiện của thức.

Bạch Thế Tôn! Nếu ảnh tượng sở hành kia tức cùng tâm đây không có khác, vậy thì tâm đây trở lại thấy tâm đây chẳng?

Thiện nam tử! Trong đây không có chút pháp năng thấy chút pháp. Nhưng tức tâm đây lúc như vậy sanh, tức có ảnh tượng như vậy hiển hiện.

Thiện nam tử! Như nương mặt gương đã được

lau chùi sáng sạch, lấy chất làm duyên trở lại thấy được bản chất, mà cho là ta nay thấy ở nơi ảnh tượng và cho là lìa chất riêng có ảnh tượng sở hành hiển hiện. Như vậy khi tâm đây sanh, thì ảnh tượng sở hành tam-ma-địa hiển hiện giống như có khác.

Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình trụ tự tánh, ảnh tượng sở hành tâm duyên sắc... thì kia cùng tâm đây cũng không khác chăng?

Thiện nam tử! Cũng không có khác. Nhưng các ngu phu do hiểu biết điên đảo, nên ở nơi các ảnh tượng chẳng năng như thật biết chỉ là thức mà sanh hiểu điên đảo.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát một hướng tu Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Nếu tương tục tác ý chỉ tư duy tướng tâm.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát một hướng tu Xa-ma-tha?

Thiện nam tử! Nếu tương tục tác ý chỉ tư duy tâm không gián đoạn.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát hòa hợp đồng chuyển Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Nếu chánh tư duy tâm tánh nhất cảnh.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng tâm?

Thiện nam tử! Đó là ảnh tượng có phân biệt sở hành tam-ma-địa, sở duyên Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tâm không gián đoạn?

Thiện nam tử! Đó là tâm duyên ảnh tượng kia, sở duyên Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tâm tánh nhất cảnh?

Thiện nam tử! Đó là thông đạt ảnh tượng sở hành tam-ma-địa chỉ là thức. Nếu thông đạt đây rồi, lại tư duy tánh chân như.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-bát-xá-na có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có ba chủng: một là có tướng Tỳ-bát-xá-na; hai là tầm cầu Tỳ-bát-xá-na; ba là quán xét Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là có tướng Tỳ-bát-xá-na? Tức là thuần tư duy ảnh tượng có phân biệt sở hành tam-ma-địa Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là tầm cầu Tỳ-bát-xá-na? Tức là do tuệ, khắp ở trong tất cả pháp kia chưa khéo hiểu

rõ, vì khéo hiểu rõ nên tác ý tư duy Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là quán xét Tỳ-bát-xá-na? Tức là do tuệ, khắp ở trong tất cả pháp đã khéo hiểu rõ, vì khéo chứng đắc cực giải thoát nên tác ý tư duy Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha đây có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Do theo tâm không gián đoạn kia, nên biết trong đây cũng có ba chủng. Lại có tám chủng, tức là từ Sơ tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, mỗi một xứ có một chủng Xa-ma-tha. Lại có bốn chủng, tức là trong bốn vô lượng từ, bi, hỷ, xả, riêng mỗi một chủng vô lượng có một chủng Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết nương pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, lại thuyết chẳng nương pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Sao gọi là nương pháp? Sao gọi là chẳng nương pháp?

Thiện nam tử! Hoặc tùy theo sở hữu pháp tướng đã tư duy, đã thọ trì, mà ở nơi ấy đắc nghĩa Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, thì gọi là nương pháp. Hoặc không chờ đợi sự thọ trì, sự tư duy pháp tướng, chỉ y chỉ dạy răn dạy trao của người, mà ở

nơi ấy đặc nghĩa Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, như quán xanh bầm và quán máu mủ thối rữa... hoặc tất cả hành đều là vô thường, hoặc các hành khổ, hoặc tất cả pháp đều không có ngã, hoặc Niết-bàn rốt ráo tịch tĩnh. Hết thấy loại Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na như vậy gọi là chẳng nương pháp. Do nương pháp đặc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nên Ta thi thiết Bồ-tát tùy pháp hành là tánh lợi căn. Do chẳng nương pháp mà đặc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nên Ta thi thiết Bồ-tát tùy tín hành là tánh độn căn.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết có duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Sao gọi là duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Hoặc chư Bồ-tát duyên từng pháp riêng của Khế kinh... ở nơi pháp đã thọ trì đã tư duy mà tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc chư Bồ-tát duyên tất cả pháp của Khế kinh... gom lại thành một đoàn, một nhóm, một phần, một tụ, rồi tác ý tư duy: “Tất cả pháp đây

thuận theo chân như, hướng đến chân như, nhập vào chân như; thuận theo Bồ-đề, thuận theo Niết-bàn, thuận theo chuyển y; hướng đến Bồ-đề, hướng đến Niết-bàn, hướng đến chuyển y; nhập vào Bồ-đề, nhập vào Niết-bàn, nhập vào chuyển y. Tất cả pháp đây tuyên thuyết vô số vô lượng thiện pháp”. Như vậy tư duy tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là duyên chung pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết thì có duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung nhiều phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung nhiều phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Hoặc duyên riêng Khế kinh cho đến duyên riêng Luận nghị... gom lại thành một đoàn... rồi tác ý tư duy. Nên biết đây gọi là duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc duyên cho đến các pháp Khế kinh... đã tư duy đã thọ trì, gom lại thành một đoàn... rồi tác ý tư duy chẳng phải duyên riêng từng pháp. Nên biết đây gọi là duyên chung nhiều pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc duyên vô lượng giáo pháp Như Lai, vô lượng pháp cú văn tự, vô lượng tuệ chiếu soi rõ ràng về sau... gom thành một đoàn... rồi tác ý tư duy; chẳng do duyên cho đến chỗ tư duy chỗ thọ trì. Nên biết đây gọi là duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Ngang đầu Bồ-tát gọi là đắc duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Do năm duyên nên biết được gọi đắc: một là lúc tư duy, sát-na sát-na tiêu dung tất cả sở y thô trọng; hai là lìa chủng chủng tướng, được vui pháp lạc; ba là hiểu rõ vô lượng ánh sáng pháp chiếu soi mười phương tướng không sai biệt; bốn là sở tác thành tựu viên mãn, tướng vô phân biệt tương ưng phần thanh tịnh hằng hiện tại tiền; năm là vì khiến pháp thân được thành tựu viên mãn, nhiếp thọ nhân chuyển thắng diệu về sau.

Bạch Thế Tôn! Duyên chung pháp Xa-ma-tha,

Tỳ-bát-xá-na đây, nên biết từ đâu gọi là thông đạt, từ đâu gọi là đắc?

Thiện nam tử! Từ Cục hỷ địa đầu tiên gọi là thông đạt. Từ Phát quang địa thứ ba mới gọi là đắc.

Thiện nam tử! Bồ-tát sơ nghiệp cũng ở trong ấy mà tùy học tác ý, tuy chưa được xưng khen, nhưng cũng chẳng nên vì đó mà nhàm mỗi phế bỏ.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây sao có danh là Có tâm có tứ tam-ma-địa; sao có danh là Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa; sao có danh là Không tâm không tứ tam-ma-địa?

Thiện nam tử! Ở nơi như chỗ nắm lấy pháp tướng đã tầm tứ, hoặc có thô hiển lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa. Hoặc ở tướng kia tuy không thô hiển lãnh thọ quán sát, mà có niệm sáng suốt vi tế lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa. Hoặc tức nơi tất cả tướng pháp kia đều không tác ý khiến lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Lại nữa, thiện nam tử! Hoặc có tâm cầu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa. Hoặc quán xét Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm duy chỉ tứ tam-ma-địa. Hoặc duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng Chỉ? Sao gọi là tướng Cử? Sao gọi là tướng Xả?

Thiện nam tử! Hoặc tâm trạo cử, hoặc khi sợ trạo cử, khi ấy tác ý các pháp đáng nhàm chán và tác ý tâm không gián đoạn; đây gọi là tướng Chỉ. Hoặc tâm trì trệ, hoặc khi sợ trì trệ, khi ấy tác ý các pháp đáng vui thích và tác ý tướng tâm của kia không gián đoạn; đây gọi là tướng Cử. Hoặc ở nơi một hướng đạo Xa-ma-tha, hoặc ở nơi một hướng đạo Tỳ-bát-xá-na, hoặc ở nơi cả hai đạo song vận chuyển, lúc bị sự nhiễm ô của hai tùy phiền não, khi ấy không dụng công tác ý và chỗ có tác ý trong tâm nhậm vận chuyển; đây gọi là tướng Xả.

Bạch Thế Tôn! Các chúng Bồ-tát tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na rõ biết pháp, rõ biết nghĩa. Sao gọi là rõ biết pháp? Sao gọi là rõ biết nghĩa?

Thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do năm chủng

tướng mà rõ biết pháp: một là biết danh; hai là biết cú; ba là biết văn; bốn là biết riêng; năm là biết chung.

Sao gọi là biết danh? Tức là ở trong tất cả pháp nhiệm tịnh mà thi thiết giả tướng kiến lập tự tánh.

Sao gọi là biết cú? Tức là ở trong tập hợp danh kia, năng theo đó mà tuyên thuyết nghĩa nương tựa, giữ gìn, kiến lập của các tạp nhiệm thanh tịnh.

Sao gọi là biết văn? Tức là chữ nương theo hai loại là danh và cú kia.

Sao gọi là ở nơi kia biết riêng? Tức là do tác ý sở duyên mỗi loại riêng biệt.

Sao gọi là ở nơi kia biết chung? Tức là do tác ý sở duyên gom chung.

Như vậy tất cả hợp chung làm một, gọi là rõ biết pháp. Như vậy gọi là Bồ-tát biết pháp.

Thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do mười chủng tướng mà rõ biết nghĩa: một là biết tánh tận sở hữu; hai là biết tánh như sở hữu; ba là biết nghĩa năng thủ; bốn là biết nghĩa sở thủ; năm là biết nghĩa kiến lập; sáu là biết nghĩa thọ dụng; bảy là

biết nghĩa điên đảo; tám là biết nghĩa không điên đảo; chín là biết nghĩa tạp nhiễm; mười là biết nghĩa thanh tịnh.

Thiện nam tử! Tánh tận sở hữu tức là đối với các pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, biết ngăn mé khác nhau của mỗi mỗi phẩm loại riêng biệt, trong đây được danh là tánh tận sở hữu. Như vậy số năm uẩn, số sáu nội xứ, số sáu ngoại xứ... tất cả đều biết tánh tận sở hữu của chúng.

Tánh như sở hữu tức là trong tất cả pháp nhiễm tịnh sở hữu chân như, trong đây được danh là tánh như sở hữu. Đây lại có bảy chủng: một là lưu chuyển chân như, đó là tánh tất cả hành không có trước sau; hai là tướng chân như, đó là tất cả pháp, bổ-đặc-già-la tánh vô ngã và pháp tánh vô ngã; ba là liễu biệt chân như, đó là tánh của tất cả hành chỉ là thức; bốn là an lập chân như, đó là các Khổ thánh đế như Ta đã thuyết; năm là tà hạnh chân như, đó là các Tập thánh đế như Ta đã thuyết; sáu là thanh tịnh chân như, đó là các Diệt thánh đế như Ta đã thuyết; bảy là chánh hạnh chân như, đó là các Đạo thánh đế như Ta đã thuyết. Nên biết trong đây do lưu chuyển chân như, tà hạnh chân

như, an lập chân như mà biết tất cả hữu tình đều như nhau. Do tướng chân như và liễu biệt chân như mà biết tất cả pháp đều như nhau. Do thanh tịnh chân như mà biết tất cả Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đều như nhau. Do chánh hạnh chân như mà biết việc lắng nghe chánh pháp, tuệ do sự nhiếp thọ của duyên chung cảnh giới thù thắng Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đều như nhau.

Nghĩa năng thủ là năm nội sắc xứ, hoặc tâm ý thức và các tâm pháp.

Nghĩa sở thủ là sáu ngoại xứ. Lại nghĩa năng thủ cũng là nghĩa sở thủ.

Nghĩa kiến lập là khí thể giới, trong đó kiến lập tất cả các hữu tình giới khả đắc. Đó là ruộng một thôn, hoặc ruộng trăm thôn, hoặc ruộng ngàn thôn, hoặc ruộng trăm ngàn thôn; hoặc một đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc trăm đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc ngàn đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc trăm ngàn đại địa cho đến ngàn mé biển; hoặc một Thiệm-bộ châu, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Thiệm-bộ châu; hoặc một Bốn đại châu, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm

ngàn Bốn đại châu; hoặc một Tiểu thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Tiểu thiên thế giới; hoặc một Trung thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Trung thiên thế giới; hoặc một Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc một muôn ức Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm muôn ức hoặc ngàn muôn ức hoặc trăm ngàn muôn ức Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc vô số Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm vô số, hoặc ngàn vô số, hoặc trăm ngàn vô số Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc vô số Tam thiên đại thiên thế giới có trăm ngàn lượng vi trần thấy... Ở khắp mười phương có vô lượng vô số các khí thế giới.

Nghĩa thọ dụng, đó là các loại hữu tình vì thọ dụng nên nhiếp thọ vật dụng như trước Ta đã thuyết.

Nghĩa diên đảo tức là ở nơi nghĩa năng thủ kia... hoặc vô thường cho là thường, tướng diên đảo, tâm diên đảo, kiến diên đảo; hoặc khổ cho là vui; hoặc bất tịnh cho là tịnh; hoặc vô ngã cho là ngã... tướng diên đảo, tâm diên đảo, kiến diên đảo.

Nghĩa không diên đảo nên biết trái với nghĩa diên đảo. Tướng đây năng đối trị tướng kia.

Nghĩa tạp nhiễm là ba chủng tạp nhiễm của tam giới: một là phiền não tạp nhiễm; hai là nghiệp tạp nhiễm; ba là sanh tạp nhiễm.

Nghĩa thanh tịnh là chỗ lìa hệ buộc của ba chủng tạp nhiễm nêu trên, sở hữu các pháp Bồ-đề phần.

Thiện nam tử! Mười chủng như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do năng rõ biết năm chủng nghĩa mà gọi là rõ biết nghĩa. Những gì là năm nghĩa? Một là biết khắp sự; hai là biết khắp nghĩa; ba là biết khắp nhân; bốn là biết khắp quả đạt được; năm là ở nơi đây hiểu rõ.

Thiện nam tử! Biết khắp sự nên biết tức là tất cả sở tri, hoặc các uẩn, hoặc các nội xứ, hoặc các ngoại xứ... tất cả như vậy.

Biết khắp nghĩa tức là biết tất cả cho đến sở hữu phẩm loại cảnh sở tri sai biệt, hoặc vì thế tục, hoặc vì thắng nghĩa, hoặc vì công đức, hoặc vì lỗi lầm, vì duyên, vì đời, hoặc vì tướng sanh, hoặc vì trụ, hoặc vì hoại, hoặc vì như bệnh... hoặc vì khổ,

tập... hoặc vì chân như, thật tế, pháp giới, hoặc vì lược rộng, hoặc vì một hướng ký, hoặc vì phân biệt ký, hoặc vì phản vấn ký, hoặc vì sắp xếp riêng, hoặc vì ẩn mật, hoặc vì hiển rõ... Hết thấy loại như vậy nên biết tất cả gọi là biết khắp nghĩa.

Biết khắp nhân tức là năng nắm giữ hai phần trước pháp Bồ-đề, đó là các niệm trụ, hoặc chánh đoạn.

Biết khắp quả đạt được tức là Tỳ-nại-da đoạn trừ tham khuể si và các quả Sa-môn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tham khuể si... và sở hữu công đức cộng, bất cộng, thế gian, xuất thế gian mà Ta đã thuyết, ở nơi kia tác chứng.

Ở nơi đây hiểu rõ tức là ở trong pháp đây tác chứng các trí giải thoát, rộng vì người tuyên thuyết, khai thị, tán thán.

Thiện nam tử! Năm nghĩa như vậy nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia vì năng rõ biết bốn chủng nghĩa, gọi là biết nghĩa. Những gì là bốn nghĩa? Một là nghĩa tâm chấp thọ; hai là nghĩa lãnh nạp; ba là nghĩa liễu biệt; bốn là nghĩa tạp nhiễm thanh tịnh. Thiện nam tử! Bốn nghĩa

như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia vì năng rõ biết ba chủng nghĩa, gọi là biết nghĩa. Những gì là ba? Một là nghĩa văn; hai là nghĩa nghĩa; ba là nghĩa giới.

Thiện nam tử! Nghĩa văn tức là danh thân... Nghĩa nghĩa lại có mười chủng: một là tướng chân thật; hai là tướng biết khắp; ba là tướng vĩnh viễn đoạn; bốn là tướng tác chúng; năm là tướng tu tập; sáu là tướng chân thật kia có tướng phẩm sai biệt; bảy là tướng năng y, sở y phụ thuộc lẫn nhau; tám là tức biết khắp hết thấy các pháp chướng làm chướng ngại; chín là tức thuận theo tướng pháp kia; mười là không biết khắp thấy và biết khắp hết thấy tướng công đức, quá hoạn. Nghĩa giới bao gồm năm chủng giới: một là khí thế giới; hai là hữu tình giới; ba là pháp giới; bốn là sở điều phục giới; năm là gia hạnh điều phục giới.

Thiện nam tử! Ba nghĩa như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả nghĩa.

Bạch Thế Tôn! Hoạch rõ biết nghĩa tuệ do nghe mà thành tựu; hoặc rõ biết nghĩa tuệ do tư mà thành tựu; hoặc rõ biết nghĩa tuệ do tu mà thành

tự Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây có sai khác gì?

Thiện nam tử! Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do nghe thành tựu thì nương văn như những điều đã thuyết, ý tiến đến chưa khéo, chưa hiện tại tiền, tùy thuận giải thoát, chưa năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do tư mà thành tựu, cũng chỉ nương văn chẳng phải chỉ như thuyết, ý tiến đến cũng đã khéo léo, chưa hiện tại tiền, chuyển thuận giải thoát, chưa năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do tu mà thành tựu, cũng nương văn, cũng chẳng nương văn; cũng như thuyết ấy, cũng chẳng như thuyết ấy; ý tiến đến năng khéo léo ở nơi sự sở tri, ảnh tượng đồng phạm sở hành tam-ma-địa hiện tiền, cực thuận giải thoát, đã năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Thiện nam tử! Đây gọi là ba chủng biết nghĩa sai biệt.

Bạch Thế Tôn! Chúng chư Bồ-tát tu Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na biết pháp biết nghĩa, sao gọi là trí, sao gọi là kiến?

Thiện nam tử! Ta tuyên nói hai chủng trí và

kiến có vô lượng môn sai biệt. Nay Ta sẽ vì ông lược thuyết tướng kia. Nếu sở hữu diệu tuệ do tu tập duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na mà thành, đây gọi là trí. Nếu sở hữu diệu tuệ do tu tập duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na mà thành, đây gọi là kiến.

Bạch Thế Tôn! Chúng chư Bồ-tát tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na do tác ý nào? Trừ khiển các tướng gì? Trừ khiển thế nào?

Thiện nam tử! Do tác ý chân như mà khiển trừ tướng pháp và tướng nghĩa. Nếu lúc ở nơi danh đây và tự tánh danh ấy đã được vô sở đắc, cũng chẳng quán tướng của kia nương, như vậy trừ khiển. Như ở nơi danh, thì ở nơi cú, ở nơi văn, ở nơi tất cả nghĩa nên biết cũng vậy. Cho đến lúc ở nơi cõi giới và tự tánh cõi giới đã được vô sở đắc, cũng không quán tướng của kia nương, như vậy trừ khiển.

Bạch Thế Tôn! Các sự rõ biết tướng nghĩa chân như, tướng chân như đây khá có thể trừ khiển không?

Thiện nam tử! Ở trong sự rõ biết nghĩa chân như đều không có tướng, cũng không chỗ đắc, vậy trừ khiển cái gì?

Thiện nam tử! Ta thuyết lúc rõ biết nghĩa chân như, năng hàng phục tướng của tất cả pháp, nghĩa. Chẳng phải liễu đạt đây là năng hàng phục điều gì khác.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết thì khí nước vẫn đục đục bất tịnh, gương dụ cho soi bị khuấy, ao dụ cho không kham nhiệm quán sát tướng ảnh hiện ở bề mặt nước. Nếu năng kham nhiệm, thì trái với tướng trên. Như vậy nếu có người không khéo tu tâm, thì chẳng thể kham nhiệm quán sát như thật sở hữu chân như. Nếu khéo tu tâm, thì kham nhiệm quán sát. Đây nói những gì năng quán sát tâm? Nương chân như nào mà tác thuyết ấy?

Thiện nam tử! Đây nói ba chủng năng quán sát tâm: tức là năng quán sát tâm do nghe thành tựu; hoặc năng quán sát tâm do tư thành tựu; hoặc năng quán sát tâm do tu thành tựu. Nương liễu biệt chân như mà tác thuyết như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như vậy khi Bồ-tát rõ biết pháp, nghĩa, vì trừ khiến các tướng nên siêng tu gia hạnh, có bao nhiêu chủng tướng khó thể trừ khiến? Dụng cái gì năng trừ khiến?

Thiện nam tử! Có mười chủng tướng *không*

năng trừ khiển. Những gì là mười?

Một là vì rõ biết pháp nghĩa, nên có tướng chủng tướng văn tự. Đây dùng *tất cả pháp không* năng chánh trừ khiển.

Hai là vì rõ biết nghĩa an lập chân như, nên có tướng của tánh sanh trụ dị diệt tương tục tùy chuyển. Đây dụng *tướng không* và *trước sau không* năng chánh trừ khiển.

Ba là rõ biết nghĩa năng thủ, nên có tướng luyện tiếc thân và ngã mạn. Đây dùng *nội không* và *vô sở đắc không* năng chánh trừ khiển.

Bốn là rõ biết nghĩa sở thủ, nên có tướng luyện tiếc tài bảo. Đây dùng *ngoại không* năng chánh trừ khiển.

Năm là rõ biết nghĩa thọ dụng tương ứng nam nữ, thừa sự, vật dụng, nên có tướng vui thích bên trong, có tướng tịnh diệu bên ngoài. Đây dùng *nội ngoại không* và *bốn tánh không* năng chánh trừ khiển.

Sáu là rõ biết nghĩa kiến lập, nên có tướng vô lượng. Đây dùng *đại không* năng chánh trừ khiển.

Bảy là rõ biết nghĩa vô sắc, nên có tướng tịch tĩnh giải thoát bên trong. Đây dùng *hữu vi không*

năng chánh trừ khiển.

Tám là rõ biết nghĩa tướng chân như, nên có tướng bổ-đặc-già-la vô ngã và tướng pháp vô ngã, hoặc tướng thức và tướng thắng nghĩa. Đây dùng *sẽ rất ráo không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không và thắng nghĩa không* năng chánh trừ khiển.

Chín là rõ biết nghĩa chân như thanh tịnh, nên có tướng vô vi, tướng không biến đổi. Đây dùng *vô vi không, vô biến dị không* năng chánh trừ khiển.

Mười là tức ở nơi tướng kia đối trị tánh Không, tác ý tư duy, nên có tướng tánh Không. Đây dùng *không không* năng chánh trừ khiển.

Bạch Thế Tôn! Khi mười chủng tướng được trừ khiển như vậy, những gì được trừ khiển? Từ những tướng nào mà được giải thoát?

Thiện nam tử! Trừ khiển tướng ảnh tượng sở hành tam-ma-địa. Từ tướng tạp nhiễm phược mà được giải thoát. Kia cũng được trừ khiển.

Thiện nam tử! Để khiển trừ tướng, phải nói lấy *không* để đối trị nên biết thù thắng hơn cả. Nhưng chẳng phải mỗi một *không* mà có thể đối trị tất cả tướng. Thí như vô minh chẳng phải chẳng

năng sanh các pháp tạp nhiễm như sanh cho đến lão tử... nhưng thù thắng hơn chỉ thuyết năng sanh ở nơi hành, vì các hành đây là duyên rất dễ gần gũi. Trong đạo lý đây nên biết cũng vậy.

Bạch Thế Tôn! Trong đây những *không* gì là tướng chung của tánh Không? Nếu chư Bồ-tát rõ biết đây rồi, ở nơi tướng tánh Không không bị hoại mất, lia tăng thượng mạn?

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Từ Thị Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Như ông mới năng thỉnh hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy, khiến chư Bồ-tát ở nơi tướng tánh Không không bị hoại mất. Vì cố sao? Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát ở nơi tướng tánh Không bị hoại mất, bèn là hoại mất tất cả Đại thừa. Cho nên ông phải lắng nghe kỹ, lắng nghe kỹ, Ta sẽ vì ông thuyết chung tướng tánh Không.

Thiện nam tử! Nếu ở trong tướng y tha khởi và tướng viên thành thật, rốt ráo xa lìa tánh của tất cả phẩm loại tạp nhiễm thanh tịnh tướng biến kế sở chấp và đối trong đây đều vô sở đắc, như vậy gọi là tướng chung của tánh Không ở trong Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây năng nhiếp bao nhiêu chủng thắng tam-ma-địa?

Thiện nam tử! Như Ta đã thuyết vô lượng Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai có vô lượng chủng thắng tam-ma-địa. Nên biết Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đều năng nhiếp tất cả đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây lấy gì làm nhân?

Thiện nam tử! Thanh tịnh giới và thanh tịnh văn-tư thành tựu chánh kiến lấy làm nhân của đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây lấy gì làm quả?

Thiện nam tử! Tâm thiện thanh tịnh và tuệ thiện thanh tịnh lấy làm quả đây.

Lại nữa, thiện nam tử! Sở hữu tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian của Thanh văn, chư Như Lai thấy, nên biết đều là quả sở đắc của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây năng làm nghiệp gì?

Thiện nam tử! Thứ tự năng khiến giải thoát hai phược làm nghiệp, đó là tướng phược và thô

trọng phước.

Bạch Thế Tôn! Như Phật sở thuyết thì trong năm chủng hệ buộc, bao nhiêu là chương Xa-ma-tha, bao nhiêu là chương Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu là chương cả hai?

Thiện nam tử! Luyến tiếc thân mạng, tài bảo là chương Xa-ma-tha. Ở nơi các thánh giáo không được tự tại tùy dục là chương Tỳ-bát-xá-na. Tướng vui tập trụ, vui không biết đủ là chương cả hai. Do chương thứ nhất khiến không thể phát khởi tu tập. Do chương thứ hai khiến sự tu tập gia hạnh không đến rốt ráo.

Bạch Thế Tôn! Trong năm cái đây, bao nhiêu chương Xa-ma-tha, bao nhiêu chương Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu chương cả hai?

Thiện nam tử! Trạo cử ác tác là chương Xa-ma-tha. Hôn trầm thụ miên, nghi là chương Tỳ-bát-xá-na. Tham dục, sân khú nên biết chương cả hai.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu gọi là đắc đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn?

Thiện nam tử! Khéo chân chánh trừ khiển cho đến sở hữu hôn trầm thụ miên, ngang đây gọi

là đắc đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu gọi là đắc đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn?

Thiện nam tử! Khéo chân chánh trừ khiến cho đến sở hữu trạo cử ác tác, ngang đây gọi là đắc đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn.

Bạch Thế Tôn! Nếu lúc chư Bồ-tát tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na hiện tại tiền, có bao nhiêu chủng pháp tán động nơi tâm?

Thiện nam tử! Nên biết có năm chủng: một là tác ý tán động; hai là ngoại tâm tán động; ba là nội tâm tán động; bốn là tướng tán động; năm là thô trọng tán động.

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát xả tác ý tương ưng Đại thừa, rơi trong các tác ý tương ưng Thanh văn, Độc giác, đây là tác ý tán động. Hoặc đối với năm diệu dục bên ngoài, các tướng tạp loạn mà có tâm tư tùy phiền não; đối với cảnh sở duyên bên ngoài, tâm buông thả lưu tán, đây là ngoại tâm tán động. Hoặc do hôn trầm cùng với thụy miên, hoặc do chìm đắm, hoặc do ái vị Tam-ma-bát-đề, hoặc do thuận theo sự nhiễm ô của một trong số các tùy phiền não của Tam-ma-bát-đề, đây gọi là nội tâm

tán động. Hoặc nương tướng bên ngoài, bên trong tác ý tư duy các tướng sở hành đẳng trì, gọi là tướng tán động. Hoặc bên trong tác ý làm duyên sanh khởi sở hữu các thọ, do thân thô trọng kế chấp ngã khởi mạn, gọi là thô trọng tán động.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, từ Bồ-tát địa đầu tiên cho đến Như Lai địa, năng đối trị chướng nào?

Thiện nam tử! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, ở trong địa thứ nhất đối trị chướng phiền não tạp nhiễm, sanh tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm của đường ác. Ở địa thứ hai đối trị chướng lầm phạm vi tế hiện hành. Ở địa thứ ba đối trị chướng dục tham. Ở địa thứ tư đối trị chướng ái định và ái pháp. Ở địa thứ năm đối trị chướng một hướng hướng đến Niết-bàn, một hướng trái bỏ sanh tử. Ở địa thứ sáu đối trị chướng ở nơi tướng nhiều hiện hành. Ở địa thứ bảy đối trị chướng ở nơi tướng hiện hành vi tế. Ở địa thứ tám đối trị chướng ở nơi vô tướng tác dụng công, ở nơi hữu tướng chẳng được tự tại. Ở địa thứ chín đối trị chướng không được tự tại trong tất cả chủng ngôn từ thiện xảo. Ở địa thứ mười đối trị chướng không được chứng đắc

Pháp thân viên mãn.

Thiện nam tử! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, ở Như Lai địa đối trị phiền não chướng và sở tri chướng cực vi tế, tối cực vi tế. Do năng vĩnh viễn hại diệt chướng như vậy, nên chúng đắc rốt ráo tất cả trí kiến không đả trước, không ngăn ngại; nương nơi sở duyên việc làm thành tựu viên mãn, kiến lập Pháp thân tối cực thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát vì nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na siêng tu hành, chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát đã đắc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nương bảy chân như, ở trong pháp như đã lắng nghe đã tư duy, do tâm định thù thắng nên ở trong khéo định sâu, ở trong khéo tư duy xứng lượng, ở trong khéo an lập, ở trong chân chánh tư duy tánh chân như. Vị kia ở trong chân chánh tư duy chân như như vậy, nên đối với tất cả tướng vi tế hiện hành, tâm hãy còn xả bỏ, hà huống tướng thô.

Thiện nam tử! Nói đến tướng tế tức là tướng tâm chấp thọ, hoặc tướng lãnh nạp, hoặc tướng liễu biệt, hoặc tướng tạp nhiễm, thanh tịnh, hoặc

tướng trong, hoặc tướng ngoài, hoặc tướng trong ngoài, hoặc tướng “Ta phải tu hành lợi tất cả hữu tình”, hoặc tướng chánh trí, hoặc tướng chân như, hoặc tướng khổ tập diệt đạo, hoặc tướng vô vi, hoặc tướng hữu vi, hoặc tướng thường, hoặc tướng vô thường, hoặc tướng khổ có tánh biến đổi, hoặc tướng khổ có tánh không biến đổi, hoặc tướng khác với tướng hữu vi, hoặc tướng đồng với tướng hữu vi, hoặc tướng biết tất cả là tất cả, đã có tất cả, hoặc tướng bổ-đặc-già-la vô ngã, hoặc tướng pháp vô ngã. Nếu lúc tâm kia hiện hành tướng như vậy, tức liền xả bỏ. Vị kia đã nhiều an trụ hành trì như vậy ở từng giai đoạn, từ tất cả hệ buộc, cái, tán động... khéo tu trị tâm. Từ đây về sau, nơi bảy chân như, tự bên trong chứng đắc từng chân như một, thông đạt trí sanh khởi, gọi là kiến đạo. Do đắc đây nên gọi là nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, sanh nhà Như Lai, chứng đắc địa đầu tiên. Lại năng thọ dụng uy đức thù thắng của địa đây. Do ở thời trước đã từng đắc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đã đắc hai chủng sở duyên là sở duyên ảnh tượng có phân biệt và sở duyên ảnh tượng không phân biệt. Ở thời nay lại đắc kiến đạo, liền chứng đắc sở

duyên biên tế của sự. Càng về sau, càng thắng tiến tu đạo ở trong tất cả địa, tức cũng tác ý tư duy ba chủng sở duyên như vậy. Thí như có người lấy chi tiết để trừ khiển chi tiết thô, như vậy Bồ-tát nương đây phương tiện dùng chi tiết ra khỏi chi tiết để trừ khiển tướng bên trong, do đây tất cả tướng phân thuận theo tạp nhiễm thấy đều được trừ khiển. Vì tướng đã trừ khiển, nên thô trọng cũng diệt sạch. Vì vĩnh viễn hại diệt tất cả tướng thô trọng, lần hồi ở nơi các địa về sau, tâm được điều luyện như phương pháp luyện vàng, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lại đắc sở duyên việc làm thành tựu viên mãn.

Thiện nam tử! Bồ-tát như vậy bên trong chánh tu hành Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tu hành dẫn phát uy đức rộng lớn của Bồ-tát?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát khéo biết sáu xứ, liền năng dẫn phát sở hữu uy đức rộng lớn của Bồ-tát: một là khéo biết tâm sanh; hai là khéo biết tâm trụ; ba là khéo biết tâm xuất; bốn là khéo biết tâm tăng; năm là khéo biết tâm giảm; sáu là

khéo biết phương tiện.

Sao là khéo biết tâm sanh? Như thật biết mười sáu hành tâm sanh khởi sai biệt. Đây gọi là khéo biết tâm sanh. Mười sáu hành của tâm sanh khởi sai biệt: Một là thức sanh do không thể nhận biết, kiên cố trụ khí, đó là A-đà-na thức. Hai là thức sanh do sở duyên chủng chủng tướng hành, như ngay lúc nắm giữ cảnh giới tất cả sắc... có thức sanh do ý phân biệt hiện khởi; hoặc ngay lúc nắm giữ cảnh giới trong ngoài, có hiểu biết cảm thọ; hoặc ngay ở nơi một niệm, hơi thở, nháy mắt, hiện nhập nhiều định, thấy nhiều cõi nước Phật, nhiều chư Như Lai, có thức sanh do ý phân biệt hiện khởi. Ba là thức sanh do sở duyên tướng ít, đó là thức hệ buộc Dục giới. Bốn là thức sanh do sở duyên tướng nhiều, đó là thức hệ buộc Sắc giới. Năm là thức sanh do sở duyên tướng vô lượng, đó là thức hệ buộc Không vô biên xứ và thức hệ buộc Thức vô biên xứ. Sáu là thức sanh do sở duyên tướng vi tế, đó là thức hệ buộc Vô sở hữu xứ. Bảy là thức sanh do sở duyên tướng ngăn mé, đó là thức hệ buộc Phi tướng phi phi tướng xứ. Tám là thức sanh do vô tướng, đó là thức xuất thế và thức

duyên diệt. Chín là thức sanh do đồng hành khổ, đó là thức địa ngục. Mười là thức sanh do đồng hành với nhiều thứ thọ, đó là thức dục hành. Mười một là thức sanh do đồng hành hỷ, đó là thức Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự. Mười hai là thức sanh do đồng hành lạc, đó là thức Đệ tam tinh lự. Mười ba là thức sanh do đồng hành không khổ không lạc, đó là thức từ Đệ tứ tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Mười bốn là thức sanh do đồng hành nhiễm ô, đó là thức tương ưng các phiền não và tùy phiền não. Mười lăm là thức sanh do đồng hành thiện, đó là thức tương ưng các thiện pháp như tín... Mười sáu là thức sanh do đồng hành vô ký, đó là thức không cùng tương ưng với kia.

Sao gọi là khéo biết tâm trụ? Như thật rõ biết liễu biệt chân như.

Sao gọi là khéo biết tâm xuất? Như thật biết đã thoát khỏi hai chủng phược là tướng phược và thô trọng phược. Do khéo biết đây, nên khiến tâm từ như vậy mà ra khỏi.

Sao gọi là khéo biết tâm tăng? Như thật biết tâm năng đối trị tướng phược, thô trọng phược. Khi tướng phược, thô trọng phược hoặc tăng trưởng,

hoặc tích tập, tâm đây cũng được tăng trưởng, cũng được tích tập. Như vậy gọi là khéo biết tâm tăng.

Sao gọi là khéo biết tâm giảm? Như thật biết tướng tạp nhiễm và thô trọng tạp nhiễm sở đối trị tâm. Khi tướng tạp nhiễm và thô trọng tạp nhiễm hoặc suy thối, hoặc tổn giảm, tâm đây cũng suy thối, cũng tổn giảm. Như vậy gọi là khéo biết tâm giảm.

Sao gọi là khéo biết gia hạnh? Như thật biết giải thoát, thắng xứ cùng với biến xứ, hoặc tu tập, hoặc trừ khiển.

Thiện nam tử! Bồ-tát như vậy hoặc đã dẫn phát, hoặc sẽ dẫn phát, hoặc hiện dẫn phát uy đức rộng lớn của chư Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết, ở trong Vô dư y Bát-niết-bàn giới, tất cả các thọ đều vĩnh viễn diệt không sót thừa. Ở đây các thọ nào vĩnh viễn diệt?

Thiện nam tử! Tóm yếu thì có hai chủng thọ vĩnh viễn diệt không sót thừa. Những gì là hai? Một là thọ sở y thô trọng. Hai là thọ quả cảnh giới của kia.

Thọ sở y thô trọng có bốn chủng: một là thọ

sở y có sắc; hai là thọ sở y không sắc; ba là thọ quả thô trọng đã thành tựu đầy đủ; bốn là thọ quả thô trọng chưa thành tựu đầy đủ. Thọ quả đã thành tựu đầy đủ tức là thọ hiện tại. Thọ quả chưa thành tựu đầy đủ tức là nhân thọ vị lai.

Thọ quả cảnh giới của kia cũng có bốn chủng: một là thọ nương giữ; hai là thọ vật dụng; ba là thọ dụng; bốn là thọ luyến tiếc.

Ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới, tất cả thọ quả chưa thành tựu đầy đủ đã diệt, lãnh nhận đối trị để được cái thọ do minh xúc sanh khởi, cho đến lãnh nhận và cái thọ kia đồng có, hoặc quả của cái thọ do minh xúc kia đã thành tựu đầy đủ. Bấy giờ tất cả hai chủng thọ đều diệt, chỉ hiện lãnh thọ cái thọ do minh xúc sanh khởi.

Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới khi Bát-niết-bàn, đây cũng vĩnh viễn diệt, cho nên nói rằng: “Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả thọ vĩnh viễn diệt không sót thừa”.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết lời ấy xong, bảo Từ Thị Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Nay ông khéo năng thỉnh hỏi Như Lai về chỗ nương thanh tịnh viên mãn vô cùng tận của diệu

đạo Du-già. Ông ở nơi Du-già đã được quyết định thiện xảo. Ta đã vì ông mà tuyên thuyết thanh tịnh viên mãn vô cùng tận của diệu đạo Du-già. Tất cả bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai đã thuyết, sẽ thuyết, đều cũng thuyết như vậy. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân đều nên y đây đồng mãnh tinh tấn chân chánh tu học. Lúc ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa ấy mà tụng kệ rằng:

*Ở trong giả lập pháp Du-già
Nếu hành phóng dật mất nghĩa lớn,
Y chỉ pháp đây và Du-già
Nếu chánh tu hành đắc Đại Giác.
Thấy có sở đắc cầu thoát nạn
Hoặc cho thấy đây là đắc pháp,
Kia chối Từ Thị, xa Du-già
Thí như đại địa cùng hư không.
Chuyên chí lợi sanh, không dấu tích
Ngộ rồi siêng tu lợi hữu tình
Bậc trí hành vậy vô lượng kiếp
Liên được là nhiệm vui tối thượng.
Nếu nhân vì dục mà thuyết pháp
Kia danh xả dục lại thủ dục,*

*Ngũ si đặc pháp bảo vô giá
 Trở lại hạnh khát thực du hành.
 Nơi say đắm nói bàn hý luận
 Phải xả, phát khởi thượng tinh tấn
 Vì độ chư thiên cùng thế gian
 Nơi Du-già đây, ông phải học.*

Bấy giờ Từ Thị Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây nên gọi là gì? Tôi phải phụng trì thế nào?

Phật bảo Từ Thị: Đây gọi là giáo liễu nghĩa Du-già. Ở nơi giáo liễu nghĩa Du-già đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa Du-già đây, ở trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn xa trần lìa cấu, ở nơi các pháp đặc pháp nhãn tịnh; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn tâm đặc giải thoát, các lậu vĩnh viễn tận; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát thành tựu tác ý Du-già rộng lớn.

Quyển 78

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 7

Lại nữa, nay thuyết *nương giả lập thừa phân biệt hiểu rõ như thật Đại thừa*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Quán Tự Tại Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết mười địa của Bồ-tát, đó là Cực hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa. Lại thuyết Phật địa là thứ mười một. Các địa như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu chủng thanh tịnh, nhiếp thuộc bao nhiêu phần?

Phật bảo Quán Tự Tại Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Các địa của Bồ-tát như vậy nhiếp thuộc bốn chủng thanh tịnh và mười một phần.

Sao gọi là các địa nhiếp thuộc bốn chủng thanh tịnh? Địa thứ nhất nhiếp thuộc tăng thượng ý lạc thanh tịnh. Địa thứ hai nhiếp thuộc tăng thượng

giới thanh tịnh. Địa thứ ba nhiếp thuộc tăng thượng tâm thanh tịnh. Các địa sau tức từ địa thứ tư cho đến Phật địa, nhiếp thuộc tăng thượng tuệ, triển chuyển càng lúc càng thù thắng vi diệu. Thiệt nam tử! Nên biết bốn chủng thanh tịnh như vậy nhiếp khắp các địa.

Sao gọi là các địa nhiếp thuộc mười một phần? Chư Bồ-tát ở Thắng giải hành địa đầu tiên, vì nương mười pháp hạnh cực khéo tu tập thắng giải nhân, nên vượt qua địa đây chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng ở nơi lầm phạm hiện hành vi tế chưa thể an trụ chánh biết, cho nên ở trong phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng đắc viên mãn đẳng trì đẳng chí thế gian và viên mãn văn trì Đà-la-ni, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà ở nơi pháp Bồ-đề phần chưa trụ nhiều tu

tập cho đến năng khiến thành tựu, tâm chưa năng xả ái các đẳng chí và ái pháp, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng ở nơi đạo lý các đế quán sát như thật; lại chưa năng ở nơi tác ý xoay lưng với sanh tử, một hướng đi đến Niết-bàn; lại chưa năng ở nơi pháp Bồ-đề phần tu tập phương tiện nhiếp lấy, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng ở nơi sanh tử lưu chuyển quán sát như thật; lại do ở nơi vị kia sanh nhiều nhàm mỏi, lại ở nơi vô tướng chưa thể trụ nhiều, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở nơi vô tướng tu tập trụ nhiều tác ý không gián đoạn, không khuyết hở, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì muốn khiến phần

đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở trong trụ vô tướng xả ly dụng công, lại chưa năng ở nơi tướng được tự tại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở nơi tất cả phẩm loại pháp tuyên thuyết sai khác, ở nơi các nhóm tướng với danh sai khác, từ ngữ dẫn dạy sai khác được đại tự tại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng chưa hiện tiền năng đắc, hiện tiền chứng thọ Pháp thân viên mãn, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng chưa năng ở khắp tất cả cảnh giới sở tri đặc diệu trí diệu kiến không đấm trước không bị ngăn ngại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên

mãn. Vì khiến phần dây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần dây. Do viên mãn phần dây, nên ở tất cả phần đều được viên mãn. Thiện nam tử! Nên biết mười một phần như vậy thâm nhiếp khắp các địa.

Bạch Thế Tôn! Duyên nào địa đầu tiên có tên là Cự hỷ địa, cho đến duyên nào lại có tên là Phật địa?

Thiện nam tử! Thành tựu nghĩa lớn, tâm đắc xuất thế gian chưa từng đắc, sanh đại hoan hỷ, cho nên đầu tiên gọi là Cự hỷ địa.

Xa lìa tất cả hủy phạm giới vi tế, nên thứ hai gọi là Ly cấu địa.

Do đắc tam-ma-địa kia và văn trì Đà-la-ni, năng dụng vô lượng trí quang làm chỗ nương, nên thứ ba gọi là Phát quang địa.

Do sở đắc pháp Bồ-đề phần, trí thiêu đốt các phiền não như lửa cháy, nên thứ tư gọi là Diệt tuệ địa.

Do phương tiện tu tập pháp Bồ-đề phần, khó khăn vô cùng mới thắng vượt cho đến được tự tại, nên thứ năm gọi là Cự nan thắng địa.

Do hiện tiền quán sát các hành lưu chuyển, lại ở nơi vô tướng tu nhiều tác ý mới hiện tại tiền, nên thứ sáu gọi là Hiện tiền địa.

Do ở nơi vô tướng vẫn còn xa trong việc năng chứng nhập tác ý không khuyết hở không gián đoạn, ở nơi tướng đã tiếp cận thanh tịnh địa, nên thứ bảy gọi là Viễn hành địa.

Do ở nơi vô tướng được không dụng công, ở nơi các tướng không bị tán động mà chuyển theo phiền não hiện hành, nên thứ tám gọi là Bất động địa.

Do ở nơi tất cả chủng, thuyết pháp tự tại, thành tựu trí tuệ vô lượng rộng lớn, nên thứ chín gọi là Thiện tuệ địa.

Thô trọng của thân rộng như hư không, Pháp thân viên mãn như đám mây lớn bao phủ trùm khắp, nên thứ mười gọi là Pháp vân địa.

Vĩnh viễn đoạn trừ tùy phiền não tối cực vi tế và sở tri chướng, không đắm trước không ngăn ngại, ở nơi tất cả chủng cảnh giới sở tri hiện Chánh đẳng giác, nên thứ mười một gọi là Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Ở các địa đây có bao nhiêu ngu si, bao nhiêu thô trọng cần phải đối trị?

Thiện nam tử! Trong các địa đây có hai mươi

hai chủng ngu si và mười một chủng thô trọng cần phải đối trị.

Ở địa đầu tiên có hai ngu si: một là ngu si do chấp trước bổ-đặc-già-la và pháp; hai là ngu si do tập nhiễm đường ác. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ hai có hai ngu si: một là ngu si lầm phạm vi tế; hai là ngu si chủng chủng nghiệp ở các đường. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ ba có hai ngu si: một là ngu si do dục tham; hai là ngu si ở nơi viên mãn văn trì Đà-la-ni. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ tư có hai ngu si: một là ngu si do ái đẳng chí; hai là ngu si do ái pháp. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ năm có hai ngu si: một là ngu si một hướng tác ý trái lìa sanh tử; hai là ngu si một hướng tác ý hướng đến Niết-bàn. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ sáu có hai ngu si: một là ngu si hiện tiền quán sát các hành lưu chuyển; hai là ngu si ở nơi tương nhiều hiện hành. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ bảy có hai ngu si: một là ngu si ở nơi tướng hiện hành vi tế; hai là ngu si ở nơi vô tướng phương tiện một hướng tác ý. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ tám có hai ngu si: một là ngu si ở nơi vô tướng tác dụng công; hai là ngu si ở nơi tướng được tự tại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ chín có hai ngu si: một là ngu si được tự tại ở nơi vô lượng pháp sở thuyết, vô lượng pháp cú văn tự; hai là ngu si đối với về sau tuệ biện Đà-la-ni tự tại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ mười có hai ngu si: một là ngu si các đại thần thông; hai là ngu si ngộ nhập bí mật vi tế. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở Như Lai địa có hai ngu si: một là ngu si do đắm trước ở nơi tất cả cảnh giới sở tri rất vi tế; hai là ngu si do cực vi tế ngăn ngại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Thiện nam tử! Do hai mươi hai chủng ngu si đây và mười một chủng thô trọng nên an lập các địa. Còn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì bỏ lìa

tất cả trời buộc của kia vậy.

Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thật kỳ lạ, thật hy hữu, cho đến thành tựu quả lớn lợi lớn, khiến chư Bồ-tát năng phá lưới lớn ngu si, năng vượt qua rừng rậm lớn thô trọng như vậy, hiện tiền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Các địa như vậy là chỗ an lập của bao nhiêu chủng thù thắng?

Thiện nam tử! Lược có tám chủng: một là tăng thượng ý lạc thanh tịnh; hai là tâm thanh tịnh; ba là bi thanh tịnh; bốn là đến bờ kia thanh tịnh; năm là được gặp chư Phật nên thừa sự cúng dường thanh tịnh; sáu là thành thực hữu tình thanh tịnh; bảy là sanh thanh tịnh; tám là uy đức thanh tịnh.

Thiện nam tử! Từ địa thứ nhất cho đến các địa về sau, cho đến Như lai địa, sở hữu tăng thượng ý lạc thanh tịnh cho đến uy đức thanh tịnh nên biết các địa càng về sau càng triển chuyển tăng thượng thù thắng hơn. Riêng ở Phật địa, loại trừ không còn sanh thanh tịnh. Lại sở hữu công đức của địa thứ nhất so với sở hữu công đức của các địa trên bình đẳng đều có, nên biết công đức của tự mỗi địa thù thắng hơn. Tất cả công đức của mười

địa Bồ-tát đều có công đức khác vượt hơn. Công đức của Phật địa nên biết không còn công đức nào sánh được.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào mà thuyết sanh của Bồ-tát là thắng vượt hơn so với sanh của các hữu tình khác?

Thiện nam tử! Do bốn nhân duyên: một là vì chỗ huân tập phát khởi căn lành cực thiện tịnh; hai là vì nắm giữ lực ý cố tư duy phân tích chọn lựa; ba là vì bi mẫn tế độ chúng sanh; bốn là vì tự mình đã không nhiễm ô, lại năng giúp người khiến trừ nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào lại thuyết chư Bồ-tát hành nguyện rộng lớn, nguyện vi diệu, nguyện thù thắng?

Thiện nam tử! Do bốn nhân duyên: chư Bồ-tát năng khéo rõ biết lạc trú Niết-bàn; kham năng nhanh chóng chứng đắc mà lại xả bỏ; không duyên không đợi chờ mà tự phát tâm nguyện rộng lớn; vì muốn lợi ích các hữu tình nên trường thời ở những nơi có vô lượng khổ lớn. Cho nên Ta thuyết chư Bồ-tát kia hành nguyện rộng lớn, nguyện vi diệu, nguyện thù thắng.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ-tát đây có bao nhiêu chủng sự phải học?

Thiện nam tử! Sự học của Bồ-tát lược có sáu chủng, chỗ gọi là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩnh lự và tuệ đến bờ kia.

Bạch Thế Tôn! Sáu chủng sự phải học như vậy, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng giới học, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng tâm học, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học?

Thiện nam tử! Ba chủng đều nhiếp thuộc tăng thượng giới học. Một chủng tĩnh lự nhiếp thuộc tăng thượng tâm học. Một chủng tuệ nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học. Tinh tấn nhiếp thuộc cả ba tăng thượng.

Bạch Thế Tôn! Sáu chủng phải học như vậy, bao nhiêu nhiếp thuộc tư lương phước đức, bao nhiêu nhiếp thuộc tư lương trí tuệ?

Thiện nam tử! Nếu sự học nhiếp thuộc tăng thượng giới học, đây gọi là nhiếp thuộc tư lương phước đức. Nếu sự học nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học, đây gọi là nhiếp thuộc tư lương trí tuệ. Hai chủng tinh tấn và tĩnh lự nhiếp thuộc cả hai tư lương.

Bạch Thế Tôn! Ở trong sáu chủng sự học, Bồ-tát phải tu học như thế nào?

Thiện nam tử! Do năm chủng tướng phải nên tu học. Trước tiên tin hiểu sâu sắc đối với giáo pháp chân chánh vi diệu tương ưng tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa. Hai là ở nơi mười chủng pháp hạnh, dùng văn-tư-tu thành tựu diệu trí mà tinh tấn tu hành. Ba là tùy hộ trì tâm Bồ-đề. Bốn là thân cận bậc Thiện tri thức chân chánh. Năm là siêng tu phẩm thiện không gián đoạn.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào thi thiết sự phải học như vậy chỉ có sáu số?

Thiện nam tử! Do hai nhân duyên: một là vì nhiều ích các hữu tình; hai là vì đối trị các phiền não. Nên biết ba sự học đầu nhiều ích hữu tình, ba sự học sau đối trị tất cả phiền não.

Ba sự học đầu nhiều ích hữu tình: tức là chư Bồ-tát do bố thí nên nhiếp thọ vật dụng nhiều ích hữu tình; do trì giới nên không hành tổn hại bức bách nào loạn nhiều ích hữu tình; do nhẫn nhục nên tuy bị tổn hại bức bách nào loạn mà lại kham năng nhẫn thọ nhiều ích hữu tình.

Ba sự học sau đối trị các phiền não: tức là chư

Bồ-tát do tinh tấn, tuy chưa vĩnh viễn hàng phục tất cả phiền não, cũng chưa vĩnh viễn hại diệt tất cả tùy miên, nhưng năng đồng mãnh tu các phẩm thiện. Các phiền não đây chẳng thể làm khuynh động gia hạnh phẩm thiện. Do tinh lự nên vĩnh viễn hàng phục phiền não. Do Bát-nhã nên vĩnh viễn hại diệt tùy miên.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào thi thiết các Ba-la-mật-đa còn lại chỉ có bốn số?

Thiện nam tử! Đây năng làm trợ bạn cho sáu chủng Ba-la-mật-đa trước. Tức là chư Bồ-tát ở nơi ba chủng hành Ba-la-mật-đa trước nhiếp lấy hữu tình, dụng các nhiếp sự phương tiện thiện xảo mà nhiếp thọ, sau an đặt kia nơi phẩm thiện. Cho nên Ta thuyết phương tiện thiện xảo làm trợ bạn cho ba chủng Ba-la-mật-đa ban đầu.

Nếu chư Bồ-tát ở hiện pháp phát khởi nhiều phiền não, thì không thể kham năng tu tập không gián đoạn. Vì ý lạc yếu kém, thắng giải giới bậc hạ, nên nội tâm chẳng an trụ kham nhẫn. Đối với tạng Bồ-tát, không kham năng lắng nghe và duyên theo đó khéo tu tập, không thể dẫn phát sở hữu tinh lự năng sanh khởi tuệ xuất thế gian. Do đây,

kia chỉ nhiếp thọ ít phần tư lương phước đức nhỏ bé. Tuy vậy, nếu ở đời vị lai phiền não suy yếu, tâm sanh khởi chánh nguyện, như vậy gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa. Do nguyện đây năng tinh tấn tu tập nên phiền não dần dần mỏng dịu, cho nên Ta thuyết Nguyện Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Nếu chư Bồ-tát thân cận bậc Thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, nên chuyển ý lạc kém yếu thành ý lạc thắng vượt, cũng năng thu được thắng giải giới phẩm thượng. Như vậy gọi là Lực Ba-la-mật-đa. Do lực đây, ở nội tâm an trụ có sự kham nhẫn, cho nên Ta thuyết Lực Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tinh lự Ba-la-mật-đa.

Nếu chư Bồ-tát đã năng lắng nghe, duyên theo tạng Bồ-tát mà khéo léo tu tập sẽ năng dẫn phát tinh lự. Như vậy gọi là Trí Ba-la-mật-đa. Do trí đây kham năng dẫn phát tuệ xuất thế gian, cho nên Ta thuyết Trí Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tuệ Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào tuyên thuyết thứ tự của sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy?

Thiện nam tử! Vì nương theo sự dẫn phát được nói sau. Tức là chư Bồ-tát nếu đối với thân mạng và tài bảo không còn xẻn tiếc, liền năng thọ trì cấm giới thanh tịnh. Vì hộ trì cấm giới, nên tu nhẫn nhục. Vì tu nhẫn nhục, năng phát khởi tinh tấn. Vì phát khởi tinh tấn, năng thành tựu đầy đủ tĩnh lự. Vì đầy đủ tĩnh lự, liền năng thành tựu tuệ xuất thế gian. Cho nên Ta thuyết thứ tự sáu Ba-la-mật-đa như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy, mỗi một chủng có bao nhiêu phẩm loại sai khác?

Thiện nam tử! Mỗi một có ba chủng. Thí có ba chủng: một là pháp thí; hai là tài thí; ba là vô úy thí. Giới có ba chủng: một là chuyển xả giới bất thiện; hai là chuyển sanh giới thiện; ba là chuyển sanh giới nhiều ích hữu tình. Nhẫn có ba chủng: một là nhẫn nại oán hại; hai là nhẫn an thọ khổ; ba là để sát pháp nhẫn. Tinh tấn có ba chủng: một là mặc giáp tinh tấn; hai là chuyển sanh gia hạnh thiện pháp tinh tấn; ba là gia hạnh nhiều ích hữu tình tinh tấn. Tĩnh lự có ba: một là vô phân biệt tịch tĩnh, cực tịch tĩnh không tội, đối trị phiền

não các khổ, lạc trú tinh lự; hai là dẫn phát công đức tinh lự; ba là dẫn phát nhiều ích hữu tình tinh lự. Tuệ có ba chủng: một là tuệ duyên thế tục đế; hai là tuệ duyên thắng nghĩa đế; ba là tuệ duyên nhiều ích hữu tình.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Ba-la-mật-đa gọi tên là Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Do năm nhân duyên: một là không nhiễm trước; hai là không luyến tiếc; ba là không tội trái vượt; bốn là không phân biệt; năm là chân chánh hồi hướng.

Không nhiễm trước: tức là không nhiễm đắm các sự việc khiến xả bỏ trái với Ba-la-mật-đa.

Không luyến tiếc: tức là ở trong tất cả Ba-la-mật-đa, các quả dị thực và các sự báo ân mà tâm không bị trói buộc.

Không tội trái vượt: tức là ở nơi Ba-la-mật-đa như vậy, pháp tạp nhiễm không làm gián đoạn, xa lìa không phải phương tiện hạnh.

Không phân biệt: tức là ở nơi Ba-la-mật-đa như vậy, chẳng như ngôn từ mà chấp trước tự tướng.

Chân chánh hồi hướng: lấy sự tu tập Ba-la-mật-đa như vậy, năng hồi hướng cầu quả Đại Bồ-đề

vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là các việc trái với Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Việc đây lược có sáu chủng: một là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi việc vui muốn thích thú tài phước, được tự tại trong các dục lạc; hai là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi thân ngữ ý hiện hành thuận theo sự phóng túng vui thích ấy; ba là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi khi bị người khinh miệt chẳng thể kham nhẫn; bốn là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi đối với việc đăm trước vui muốn tu bất động; năm là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở những nơi ồn náo, hành tạp loạn của thế gian; sáu là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi thấy nghe hiểu biết ngôn thuyết hý luận.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy quả dị thực là gì?

Thiện nam tử! Đây cũng lược có sáu chủng: một là được tài bảo giàu sang lớn; hai là vãng sanh đường thiện; ba là nhiều hỷ lạc, không oán đối, không trái hại; bốn là làm người dẫn đường cho chúng sanh; năm là thân không bị náo hại; sáu là

có dòng họ tôn quý.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là pháp tập nhiệm làm gián đoạn Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Lược do bốn chủng gia hạnh tập nhiệm: một là vì gia hạnh không lòng bi; hai là vì gia hạnh không như lý; ba là vì gia hạnh không liên tục; bốn là vì gia hạnh không ân trọng. Gia hạnh không như lý tức là khi tu tập Ba-la-mật-đa này, xa lìa hoại mất Ba-la-mật-đa khác.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là không phải phương tiện hạnh?

Thiện nam tử! Nếu lúc chư Bồ-tát dụng Ba-la-mật-đa nhiều ích chúng sanh, nhưng chỉ cầu nhiếp tài vật để nhiều ích cho là vui đủ, mà không khiến họ ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện. Như vậy gọi là không phải phương tiện hạnh. Vì cơ sao? Thiện nam tử! Đối với chúng sanh, chỉ làm việc đây không thể gọi là thật sự nhiều ích. Thí như phần uest, hoặc nhiều hoặc ít, trọn không thể khiến thành hương tinh khiết. Chúng sanh như vậy do hành khổ, nên tánh kia vốn đã là khổ, không thể chỉ dùng phương tiện tài vật tạm thời nhiều ích mà khiến họ vui mãi; duy chỉ an đặt họ trong thiện pháp vi diệu

mới được gọi là nhiều ích bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Như vậy tất cả Ba-la-mật-đa có bao nhiêu thanh tịnh?

Thiện nam tử! Ta trọn không thuyết Ba-la-mật-đa đây trừ năm tướng trên mà có được sự thanh tịnh khác. Nhưng Ta nương các việc kia mà thuyết chung, thuyết riêng tướng thanh tịnh của Ba-la-mật-đa.

Thuyết chung tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật-đa có bảy chủng. Những gì là bảy? Một là Bồ-tát ở nơi pháp đây không cầu người biết. Hai là ở pháp đây đã đắc kiến rồi không sanh chấp trước. Ba là ở nơi pháp đây chẳng sanh nghi hoặc như vậy: “Thuận theo đây có thể đắc Đại Bồ-đề chăng?”. Bốn là trọn không khen mình chê người, có sự khinh miệt người. Năm là trọn không kiêu mạn, phỉ báng, phóng dật. Sáu là trọn không ở nơi chút phần chúng đắc thấp kém mà sanh vui đủ. Bảy là trọn không ở pháp đây mà khởi tật đố xẻn tiếc đối với người.

Thuyết riêng tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật-đa cũng có bảy chủng. Những gì là bảy? Như Ta đã thuyết thì chư Bồ-tát tu hành thuận

theo bảy chủng tướng bố thí thanh tịnh: một là do thí vật thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; hai là do giới thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; ba là do kiến thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; bốn là do tâm thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; năm là do ngữ thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; sáu là do trí thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; bảy là do cấu thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh. Đây gọi là bảy chủng tướng thí thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát năng khéo rõ biết chế lập tất cả học xứ luật nghi; năng khéo rõ biết vượt ra khỏi điều đã phạm; thường đầy đủ giới; bền vững nơi giới; thường hành theo giới; thường chuyển theo giới; thọ học tất cả sở hữu học xứ. Đây gọi là bảy chủng tướng giới thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát ở nơi sở hữu nghiệp do mình gây tạo và quả dị thực, thâm sanh tin chắc. Đối với tất cả việc làm không nhiều ích hiện tại tiền đến với mình, không sanh giận dữ. Cũng không phản kháng mắng chửi, không sân hận, không đánh trả, không hãi sợ, không khinh suất. Cũng không dùng vô số việc hiện tương không nhiều ích phản trả gia hại. Cũng không ôm lòng kết thù oán hận. Nếu khi

khuyên bảo răn nhắc, trọn không khiến người bị khuể não; cũng không chờ đợi người khuyên bảo răn nhắc. Không do bị sợ hãi bức bách, có tâm nhiệm ái mới hành hạnh nhẫn nhục. Đã thi ân rồi tức liền xả bỏ. Đây gọi là bảy chủng tướng nhẫn thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát thông đạt tánh tinh tấn bình đẳng; chẳng do đồng mãnh siêng tinh tấn mà tự đề cao lãng mạ người; đủ đại thế lực; đủ đại tinh tấn; có khả năng kham nhẫn; đồng mãnh kiên cố; trọn chẳng xả bỏ ách các thiện pháp. Đây gọi là bảy chủng tướng tinh tấn thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát khéo thông đạt tướng tĩnh lự tam-ma-địa; viên mãn tĩnh lự tam-ma-địa; đầy đủ phần tĩnh lự tam-ma-địa; chuyển vận tĩnh lự tam-ma-địa; không chỗ nương tĩnh lự tam-ma-địa; khéo tu trị tĩnh lự tam-ma-địa; ở nơi tạng Bồ-tát đã được nghe, tu tập duyên vô lượng tĩnh lự tam-ma-địa. Như vậy gọi là bảy chủng tướng tĩnh lự thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, hành nơi trung đạo, đây gọi là tuệ. Do tuệ đây, như thật rõ biết nghĩa ba giải thoát môn là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Như thật rõ biết

nghĩa tự tánh của ba chủng tự tánh là biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật. Như thật rõ biết nghĩa vô tự tánh của ba chủng tánh vô tự tánh là tướng, sanh và thắng nghĩa. Như thật rõ biết nghĩa thế tục đế, đó là năm minh xứ. Như thật rõ biết nghĩa thắng nghĩa đế, đó là bảy chân như. Lại vô phân biệt lìa các hý luận, thuần nhất nơi lý thú, vì nhiều an trụ, vì vô lượng pháp chung làm sở duyên, vì Tỳ-bát-xá-na. Lại năng khéo thành tựu trọn vẹn tùy pháp hành pháp. Đây gọi là bảy chủng tướng tuệ thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Năm tướng như vậy, mỗi mỗi tướng có nghiệp gì?

Thiện nam tử! Nên biết tướng kia có năm chủng nghiệp. Chư Bồ-tát vì không nhiễm đắm, ở trong hiện pháp đối với việc tu tập Ba-la-mật-đa hằng thường siêng tu gia hạnh ân trọng, không phóng dật. Vì không luyến tiếc, nên đương lai nhiếp thọ nhân không phóng dật. Vì không tội trái vượt, nên năng chánh tu tập cực khéo viên mãn, cực khéo thanh tịnh, cực khéo sáng sạch Ba-la-mật-đa. Vì không phân biệt, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. Vì

chân chánh hồi hương, nên tất cả nơi sanh xứ Ba-la-mật-đa và các quả dị thực khả ái kia đều được vô tận, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Sở thuyết Ba-la-mật-đa như vậy, gì là rất rộng lớn, gì là không nhiễm ô, gì là rất sáng sạch sung mãn, gì là không thể lay động, gì là thanh tịnh hơn cả?

Thiện nam tử! Tánh không nhiễm dấm, tánh không luyến tiếc, tánh chánh hồi hương là rất rộng lớn. Tánh không tội trái vượt, tánh không phân biệt là không nhiễm ô. Sở tác tư duy chọn lựa là rất sáng sạch sung mãn. Đã nhập pháp địa Bất thối chuyển gọi là không thể lay động. Nếu nhiếp vào mười địa, nhiếp vào Phật địa, gọi là thanh tịnh hơn cả.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Bồ-tát đắc Ba-la-mật-đa, các quả khả ái và các dị thực thường không tận, Ba-la-mật-đa cũng không tận?

Thiện nam tử! Bởi tu tập không gián đoạn, triển chuyển nương nhau sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Bồ-tát tin hiểu quý trọng sâu Ba-la-mật-đa đây, chẳng phải vì nương Ba-la-mật-đa đây để đắc các quả dị thực khả ái?

Thiện nam tử! Do năm nhân duyên: một là vì Ba-la-mật-đa là nhân khiến phát sanh tăng trưởng hỷ lạc không gì vượt hơn; hai là vì Ba-la-mật-đa thật là nhân rất ráo khiến nhiều ích tất cả mình người; ba là vì Ba-la-mật-đa là nhân của quả dị thực khả ái đời đương lai; bốn là vì Ba-la-mật-đa không phải chỗ nương của sự tạp nhiễm; năm là vì Ba-la-mật-đa không phải là pháp rất ráo biến hoại.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy, mỗi một chủng có bao nhiêu uy đức thù thắng hơn cả?

Thiện nam tử! Nên biết tất cả Ba-la-mật-đa, mỗi một chủng có bốn oai đức thù thắng hơn cả: một là khi chánh tu hành Ba-la-mật-đa đây, năng xả tâm xên tiếc, lầm phạm giới, giận dữ, giải đãi, tán loạn, kiến thú sở trị; hai là khi chánh tu hành đây, năng vì tư lương chân thật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba là khi chánh tu hành đây, năng tự nhiếp thọ nhiều ích hữu tình ngay trong hiện pháp; bốn là khi chánh tu hành đây, năng thu được các quả dị thực khả ái rộng lớn vô tận ở đời vị lai.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy có nhân gì, quả gì, có nghĩa lợi gì?

Thiện nam tử! Nên biết Đại bi là nhân tất cả Ba-la-mật-đa. Các quả dị thực khả ái vi diệu nhiều ích tất cả hữu tình là quả. Viên mãn Vô thượng Bồ-đề rộng lớn là nghĩa lợi lớn.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát đầy đủ tất cả tài bảo vô tận, thành tựu Đại bi, duyên nào thế gian hiện có các chúng sanh bản cùng khả đắc?

Thiện nam tử! Là do tự nghiệp lỗi lầm gây tạo của các chúng sanh ấy. Nếu người không bị nghiệp như vậy, thường thấy Bồ-tát ôm lòng làm nhiều ích cho tâm họ, lại thường thấy chư Bồ-tát đầy đủ tài bảo vô tận. Nếu các chúng sanh tự không có ác nghiệp nặng làm chướng ngại, nào có thế gian nghèo khổ khả đắc! Thí như nọ quý bị nóng khát bức bách nơi thân, thấy nước trong biển lớn thấy đều khô kiệt, đây chẳng phải do lỗi của biển lớn kia, chỉ do tự nghiệp của các nọ quý. Như vậy chỗ thí tài bảo của Bồ-tát giống như biển lớn, không có lỗi lầm, chỉ do lỗi tự nghiệp gây tạo của chúng sanh mà không thấy được sự thí kia; cũng giống như lực ác nghiệp của chính các nọ quý khiến chúng không có quả tốt lành.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng những Ba-la-mật-

đa nào năng nắm giữ tất cả pháp tánh vô tự tánh?

Thiện nam tử! Dùng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Nếu dùng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh, có sao chẳng dụng đây để nắm giữ tánh có tự tánh?

Thiện nam tử! Ta trọn không thuyết dụng tánh vô tự tánh năng nắm giữ tánh vô tự tánh. Nhưng tánh vô tự tánh là các văn tự, tự chứng đắc bên trong, nhưng không thể xả ngôn thuyết văn tự mà có thể tuyên thuyết kia. Cho nên Ta thuyết dụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết về Ba-la-mật-đa, Cận Ba-la-mật-đa và Đại Ba-la-mật-đa. Sao gọi là Ba-la-mật-đa? Sao gọi là Cận Ba-la-mật-đa? Sao gọi là Đại Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát trải qua vô lượng thời tu hành thí... thành tựu hết thấy thiện pháp, các phiền não vẫn còn hiện hành mà chưa thể chế phục, lại bị chúng chế phục, đó là ở Thắng giải hành địa, lúc thắng giải phẩm hạ và phẩm trung chuyển. Đây gọi là Ba-la-mật-đa.

Lại ở trong vô lượng thời tu hành thí... lần hồi triển chuyển tăng thượng thành tựu thiện pháp, các phiền não vẫn còn hiện hành mà năng chế phục, không còn bị phiền não chế phục, đó là từ địa thứ nhất trở lên. Đây gọi là Cận Ba-la-mật-đa.

Lại ở trong vô lượng thời tu hành thí... càng thêm triển chuyển tăng thượng thành tựu thiện pháp, tất cả phiền não đều chẳng hiện hành, đó là từ địa thứ tám trở lên. Đây gọi là Đại Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Trong các địa đây, phiền não tùy miên có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có ba chủng. Một là tùy miên hại bạn, đó là năm địa đầu. Vì cơ sao? Thiện nam tử! Các phiền não không đồng sanh khởi hiện hành, mà là trợ bạn của phiền não đồng sanh khởi hiện hành, vì phiền não kia lúc bấy giờ vĩnh viễn không có trở lại, cho nên gọi là tùy miên hại bạn. Hai là tùy miên yếu kém, đó là ở trong địa thứ sáu và thứ bảy, tùy miên kia hiện hành vi tế, vì đã tu điều phục khiến chúng chẳng thể hiện hành. Ba là tùy miên vi tế, đó là ở địa thứ tám trở lên, từ đây trở đi các phiền não không hiện hành trở lại, chỉ

còn có sở tri chướng.

Bạch Thế Tôn! Đoạn bao nhiêu chủng thô trọng hiển thị đoạn các tùy miên đây?

Thiện nam tử! Do hai chủng. Một là đoạn thô trọng ở phần da, tức là hiển đoạn tùy miên thứ nhất, thứ hai. Hai là đoạn thô trọng ở phần thịt, tức là hiển đoạn tùy miên thứ ba. Nếu đoạn thô trọng ở phần xương, Ta thuyết vĩnh viễn lia tất cả tùy miên, ở Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Trải qua bao nhiêu kiếp số không thể tính đếm, năng đoạn thô trọng như vậy?

Thiện nam tử! Trải qua ba đại kiếp số không thể tính đếm, hoặc vô lượng kiếp, chỗ gọi là năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, một khắc, nửa khắc, hơi thở, nháy mắt, sát-na kiếp... không thể tính lường.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát ở trong các địa sanh khởi phiền não nên biết có tướng gì? Gì là lỗi lầm? Gì là công đức?

Thiện nam tử! Tướng không nhiễm ô. Vì có sao? Chư Bồ-tát đây ở trong địa thứ nhất quyết định đã khéo thông đạt pháp giới của tất cả các

pháp. Do nhân duyên đây, Bồ-tát thông hiểu mới khởi phiền não, chẳng phải là không hiểu biết mà khởi, cho nên gọi là tướng không nhiễm ô. Ở trong tự thân không còn sanh khổ, nên không có lỗi lầm. Nếu Bồ-tát sanh khởi phiền não như vậy, chỉ vì năng đoạn nhân khổ của hữu tình giới, cho nên chư Bồ-tát có vô lượng công đức.

Bạch Thế Tôn! Thật lạ thay! Chỉ có Vô thượng Bồ-đề mới có công đức lợi lớn như thế, khiến việc sanh khởi phiền não của chư Bồ-tát còn vượt hơn thiện căn của tất cả hữu tình, Thanh văn, Độc giác, hà huống vô lượng công đức khác.

Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết, hoặc Thanh văn thừa, hoặc Đại thừa, chỉ là một thừa. Đây có mật ý gì?

Thiện nam tử! Như Ta ở trong Thanh văn thừa kia tuyên thuyết chủng chủng tự tánh các pháp, chỗ gọi hoặc năm uẩn, hoặc nội sáu xứ, hoặc ngoại sáu xứ... hết thảy loại như vậy. Ở trong Đại thừa tức nói pháp kia đồng một pháp giới, đồng một lý thú. Nên Ta chẳng thuyết thừa có tánh sai khác. Trong đây có người như lời như nghĩa đã nói mà khởi phân biệt hư vọng, một loại cho là tăng

ích, một loại cho là tổn giảm. Lại ở nơi đạo lý các thừa sai khác đây mà chống đối lẫn nhau, triển chuyển xoay vần dấy khởi tranh luận. Như vậy gọi là mật ý của đây.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà tụng kệ rằng:

*Các địa nhiếp tướng, sở đối trị
Thù thắng, sanh, nguyện và các học
Do nương Phật thuyết là Đại thừa
Ở đây khéo tu thành Đại giác.
Tuyên thuyết chủng chủng tánh các pháp
Lại thuyết đều đồng một lý thú
Đây hoặc hạ thừa hoặc thượng thừa
Ta thuyết thừa không tánh sai khác.
Như nghĩa đã nói vọng phân biệt
Hoặc kẻ tăng ích hoặc tổn giảm
Hai kẻ đây xoay vần chống đối
Ý hiểu ngu si thành tránh tụng.*

Bạch Thế Tôn! Trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây gọi là gì? Tôi phải phụng trì thế nào?

Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa các

địa Ba-la-mật-đa. Ở nơi giáo liễu nghĩa đây, ông nên phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa các địa Ba-la-mật-đa, ở trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát đều đắc Đại thừa Quang minh tam-ma-địa của Bồ-tát.

Lại nữa, nay thuyết *nương giả an lập thừa phân biệt sở tác sự thành tựu của chư Như Lai*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Ma-nù-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát Ma-ha-tát thỉnh hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết về Pháp thân Như Lai, Pháp thân Như Lai có những tướng gì?

Phật bảo Ma-nù-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát: Thiện nam tử! Nếu ở các địa Ba-la-mật-đa khéo tu xuất ly, thành tựu viên mãn chuyển y, đây gọi là tướng Pháp thân Như Lai. Nên biết tướng đây do hai nhân duyên nên không thể nghĩ bàn, đó là vì không hý luận và vì không chỗ làm. Nhưng ở trong đây, các chúng sanh kế chấp đằm trước là có hý luận, có chỗ làm.

Bạch Thế Tôn! Chỗ đắc chuyển y của Thanh

văn, Độc giác có được gọi là Pháp thân không?

Thiện nam tử! Không được gọi là Pháp thân.

Bạch Thế Tôn! Nên gọi là thân gì?

Thiện nam tử! Đây gọi là thân giải thoát. Nếu nương thân giải thoát, thì nói tất cả Thanh văn, Độc giác và chư Như Lai bình đẳng như nhau. Nhưng nếu nương Pháp thân, thì nói có sự sai biệt. Vì có sao? Bởi Pháp thân Như Lai có vô lượng công đức sai biệt thù thắng hơn cả, dùng toán số thí dụ cũng không tính được.

Bạch Thế Tôn! Tôi làm sao biết được tướng Như Lai sanh khởi?

Thiện nam tử! Tất cả nghiệp tạo tác hóa thân của Như Lai như tất cả chủng loại sanh khởi trong thế giới. Những sự giữ gìn, trang nghiêm, gieo trồng các nhóm công đức của Như Lai là tướng. Nên biết tướng hóa thân có sanh khởi, tướng Pháp thân không sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được phương tiện thiện xảo thị hiện hóa thân?

Thiện nam tử! Trong cõi nước Phật ở khắp tất cả tam thiên đại thiên, hoặc ở nơi vương gia, hoặc ở nhà đại phước, đều được mọi người biết đến, tôn

trọng; cùng lúc nhập thai, sanh ra, lớn lên, thọ dục, xuất gia, thị hiện hành khổ hạnh, xả khổ hạnh, thành Chánh Đẳng Giác. Thứ lớp thị hiện như vậy gọi là phương tiện thiện xảo thị hiện hóa thân của Như lai.

Bạch Thế Tôn! Tất cả thân Như Lai nhậm trì ngôn âm sai khác. Do ngôn âm đây mà Như Lai giáo hóa hữu tình, khiến kẻ chưa thành thực được thành thực, kẻ đã thành thực thì duyên đây làm cảnh nhanh chóng được giải thoát. Ngôn âm đây có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Ngôn âm Như Lai lược có ba chủng: một là Khế kinh; hai là Điều phục; ba là Bản mẫu.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Khế kinh? Sao gọi là Điều phục? Sao gọi là Bản mẫu?

Thiện nam tử! Nếu ở xứ đây, Ta nương nhiếp sự hiển thị các pháp thì gọi là Khế kinh. Đó là nương bốn sự, hoặc nương chín sự, hoặc lại nương hai mươi chín sự.

Sao gọi là bốn sự? Một là sự lắng nghe; hai là sự quay về hướng đến; ba là sự tu học; bốn là sự Bồ-đề.

Sao gọi là chín sự? Một là sự thi thiết hữu tình; hai là sự thọ dụng của kia; ba là sự sanh khởi của kia; bốn là sự sanh rồi trụ của kia; năm là sự nhiễm tịnh của kia; sáu là sự sai khác của kia; bảy là sự năng tuyên thuyết; tám là sự sở tuyên thuyết; chín là sự các chúng hội.

Sao gọi là hai mươi chín sự? Đó là: 1. Sự nương phẩm tạp nhiễm nhiếp các hành; 2. Sự thứ tự tùy chuyển của kia; 3. Sự tức trong đây tác tướng bố-đặc-già-la rồi, là nhân lưu chuyển ở đương lai; 4. Sự tác tướng pháp rồi, là nhân lưu chuyển ở đời đương lai; 5. Sự nương phẩm thanh tịnh, tâm bị hệ buộc ở cảnh sở duyên; 6. Sự tức ở trong đây siêng năng tinh tấn; 7. Sự tâm an trụ; 8. Sự hiện pháp lạc trú; 9. Sự duyên phương tiện vượt qua tất cả khổ; 10. Sự biết khắp kia; đây lại có 3 chủng: biết khắp chỗ nương của diên đảo; biết khắp chỗ nương của hữu tình bên ngoài nương tướng hữu tình, hành tà hạnh; biết khắp chỗ nương của lìa tăng thượng mạn bên trong ; 11. Sự nương xứ tu; 12. Sự tác chứng; 13. Sự tu tập; 14. Sự khiến kia kiên cố; 15. Sự hành tướng kia; 16. Sự sở duyên kia; 17. Sự khéo léo quán sát đã đoạn chưa đoạn; 18. Sự tán

loạn kia; 19. Sự không tán loạn kia; 20. Sự nương vào không tán loạn; 21. Sự không xả bỏ nỗ lực tu gia hạnh; 22. Sự lợi ích thù thắng của việc tu tập; 23. Sự kiên định bền chắc; 24. Sự nhiếp hạnh của bậc thánh; 25. Sự nhiếp hạnh quyền thuộc của bậc thánh; 26. Sự thông đạt chân thật; 27. Sự chứng đắc Niết-bàn; 28. Sự ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, chánh kiến thế gian thì vượt hơn sở đắc tất cả chánh kiến tốt đỉnh của ngoại đạo; 29. Sự tức ở trong đây có tu tập không thối thất. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì không tu tập nên gọi là thối, chẳng phải vì lỗi lầm của kiến mà gọi là thối.

Mạn-Thù-Thất-Lợi! Nếu ở nơi xứ đây, Ta nương Thanh văn và chư Bồ-tát mà hiển thị Biệt giải thoát cùng các pháp tương ưng Biệt giải thoát, đây gọi là Điều phục.

Bạch Thế Tôn! Biệt giải thoát Bồ-tát nhiếp thuộc bao nhiêu tướng?

Thiện nam tử! Nên biết bảy tướng: một là vì sự tuyên thuyết thọ quý tắc; hai là vì sự tuyên thuyết thuận theo pháp xứ *vượt hơn người*; ba là vì sự tuyên thuyết thuận theo hủy phạm; bốn là vì

tuyên thuyết có phạm tự tánh; năm là vì tuyên thuyết không phạm tự tánh; sáu là vì tuyên thuyết ra khỏi chỗ phạm; bảy là vì tuyên thuyết hoàn xả luật nghi.

Mạn-Thù-Thất-Lợi! Nếu ở xứ đây, Ta dùng mười một chủng tướng để quyết rõ hiển thị phân biệt các pháp, đây gọi là Bản mẫu. Những gì gọi là mười một chủng tướng? Một là tướng thế tục; hai là tướng thắng nghĩa; ba là tướng sở duyên pháp Bồ-đề phần; bốn là tướng hành; năm là tướng tự tánh; sáu là tướng quả kia; bảy là tướng lãnh thọ khai thị kia; tám là tướng pháp chướng ngại kia; chín là tướng pháp thuận theo kia; mười là tướng quá hoạn của kia; mười một là tướng lợi ích thù thắng của kia.

Tướng thế tục có ba chủng: một là vì tuyên thuyết bổ-đặc-già-la; hai là vì tuyên thuyết tự tánh biến kế sở chấp; ba là vì tuyên thuyết tạo tác nghiệp dụng của các pháp.

Tướng thắng nghĩa: vì tuyên thuyết bảy chủng chân như.

Tướng sở duyên pháp Bồ-đề phần: vì tuyên thuyết ở khắp tất cả chủng sự sở tri.

Tướng hành: vì tuyên thuyết tám quán hành. Sao gọi là tám quán hành? Một là vì thật đế; hai là vì an trụ; ba là vì lỗi lầm; bốn là vì công đức; năm là vì lý thú; sáu là vì lưu chuyển; bảy là vì đạo lý; tám là vì chung, riêng.

Thật đế: là các pháp chân như.

An trụ: hoặc an lập bổ-đặc-già-la; hoặc an lập tự tánh biến kế sở chấp của các pháp; hoặc an lập một hướng phân biệt phản hồi, an đặt ký biệt; hoặc an lập ký biệt ẩn mật, hiển rõ sai biệt.

Lỗi lầm: ở đây Ta tuyên thuyết các pháp tạp nhiễm có vô lượng môn quá hoạn sai biệt.

Công đức: ở đây Ta tuyên thuyết các pháp thanh tịnh có vô lượng môn thắng lợi sai biệt.

Lý thú có sáu chủng: một là lý thú chân nghĩa; hai là lý thú chứng đắc; ba là lý thú dạy dẫn; bốn là lý thú xa lìa hai biên; năm là lý thú không thể nghĩ bàn; sáu là lý thú ý thú.

Lưu chuyển: chỗ gọi ba đời, ba tướng hữu vi và bốn chủng duyên.

Đạo lý có bốn chủng: một là quán đãi đạo lý; hai là tác dụng đạo lý; ba là chứng thành đạo lý; bốn là pháp nhĩ đạo lý.

Quán đāi đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng sanh các hành và theo đó phát khởi nói năng luận bàn. Như vậy gọi là quán đāi đạo lý.

Tác dụng đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng đăc các pháp, hoặc năng thành tựu trọn vẹn, hoặc lại sanh rồi tạo tác các nghiệp dụng. Như vậy gọi là tác dụng đạo lý.

Chứng thành đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng khiến chỗ kiến lập nghĩa, chỗ thuyết nghĩa, chỗ nêu nghĩa được thành lập, khiến hiểu biết thông đạt chân chánh. Như vậy gọi là chứng thành đạo lý.

Lại, đạo lý đây lược có hai chủng: một là thanh tịnh; hai là không thanh tịnh. Do năm chủng tướng gọi là thanh tịnh và bảy chủng tướng gọi là không thanh tịnh.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là thanh tịnh? Một là tướng hiện thấy được; hai là tướng nương vào chỗ hiện thấy được; ba là tướng dẫn bằng thí dụ tự loại; bốn là tướng viên thành thật; năm là tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Tướng hiện thấy được: Tất cả hành đều là tánh vô thường. Tất cả hành đều là tánh khổ. Tất

cả pháp đều tánh vô ngã. Đây là chỗ thấy được thuộc hiện lượng thế gian. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng hiện thấy được (hiện lượng).

Tướng nương vào chỗ hiện thấy được: như “tất cả hành đều có tánh sát-na”, đây nương vào “tánh vô thường” mới hiện khả đắc. Như “có tánh đời khác”, đây nương vào “các hữu tình có chủng chủng nghiệp, chủng chủng sai biệt” mới hiện khả đắc. Như “nghiệp tịnh, bất tịnh tánh không hoại mất”, đây nương vào “các hữu tình hoặc vui hoặc khổ, nghiệp tịnh bất tịnh” mới hiện khả đắc. Do nhân duyên đây đối với những điều không hiện thấy được cũng có thể so sánh. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng nương vào chỗ hiện thấy được (tỷ lượng).

Tướng dẫn bằng thí dụ tự loại: như các tụ hành trong và ngoài. Vì hiển các tụ hành bên trong, nên lấy sanh tử làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết; nên lấy chủng chủng tướng khổ sanh... làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng rõ biết; nên lấy tướng không tự tại làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết. Vì hiển các tụ hành bên ngoài, nên lấy chỗ hưng

thạnh, suy vong làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng dẫn bằng thí dụ tự loại.

Tướng viên thành thật: tức là tướng hiện thấy được, hoặc tướng nương vào chỗ hiện thấy được, hoặc tướng dẫn bằng thí dụ tự loại, ở nơi điều thành lập quyết định năng thành tựu. Đây gọi là tướng viên thành thật.

Tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh: là tất cả sở tuyên thuyết của bậc trí, như thuyết “Niết-bàn rốt ráo tịch tĩnh”. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Thiện nam tử! Cho nên do năm chủng tướng đây gọi là khéo quán sát đạo lý thanh tịnh. Bởi thanh tịnh nên phải tu tập.

Bạch Thế Tôn! Tướng của bậc Nhất thiết trí có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có năm chủng. Một là nếu có bậc Nhất thiết trí xuất hiện thế gian, âm thanh truyền khắp mọi chốn. Hai là thành tựu ba mươi hai chủng tướng Đại tượng phư. Ba là đầy đủ mười lực, năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc của tất cả chúng sanh. Bốn là đầy đủ bốn vô sở úy, tuyên

thuyết chánh pháp không bị tất cả luận khác hàng phục, mà năng hàng phục tất cả tà luận. Năm là ở trong tất cả pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, tám Thánh đạo chi, bốn quả Sa-môn... đều hiện khả đắc. Như vậy tóm lược có năm chủng, đó là vì sanh, vì tướng, vì đoạn lưới nghi, vì không bị người chiết phục mà năng chiết phục người và vì thánh đạo Sa-môn hiện khả đắc, nên được gọi là tướng của bậc Nhất thiết trí.

Thiện nam tử! Như vậy chúng thành đạo lý do hiện lượng, do tỷ lượng, do thánh giáo lượng, do năm chủng tướng được gọi là thanh tịnh.

Sao gọi là do bảy chủng tướng không thanh tịnh? Một là tướng khác với đồng loại đây khả đắc; hai là tướng khác với dị loại đây khả đắc; ba là tướng tất cả đồng loại khả đắc; bốn là tướng tất cả dị loại khả đắc; năm là tướng dùng khác loại thí dụ; sáu là tướng không viên thành thật; bảy là tướng không phải ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Hoặc tất cả pháp có tướng, tánh ý, thức, sở thức, đây gọi là tướng tất cả đồng loại khả đắc.

Hoặc tất cả pháp có tướng, tánh, nghiệp, pháp, nhân, quả mỗi mỗi khác biệt. Tùy mỗi mỗi tướng

khác nhau mà quyết định triển chuyển thành mỗi mỗi tướng khác nhau. Đây gọi là tướng tất cả dị loại khả đắc.

Thiện nam tử! Hoặc ở nơi tướng khác với đồng loại đây khả đắc và trong thí dụ có tướng tất cả dị loại, do nhân duyên đây, ở nơi điều thành lập không được quyết định. Đây gọi là tướng không viên thành thật.

Hoặc ở nơi tướng khác với dị loại đây khả đắc và trong thí dụ có tướng tất cả đồng loại, do nhân duyên đây, ở nơi điều thành lập không được quyết định, nên cũng gọi là tướng không viên thành thật. Vì chẳng phải viên thành thật, nên chẳng phải khéo quán sát đạo lý thanh tịnh. Vì không thanh tịnh nên không tu tập. Hoặc tướng dẫn bằng thí dụ dị loại, hoặc tướng chẳng phải ngôn giáo thiện thanh tịnh, nên biết thể tánh đều không thanh tịnh.

Pháp nhĩ đạo lý: tức là Như Lai xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời, pháp tánh pháp trụ pháp giới an trụ. Đây gọi là pháp nhĩ đạo lý.

Chung, riêng: tức là trước dùng một cú pháp để thuyết chung, sau dùng các cú sai khác để phân

biệt hiển rõ rớt ráo.

Tướng tự tánh: như Ta đã thuyết “có hành, có duyên sở hữu năng thủ pháp Bồ-đề phần, đó là nhiệm trụ”... Như vậy gọi là tướng tự tánh kia.

Tướng quả kia: tức là đoạn trừ các phiền não của thế gian hoặc xuất thế gian và chỗ dẫn phát các quả công đức thế gian, xuất thế gian. Như vậy gọi là được tướng quả kia.

Tướng lãnh thọ khai thị: tức ở nơi kia dụng trí giải thoát mà lãnh thọ, cùng rộng vì người tuyên thuyết khai thị. Đây gọi là tướng lãnh thọ khai thị kia.

Tướng pháp chướng ngại kia: tức ở nơi tu tập pháp Bồ-đề phần có các pháp nhiệm ô năng chướng ngại. Đây gọi là pháp tướng chướng ngại kia.

Tướng pháp thuận theo kia: tức ở nơi tu tập pháp Bồ-đề phần có nhiều sự thực hành pháp. Đây gọi là tướng pháp thuận theo kia.

Tướng quá hoạn kia: tức là sở hữu lỗi lầm của các pháp chướng ngại kia. Đây gọi là tướng quá hoạn kia.

Tướng lợi ích thù thắng kia: tức là sở hữu công đức của các pháp thuận theo kia. Đây gọi là

tướng thắng lợi kia.

Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Duy nguyện Thế Tôn vì chư Bồ-tát lược thuyết Khế kinh, Điều phục và Bản mẫu, nghĩa Đà-la-ni bất cộng ngoại đạo. Do nghĩa bất cộng Đà-la-ni khiến chư Bồ-tát được nhập sở thuyết các pháp mật ý thậm thâm của chư Như Lai.

Phật bảo Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Ông nên lắng nghe, nay Ta vì ông lược thuyết nghĩa bất cộng Đà-la-ni, khiến chư Bồ-tát đối với sở thuyết ngôn từ mật ý của Ta năng khéo ngộ nhập.

Thiện nam tử! Hoặc pháp tạp nhiễm, hoặc pháp thanh tịnh, Ta thuyết tất cả đều không có tác dụng, cũng đều không có bổ-đặc-già-la, vì lấy tất cả chủng đều là làm tạo. Không phải pháp tạp nhiễm, trước nhiễm sau tịnh. Không phải pháp thanh tịnh, trước nhiễm sau tịnh. Phạm phu dị sanh nơi thân thô trọng chấp trước các pháp. Bổ-đặc-già-la tự tánh sai biệt vì lấy vọng kiến tùy miên làm duyên, nên kế chấp ngã, ngã sở. Do đây vọng cho là ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc, ta biết, ta ăn, ta làm, ta nhiễm, ta tịnh... hết

thầy loại như vậy. Do đó triển chuyển theo tà gia hạnh. Nếu có người như thật biết như vậy, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ thân thô trọng, không trụ tất cả phiền não, lia các hý luận, chỉ nương vô vi, không còn gia hạnh, tối cực thanh tịnh. Thiện nam tử! Đây gọi là lược thuyết nghĩa bất cộng Đà-la-ni.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Tất cả pháp tạp nhiễm thanh tịnh
 Đều không tác dụng, người làm tạo,
 Nên Ta tuyên thuyết lia sở vi
 Nhiễm ô thanh tịnh không trước sau.
 Nơi thân thô trọng, kiến tùy miên
 Làm duyên kế chấp ngã, ngã sở,
 Do đây vọng cho ta thấy thấy
 Ta ăn, ta làm, ta nhiễm tịnh.
 Nếu người như thật biết như vậy
 Tức năng đoạn hẳn thân thô trọng,
 Được không nhiễm tịnh không hý luận
 Y chỉ vô vi không gia hạnh.*

Bấy giờ Ma-nhù-Thất-Lợi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Làm sao biết tướng tâm sanh khởi của chư Như Lai?

Phật bảo Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Phàm chư Như Lai không có tâm ý thức sanh khởi hiển hiện. Nhưng chư Như Lai có tâm pháp sanh khởi không do gia hạnh, nên biết việc đây giống như biến hóa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Pháp thân chư Như Lai xa lìa tất cả gia hạnh, đã không có gia hạnh làm sao có tâm pháp sanh khởi?

Thiện nam tử! Do lực tu tập phương tiện gia hạnh Bát-nhã trước kia, nên có tâm sanh khởi.

Thiện nam tử! Thí như đang vô tâm nhập vào ngủ nghỉ, chẳng do sở tác gia hạnh mới có thể thức dậy, đây chỉ do thế lực huân tập gia hạnh từ trước mà thức dậy. Lại như đang ở trong Diệt tận định, chẳng do sở tác gia hạnh mới năng từ định khởi, chỉ do thế lực sở tác gia hạnh từ trước nên từ định khởi. Như thí dụ tâm liền sanh khởi từ ngủ nghỉ và Diệt tận định, thì chư Như Lai cũng vậy, do lực tu tập phương tiện gia hạnh Bát-nhã trước kia, nên biết lại có tâm pháp sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Hóa thân Như Lai nên nói là

có tâm, hay nói là không tâm?

Thiện nam tử! Không phải có tâm, cũng không phải không tâm. Vì có sao? Vì “không” là nương tựa tâm, vì “có” là nương tha tâm vậy.

Bạch Thế Tôn! Sở hành Như Lai và cảnh giới Như Lai, hai chủng đây có gì sai khác?

Thiện nam tử! Sở hành Như Lai là tất cả chủng bao gồm vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật. Cảnh giới Như Lai là tất cả chủng bao gồm năm giới sai biệt. Những gì là năm? Một là hữu tình giới; hai là thế giới; ba là pháp giới; bốn là điều phục giới; năm là phương tiện điều phục giới. Như vậy gọi là sự sai khác của hai chủng.

Bạch Thế Tôn! Như Lai thành Chánh đẳng giác, chuyển Chánh pháp luân, nhập Đại Niết-bàn, ba chủng như vậy nên biết có tướng thế nào?

Thiện nam tử! Nên biết tướng của ba chủng đây đều không hai, đó là không phải thành Chánh đẳng giác, không phải không thành Chánh đẳng giác; không phải chuyển Chánh pháp luân, không phải không chuyển Chánh pháp luân; không phải nhập Đại Niết-bàn, không phải không nhập Đại

Niết-bàn. Vì cố sao? Vì Pháp thân Như Lai rất ráo tịnh vậy, vì hóa thân Như Lai thường thị hiện vậy.

Bạch Thế Tôn! Các loài hữu tình chỉ ở nơi hóa thân mà thấy, nghe, phụng sự cũng khiến sanh các công đức. Như Lai với kia có nhân duyên gì?

Thiện nam tử! Như Lai chính là nhân duyên sở duyên khiến công đức kia tăng thượng. Lại vì hóa thân kia là do lực Như Lai khiến giữ gìn mà trụ được.

Bạch Thế Tôn! Hết thấy không gia hạnh, vậy nhân duyên gì Pháp thân Như Lai vì các hữu tình phóng đại trí quang và phóng xuất vô lượng ảnh tượng hóa thân? Thân giải thoát của Thanh văn, Độc giác không có việc như vậy?

Thiện nam tử! Thí như không cần tác gia hạnh, theo sự luân chuyển của hai vòng mặt trời, mặt trăng, mà bảo phủ-chi-ca lửa, nước phóng ánh sáng lớn. Nếu chẳng phải bảo phủ-chi-ca lửa, nước thì không có việc như vậy. Đây do oai đức của hữu tình giữ gìn và do nghiệp lực của hữu tình tăng thượng mà có việc ấy. Lại như khéo ra công lực mài giũa, khắc chạm, trang trí khiến bảo châu ma-ni hiện lên các hoa văn ảnh tượng. Ngoài sự khắc chạm

không có việc như vậy. Do đó, duyên nơi vô lượng pháp giới phương tiện Bát-nhã, thật khéo léo tu tập bền chắc, mài giũa tập thành diệu Pháp thân Như Lai. Từ đây năng phóng trí đại quang minh, cùng phóng xuất chủng chủng ảnh tượng hóa thân. Chẳng phải từ thân giải thoát của Thanh văn, Độc giác mà có việc như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết, do uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát khiến các chúng sanh ở trong Dục giới sanh vào nhà giàu sang sung túc, nhà Sát-đế-lợi, nhà Bà-la-môn... có được thân mạng, tài bảo đều đầy đủ sung mãn. Hoặc ở trong trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tất cả thân mạng tài bảo đều viên mãn. Bạch Thế Tôn! Trong đây có mật ý gì?

Thiện nam tử! Uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát hoặc đạo hoặc hạnh, ở tất cả xứ năng khiến chúng sanh thu được thân mạng tài bảo đều đầy đủ sung mãn. Đó là tùy chỗ thích hợp vì họ tuyên thuyết đạo như vậy, hạnh như vậy, nếu có người năng ở nơi đạo đây hạnh đây chánh tu hành, thì ở tất cả xứ đều thu được thân mạng tài bảo đầy đủ sung túc. Nếu có chúng sanh ở nơi đạo đây hạnh

đây mà lìa bỏ khinh hủy, lại ở nơi chỗ Ta khởi tâm tổn não, cùng tâm sân khuể, thì mạng chung trở về sau, ở tất cả xứ, chỗ được thân mạng tài bảo đều thấp kém.

Thiện nam tử! Do nhân duyên đây nên biết uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát không phải chỉ năng khiến thân mạng tài bảo được đầy đủ sung mãn, mà cũng khiến chúng sanh có thân mạng tài bảo thấp kém.

Bạch Thế Tôn! Trong các cõi nước như ướ, việc gì dễ được, việc gì khó được? Trong các cõi nước thanh tịnh, việc gì dễ được, việc gì khó được?

Thiện nam tử! Trong các cõi nước như ướ có tám việc dễ được và hai việc khó được. Những gì gọi là tám việc dễ được? Một là ngoại đạo; hai là có chúng sanh khổ; ba là chủng tộc gia thế hưng suy sai biệt; bốn là hành các ác hạnh; năm là hủy phạm giới; sáu là đường ác; bảy là thừa bậc hạ; tám là ý lạc gia hạnh của Bồ-tát yếu kém. Gì là hai việc khó được? Một là sự tu tập gia hạnh, ý lạc tăng thượng của Bồ-tát; hai là Như Lai xuất hiện nơi đời.

Thiện nam tử! Trong các cõi nước thanh tịnh

thì trái với tướng trên, nên biết có tám việc rất khó được và hai việc dễ được.

Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây gọi là gì? Tôi phụng trì thế nào?

Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai. Ở nơi giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai, ở trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát đều được chứng giác Pháp thân viên mãn.



Quyển 79

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 8

Như vậy Ta đã thuyết quyết trạch phẩm Công đức.

Hỏi: Như đã thuyết về năm chủng vô lượng, đó là hữu tình giới vô lượng... Tất cả thế giới kia phải nói là như nhau, hay có sự sai khác?

Đáp: Phải nói có sự sai khác. Thế giới kia lại có hai chủng: một là thanh tịnh; hai là không thanh tịnh. Ở trong thế giới thanh tịnh không có địa ngục, bàng sanh, quỷ thú khá được, cũng không Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng không thọ khổ khá có được; chỉ thuần Bồ-tát Tăng dừng nghỉ trong ấy, cho nên thuyết là thế giới thanh tịnh. Chỉ có Bồ-tát đã nhập địa thứ ba, do lực nguyện tự tại mà được thọ sanh ở thế giới thanh tịnh. Không có dị sanh, cũng không phải dị sanh Thanh văn, Độc giác, hoặc dị sanh Bồ-tát mà được sanh thế giới kia.

Hỏi: Nếu ở thế giới kia không có dị sanh Bồ-

tát, cũng không phải dị sanh Thanh văn, Độc giác được sanh trong ấy, nhân duyên nào lúc giáo hóa cho hàng Bồ-tát có tác thuyết như vậy: “Nếu Bồ-tát... có ý nguyện sanh ở kia”, như vậy tất cả lẽ đều sẽ được vãng sanh?

Đáp: Vì muốn giáo hóa chúng sanh chủng loại giải đãi, chưa tích tập thiện căn, nên mật ý tác thuyết như thế. Vì cơ sao? Khi người kia được sách tấn khích lệ như vậy, liền xa lìa giải đãi, siêng tu gia hạnh ở trong thiện pháp. Từ đây lần hồi thăng tiến nên đủ lực sanh vào thế giới kia, sẽ đắc pháp tánh. Nên biết gọi là mật ý trong đây.

Lại nữa, Bồ-tát nương bốn chủng trụ năng thành tựu bốn việc.

Sao gọi là bốn trụ? 1. Trụ cực hoan hỷ; 2. Trụ tăng thượng giới; 3. Trụ tăng thượng tâm; 4. Trụ tăng thượng tuệ.

Sao gọi là trụ cực hoan hỷ? Chư Bồ-tát tùy chỗ an trụ, vì đã nhập Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, không bị duyên khác dẫn đoạt khiến mất đi ý lạc thanh tịnh đối với Tam Bảo.

Sao gọi là trụ tăng thượng giới? Chư Bồ-tát nương trụ cực hoan hỷ như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ đầy đủ tánh giới, xa lìa tất cả keo lẩn, lầm phạm giới. Tức dụng giới xả viên mãn như vậy, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề .

Sao gọi là trụ tăng thượng tâm? Chư Bồ-tát nương trụ tăng thượng giới như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ, lìa tham Dục giới, thành tựu tịnh lực cùng các đẳng chí; đối với các chúng sanh an trụ từ bi, tùy lực tùy khả năng như thật chánh hạnh.

Sao gọi là trụ tăng thượng tuệ? Chư Bồ-tát nương trụ tăng thượng tâm như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ, lìa hồi năng thành tựu pháp Bồ-đề phần, các đế thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, bất cộng pháp an lập trí thiện xảo, vượt qua cộng sở chứng trí của tất cả Thanh văn, Độc giác thiện xảo. Trong đây bất cộng pháp an lập trí đó là: mật ý ngôn từ trí, phi an lập đế trí và an lập đế trí ở trong tạng Bồ-tát. Trong đây cộng sở chứng trí đó là trí chứng đắc do nương duyên khởi.

Sao gọi là nương bốn trụ đây năng thành tựu bốn việc? Chư Bồ-tát nương trụ ban đầu, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, trọn không xả bỏ

tâm Đại Bồ-đề.

Nương trụ thứ hai, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, ở đời đương lai thân mạng, tài bảo, phẩm thiện chuyển vận càng thêm tăng trưởng.

Nương trụ thứ ba, vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên chuyển nhập các tinh lực, dùng lực đại nguyện sanh trở lại Dục giới mà không bị sự nhiễm ô của triền phiền nào dục.

Nương trụ thứ tư, ở nơi tất cả pháp an lập thông đạt mà được thiện xảo. Vì độ chúng sanh nên phát thệ nguyện thọ nơi sanh tử. Nhân lực thệ nguyện đây nên năng tích tập tư lương rộng lớn. Tức ở trụ đây thanh tịnh làm nhân, không đợi an trụ ở trụ khác, cũng không đợi người dạy răn dạy trao mà nhanh chóng chứng đắc diệu trí Như Lai.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm khổ?

Đáp: Tổn não chúng sanh làm khổ.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm vui?

Đáp: Nhiều ích chúng sanh làm vui.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm tác ý?

Đáp: Ngộ nhập vào ngần mé cảnh giới sở tri và năng làm tất cả việc lợi ích chúng sanh

làm tác ý.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm trụ?

Đáp: Lấy vô phân biệt làm trụ.

Lại nữa, Bồ-tát lược có bốn chương phẩm thượng, nếu không thanh tịnh trừ khiển, trọn không kham năng nhập Bồ-tát địa và thứ lớp các địa. Những gì là bốn? 1. Trong Tỳ-nại-da Bồ-tát, khởi phạm nhiễm ô; 2. Hủy báng diệu pháp tương ưng Đại thừa; 3. Chưa tích tập thiện căn; 4. Có tâm nhiễm ái.

Vì muốn đối trị bốn chương như vậy, lại có bốn chủng pháp tịnh trừ chương. Những gì là bốn? 1. Đối khắp mười phương chỗ chư Như Lai, thân tâm khẩn thiết phát lồ sám hối lỗi đã phạm; 2. Khắp vì lợi ích tất cả mười phương các loại hữu tình mà khuyến thỉnh tất cả chư Như Lai thuyết pháp; 3. Khắp ở mười phương tất cả hữu tình tạo làm các công đức đều sanh tùy hỷ; 4. Phạm chỗ sanh khởi tất cả thiện căn, thấy đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát đã nhập đại địa có bốn vi tế khó thể biết khắp, khó thể đoạn trừ. Các tùy phiền não như vậy, chư Bồ-tát kia phải rõ biết tất cả,

phải chân chánh đoạn trừ. Những gì là bốn? 1. Ái pháp; 2. Tác ý tương ưng Thanh văn, Độc giác; 3. Đắm trước các mùi vị đẳng chí; 4. Sự nghiệp của chúng ma, tức là ở nơi các tướng tâm bị tán động, nên biết đều là sự nghiệp các chúng ma.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa đầu tiên có những tướng gì?

Đáp: Đã vượt qua các dị sanh địa, đã nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Do đã nhập, nên không gọi là dị sanh. Vượt qua tất cả chỗ có sợ hãi, đặc pháp vô thượng chưa từng đắc. Thường năng an trụ nơi trụ Cực hoan hỷ.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ hai có những tướng gì?

Đáp: Ở trong Tỳ-nại-da, pháp nhĩ tự nhiên thành tựu dừng hẳn tất cả sở học tự tánh Thanh văn. Năng ở nơi thân ngữ ý nghiệp hiện hành thanh tịnh, nên năng xa lìa các cấu phạm giới.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ ba có những tướng gì?

Đáp: Bên trong đạt được sự chuyển vận đạo Xa-ma-tha sung mãn, do đây chứng đắc quang minh nhĩ diệm.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ tư có những tướng gì?

Đáp: Vì bên trong đạt được sự chuyển vận đạo Tỳ-bát-xá-na sung mãn, kiến lập trí diệm năng tiêu đốt phiền não. Do đây ở nơi tất cả sở hữu pháp Bồ-đề phần như đã chứng an lập thiện xảo.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ năm có những tướng gì?

Đáp: Vì vượt qua tất cả trí thế gian, vì vượt qua tất cả trí Thanh văn, Độc giác, nên năng thắng tiến ngộ nhập để không thể nghĩ bàn, đạo rất khó vượt qua.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ sáu có những tướng gì?

Đáp: Ngộ nhập sâu xa đạo lý duyên khởi. Ở nơi tất cả hành, trụ tướng nhằm chán trái lìa. Ở nơi vô tướng giới, nhiều thú hưởng an trụ tác ý tư duy.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ bảy có những tướng gì?

Đáp: Có dụng công gia hạnh không gián đoạn, không khuyết hở. Ở nơi vô tướng giới tác ý năng nhập, nhưng còn xa. Ở nơi đạo gia hạnh đã đạt đến rốt ráo.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ tám có những tướng gì?

Đáp: Vì ở nơi tác ý vô tướng giới không gia hạnh không dụng công đã được nhậm vận chuyển, nên không bị diêu động. Vì ở nơi tất cả tướng đã được tự tại, nên trụ thanh tịnh địa.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ chín có những tướng gì?

Đáp: Vì nơi danh thân, cú thân, văn thân đã được tự tại, vì đặc tuệ không tội rộng sâu vô lượng, vì đặc vô ngại giải rộng lớn, vì năng làm vui thích tất cả tâm chúng sanh, cho nên được gọi là Đại pháp sư.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ mười có những tướng gì?

Đáp: Vì đã được tất cả Như Lai đồng quán đánh, vì đã đặc Pháp thân như mây lớn, vì đã đặc tất cả đại thần thông, cho nên cũng gọi là Như Lai.

Hỏi: Bồ-tát nhập Như Lai địa có những tướng gì?

Đáp: Chỗ được Pháp thân ở địa đây lại càng thanh tịnh cùng cực, đã thành tựu viên mãn rất ráo. Do đây ở nơi tất cả chủng phiến não chướng

và sở tri chướng đều vĩnh viễn xa lìa, đắc tri kiến thanh tịnh.

Hỏi: Ở các địa đây, sao gọi là tạo tác tu?

Đáp: Nếu lúc chư Bồ-tát trụ Thắng giải hành địa, tiếp tục nương theo mười địa mà tu mười pháp hạnh.

Hỏi: Ở trong các địa đây, làm sao mà đắc?

Đáp: Nếu chư Bồ-tát chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, lại chứng đắc thanh tịnh ý lạc, bấy giờ nhanh chóng đắc tất cả các địa.

Hỏi: Ở trong các địa đây, sao gọi là đẳng lưu?

Đáp: Tức là ở trong tất cả địa chứng đắc rồi, về sau sở hữu uy đức do tu tập các đạo gia hạnh mà thành tựu.

Hỏi: Ở các địa đây, làm sao thành tựu viên mãn?

Đáp: Trong mỗi một địa đều sở hữu uy đức riêng. Chư Bồ-tát ở nơi uy đức mỗi địa đây, trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp, tùy chỗ xưng khen tán thán mà theo đó tu tập, cho đến nhập vận năng chứng đắc.

Hỏi: Như đã thuyết về năm chủng nhập chánh tánh ly sanh, trong đây Thanh văn nhập chánh

tánh ly sanh và chư Bồ-tát nhập chánh tánh ly sanh đều bình đẳng như thật thông đạt pháp giới, nên biết hai chủng đây có sự sai biệt gì?

Đáp: Nếu nói lược thì pháp giới có hai chủng tướng: 1. Tướng sai biệt; 2. Tự tướng.

Tướng sai biệt: là tướng thường trụ và tướng tịch tĩnh. Tướng thường trụ là pháp tánh bản lai vô sanh và pháp tánh vô tận. Tướng tịch tĩnh là pháp tánh lia hệ buộc của phiền não khổ.

Tự tướng: ở trong tướng, danh, phân biệt, chân như và chánh trí nhiếp thuộc tất cả pháp, do tự tánh biến kế sở chấp, nên tự tánh không thành thật, pháp tánh vô ngã. Trong đây, Thanh văn do tướng sai biệt năng thông đạt pháp giới mà nhập chánh tánh ly sanh, không do tự tướng. Vì dụng kia thông đạt, do tướng không độn chìm và tướng an ổn mà ở trong pháp giới đặc tướng tịch tĩnh, ở trong các hành một hướng phát khởi tướng nhằm chán. Ở nơi các tướng kia nhiếp thuộc các pháp tánh không thành thật, pháp tánh vô ngã, mà không như thật biết. Chỉ ở trong pháp giới định đây, do tác ý duyên pháp giới sai biệt, tâm vô tướng chuyển, không do tác ý duyên tự tướng pháp

giới. Hoặc lại nhân người tuyên thuyết tự tướng pháp giới, đã nghe rồi một phần Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, rất nhiều khó khăn nhưng sau cũng ngộ nhập, đã được nhập rồi tinh cần tu tập. Một phần Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, rất nhiều khó khăn, ít năng ngộ nhập, đã không nhập rồi tinh cần tu tập.

Nếu chư Bồ-tát đều do thông đạt hai tướng pháp giới mà nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Đã nhập ly sanh rồi, phần nhiều an trụ tác ý duyên tự tướng pháp giới. Vì cố sao? Nếu lúc ở nơi pháp giới tác ý duyên tướng sai biệt, tác ý duyên nhiều ắt nhanh chóng hướng đến Niết-bàn. Cho nên nhiều an trụ ở kia, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không phải phương tiện chân chánh. Do nhân duyên đây, nên biết tuy bình đẳng thông đạt pháp giới, nhưng Thanh văn nhập chánh tánh ly sanh và Bồ-tát nhập chánh tánh ly sanh có sự sai biệt.

Hỏi: Như đã thuyết về ba luân của ba đời thanh tịnh, sao gọi là ba luân của ba đời thanh tịnh?

Đáp: Do tự tánh biến kế sở chấp, lúc ở nơi các pháp quá khứ vị lai hiện tại, dùng tuệ như thật

chánh quán sát đều bình đẳng bình đẳng. Ở trong các pháp quá khứ vị lai hiện tại, không luyến tiếc, hy vọng, nhiễm đắm. Đây gọi là ba luân của ba đời thanh tịnh.

Hỏi: Như trước đã thuyết có một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng. Kinh khác lại thuyết có mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy pháp Phật an lập thế nào? Nhiếp vào bao nhiêu chủng?

Đáp: Đó là Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu, nhân vào tụ lạc du hành khát thực, hoặc có lúc cùng đi đường với voi dữ, ngựa dữ, trâu dữ và chó dữ...; hoặc dẫm đạp rừng rậm, hoặc lội ngang qua khe suối, hoặc nhảy qua hầm hố; hoặc đi vào nhà phi pháp, bị các thiếu nữ chẳng như lý dụ dỗ; hoặc ở chốn không nhàn, xả bỏ đường chính, đi theo đường mòn xấu ác; hoặc dạo chơi cùng giặc cướp, sư tử, hổ beo, chó sói... Hết thấy loại như vậy là chỗ có lầm phạm của các A-la-hán. Đối với những điều như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán có lúc dạo chơi chốn không nhàn, trong rừng già bị mê mẩn quên mất đường về; hoặc vào nhà trống dùng tiếng lớn hô to; hoặc quay lại nhân tập khí dư tàn, như tâm không nhiễm

ô mà hở môi lộ răng cười. Hết thấy loại như vậy là chỗ thô tháo của các A-la-hán. Đối với những điều như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán có lúc do vong niệm nên ở nơi việc làm mà bị quên mất, tán tâm. Đối với những điều đây, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán ở trong Hữu dư y sanh tử giới, một hướng phát khởi tướng nhàm chán; ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, một hướng phát khởi tướng tịch tịnh. Như Lai đối với sanh tử, Niết-bàn, tướng không sai biệt, an trụ xả bình đẳng bậc nhất.

Lại các A-la-hán năng nhập đẳng chí tức gọi là định, nếu xuất đẳng chí tức không được gọi là định. Như Lai trong khắp tất cả vị, tâm không đâu không định.

Lại các A-la-hán lúc tư trạch bất thiện, liền xả bỏ việc lợi ích chúng sanh... hết thấy loại như vậy. Như Lai ở nơi tư trạch bất thiện mà xả bỏ việc lợi ích chúng sanh, thì không có lẽ ấy.

Lại các A-la-hán nương tịnh sở tri chương mà chưa được không thối thất ở nơi dục tinh tấn, niệm, định, tuệ và giải thoát, giải thoát tri kiến. Đối với

bảy chủng pháp thối thất như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán hoặc có lúc thân nghiệp thiện chuyển, hoặc có lúc nghiệp vô ký chuyển. Như thân nghiệp, thì ngữ nghiệp và ý nghiệp cũng vậy. Ba nghiệp của Như Lai vì trí làm hành dẫn đầu, vì trí tùy chuyển, nên không có nghiệp vô ký. Vì trí phát khởi, gọi là trí làm hành dẫn đầu. Vì trí câu hành, gọi là trí tùy chuyển.

Lại các A-la-hán ở trong khắp sự sở tri ba đời không thể tác ý bỗng nhiên thông hiểu, cho nên trí kiến gọi là còn có bám chấp; không thể chân chánh thông hiểu tất cả mọi việc, nên trí kiến gọi là còn có ngăn ngại. Như Lai đối khắp cảnh giới ba đời, vừa tác ý liền năng thông hiểu tường tận tất cả cảnh sự sở tri sai biệt.

Cho nên nói mười tám chủng đây gọi là pháp Phật bất cộng. Trong đây bốn chủng đầu nhiếp vào pháp vô vong thất và bạt trừ tập khí, một chủng kế nhiếp vào Đại bi, tất cả chủng còn lại nhiếp vào tất cả chủng diệu trí.

Lại nữa, ở trong kinh khác Thế Tôn đã thuyết về tùy hảo, vì muốn giáo hóa khiến người sanh

tịnh tín, vì hiển bày dẫn dạy kia, nhưng không lập tướng. An lập các tướng đây như trong phẩm *Kiến lập* đã rộng hiển thị. Nên biết từ tùy hảo đây phân ra thành các tướng tùy hảo kia.

Lại nữa, sở hữu dạy trao trong tạng Bồ-tát lược gồm: **1.** Tà hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **2.** Chánh hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **3.** Thù thắng lợi ích trong việc tu tập chánh hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **4.** Ở trong chánh hạnh của Bồ-tát, an lập pháp hạnh, bình đẳng hạnh, thiện hạnh, pháp trụ và hành tướng, phải nên rõ biết; **5.** Sở hữu thí dụ của Bồ-tát năng sanh tịnh tín, phải nên rõ biết; **6.** Ở trong chánh hạnh an lập sở học của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **7.** Sở học của Bồ-tát thù thắng sai biệt hơn so với sở học Thanh văn, phải nên rõ biết; **8.** Ở trong sở học nên học của Bồ-tát, Bồ-tát khéo học sở hữu trí thế gian, xuất thế gian năng làm việc lợi ích người, phải nên rõ biết; **9.** Sở học Thanh văn ở trong dạy trao Bồ-tát, phải nên rõ biết; **10.** Sa-môn không khéo học, phải nên rõ biết; **11.** Sa-môn khéo học, phải nên rõ biết; **12.** Trụ thế tục luật nghi, phải nên rõ biết; **13.** Trụ thắng giải luật nghi, phải nên

rõ biết; **14.** Phương tiện điều phục của chư Như Lai, phải nên rõ biết; **15.** Ngôn ngữ mật ý, phải nên rõ biết; **16.** Ở trong tạng dạy trao Bồ-tát, lợi ích thù thắng của thắng giải, phải nên rõ biết. Như vậy đã lược nêu sở hữu dạy trao trong tạng Bồ-tát.

1. Tà hạnh của Bồ-tát: Nên biết nếu nói lược thì do một tà hạnh ban đầu khiến dẫn phát 8 chủng tướng theo sau: **a.** Tà hạnh năng thối tư lương trí; **b.** Vì thối tư lương trí, dẫn đến tà hạnh năng khiến quên mất chánh niệm; **c.** Vì vọng niệm phát khởi, dẫn đến tà hạnh năng hoại pháp trắng sạch; **d.** Vì hoại pháp trắng sạch, dẫn đến tà hạnh năng khiến hiện hành ác ý, nghi hoặc, chẳng phải Bồ-tát; **e.** Vì ý ác hiện hành, dẫn đến tà hạnh năng khó thể điều phục; **f.** Vì khó thể điều phục, dẫn đến tà hạnh năng hành ở nơi đạo bất chánh; **g.** Vì hành nơi đạo bất chánh, dẫn đến tà hạnh năng khiến gần gũi kẻ không hiền lương; **h.** Vì gần gũi kẻ không hiền lương, dẫn đến tà hạnh năng khiến không như nghĩa Bồ-tát mà hành.

a. Tà hạnh năng thối tư lương trí: Bồ-đề lầy

tuệ làm thể, tuệ năng khiến dẫn phát tất cả Ba-la-mật-đa còn lại. Cho nên nếu ở nơi tuệ mà phát khởi tà hạnh, nên biết Bồ-tát ở nơi các Bồ-đề và các dạng pháp năng dẫn phát Bồ-đề đều khởi tà hạnh.

Lược có 4 chủng pháp khiến Bồ-tát thối thất tư lương trí. Những gì là bốn? 1. Tự mình không lắng nghe; 2. Không khiến người nghe; 3. Bị chướng ngại lắng nghe; 4. Điên đảo chấp trước mà có sự lắng nghe.

Nếu chư Bồ-tát nương bốn chủng pháp đây năng khiến thối thất tư lương trí. Vì cố sao? Bốn chủng pháp đây ở trong hiện pháp, hoặc thời sau ở hậu pháp lại sanh bốn 4 pháp trái với trí tuệ. Những gì là bốn? 1. Không có năng lực rõ biết; 2. Các duyên thiếu khuyết; 3. Năng khiến chiêu cảm ngu si không có phước; 4. Điên đảo.

Do tự mình không lắng nghe làm chỗ nương, nên trong hiện pháp không có năng lực liễu tri. Do không khiến người nghe làm chỗ nương, nên trong hậu pháp các duyên thiếu khuyết. Do bị chướng ngại lắng nghe làm chỗ nương, nên hậu pháp năng sanh chiêu cảm ngu si không có phước. Do điên

đảo chấp trước mà có sự lắng nghe làm chỗ nương, nên ở trong hậu pháp càng tăng thêm điên đảo.

Kẻ tự mình không lắng nghe, vì chán ghét pháp, trái lìa pháp; vì chán ghét bổ-đặc-già-la, trái lìa bổ-đặc-già-la; vì chán ghét pháp và bổ-đặc-già-la, trái lìa pháp và bổ-đặc-già-la.

Kẻ không khiến người nghe, vì sợ người được trí vượt hơn; vì có sự kiêu mạn, hủy báng; vì sợ người khinh miệt hủy báng.

Kẻ bị chướng ngại lắng nghe, vì phỉ báng chê bai pháp và bổ-đặc-già-la; vì bị dẫn dắt bởi tướng ác tác, gian dối; vì không thưa hỏi và tin nhận sự dạy bảo khai thị; vì phương tiện hủy mắng người thường lắng nghe.

Kẻ điên đảo chấp trước mà lắng nghe, vì tự mình thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết ác mà chấp trước cho là thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết thiện. Vì đối với người thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết thiện mà lại chấp trước cho là thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết ác.

Trong đây, hoặc tự mình không lắng nghe, hoặc không khiến người nghe, hoặc bị chướng ngại

lắng nghe, ba pháp như vậy phần nhiều năng khiến thối thất tư lương trí do văn mà thành tựu. Thiền đảo chấp trước mà lắng nghe, phần nhiều năng khiến thối thất tư lương trí do tư và tu mà thành tựu.

b. Tà hạnh năng khiến quên mất chánh niệm có 4 chủng. Những gì là bốn? Do tà hạnh đối với bốn chủng bổ-đặc-già-la nên có bốn điều ngu mê: 1. Đối với bổ-đặc-già-la cử tội; 2. Đối với bổ-đặc-già-la dạy dẫn; 3. Đối với bổ-đặc-già-la muốn làm lợi ích; 4. Đối với bổ-đặc-già-la có đức.

Tức là do tà hạnh đối với đồng phạm hạnh, nên bị ngu mê nơi lỗi của tự thân. Do tà hạnh đối với người đang học, nên bị ngu mê đối với học xứ. Do tà hạnh đối với người thắng giải, vui cầu Đại thừa, người vui hành chánh hạnh, vì nêu cử phân biệt các lỗi lầm mình, nên bị ngu mê nơi thắng giải, chánh hạnh. Do tà hạnh đối với bổ-đặc-già-la năng thuyết pháp, nên bị ngu mê nơi những điều ẩn mật được hiển rõ.

c. Tà hạnh năng khiến hoại pháp trắng sạch: có 4 chủng. Đó là vì lực tăng thượng ganh đua so sánh với người, nên phát khởi các gia hạnh pháp

bạch không đúng chỗ. Tuy phát khởi gia hạnh pháp bạch, nhưng rơi trong ba chủng lỗi lầm tà hạnh: 1. Lỗi lầm nhiễm trước; 2. Lỗi lầm ác kiến; 3. Lỗi lầm thọ trì.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm nhiễm trước: 1. Vì tà thọ dụng; 2. Vì nhiều điều xen tạp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm ác kiến: 1. Vì phỉ báng chê bai chánh pháp và bỏ-đặc-già-la; 2. Vì đối với pháp bất chánh mà hiển bày chấp trước cho là chánh pháp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm thọ trì: 1. Chỉ thọ trì nhỏ hẹp trong phạm vi kinh bất liễu nghĩa; 2. Ở nơi những điều chưa nghe, chưa từng lãnh hội trong các kinh liễu nghĩa, thì phỉ báng bác bỏ cho là hư huyền.

d. Tà hạnh năng khiến hiện hành nghi hoặc, ý ác, chẳng phải Bồ-tát: có 4 chủng. 1. Đối với đại sư, phát sanh không tín thuận, lẽ ra phải cung kính, mà trái lại hiện hành ý ác; 2. Đối với người đồng phạm hạnh, người nhiếp thọ, người cử tội, người dạy răn, lẽ ra phải như thật phát lộ lỗi đã phạm, mà trái lại hiện hành ý ác; 3. Đối với việc thực hành các thiện pháp được phước lớn trí lớn,

lẽ ra phải tinh tấn, mà trái lại hiện hành ý ác; 4. Ở trong thắng giải sâu thẳm rộng lớn, lẽ ra phải tự mình tu tập năng khiến thanh tịnh chướng, mà trái lại hiện hành ý ác.

Do 3 chủng tướng nên biết đối với đại sư sanh không tín thuận, đó là: do có sắc đẹp, có tôn quý, có trí huệ.

Do 3 chủng tướng nên biết không như thật phát lồ lỗi đã phạm: 1. Đối với các hữu tình nhiếp thọ, tà chấp hư vọng hiển thị cho là tôn quý hơn, nhân đây phát khởi tâm tự đề cao; 2. Đối với các hữu tình năng cử tội, che giấu lỗi mình đã phạm; 3. Đối với các hữu tình năng dạy răn, nhân việc bị kia quả trách đuổi bỏ; phát khởi tâm xấu ác muốn làm tổn não.

Do hai chủng tướng nên biết thời thất việc phát khởi tinh tấn thực hành thiện pháp: 1. Đối với các hữu tình có phước lớn, trí lớn, thời đắm trước lợi dưỡng cung kính; 2. Cùng vui thích việc kia.

e. Tà hạnh năng khiến khó thể điều phục có 4 chủng, đó là lúc đang tu tập có 4 chủng chướng ngại: 1. Ở nơi điều đã lắng nghe, chấp cho là rất

ráo; 2. Ở nơi điều đã được dạy trao, lãnh thọ thông hiểu lầm lạc; 3. Ở nơi giới luật, không chân chánh an trụ, gây tạo việc làm ác; 4. Ở nơi điều đã tự thấy biết, chấp chặt kiến thủ.

Tức là do lúc lắng nghe mà tâm không tịch tĩnh, nên ở nơi những điều được nghe chấp cho là rất ráo. Do ở nơi điều được dạy trao, phân biệt điên đảo nên có hiểu biết lầm lạc. Do ở nơi giới luật, nhiều sự hủy phạm thọ dùng của tín thí, nên sanh khởi việc làm ác. Do đối với các hữu tình thắng vượt hơn, dấy khởi ganh đua đấu tranh, nên ở nơi điều mình đã thấy biết chấp chặt kiến thủ. Hữu tình thắng vượt hơn tức là căn vượt hơn trong việc điều phục và đoạn diệt.

f. Tà hạnh năng khiến hành đạo bất chánh đối với hữu tình có 4 chủng: 1. Đối với hữu tình chưa an lập tịnh tín, không vì họ thuyết; 2. Đối với hữu tình hạ thừa có mong cầu Đại thừa, lại không tùy theo căn tánh thích hợp mà thuyết; 3. Đối với hữu tình ở Đại thừa mong cầu hạ thừa, lại không thuận theo chỗ nghi hoặc của họ mà khai tỏ; 4. Đối với người an trụ cấm giới hoặc không trụ cấm giới, vì tham ái bợn dáng mà không bình đẳng thuyết.

Do 3 chủng tướng nên biết gọi là an trụ cấm giới: 1. Vì việc làm không lầm lạc; 2. Vì không khuyết phạm giới; 3. Vì quý trọng sở học.

Do 2 chủng tướng nên biết không trụ cấm giới: 1. Vì khuyết phạm giới; 2. Vì không quý trọng sở học.

g. *Tà hạnh năng khiến gần gũi người không hiền lương* nên biết do đây thối mất 4 việc: 1. Thối mất đối với thừa; 2. Thối mất gia hạnh lợi ích hữu tình; 3. Thối mất thánh giáo; 4. Thối mất tu tập các thiện pháp không gián đoạn.

h. *Tà hạnh năng khiến không như nghĩa Bồ-tát mà hành có 4 chủng:* 1. Vì nhậm trì chánh pháp; 2. Vì trụ nơi a-lan-nhã; 3. Vì siêng tu nghiệp phước; 4. Vì lãnh đạo đại chúng.

Hoặc các Bồ-tát vì muốn khiến người tín phục, tuy nhậm trì chánh pháp mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc các Bồ-tát vì cầu danh tiếng, tuy trụ nơi a-lan-nhã mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc các Bồ-tát tâm chuyên buộc đấm ở nơi quả có nhiễm, tuy siêng tu nghiệp phước mà không

như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc chư Bồ-tát tâm chuyên buộc đấm ở nơi sự cung kính, tiếng tăm, thừa sự, tuy lãnh đạo đại chúng mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

2. Chánh hạnh của Bồ-tát: Tức là trái với các tướng trên, xa lìa lỗi lầm, tuyên nói đối trị, nên biết dẫn phát 8 chủng hành tướng chánh hạnh theo sau. Đây gọi là chánh hạnh.

Lại nói tự mình không lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không cung kính chánh pháp và bỏ-đặc-già-la, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, cũng không tin hiểu sâu nên thối thất.

Lại nói không khiến người nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển vì muốn người tin phục, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, mà hướng đến tà pháp nên thối thất.

Lại nói bị chướng ngại lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không vui muốn, không lắng nghe, không thọ trì, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, lại giải đãi lười biếng nên thối thất.

Lại nói tà chấp trước mà có sự lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi việc tu tập thực hành không thấy công đức, chỉ nghe ngôn thuyết mà cho là rất ráo, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, mà trí không chân thật nên thối thất.

Lại nói khi người cử tội, có ngu mê nơi lỗi phạm của mình nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển nếu có hủy phạm ở nơi tội nặng, thì sợ hãi suy tổn; nếu có hủy phạm ở nơi tội nhẹ, thì sợ hãi quở trách mà nói vọng ngữ, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê đối với học xứ nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không phải do tự tánh mà do chuyển theo hư vọng, thấy quanh co, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê ở nơi thắng giải, chánh

hạnh đối với Đại thừa nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với Bồ-tát không sanh cung kính, che giấu thật đức, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê ở nơi hiển rõ những điều ẩn mật nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Đây hiển do *dục* khiến không sanh vui muốn đối với Đại thừa, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói do gia hạnh không đúng chỗ khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ý vui thấp kém, không chuyển xả hạ thừa, lắng nghe mà tâm không khiêm hạ, do đây hủy phạm. Do không thể đắc các pháp bạch trước chưa đắc, ở nơi điều lắng nghe, điều lãnh thọ mà thông hiểu chậm chạp, nên thối thất những gì đã đắc.

Lại nói do lỗi lầm nhiễm trước khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển

không sanh vui đủ đối với chỗ lợi dưỡng người tại gia cấp thí, lại giả dối mong cầu. Do ở nơi pháp chưa từng nghe thì không lắng nghe, nhiều các sự nghiệp, khinh tháo tán loạn, ở nơi tam-ma-địa không thể chứng đắc.

Lại nói do lỗi lầm ác kiến khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ôm lòng ác ý quán sát người; ở nơi sở học của Thanh văn Đại thừa, tâm điên đảo, do đây hủy phạm. Do không hành chánh hạnh nên gặt hái suy tổn. Do dối hoặc người nên gặt hái suy tổn.

Lại nói do lỗi lầm thọ trì khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với ý thú của chư Như Lai, sanh khởi mạn cho là hiểu biết tất cả, do đây hủy phạm. Do hủy báng chánh pháp nên gặt hái suy tổn. Do tà so lường ở nơi ý thú, trí của chư Như Lai, nên gặt hái suy tổn.

Lại nói do không kham cung kính sở học khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi lỗi đã phạm mà không phát lồ, không trình bày sám hối, không trừ bỏ việc làm ác, do đây ý ác hiện hành. Tức ở nơi sở duyên mà tán loạn, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do không như thật hiển lỗi mình phạm khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi thân mạng tài của có sự luyến tiếc, vui nói chuyện không thật, do đây ý ác hiện hành. Tức ở nơi thánh giáo, vì bị tán loạn nên hành không sáng suốt.

Lại nói do tinh tấn khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không kham nhẫn, do đây ý ác hiện hành. Tức không thể nhẫn chịu ở nơi các khổ, bị tán loạn ở nơi các thiện pháp, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do thanh tịnh chướng khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với Đại thừa không có tin hiểu sâu, không có ý vui tăng thượng, do đây ý ác hiện hành. Tức bị tán loạn ở nơi thừa rộng lớn, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do lầy lẳng nghe cho là rốt ráo, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển quán thấy chỉ cần thoát khỏi nạn vấn của người và chỉ thấy lợi ích thù thắng của việc lầy lẳng nghe, do đây nên hủy phạm, giả dối hiển việc trì pháp thiện lành.

Lại nói do hiểu biết lầm lạc nơi điều được dạy

trao nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không thể kham thọ lời dạy, kiên cố giữ lấy điều đã phạm, không cung kính lời dạy răn, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc trụ a-lan-nhã thiện lành.

Lại nói do ở nơi giới không kiên cố an trụ, gây tạo việc làm ác nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi sở học không kham, hư dối thọ nhận vật thực của tín thí, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc siêng tu nghiệp phước thiện lành.

Lại nói do mình thấy biết, chấp chặt kiến thủ nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi Ba-la-mật-đa thanh tịnh, đối với Bồ-tát không sanh cung kính, không muốn đến gặp gỡ thưa hỏi, không muốn thân cận, không muốn lắng nghe, không tùy hành pháp, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc lãnh đạo chúng thiện lành.

Lại nói do không tuyên thuyết, không theo đó tuyên thuyết, không thuận nghĩa thuyết, không bình đẳng thuyết, hành nơi đạo bất chánh, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển trước sau tuyên thuyết

một cách nhàm chán, tâm không bình đẳng; đối với người nghe thuyết, không khéo biết phương tiện, hiểu biết hạ thừa; ở nơi gia hạnh dạy răn đồ chúng có tâm nhiễm ô, do đây hủy phạm. Tức vì thiện căn không viên mãn, vì không nhiếp thọ thiện căn rộng lớn, vì xả bỏ thiện căn rộng lớn và vì sanh phi phước, nên đối trá hoặc loạn giáo hóa các loại hữu tình.

Lại nói do bốn chủng gần gũi người không hiền lương nên thối thất bốn việc, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển keo lẩn, không khéo nhập vào ngữ ngôn Thánh giáo, không lắng nghe, do đây hủy phạm. Vì không tu thiện căn, vì hãi sợ khổ sanh tử, vì ở nơi việc lợi tha không thể làm lợi ích, vì thiện căn nhỏ hẹp, vì ở trong pháp sanh nghi hoặc, nên bị thối thất.

Lại nói do bốn chủng Bồ-tát không như nghĩa Bồ-tát mà hành, vì mong cầu sự tín phục, mong cầu tiếng tăm, mong cầu quả có nhiễm, mong cầu cúng dường thừa sự tiếng khen, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ngã ái đồng hành với tội vi tế; ở nơi tội vi tế không thấy sợ hãi; không có thắng giải đồng hành với vô ngã, nên không nghĩ tưởng đến việc

lợi người; ở nơi sanh tử, Niết-bàn không quán thấy một hướng lỗi lầm, công đức; ở trong hiện pháp vui trụ tướng tạp; ở đời đương lai vui thích nhiếp thọ pháp giàu sang tiền của, do đây hủy phạm. Giả dối hiện tự thân năng chân chánh trì pháp cho đến lãnh đạo đại chúng...

3. Lợi ích thù thắng trong việc tu tập chánh hạnh của chư Bồ-tát: Đây cũng có 4 chủng, về sau sẽ nói.

Bồ-tát vì hành chánh hạnh như vậy, nên năng tích tập tư lương phước đức trí tuệ. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên năng thanh tịnh chướng. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên huân tập tất cả môn, tích tập thành tựu pháp bạch. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên phát khởi tất cả chủng gia hạnh lợi ích hữu tình. Lại năng sanh trưởng vô lượng phước.

Có 4 nhân duyên năng khiến tích tập tư lương phước đức trí tuệ: 1. Nương chánh hạnh đây cúng dường thừa sự chư Phật Như Lai; 2. Văn thanh tịnh; 3. Tư thanh tịnh; 4. Tu thanh tịnh.

Có 4 nhân duyên năng khiến thanh tịnh chướng: 1. Đối với thừa, tin chắc không bị khuynh

động; 2. Đối với các hữu tình, xa lìa nhân duyên không hành hạnh lợi tha; 3. Xa lìa nhân duyên tà hạnh; 4. Xa lìa nhân duyên không thành tựu viên mãn chánh hạnh.

Có 4 nhân duyên năng khiến huân tập tất cả môn, tích tập thành tựu pháp bạch: 1. Tu thành tựu do tu; 2. Thành thực hữu tình, tức thành tựu việc kia; 3. Kham nhẫn việc khó, tức thành tựu việc kia; 4. Đã nghe liền tư duy không nhầm mỗi, tức thành tựu kia.

Có 4 pháp năng phát khởi tất cả chủng gia hạnh lợi ích hữu tình, tức là cứu giúp hữu tình thoát khỏi bốn điều: 1. Vì ở nơi do dự nghi hoặc; 2. Vì điên đảo đọa nơi đường uế ác; 3. Tin hiểu ở nơi hạ thừa; 4. Vì đối với Thánh giáo có tâm chán ghét, trái lìa

4. Bồ-tát trụ trong chánh hạnh, đó là đầy đủ ở trong pháp hạnh, bình đẳng hạnh, thiện hạnh, pháp trụ và hành tướng. Khi hiện tại chuyển, được công đức thù thắng lợi ích:

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ ở trong pháp hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát phàm có tu hành

không trái với chánh pháp, nên gọi là đầy đủ pháp hạnh. Trong đây có 5 hành tướng: 1. Đối với chúng sanh vui hành ác hạnh, làm điều không nhiều ích, vì muốn khiến kia thú nhập thiện nên ai miễn nhiếp thọ; 2. Đối với các hữu tình trụ chung tánh mà thiếu ngoại duyên, liền khích lệ dẫn dắt khiến phát khởi tâm Bồ-đề; 3. Ở trong Ba-la-mật-đa thù thắng, tự mình rõ biết; 4. Đối với những nơi tôn trọng, phát khởi gia hạnh cung kính lễ bái; 5. Đối với các hữu tình là ngoại đạo hay oán địch, an trụ kiên cố nơi thánh giáo, không bị lay động.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ bình đẳng hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát khắp tất cả việc lợi ích chúng sanh, tu hạnh bình đẳng, cho nên gọi là đầy đủ hạnh bình đẳng. Nên biết hạnh đây có 8 tướng: 1. Vì đối với các hữu tình, bình đẳng thương quý; 2. Vì đối với các hữu tình, dụng thân không nhiễm ô, không phân biệt, không phân biệt đời, không phân biệt sự mong cầu, dụng tâm thân ái bình đẳng an ủi vỗ về; 3. Vì xả sự xao động, dụng mạo thư thái vui vẻ; đối với vật đã thọ nhận, năng bình đẳng phân phát; 4. Vì đối với những vật chưa được thọ nhận, năng bình đẳng nhận lấy; 5. Vì ở

nơi tất cả khổ, bình đẳng kham nhẫn; 6. Vì đối với vô lượng phương tiện điều phục, năng bình đẳng cầu học; 7. Vì ở nơi sự cãi vã qua lại, năng bình đẳng dùng lời hợp lẽ, dùng lời khiêm hạ; 8. Vì ở nơi tất cả thiện căn đã có, bình đẳng hồi hướng Đại Bồ-đề.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ thiện hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát vì bên trong tự thành thực các pháp Phật, vì bên ngoài thành thực các hữu tình mà tu hành thiện hạnh, cho nên gọi là đầy đủ thiện hạnh. Nên biết hạnh đây có 7 hành tướng: 1. Vì huệ thí mà không ý dựa; 2. Vì trì giới mà không ý dựa; 3. Vì tâm ai mãn mà tu an nhẫn; 4. Vì không dụng chút phần mà tu tinh tấn; 5. Vì làm lợi ích hữu tình mà tu tinh lự; 6. Vì kiến không cùng tương ưng mà tu diệu tuệ; 7. Vì thành thực phương tiện thiện xảo.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ nơi pháp trụ, đây có hành tướng gì? Bồ-tát không phải chỉ tìm hiểu mà cho là rốt ráo, không phải chỉ đọc tụng mà cho là rốt ráo, không phải chỉ tuyên thuyết mà cho là rốt ráo, không phải chỉ tư duy quán xét mà cho là rốt ráo. Cần phải ở nơi nội tâm chân chánh

tu tập Xa-ma-tha thù thắng, phát siêng tu tập phương tiện bình đẳng, mới được gọi là đầy đủ nơi pháp trụ.

Nên biết an trụ đây có 12 hành tướng: 1. Vì đối với người trụ cấm giới hay không trụ cấm giới, năng dạy trao không phân biệt; 2. Vì lấy đây làm chỗ nương, cung kính lãnh thọ điều được dạy trao; 3. Vì lấy đây làm chỗ nương, thân xa lìa; 4. Vì lấy đây làm chỗ nương, tâm xa lìa; 5. Vì lấy đây làm chỗ nương, vượt qua tác ý tương ưng Thanh văn thừa, tác ý tư duy tương ưng Đại thừa; 6. Vì lấy đây làm chỗ nương, không xả bỏ ách viễn ly, cùng các hữu tình và các loài khác cùng cộng trú; 7. Vì lấy đây làm chỗ nương, lãnh thọ trí thế gian thanh tịnh, tư lương đại phước và uy đức của quả tu; 8. Vì không biết vui đủ ở nơi trí thế gian, tầm cầu tu trị trí xuất thế.

Lại thanh tịnh trí, tức là đoạn trừ 4 chủng lỗi lầm lãnh đạo đại chúng rộng lớn: 1. Vì lỗi lầm do không thể kham nhẫn sự xúc não; 2. Vì lỗi lầm do không quyết định dạy trao; 3. Vì lỗi lầm do không như điều đã nói mà thực hành; 4. Vì lỗi lầm do có tâm ái nhiễm. Bốn chủng như vậy cùng tám chủng

trước cộng lại là mười hai hành tướng.

5. Sở hữu thí dụ của Bồ-tát năng sanh tịnh tín: Chư Bồ-tát từ lúc sơ phát tâm, vào đầu, giữa, sau đều lấy dẫn phát thiện căn các chúng sanh làm chỗ nương. Đối với khắp tất cả kẻ oán người ân, tâm như đại địa, không buộc gút đăm trước. Nhưng chư Bồ-tát không hẳn như đại địa, mà mặc tình ung dung chuyển. Chúng sanh tuy nương nhờ đất kia, nhưng phải ra công lực vất vả mới được sống còn.

Chư Bồ-tát sanh trưởng thiện căn tịnh tín hoan hỷ, giống như đại thủy năng khiến tự thấm nhuần tươi tốt. Nhưng chư Bồ-tát không như đại thủy gây trở ngại đối với vụ mùa đến lúc thu hoạch.

Chư Bồ-tát vì muốn thành thực thiện căn, nên ở nơi pháp đáng nhàm chán sanh sâu nhàm chán họa hoạn, giống như đại hỏa năng mạnh mẽ đốt cháy chúng. Nhưng chư Bồ-tát không như đại hỏa, gây trở ngại cho sự thành tựu cõi nước chư Phật.

Chư Bồ-tát tự thành thực thiện căn rồi, tu tập dẫn phát tiến đến giải thoát, năng phát khởi chánh

dạy trao giống như đại phong. Nhưng chư Bồ-tát không như đại phong năng dẫn phát rồi trợn quay về tận diệt.

Chư Bồ-tát tự khiến bạch pháp của mình triển chuyển tăng trưởng giống như trăng sáng. Nhưng chư Bồ-tát không như trăng sáng chỉ làm sáng những phần có ánh sáng soi chiếu, phần không được soi đến thì chẳng vậy.

Chư Bồ-tát bình đẳng nơi tất cả tướng, trí phổ chiếu khắp tất cả pháp gồm cả sáng tối, giống như mặt trời. Nhưng chư Bồ-tát chẳng như mặt trời, sợ mạng lưới giữ lại nên liền xoay chuyển.

Chư Bồ-tát ở trong tất cả cõi trợn không hãi sợ phiền não bám nương mà bị xoay chuyển, thí như sư tử. Nhưng chư Bồ-tát không như sư tử khiếp sợ đối với sự gánh vác trọng trách.

Chư Bồ-tát năng gánh vác tất cả khổ lớn, như long tượng uyển chuyển múa. Nhưng chư Bồ-tát không như long tượng, hoặc lúc mạnh mẽ, lúc suy yếu, hoặc lúc uyển chuyển, không uyển chuyển; hoặc lúc vui, lúc khổ... đều bị ghét thương làm cấu nhiễm.

Chư Bồ-tát ở nơi các pháp thế gian không bị

ghét thương làm cầu nhiễm, giống như hoa sen hồng. Nhưng chư Bồ-tát không như hoa sen hồng, nếu bị chặt gốc thì không sanh trưởng được.

Chư Bồ-tát được lực gìn giữ của thiện căn, hàng phục phiền não, trong sanh tử thiện căn lại sanh trưởng, giống như cây đại thụ gốc chưa bị tổn hoại. Nhưng chư Bồ-tát không như cây đại thụ thì sau quyết định sẽ bị tổn hoại.

Chư Bồ-tát sở hữu thiện căn, vì hồi hướng Đại Bồ-đề Niết-bàn, giống như các dòng chảy nhập vào biển lớn. Nhưng chư Bồ-tát không như các dòng chảy nhập vào biển lớn, tức hòa thành tánh biển.

Chư Bồ-tát nương Niết-bàn và Đại Bồ-đề, dụng các lực thiện căn mà dạo chơi khắp cõi, giống như các chư thiên nương núi Tu-di mà trụ. Nhưng chư Bồ-tát không như các chư thiên kia nương trú ở núi Tu-di mà thọ hưởng các khoái lạc, hành phóng dật.

Chư Bồ-tát vì được sự nhiếp trì của phương tiện Bát-nhã, nên thành tựu hoàn mãn tất cả việc làm của chư Phật, giống như quần thần phụ tá đại vương. Nhưng chư Bồ-tát chẳng như quần thần phụ

tá đại vương vì lợi ích của mình mà thủ hộ dân trong nước.

Chư Bồ-tát không đoái nghĩ đến việc tự lợi, nhiếp hộ chúng sanh giống như mây lớn. Nhưng chư Bồ-tát không như mây lớn khiến vụ mùa không thể tốt ráo trọn xong.

Chư Bồ-tát tốt ráo sanh trưởng pháp Bồ-đề phần, giống như vua Chuyển luân xuất hiện nơi đời. Nhưng chư Bồ-tát không như vua Chuyển luân không có chúng đại trượng phu thứ hai.

Chư Bồ-tát giải thoát bình đẳng, thiện căn sanh trưởng đồng xuất hiện nhiều như ma-ni báu. Nhưng chư Bồ-tát không như báu ma-ni, không giống như ngọc châu ca-ly-sa-bát-nô.

Chư Bồ-tát vì nhập vô lậu giới, sở tác bình đẳng thọ tất cả lạc... giống như chư thiên nhập vào rừng sâu. Nhưng chư Bồ-tát không như chư thiên đã vào rừng sâu, tăng trưởng phiền não, nên đương lai diên đảo đọa trở lại.

Chư Bồ-tát hàng phục các phiền não, không diên đảo đọa trở lại sở hữu các phiền não, giống như dùng chú thuật hàng phục các độc. Nhưng chư Bồ-tát hàng phục sở hữu phiền não không như chú

thuật hàng phục các độc, chỉ khiến không bị hại chứ không có đức tánh khác.

Chư Bồ-tát tự phiền não của bản thân năng làm lợi ích tất cả chúng sanh. Phiền não đây giống như trong thành lớn có các đồng phần uest dơ bẩn.

Như vậy, sở hữu công đức của chư Bồ-tát có các sự việc thô tương tự ở ngoài thế gian có thể hiểu được, nên lấy làm thí dụ. Nhưng công đức đây vì quá thù thắng, không thí dụ nào có thể tương ưng. Cho nên nên biết công đức của chư Bồ-tát tất cả thí dụ không thể đến được vậy.



Quyển 80

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 9

6. Ở trong chánh hạnh an lập sở học của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đầy đủ pháp trụ, ở nơi nương theo đạo lý thế tục để sở thuyết không liễu nghĩa, không nương kinh điển tương ưng Thanh văn thừa, đã y nương, đã hành trì, đã được thiện xảo mà lại vượt qua.

Lại ở nơi nương đạo lý thế tục, thắng nghĩa để sở thuyết liễu nghĩa, nương kinh điển tương ưng Đại thừa, tương ưng tánh Không thẳm sâu, lúc siêng tu học gọi là như lý chánh siêng tu học. Lúc như lý chánh siêng tu học như vậy gọi là chánh tu hành hạnh trung đạo thù thắng. Vì có sao? Do chánh pháp đầy năng khiến như thật thấu suốt 13 hành trung đạo: 1. Thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh Không; 2. Thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh vô ngã; 3. Thấu suốt pháp tánh Không; 4. Thấu suốt pháp tánh vô ngã; 5. Thấu suốt biên tăng ích; 6. Thấu

suốt biên tổn giảm; 7. Thấu suốt pháp hiện quán; 8. Thấu suốt pháp hiện quán hồi hướng tánh Đại Bồ-đề; 9. Thấu suốt hành như vậy, tánh các khổ phiền não không quấy nhiễu tâm; 10. Thấu suốt hai thắng giải vô ngã sai biệt; 11. Thấu suốt tánh vô ngã trước là tánh nhân về sau; 12. Thấu suốt đến gần mé tánh Không; 13. Thấu suốt uy đức của tánh Không kia.

Sao gọi là thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh không?
Do chỗ hiển 1 chủng tướng không thể đắc. Trong đây, không thể đắc tức là không thể đắc ở 3 chủng sự: 1. Sự hữu tình; 2. Sự hữu tình sai biệt; 3. Sự thọ dụng của hữu tình. Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc giữa hai, ngu phu biến kế sở chấp cho là thật ngã. Đây đều không thể đắc.

Sao gọi là thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh vô ngã?
Do chỗ hiển 1 tướng khả đắc. Trong đây, khả đắc tức là ở trong ba sự kia, vì ngu phu biến kế duyên sanh các pháp tánh thật thường trụ, thì không thể đắc. Ngu phu kế chấp tánh ngã tướng khác, thì đạo lý khả đắc.

Sao gọi là thấu suốt pháp tánh không? Chỉ do chỗ hiển 1 tướng không thể đắc. Trong đây, không

thể đắc tức ở nơi sự kia chấp lấy tánh vô thường. Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc giữa hai, ngu phu biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh. Đây đều không thể đắc.

Sao gọi là thấu suốt pháp tánh vô ngã? Do chỗ hiển chỉ 1 tướng khả đắc. Trong đây, khả đắc tức là ở sự kia đạo lý sở hành thánh trí khả đắc. Lại, tức ở kia tự bên trong sở chứng, không thể dùng lời vì người tuyên thuyết. Khả đắc kia có sáu tướng, ở nơi các ngu phu biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh tướng khác khả đắc. Những gì là sáu tướng?
1. Không thể tự mình tâm tư; 2. Không thể thuyết chỉ bày người; 3. Vượt quá sở hành sắc căn; 4. Vượt quá tất cả tướng; 5. Vượt quá sở hành thức; 6. Vượt quá sở hành phiền não.

Sao gọi là thấu suốt biên tăng ích? Do 2 chủng tướng: 1. Vì chỗ hiển tăng ích sai biệt; 2. Vì chỗ hiển tăng ích tự tánh.

Những gì gọi là tăng ích sai biệt? Tức là về sau có 8 tướng triển chuyển:

1. Tức ở sự kia chấp tăng ích thường.
2. Chấp tăng ích vô thường.
3. Chấp tăng ích thường làm chỗ nương cho

chấp tăng ích ngã.

4. Chấp tăng ích vô thường làm chỗ nương cho chấp tăng ích vô ngã.

5. Chấp tăng ích vô ngã làm chỗ nương cho chấp tăng ích tâm chân thật.

6. Chấp tăng ích ngã làm chỗ nương cho chấp tăng ích tâm không chân thật. Đây lại có hai chủng: 1. Chắc chắn; 2. Tìm hiểu. Tìm hiểu tức là chỗ nương biến kế và tương ưng biến kế. Ở trong pháp tạp nhiễm sở đối trị có năm lỗi lầm, đó là: lỗi lầm điên đảo, lỗi lầm hý luận, lỗi lầm phát khởi ác hành, lỗi lầm thô trọng, lỗi lầm tánh vô thường. Ở trong pháp thanh tịnh năng đối trị các lỗi lầm kia.

7. Chấp tăng ích tâm chân thật làm chỗ nương cho chấp tăng ích thiện... cho đến chấp tăng ích thanh tịnh.

8. Chấp tăng ích tâm không chân thật làm chỗ nương cho chấp tăng ích bất thiện cho đến chấp tăng ích tạp nhiễm. Đây gọi là tám chủng tăng ích sai biệt. Trong đây, Bồ-tát ở nơi các tăng ích kia đều không chấp trước, không khuyến khích, cũng không tán thán người chấp.

Những gì gọi là tăng ích tự tánh? Tăng ích sai

biệt làm chỗ nương, bởi các ngu phu biến kế sở chấp chỗ có ngôn thuyết tăng ích tự tánh, tức ở nơi sự kia mà chấp tăng ích là có.

Sao gọi là thấu suốt biên tổn giảm? Do chỗ hiển 1 tướng tổn giảm sự thật. Trong đây, tổn giảm sự thật tức là ở nơi tà pháp tánh vô ngã phát khởi tin hiểu rồi chấp trước tất cả chúng, tất cả pháp, tướng đều vô sở hữu.

Sao gọi là thấu suốt pháp hiện quán? Do 3 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển tức ở trong sự kia và sự sanh thứ tư, an lập sở trị, năng trị, hữu vi, vô vi, tự tánh không thể đắc; 2. Do chỗ hiển kia sai biệt không thể đắc; 3. Do chỗ hiển tức xuyên suốt tu tập kia, do chỗ hiển trí như thật thông đạt. Trong đây “tự tánh không thể đắc” tức là các ngu phu biến kế sở chấp tự tánh. Trong đây “sai biệt không thể đắc” tức là tự tánh kia hoại diệt, sanh khởi tích tập thành hai phần không thể đắc. Trong đây trí thông đạt, tức là tướng tự tánh kia, không do tác ý, không do gia hạnh tư trạch mà bên trong tự chứng trí thông đạt.

Sao gọi là thấu suốt pháp hiện quán, hồi hướng tánh Đại Bồ-đề? Do chỗ đắc một chủng tướng “tư

trạch”, đó là vì năng trị, sở trị không đoạn trừ. Trong đây năng trị và sở trị tức là: không thì phiền não đối trị; vô nguyện thì hữu nguyện đối trị; vô tướng thì các tướng đối trị. Tất cả như vậy gọi là không tạo tác. Chỗ gọi là Niết-bàn diệt hành vô tự tánh đây thì nghiệp hậu hữu đối trị, cũng là sanh thân lưu chuyển, sanh sát-na lưu chuyển đối trị. Đây lại lấy sanh tử lưu chuyển làm sở đối trị. Nếu chư Bồ-tát do đối trị đây, nên khởi tư trạch không đoạn sở trị. Đây do bị mắc đối với các chúng sanh mà hy cầu Đại Bồ-đề.

Sao gọi là thấu suốt hành như vậy, tánh các khổ phiền não không quá nhiều tâm? Do 1 chủng tướng, đó là: tuy không vĩnh viễn đoạn trừ pháp sở đối trị, mà năng như thật thông đạt. Trong đây, như thật thông đạt tức là ở nơi pháp kia do nương gia hạnh pháp vô ngã mà quán tự tánh kia không nhiễm không khổ.

Sao gọi là thấu suốt sai biệt? Do 4 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển kiến sai biệt; 2. Do chỗ hiển tức đây tổn giảm sai biệt rất xa; 3. Do chỗ hiển ở nơi đoạn-mê lầm sai biệt; 4. Do chỗ hiển ở nơi tâm-mê lầm sai biệt.

Trong đây, kiến sai biệt tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã và Niết-bàn, ở đương lai đoạn diệt thân sanh, khởi tăng thượng mạn. Lại do ở nơi sở thủ, năng quán sát; do ở nơi năng thủ ngôn thuyết tự tánh rốt ráo xa lìa nhiếp vào tánh Không mà không quán sát, gọi là chẳng khéo quán sát cảnh giới sở tri. Do chấp trước các pháp, nên mong cầu đoạn diệt phiền não. Chư Bồ-tát thì chẳng như vậy.

Trong đây, tổn giảm sai biệt rất xa tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã. Dị sanh ở trong ngã kiến đã hạ liệt lại càng hạ liệt, do hai nhân duyên là do không giải thoát khổ và do an trụ khổ. Do đây nên trước sau sanh khởi hai chủng lỗi lầm chấp trước. Chư Bồ-tát thì không như vậy.

Trong đây, ở nơi đoạn-mê lầm sai biệt tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã, mà do chấp pháp vô ngã, vô tự tánh, liền sanh hãi sợ, cho là không có ngôn thuyết tự tánh, truy cầu đoạn diệt. Chư Bồ-tát thì không như vậy.

Trong đây, ở nơi tâm-mê lầm sai biệt, tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã, vì ở nơi đoạn-mê lầm như trên đã nói, bên trong tự biến kế phát khởi cảnh giới là chỗ điên đảo của tướng điên đảo... Chư Bồ-

tát thì không như vậy.

Sao gọi là thấu suốt tánh nhân? Do 2 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển quán sát “năng thủ”; 2. Do chỗ hiển như thật thông đạt kia. Trong đây, quán sát năng thủ tức là quán sát trí vô ngã đây, vì xa lìa ngôn thuyết tự tánh, vì xa lìa phân biệt kia, vì tướng nên xả, vì có sát-na. Trong đây, như thật thông đạt kia tức là quán sát hai chủng sở thủ và năng thủ, như lý tác ý tư duy làm nhân, mỗi mỗi riêng bên trong chứng đắc nên quyết định trí sanh khởi.

Sao gọi là thấu suốt đến gần mé tánh Không? Do 1 chủng tướng, tức pháp trí vô ngã kia như thật hiển hiện. Trong đây, như thật hiển hiện tức là vì hiển hiện tương tự tướng nghiệp phiền não, vì pháp không thể nói bàn, vì lìa ngôn thuyết tự tánh, vì như vậy không chấp trước, vì có sát-na.

Sao gọi là thấu suốt uy đức của tánh Không kia? Do chỗ hiển 1 chủng tướng, đó là đối trị đoạn nghiệp phiền não. Trong đây, đoạn tức là sát-na tướng quang minh sanh, năng đoạn tất cả các nghiệp phiền não từ vô thủy tích tập đến nay.

7. Thanh văn có bao nhiêu chủng? Sở học Thanh văn và sở học Bồ-tát có gì sai khác? Thanh văn có 4 chủng. Sở học Thanh văn và sở học Bồ-tát nên biết có 13 chủng sai khác.

Những gì gọi là bốn chủng Thanh văn? 1. Thanh văn biến hóa; 2. Thanh văn tăng thượng mạn; 3. Thanh văn hồi hướng Bồ-đề; 4. Thanh văn một hướng hướng đến tịch tịnh.

Thanh văn biến hóa: vì muốn hóa độ. Do hóa độ các hữu tình kia, hoặc chư Bồ-tát, hoặc chư Như Lai hóa làm Thanh văn.

Thanh văn tăng thượng mạn: chỉ do bố-đặc-già-la an trụ vô ngã trí, lại chấp trước tà pháp vô ngã trí, mà kế chấp cho là thanh tịnh.

Thanh văn hồi hướng Bồ-đề: từ bản lai là chủng tánh từ bi rất yếu kém. Do được thân cận gần gũi chư Như Lai, ở trong Phật pháp rộng sâu khởi tưởng có công đức rộng lớn, nên huân tu tương tục. Tuy đạt đến rốt ráo trụ ở vô lậu giới, mà mong gặp được chư Phật phương tiện khai thị dẫn nhập giác ngộ. Do nhân đây bền năng phát khởi hướng đến Bồ-đề rộng lớn. Tuy vị kia năng phát khởi hướng đến Bồ-đề rộng lớn như vậy, nhưng do tập

quen vui thích tịch tĩnh, nên ở nơi gia hạnh vị đây thành rất trì trệ. Không như người mới đầu phát tâm có chủng tánh Phật.

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh: từ bản lai là chủng tánh từ bi vô cùng yếu kém, vì một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh, vì sợ hãi sâu đối với khổ sanh tử, chỉ an lập ý lạc sẽ an trụ rốt ráo Niết-bàn, không thể phát tâm hướng đến Đại Bồ-đề. Như hai vương tử cùng sanh trong cung, đều bình đẳng thọ diệu dụng khoái lạc ở vương cung. Vương tử thứ nhất cùng vua luận bàn việc nước, khéo léo cai trị, khéo biết các việc. Vương tử thứ hai thì chẳng vậy. Do đây mà năng phân biệt sự khác nhau của hai vương tử, chẳng phải nương vào sự thọ dụng khoái lạc mà có thể biết.

Như vậy ở trong vô lậu giới, chúng chư Bồ-tát và Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh nên biết có 13 chủng sai khác: 1. Vì ý lạc; 2. Vì huân tập thành tựu pháp bạch; 3. Vì huân tập thành tựu trí; 4. Vì chủng loại; 5. Vì chủng tánh; 6. Vì trì chủng; 7. Vì gia hạnh; 8. Vì oai đức; 9. Vì chánh hạnh; 10. Vì phước điền; 11. Vì thù thắng sai biệt; 12. Vì nhân quả; 13. Vì nương sanh sai biệt.

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, vì ở trong việc hành các hạnh tập nhiệm năng làm lợi ích hữu tình, một hướng trái lìa, xả bỏ, một hướng ý vui an trụ tịch tĩnh. Bồ-tát tuy có cấu nhiễm mà trái với Thanh văn kia.

Lại Thanh văn kia chỉ vì tự thân được tăng trưởng, nên pháp bạch nhỏ hẹp. Bồ-tát vì vui muốn khiến tất cả hữu tình được tăng trưởng pháp lạc, nên pháp bạch vô lượng.

Lại Thanh văn kia huân tập thành tựu trí vô vi, chỉ vì trừ khiên phiền não của tự thân. Bồ-tát chẳng vậy, khắp vì tất cả các loại hữu tình ở mười phương cõi giới.

Lại Thanh văn kia tuy duyên pháp cảnh giải thoát vi diệu thù thắng, tác ý huân tập thành tựu, nhưng chẳng phải là con Phật. Bồ-tát tuy duyên pháp cảnh các hành hữu tình hạ liệt để tác ý huân tập thành tựu, nhưng là con Phật.

Lại Thanh văn kia tuy siêng tinh tấn, ở nơi các đế thiện xảo tâm khéo an định, nhưng vì không thành tựu chủng tánh tướng Phật, nên chư Phật Thế Tôn không kham nhiếp thọ. Chư Bồ-tát trái với tướng kia.

Lại Thanh văn kia đến rốt ráo, căn tụy thành thực, nhưng ở đời đương lai không năng làm Phật sự. Bồ-tát sơ tâm sát-na sanh rồi, liền năng tạo làm các việc lợi ích.

Lại Thanh văn tụy đến rốt ráo mà chư thiên, loài người thấy không vì vị kia cúng dường khen ngợi tán thán. Không như Bồ-tát mới bắt đầu sự nghiệp tu hành, tụy chưa đến địa vị rốt ráo, nhưng uy đức cùng với trí tuệ năng chiếu sáng phủ trùm tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại Thanh văn kia lương được trí huệ năng trị bệnh phiền não tụy thành tụy viên mãn mà không thể trị bệnh phiền não của chúng sanh. Chư Bồ-tát trái lại, bởi năng tu hành lợi ích người nên làm các việc có nghĩa lợi ích thù thắng.

Lại Thanh văn kia tụy đến cứu cánh, trí quang minh soi chiếu các hữu tình, nhưng chẳng phải phước điền chân thật của chư thiên cùng các thế gian như chư Bồ-tát chưa tận phiền não.

Lại Thanh văn ở trong tất cả thời chỉ vượt thắng nhất ở thời có Như Lai. Chư Bồ-tát ở trong chúng tối thắng, chỉ càng thêm tối thắng, vì Bồ-tát kia ở nơi đây huân tập mà thành tụy.

Lại do 2 duyên nên biết Bồ-tát thù thắng hơn: 1. Vì năng thành thực các hữu tình; 2. Vì năng thành thực các Phật pháp. Do nhân duyên đây, tùy theo sự thành thực các loại hữu tình năng khiến họ giải thoát, mà cảm được quả Bồ-đề. Thí như có người năng có giác huệ biện biệt thuần thực rất kỳ đặc, không phải người kia ngay lúc đầu tự nhiên có được thực dụng ấy. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Lại Thanh văn kia tuy một hướng thọ học tu hành nhân pháp thanh tịnh, cũng nhiếp thọ vô lượng bạn lành, mà không thể dẫn phát quả Đại Bồ-đề. Chúng chư Bồ-tát trái với tướng kia, mà năng dẫn phát.

Lại các Thanh văn nương Bồ-tát mà được sanh, không phải chư Bồ-tát nương Thanh văn kia.

8. Bồ-tát khéo học sở hữu trí thế gian, xuất thế gian năng làm việc lợi ích người: Chư Bồ-tát ở khắp mười phương hoặc du hành qua các thế giới, hoặc du hành qua các quốc độ, hoặc du hành trải qua các kiếp sống, hoặc khuyến thỉnh người làm đại lương y, khéo năng trị bệnh phiền

não quở mị bám níu khiến hữu tình chìm đắm, tuyên thuyết ba đạo học thanh tịnh.

Sao gọi là thế gian trí? Tức là chỗ có tạp nhiễm, nếu ở phẩm thô thì năng dùng “dùng dứt” để đối trị, nếu ở phẩm trung thì năng dùng “chế phục” để đối trị.

Tạp nhiễm phẩm thô: là người tại gia hành nương tánh tham hành, sân hành, si hành. Những người xuất gia nương theo tánh thấy và nương theo tánh tác ý bất chánh, về sau nương theo tánh hữu nguyện. Do bốn điên đảo chung và riêng, nên nương theo tánh không phải giải thoát chấp cho là giải thoát.

Tạp nhiễm phẩm trung: vì đã chân chánh đoạn trừ tạp nhiễm phẩm thô, mỗi mỗi dụng đối trị riêng làm chỗ nương. Nếu ở các cảnh giới nương tánh tham sân si triền, liền ở nơi sở duyên kia chân chánh buộc tâm, khiến tâm tán loạn được an định; lại phải tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần mới năng chế phục. Nếu không nương cảnh giới đây mà tự thị cao cử, liền ở nơi sở duyên buộc tâm khiến an trụ dững mãnh tinh tấn.

Từ đây, ở nơi an trụ năng chân chánh nhiếp

thọ. Do an trụ nhiếp thọ, nên ở trong tương tục huân tập, trong niệm chuyển theo phiền não liền năng chế phục.

Từ đây, vì đoạn pháp sở trị xuất thế gian, nên nương theo đối trị tức khiến an trụ kiên cố. Từ đây lại năng hàng phục các duyên ngu phát khởi, đó là ngu bổ-đặc-già-la tánh vô ngã và ngu pháp tánh vô ngã.

Từ đây năng đối với tà đạo chánh đạo đều được quyết định phân minh. Do đây, ở nơi tạp nhiễm tương ưng phẩm thô, trí năng dùng *dùng dứt* để đối trị; ở nơi tạp nhiễm tương ưng phẩm trung, trí năng dùng *chế phục* để đối trị. Đây gọi là thế gian trí.

Sao gọi là xuất thế gian trí? Đã chế phục các tham sân si triền, các tạp nhiễm như vậy rồi, lại năng đối trị sở hữu tạp nhiễm tùy miên vi tế, chân thật trí đây gọi là xuất thế gian trí. Lại nghĩa đây thế nào? Tức là nương 3 xứ thiện xảo để chế phục đối trị, đó là: duyên khởi thiện xảo, thắng giải bổ-đặc-già-la vô ngã thiện xảo và thắng giải pháp vô ngã thiện xảo. Vì muốn vượt qua tạp nhiễm không sót thừa, đối trị bốn chủng vô trí, không đợi người

dạy mà ở bên trong tinh cần quán sát tâm mình. Bốn vô trí gồm: **a.** Vô trí ở nơi cộng tướng; **b.** Vô trí ở nơi tự tướng; **c.** Vô trí ở nơi tướng tạp nhiễm; **d.** Vô trí ở nơi tướng thanh tịnh.

a. Do 3 chủng tướng nên biết cộng tướng của tâm: 1. Vì ở nơi duyên sanh không hiện tại tiền, không tác dụng; 2. Vì ở hiện tại chỉ một sát-na, không tác dụng; 3. Vì tự duyên tham... mà sanh, chẳng phải do tâm tạo tác.

b. Do 3 chủng tướng nên biết tự tướng của tâm: 1. Vì tự tánh không thể đắc; 2. Vì do sáu chủng tướng như thật khả đắc; 3. Vì sở đắc trí của tất cả bậc Thánh không có sự sai khác.

c. Do 3 chủng tướng nên biết tướng tạp nhiễm của tâm: 1. Vì sanh; 2. Vì chuyển; 3. Vì hành.

Ở trong các đường, vì chủng chủng tự thể sanh, gọi là sanh tạp nhiễm. Tức ở trong sanh đây, vì sát-na tự nhiên có lưu chuyển, vì tất cả sở duyên khó triển chuyển hàng phục, vì là chỗ chuyển của thế lực tham ái, gọi là tạp nhiễm chuyển. Hoặc ở hành kia, hoặc hành như vậy, gọi là tạp nhiễm hành.

Đó là hoặc có lúc hành thiện, như có lúc an ổn

trong thiện, tức liền xả bỏ suy nghĩ tìm cầu điều xấu.

Hoặc có lúc hành bất thiện, như có lúc hành bất thiện hiện tiền; ở trong khó khăn và suy thạnh, bị sự phiền não của thương và ghét quá nhiều. Lại vì trôi theo thế lực phóng dật, khiến tất cả việc làm lành thiện căn bản đều bị tổn hoại.

Hoặc có lúc hành trong cảnh giới, như có lúc vì quá say đắm cảnh sắc... tuy ở nơi lợi ích của cam lồ giới, lớp lớp tư duy chọn lựa, mà khó thể an lập.

Hoặc có lúc hành gây tạo nghiệp, như có lúc thuận theo pháp lạc... hiện hành tăng thượng; hoặc lại tự mình sanh khổ đoạn trừ hoại diệt các lạc, đây không do chấp trước mà chỉ do điên đảo. Do đây tự thân dẫn phát nhiều khổ, không biết nhàm chán thấy đủ.

Hoặc có lúc hành phiền não. Lại ở nơi phiền não mà hành tham, sân... không quyết định, không phải tức ở trong đây hành có tham rồi lại hành không tham, hành không tham rồi lại hành có tham...

Như vậy ở trong nghĩa tạp nhiễm đây, nên biết hiển bày sự ấy bằng các thí dụ giả lập.

d. Do 3 chủng tướng nên biết tướng thanh tịnh của tâm: 1. Vì tướng không thể đặc; 2. Vì tướng vô vi; 3. Vì tướng chủng tánh.

Tướng không thể đặc: nếu không như lý siêng tu riêng khác mà cầu tâm thanh tịnh, thì không thể chứng đắc. Nếu do như lý siêng tu, liền năng chứng đắc.

Tướng vô vi: chẳng thể quán thấy ngôn thuyết tự tánh để thấy tướng chân như. Tướng vô vi đây do quán sát 9 chủng tướng: 1. Vì chẳng hành “đời”; 2. Vì chẳng phải như ở Diệt tận định, ngôn thuyết tự tánh không thể đặc; vì tướng chân như khả đắc tức là tướng không hai; 3. Vì chẳng phải tướng thân sanh; 4. Vì vượt quá tướng tự tánh nhân của thân sanh; 5. Vì vượt quá sanh đương lai; 6. Vì vượt quá chết; 7. Vì vượt quá sát-na triển chuyển không xa lìa; 8. Vì vượt quá các đường, chuyển đổi; 9. Vì vượt quá nghiệp phiền não hành.

Tướng chủng tánh: nên biết là tướng của cõi vô học, ở trong hiện pháp vượt quá 5 sự: 1. Vượt quá sở tác; 2. Vượt quá chẳng phải sở tác; 3. Vượt quá sở tác gia hạnh; 4. Vượt quá sở tác chẳng phải gia hạnh; 5. Vượt quá chẳng phải sở tác, gia hạnh.

Ở trong hậu pháp vượt quá 6 sự: 1. Vượt quá năng phát khởi hành hậu hữu; 2. Vượt quá hành hậu hữu kia; 3. Vượt quá quả của kia sanh; 4. Vượt quá nương suy thành của kia; 5. Vượt quá trong tất cả vô ký, động chuyển của sở y kia, tu học, mong muốn, thọ dụng; 6. Vượt quá sở y tự thể sai biệt của kia.

Cũng do 4 vị và 9 tướng nên biết tướng chủng tánh.

Bốn vị: 1. Vị không thanh tịnh; 2. Vị thanh tịnh; 3. Vị thông đạt; 4. Vị cứu cánh.

Chín tướng: 1. Hoặc ở vị không thanh tịnh, tức vì ở khắp tất cả tướng thuận theo đó mà hành, thí như hư không; 2. Hoặc ở vị thanh tịnh, thì duy chỉ một vị bình đẳng và thân tâm xa lìa; 3. Hoặc ở vị thông đạt, thì thuận theo hướng đến rốt ráo, do tất cả phiền não tự tánh lìa hệ buộc, lìa cấu nhiễm, siêu vượt các thân và siêu vượt kia làm căn bản của các kiến hướng đến ác; 4. Hoặc ở vị cứu cánh thì thành tựu trọn vẹn an lạc và siêu vượt ba chủng biến hoại. Những gì gọi là ba chủng biến hoại? 1. Biến hoại do lão tử...; 2. Biến hoại do xứ điên đảo; 3. Biến hoại do thối thất thanh tịnh.

9. Sở học Thanh văn ở trong dạy trao Bồ-tát: Vì các tham ưu Tỳ-nại-da chính là gia hạnh tăng thượng giới học. Vì tác ý yếm hoạn chính là gia hạnh tăng thượng tâm học. Vì bổ-đặc-già-la tánh vô ngã, hoặc pháp tánh vô ngã chính là gia hạnh tăng thượng tuệ học.

Trong đây, tham ưu chính là năng phát khởi hủy phạm. Lại do 4 tướng đây: như đang không trừ khiển; như đã không trừ khiển; như đang trừ khiển; như đã trừ khiển. Nên biết tự tâm không như lý tác ý phát khởi tham dục thân kiến cùng với sân khuể.

Hoặc do cảnh giới, hoặc lại do người mà khởi kế chấp hư vọng, như vậy gọi là đang không trừ khiển. Hoặc do cảnh giới, hoặc do người làm những việc không nhiều ích mà bị dẫn đoạt, như vậy gọi là đã không trừ khiển. Do một đây không trừ khiển, nên biết một kia cũng không trừ khiển. Do một đây trừ khiển, nên biết một kia cũng lại trừ khiển.

Lại nếu không trừ khiển, tuy trụ luật nghi đối với tăng thượng giới vẫn còn gọi là hủy phạm, huống là an trụ bất luật nghi.

Lại, tăng thượng tâm học thì nơi sở duyên

cảnh tán loạn lao xao là năng chướng ngại.

Lại nếu nương bổ-đặc-già-la vô ngã mà tu tăng thượng tuệ, thì thân kiến là năng chướng ngại. Nếu nương pháp vô ngã mà tu tăng thượng tuệ, thì phân biệt kế chấp phược tự tánh sai biệt là năng chướng ngại.

Ở trong ba học, chánh tu trừ khiển có 8 chủng trái ngược pháp học và có tám chủng thuận theo pháp học. Những gì là tám? 1. Vì đấm trước hoang đường; 2. Vì đấm trước nên phược; 3. Vì phược nên chướng ngại; 4. Vì chướng ngại nên cấu nhiễm; 5. Vì cấu nhiễm nên tai hoạnh; 6. Vì tai hoạnh nên ung nhọt; 7. Vì ung nhọt nên nhiệt não; 8. Vì nhiệt não nên các bệnh phiền não khó thể trị liệu. Trái với tướng đây nên biết tức là tám chủng thuận theo pháp học.

10. Sa-môn không khéo học: Nên biết có 3 chủng: 1. Không nghĩ tướng đến việc của Sa-môn; 2. Hình tướng tương đồng; 3. Quĩ tắc, chánh mạng, thọ dụng, gia hạnh, giới, kiến, ý lạc đều không tương đồng.

Nếu tu tập năng hướng đến vật nuôi thân, thì

hình tướng tương đồng là tăng thượng giới, hình tướng tương đồng là tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ; không tương đồng là hành ý lạc...

Nếu hướng đến danh tiếng, thì hình tướng tương đồng là chi Xa-ma-tha, hình tướng tương đồng là chi Tỳ-bát-xá-na, hình tướng tương đồng là đồng tu cả hai chi, hình tướng tương đồng là tư lương của cả hai chi; không tương đồng là ý lạc.

Lại do 3 chủng tướng nên biết Sa-môn kia được gọi là không đúng như nghĩa: 1. Ý lạc suy tổn, gia hạnh đầy đủ; 2. Ý lạc đầy đủ, gia hạnh suy tổn; 3. Ý lạc suy tổn, gia hạnh suy tổn.

Trong đây ý lạc suy tổn, gia hạnh đầy đủ lại có 3 chủng: 1. Năng lắng nghe, chỉ vui đủ ở nơi việc đây; 2. Năng thuyết, chỉ vui đủ ở nơi việc đây; 3. Năng chứng tam-ma-địa thế gian mà sanh ái vị, chỉ vui đủ ở nơi việc đây. Nếu là Sa-môn học thiện, chỉ có một tướng nên biết đó là ý lạc đầy đủ, gia hạnh đầy đủ.

11. Sa-môn khéo học: Nên biết có 4 chủng tướng: 1. Vì gia hạnh; 2. Vì ý lạc; 3. Vì thông đạt; 4. Vì hướng đến cứu cánh. Tức là ở trong hiện

pháp vì gia hạnh nhằm chán họa hoạn, ở đời trước vì gia hạnh tương tục thành thực, do đây nên gia hạnh viên mãn.

Vì ý lạc thắng giải pháp vô ngã, hoặc điều nên đắc, hoặc chỗ nên đắc; vì ở nơi hai ngôn thuyết tự tánh đây không chấp trước; vì ở nơi ý thú nghĩa chân chánh tìm hiểu; vì không chỉ thuận theo ngôn từ, do đây nên ý lạc viên mãn.

Vì đối với pháp chân như, không duyên trí người mà năng thông đạt tự tánh không tạp nhiễm; vì tự tánh trói buộc của bảo thể tục (sự quý báu của thế tục) và sanh tử thế tục, giải thoát Niết-bàn đều vô sở đắc, do đây nên thông đạt viên mãn.

Vì đã khéo tu tập đối trị tất cả tạp nhiễm, lại ở nơi chân như không đoạn trừ hoại diệt, vì năng thắng phục, do đây nên hướng đến cứu cánh viên mãn.

12. Trụ thế tục luật nghi: Nên biết có 4 chủng tướng. Tuy thành tựu 6 chi giới, mà do 2 chủng tổn hại khiến tổn hại giới, đó là: 1. Do thân kiến triền; 2. Do ở nơi hủy phạm, ra khỏi, xa lìa, không thể rõ biết.

Tuy xa lìa hai chủng lỗi lầm đây, nhưng chưa đắc thanh tịnh luật nghi thế gian, nên không thể chế phục thân kiến.

Tuy đã đắc thanh tịnh luật nghi thế gian, đã chế phục thân kiến, nhưng không tổn giảm, thường xuyên tập pháp tánh vô ngã, do đây sợ hãi tổn hoại giới.

Tuy xa lìa tất cả lỗi lầm còn sót lại, nhưng bị tà hiểu biết pháp vô ngã và tăng thượng mạn, nên tổn hoại giới.

13. Trụ thắng nghĩa luật nghi: Sự thành tựu của luật nghi xuất thế gian đây không tương ưng tất cả phiền não, năng đối trị phiền não ba cõi. Lại ở trong bốn chủng trụ luật nghi, nếu các pháp hý luận hiện khả đắc năng tịch tĩnh tương kia, nên biết đây gọi là vô lậu giới.

Sao gọi là các pháp hý luận? Ở trong trụ luật nghi ban đầu, hoặc chấp ngã khả đắc, hoặc chấp ngã sở; hoặc tạo tác hủy phạm, hoặc không tạo tác kia; hoặc thực hành gia hạnh tư, hoặc chẳng phải gia hạnh kia; hoặc chánh biết mà hành, hoặc không hành kia; hoặc thất niệm mà hành,

hoặc không hành kia.

Ở trong trụ luật nghi thứ hai, hành chuyển theo phẩm thô trọng thân kiến, hoặc danh khả đắc, hoặc sắc khả đắc, hoặc tướng sanh đương lai, hoặc tướng không hiện tại, hoặc triền tịch tĩnh, hoặc tùy miên nên kia không tịch tĩnh, hoặc chấp bổ-đặc-già-la vô ngã, hoặc xả bỏ chấp bổ-đặc-già-la, hoặc tức ở trong chấp bổ-đặc-già-la vô ngã kia kế chấp tánh, hoặc không kế chấp tánh, hoặc do đây nên ở trong sắc... chấp hữu tình, hoặc giả sử chấp thiện khen ngợi kia, hoặc năng giả sử tâm ngữ, giả sử khen ngợi, chấp thiện.

Ở trong trụ luật nghi thứ ba, hoặc vì sanh thượng nên thế gian, hoặc vì hạ xả nên chẳng phải thế gian, hoặc y nương tam-ma-địa, hoặc nương các dục, hoặc y dựa giới của mình, hoặc khinh miệt giới của người.

Ở trong trụ luật nghi thứ tư, hoặc kế chấp “Giới của ta thanh tịnh”, hoặc do phân biệt tự tánh sai khác, phân biệt giới luật.

Hết thấy các pháp hý luận như vậy, ở trong vô lậu giới tất cả đều tịch tĩnh. Lại tức nghĩa đây tương ứng cùng nương ba học thanh tịnh, nên biết

thuyết là Già-đà. Vì trần cấu mỏng nhẹ, vì nhiếp thọ thiện sĩ không hoại mất, nên biết đây thành tựu tư lương phước đức. Vì ở nơi xứ thẳm sâu phát khởi thắng giải, nên biết khiến thành tựu tư lương trí tuệ.

Do 2 nhân duyên khiến thâm nhập lời dạy của Như Lai: 1. Do pháp trụ trí nên liễu biệt sâu xa; 2. Do chân thật trí nên được khéo léo quyết định.

14. Phương tiện điều phục của chư Như Lai: Đây có 2 chủng: 1. Vì tự thể đồng phận; 2. Vì thắng giải đồng phận.

Lại thị hiện đồng phận, vì khiến tâm an trụ lãnh thọ lời dạy và vì nương dạy trao mà ra khỏi xa lìa.

Lại gia hạnh chân chánh dạy dẫn dạy trao thanh tịnh có 4 chủng: 1. Dạy dẫn trong việc ở nơi thanh tịnh tạp nhiễm nhằm sợ chuyển y; 2. Dạy dẫn khiến xa lìa nhân duyên tạp nhiễm; 3. Dạy dẫn khiến xa lìa nhân duyên nhằm sợ thanh tịnh; 4. Dạy dẫn khiến gia hạnh hiện pháp lạc trú bậc nhất.

Trong đây nhân duyên tạp nhiễm có 2 chủng:
1. Do ngôn thuyết thế tục tự tánh, phân biệt kế chấp tự tánh tạp nhiễm; 2. Do phân biệt kế chấp công đức, lỗi lầm sai biệt của kia.

Do hai chủng tướng nên biết nhân duyên nhằm sợ đạo thanh tịnh: 1. Do phân biệt ở trước sau đạo thanh tịnh, tạp nhiễm; 2. Do phân biệt xa lìa tạp nhiễm.

Do hai chủng tướng nên biết nhân duyên nhằm sợ đối với Niết-bàn thanh tịnh: 1. Do chấp ngôn thuyết thế tục tự tánh; 2. Vì ở trong tướng tăng ngữ “Niết-bàn”, khởi tướng tâm sở hữu. Lại vì ở nơi tịch tĩnh khởi tướng tâm sở hữu, hoặc vì tướng tăng ngữ “khấp rõ biết”. Đều xa lìa 2 nhân duyên như vậy, nên biết đây là trụ gia hạnh dạy dẫn bậc nhất.

15. Ngôn ngữ mật ý: Là trí tướng không hai, chính tướng đây tức năng ngộ nhập tất cả ngôn ngữ mật ý.

Sao gọi là tướng không hai? Vì các danh lời đặt để cho tất cả sự việc, tự tánh của chúng không chỗ có. Vì sở hành của tướng huân tập các danh lời

kia, tự tánh chẳng phải có. Đây thuyết là không hai. Ở nơi không hai đây mà khởi chấp hai, gọi là tạp nhiễm; nếu không chấp hai, gọi là thanh tịnh.

Lại vì tất cả danh lời đặt để cho tất cả sự việc, do ngôn thuyết thế tục nên sở hành của tướng huân tập danh lời, tự tánh chẳng phải không chỗ có. Vì sở hành của trí huân tập kia, tự tánh chẳng phải có. Đây thuyết là không hai. Ở nơi không hai đây mà khởi chấp hai, gọi là tạp nhiễm; nếu không chấp hai, gọi là thanh tịnh. Do tướng không hai đây, nên biết ngộ nhập tất cả ngôn ngữ mật ý Như Lai. Trong đây do năm chủng tướng gọi là luận viên mãn. Tức trong “dạy trao”, do năm chủng tướng gọi là quả viên mãn, do năm chủng tướng gọi là quả thắng lợi viên mãn, nên biết đều nương ngôn ngữ mật ý.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là luận viên mãn? Hoặc do tuyên thuyết tướng đây; hoặc là tuyên thuyết; hoặc sở tuyên thuyết; hoặc tuyên thuyết như vậy; hoặc tuyên thuyết kia, như vậy viên mãn.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là quả viên mãn? Hoặc Vô dư y Niết-bàn giới; hoặc Hữu dư y

Niết-bàn giới; hoặc viên mãn Thánh đạo; hoặc thắng nội oán; hoặc thắng ngoại oán, như vậy viên mãn.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là quả lợi ích thù thắng viên mãn? Tức là cúng dường Đại sư, báo ân tín thí, vượt khổ sanh tử, không thối chuyển nơi tánh phước điền, từ pháp hóa sanh, gọi là con Như Lai, y chỉ Như Lai.

16. Lợi ích thù thắng của thắng giải trong tạng dạy trao Bồ-tát: Đây do 5 chủng tướng: 1. Khi kiến lập nhân, tức ngẫm soi chiếu khiến nhân tăng thượng chiêu cảm giàu sang lớn; 2. Do chuyển y; 3. Do ở xứ đây tác thuyết về khí; 4. Do người tác thuyết khí; 5. Do lúc xả thân được thấy nghiệp thanh tịnh.

Do 5 chủng tướng nên biết ngẫm soi chiếu khiến nhân tăng thượng chiêu cảm giàu sang lớn, chỗ gọi nhân đây vì năng dẫn quả có lượng, vô lượng; vì pháp có tận, vô tận; vì chiêu cảm lạc rộng lớn, không rộng lớn; vì tự tánh trí, tư lương trí; vì do đây năng dẫn kia.

Lại do xa lìa 6 chủng lỗi lầm của thân hành.

Những gì gọi là 6 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm của tướng ưu sầu; 2. Lỗi lầm do không hiểu biết luôn luôn huân tập; 3. Lỗi lầm do hai chủng tướng oai nghi; 4. Lỗi lầm do ba chủng tướng kinh sợ; 5. Lỗi lầm do hai chủng tướng át-ly-sắc-trá; 6. Lỗi lầm do thân không điều nhu.

Lại ở tướng vui mừng, vắn an, nên biết xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ngũ hành. Những gì là 5 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do khiếp sợ; 2. Lỗi lầm do thô lỗ; 3. Lỗi lầm do xả bỏ lời Phật, tạo tác hý luận không tương ưng; 4. Lỗi lầm do không tán thán Như Lai; 5. Lỗi lầm do đối với người đồng pháp, không mở lời khuyên răn.

Lại lúc ký biệt điều đã thấu đạt, xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ngũ hành. Những gì gọi là 5 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do bị thất niệm ở nơi điều chứng đắc; 2. Lỗi lầm do ngôn ngữ trước sau trái nhau; 3. Lỗi lầm do đạo lý trái nhau; 4. Lỗi lầm do kính tin thánh giáo, quả trách chư thiên; 5. Lỗi lầm do chê bai Như Lai.

Lại xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ý hành. Nương nghĩa hiện pháp có 4 chủng trước, nương nghĩa hậu pháp có chủng thứ năm. Những gì gọi là 5

chúng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do không nhẫn, vì ở nơi các việc không nhiều ích ở hiện tại và quá khứ không thể nhẫn thọ; 2. Lỗi lầm do che giấu và do ác tác thiêu não; 3. Lỗi lầm do tham nhiễm, vì hy cầu các dục và thọ dụng, vì hy cầu xa lìa oán; 4. Lỗi lầm do lạc mất chánh niệm, vì nhiếp thọ tà kiến và tâm mê loạn đối với gia hạnh đoạn; 5. Lỗi lầm do kỳ nguyện, vì tự khinh mình, xa lìa sự gia trì rộng lớn của chư Phật, Bồ-tát, xa lìa nguyện vì diệu quốc độ của chư Phật; vì ý lạc nhỏ bé dẫn phát pháp của chư Phật; vì ở tất cả pháp thế gian thù thắng hưng thịnh sai biệt lại khởi kiêu mạn và vì nguyện kia.

Ở trong phân biệt tạng dạy trao Bồ-tát, vô lượng sự nêu ra giải thích lợi ích thù thắng của thắng giải, nên biết lợi ích thù thắng của thắng giải có vô lượng vô số.

Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 16. HỮU DƯ Y ĐỊA
Thứ 17. VÔ DƯ Y ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Bồ-tát địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch hai địa là **Hữu dư y** và **Vô dư y**. Ớt-Đà-Nam nói:

*Lìa hệ, cùng thọ hành
Chuyển y, trụ, sai khác
Có, thường, lạc, thù thắng
Tánh khác, tự tại thấy.*

Hỏi: Ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới lúc hiện tại chuyển, nên nói là lìa hệ buộc hay nên nói là không lìa hệ buộc của tất cả phiền não?

Đáp: Nên nói là lìa hệ buộc.

Hỏi: Ở tất cả khổ nên nói là lìa hệ buộc hay nên nói là không lìa hệ buộc?

Đáp: Nên nói cũng lìa hệ buộc, cũng không lìa hệ buộc. Vì cơ sao? Nếu vị lai sanh sở hữu các khổ, nên nói lìa hệ buộc. Nếu hiện tại sanh sở hữu các tâm khổ, cũng nên nói lìa hệ buộc. Nếu hiện tại

thân đang bị đói khổ, khát khổ, các giới của thân không điều hòa khổ, thời tiết biến chuyển khổ và sở hữu tất cả bức bách của khổ khác, nên nói là không lìa hệ buộc. Đây do hành hiện tiền, không do sự trói buộc của các phiền não.

Hỏi: Tất cả chư A-la-hán đều đắc tâm tự tại, nhân duyên nào không xả thọ hành mà nhập Bát-niết-bàn? Tuy có khổ bức bách vẫn thọ lâu được ư?

Đáp: Vì công năng có sai biệt. Vì có sao? Có một phần A-la-hán năng xả thọ hành, có một phần không năng xả. Có một phần năng tăng thêm thọ hành, có một phần không năng tăng thêm.

Hỏi: Nếu A-la-hán như trên sở hữu sáu xứ sanh khởi, tức như vậy trụ tương tục bất diệt không có biến đổi. Lại có những tánh chuyển y nào khác mà chẳng phải sáu xứ tương tục chuyển? Nếu không có chuyển y khác, nhân duyên nào nên trước sau hai chủng sở y giống nhau? Từ nay về sau phiền não chẳng chuyển, chỉ có Thánh đạo chuyển ư?

Đáp: Các A-la-hán thật có chuyển y. Nhưng không thể nói chuyển y đây và sáu xứ kia tánh khác hay không khác. Vì có sao? Do chuyển y đây là chỗ hiển chân như thanh tịnh, do chủng tánh

chân như, chủng tử chân như, chân như tập thành. Nhưng không thể nói chân như kia và sáu xứ ấy tánh khác hay không khác. Nghĩa “không thể nói” như trước đã biện. Cho nên nếu có người hỏi sở đắc chuyển y và sáu xứ ấy là khác hay không khác, tức hỏi không như lý. Nếu thể của chuyển y đây không có, tức có lỗi lầm như trước đã thuyết. Vì có sao? Vì lúc ấy các A-la-hán lẽ phải hành phiền não, không hành chánh đạo. Cho nên biết có tánh chuyển y. Thế Tôn nương tánh thể chuyển y đây mật ý thuyết rằng: “Trong tự tánh biến kế, do hai chủng có chấp và không chấp tập khí, nên thành tạp nhiễm. Thanh tịnh là hữu lậu giới, là vô lậu giới, là chuyển y thanh tịnh, không gì vượt hơn”. Như kẻ đồ tể và tô tở của kia dùng dao bén giết bò rồi, lóc thịt, gân, cốt, xương... thành từng phần riêng, lại căng da bò dài ra để làm đồ che. Do đây nên nói bò cùng da đây không phải lìa, không phải hợp. Như vậy, các A-la-hán đã đắc chuyển y, dùng dao tuệ bén đoạn tận tất cả kiết phược tùy miên, tùy phiền não triền rồi, nên nói cùng da sáu xứ kia không phải lìa, không phải hợp.

Lại các bậc quán hành đã chuyển y rồi, tuy

nắm giữ các tướng, nhưng so với chỗ nắm giữ xưa có sự sai khác. Tướng nắm giữ đây giống như bên trong tự chứng đặc chân như, không thể dùng lời nói chỉ bảo cho người: “Tôi đã quán được tướng như vậy, như vậy...”.

Hỏi: Các A-la-hán an trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, đối với Vô dư y Niết-bàn giới sẽ Bát-niết-bàn trụ những tâm gì?

Đáp: Không lại tư duy tất cả tướng, chỉ chân chánh tư duy chân vô tướng giới, lần hồi nhập Diệt định, diệt chuyển thức... Kế đến xả chỗ nương tựa của thức dị thực. Do không nắm giữ thức dị thực, nên các chuyển thức... chẳng sanh trở lại, chỉ còn lại chân pháp giới thanh tịnh vô vi là cấu. Ở trong cõi giới đây Bát-niết-bàn rồi, không sanh trở lại trong số thân trời, rồng, dục-xoa, kiện-đạt-phước, khản-nại-lạc, a-tố-lạc, người... Tóm lại, chư A-la-hán đây không sanh trở lại trong số các loài, chỗ có giả tướng thi thiết hữu tình trong khắp mười phương tất cả cõi giới, tất cả thú, tất cả sanh, tất cả sanh loại, tất cả thân được, tất cả loại sanh thù thắng, tất cả địa. Vì có sao? Do chân giới đây là các hý luận, chỉ người bên trong

tự chứng đắc thành tựu trọn vẹn.

Hỏi: Chư A-la-hán đã Bát-niết-bàn, ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới và ở trong Vô dư y Niết-bàn giới có sai khác gì?

Đáp: Trụ Hữu dư y ở tại số các chúng loài, trụ Vô dư y không đọa trong số các chúng loài. Trụ Hữu dư y vẫn còn các khổ, trụ Vô dư y vĩnh viễn xa lìa các khổ. Trụ Hữu dư y, chỗ được chuyển y vẫn còn tương ứng với sáu xứ, trụ Vô dư y vĩnh viễn không tương ứng.

Hỏi: Nếu trong Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn, chỗ được chuyển y vĩnh viễn không tương ứng cùng sáu xứ, vị kia đã không có sở y sáu xứ, sao được gọi là trụ?

Đáp: A-la-hán đã được chuyển y chẳng phải sáu xứ làm nhân. Nhưng kia chỉ dụng duyên cảnh chân như tu đạo làm nhân, cho nên sáu xứ dù có hay không vẫn không khiến chuyển y thành tánh biến đổi, hướng là diệt mất. Lại giới đây chẳng phải chỗ biến tri, chẳng phải chỗ khá có thể đoạn, nên không thể diệt.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Bát-niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn rồi, chỗ được chuyển y nên nói là có,

hay nói là chẳng phải có?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Nên nói có tướng nào?

Đáp: Tướng không hý luận. Lại có tướng pháp giới thiện thanh tịnh.

Hỏi: Nhân duyên nào nên nói là có?

Đáp: Ở trong Hữu dư y và Vô dư y Bát-niết-bàn giới, tánh chuyển y đây đều là pháp vô động. Nếu là pháp vô động mà trước có sau không thì không đúng đạo lý.

Lại pháp tánh đây không phải do nhiều duyên sanh, không sanh không diệt, thí như tánh tịnh của nước, thí như tánh mềm mại của chân kim, thí như tánh hư không là mây, sương mù. Cho nên chuyển y nói là có.

Hỏi: Nên nói là thường, hay nói là vô thường?

Đáp: Nên nói là thường.

Hỏi: Nhân duyên nào nên nói là thường?

Đáp: Vì chỗ hiển của chân như thanh tịnh, vì không do duyên sanh, vì không sanh không diệt.

Hỏi: Nên nói là lạc, hay nói là không phải lạc?

Đáp: Do thắng nghĩa lạc nên nói là lạc, chẳng

do thọ lạc mà gọi là lạc. Vì cố sao? Bởi đều vượt qua tất cả phiền não và khổ phát sanh vậy.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, người đã Bát-niết-bàn có ít phần ý thú khác biệt không?

Đáp: Tất cả không có. Vì cố sao? Trong giới đây chẳng thể an lập phẩm hạ, trung, thượng khả đắc, chẳng thể thi thiết cao thấp hơn kém đây là Như Lai, đây là Thanh văn...

Hỏi: Nhân duyên nào không có sự sai khác? Vì cố sao? Các Thanh văn... có chướng sót thừa, ở trong Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Phật vĩnh viễn không còn tất cả chướng.

Đáp: Trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, có thể an lập có chướng, không chướng khả đắc. Trụ trong Vô dư y Niết-bàn giới rốt ráo không chướng, không thể an lập có chướng, không chướng sai biệt. Vì cố sao? Vì trong giới đây, tất cả các tướng và các thô trọng đều vĩnh viễn đoạn dứt, đều vĩnh viễn diệt tận. Vì cố sao? Khi các A-la-hán trụ Hữu dư y Niết-bàn giới, tất cả các tướng chẳng phải vĩnh viễn diệt, dị thực thô trọng cũng chẳng phải vĩnh viễn diệt. Cho nên nói kia có phiền não tập khí, tức quán đãi tướng kia và thô trọng của kia mà an lập

có chướng. Khi trụ Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả phiền não tập khí kia vĩnh viễn không có. Cho nên nên biết ở trong giới đây không an lập có chướng, không chướng sai biệt.

Hỏi: Nếu trong giới đây vĩnh viễn không có chướng, như chư Như Lai lìa tất cả chướng, A-la-hán... cũng lại như vậy, nhân duyên nào mà A-la-hán... không đồng làm các Phật sự như chư Như Lai?

Đáp: Bởi các A-la-hán thiếu sự tu tập “Bổn hoàng nguyện”. Lại do chủng loại chủng tánh của kia, nên A-la-hán... quyết định Bát-niết-bàn mà không khởi ý lạc trở lại. Cho nên không thể làm Phật sự.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, sở hữu vô lậu giới đây và các sắc nên nói là có khác hay nên nói là không khác?

Đáp: Nên nói chẳng phải có khác, cũng chẳng phải không khác. Như cùng các sắc, thì cùng các thọ... cùng tất cả hành, cùng tất cả giới, cùng tất cả đường cũng lại như vậy.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, ở nơi các pháp như sắc... nên nói là được tự

tại, hay nói không được tự tại?

Đáp: Nên nói là được tự tại.

Hỏi: Chỗ được tự tại đây nên nói là năng hiện tại tiền, hay nói là không năng hiện tại tiền?

Đáp: Một phần năng hiện tại tiền, một phần chẳng năng hiện tại tiền. Đó là chư Như Lai ở trong Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn rồi năng hiện tại tiền, còn lại chẳng năng hiện tại tiền.

Hỏi: Nếu trong giới đây lia các hý luận, do nhân duyên đây không thuộc trong số các loài. Sao gọi là lại năng khởi hiện tại tiền?

Đáp: Do trước phát khởi chánh hoằng nguyện, lại do tu tập đạo thế lực giống như kia. Thí như có người đang nhập Diệt tận định, tuy không khởi nghĩ: “Ta đang ở diệt định, sẽ trở lại xuất, hoặc xuất rồi trụ”. Nhưng do lực gia hạnh từ trước nên từ định mà xuất, nương có tâm hành mà phát khởi du hành. Nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

Hỏi: Thanh văn hồi hướng Bồ-đề là trụ trong Vô dư y Niết-bàn giới, hay là trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, mà năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ?

Đáp: Chỉ trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, việc đây mới có thể xảy ra. Vì có sao? Bởi trong Vô dư y Niết-bàn giới xa lìa tất cả phát khởi sự nghiệp, tất cả dụng công thấy đều dừng dứt.

Hỏi: Nếu chỉ trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới mới năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sao nói là chỉ do một lần sanh liền năng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Vì có sao? A-la-hán... một lần sanh lại hãy còn không có, hà huống có nhiều đời sanh tương tục.

Đáp: Do vị kia cần phải tăng các thọ hành mới năng thành tựu trọn vẹn việc đây. Thế Tôn phần nhiều nương Thanh văn hồi hướng Bồ-đề mà mật ý thuyết rằng: “Thiện nam tử! Nếu có người khéo tu tập bốn thân túc rồi, năng trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp”. Trong đây hơn một kiếp ý nói quá một kiếp. Vị kia tuy tăng thêm thọ hành như vậy, năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhưng sự tu hành cực thành trì trệ. Bởi vui Niết-bàn nên không như sơ phát tâm của Bồ-tát. Vị kia lúc tăng hành thọ rồi, lưu thân có căn, tạo làm hóa thân khác đồng pháp trước phương tiện thị hiện ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-

bàn. Do nhân duyên đây, mọi người đều khởi nghĩ: “Tôn giả cao danh như thế ở nơi Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn”. Vị kia dụng chỗ lưu thân có căn thật, ở trong cõi châu Thiệm-bộ đây tùy theo sở thích mà an trụ hay du hí. Tất cả chư thiên hãy còn chẳng thể thấy, hà huống chúng sanh mà có thể thấy được. Vì vị kia nhiều lạc trú Niết-bàn, lại du hành khắp các thế giới thân cận cúng dường chư Phật, Bồ-tát, cùng ở trong các Thánh đạo tu tập tư lương Bồ-đề. Nếu lúc phóng dật, được chư Phật, Bồ-tát luôn luôn giáo hóa khiến giác ngộ. Vị kia được giác ngộ rồi, an trụ nơi tu hành, không còn phóng dật.

Hỏi: Nếu A-la-hán hồi hướng Bồ-đề liền năng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhân duyên nào tất cả A-la-hán chẳng đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề?

Đáp: Do chủng tánh kia có sự sai biệt. Vì có sao? Hiện thấy chủng tánh các A-la-hán có nhiều sai biệt. Đó là hoặc thấy có các A-la-hán câu phần giải thoát, hoặc lại thấy chỉ có A-la-hán tuệ giải thoát, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Cho nên nên biết do chủng tánh của kia có sự sai

biệt, nên chẳng phải tất cả A-la-hán đều năng hồi hương Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Thanh văn hồi hương Bồ-đề, hoặc ở địa vị học tức năng xả bỏ nguyện Thanh văn, hoặc ở địa vị vô học mới năng xả bỏ. Do căn tánh của kia có sai biệt, chỗ chờ đợi, gặp gỡ các duyên cũng có sai biệt. Như Thanh văn hồi hương Bồ-đề, do gặp duyên nên cưỡi xe Vô thượng thừa mà Bát-niết-bàn. Giả sử có Bồ-tát bị Như Lai và chư Bồ-tát khác xả bỏ, nhân duyên xả bỏ đây nếu gặp duyên mới vui thích thừa hạ liệt, bèn cưỡi xe hạ thừa mà Bát-niết-bàn. Nhưng không được chư Phật, Bồ-tát dung thọ. Như vậy trong đây việc giả sử chư Bồ-tát có phóng dật và bị xả bỏ quyết định không xảy ra.

Lại nữa, Thanh văn hồi hương Bồ-đề nếu theo đó chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, lúc ấy tức đồng Như Lai ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn.

Hỏi: Từ xưa đến nay Thanh văn hồi hương Bồ-đề nên nói là chủng tánh Thanh văn, hay nói là chủng tánh Bồ-tát?

Đáp: Nên nói thuộc chủng tánh bất định. Thí như an lập tự các loại hữu tình bất định, trong tự

pháp tánh Bát-niết-bàn nên biết đây là chủng tánh bất định.

Lại nữa, lúc vị kia trụ ở xứ đây chuyển, không sợ chết, cũng không sợ lão, bệnh... Như Lai cũng vậy. Lúc vị kia cùng các bậc khác ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, ở mười phương giới hiện làm vô số việc lợi ích tất cả hữu tình nên biết rõ ràng chẳng thể nghi bàn. Như trong *Tam-Ma-Địa Thủ-Lăng-Già-Ma* thuyết, dụ như thầy huyền, hoặc dụ thương chủ, hoặc dụ thuyền trưởng, nên biết trong đây đạo lý cũng vậy. Đây gọi là vô cùng bí mật của Như Lai. Ở đây cũng có vô số mật ý sai biệt khác, như mật ý Như Lai về *Thắng giải hành địa*. Đó là khi Bồ-tát tu hành phẩm hạ nhãn chuyển, theo đó thắng giải sai biệt triển chuyển. Từ đây triển chuyển thắng tiến nhập *Tăng thượng ý lạc địa*, cho đến địa thứ chín. Các địa càng về sau, thắng giải thanh tịnh càng triển chuyển tăng trưởng. Trong địa thứ mười, thắng giải đây đã đạt đến thiện thanh tịnh cùng tột. Ở trong đây, chư Bồ-tát nên chân chánh tùy chuyển các bí mật của chư Như Lai. Nên biết bí mật của chư Như Lai như vậy không thể nghi bàn, không thể so lường, vượt

quá tất cả cảnh giới so lường.

Hỏi: Ở nơi pháp quyết trạch, nghĩa chung thế nào?

Đáp: *Do phẩm loại sai khác
Mà kiến lập các pháp,
Nơi kia giải thích khó
Phân biệt một hành thầy.*

Như vậy nên biết đó là nghĩa chung. Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm. Nên biết trong mỗi mỗi địa kia đều có vô lượng quyết trạch sai biệt. Ta nay chỉ lược khai thị ít phần. Do phương hướng đây, do sở học đây, do dạy dẫn đây, những người có trí theo đó nên tư duy các loại còn lại.



Mục Lục

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Quyển 61

Thứ 3. Có Tâm Có Tứ Địa

Thứ 4. Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa

Thứ 5. Không Tâm Không Tứ Địa

Phần 4

7

Quyển 62

Thứ 6. Tam Ma Hí Đa Địa

Phần 1

47

Quyển 63

Thứ 6. Tam Ma Hí Đa Địa

Phần 2

71

Thứ 7. Phi Tam Ma Hí Đa Địa

87

Thứ 8. Hữu Tâm Địa

90

Thứ 9. Vô Tâm Địa

95

Quyển 64

Thứ 10. Văn Sở Thành Tuệ Địa

100

Quyển 65

Thứ 11. Tư Sở Thành Tuệ Địa

Phần 1

138

Quyển 66

Thứ 11. Tư Sở Thành Tuệ Địa

Phần 2

169

Quyển 67

Thứ 12. Tu Sở Thành Tuệ Địa 203

Thứ 13. Thanh Văn Địa
Phần 1 208**Quyển 68**Thứ 13. Thanh Văn Địa
Phần 2 237**Quyển 69**Thứ 13. Thanh Văn Địa
Phần 3 267**Quyển 70**Thứ 13. Thanh Văn Địa
Phần 4 305**Quyển 71**Thứ 13. Thanh Văn Địa
Phần 5 341**Quyển 72**Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 1 370**Quyển 73**Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 2 405**Quyển 74**Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 3 438

Quyển 75

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 4

478

Quyển 76

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 5

521

Quyển 77

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 6

555

Quyển 78

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 7

593

Quyển 79

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 8

644

Quyển 80

Thứ 15. Bồ Tát Địa
Phần 9

684

Thứ 16. Hữu Dư Y Địa

Thứ 17. Vô Dư Y Địa 715

Mục Lục 729

* * *

* * * * *

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Tập IV

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

270. Nguyễn Đình Chiểu Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Mai Thời Chính

Biên tập:

Công Bình – Thăng Long

Bìa và trình bày:

Trần Phú Nhạc

Khổ 14.5 x 20.5 cm, Số ĐKKHXB: 293 - 2010 / CXB / 41- 09/TN

Quyết định xuất bản số 449 / QĐ - TN / CN ngày 06 . 10 . 2010

In 1000 cuốn, tại XN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 - 2010